

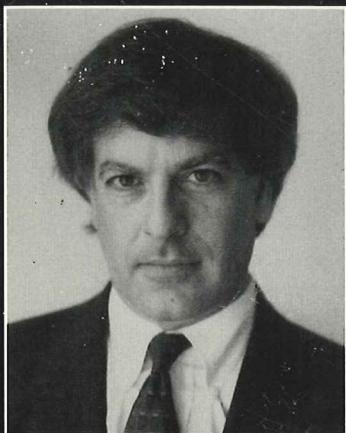


# THỜI ĐẠI MÊ SÁNG

BUỚC ĐƯỜNG SUY VONG VÀ SỤP ĐỔ

CỦA ĐẾ QUỐC LIÊN XÔ

DAVID SATTER



**TIỂU SỬ TÁC GIẢ:** Sinh năm 1947 tại Chicago, tác giả DAVID SATTER đã theo học và tốt nghiệp tại hai trường University of Chicago và Oxford University. Ông đã phục vụ như là phóng viên cảnh sát tại Chicago trong bốn năm. Vào

năm 1976 ông được chỉ định làm thông tín viên tại Moscow cho tờ *Financial Times* của London. Suốt

trong sáu năm phục vụ tại Moscow,

ông đã nổi tiếng với kiến thức sâu sắc về hệ thống chuyên chế của Liên Xô.

Sau khi hoàn tất nhiệm kỳ tại đây, ông đã trở thành thông tin viên đặc biệt đối với những vấn đề Liên Xô cho tờ *Wall Street Journal*, thường xuyên viết bài cho trang xã luận của tờ báo. Ông cũng đã viết cho nhiều tạp chí, bao gồm các tạp chí *New Republic, Reader's Digest, New York Review of Books, Encounter, National Interest, và National Review*.

Hiện ông là giới chức thâm niên của The Hudson Institute và là một học giả thỉnh giảng tại Johns Hopkins University Nitze School về những Nghiên Cứu Thế Giới Cấp Cao. Ông hiện đang viết một quyển sách về nước Nga sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Ông cư ngụ tại Washington, D.C., với vợ và ba con.

Giá: \$22.00 Mỹ Kim tại Hoa Kỳ

\$27.00 Mỹ Kim tại Canada

\$32.00 Mỹ Kim tại các nơi khác

# **THỜI ĐẠI MÊ SÁNG**

**Bước Đường Suy Vong  
và Sụp Đổ  
của Đế Quốc Liên Xô**

**DAVID SATTER**

*Chuyển ngữ:*  
**NGUYỄN VĂN HỮU  
ĐỖ HẢI MINH  
HOÀNG ĐÌNH KHUÊ**

*Trình bày:*  
**FILONG LEVAN**

**NGUYỄN NGỌC HUY FOUNDATION**

1234 SOUTH ST., LONG BEACH, CA 90805 -U.S.A.

E-mail: [dmccali@worldnet.att.net](mailto:dmccali@worldnet.att.net)  
TEL.: (562) 428-3857 FAX: (562) 422-7676

Copyright © 1999 by Nguyễn Ngọc Huy Foundation

All right reserved. No part of this book may be reproduced in any form or by any electronic or mechanical means including information storage and retrieval systems now known or to be invented, without permission in writing from the publisher, except by a reviewer who may quote brief passages in connection with a review written for inclusion in a magazine, newspaper or broadcast. Inquiries should be addressed to NGUYỄN NGỌC HUY FOUNDATION, 1234 South St., Long Beach, California 90805 –U.S.A.

Library of Congress Catalog Card Number  
97-066580  
Nguyễn Ngọc Huy Foundation

Thời Đại Mê Sảng: Bước đường suy vong và sụp đổ  
của Liên Xô/  
by David Satter. –1st ed.

p. cm

ISBN

i. Soviet Union – History. I. Title

Printed in the United States of America  
First Edition, 1999

*Hắn đã tìm thấy mũi nhọn Archimedean, nhưng hắn đã dùng nó để  
chống lại chính mình; dường như hắn được phép tìm ra nó chỉ với  
diều kiện này.*

-Franz Kafka

# MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	xí
LỜI TỰA	xv
DẪN NHẬP	xvii
CÂU CHUYỆN MỞ ĐẦU	3
1. ĐẢO CHÁNH	9
2. Ý THỨC HỆ	45
3. GORBACHEV VÀ ĐẢNG	65
4. NHỮNG NGƯỜI ĐI TÌM CHÂN LÝ	112
5. CÔNG NHÂN	151
6. KINH TẾ	209
7. BIÊN GIỚI	234
8. KGB	259
9. CHÁNH SÁCH ĐỐI NỘI	301
10. CỜI MỞ "GLASNOST"	341
11. GIỐNG NGƯỜI XÔ-VIẾT	364
12. NGUỒN CỘI CỦA CHỦ NGHĨA CUỒNG TÍN	409
13. UKRAINE	431
14. TÔN GIÁO	466
ĐOẠN KẾT	484
LỜI BẠT	509
TRI ÂN	517

## GIỚI THIỆU

NGUYỄN NGỌC HUY FOUNDATION xin được hân hạnh giới thiệu cùng quý độc giả quyển sách *THỜI ĐẠI MÊ SẢNG -Bước Đường Suy Vong và Sụp Đổ của Đế Quốc Liên Xô*, của tác giả David Satter. Đây là một quyển sách được viết bằng kinh nghiệm sống thực và làm việc của một thông tín viên Hoa Kỳ bên trong lãnh thổ Liên Xô gần hai thập niên qua. Khởi đầu là một thông tin viên trẻ cho tờ Financial Times của London tại đất Nga vào năm 1976 và sau đó cho nhiều tạp chí khác của Hoa Kỳ, tác giả đã có dịp đi nhiều nơi, gặp nhiều người, thấy tận mắt và tiếp xúc với những nạn nhân của chế độ chuyên chế Liên Xô trước và sau khi Liên Xô đã thật sự tan rã. Bằng giọng văn bình dị nhưng không kém phần lý thú, tác giả đã mô tả lại nội tình của Liên Xô qua 14 chương sách trải qua một khoảng thời gian hơn 15 năm sau cùng của đế quốc Liên Xô.

QUYỂN THỜI ĐẠI MÊ SẢNG là một công trình chuyển ngữ tập thể do đóng góp của quý anh Nguyễn Văn Hữu, Đỗ Hải Minh, và Hoàng Đình Khuê, tập chú phản ảnh trung thực tối đa nội dung mà tác giả David Satter đã lột tả. Trên thực tế, dù muốn dù không cũng không tránh khỏi những sơ sót, nhất là về kỹ thuật phiên dịch và trình bày. Trên tinh thần xây dựng, Nguyễn Ngọc Huy Foundation rất mong các bậc cao minh vui lòng bổ chính để những lần phát hành sau này sẽ được hoàn chỉnh hơn.

ĐẾ QUỐC LIÊN XÔ XÂY DỰNG trên nền tảng của chủ nghĩa cộng sản và đã hưng thịnh hơn nửa thế kỷ qua, nhưng cuối cùng đã bị sụp đổ trên chính sức nặng của nó. Sự mâu thuẫn nội tại của sự

vật trong biện chứng pháp duy vật không phá vỡ các chế độ chính trị dân chủ đa nguyên, kinh tế thị trường mà lại gây nội thương và khai tử đế quốc Liên Xô, cái nôi của chủ nghĩa cộng sản.

**NGÀY NAY TRÊN THẾ GIỚI** chỉ còn lại bốn quốc gia duy trì chủ nghĩa cộng sản và các kỹ thuật kèm kẹp dân chúng của chủ nghĩa này. Đó là Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba. Trong các quốc gia này Trung Quốc là quốc gia có ảnh hưởng đáng kể đối với Việt Nam. Trong thập niên 1990, Trung Quốc gần như là mô hình để Đảng Cộng Sản Việt Nam hướng theo trong việc áp dụng các đường lối và chính sách đổi mới. Tuy nhiên, đa số các đảng viên của Đảng Cộng Sản Việt Nam được đào tạo ở Liên Xô và Đông Âu. Do đó, lề lối suy nghĩ của họ không ít thì nhiều được bắt rễ từ hạ tầng cơ sở giáo dục này. Qua quyển sách, chúng ta hiểu rõ thêm về cấu trúc của chế độ Cộng Sản Liên Xô, các kỹ thuật kèm kẹp được bài bản hóa, và các nhược điểm của hệ thống. Từ đó, ta có thể hiểu hay tiên đoán được phần nào những điều mà Cộng Sản Việt Nam sẽ làm hay đang suy nghĩ.

**TRƯỚC KHI ĐẾ QUỐC LIÊN XÔ SỤP ĐỔ**, ít ai dám nghĩ là đế quốc này có thể sụp đổ nhanh như vậy. Hầu như đa số đều nghĩ rằng Liên Xô đã xây dựng được một hệ thống bất bại. Thế giới cộng sản sẽ càng ngày càng bành trướng thêm lên và nhuộm đỏ quả địa cầu, vì hệ thống kèm kẹp mà họ tạo ra để áp dụng cho dân chúng quá sức tinh vi. Con người nằm trong hệ thống kèm kẹp này cảm thấy bất lực và gần như tuyệt vọng. Tuy nhiên, tất cả các hệ thống hay định chế trên thế giới đều do con người nghĩ ra, căn cứ trên một số giả định, rồi thiết lập và tin tưởng vào. Cái hệ thống kèm kẹp bên ngoài là sản phẩm của đầu óc. Thay đổi được đầu óc, cách suy nghĩ, các giả định chọn lựa và niềm tin thì hệ thống sẽ bị thay đổi hay sụp đổ. Đông Âu và Liên Xô sụp đổ vì đại đa số quần chúng trong nước đã suy nghĩ khác và không còn tin tưởng vào hệ thống.

**ĐƯỚI THỜI TỔNG THỐNG REAGAN**, ông và bộ tham mưu của ông nhận thấy được những nhược điểm của hệ thống Cộng Sản Liên

Xô. Chính quyền ông đã hình thành chiến lược để có thể thắng cuộc Chiến Tranh Lạnh bằng cách giúp nhân dân trong các quốc gia cộng sản hiểu biết và suy nghĩ rộng ra ngoài thế giới, vượt ra khỏi cái khung giáo điều cộng sản. Ông nhận thấy rằng biểu đồ xuất cảng cách mạng của Liên Xô thay đổi cùng chiều với giá dầu thô trên thế giới. Chánh quyền ông khám phá ra rằng Liên Xô đã dùng lợi nhuận bán dầu thô để tài trợ và xuất cảng cách mạng. Giá dầu càng cao thì Liên Xô xuất cảng cách mạng càng nhiều và tình trạng bất ổn của thế giới càng tăng. Do đó, chính quyền ông bằng mọi cách kèm giữ giá dầu thô ở mức thấp nhất. Do vậy, Liên Xô không còn tiền để xuất cảng cách mạng. Trong khi đó, đài phát thanh Âu Châu Tự Do, máy điện toán, điện thư cùng các phương tiện thông tin khác tìm cách thông tin đầy đủ và trung thực đến nhân dân bên trong bức màn sắt về cái thế giới mà họ đang sống, chứ không phải là cái thế giới tuyên truyền và lừa dối có tổ chức của các chánh quyền cộng sản.

BÀ MARGARET THATCHER, cựu thủ tướng Anh quốc, đã nói rằng, một quốc gia thịnh vượng không phải là một quốc gia có đất rộng, dân đông, và tài nguyên phong phú. Diễn hình là Nga Sô, Ấn Độ, và Ba Tây đều có ba yếu tố trên và đều nghèo. Trong khi đó Nhật Bản, Đài Loan, Tân Gia Ba, và Thụy Sĩ không có các yếu tố trên và đều giàu. Sự thịnh vượng nằm trong yếu tố con người. Mỗi người dân trong một quốc gia đều có trình độ, có năng lực sản xuất thì quốc gia đó thịnh vượng. Năng lực đó chỉ có khi nào lãnh vực tư được phát triển, chính quyền ít can thiệp vào đời sống của dân chúng, dân chúng có tự do để chọn lựa và theo đuổi những mơ ước của cuộc đời mình.

NGUYỄN NGỌC HUY FOUNDATION hy vọng quyển sách này sẽ giúp cho quý độc giả có một cái nhìn so sánh và đối chiếu cho những vấn đề của Việt Nam. Khi sinh tiền Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy đã tận tụy hy sinh cả cuộc đời mình cho tương lai của dân tộc. Ông cho rằng dân tộc Việt Nam thông minh, dũng cảm nhưng lại chịu quá nhiều bất hạnh. Ông mơ ước xây dựng được một xã hội dân sự, dân chủ pháp trị cho đất nước mến yêu này,

để Việt Nam được phát triển trên trường thế giới, xứng đáng với sự thông minh và dũng cảm của dân tộc chúng ta.

CŨNG NHƯ MỘT CÁ NHÂN hay một tổ chức, sự thịnh vượng lâu dài của một dân tộc phải được xây trên nền tảng của luân lý, tôn trọng con người, lẽ phải và sự thật. Quyển sách cho thấy khi gạt bỏ yếu tố này, chủ nghĩa cộng sản đã hại cả một dân tộc Nga. Nguyễn Ngọc Huy Foundation xin giới thiệu quyển sách này đến quý độc giả với niềm tin là một chế độ dân chủ pháp trị sẽ được thiết lập ở Việt Nam, và dân tộc Việt Nam sẽ trở thành một dân tộc mạnh trên trường quốc tế. Người Việt Nam chúng ta hãy cùng nhau chuẩn bị hành trang để cùng với nhân loại tiến lên thời đại tin tức, và tươi vui bước vào tân thiên niên kỷ.

California, ngày 6 tháng 6 năm 1999

NGUYỄN NGỌC HUY FOUNDATION

Chủ Tịch  
Lê Minh Nguyên

## LỜI TỰA

QUYẾN SÁCH NÀY CÓ DỤNG Ý làm thành một thiên ký sự niên đại tập thể về 15 năm sau cùng của Liên Xô, thời kỳ mà hệ thống chánh quyền Xô-viết bắt đầu mục rữa và cuối cùng tan rã.

Những nhân vật mà số phận được đề cập trong các trang sách này, phần lớn là những người tôi được tiếp chuyện trong gần 2 thập niên qua, lúc tôi đang viết phóng sự và sáng tác từ nước Nga; trong số này, cũng có những người mà kinh nghiệm sống đã được các thân nhân hoặc bạn bè của họ thuật lại cho tôi biết, do bởi họ không muốn, hoặc do bởi tôi không thể gặp mặt, hoặc họ đang bị tù.

Phần lớn, những "anh hùng" này của tôi không phải là những công dân "điển hình" Xô-viết. Nhưng những gì có tính điển hình trong đời sống Xô-viết thì đều tạo thành bức phông không thể tránh được, không dựa vào đó, cuộc sống và lịch sử của những người không có tính điển hình đã được đưa đến những kết cuộc thường là bất hạnh.

Tôi đến Liên Xô vào tháng 6 năm 1976 và đã làm việc tại đây với tư cách thông tín viên của tờ *Tài Chánh Thời Báo* (*Financial Times*) ở Luân Đôn. Tôi tiếp tục viết về Liên Xô trong thập niên 1980, và đã có thể sống tại đây trong khoảng thời gian dài sau năm 1990. Dưới ánh sáng của kinh nghiệm này, bản thân tôi cũng được mường tượng trong các trang sách này. Thực sự, những gì mà một vài nhân vật bi thảm này cùng chung chịu, và một yếu tố thường đóng góp vào số phận thường thảm khốc của họ đều là do một hay nhiều lần họ đã chịu gặp tôi.

Mặc dầu bây giờ, Liên Bang Xô-viết đang mờ dần sau các lớp sương mù của lịch sử, cuộc thí nghiệm Xô-viết trong sự thống trị độc tài vẫn hãy còn cần phải được tìm hiểu. Liên Xô là sản phẩm của một dạng thức thuần túy hiện đại của tính hoang tưởng vĩ đại, khái niệm cho rằng các sự việc của nhân loại có thể được sắp xếp theo nền nếp trật tự, không cần đến sự trợ giúp của các quy luật siêu nghiêm nào cả. Quyển sách này có thể được xem như là một bản ghi chép các hậu quả của sự áp dụng khái niệm vừa kể cũng như một sự mô tả kinh nghiệm của nhân loại dưới những điều kiện xã hội cực đoan.

Về phương diện sau cùng này, khái niệm kể trên đặc biệt thích hợp với nhân dân Hoa Kỳ, bởi vì, như các kinh nghiệm của họ chứng tỏ, nhân dân Liên Xô cũng không mấy cách xa chúng ta như chúng ta có thể đã vọng tưởng.

## DÂN NHẬP

TRƯỚC ĐÂY KHÔNG BAO LÂU, nhiều nhà khoa học Hoa Kỳ, một lần nữa đã để ý đến trường hợp của anh Phineas P. Gage mà số phận lạ lùng đã đặt ra câu hỏi: “Có phải bộ óc con người có thể chứa đựng một trung tâm luân lý hay không?”

Ngày 13 tháng 9 năm 1848, cách nay 148 năm, Gage, một đốc công xây cất, 25 tuổi, làm việc cho xí nghiệp đường sắt Rutland và Burlington, công tác tại vùng quê Vermont, đang trông coi việc làm nổ đá để san bằng mặt đất, đặt đường rầy, thì trở thành nạn nhân của một tai nạn lạ lùng. Thường muốn làm nổ đá thì cần khoan những lỗ nhỏ trong đá rồi nhét thuốc nổ vào từng phần, lắp cát cho đầy lỗ khoan, rồi dùng một ngòi nổ và một chốt sắt nén để làm cháy thuốc nổ trong đá. Hôm thực hiện công tác này, Gage đã sơ ý khởi sự nén thẳng vào thuốc nổ trước khi công nhân cho cát vào. Sức nổ dữ dội làm chốt sắt nhọn bay ra như một rốc kết, trúng vào mặt Gage, xuyên qua sọ và óc, và bay lên không trung. Chốt sắt đã rót xuống cách nơi nổ vài thước.

Tai nạn làm những người chứng kiến hết sức kinh hoàng, nhưng Gage chỉ bất tỉnh một lúc và nhanh chóng tỉnh lại, có thể vẫn nói chuyện và đi đứng với sự giúp đỡ của các công nhân. Nhiều tuần lễ sau đó, các hoạt động chân tay, trí nhớ và lời ăn tiếng nói của anh vẫn bình thường. Hình như anh vẫn còn thông minh như trước khi xảy ra tai nạn, nhưng rõ ràng, cá tính của anh đã hoàn toàn thay đổi.

Gage là người từng được mọi người biết anh mến chuộng và kính nể, nhưng giờ đây sự kính nể quy ước của xã hội đã lui tàn. Anh ăn nói thô tục, lố mang; anh không còn giữ lời hứa hẹn, cam

kết gì với ai nữa, khiến các chủ nhân xí nghiệp, những người trước kia đã coi anh là công nhân có khả năng nhất, bắt buộc phải cho anh nghỉ việc. John Harlow, người thầy thuốc đã trị bệnh anh, nói: "Sự cân bằng giữa năng khiếu trí tuệ và các xu hướng thú tính" của anh đã bị tiêu hủy. Theo lời của những người bạn và quen biết với Gage thì "Gage không còn là Gage nữa".

Gage bắt đầu đi lang thang và sau 12 năm sống tại San Francisco, anh đã chết trong gia đình anh. Mặc dù tai nạn của Gage đã được báo chí đăng tải hàng tít lớn, cái chết của anh ít được ai để ý. Mãi đến năm năm sau, Harlow mới biết được cái chết của Gage, và đã xin phép gia đình Gage cho khai quật xác để khảo sát sọ anh hùu thực hiện một hồ sơ y khoa. Lời thỉnh cầu đã được cho phép, và, chiếc sọ này cùng với chốt sắt đã trở thành di tích của Viện bảo tàng phẫu thuật y khoa thuộc Đại học đường Harvard.

Năm 1994, một nhóm khảo cứu y học thần kinh đã dùng kỹ thuật hiện đại điện toán tạo hình để tái thiết sọ của anh với hình ảnh 3 chiều hầu định vị đúng chỗ chốt sắt đã xuyên qua và xác định càng chính xác càng tốt các phần của óc đã bị hư hại do tai nạn. Họ đã kết luận, chốt sắt nhọn đã làm hư hại vùng dưới của óc nằm trong phần trán của anh, trong lúc các cấu trúc khác của óc có khả năng nhận xét về không gian, đồ vật, ngôn ngữ và số học thì lại không bị ảnh hưởng gì cả. Do bởi vai tuồng của phần óc trong trán chưa được hoàn toàn hiểu rõ, các nhà khảo cứu đã kết luận tai nạn của Gage cho thấy trong óc con người có một "trung tâm đạo đức" có thể bị hư hại, đưa dẫn đến sự tiêu hủy đạo đức, nhưng "ít nhất theo lý thuyết", cũng có thể được chữa trị, nêu lên khả năng cho rằng "bệnh vô luân" có thể được "chữa lành".\*

Được biết về mối quan tâm mới đối với Gage và vấn đề luân lý, đạo đức do số mạng duy nhất của Gage đặt ra, tôi tự hỏi không biết những chuyên viên về giải phẫu thần kinh đã thực hiện cuộc nghiên cứu này có nhận thấy lịch sử của Liên-Xô có

---

\* Xin xem Hanna Damasio, "Sự quy về của Phineas Gage: các giềng mới về bộ óc từ sọ của một bệnh nhân nổi danh," *Science*, q. 264, 20 tháng 5, 1994, các trang 1102-05.

thể thực sự như là một nỗ lực hủy diệt trung tâm đạo đức của cả nước này hay không. Các lãnh tụ Xô-Viết không tìm kiếm một trung tâm luân lý sinh học, nhưng thay vào đó, lại hành động phá hại dân chúng về phương diện tâm lý bằng cách tạo nên một môi trường bị hàn kín mít, trong đó, tư tưởng Mác-Lê đã được xem như là một dạng thức cao nhất của chân lý.

Liên Bang Xô-viết là một cái gì mới mẻ. Nó là quốc gia đầu tiên trong lịch sử, rõ ràng dựa trên thuyết vô thần; nó bù đắp vào cái tuyệt đối thiếu vắng bằng cách tự ban cho mình các thuộc tính của Thượng Đế. Nếu các chánh quyền trước đây nhìn nhận một quyền lực ở bên trên, mặc dù về mặt thực hành đã tỏ ra lơ là, chế độ Xô-Viết không nhường nhịn một ai hết và đều xem mỗi hành vi như là sự thực hiện các chân lý tối hậu của lý tưởng.

Việc tự miêu tả như là biểu thức của tuyệt đối có những điều thuận lợi của nó. Nó giúp cho hệ thống chánh quyền trí thức độc tôn, tính phi luân và sự cuồng tín mù quáng, luôn luôn là hệ quả từ tính tuyệt đối hóa các mục tiêu chánh trị.

Tuy nhiên, cũng trong lúc ấy, sự tùy thuộc của chế độ vào lý tưởng cộng sản đã làm cho nó dễ tan vỡ sâu xa. Lý thuyết Mác-Lê tự cho là khoa học của lịch sử và sự phân tích quá khứ của nó có thể được phóng chiếu vào tương lai. Tôn giáo tìm kiếm chân lý tối hậu trong siêu giới, cho nên chính lý tưởng Xô-Viết, chớ không phải tôn giáo, mới có thể bị các diễn biến lịch sử bác bỏ đến tận các phỏng đoán căn bản của nó.

Sau cùng, tính chất thống trị của nhà nước đã được xác định bởi tính cách dễ bị tấn công của các ý niệm cốt lõi của nó. Lý tưởng Xô-Viết đã tiên liệu thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản sẽ dẫn đến một chế độ dân chủ hoàn hảo, dựa trên sự nhất trí tự nguyện và một nền thịnh vượng vô tiền khoáng hậu. Sau khi người cộng sản nắm quyền, thuyết không tưởng này đã không thành hiện thực được, thì thất bại trí thức lại đe dọa có những hậu quả chánh trị; các nhà cầm quyền bèn xúc tiến làm lại chân lý bằng vũ lực.

Các cố gắng tạo thực tế đã làm biến đổi cuộc sống người dân Xô-Viết thành một cuộc hóa trang. Những gì trở thành quan trọng

không phải là những gì đích thực, nhưng những gì có thể được làm trông giống thật, tương tự như cơ cấu đời sống thực tế thì đã được thay bằng sự giả mạo có tổ chức y như đời sống thật, nếu chỉ về mặt sự kiện, để hiện ra có vẻ như theo đúng với lý tưởng Xô-Viết.

Trong lúc thế giới bên ngoài kinh ngạc nhìn vào, Liên bang Xô-Viết đã trở thành một cảnh trí của toàn bộ các ảo ảnh bắt chước các định chế dân chủ như: các nghiệp đoàn bênh vực cho giới quản trị xí nghiệp, các báo chí không có tin tức gì cả, các tòa án xét xử bị can không người bênh vực và một nghị trường luôn luôn nhất trí ủng hộ chánh phủ.

Vũ trụ gò ép tinh thần của chế độ được áp đặt lên mọi công dân Xô-Viết làm phân hóa ý thức của họ, đưa đến hiện tượng được gọi là "ý thức hai mặt" - cái mà nhà văn George Orwell gọi là "ý nghĩ nước đôi". Ý thức hai mặt phân cách các bìa đặt lý tưởng của chế độ ra khỏi những khuôn mẫu tri thức và phê phán luân lý bình thường của từng cá nhân, và theo cách này, giúp cá nhân có thể tự động thực thi vai trò lý tưởng của mình trong các tình huống đòi hỏi, trong khi đó, trên nhiều phương diện khác, họ lại nhận thức chân lý một cách chính xác.

Trong nhiều trường hợp, sự phân hóa cá tính đưa các cá nhân đến việc nhận diện với các vai trò được áp đặt. Czeslaw Milosz đã viết, "Sau một thời gian dài làm quen với vai tuồng của mình, một người trưởng thành trong đó, cận kề đến mức không còn có thể nhận thấy khác biệt giữa cái tôi đích thực của bản thân và cái tôi mà họ đang đóng tuồng... Đồng hóa mình với vai tuồng bị bắt buộc phải đóng, mang đến sự đõ khổ và làm giảm được tình trạng căng thẳng của sự đề cao cảnh giác. Các phản xạ thích hợp đúng lúc trở thành tự động đích thực."

Cũng có những người, nhất là trong số các viên chức có trách nhiệm thương thuyết với người nước ngoài, những người không thật thà với những gì họ chính thức nói ra về thực tế, và lúc nào cũng tìm cách che giấu một nguồn thỏa mãn nội tâm. Milosz viết, "Nói trắng trong lúc nghĩ đen, mỉm cười trong bụng, khi ngoài mặt tỏ ra nghiêm nghị, oán ghét trong khi lại tỏ ra yêu thương,

biết mà làm ra vẻ như không biết, và như vậy là tự mình đóng vai trò kẻ địch cho chính mình, tự lừa mình (ngay cả như đang đóng vai anh cho mình) - những hành động này đưa đến việc đánh giá sự xảo trá của mình bên trên hết tất cả những gì khác".

Thường thường, người công dân Xô-Viết đơn giản tự xem như không có trách nhiệm gì đối với những gì họ nói trước công chúng và tìm cách bảo tồn một khoảng không gian tự do trí thức bên trong đầu họ. Khi Sergei Zamascikov, một lãnh tụ của Tổ chức thanh niên Xô-Viết (*Komsomol*) ở Yermala, Latvia, nhìn vào gương một buổi sáng, anh vẫn tưởng anh đang nhìn một người nào đó trên thế giới mà anh có thể nói chuyện, trao đổi một cách an toàn. Suốt ngày, anh nhìn vào nhiều bộ mặt khác - trong Đảng Ủy Thành Phố, Ủy Ban Trung Ương *Komsomol* và Ủy Ban Trung Ương đảng cộng sản Latvia - nhưng những bộ mặt này chỉ hồn những mặt nạ đôi chút mà thôi. Anh phỏng đoán họ che giấu ý nghĩ của họ, những ý nghĩ hoàn toàn được thảo chươn trước, nhưng anh không có cách nào để biết được chắc chắn cả. Sau hết, khi anh tiếp xúc với các đồng chí của mình, mặt anh cũng là một mặt nạ.

Dù thế nào, việc thích nghi cá nhân cũng không thể tách rời cá tính mà không gây hậu quả cho nền luân lý, đạo đức, những ý thức phải được áp dụng đồng đều trong mọi tình huống. Trong suốt lịch sử 74 năm của mình, Liên-Xô đã cố gắng áp đặt thay thế chân lý thực nghiệm bằng vũ lực, đã sả sanh được kết quả nhất thời của sự can đảm và cao thượng, nhưng nhìn chung, nó đã đưa dân tộc bị đọa dày này đến các vực thẳm mới của sự khốn cùng và thoái hóa.

Nhà nước có thể xóa bỏ Thượng Đế, nhưng kết quả của cố gắng tự mình thay thế cho cái tuyệt đối bị thiếu, thì chỉ có thể là sự làm lại bản chất con người dưới các điều kiện, trong đó, ý thức bị chia cắt và sự đối trá phổ thông đến gần sự tận cùng để hủy diệt một "trung tâm đạo đức" của toàn dân.

# **THỜI ĐẠI MÊ SẢNG**

# CÂU CHUYỆN MỞ ĐẦU

*Chúng tôi là một ngoại lệ trong số các dân tộc.  
Chúng tôi thuộc những người không phải là của  
tập thể nhân loại, nhưng hiện hữu chỉ để chỉ dạy  
cho thế giới một vài mẫu bài học đáng nhớ.*

- Pyotr Chaadaev, Bức Thư Triết Lý Thứ Nhất

NGÀY 4 THÁNG 10, 1993, LÚC 7:30 SÁNG

## SÚNG MÁY TIẾP TỤC NỐI.

Tại Quảng Trường Tự Do Nga, nhiều xác người nằm la liệt, gồm có cả xác các thiếu niên, khi tòa nhà Quốc hội Nga được gọi là "Nhà Trắng" đang bị binh lính trung thành với Tổng Thống Boris Yeltsin tấn công, một Tổng Thống chỉ mới có 2 năm trước đây đã từng liều mạng bảo vệ nó.

Cuộc dội bom tàn bạo này đã làm ngạc nhiên các nhân viên đang bảo vệ tòa nhà, gồm cả những thành viên của Quốc Hội, những người đang chờ đợi sự trợ giúp của các đơn vị biệt kích để quét sạch các lực lượng tấn công, cuộc tấn công mà họ không nghĩ là phải sử dụng đến trọng pháo.

Tại nhà hàng ăn ở tầng lầu sáu của tòa nhà, Nikolai Troitsky, phóng viên của tờ báo *Megapolis Express* cùng nhiều người khác đang đứng nhìn hai người dưới quảng trường lôi kéo một xác chết, ruột gan lòi ra ngoài, vào một con đường hẹp đi vào một tư

gia. "Giờ đây họ đang nhắm bắn vào các cửa sổ", một người đứng gần Troitsky nói. Một dọc các cửa kính đối diện với Công trường Tự do đã bị bể nát. Troitsky và các phóng viên khác rời quầy nước và nhanh chóng chạy vào trú ẩn trong văn phòng của Konstantin Zlobin, thư ký báo chí của Ruslan Khasbulatov, Chủ tịch Xô-viết Tối Cao<sup>1</sup>; văn phòng đối diện với sân trong của tòa nhà.

Trong vài giờ qua, văn phòng của Zlobin được tương đối an toàn, nhưng đến trưa, súng máy lại bắn dữ dội, đạn bay chạm vào tường của hành lang bên ngoài; sự an toàn ở nơi đây càng lúc càng tỏ ra không chắc chắn. Vakhtan Yakobitze, một thông tín viên của hãng truyền hình Georgia rời văn phòng, chạy ra ngoài sảnh đường để được nhìn thấy rõ hơn, một trái bom lõi đã rơi ngay trước mặt anh cách khoảng 40 thước làm cháy tấm thảm; một màn khói đen đốt bốc lên dày đặc.

"Chúng ta phải rời khỏi nơi đây", Yakobitze nói. Đạn bay vèo vèo trong hành lang, nhưng nhóm phóng viên đã chạy được độ 100 thước đến một cầu thang nằm ngay giữa tòa nhà. Với tiếng kính bể của các cửa sổ bao quanh, họ chạy xuống cầu thang, vào sảnh đường của cơ quan Hội Đồng Sắc Tộc, nơi đã được thiết kế là một chỗ trú bom an toàn nhất của tòa nhà.

**KHÔNG KHÍ TẠI SÂN ĐƯỜNG** hồn đôn nhưng yên lặng, Veronika Kutsillo, nữ biên tập viên của báo *Kommersant* hỏi Khasbulatov, người đang bị các phóng viên vây quanh:

"Việc gì sẽ xảy vậy, Ruslan Imranovich?"

Một tay thọc vào túi áo mưa, tay kia đang cầm ống điếu, Khasbulatov nhún vai bình tĩnh nói: "Tôi biết Yeltsin từ lâu, nhưng tôi không ngờ ông ta lại có hành động này; làm sao mà ông ta lại có thể xử sự với đồng bào mình như là kẻ thù vậy?"

---

<sup>1</sup> Tên gọi chính thức của Quốc Hội Nga.

Thình lình, nhiều tiếng nổ chát chúa phát lên, hình như bên ngoài mặt tiền của tòa nhà đã bị thủng nhiều chỗ, và đã phá tan hy vọng một cuộc dàn xếp dung hòa vào phút chót.

Kutsillo đã sống qua suốt cuộc đảo chính tháng 8 năm 1991, trong lúc Khasbulatov và Yeltsin còn là đồng minh với nhau và cuộc chiến đấu bảo vệ tòa Nhà Trắng này chống với sự đe dọa tấn công của các lãnh tụ đảng Cộng sản. Bà nói: "Tôi sẽ không thể sống sót qua một cuộc nổi dậy nữa". Sảnh đường đã bị tràn ngập trong mùi thuốc súng.

Khasbulatov lắc đầu, mỉm cười nói: "Sao bà lại nghĩ vậy, sao lại không thể tiếp tục sống với tình hình này?"

**CÓ GẦN CẢ NGÀN NGƯỜI** đang ở trong sảnh đường này, các đại biểu nhân dân, phóng viên báo chí, nhà bếp, cảnh sát bảo vệ, các bà làm vệ sinh. Không điện, và với ánh sáng của sân trong lọt vào qua một cửa hé mở của tòa nhà, hình bóng những người này chập chờn trong ánh lửa của các cây đèn cầy, làm cho sảnh đường, lúc bình thường đã giống như một hầm trú ẩn, nay trở thành như một nhà mồ.

Tại một hành lang kế bên, nhiều người võ trang đang khiêng những người bị thương và chết trên cáng đến nơi cứu thương; một thây người nằm ngửa, đầy máu, trên sàn nhà, làm bít nghẽn cửa vào của một thang máy. Bên ngoài tiếng súng máy của xe thiết giáp trên đường lộ được đáp lại bởi các họng súng từ các xe bọc sắt chở người trên đường phố.

Tuy nhiên, nhiều dân biểu chống Yeltsin, chỉ được biết qua tiếng nói của họ tại cái sảnh đường tối om om và ẩm đạm này, đã phát biểu từ một cái bục, kêu gọi những người hiện diện giữ vững tinh thần để đi đến thắng lợi cuối cùng. Một trong các diễn giả, Mikhail Chelnokov, nói: "Chết cho Tổ quốc không phải là một điều xấu. Dù sao, thì hiện giờ thử hỏi, chúng ta có sự lựa chọn nào khác hay không?".

**ĐẾN GIỮA TRƯA,** binh lính trung thành với Yeltsin đã chiếm được các ngôi nhà bao quanh tòa Nhà Trắng; trong khi cuộc tấn công vẫn tiếp tục, sự chống trả từ bên trong tòa nhà Quốc Hội mỗi lúc càng yếu dần. Những tiếng nổ làm sụp đổ các tầng lầu 13 và 14, những ngọn lửa màu da cam làm sáng rực cả mặt tiền của tòa nhà, và mỗi phát đạn bắn trực tiếp đã làm tòa nhà rung chuyển từ trên xuống dưới như một cái nhà xếp bằng các lá bài.

Troistky lắng nghe tiếng xích của xe tăng và cố đoán vị trí chính xác của chúng. Chắc chắn chúng đã đến gần. Ông ta tự hỏi cái gì sẽ xảy ra nếu đạn pháo hay lựu đạn rơi vào trong sảnh đường chật cứng người này. "Ông có nghĩ rằng họ sẽ bắt đầu bắn vào đây hay không?" Ông ta day qua hỏi Valery Shuikov, một dân biểu vừa từ Abkhazia trở về Moscow.

"Tôi không nghĩ, họ sẽ làm thế", Shuikov trả lời.

Chính vào lúc ấy, tiếng súng máy không ngờ lại im bặt và một loạt tiếng nổ dữ dội phát lên trong lúc xe tăng từ cầu Novy Arbat đã bắn súng lớn làm sụp đổ từng mảng to các tầng lầu trên được bờ trống từ lâu.

"Tôi thì không chắc như vậy", Troistky nói.

**VÀO LÚC 2 GIỜ CHIỀU,** mọi người trong sảnh đường đang trông chờ sự đầu hàng. Nhân viên phục vụ nhà ăn bắt đầu phân phối thịt gà luộc được một nông trại cảm tình với quốc hội mang tặng trước khi cuộc tấn công bắt đầu. Tuy nhiên, với một quân đội rõ ràng đang ủng hộ Yeltsin, những dân biểu quốc gia cực đoan như Sergei Baburin, Ilya Konstantinov và Iona Andronova đều đồng ý là đã đến lúc phải đầu hàng. Vấn đề là không ai chịu cầm cờ trắng và cũng không ai chắc chắn sẽ được an toàn khi đi ra khỏi tòa nhà bằng cách này hay cách khác.

Nhiều người cất tiếng hát những bài dân ca Nga, ngâm thơ và van vái. Không bao lâu sau 3 giờ chiều, đài phát thanh trong tòa nhà cho biết là Valery Zorkin, Chủ tịch Hội đồng bảo hiến đang thương lượng một cuộc ngừng bắn. Không bao lâu, kết quả thương lượng đã được loan báo, nhưng tiếng súng máy của Nhà

Tráng lại gia tăng và vài tiếng nổ điếc tai lần lượt tiếp theo. Trong lúc không có tin tức gì thêm về kết quả ngưng bắn, đám đông bắt đầu lo sợ sự xâm nhập sắp tới của các đơn vị vũ trang.

Thình lình, vào lúc 4 giờ chiều, hai sĩ quan của đơn vị chống khủng bố "Alpha" mặc áo giáp và đội mũ sắt, đeo kính đen, trông giống như người hành tinh, xuất hiện tại sảnh đường Hội đồng các Sắc tộc. Một trong hai người đến với đám đông tại hội trường đang họp, chắc chắn là phiên họp cuối cùng của Xô-viết Tối cao Nga; sĩ quan này nói mục tiêu của đơn vị Alpha là chống khủng bố chớ không làm hại những người đã được dân chúng bầu làm đại biểu, và nếu những người đang bảo vệ tòa Nhà Trắng này chịu hạ súng thì đơn vị Alpha sẽ bảo đảm an toàn cho họ.

Hai sĩ quan, sau đó, rời khỏi hội trường, tiếp tục cuộc thương thuyết đầu hàng với ông Phó Chủ tịch Alexander Rutskoi. Trong lúc đó, sảnh đường lại vang lên tiếng nổ chát chúa của súng tự động, hình như phát ra từ sân trong của tòa nhà. Hỗn loạn diễn ra trong cảnh tranh tối tranh sáng, nhưng cũng bất chợt như lúc bắt đầu, tiếng súng lại im bặt, và một sĩ quan của đơn vị Alpha lại xuất hiện, bắt đầu tổ chức cuộc di tản ra khỏi tòa nhà.

Vào khoảng 4.45 giờ, toán người di tản đầu tiên, gần 300 người, được dẫn ra khỏi tòa nhà phía đối diện với công trường, hai tay đưa lên đặt sau đầu. Họ bước đi gần nhiều xác chết của nhân viên bảo vệ đã bị bắn tại hàng rào cản khi cuộc tấn công bắt đầu, nhiều người bị bể sọ, hay mất tay chân. Họ cũng nhân dịp này nhìn thấy tòa nhà bị tấn công, từ bên ngoài và những cửa sổ của tầng trệt bị bay mất, các màn kéo quấn loạn nhau, trong lúc phần trên của tòa nhà đang cháy trong những ngọn lửa màu vàng cam, khói đen bao phủ.

Đến 5.20 giờ, một toán thứ hai gồm các nhân viên hành chánh êm thắm rời khỏi tòa nhà. Một lúc sau, toán thứ ba gồm có Konstantinov, Oleg Rumyantsev, tác giả bản dự thảo hiến pháp và nhiều người khác trong số có nhiều người kịch liệt chống Yeltsin tại diễn đàn Quốc hội được dắt ra mái hiên tòa nhà nhìn xuống con sông thành phố Moscow. Khi màn đêm buông xuống, thủ đô Nga bị bao trùm bởi một màn màu đỏ. Thình lình, súng lại nổ từ

tất cả các phía. Mọi người lập tức nằm xuống đất, mặt úp xuống bùn lầy và chờ đợi cả một giờ rưỡi nữa trước khi được các binh sĩ của toán Alpha đưa đến một khu phố kế cận; tại nơi đây, họ được trả tự do.

# 1

## DẢO CHÁNH

*Dưới tảng cây hạt dẽ, tôi đã bán anh và anh đã bán tôi.*

*George Orwell, 1984*

NGÀY 19 THÁNG TÁM, 1991

TẠI MOSCOW, một cơn mưa nhỏ đã quét sạch mặt tiền các ngôi nhà cũ kỹ tróc sơn và các đường phố loang lổ ổ gà, tòa Nhà Trắng Quốc hội Nga tượng trưng hoài bảo dân chủ của toàn dân đã bị bao trùm trong sương mù; bóng màu xám của nó phản chiếu trên mặt nước lốm đốm của dòng sông Moscow. Cả thành phố đang còn an giấc ngủ, ngoại trừ những chiếc xe tải chở bánh mì giao hàng buổi sáng và các công nhân chấm dứt ca đêm của họ tại các nhà máy.

Nhưng hôm nay lại không phải như các ngày thường khác. Tại vùng nghỉ mát Crimea ở Foros, cách Moscow sáu trăm dặm về hướng nam, nơi Mikhail Gorbachev có một nhà mát rất sang trọng, hai xe vận tải nặng, nương theo bóng đêm, đang chạy về hướng sân bay gần nhà này nhất, dừng lại đọc theo và chặn ngang đường bay. Các hướng nhầm toà nhà từ ngoài biển đã nhanh chóng và lặng lẽ bị các tàu chiến ngăn chặn, các đơn vị KGB thì khóa chặt các ngả đường bộ, bao vây cô lập Gorbachev, già đình cùng với 30 nhân viên bảo vệ an ninh bên trong.

Vào lúc 6 giờ 6 phút sáng, một bản tin *tê-lê-típ* phát đi từ trụ sở của hãng thông tấn Tass Xô-viết, trên đường Herzen, cho biết Gorbachev, Chủ tịch Xô-Viết, đã bị cất chức vì lý do sức khỏe.

Các trách nhiệm của ông ta đang do Gennady Yanaev, Phó Chủ tịch, đảm nhiệm. Quyền hành được tạm thời giao cho một Ủy Ban Tình Trạng Khẩn Trương gồm các thành viên, Yanaev; Vladimir Kryuchkov, người cầm đầu cơ quan KGB; Dmitri Yazov, Bộ trưởng Quốc phòng; Boris Pugo, Bộ trưởng Nội vụ; Vasily Starodubtsev, chủ tịch “liên hiệp nông dân;” Alexander Tizyakov, một công nghiệp gia; Valentin Pavlov, Thủ tướng; và Oleg Baklanov, Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng. Hầu hết các thành viên này đều đã được Gorbachev chỉ định và đã được xem như là những cộng tác viên thân cận hoặc bạn thân của ông ta.

Tại các trại của các sư đoàn Taman và Kantemirov, thuộc đơn vị hành chính, chính trị, của thủ đô Moscow, binh sĩ được đánh thức và nhận lệnh tiến về Moscow. Trời sắp sáng trên các làng mạc và các cánh đồng, hàng dài xe tăng và xe thiết giáp đã đầy đường, hướng về thủ đô.

EMMA BRUK, một bác sĩ chuyên bệnh tim của bệnh viện Botkin, thức giấc trong một sự yên lặng lạ lùng. Từ nhiều tháng nay, bà thường bị thức giấc do bởi tiếng động của máy khoan và tiếng búa của các công nhân đang sửa chữa tòa nhà sứ quán Hoa kỳ gần đó. Nhưng hôm nay lại yên lặng. Bà đi đến gần cửa sổ và thấy tất công việc tại sứ quán đều đã ngưng hết.

Emma mở máy truyền hình. Thay vì tin tức, đài truyền hình đang phát lên những bản nhạc cổ điển và liền đó, một xướng ngôn viên bắt đầu đọc bản công bố soạn sẵn. Xướng ngôn viên này nói, “Sáu năm trước đây, Gorbachev đã bắt đầu thi hành chính sách *Perestroika*.<sup>1</sup>” Emma rất ngạc nhiên vì bản công bố đã gọi “Gorbachev,” thay vì “đồng chí Gorbachev” hoặc “Mikhail Sergeyevich”. Bà nhớ lại hồi nào khi ông này còn nắm chính quyền, thì không một ai đã gọi Gorbachev một cách thiếu lễ độ như thế. Xướng ngôn viên đọc tiếp: “Các cải cách của Gorbachev đã đi vào ngõ cụt. Đất nước đã không còn có thể quản trị được

<sup>1</sup> Chính sách cải tổ cơ cấu.

nữa và các thế lực cực đoan đang có xu hướng thanh toán Liên Bang Xô-viết. Vì thế, một Ủy Ban Tình Trạng Khẩn Trương đã được thành lập để tránh cho đất nước khỏi bị sụp đổ.”

Khi hình ảnh xướng ngôn viên bị nhòe trong khung ảnh kế tiếp, Emma cảm thấy hoảng hốt. Ý nghĩ của bà đã quay ngược trở lại những năm trước khi có chính sách *Perestroika*, những năm bà đã phải sống trong tình trạng lo âu sợ hãi thường trực. Trong những năm ấy, thú anủi duy nhất đối với bà là đọc sách. Mỗi thứ Sáu, bà và một nhóm bạn bè đã gặp nhau tại một trong các nhà riêng của họ, bàn thảo về các sách vở, tài liệu bị cấm mà một người trong nhóm đã khó khăn lắm mới có được. Khi Gorbachev lên cầm quyền, Emma đã không ước mong có được sự cải thiện nào cho đời sống cả. Nhưng thái độ của bà đã bắt đầu thay đổi vào những ngày đầu năm 1987, sau khi nhà cầm quyền bắt đầu trả tự do cho các tù nhân chính trị của Liên Bang Xô-viết. Và khi chính sách *glasnost*<sup>1</sup> được ban hành, bà mới bắt đầu được đọc lại các sách được chính thức xuất bản, mà trước đó, bà chỉ được đọc trong các tổ chức *samizdat*<sup>2</sup>; và nay thì bà hoàn toàn không còn lo sợ gì nữa. Nhưng hôm nay, khi nhìn vào màn ảnh trăng toát của truyền hình, phản ứng đầu tiên của bà là nghĩ rằng những người lãnh đạo cuộc đảo chính đang cố lôi kéo bà trở vào trong góc kẹt bị áp bức và kinh hãi, mà theo bà, hình như gần đây lại có cơ tái diễn.

Hồi 9 giờ sáng, Emma rời khỏi nhà, đi lo công việc vặt. Đường phố đi lại bình thường, không có gì lạ, chỉ có nạn kẹt xe như thường xảy ra vào những ngày thứ hai trước lối vào đường hầm của trục giao thông Kalinin Prospekt, vì bốn làn xe đã bị dồn lại thành hai. Tuy nhiên, khi đi vào một hiệu buôn tạp hóa trong tòa nhà cao tầng trên quảng trường Vostaniye, bà Emma mới nhận thấy một cảnh đông người, giống như trước kia, khi bà mới 7 tuổi, sau khi quân đội Đức Quốc Xã tấn công Liên-Xô năm

<sup>1</sup> Chính sách cởi mở.

<sup>2</sup> Tổ chức được người dân Liên Xô và các nước trong khối thành lập để in ấn và phổ biến bí mật sách vở, tài liệu bị nhà nước cấm.

1941. Cửa hàng tạp hóa đông nghẹt người đang xô đẩy nhau để được đứng vào các hàng dài chờ được mua bất cứ thứ gì có thể được, nhưng nay thì không phải vì sợ một cuộc ngoại xâm, mà lại là khởi đầu một cuộc nội chiến.

Emma cố vạch đường chen vào đám đông và xếp hàng để mua bơ. Quanh bà, cuộc tranh cải dữ dội đang diễn ra. Có người nói, "Đúng thời điểm rồi", trong lúc nhiều người khác thì tố cáo những người lãnh đạo đảo chính là bọn phát xít. Một bà già nói: "Cuối cùng rồi cũng sẽ phải có trật tự".

"Bà đang nói về loại trật tự nào vậy?" Emma hỏi lại và nói tiếp: "Bà sẽ sống sau các hàng rào kẽm gai và họ sẽ phát cho bà một chén súp. Đó sẽ là trật tự của bà".

Nhưng sau khi nói thế, Emma lại nhận thấy rùng mình vì kinh hãi. Trước kia, rất nguy hiểm khi có lời nói chống chế độ tại các hàng người chờ đợi. Dù cho sự vật đang thay đổi, bà vẫn cũng không nên tự quên mình như vậy được.

Khi trở về nhà, Emma nhận được điện thoại của bà mẹ chồng cho biết đang trên đường đến thăm bà. Bà mẹ cho biết các xe tăng đang khởi sự di chuyển băng qua cầu Krimsky.

**SERGEI LATISHEV**, một cựu chiến binh cuộc chiến Afghan, đang công tác tại một tổ chức cựu chiến binh ở Moscow, đang lái xe trên đường Sadovoye vào lúc 7,30 giờ sáng ngày ấy. Anh rất ngạc nhiên khi nhận thấy nhiều xe bọc thép chở binh lính đang đậu trước nhà ga Paveletsky. Anh tự hỏi không biết họ đang làm gì ở đây, nhưng anh lại tự thấy không có lo âu gì thêm về việc này. Anh lại tiếp tục lái xe trên xa lộ Varshavsk và băng qua đường vành đai Moscow, nhằm hướng nam đi đến Podolsk, nơi anh dự trù nhận được một ít đất dành cho các thương binh cuộc chiến Afghan để gia đình canh tác làm ăn. Khi đến Podolsk, anh đậu xe lại và đi bộ đến cao ốc hội đồng thành phố.

Mặt trời đã ló dạng, và Latishev ngạc nhiên vì thành phố tỉnh lỵ này có quá nhiều bụi bậm và nhà cửa thì cũ kỹ, đổ nát. Tại cửa vào cao ốc, anh gặp một viên chức có vẻ đang rúng động.

"Anh nghĩ thế nào về những gì đang xảy ra?", viên chức này hỏi.

"Anh muốn nói gì?" Latishev hỏi lại.

"Gorbachev đã bị lật đổ rồi."

"Anh nói giỡn".

Nhưng khi viên chức này đoán chắc là mình nói chuyện đứng đắn thì hai người liền trở ra xe Latishev, mở máy thu thanh và bắt đầu lắng nghe tin tức trong xe, đang lặp đi lặp lại những lời tuyên bố đầu tiên của ủy ban đảo chánh. Ủy ban đã hứa sẽ giảm giá cả và cấp đất cho các thị dân vào năm 1992. Lắng nghe những lời tuyên bố này, Latishev phát cáu lên. Anh biết, thật rất là vô lý, khi nói về việc giảm giá cả, trong khi các cửa hàng lại không có món hàng nào cả.

Latishev quyết định trở về Moscow ngay và tiếp xúc với các cựu chiến binh Afghan khác. Anh chắc chắn rằng nếu không có chống cự lại cuộc đảo chánh, Liên Xô sẽ sụp đổ dưới gót sắt của một chế độ độc tài mới.

Trong lúc lái xe trở lại Moscow, anh miên man hồi tưởng lại những biến cố của 10 năm qua. Đầu thập niên 1980, anh chỉ là chỉ huy phó một đơn vị đóng gần thị trấn Imam-sahib tỉnh Kunduzska, tại nước Afghanistan. Anh tin tưởng vào chánh nghĩa của Liên-Xô trong những năm ấy, nhưng tính cách dã man, tàn bạo của cuộc chiến đã làm anh mất niềm tin. Trong những giấc mơ, anh đã sống lại với cái chết của con người, và các con ngựa bị sát hại.

Khi về đến nhà, anh cảm thấy tự nhiên trở nên hung hăng mà không lý giải được tại sao. Anh không ngủ được nếu không nghe tiếng súng nổ và thấy khó chịu vì có cảm giác lúc nào cũng như đang nhớ đến một cái gì. Sau cùng, anh nhận thấy đó là cây súng tự động của mình. Một hôm, trong chuyến đi xe lửa giữa Moscow và Leningrad, anh đang ngồi đối diện với hai cha con một cô gái nhỏ thì thình lình cô gái này cất tiếng hát. Latishev nhìn cô gái và đột nhiên không tự kềm chế được, anh mỉm cười. Khi đến Leningrad, anh cảm thấy mình đã trở lại với nhân tính.

Anh không có nghi ngờ gì về tất cả sự đổ máu ở Afghanistan, một sự đổ máu đã được biện minh bằng các quyền lợi bảo vệ biên giới phía nam của Liên-Xô, nhưng khi anh đi tìm việc làm và một nơi để sanh sống trong thành phố nhà ở Nikopol tại Ukraine, anh mới nhận ra tình trạng mất quyền của mình khi phải giao dịch với các tổ chức thợ lại. Anh nhận thấy họ hoàn toàn độc lập đối với anh, không nghe anh trình bày gì cả và mọi cơ quan thợ lại đều có người cầm đầu là đảng viên của đảng Cộng sản. Anh bắt đầu tự hỏi phải chăng, cuộc chiến đấu ở Afghanistan là để bảo vệ dân chúng Afghanistan, hay chỉ bảo vệ đảng Cộng sản nước này.

Lúc đầu, hầu như không có tin tức và báo chí gì về Afghanistan cả. Khi nói đến cuộc chiến ở đây, người ta đã tạo cảm tưởng là cuộc chiến hoàn toàn do người Afghanistan tự đảm nhận. Sau cuộc hành quân lớn ở vùng hẻm núi Panshir, làm thiệt mạng nhiều binh sĩ Xô-viết, báo chí Xô-viết lại viết, vùng đèo núi hiểm trở này đã do quân đội Afghan chiếm giữ.

Sự im lặng về chiến tranh ở Afghanistan cũng như tình hình bất động của đời sống Xô-viết làm cho Latishev rất khó chịu. Anh đã đóng góp một phần thân thể của anh cho nước Afghanistan, và tin rằng anh đã chiến đấu vì một chánh nghĩa đáng giá, nhưng sự hy sinh của anh hình như đã tan thành mây khói trước thái độ lè lè của một chế độ do một nhóm nhỏ người điều hành để ưu đãi cho một nhóm nhỏ người, không màng đến ai khác cả. Anh bắt đầu thấy đau xót vì cảm thấy không có gì có thể làm thay đổi trong đất nước Xô-viết được. Anh nghĩ, sự thử thách của cuộc sống hàng ngày đã chuyển hóa dân chúng trở thành một đàn trâu không đầu óc.

Khi Gorbachev lên nắm quyền, Latishev có cảm giác là cuối cùng đã có người chân thành lo cho công việc chung. Năm 1986, đọc một bài diễn văn ở Khabarovsk, Gorbachev nói, người cộng sản không nên sợ phê phán lẫn nhau; điều đó làm cho Latishev cảm thấy, mọi việc có thể được thay đổi.

Vào năm 1988, báo chí trong nước bắt đầu nhận, cuộc chiến ở Afghanistan phần lớn chính là do quân đội Liên Xô đảm đương và đã có bị thiệt hại nặng nề. Báo chí cũng bắt đầu viết về

các hành động dã man tàn ác tại nước này, và dân chúng vẫn một lòng ủng hộ quân kháng chiến. Những tin tức chân thật này gây tác dụng hội chứng đau khổ cho nhiều binh sĩ đã chiến đấu ở Afghanistan.

Khi dọn nhà đến Moscow, trong một thời gian ngắn, Latishev đã kết hợp với một số cựu chiến binh Afghan và lần đầu tiên, họ bắt đầu thảo luận về sự khả dĩ họ đã tham gia vào một cuộc chiến vô luân. Một hôm, Mikhail Shilnikov, một bạn chiến đấu bị mù tại Afghanistan, đã gọi Latishev đến và cho anh biết có nghe đài truyền hình nói cuộc chiến đấu tại Afghanistan là không cần thiết. Anh ta hỏi Latishev, "Có thể nào binh sĩ của chúng ta đã chết một cách vô ích hay sao?"

Đối với Latishev, cái vố đau cuối cùng là vào năm 1990, khi các bài báo Xô-viết đã chấp nhận Hafizullah Amin, cựu lãnh tụ của nước Afghanistan, sự thực đã do KGB lật đổ, chớ không phải do quân đội Afghan. Điều này chứng tỏ lỗi biện minh chính thức về cuộc chiến - cho Liên-Xô đã tiến vào Afghanistan là để đáp ứng lời kêu cứu của chính quyền hợp pháp - là một điều vô lý.

Tại Moscow, Latishev đi đến tổ chức hội cựu chiến binh địa phương và bắt đầu kêu gọi các binh sĩ cũ đến bộ chỉ huy. Trong lúc đang quay số điện thoại của các chiến hữu và bạn bè, anh lại nhận thấy bản thân chưa được chuẩn bị được tinh thần, để chiến đấu với những người đảo chính. Anh đã đổ máu tại Afghanistan. Giờ đây anh không muốn đổ thêm nữa.

Sự lưỡng lự của anh đã được tăng thêm khi anh gọi điện cho các cựu chiến binh khác, và anh cảm thấy được nỗi kinh hoàng của họ về một cuộc chiến đấu đẫm máu. Bà vợ của một người bạn đã cầm lấy máy điện thoại và nói: "Anh đang làm gì đấy? Ở Afghanistan, họ đã không giết anh ấy, giờ đây anh lại muốn giết anh ở đây hay sao?".

**VÀO LÚC 6, GIỜ 45 SÁNG** ngày 19 Tháng 8, Valentin Perfilyev, một cố vấn của Alexander Rutskoi, bị chuông điện thoại reo đánh thức. Một người bạn thân nói: "Có tin xấu, bạn già ơi, các tướng

lãnh đã lên nắm quyền. Tôi vừa nghe đài phát thanh. Gorbachev đã bị bắt rồi."

Perfilyev vội vã mặc áo và chạy đến bàn giấy, lục tìm các danh sách những người cộng sản chủ trương dân chủ, tổ chức mà ông và Rutskoi đã thành lập chống lại đảng Cộng sản đương thời. Từ giả vợ con, ông mang các danh sách này theo mình và bước đi đến ga xe điện ngầm Krylatskaya, luôn luôn nhìn trước nhìn sau xem có ai theo dõi mình không.

Trước tiên, Perfilyev muốn mang các danh sách này đến phòng việc của ông trong tòa nhà Quốc hội Nga trước khi KGB có thể tịch thu và sử dụng chúng để bắt bớ người. Ông đến ga Barrikadnaya và đến Nhà Trắng lúc 9.15 giờ sáng. Lạ lùng thay, tòa nhà tương đối vắng lặng. Ông bước qua cửa chính, qua một người lính bảo vệ đang ngủ, và một bà làm vệ sinh nhìn ông không phản ứng, ông đi vào thang máy và lên phòng việc của ông tại Văn phòng Phó Chủ tịch ở tầng lâu 4, cất các giấy tờ mang theo vào tủ sắt.

**LÀ MỘT SINH VIÊN CÓ NĂNG KHIẾU**, xuất thân từ một gia đình nghèo, Perfilyev ghi danh học, trong thập niên 1970, ở Viện kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế (IMEMO), một đại học nổi tiếng dành cho con cái của giới ưu tú Xô-viết. Perfilyev cảm thấy căm tức khi nhận diện được các tác động của cơ cấu giai cấp vô hình trong trường. Trước hết, vì là con nhà nghèo, ông bị các sinh viên khác khinh rẻ và tránh né, trong đó, có cả con cái các đảng viên thuộc Ủy Ban Trung Ương Đảng. Tuy nhiên, với thời gian, ông cũng kết bạn được với vài người và khi viếng thăm nhà cửa của họ, ông rất ngạc nhiên nhận thấy sự cách biệt giữa lối sống của họ và những người dân thường.

Vài năm sau, khi đã chứng kiến được phong cách độc tài đảng trị của các viên chức đảng về tất cả các trạng thái của đời sống Xô-viết, Perfilyev thường nhớ đến những ngày sinh viên của mình. Vào thời đó, ông cũng đã là đảng viên Cộng sản và đã lãnh đạo một tổ chức nhỏ của đảng trong ngân hàng quốc tế, nơi

ông làm việc với tư cách cố vấn pháp luật. Ông đã nhận thấy khoảng cách to lớn giữa bộ máy đảng và các đảng viên thường và lề lối mà đảng cố gắng tìm cách quy định hết mọi khía cạnh của cuộc sống riêng tư của các đảng viên.

Với Gorbachev lên cầm quyền, hệ cấp của đảng không có thay đổi gì nhiều. Các viên chức đảng tiếp tục đòi hỏi sự trung thành chánh trị vô điều kiện của mọi đảng viên, và bất cứ đảng viên nào có địa vị quản trị mà lại chỉ huy đi ra ngoài đường lối do đảng đề ra, thì phải bị mất việc ngay.

Một hôm, vào tháng Giêng năm 1990, trong lúc dắt chó đi dạo, Perfilyev để ý đến một ứng cử viên đại biểu nhân dân đang nói trước một nhóm dân chúng qua máy phóng thanh. Ứng cử viên này là Rutskoi. Sau khi nói xong, Rutskoi và Perfilyev đã gặp nhau và từ đó, hai người đã trở thành bạn thân. Cả hai đều là đảng viên thâm niên và trong lúc thảo luận về tình hình đất nước, họ đã đồng ý với nhau là đảng cần phải được cải cách sâu rộng.

Rutskoi thắng cử một năm sau đó, vào ngày 8 tháng 3 năm 1991, tuyên bố thành lập một nhóm dân biểu Cộng sản chủ trương Dân chủ. Perfilyev bắt đầu tổ chức một phong trào bên ngoài Quốc hội, có chương trình kêu gọi dân chủ hóa nội bộ đảng, tuyên bố chủ nghĩa Mác-Lê đã lỗi thời và đòi áp dụng nền kinh tế thị trường với một hệ thống an ninh xã hội cho những người bị thiệt thòi.

Những người cộng sản chủ trương dân chủ đã bắt đầu nhận được hàng ngàn lá thư của các đảng viên thường. Nguyên cả tổ chức đảng đã viết thư hỏi nơi nào nhận chữ ký xin gia nhập. Nhưng đến Tháng 8, cả Rutskoi và Perfilyev đều bị khai trừ ra khỏi đảng. Nhiều thành viên khác của phong trào cũng bị thanh lọc và việc khai trừ thường được tiếp theo bằng việc sa thải khỏi việc làm. Đến lúc ấy, Perfilyev mới tin rằng lãnh đạo đảng cộng sản đang chuẩn bị một cuộc đảo chánh.

**PERFILYEV LIỀN ĐI** tìm gặp Rutskoi. Lúc ấy vẫn hãy còn sớm và Rutskoi không biết Gorbachev còn sống và Yeltsin có bị bắt giữ

hay không. Nhận định về cuộc đảo chánh, Rutskoi nói, "Đây là một việc làm điên khùng; sẽ không có gì xảy ra từ vụ này đâu". Nhưng sau đó, ông lại nói thêm: "Nếu những kẻ bất lương này đoạt được chánh quyền, họ sẽ không từ bỏ bất cứ việc gì."

Perfilyev trở lại văn phòng mình và nghiên cứu sự lưu thông xe cộ tới lui trên đường Kutuzovsky Prospekt, một con lộ dài cây cối mát mẻ mà đoàn quân của Napoléon ngày xưa đã sử dụng để tiến chiếm Moscow. Từ xa, ông đã nhìn thấy những đoàn dài xe tăng đầu tiên.

Lần hồi, không khí Nhà Trắng sinh động trở lại, khi các dân biểu Nga và cuối cùng là Yeltsin cùng với các thành viên Chánh Phủ lục đục kéo đến. Thường dân, sĩ quan quân đội và KGB ly khai bắt đầu gọi điện xin các dân biểu Quốc hội cho biết tin tức. Qua cuộc xáo trộn và hốt hoảng này, Perfilyev có thể thấy một cuộc đổi đầu đang sắp diễn ra.

TẤT CẢ ước khoảng mười ngàn người và bốn trăm xe tăng đã đổ về Moscow, chiếm giữ các vị trí trong trung tâm thành phố. Thiết giáp và binh lính cũng di chuyển trong phạm vi hai khu vực, khu trung tâm phi trường trên đường Leningradsky Prospekt và phi trường Tushino, tây bắc Moscow. Cùng lúc đó, các sĩ quan KGB đã tịch thu báo chí độc lập và chiếm đài truyền hình Nga không cho phát hình. Đài truyền hình trung ương do Nhà nước kiểm soát, tuy nhiên, vẫn tiếp tục hoạt động, đã bắt đầu phát đi những hình ảnh của kịch vũ ba-lê *Hồ Thiên Nga*<sup>1</sup> nổi tiếng, được chiếu đi chiếu lại suốt cả ngày.

Tại Nhà Trắng, các thợ ký bắt đầu đánh máy "lời kêu gọi công dân Nga" do Yeltsin, Khasbulatov và Ivan Silaev, Thủ Tướng Nga, soạn thảo tại biệt thự riêng của Yeltsin ở Arkhangelskoe và được chuyển bằng điện thoại đến vào lúc 9 giờ sáng, trước khi họ cùng đi đến cao ốc Quốc Hội. Lời kêu gọi này tố cáo Ủy Ban Đảo Chánh cướp chính quyền gọi là "cuộc đảo chánh hữu

<sup>1</sup> Do nhạc sĩ Tchaikowsky sáng tác.

khuynh, phản động, phản hiến", đồng thời kêu gọi tổng đình công, bãi thị.

Các thành viên khác của Chánh Phủ Nga đã sớm đến đông đủ. Tướng Viktor Samoilov ngạc nhiên nhận thấy những người chủ mưu đảo chánh đã không cắt điện nước của tòa nhà. Quan trọng hơn nữa là các phương tiện truyền thông của tòa nhà cũng không bị gián đoạn, và đến giữa buổi sáng, chuông điện thoại hồi như reo liên tục trong mọi phòng việc, trong khi dân chúng khắp nơi liên tục gọi các dân biểu của họ về tình hình và mức tiến của binh lính và chiến xa đang bao quanh thành phố.

Vào 11.00 giờ sáng, một cuộc họp của 30 đại biểu Chủ tịch đoàn Quốc hội Nga được tổ chức. Yeltsin chủ tọa lên tiếng hỏi Chánh Phủ có phương tiện gì để đối phó với cuộc đảo chánh. Viktor Ivanenko, viên chức chỉ huy KGB mới được thành lập cho biết ông ta có 30 người dưới quyền điều động của mình. Viktor Barannikov, Bộ Trưởng nội vụ tuyên bố có khoảng 300 người.

Mặc dù đó là những lực lượng tối thiểu, Yeltsin vẫn cương quyết chống cự. Sau khi cuộc họp chấm dứt, ông và vài người phụ tá bước ra ngoài bao lợn nhìn xuống sông, tung xuống các truyền đơn "kêu gọi" của ông. Trở vào tòa nhà, Yeltsin ban hành một sắc lệnh chỉ thị cho KGB, Bộ Nội vụ và Quốc phòng phải được đặt dưới quyền điều động của ông và kêu gọi binh sĩ chống lại Ủy Ban đảo chánh.

Vào 1 giờ chiều, một hàng dài nhiều xe tăng di chuyển theo con đường Kutuzovsky Prospekt, vượt qua sông và chia làm hai cánh, tiến theo hai ngả, bao vây Nhà Trắng.

Với các cận vệ bao quanh, Yeltsin đi xuống lâu, đến gần một xe tăng dẫn đầu, hỏi viên sĩ quan chỉ huy:

"Có phải anh đến để giết Yeltsin không?"

"Không, dĩ nhiên là không," sĩ quan này trả lời.

Và lập tức, Yeltsin leo lên xe tăng này, xe số 110 thuộc Sư Đoàn Taman, nói lớn: "Hỡi các công dân Nga", trong lúc dân chúng đang vây quanh ông, "Tổng Thống được bầu ra một cách hợp pháp của nước này đã bị lật đổ... Chúng tôi đang đối phó với một cuộc đảo chánh phản động hữu khuynh và bất hợp hiến..."

Phản động sẽ không thể thắng. Tôi tin quân đội sẽ không chống lại nhân dân... Những kẻ phản loạn sẽ bị mang ra xét xử trước công lý."

Không có một cuộc dàn xếp dung hòa nào với những người âm mưu đảo chánh cả. Yeltsin và Chánh Phủ của ông ta đã quyết định chọn lựa.

**ĐẦU TIÊN**, Perfilyev bị xao xuyến vì tình hình. Các hành lang của Nhà Trắng tràn ngập những người vũ trang, gồm cả một số người mang mặt nạ bằng chiếc vớ, và các dân biểu luôn miệng nói đến một cuộc tấn công sắp xảy ra. Bên ngoài, một hàng xe tăng vượt qua cây cầu Kalinin, dừng lại và chĩa súng vào tòa nhà. Tuy nhiên, đến 2 giờ chiều, Perfilyev bắt đầu nhận được nhiều báo cáo lạc quan. Các xã viên của hợp tác xã Alex, một xí nghiệp bảo vệ an ninh tư gồm nhiều cựu chiến binh của chiến tranh Afghanistan, tuyên bố sẽ giúp bảo vệ Nhà Trắng, các học viên cảnh sát của Học Viện Tula-Orlovsky, thuộc Bộ Nội Vụ và dân quân OMON của *oblast*<sup>1</sup> thuộc thủ đô Moscow, cũng tham gia bảo vệ. Tại Viễn đông, quần đảo Sakhalin, toàn bộ binh sĩ quân đội trấn đóng tại đây tuyên bố bảo vệ nền cộng hòa Nga.

Tin tức về các đơn vị đi theo chánh nghĩa của cộng hòa Nga làm cho Perfilyev hy vọng có thể sẽ không có một cuộc đồi đầu đẫm máu. Tuy nhiên, ông cũng còn chút ngại là nếu những người lãnh đạo cuộc đảo chánh cố dùng vũ lực chiếm Nhà Trắng, các đơn vị quân đội có thể xung đột lẫn nhau và nước Nga sẽ lâm vào vòng nội chiến.

Trong lúc đó, tinh thần chống đảo chánh dần dần được lan rộng xuống đường phố. Dám dũng dân chúng quanh Nhà Trắng, bắt đầu hình thành lúc 11 giờ sáng, đã gia tăng. Các xe cần cẩu được gọi đến, dựng lên các rào cản xi măng cốt sắt, ống sắt, gạch đá, cây gỗ, đường rầy được nối liền nhau. Tại nhà ga xe điện ngầm Barrikadnaya, các bích chương kêu gọi dân chúng chống cự

<sup>1</sup> Đơn vị hành chính và chính trị.

được dán lên tường, và trong sảnh đường nhà ga, một bà lớn tiếng kêu gọi qua loa phóng thanh: "Tất cả mọi người hãy kéo đến Nhà Trắng." Valentin Poluektov, một lãnh tụ của đảng Dân chủ Nga, một đảng mới thành lập, thấy một bà khoảng 70 tuổi đang đi đến Nhà Trắng, ông hỏi: "Bà đi đâu vậy? Họ sắp bắn nhau đấy."

"Họ cứ bắn", bà này trả lời. "Tôi không muốn nghe một lời nói dối nào nữa."

**BÊN TRONG TÒA NHÀ TRẮNG**, Tướng Konstantin Kobets, Bộ trưởng Quốc phòng Nga và bộ tham mưu của ông trải tấm bản đồ thành phố Moscow trên bàn. Trên cơ sở tin tức do dân chúng gọi vào cung cấp, họ có thể xác định được các địa điểm đang được quân đội triển khai. Trong số những người cho tin, có cả nhân viên KGB làm việc cho cơ quan phản gián quân sự.

Trong lúc tình hình diễn biến, các toán thám báo từ tổ chức Alpha đã hòa lẩn vào dân chúng quay phim video các nẻo ra vào tòa nhà cùng các biện pháp an ninh. Vào 2 giờ chiều, Trung Tướng Viktor Karpukhin, chỉ huy trưởng đơn vị Alpha mang một trong các băng video này đến bộ Quốc phòng và một cuộc họp do các tướng lãnh Valentin Varennikov, chỉ huy trưởng các lực lượng trên bộ và Pavel Grachev, chỉ huy trưởng các lực lượng nhảy dù triệu tập, đã ra lệnh tấn công Nhà Trắng. Theo kế hoạch, lực lượng nhảy dù dưới quyền Tướng Alexander Lebed và các đơn vị đặc nhiệm (OMON) thuộc bộ Nội vụ được lệnh tấn công qua cổng số 8, mở đường cho toán Alpha xông vào chiếm thang máy lên tầng thứ 5 của tòa nhà, nơi đặt bản doanh của Yeltsin. Binh lính dưới đất tập trung bắn vào các cửa sổ, đánh lừa sự chú ý của các lực lượng bảo vệ, trong lúc toán Alpha tiến lên tấn công bản doanh của Yeltsin, tiêu diệt các toán bảo vệ và các lãnh tụ Nga đang ở đây. Kế hoạch tấn công này được quyết định thi hành bắt đầu từ 3 giờ sáng ngày 20 tháng 8.

Khi trở lại bộ chỉ huy của toán Alpha, Karpukhin đã triệu tập các sĩ quan dưới quyền để ra lệnh tấn công, nhưng bất ngờ nhận thấy có hai sĩ quan là Mikhail Golovatov và Sergei Goncharov

đưa ra yêu cầu được tham khảo ý kiến của các binh sĩ thuộc quyền - như vậy có nghĩa là hai sĩ quan này đã dành quyền từ chối tấn công.

Trong lúc Karpukhin đang chờ trả lời của hai sĩ quan này, các sĩ quan khác trực thuộc ông đã tiếp xúc vô tuyến với nhiều căn cứ lực lượng Alpha tại thủ đô. Toán Alpha tại khu vực Nhà Trắng đã nghiên cứu phim video và đã nhận được trang bị, vũ khí, đạn dược. Không ai còn nghi ngờ gì nữa, các lãnh tụ Nga chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Nhưng toán Alpha này lại không muốn đụng độ với dân chúng và trong lúc chờ đợi, họ lo ngại không biết làm thế nào để ra khỏi Nhà Trắng sau khi tiêu diệt được Yeltsin và tay chân bộ hạ của ông ta. Có thể nào họ mở con đường ra bằng cách bắn vào dân chúng cuồng nhiệt này? Tất cả họ đều có gia đình, thân quyến ở thủ đô Moscow này.

Thế rồi, trước sự ngạc nhiên của mọi người, binh sĩ của toán Alpha đều đồng lòng không thi hành lệnh tấn công. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử của đơn vị Alpha chống lại lệnh trực tiếp của cấp chỉ huy họ.

Đến đây, Tướng Karpukhin bị lâm vào tình trạng bối rối, bỏ đi về trụ sở KGB và như thế thì không còn cách nào để điều động toán Alpha tấn công nữa.

#### TẠI TÒA NHÀ TRẮNG, xe tăng bố trí chung quanh đã bắt đầu rút lui.

Tuy nhiên, trong lúc ấy, bên kia sông, trên cầu Kalinin, có 10 xe tăng dưới quyền chỉ huy của Thiếu tá Yevdokimov, thuộc Sư đoàn Taman, đang bố trí trước khách sạn Ukraine. Dân biểu Nga Sergei Yushenov đang quan sát các chiến xa di chuyển qua cửa sổ của văn phòng ông ở tầng lâu 11, nhận được điện thoại của Sergei Bratchikov, một thường dân có dịp nói chuyện với Thiếu Tá Yevdokimov, cho biết là sĩ quan này theo nguyên tắc, đã sẵn sàng cho xe tăng của ông vượt sông để đến bảo vệ cho Nhà Trắng. Yushenov còn thuyết phục được một dân biểu Nga khác là

Viktor Aksuchits và hai người cùng đi đến cầu Kalinin để gặp Thiếu Tá Yevdokimov.

"Như ông đã thấy, ông có hai lựa chọn," Yushenkov nói với Thiếu Tá Yevdokimov. "Ông có thể thi hành lệnh của nhóm tội phạm đã cưỡng chiếm quyền hành, hay là thi hành lệnh của vị Tổng Thống được toàn dân bầu lên." Yevdokimov quay về với đơn vị mình cùng với Yushenko và cho binh sĩ biết là phải vượt qua cầu để đến bảo vệ Nhà Trắng.

Khi các xe tăng đi đầu tiên qua cầu và vượt qua các rào cản, tiếng la hét của đám đông dân chúng át hẳn tiếng di chuyển của xe tăng, dân chúng lập tức bao vây nó, làm nó phải dừng lại, trong lúc hàng trăm người đưa tay bắt tay binh sĩ trên xe. Sau đó, dân chúng lại lấy các lá cờ xanh, đỏ, trắng phủ lên các xe này đã lập một vòng bán kính quanh Nhà Trắng, súng chĩa ra phía ngoài.

Tin một đơn vị thiết giáp trở cờ ủng hộ phía người Nga đã được các đài phát thanh Tây phương tường thuật cho toàn Liên Bang Xô-viết nghe.

Yeltsin, đang bận rộn trong phòng chiến tranh ở tầng lầu 3 Nhà Trắng, đã ký một sắc lệnh thành lập một chính phủ sẵn sàng lên cầm quyền và cử phái 23 nhà lãnh đạo quân sự và dân sự đi đến một địa điểm bí mật cách thị trấn Sverdlovsk 35 dặm, dự trù nếu Nhà Trắng bị tràn ngập, nhóm người này sẽ hoạt động chống lại phe đảo chính với danh nghĩa Chính phủ Nga.

**ĐẾN 9 GIỜ ĐÊM**, trong chương trình phát thanh tin tức buổi tối, phát ngôn viên đọc bản tuyên bố của Ủy ban Tình Trạng Khẩn Trương, biện minh cuộc đảo chính chỉ có mục đích bảo vệ đất nước chống các thế lực cực đoan. Chương trình truyền hình, tuy nhiên, cũng phát một đoạn phim cho thấy hình ảnh Yeltsin đứng trên xe tăng kêu gọi dân chúng đình công bãi thi. Tiếp theo là một đoạn phim của cuộc họp báo buổi sáng sớm của các thành viên Ủy ban đảo chính. Người quay phim nhận thấy tay của Phó Chủ tịch Xô-Viết Yanaev run lẩy bẩy, và người này cố tình đưa ống kính nhắm vào hai bàn tay run rẩy nhiều lúc lâu, xác định

cho hàng triệu khán giả thấy các lãnh tụ đảo chánh không có tự tin. Ở cuối chương trình tin tức, các nhà cầm quyền thông báo lệnh giới nghiêm kể từ 11 giờ đêm; lệnh này thúc đẩy dân chúng bỏ nhà để đi đến Nhà Trắng càng thêm đông. Từ ga xe điện ngầm Barrikadnaya, dân chúng cuồn cuộn kéo đến rất sớm. Nhiều người mang theo bình nước nóng, dù và mền, chuẩn bị ở lại cả đêm. Trong lúc ấy, một nhóm dân biểu Nga đưa ra lời kêu gọi đám đông dân chúng ở bên ngoài Nhà Trắng nên ở đâu ở đó.

"Đừng để chúng tôi ở đây một mình", Bella Kurkova, người phụ nữ đảm trách chương trình truyền hình "Bánh Xe Thứ Năm", một chương trình truyền hình rất bình dân, nói qua loa phóng thanh, đài phát thanh Nhà Trắng đang phát thanh từ hầm của tòa nhà, giờ đây đã hoạt động và sẽ tiếp tục hoạt động cho đến khi nào cuộc khủng hoảng chấm dứt.

Bắt đầu qua ngày thứ hai, những người lãnh đạo cuộc đảo chánh hy vọng chỉ sự hiện diện của chiến xa trên các đường phố cũng đủ làm dân chúng sợ hãi, nhưng nay thì họ đã tỏ ra thất vọng. Vào khoảng 10.30 giờ sáng, trời mưa nặng hạt, nhưng bên ngoài Nhà Trắng đã có rất đông dân chúng, do những người đã ở đây suốt đêm và những người mới vừa đến.

Yeltsin xuất hiện trước bao lớn, đứng sau một tấm bình phong che đạn, và bắt đầu nói với dân chúng: "Tập đoàn này đã không có chút tự chế nào để cướp chính quyền, và họ cũng sẽ không ngăn ngại sử dụng bất cứ phương tiện nào để duy trì nó", ông nói "Có phải là bàn tay Yazov đã dính máu của nhiều cộng hòa khác rồi hay không? Và Pugo cũng thế, tại các vùng Baltics và Caucasus? Các công tố Nga và Bộ Nội vụ đã có lệnh; bất cứ ai thi hành lệnh của Ủy ban bất hợp pháp này thì sẽ bị truy tố và xét xử! Dân chủ sẽ thắng và chúng tôi sẽ vẫn ở đây cho đến khi nào tập đoàn này phải được đưa ra trước pháp luật!"

KHI EMMA BRUK đi đến khu vực quanh Nhà Trắng vào khoảng giữa trưa, bà rất phấn khởi nhận thấy số đông dân chúng, hằng

ngàn người che dù và trùm vải nhựa, đứng ngồi dưới mưa, làm cho bà tin có thể tiếp tục cuộc chống cự.

Lúc ấy, nhiều lượt người đã ra nói trước đám đông từ trên bao lơn. Họ kêu gọi đám đông bảo vệ Nhà Trắng và yêu cầu dân chúng đừng bỏ đi. Trong số những người này, có Rutskoi; Gennady Burbulis, một phụ tá của Yeltsin; Yelena Bonner, vợ góa của nhà vật lý nổi danh Andrei Sakharov; Gleb Yakunin, một tu sĩ và cựu tù nhân chính trị, hiện là một thành viên của Xô-Viết Tối Cao Nga; và Gennady Khazanov, một nhà hài hước đã từng chọc cười dân chúng khi nói rằng người ta không thể làm chính trị trong sạch "với những bàn tay dơ."

Một trạm cứu thương được dựng lên với vải bạt tại cửa vào Nhà Trắng, phía đối diện với con sông, và sau một cuộc họp, Emma đã đến đó, tình nguyện giúp việc. Mười hai người với băng chữ thập đỏ đeo tay, đứng sau các bàn, trên có bày các loại thuốc sát trùng, rượu cồn, gòn, băng. Vài nữ y tá, vẻ mệt mỏi sau một đêm dài thức trắng, nằm trên các bệ cửa sổ tạm nghỉ ngơi.

Lúc ấy, đài phát thanh của Nhà Trắng loan báo cho dân chúng nên có khăn tay ướt và bông gòn và nhớt bịt miệng, mũi khi có cuộc tấn công bằng hơi cay. Bác sĩ và các nữ y tá tại trạm cứu thương yêu cầu Emma tìm vải băng và các trang bị khác. Emma liền trở về nhà, gọi điện cho đứa con bà đang ở Hoa Kỳ. Vài giờ sau khi bà trở lại, trạm cứu thương được dời lên một xe buýt điện, trước đó được sử dụng làm rào cản phía đối diện với công viên.

Bác sĩ và y tá từ các bệnh viện khắp thủ đô Moscow đi đến Nhà Trắng với nhiều tiếp liệu và nay thì họ cho rằng không cần thêm bác sĩ nữa, vì cho đến nay chưa có một bệnh nhân nào cả.

Emma lên một xe buýt thứ hai, nơi đây các phụ nữ đang bận rộn làm bánh *xǎng uých*.

Một bà hỏi, "Bà đang làm gì ở đây? Chúng tôi đang làm đồ ăn." Emma hơi lưỡng lự và định bỏ đi. Nhưng một bà nói: "Vậy bà đứng đấy làm gì? Hãy giúp chúng tôi một tay đi!".

Emma lấy một chiếc ghế ngoài sau xe buýt và bắt đầu làm bánh *xǎng uýt* với xúc xích và phó mát, và đặt các bánh này vào một cái rổ lớn mang đi phân phối cho dân chúng.

Trong lúc làm việc và mưa rơi đều trên nóc xe buýt, bà nghe các phụ nữ khác đang bàn luận với nhau về các ca sĩ và ngôi sao điện ảnh nổi danh; hình như họ quên đi tình thế nguy hiểm đang xảy ra.

KHI SERGEI LATISHEV đi vào Nhà Trắng sáng ngày 20, ông thấy một cái bàn nơi cửa chính với vài người đang đứng đấy, dưới tấm biển đề: TỔNG HÀNH DINH - Lực lượng tự vệ. Ông xếp hàng, chờ ký tên tình nguyện bảo vệ Nhà Trắng, nhưng quy trình xem có vẻ rất thiếu tổ chức. Một người, sau khi đã ký tên, được dẫn đến cho đứng chung với một nhóm gần đó mà không được cho biết phải làm gì. Nhóm người này bắt đầu làm thân với nhau. Trong lúc đó, hàng người đứng chờ ký tên càng dài ra. Nhận thấy mình có thể làm được nhiều việc, Latishev rời khỏi Nhà Trắng trở về trụ sở cựu chiến binh Afghan để bàn một kế hoạch hành động với Vladimir Nikolaev, giám đốc xí nghiệp xây dựng cầu đường của tổ chức cựu chiến binh.

Xí nghiệp này, nhận được quỹ để yểm trợ các hoạt động của cựu chiến binh Afghan, có xe tải nặng, xe nặng nén đất, xe ủi đất và xe đầu kéo *rò-moc*. Latishev cho Nikolaev biết cuộc phòng thủ Nhà Trắng rất thiếu tổ chức và đề nghị sử dụng các phương tiện xe cộ này ngăn chặn lưu thông trên các xa lộ Altufinskoe và Dmitrovskoe, cản đường các đơn vị thiết giáp kéo vào thủ đô. Vì còn một số lớn xe thiết giáp trên đường vành đai bao quanh Moscow, mọi công tác cắt đứt giao thông với trung tâm thành phố đều có ý nghĩa chiến lược.

Hai người đã cân nhắc hậu quả của công tác này. Họ cũng biết trước có thể gây kẹt xe khủng khiếp và nhất là họ lo ngại cản đường các xe cứu thương và cứu hỏa. Không tin chắc kế hoạch có thể được thực hiện, Latishev quay trở lại Nhà Trắng dự định sẽ thảo luận lại với những người đang phòng thủ ở đây.

Khi Latishev trở lại Nhà Trắng thì một hàng rào người bao quanh đã thành hình. Vẫn còn có nhiều khoảng trống lớn, nhưng ít nhất cuộc phòng thủ cũng đã có tổ chức. Một nhóm cựu chiến

binh lập thành một hàng rào trước cổng thứ 20 ở một góc nhà gần tòa đại sứ Hoa Kỳ, một trong những cửa ra vào còn được sử dụng. Họ được vũ trang bằng dao và gậy sắt, đồng ý với nhau là trong trường hợp bị tấn công, họ sẽ dùng những khí giới này để giải giới ít lầm cũng được một kẻ tấn công, và sau đó, sẽ dùng súng tự động của người này chống lại những kẻ khác.

Latishev nhìn những người đang phòng thủ khác quanh mình - những sinh viên, học sinh và giáo viên, các bà nội trợ và nhà kinh doanh nhỏ - và tự nghĩ, những người này chắc không hiểu được sự ghê gớm đang xảy đến với họ. Cuộc phòng thủ càng lúc càng được chặt chẽ hơn. Dần dần các khoảng trống được lắp lại và một hàng rào người thứ hai được tổ chức. Giờ đây thật khó có thể đến gần toà Nhà Trắng mà không có phép.

Trong lúc đứng ngoài trời mưa, Latishev nghe nhiều báo cáo có xe tăng đang di chuyển hướng về tòa nhà Quốc Hội. Tình hình trở nên căng thẳng và dân chúng vây lấy những ai có mang theo máy thu thanh.

Latishev hỏi ý kiến một viên chức của Nhà Trắng về việc lập những rào cản bằng các loại xe làm đường và sau một lúc lâu bàn luận, anh được cho biết là không cần thiết. Vài cựu chiến binh được yêu cầu điều tra về các báo cáo có kẻ bắn lén trên các nóc nhà quanh Nhà Trắng.

Trong lúc dân chúng biểu tình đang chui rút với nhau để đỡ lạnh, nhiều khói bốc lên từ cả chục đống lửa trại đốt lên trước mặt tiền Nhà Trắng. Và mọi người chỉ có chờ đợi.

**ĐẾN CUỐI BUỔI CHIỀU**, tình hình có vẻ trở nên khó khăn cho những người đảo chính. Cuộc đảo chính dự tính phải diễn ra tức khắc, nhưng cuộc đảo chính này có vẻ như chậm chạp, những kẻ chủ trương đang thụ động và Yeltsin thì tuyên bố thách thức và sự chống cự quanh Nhà Trắng tiếp tục được củng cố.

Được khuyến khích bởi sự do dự của các lãnh tụ đảo chính, các dân biểu và các thành viên của Hội Đồng Thành Phố

Moscow bắt đầu đi đến các đơn vị quân đội để thuyết phục họ thay đổi phía chiến đấu.

**GEORGY ZADONSKY**, một dân biểu Nga đi đến rào cản trên cầu Kalinin, sau khi suốt ngày đi từ nhà ở vùng quê. Ông hỏi tin tức một người qua đường và được người này trả lời: "Bên trái ông là xe tăng của chúng tôi, còn bên phải là xe tăng của họ, chính giữa là cây cầu."

Zadonsky đưa phù hiệu dân biểu của mình ra, leo qua hàng rào và đi vào tòa nhà Quốc hội; nơi đây, ông được giao nhiệm vụ cùng với nhiều dân biểu khác, sắp sửa ra đi đến *raion Fili* ở cuối đường Kutuzovsky Prospekt để tiếp xúc với các binh lính ở đây. Khi đến nơi, Zadonsky yêu cầu được gặp người chỉ huy đơn vị, nhưng sĩ quan này từ chối. Dù vậy, sĩ quan này vẫn không ngăn cản ông nói chuyện với binh lính. Zadonsky cùng vài dân biểu khác liền phân phát cho binh lính bản lời kêu gọi binh sĩ chống lại lệnh của Ủy Ban Tình Trạng Khẩn Trương. Zadonsky cũng cùng các dân biểu đi qua cầu để nói chuyện với một sĩ quan đại đội trưởng.

"Một phần của sư đoàn Taman đã theo về với chúng tôi", Zadonsky nói. "Tại sao anh không làm như thế?"

"Quân đội làm bất cứ điều gì", sĩ quan này nói, "cũng đều bị khiển trách; nếu chúng tôi chống dân chúng, chúng tôi sẽ bị khiển trách, nhưng nếu chúng tôi không làm vậy thì chúng tôi cũng sẽ bị kỷ luật vì không thi hành lệnh trên."

Zadonsky trở lại Nhà Trắng và được yêu cầu đi ngay đến nói chuyện với binh lính thiết giáp đang đóng gần ga xe điện ngầm Electrozavodskaya trên sông Yauza. Nhưng khi ông và một số dân biểu đến đây, thì lại thấy dân chúng địa phương đang bao vây binh lính bị tố cáo là đến để "bắn giết đồng bào của chính họ." Người chỉ huy than phiền, chính Yazov đã đặt quân đội vào một tình thế nan giải. Khi Zadonsky hỏi sĩ quan này có định thi hành lệnh bắn vào dân chúng hay không, ông ta không trả lời.

Sergei Zasukhin, một dân biểu cùng một nhóm đồng viện được phái đến vùng xa lộ Minsk, nơi đây họ gặp một số xe vận tải quân đội trang bị đèn roi sáng bầu trời trong trường hợp có nhảy dù. Lo ngại có thể có một cuộc tấn công Nhà Trắng từ trên không, Zasukhin và số dân biểu cùng quyết định tìm cách ngăn không cho các xe này đi vào trung tâm thành phố. Họ bước ra giữa xa lộ, ra dấu cho hai xe thót đầu dừng lại và yêu cầu đậu ngang qua đường. Các binh lính lái xe tuân hành và như thế thì xa lộ đã bị cắt đứt, không xe thót nào qua được nữa. Zasukhin và các dân biểu khác bắt đầu nói chuyện với binh lính và sĩ quan chỉ huy.

"Nhiệm vụ của mấy anh là gì?" Zasukhin hỏi.

"Chúng tôi không biết," một binh sĩ trả lời. "Người ta không cho chúng tôi biết đi đâu và làm gì; họ chỉ nói, đó là 'thành phố Moscow'."

Các dân biểu nói với binh sĩ là nếu họ không quay về và rời bỏ Moscow thì các đèn chiếu sáng sẽ bị đập bể. Thay vì phản ứng giận dữ, các binh lính yêu cầu dừng đụng đến các xe của họ. "Chúng tôi có trách nhiệm giữ gìn các xe này. Nếu các ông muốn phá vỡ cái gì, thì cứ phá bể các đèn chiếu - chúng tôi không có trách nhiệm đối với chúng."

Cuối cùng, sĩ quan chỉ huy cho biết đơn vị sẽ đi vòng và rời khỏi Moscow. Zasukhin và các dân biểu khác lên xe của mình và hộ tống đoàn xe đơn vị cho đến khi ra khỏi ranh giới thành phố.

Zasukhin sau đó đi đến nhà ga xe điện ngầm ở Phi cảng, nơi có 10 xe tăng hạng nhẹ đang đậu trên đường Leningradsky Prospekt. Ông cũng nói chuyện với viên đại tá chỉ huy, hỏi quân số của đơn vị, nhưng bị từ chối trả lời. Tuy nhiên, ông cũng được cho biết là đơn vị đã nhận được lệnh di chuyển đến trung tâm thành phố, vùng đông dân cư, nhưng họ quyết định không tuân hành.

Quyết định của viên đại tá là một trong những hành động bất phục tùng, bắt đầu xảy ra cho tất cả các cấp trong quân đội.

Một sĩ quan chánh trị viên của đơn vị chịu trách nhiệm huấn luyện nhồi sọ về tư tưởng cộng sản, cố giải thích vị thế cá nhân của riêng mình. "Tôi vẫn là một người dân như những người dân trong đám đông ở ngoài Nhà Trắng," sĩ quan này nói, "nhưng tôi là người mặc quân phục, nếu nhận được lệnh đi đến Nhà Trắng và phải bắn, tôi sẽ đi và sẽ bắn."

Zasukhin nổi giận nói, "Anh không phải là con nít. Cái mủ sắt anh đang đội trên đầu và cái đầu được cấp cho anh đó là để anh suy nghĩ. Nếu anh có vợ con, thì nên nghĩ đến những gì tốt đẹp hơn cho họ." Cuộc trao đổi kéo dài khoảng ba giờ và các dân biểu cũng đã phân phát truyền đơn và nói chuyện cùng binh lính. Lúc rời khỏi nơi đây, Zasukhin đã tin chắc, nhiều đơn vị lớn trong quân đội đã từ chối thi hành lệnh hơn là phải nổ súng vào dân chúng.

**PERFILYEV TỰ HỎI** không biết làm gì. Nhiều báo cáo từ khắp nơi trong nước cho biết là các chánh quyền địa phương, KGB và các đơn vị quân đội đang bắt đầu ngã theo chánh phủ Nga. Đám đông dân chúng bên ngoài tòa nhà Quốc hội ngày càng thêm đông, và thế giới đang tập chú vào cuộc đối đầu đang diễn ra ngay ngoài cửa nhà họ. Cũng trong lúc ấy, Perfilyev hiểu rằng muốn chấm dứt sự chống cự của chánh phủ Nga, những người đảo chánh phải cần đến một đơn vị có thể tin cậy được. Ông quyết định, những người chống cự cần phải dùng mọi phương tiện sẵn có để tiếp xúc với các viên chức cao cấp của KGB, Bộ Nội vụ, và quân đội, để thuyết phục họ đừng tham gia cuộc tấn công.

Vào 4,30 giờ chiều, Yeltsin đã xuất hiện từ văn phòng mình và lặng lẽ bắt tay những người đang ở trong phòng khách. Tụ họp tại đây, có những người đã từng cộng tác với ông trong nhiều năm qua. Yeltsin dừng lại tiếp chuyện ngắn ngủi với từng người. Ông nói, "Cám ơn bạn đã ở lại đây; chúng ta sẽ cương quyết giữ vững với bất cứ giá nào."

Thái độ của Yeltsin bình tĩnh, nhưng rõ ràng là qua con mắt ông, người ta nhận thấy ông đang băn khoăn, lo lắng. Tất cả các

nguồn tin đang chứng tỏ là Ủy Ban chủ trương đảo chánh đã nhất quyết tràn ngập Nhà Trắng nội trong đêm nay. Đã có nhiều kế hoạch đang được xúc tiến để di tản Yeltsin trong trường hợp có cuộc tấn công. Tuy nhiên, sự hiện diện của ông ta ở đây đã nâng cao tinh thần của mọi người trong phòng.

Các cuộc tiếp xúc với các lãnh tụ đảo chánh do Yeltsin và Rutskoi đảm trách. Rutskoi gọi Yazov, Yanaev và Pugo và hỏi họ có ý định gì. Mỗi người đều nhấn mạnh không có cuộc tấn công vào tòa nhà Quốc hội, và họ chỉ muốn cứu đất nước khỏi bị sụp đổ mà thôi.

Rutskoi cũng gọi đến Kryuchkov, nhưng ông này từ chối nói chuyện. Perfilyev dùng điện thoại chính phủ, gọi nói chuyện với một tướng lãnh mà anh quen biết, và cảm giác ông này rằng trong tòa nhà có 300 người vũ trang. Vị tướng lãnh này tỏ vẻ ngạc nhiên và Perfilyev có cảm tưởng là có nhiều phần tử trong quân đội không muốn thấy có cuộc đổ máu.

Gần hết ngày, rõ ràng là các quân nhân chủ trương đảo chánh đang lưỡng lự, và bộ tham mưu của Nhà Trắng đã nhận thấy phải làm mọi cách để gia tăng tình trạng lưỡng lự và thiếu tin tưởng này. Mỗi thành viên của bộ tham mưu này có bạn bè trong Bộ Quốc phòng, cơ quan KGB, hoặc Bộ Nội vụ đều tìm cách liên lạc thường xuyên với họ. Trong các cuộc nói chuyện, câu chuyện vẫn là: Quân đội không nên dấn thân vào chính trị. Vấn đề hiện nay phải được giải quyết một cách hợp pháp, chiếu theo hiến pháp.

Nikolai Stolyarov, một đại tá trước đây đã giữ chức Chủ tịch Ủy ban duyệt xét lại của Đảng cộng sản Nga, đã gọi Yazov, Pugo, Yanaev và Anatoly Lukyanov, Chủ tịch Xô-viết Tối Cao, thúc đẩy những người này ra lệnh rút quân. Các nhân vật này trả lời là họ không muốn sử dụng quân đội, mà chỉ tìm cách ngăn ngừa tình trạng rối loạn.

Tình trạng căng thẳng kéo dài và gia tăng cả ngày, nhưng đồng thời, không có hành động nào làm đổ vỡ hoạt động của Nhà Trắng cả. Điện thoại vẫn reo như thường và điện, nước vẫn có luôn luôn. Rutskoi rất lấy làm khó hiểu về thái độ của những

người lãnh đạo cuộc đảo chánh. Sau một cuộc trao đổi với Yanaev, ông nói: "Ông ta (Yanaev) luôn luôn biện minh cho bản thân. Tất cả những gì ông ta nói là không muốn thấy có nạn nhân. Ông ta chỉ muốn cải tiến nền kinh tế."

Tuy nhiên, với thời gian đang trôi qua nhanh chóng, có nhiều dấu hiệu cho thấy những người lãnh đạo đảo chánh đang chuẩn bị cho một hành động quân sự. Một đại tá KGB bỏ hàng ngũ phe đảo chánh để sang phe người Nga của Nhà Trắng, đã trình một kế hoạch tấn công tòa nhà Quốc hội này bằng một đội quân cảm tử. Thiết giáp, trước đây chỉ di chuyển tới lui như không có chủ đích, nay lại bắt đầu di chuyển vào những vị trí hình thành một vòng tròn vây quanh tòa nhà; đồng thời, các tay súng phòng thủ Nhà Trắng bắt đầu nhận thấy những kẻ bắn lén trên các nóc nhà chung quanh.

Trong một cuộc họp của bộ tham mưu phòng thủ, Perfilyev và các cố vấn của Rutskoi tìm cách tốt nhất chống lại cuộc tấn công. Perfilyev đề nghị cần có một vòng đai rộng khoảng 50 thước quanh tòa nhà được để trống, và bắt cứ ai vượt khoảng trống này cũng sẽ bị xem như kẻ tấn công. Đề nghị được chấp thuận và đài phát thanh kêu gọi dân chúng nên di chuyển trở lại, ra xa khỏi tường của Nhà Trắng 50 thước.

**ĐÊN 11 GIỜ ĐÊM,** Nhà Trắng trông giống như một khu chiến. Đèn rọi chiếu sáng mặt tiền của tòa nhà, mưa vẫn rơi trên các tấm bạt che cho các đống lửa do dân chúng đốt lên để sưởi ấm.

Dù đã có lệnh giới nghiêm bắt đầu từ 11 giờ đêm, nhiều đợt dân chúng vẫn kéo đến khu vực Nhà Trắng từ ga xe điện ngầm Barrikadnaya. Nhà Trắng lúc này có 3 vòng đai binh lính phòng thủ với súng cầm tay, và ngay cả các phóng viên báo chí cũng khó khăn lắm mới được vào cửa của tòa nhà. Trời có nhiều mây thấp, cao không quá 200 thước; thời tiết này không thuận lợi cho một cuộc tấn công từ trên không. Các bóng đèn đỏ báo hiệu cho trực thăng, trong trường hợp này trở thành một nguy cơ cho Nhà Trắng vì nó sẽ hướng dẫn cho cuộc tấn công từ trên không, nên

được đập bỏ, làm miếng rơi xuống dân chúng. Các súng máy được bố trí trên nóc nhà.

Dân chúng vừa lo sợ vừa hy vọng, tìm nghe mọi tin tức bất kể các tin này có được tin cậy hay không. Lúc nào cũng có những báo cáo về sự di chuyển của thiết giáp hướng về Nhà Trắng. Đồng thời lại có tin đồn là Yazov và Kryuchkov đã từ chức và Pavlov thì đang bị cơn đau tim.

Bên ngoài khu vực kế cận Nhà Trắng, sinh hoạt dân chúng vẫn bình thường. Khi Valentina Linikova, một nữ dân biểu Nga đi vào khách sạn Rossiya, bà ngạc nhiên nhận thấy tại phòng ăn, đang chơi nhạc, dân chúng đang khiêu vũ và vui vẻ. Một người bạn đề nghị tặng bà bó hoa hồng. Bà nói, "Ông có điên hay không? Tôi đang chiến đấu ở các hàng rào phòng thủ Quốc hội mà ông lại tính tặng cho tôi hoa à?"

**CÀNG VỀ KHUYA**, tình hình càng căng thẳng thêm bên ngoài Nhà Trắng.

Yeltsin, mục tiêu thứ nhất của mọi cuộc tấn công, đã được mời rời nơi làm việc để đi xuống hầm trú bom, dưới tầng hầm của tòa nhà.

Một lính phòng vệ đi vào xe buýt nơi Emma đang làm việc và nói, những người tình nguyện nên rời khỏi nơi đây.

"Chúng tôi đang làm bánh xiang uých," một bà nói.

"Bánh xiang uých thứ nào?", lính phòng vệ hỏi to, "chúng ta sắp sửa bị tấn công."

Một thời gian ngắn sau, Emma trở vào với đám đông dân chúng. Trong lúc đài phát thanh Nhà Trắng càng lúc càng khẩn khoản và lo ngại cho dân chúng, Emma nhìn lại quanh mình và những người khác và tự hỏi cái gì có thể xảy ra cho họ. Nhiều người lạ cho bà thuốc lá hay một tách trà và thực phẩm nấu nướng trên những bếp lửa ngoài trời. Dân chúng tươi cười và cố khuyến khích, nâng cao tinh thần lẫn nhau, tình huynh đệ này làm cho bà quên đi những việc như nạn khan hiếm thực phẩm và sự khổ sở xếp hàng chờ đợi.

Các dân biểu võ trang súng tự động xuất hiện từ Nhà Trắng và bắt đầu đi đến trước hàng rào phòng thủ nay cách tòa nhà 50 thước và bắt đầu nói chuyện, khuyển khích, cổ vũ đám đông. Rutskoi nói qua đài phát thanh của Nhà Trắng. "Nếu xe tăng tiến đến bà con, bà con nên tránh ra và đứng la lối gì cả. Không nên có hành động nào khiêu khích chúng cũng không nên làm gì chống cự chúng. Cuộc chống cự của chúng ta không nên là cuộc chống cự vũ trang mà phải là một cuộc chống cự tinh thần. Nếu ai có gậy sắt thì nên vứt bỏ đi. Bà con bảo vệ chúng tôi bằng sự hiện diện là đủ rồi."

Đài phát thanh của Nhà Trắng loan báo, đã có tin cho hay cuộc tấn công đã được dự định tiến hành vào khoảng sau nửa đêm, nhưng cũng có nhiều dự đoán mới về giờ giấc.

Rutskoi yêu cầu đàn bà và trẻ em nên rời khỏi quảng trường. Ông nói: "Hỡi các bạn, các bạn không nên thất vọng nếu có gì bi thảm xảy ra. Cuộc sống sẽ không ngừng lại với việc này. Cuộc sống sẽ tiếp tục và và các bạn sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh."

Nghe những lời này, tim Emma như đong giá lại. Bà nhìn đám trẻ em đang đứng cạnh và tưởng tượng đến cảnh chúng đang chạy tán loạn, bị bắn hay bị đè bẹp dưới xích xe tăng. Bà muốn cứu giúp chúng, nhưng cũng như chúng, bà không có gì để tự vệ cả. Một số phụ nữ bỏ đi, gây lộn xộn trong đám đông, khiến Emma bị một lúc do dự, cũng muốn làm theo, nhưng khi nhìn thấy đám trẻ con, bà quyết định ở lại. Bà cũng biết rằng bà không làm gì được để giúp che chở chúng, nhưng nhìn chúng đang cầm mưa, bà nghĩ rằng chúng cũng có một sức mạnh tinh thần nào đó. Chúng nó sẵn sàng chiến đấu cho tương lai của bản thân và cho tương lai của con cháu chúng.

Emma nhìn lên lá cờ liên bang Nga đang bay trước gió, trên nóc tháp đồng hồ cao của tòa nhà, và cảm thấy số phận của dân chúng Nga cũng như lá cờ đang run rẩy trước gió.

Lúc này, đám đông đã chật nứa trên quảng trường, chen chúc nhau đến tận những dãy rào vừa được dựng lên ngăn chặn ngả vào Nhà Trắng từ công viên Pavel Morozov ở phía sau. Emma không tin các rào cản này có thể chặn được xe tăng tràn vào

quảng trường, nhưng bà chắc chắn là trong trường hợp có cuộc tấn công bằng hơi cay và hoảng loạn lớn, nó sẽ là trở ngại không thể vượt qua cho đám đông dân chúng muốn chạy thoát.

Trong lúc bà đang theo dõi đám đông dân chúng, đài phát thanh Nhà Trắng phát đi một loạt thông báo. Đến 12,20 giờ sáng, một đoàn xe tăng bắt đầu tiến đến Nhà Trắng từ hướng quảng trường Taganskaya, và đến 12,45 giờ, binh lính từ các xe bọc sắt nhảy xuống phá vỡ các rào cản gần ga xe điện ngầm Barrikadnaya. Súng nổ tại khu vực Teply Stan. Dọc theo lộ Leningrasky Prospekt, mười chiếc xe tăng đang tiến vào trung tâm thành phố. Thình lình dân chúng bị giựt nẩy mình vì tiếng súng từ hướng đường vành đai Sadovoye vang lại, đồng thời có tiếng kêu gọi lớn từ một ống loa: "Tất cả ai biết nói tiếng Tadjik, Uzbek hoặc các thổ ngữ Caucase thì nên đi đến đường vành đai Sadovoye." Nhiều cựu chiến binh Afghan rời hàng rào và chạy đến đường vành đai để nói chuyện cùng các binh sĩ từ các Cộng hòa miền Nam không nói được tiếng Nga.

Nhiều loạt đạn bay tứ tung và từ nhiều hướng. *Róc kết* làm hiệu được bắn lên không trung.

Vào 2,30 giờ sáng, từ đài phát thanh Nhà Trắng, Bella Kurkova thông báo: "Anh chị em đồng bào, chúng ta đang chờ một cuộc tấn công trong vòng 10 phút nữa." Những người phòng thủ trong tòa nhà tắt hết đèn và bóng tối bao trùm hết cả khu vực.

Burbulis kêu gọi mọi người ở trong cũng như ở ngoài tòa nhà. Ông nói, cần phải tránh đường cho xe tăng và đây không phải là dấu hiệu sợ hãi, mà vì không muốn có thương vong vô ích. Vài phút sau, đài phát thanh Nhà Trắng ngừng phát thanh, và một tình thế mù mờ vì thiếu tin tức xảy ra cho mọi người. Nhiều tiếng súng nổ vang dội cả đêm.

**CÁCH MỘT KHU PHỐ**, một đám đông dân chúng tập họp trên đường vành đai Sadovoye tại cửa hầm bên dưới đường Kalinin Prospekt. Một rào cản bằng những khối xi-măng cốt sắt được

dựng lên và một hàng xe buýt điện đậu nối đuôi nhau ở đầu kia để cản ngõ ra của đường hầm.

Vào khoảng 2,15 sáng, một đoàn gồm sáu xe tăng hạng nhẹ và một xe bọc sắt bắt đầu di chuyển đi về cửa hầm từ hướng tòa đại sứ Hoa kỳ. Trong lúc xe tăng đang tiến tới, đám đông dân chúng nhảy qua rào, vào trong đường hầm, dàn thành một hàng rào người trước rào bê-tông. Binh lính bắt đầu bắn chỉ thiên. Trong lúc đám đông phân tán, xe tăng vượt qua rào cản và tiến tới hàng xe buýt điện đang cản đường hầm ở đầu kia.

Xe tăng đi đầu ủi hàng xe buýt, và tiến lên, nhưng ngay sau đó, dân chúng chạy ùa vào hầm và áp nhau đẩy xe buýt trở lại vị trí cũ bít lại ngõ ra.

Đám đông la ó với binh lính, "Các anh đang làm gì thế? Các anh phải theo về với chúng tôi."

Một khi rào cản xe buýt điện được lập lại, và các xe tăng đã vào trong đường hầm, đám đông lại dựng lại rào cản *bê-tông*, làm cho các xe quân sự không lối thoát.

Giờ phút trôi qua, tình hình càng căng thẳng. Trong lúc xe tăng đang chờ, dân chúng quăng các tấm vải nhựa che phủ xe bọc sắt với mục đích làm binh lính không thấy đường. Binh lính vứt tấm vải phủ ra và trở lên xe. Nhưng khi xe bắt đầu di chuyển, Dmitri Usov, một cựu chiến binh Afghan leo lên sau một xe bọc sắt, cố mở một cửa xe để nói chuyện cùng binh lính. Binh lính nổ súng bắn chết Usov. Thân người anh rớt xuống, nhưng một chân còn bị kẹt trong cửa xe, đầu và tay chân anh bị kéo lôi đi trên đường nhựa, máu chảy trong nước mưa thành một vệt dài.

Khi xe bọc sắt lôi xác Usov chạy tới chạy lui, hỗn loạn trong đường hầm lên đến cực độ. Đám đông dân chúng la hét, "Sát nhân! Quân sát nhân!", chửi rủa binh lính. Không ai biết Usov còn sống hay đã chết. Trong cuộc hốt hoảng chung, một thanh niên chạy đến cố gỡ chân anh ra và cũng bị bắn trúng vai. Hai người nữa cố làm như vậy, nhưng đều bị xe bọc sắt cán lên họ. Dân chúng vào đầy trong hầm, đến độ xe bọc sắt phải dừng lại và để dân chúng lôi xác ra.

Khi xác của Usov được lôi ra, xe bọc sắt cố phá rào cản, bị tấn công bằng chai xăng cốc-tây Molotov<sup>1</sup> do dân chúng ném và nổ, nhưng xe vẫn cố tiến lên. Một cốc-tây thứ nhì, rồi thứ ba bị trật ra ngoài. Rồi tiếp theo là bốn chai cốc-tây, chiếc xe bắt đầu bốc cháy. Binh lính trên xe đều nhảy xuống và nổ súng, một người dân đã bị thương.

Tuy nhiên đến đây thì binh lính của xe cháy bỏ xe, chạy đến núp vào các xe khác. Dân chúng hoảng hốt vì sợ xe nổ, bắt đầu dội nước vào xe để dập tắt lửa. Những người bị thương được xe hỏng tháp tùng và cảnh sát mang đi.

Binh lính lúc này đều súng tự động cầm tay để phòng dân chúng. Họ đang lo sợ bị đám đông tấn công đánh đập. Vài dân biểu cũng đi vào hầm, khuyên nhủ dân chúng và dàn xếp với binh sĩ thiết giáp nên rút đi khỏi khu vực Nhà Trắng.

**TRONG LÚC PERFILYEV ĐI TỚI** đi lui trong văn phòng của Phó Chủ tịch Quốc hội ở tầng lầu bốn, bộ tham mưu phòng thủ vẫn tiếp tục nhận được tin về sự di chuyển của các lực lượng thiết giáp hướng về Nhà Trắng. Yazov đã ủy thác cho Tướng Mikhail Moiseyev, Tổng Tham mưu trưởng, một số quyền hành. Perfilyev có một người bạn thân đang làm phụ tá cho Moiseyev, hỏi có thể tiếp xúc được với vị tướng này không, và được trả lời có. Perfilyev liền cho Rutskoi biết để ông này tiếp xúc với tướng Moiseyev, nhưng Rutskoi khoát tay và nói: "Vô ích, ông ta không nói chuyện với tôi đâu."

Tuy nhiên, trước sự ngạc nhiên của mọi người, Moiseyev lại gọi Rutskoi. Vì tướng này lại cố trấn an Rutskoi và nói rằng các lực lượng hiện đang đi đến và dàn ra ở Moscow không phải để chiếm lấy Nhà Trắng. Rutskoi trả lời, nếu các lực lượng này tấn công, cuộc đổ máu sẽ xảy ra, nhưng riêng ông, ông sẽ làm đủ mọi cách có thể làm được để tránh đụng trận.

<sup>1</sup> Cốc tây Molotov: Các chai đựng chất lỏng dễ cháy như xăng hoặc các hóa chất khác có gắn ngòi nổ để ném vào và làm cháy các xe thường hay xe bọc sắt.

Stolyarov đi theo Perfilyev đến văn phòng của Rutskoi; Rutskoi và Perfilyev đã chờ, trong khi Stolyarov gọi Yanaev. Trong lúc đó, tiếng xe tăng di chuyển trên đường Kalinin Prospekt đã được nghe rõ, và cả ba người đều nghe tiếng súng nổ. Cũng có báo cáo cho biết có binh sĩ nhảy dù đã đến phi trường Kubinka, ở ngoại ô Moscow và Sư đoàn Kantemirov được điều động trên đường Kutuzovsky Prospekt hướng về tòa nhà Quốc hội.

"Ông phải ngưng điều động quân," Stolyarov nói với Yanaev.

"Không có cuộc điều động quân nào cả," Yanaev trả lời.

Perfilyev, sau đó, gọi KGB và không được Kryuchkov và phụ tá của ông ta trả lời.

Đến 2 giờ sáng, nhiều báo cáo tỏ ra quá đe dọa nên Perfilyev cố tìm cách nói chuyện lại với Moiseyev. Khi anh được gặp viên phụ tá, mới biết rằng tướng Moiseyev đã trở về nhà nghỉ. Perfilyev liền hỏi số nhà này. "Tôi được lệnh không được làm rộn Moiseyev, cũng như không được cho ai biết số điện thoại của ông ta", viên phụ tá trả lời. Nhưng sau đó không lâu, ông ta lại cho Perfilyev số điện thoại này, và Stolyarov liền gọi ngay Moiseyev.

"Nói với ông ta là xe tăng đã tiến vào," Perfilyev nói với Stolyarov. "Cho ông ta nghe những gì đang xảy ra." Stolyarov liền kéo dây điện thoại dài đến tận cửa sổ, đưa ống nghe ra ngoài. Có thể nghe được tiếng gào thét, la khóc và tiếng súng vang dội, vì cửa sổ được hé mở.

"Ông có nghe họ đang giết người chưa?" Stolyarov hỏi.  
"Hãy ra lệnh chặn đứng xe tăng lại ngay tức khắc."

Moiseyev nói: "Được", và cắt điện thoại.

Đây là một cuộc ngưng chiến đầy trắc trở. Những người phòng thủ kéo hết màn cửa sổ xuống và tắt hết đèn điện trong ngoài tòa nhà. Rutskoi cho lệnh binh sĩ phòng vệ nổ súng không cần báo trước nếu các sĩ quan KGB mặc thường phục đi vào tòa nhà. Đã có báo cáo xuất phát từ Hội đồng quốc phòng cho biết Sư đoàn 103 nhảy dù KGB đã bắt đầu di chuyển trên đường Kalinin Prospekt, hướng về Nhà Trắng và 3 trực thăng đã chuẩn bị để đổ bộ lính dù này.

Perfilyev xin Rutskoi cấp cho võ khí. Rutskoi mỉm cười.

"Khí giới chánh yếu của anh là bộ óc và cây viết của anh", Rutskoi nói. Sau đó, hai người chia tay.

Rutskoi mở đèn đã bị rơi khỏi bàn giấy và đặt xuống sàn nhà. Ông ngồi một mình, với khẩu súng nhỏ tự động trong tay và một khẩu súng nhỏ thường khác trên bàn, chờ đợi cuộc tấn công.

Perfilyev đi bách bộ trong hành lang tối om. Ông nhận thấy vẫn còn một số ánh đèn bất thường trong một số phòng của các tòa nhà dọc theo con sông.

Tại cửa ra vào phòng Phó Chủ tịch, các lính phòng thủ đang ngủ gục vì mệt mỏi, nhưng vẫn ôm chặt súng tự động. Perfilyev đi qua họ, trong bụng nghĩ rằng chắc cuộc tấn công sẽ xảy ra trong vòng vài phút tới. Khi tiếng súng đầu tiên vang lên, ông đánh thức những người lính này, trong lúc tất cả các viên chức dân sự giúp việc cho Rutskoi đã tỉnh dậy.

Perfilyev trở lại văn phòng của Rutskoi và gọi điện thoại cho bà mẹ vợ ông. "Chúng tôi sắp bị tấn công trong 20 phút nữa", ông nói, "không chắc chúng tôi có thể còn sống. Trong mọi trường hợp, xin bà chăm sóc giúp cho gia đình tôi."

**BÊN NGOÀI, QUẢNG TRƯỜNG VĂN YÊN LÀNG**, một sự yên lặng ghê gớm. Vào lúc 2,40 giờ, đài phát thanh Nhà Trắng ngưng tiếng trong khoảng 20 phút. Sau đó không bao lâu, Eduard Shevardnadze, nguyên Bộ trưởng ngoại giao xuất hiện; ông mặc y phục ấm, vẫy tay chào và bắt tay dân chúng trước khi đi vào Nhà Trắng. Một lúc sau, Cha Gleb Yakunin, một thành viên của Quốc hội Nga, cũng xuất hiện và nói với những người đang chống đảo chánh: "Thượng Đế ở bên chúng ta."

Đến 3 giờ sáng, Emma nói chuyện cùng với 2 người lớn tuổi. "Chuyện này chưa phải đã chấm dứt đâu", bà nói, "hành động của những người phát xít này không lường trước được. Họ không dự trù một lối thoát và họ sẽ thất bại."

"Họ đã thất bại rồi", một trong hai người nói. "Họ không đủ cương quyết để tấn công ngay. Giờ đây đã quá trễ. Điều quan trọng là chúng ta phải ở đây vì chánh nghĩa."

TẠI HỘI ĐỒNG QUỐC PHÒNG, người ta chú ý đến thái độ của 2 đơn vị: đơn vị công tác KGB đang đóng tại khách sạn Mir bên kia đường đối diện với Nhà Trắng, và lữ đoàn đặc nhiệm KGB có căn cứ ở xa Moscow tại vùng Teply Stan.

Gennady Yankovich, nhân vật có nhiệm vụ thu thập tin tức, nhận thấy rõ, cuộc đảo chánh đã mất sức hậu thuẫn của một số lãnh đạo quân đội và những lãnh tụ đảo chánh giờ đây chỉ còn hy vọng duy nhất ở sự trung thành của các đơn vị đặc nhiệm KGB. Lữ đoàn KGB ở Teply Stan có khả năng chấm dứt sự chống cự của Nhà Trắng. Nó có khả năng cận chiến, được trang bị áo giáp, lựu đạn cay và nhiều thiết bị đặc biệt khác. Sở dĩ Hội đồng này đặc biệt chú ý đến lữ đoàn đặc nhiệm KGB là vì trước đây trong ngày đã có sự kêu gọi của hai nhóm thành viên của Nhà Trắng, trong đó có hai sĩ quan cho lực lượng phòng thủ biết lữ đoàn KGB này đã nhận lệnh mở cuộc tấn công tòa nhà vào lúc 3,00 giờ sáng.

Khi nhận được tin này, một nhóm dân biểu liền đi đến Teply Stan nói chuyện cùng đơn vị KGB để phản tuyên truyền đảo chánh. Các dân biểu này rất ngạc nhiên là các sĩ quan chỉ huy đơn vị đã để họ được hoàn toàn tự do tiếp xúc cùng binh sĩ của lữ đoàn. Các dân biểu nói cho binh sĩ biết, cuộc đảo chánh là phản hiến và chống lại nhân dân, và nhân dân có quyền bảo vệ những người họ tín nhiệm bầu lên.

Hội đồng Quốc phòng không tiên đoán được sự thành công của các Dân biểu trong việc thuyết phục được binh sĩ của lữ đoàn này.

Không bao lâu trước giờ dự định tấn công, lữ đoàn đã rời căn cứ, bắt đầu tiến về Nhà Trắng.

Khi đến đường Profsoyuznaya, phía tây nam Moscow, lữ đoàn dừng lại. Trong một giờ sau, Yankovich không được tin tức

nào cả. Cuối cùng, vào khoảng 4.30 giờ khi trời bắt đầu sáng, Yankovich nhận được điện thoại của nhiều người bạn trong lữ đoàn KGB cho biết, đơn vị sẽ không tấn công Nhà Trắng vì các binh sĩ không chịu thi hành lệnh. Yankovich giờ đây nhận thấy các lãnh tụ đảo chánh đã thất bại, và lần đầu tiên, ông bắt đầu được nghỉ ngơi, không còn lo lắng.

CÙNG ĐÚNG VÀO thời gian này, Emma Bruk rời khu vực trước Nhà Trắng, đi đến khu xa lộ Devyatinsky, qua khỏi tòa đại sứ mới Hoa kỳ. Một người qua đường cho bà biết là đài phát thanh Tiếng dội Moscow, một đài địa phương tiếp vận cho đài Nhà Trắng, đã phát thanh trở lại.

Emma đi qua các hàng xe Hoa kỳ đã được bỏ nằm giữa đường để cản xe tăng, rẽ sang đường vành đai Sadovoye và bắt đầu đi về hướng quảng trường Vostaniye. Trời đã sáng, nhưng Emma lại nghĩ là một buổi sáng xám xịt khác sắp trở lại. Từ xa, bà nhận thấy đám xe tăng đen ngòm trên công trường. Thình lình một người đến gần bà và la lớn: "Hãy đi khỏi con đường này. Không phải chuyện đùa đâu. Đây là chiến tranh. Máu chảy. Bà có thể chết ở đây."

Emma hoảng hốt, nhưng nhìn quanh không thấy có dấu hiệu gì nguy hiểm cả. Bà lại nhận thấy các xe tăng tại quảng trường Vostaniye này lại mở đèn, và đang bắt đầu di chuyển về hướng quảng trường Mayakov, bỏ khu vực Nhà Trắng.

Nhin các xe tăng di chuyển, Emma cảm thấy nhẹ nhõm khó tả trong lòng. Bà trở về nhà vào lúc 5 giờ sáng và nói với con gái riêng 12 tuổi của mình: "Mẹ nghĩ là mọi việc đã chấm dứt."

KHI YELENA RAISKAYA đi đến đường vành đai Sadovoye, cảnh nổ súng loạn xạ và tiếng la hét đang diễn ra. Dân chúng chạy tán loạn vào đường hầm, gần như điên cuồng. Bin lính chĩa súng tự động của họ để cản không cho dân chúng đến gần, trong lúc vài dân biểu kêu gọi họ qua ống loa, "Đừng bắn, đừng bắn." Với dân

chúng sẵn sàng ném gạch đá vào binh lính và binh lính thì cũng sẵn sàng bắn thêm nữa vào họ, các dân biểu la lên là họ sẽ cho dẹp các rào cản để xe tăng có thể ra đi.

Sau đó một lúc, hàng chục người bắt đầu dọn dẹp các chướng ngại vật *bê-tông*, xe tăng và xe bọc sắt được dân chúng phát cho cờ Nga để không bị dân chúng tấn công. Trong lúc xe tăng ra đi, Yelena đi lại Nhà Trắng, nay chỉ còn rào cản bao quanh. Một tâm trạng hoang mang sợ hãi xảy ra khi dân chúng nhắc đến tin Sư đoàn KGB Vitebsk, nổi tiếng là khát máu nhất, đang trên đường chạy đến Nhà Trắng. Đối với đơn vị này, không cần phí sức nhiều để chiếm được tòa nhà.

Thình lình, Bella Kurkova đi vào Đài phát thanh Nhà Trắng và báo tin: "Cuộc tấn công đang bắt đầu; một số lớn xe tăng đang tiến tới."

Tin này loan ra, theo sau là một sự yên lặng, sau đó là tiếng súng nổ vang lên trong khu vực tòa đại sứ Hoa kỳ. Yelena tin chắc là cuộc tấn công bắt đầu.

Lúc ấy Yelena mới khám phá một điều lạ. Một đám người đang nghe đài Tiếng dội Moscow; thường thì đài này rất được tin tưởng, nhưng nay lại bắt đầu loan tin thất thiệt, cho biết hàng loạt xe tăng đã tấn công Nhà Trắng, tòa nhà đã sụp đổ và nhiều người bị thương vong. Yelena biết ngay là bà đang nghe, không phải đài Tiếng dội Moscow, mà là đài của KGB do các xưởng ngôn viên bắt chước giọng nói của các xưởng ngôn viên thường xuyên của đài Tiếng dội Moscow.

Một giờ sau, đài Tiếng dội Moscow thật phát thanh trở lại, loan tin các sư đoàn Taman và Kantemirov đang rút ra khỏi Moscow. Lần đầu tiên, Yelena nghĩ, mối nguy cơ đang lui tàn dần.

6giờ sáng, Yelena trở về nhà. Bà dùng xe tắc-xi và đi cùng một ông già, cũng đang rời khỏi khu vực Nhà Trắng.

"Có cơ may chúng ta có thể thắng không?" bà hỏi.

"Tôi nghĩ là có," ông già trả lời.

"Tôi nghĩ là không," người tài xế tắc-xi nói.

Yelena trở về nhà, vẫn chưa tin chắc những gì đang xảy ra. Đến 11 giờ, đài Tiếng dội Moscow bắt đầu loan tin tức về buổi họp của Quốc hội Nga, và lúc ấy, bà mới tin chắc là cuộc khủng hoảng đã chấm dứt.

SÁNG NGÀY 21 tháng 8, Sergei Latishev vẫn chưa tin cuộc khủng hoảng đã chấm dứt. Trời đang mưa to, đám đông dân chúng trước Nhà Trắng đông hơn đêm hôm trước. Vài nhóm lửa vẫn còn đang cháy, nhiều nhóm khác đã tắt, và dân chúng vẫn còn bàn chuyện nổ súng ở con đường hầm trên đường vành đai Sadovoye. Có bao nhiêu người chết? Bao nhiêu người bị thương? Chuyện xảy ra như thế nào?

Những cựu chiến binh Afghan từng canh gác tòa nhà đã mệt nhoài sau một đêm dài không ngủ, nhưng vẫn không muốn tin tưởng vào sự thành công. Sergei cố phân tách tình hình và đi đến kết luận là những người đảo chính sợ hậu quả quốc tế của một cuộc đàn áp dân chúng. Nhưng với mỗi giờ trôi qua, sự lưỡng lự của họ đã đưa họ đến thất bại.

Dấu hiệu thứ nhất cho thấy cuộc khủng hoảng thật sự đã chấm dứt, Quốc hội Nga tiếp tục nhóm họp như thường lệ. Sergei vẫn còn canh gác ở cửa thứ 20 khi phiên họp bắt đầu được đài phát thanh Nhà Trắng loan tin, và ở xa không nghe rõ, anh rời chỗ gác để đi đến gần loa phóng thanh. Trước hết, các Dân biểu quyết định hủy bỏ các hành động của Ủy ban đảo chính. Khasbulatov phát biểu ý kiến, bị vài dân biểu chỉ trích là không thẳng thắn lên án tính cách bất hợp pháp của Ủy ban này. Nhiều người khác lại hỏi là có khác nhau chỗ nào đâu.

Trong lúc đang đứng ngoài mưa, Sergei có cảm tưởng có một cái gì khôi hài đang xảy ra trong ngôi nhà này mà anh và các chiến hữu của anh đang lo canh giữ. Anh nghĩ, đây là một nghị viện hợp pháp của chúng ta, và nếu mười năm trước đây chúng ta có nó, chắc sẽ không có cuộc chiến ở Afghanistan.

Giữa trưa hôm ấy, Khasbulatov loan báo đã có một phi cơ với các thành viên Chánh Phủ Nga cùng với Rutskoi đã lên

đường bay đến Crimea để gặp Gorbachev. Ông ta cũng yêu cầu các nhân viên phòng thủ nên ở lại vị trí của mình cho đến sáng hôm sau để chống lại những khiêu khích nếu có. Sergei và các cựu chiến binh khác đều đồng ý. Cả ngày ấy, tin tức rất tốt. Các đơn vị cuối cùng của quân đội rời khỏi Moscow, và có tin các lãnh tụ đảo chánh đã bị bắt. 5 giờ chiều, tờ báo *Izvestiya* buổi chiều được phát hành, có tin hàng đầu, "Phản động đã thất bại".

Cuối cùng, phiên họp Quốc hội bắt đầu được trình chiếu trên đài truyền hình Nga.

Với sự kiện này, Sergei biết rằng mối nguy cơ đã qua rồi. Cuộc tranh luận tại Quốc hội đã được cả nước xem. Anh được tự do đi về nhà.

## 2

# Ý THÚC HỆ

*Chủ nghĩa Mác-xít là tuyệt đối bởi vì nó là chân lý.*

*V.I. Lenin, Các Tác Phẩm Sưu Tập.*

"CŨNG NHƯ NHIỀU NGƯỜI KHÁC trong thế hệ của chúng tôi, tôi đã được nuôi dưỡng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và không tin Thượng Đế," một bà mẹ còn trẻ đã viết cho tờ báo *Pravda*, ngày 18 tháng giêng, 1988. "Người ta có thể nói, chủ nghĩa xã hội và các lý tưởng của nó là Thượng Đế của chúng tôi... Hậu quả của chính sách *glasnost* và sự phê phán không được kèm chế đã khiến chủ nghĩa này, trong một chừng hạn nào đó, một phần nào bị mất tín nhiệm. Tôi không thể nói thay cho mọi người, nhưng niềm tin của tôi đã bị lung lay rồi."

Một nhà kinh tế nông nghiệp ở Moscow, lần đầu tiên đã biết được tội ác trong thời đại Stalin của thập niên 1970, nhờ đọc được tài liệu thông tin, báo chí, sách vở của Tây Phương qua nhiều chuyến đi ra nước ngoài. Nhưng ông ta vẫn nghĩ, những gì ông ta đọc được là do "kẻ thù" viết. Sau khi lịch sử thời Stalin xuất hiện trên các sách báo Xô-viết, ông ta thình lình đã nói với người bạn mình, Anatoly Strelyani, " Tất cả lịch sử của chúng ta, tất cả hệ thống chính quyền của chúng ta là cả một sự ô nhục. Nếu tôi còn trẻ, tôi sẽ trả thẻ đảng. Chủ nghĩa xã hội loại nào, lý tưởng gì; sau sự việc này, anh có thể nói được không?"

"Tất cả những gì tôi tin tưởng trên đời," Sergei Chapaev, một đảng viên có 19 năm tuổi đảng, viết trong bức thư gửi báo Sự Thật (*Pravda*), "nay đã tan thành tro bụi. Không còn gì gọi là thiêng liêng được lưu lại cả, Stalin, Molotov, Voroshilov... Chúng

ta đã ca tụng họ. Chúng ta đã tin tưởng họ hơn cả chính bản thân chúng ta. Và chúng ta cũng đã chỉ dạy người khác tin tưởng. Giờ đây, làm sao tôi có thể nhìn vào mắt những người này? Cả cuộc đời tôi đã trở thành vô dụng."

Một nữ tiếp viên hàng không Aeroflot, khoảng 30 tuổi, đã nói với người bạn Alexander Lyakin, một nhà tu xuất, "Với tất cả những tài liệu đã xuất bản này, thật là kinh khủng. Sau hết, tôi không thấy một con đường nào cả. Chỉ thấy toàn là tối tăm và kinh khiếp. Khi tôi nhìn thấy Bovin và Zorin (hai cán bộ lão thành tuyên truyền Xô-viết), biện luận cho chánh sách *perestroika*, tôi muốn ném một cục gạch vào máy truyền hình."

"Họ đã hủy diệt niềm tin và chân lý trong chúng ta," Tanya Zavyaskin, một đảng viên đang làm giám thị Khám đường Thầm lặng của thủy thủ<sup>1</sup>, đã nói, "Giờ đây, chúng ta không còn tin tưởng vào cái gì cả và nhất quyết, không bao giờ có chân lý."

**NĂM 1988**, khùng hoảng niềm tin bắt đầu bao trùm lên Liên bang Xô-viết. Nguyên nhân là vì chánh sách *glasnost*, một chánh sách, lần đầu tiên, đã du nhập càng ngày càng nhiều thông tin xác thực, đã hủy hoại cốt lõi của hệ thống Xô-viết, ý thức hệ Xô-viết.

Hàng núi sách vở đã viết về chủ nghĩa Mác-xít - Lê-ninít, ý thức hệ Xô-viết, một số lớn tán dương các phân tích chủ nghĩa tư bản hoặc sự mô tả của nó về phương cách nắm quyền. Tuy nhiên, đặc điểm chủ yếu của ý thức hệ ấy là làm cho con người có thể bất chấp phần phi lý của bản chất tự nhiên của mình và từ đó, trở thành bản năng, bằng cách trình bày một thế giới quan hợp lý, dễ dặt, loại bỏ một cách có hệ thống sự hiện hữu của Thượng Đế.

Cố gắng loại trừ Thượng Đế có cội rể từ các xu hướng trí thức cấp tiến tiêu cực, không chấp nhận thuyết huyền bí, của thời đại "Soi sáng".<sup>1</sup> Cố gắng này đã thành công ở Nga một phần vì tôn giáo có tổ chức còn quá yếu. "Giáo hội", theo Carl Jung, "có

<sup>1</sup> Thời đại "Soi Sáng" ở vào thế kỷ 18 tại Âu Châu khi vài nhà tư tưởng và nhà văn tin tưởng rằng lý trí và khoa học, chứ không phải tôn giáo, đã giúp cho loài người tiến bộ.

nghĩa những đức tin truyền thống tập thể, trong trường hợp nhiều người theo đạo không còn căn cứ vào kinh nghiệm nội tâm của chính mình, mà lại căn cứ vào một niềm tin mù quáng, hiển nhiên sẵn sàng bị tan biến, một khi người ta bắt đầu suy nghĩ về nó. Nội dung niềm tin, do đó, đối chọi với kiến thức và thường thì tính cách phi lý của niềm tin lại không phù hợp với tính duy lý của kiến thức."

Cốt lõi trùu tượng, siêu hình của chủ nghĩa mác-xít là thuyết duy vật biện chứng, cho rằng tất cả mọi sự vật hiện hữu đều nằm trong vật chất chuyển động. Không có tinh linh, không có Thượng Đế, và không có linh hồn gì cả. Ý thức là một thuộc tính của vật chất phát triển cao độ. Vật chất chỉ là do "sự hợp nhất các đối nghịch", các trạng thái mâu thuẫn lẫn nhau của một đối tượng giả định trước.

Lý thuyết duy vật biện chứng khẳng định nguyên lý hoàn toàn máy móc của vũ trụ, trong đó, mọi sự vật không ngừng quay cuồng trong đối nghịch, tiêu biểu một sự phủ nhận tận gốc thế giới quan tôn giáo, cho ý nghĩa cuộc sống trần thế phát xuất từ một nguồn siêu phàm, bác bỏ các căn bản nhân quyền, do ở chỗ nó đã làm cho cá nhân mất mọi điểm quy chiếu trần thế khác.

Chống lại bối cảnh của một thế giới không đặc sắc này, cần phải tạo ra một nguồn ý nghĩa, và điều này đã được thực hiện bằng lý thuyết duy vật sử quan, "chân lý được mặc khải" của ý thức hệ.

Trong lý thuyết duy vật sử quan, Mác và Ăn-ghên khẳng định, lịch sử được hình thành do sự biến hóa vật chất của các điều kiện kinh tế của sản xuất, đưa dẫn đến một sự xung đột giữa các lực và các quan hệ sản xuất, gây ra cuộc đấu tranh giai cấp khốc liệt, được giải quyết ở từng giai đoạn bằng sự thắng lợi của giai cấp tiến bộ nhất. Xã hội nô lệ được kế thừa bởi xã hội phong kiến, xã hội phong kiến được kế thừa bởi xã hội tư bản, và với sự thắng lợi của giai cấp công nhân, xã hội tư bản cũng phải được thay thế bằng xã hội không giai cấp, trong đó, tư sản sẽ bị hủy bỏ, và sẽ có một nền dân chủ hoàn hảo với sự nhất trí toàn diện và một nền thịnh vượng chưa từng thấy.

Phần đóng góp của Lê-nin là duy trì cơ cấu tư tưởng Mác-xít, chỉ nhấn mạnh vai tuồng của đảng cộng sản có kỷ luật, như một đội tiên phong của giai cấp công nhân. Theo hướng này, đảng thay vì công nhân, đã trở thành vai chánh của lịch sử, và khát vọng của người cộng sản nhằm có một chánh quyền tuyệt đối được gắn liền với một lý thuyết phổ thông làm cho các chế độ cộng sản có thể tự gán cho mình tính bất khả nhầm lẫn và tính không thể tránh được của chính lịch sử.

Chủ nghĩa mác-xít chống lại một thế giới do Thượng Đế tạo ra, một thế giới hy vọng có một thiên đàng sau khi chết, bằng một thế giới không có Thượng Đế, hứa hẹn một thiên đàng trên địa cầu. Chủ nghĩa Lê-ninít gắn với Mác-xít bằng kỹ thuật cướp chánh quyền. Gộp lại với nhau, sự phối hợp giữa một lý thuyết mới về chân lý và một kỹ thuật "thực hiện" chân lý đó, đã có một tác dụng tâm lý rất mạnh mẽ. Nó là một thế giới quan bao gồm toàn bộ. Tự cho là hoàn toàn hợp lý, chủ nghĩa Mác-xít Lê-ninít là một mưu chước huy động mọi tài nguyên của nhân dân - về mặt tinh linh, xúc cảm và chánh trị - nhằm thiết lập một chế độ cộng sản, hoàn thành một đức tin vô thần.

**TRONG HÀNG CHỤC NĂM QUA**, chủ nghĩa Mác-Lê đã thu phục được hàng triệu người. Nhưng đến giữa thập niên 1980, một cuộc khủng hoảng niềm tin đã xảy ra tại Liên bang Xô-viết vì công cuộc đưa chính sách *glasnost* vào và các nhược điểm của chủ nghĩa Mác-Lê đã bắt đầu hiện ra rõ rệt.

Một tôn giáo dành thiêng đàng cho thế giới bên kia, không bao giờ được thử thách bằng thực nghiệm, nhưng một tôn giáo thế tục như chủ nghĩa Mác-Lê hứa hẹn thiêng đàng cho thế giới hiện tại, bị bắt buộc không ngừng cố gắng làm lại chân lý để xác định tính cách chánh thức của mình.

Chế độ Xô-viết sử dụng vũ lực để tạo ảo ảnh. Tuy nhiên, khi chánh sách *glasnost* bắt đầu, tính hợp lý của thế giới ảo ấy đã bị phá đổ nghiêm trọng. Lần đầu tiên, các công dân Xô-viết bắt đầu nhận thấy các nét phác của thế giới thực và khi mà niềm tin

vào không tưởng do chủ nghĩa Mác-Lê hứa hẹn bắt đầu mờ dần, thì vũ trụ lý tưởng của trí tưởng tượng của họ không còn có ý nghĩa nữa.

**SỰ THẬT** thì trong những năm trước thời Gorbachev, lý tưởng Xô-viết đã được hỗ trợ bằng một "thành phố tưởng tượng" - một đại sảnh bằng kính xây dựng ở mọi tầng của xã hội Xô-viết.

Tính chất của thành phố tưởng tượng này được phản ánh qua những gì đã được dạy bảo tại các trường học. Trong các buổi học về lịch sử, sự thành lập Liên bang Xô-viết được trình bày như một biến cố khai sáng lịch sử thế giới, và tất cả những biến cố xảy ra năm 1917 thì đều được kể ra để xác nhận sự thắng lợi không thể tránh của cộng sản trên thế giới. Trong các buổi dạy văn chương, những nhà văn tên tuổi của thế kỷ 19 được nói là đang đi tìm một lý tưởng tích cực, qua đó, tiên liệu cuộc Cách mạng *Bôn-sơ-vích*.

Với môn sinh vật học, các học sinh được dạy các lý thuyết của giáo sư đại học Oparin, tác giả sáng tác khảo cứu về các dạng thức sớm sửa của sự sống, đã "không tán đồng" ý kiến cho rằng sự sống được một lực bên ngoài tạo thành. Sự tiến hóa của con người từ loài khỉ đã được giải thích trên căn bản lý thuyết của Ăng-ghen trong tác phẩm "Biện chứng của Thiên nhiên", cho rằng loài vượn đã trở thành người sau khi nó bắt đầu sử dụng các công cụ để sinh tồn. Vì vậy mà chính lao động chớ không phải lý trí đã phân biệt con người với thú vật. Riêng với môn hóa học, các định luật biện chứng được trình bày và chứng minh bằng sự sắp xếp các yếu tố của Bảng tuần hoàn nguyên tố của Mendeleev.

Nhưng quan trọng hơn hết là những quy luật về luân lý. Theo thế giới quan Mác-Lê, không có chân lý nào tuyệt đối cả, chỉ có chân lý của một giai cấp đặc biệt, là chân lý cao cả nhất của giai cấp công nhân, được chống giữ bởi chế độ Xô-viết. "Luân lý giai cấp" của chủ nghĩa Mác-Lê đã được Lênin mô tả trong một bài nói chuyện trước tổ chức *Komsomol* ngày 2 tháng

10, 1920, theo đó, người cộng sản bác bỏ mọi khái niệm luân lý có căn bản "siêu nhân" và "siêu giai cấp". Đối với người cộng sản, luân lý hoàn toàn lệ thuộc vào cuộc đấu tranh giai cấp, và điều tốt lành là bất cứ cái gì hủy diệt được xã hội bóc lột cũ và giúp xây dựng một "xã hội cộng sản mới".

Hình ảnh một thế giới được in vào trí não trong lớp học, còn được cung cấp thêm do tác động của báo chí cũng trình bày Liên Bang Xô-viết như đang trên con đường trở thành một thiên đàng địa giới. Các tin tức thời sự điển hình trong đời sống của một thế giới thực tại như tai nạn xe cộ..., tội ác, tham nhũng, và tranh đấu giành quyền hành, được thay thế trong báo chí bằng sự tường thuật riêng các tin tức của một thiên đàng: hàng loạt lễ kỷ niệm, kết quả thu hoạch mùa vụ, báo cáo về các cuộc họp của Xô-viết Tối cao, một Quốc hội luôn luôn ủng hộ chánh phủ. Mọi vấn đề ghi trong báo chí Xô-viết đều được mô tả như là các "khiếm khuyết."

Một trong những nơi làm tin cho công dân Xô-viết là trụ sở Thông tấn xã Xô-viết Tass ở trung tâm thành phố Moscow.

Một ngày nọ, không bao lâu sau khi Valery Fyodorov bắt đầu làm việc với Tass, một câu chuyện của cơ quan thông tấn UPI từ New York đã đến bàn giấy chuyên trách nước ngoài. Câu chuyện cho biết có một công ty Hoa kỳ sản xuất được một loại lốp xe hơi mới, phẩm chất rất cao, và để làm quảng cáo, công ty này sẵn sàng thay các lốp xe cũ đã xài rồi trong một số năm mà không lấy tiền.

Người chủ bút quyết định phá bỏ tin này. Sự kiện công ty này nói về cải tiến kỹ thuật và đề nghị thay một sản phẩm tốt không lấy tiền, là một minh họa kém cỏi về những lạm dụng của chủ nghĩa tư bản. Nhưng cấp chỉ huy của viên chủ bút hữu trách là chủ bút về các tin tức Hoa kỳ lại nói: "Chúng ta có thể dùng nó cho cơ quan." Ông ta cầm bản tin mang đi và 5 phút sau trở lại với một câu chuyện được chọn và nói: "Hãy đăng lên bản tin này đi."

Và câu chuyện trở thành như sau: "Trong một thị trường tư bản đầy mưu mô xảo trá, các xí nghiệp thường đưa ra nhiều sản

phẩm phẩm chất thấp, vì biết rằng người tiêu dùng không thể biết được sản phẩm nào tốt nhất. Vì vậy mà một xí nghiệp làm lốp xe danh tiếng của Hoa kỳ, gần đây đã bị bắt buộc phải thay các lốp xe xấu do xí nghiệp này sản xuất..." Câu chuyện được đưa ra dưới nhan đề: "Lừa Gạt Người Mua".

Tass không tự cho mình là một tổ chức truyền thông theo nghĩa thông thường, mà là một cơ quan có nhiệm vụ chuyển đi "sự miêu tả đúng". Khi các cuộc đình công nổ ra tại Ba Lan hè năm 1980, Tass đã lặng thinh. Cho mãi đến khi cuộc xung đột xảy ra đạt mức độ nguy hiểm, lúc ấy, Tass mới đưa ra một bản tường trình từ Warsaw nói rằng Ba Lan đã đạt được mức sản xuất khoai tây lớn nhất thế giới. Tin này còn nhấn mạnh, Ba Lan vẫn trồng khoai tây từ 300 trăm năm nay.

Thái độ của Tass đối với thực tế được phản ảnh qua thuật ngữ, được kể như tiêu chuẩn dùng trong báo chí cũng như trong truyền hình khắp cả nước. Các nước Tây Phương phải được gọi là "đế quốc." Các nước Xã hội chủ nghĩa là "dân chủ". Tại Á Châu, các nước dân chủ dẫn đầu là Bắc Hàn và Việt Nam.

Thường ngày, khi các nhà báo của Tass đến sở vào buổi sáng, họ trao đổi với nhau về những gì họ nghe được qua các đài phát thanh ngoại quốc trong đêm qua, và coi các đài này là các nguồn thông tin đáng tin cậy hoàn toàn. Tuy nhiên, họ không bao giờ bình luận về nội dung của báo chí Xô-viết, kể cả bài viết của bản thân họ cũng đều xem như không quan trọng.

Lúc đầu, Fyodorov không tự mình viết gì cả mà chỉ lo sửa ngôn từ các bài vở được các nước Á Châu gửi đến. Câu chuyện đầu tiên của ông ta do một báo cáo của một hảng thông tấn nói về điều kiện sinh hoạt của một khám đường ở quần đảo Fiji, mà ông được lệnh phải hiệu đính. Câu chuyện ghi các nhà tù ở Fiji rất tiện nghi, đến độ mà dân chúng muốn ở tù hơn là sống tự do.

Fyodorov vẫn biết là câu chuyện không thể dùng nguyên văn như thế, và không biết chắc phải làm gì với nó. Nhưng sau một thời gian ngắn làm việc với Tass, tâm trạng của phòng tin của Tass đã bắt đầu tác động vào bản thân ông ta. Khi bắt đầu viết, ông ta ngạc nhiên nhận thấy mình đã được đòi hỏi phải viết như

thế nào, và trong một thời gian ngắn, bài báo đã được hoàn tất. Trong dạng thức được hiệu đính, bản tường thuật ghi đời sống ở Fiji đã trở thành không thể chịu đựng nổi, đến mức dân chúng chọn sống trong tù; trong số các lý do là lạm phát và thất nghiệp, mặc dù Fyodorov không có một tí ý niệm gì về hiện tượng này có thực sự xảy ra ở Fiji hay không.

Fyodorov trao bài này cho viên chủ bút đọc và ông này cũng không cần hỏi ông ta lấy tin lạm phát tại Fiji ở đâu, mà chỉ nói: "Tốt lắm, đây chính là điều chúng ta cần." Trong lúc trở về bàn của mình, Fyodorov cảm thấy hài lòng, nhưng ngay sau đó, đã phải hoảng hốt, tự nhủ: "Nếu không rời khỏi nơi đây, thì chắc chắn rồi đây mình cũng sẽ trở thành điên loạn mất."

CÙNG NHƯ TASS, tờ báo *Moskovskaya Pravda* cố đưa ra một luận điệu gọi là "đúng đắn" của tin tức. Tờ báo chuyên đăng các văn bản thông cáo và điện tín của chánh quyền, những bài xã luận về các đề tài lý tưởng chủ nghĩa không phê bình, và các câu chuyện về thành quả kinh tế, dưới những hàng tít lớn như "Cao hơn và cao hon" và "Sự thỏa mãn được chứng minh", những từ ngữ rất dễ sử dụng để mô tả một hành động yêu thương. Tuy nhiên, trọng tâm của tờ báo là những bài nói về tâm trạng của quần chúng. Có một lần, sau khi Leonid Brezhnev nhận được huy chương thứ nhì Anh Hùng lao động xã hội chủ nghĩa, phóng viên tờ *Moskovskaya Pravda*, người thường đều dùng thuật ngữ về tâm trạng công nhân, đã đến thăm một nhà để xe hơi và hỏi ông giám đốc, thợ thuyền nghĩ thế nào về chuyện này.

"Thợ thuyền đều tán thành sự tưởng thưởng này", viên giám đốc trả lời; xong, ông đã gửi cho phóng viên nọ một bản danh sách của vài người thợ "xuất sắc" của mình.

Phóng viên viết lại vài lời tuyên bố tán thành kể trên và những lời cam kết hoàn thành kế hoạch của những người thợ này, dưới ánh sáng của huy chương tưởng thưởng cho đồng chí Brezhnev, những tuyên bố và cam kết mà phóng viên đã gán cho các công nhân.

Tờ *Moskovskaya Pravda* còn đăng tải các bài liên quan đến những lạm dụng riêng biệt và mô tả như là các "khiếm khuyết". Có lần tờ báo quyết định điều tra về những lời than phiền cho rằng không thể mua được sữa trong những giờ nhất định tại một số cửa hàng ở Moscow. Một phóng viên được Nha Thương mại Moscow cho biết, nhiều cửa hàng không nhận được đủ sữa từ các nhà máy. Tại nhà máy, anh ta được cho biết vì không có đủ xe tải, nhưng phân nửa số xe thì lại đang nằm đó do không có phụ tùng thay thế. Với một tờ báo bình thường thì phóng viên sẽ viết về những hậu quả của việc giao sữa hưu hiệu của các xe tải không thể sử dụng, nhưng như vậy thì hóa ra tiết lộ tình trạng chung của nền kinh tế. Thay vào đó, anh quyết định đổ lỗi cho vấn đề trễ nải trong thời biểu giao hàng. Tuy nhiên, để có thêm thù lao, anh đã đưa ra một giải pháp, đề nghị tăng cường việc giao hàng lên 3 lần mỗi ngày, mặc dù điều đó không thể thi hành được và cũng đã và đang được áp dụng rồi. Dù vậy, bài của anh vẫn được đăng lên. Các công nhân xe tải đã đưa ra quyết định cám ơn báo *Moskovskaya Pravda* về lời phê bình này và hứa sẽ giải quyết vấn đề. Và vấn đề được chấm dứt và nhanh chóng chìm vào quên lãng.

**SỰ TUYÊN TRUYỀN** của chế độ được tổ chức nhằm mô tả Liên bang Xô-viết như một thiên đàng hạ giới, còn Tây phương thì như một địa ngục trần gian, tạo cho dân chúng một hình ảnh sai lạc về đời sống của chính họ, thường thì quá hấp dẫn so với thực tế mà họ nhận thấy chung quanh. Nó còn được luôn củng cố bằng cách tạo nhiều ảo ảnh liên tục.

MOSCOW, THÁNG 12, 1981

Thành phố Moscow trải dài nhiều dặm dưới những ngọn đồi Lenin, một trung tâm đô thị với nhiều đại lộ thênh thang, với

những khu nhà sơn màu vàng nâu, xen kẽ với những khu rừng và công viên, chia cắt bởi một con sông quanh co, dọc theo hai bên bờ là nhiều nhà máy xả khói lên vùng trời đã bị mù mịt từ lâu. Chỉ còn ở dưới đất, trên các con đường đông người và đầy dẩy hiệu buôn trống rồng với nhiều biểu ngữ cổ vỡ, người ta mới có cảm giác về tánh cách độc đáo của nó, không phải như một hiện tượng vật thể mà lại như một tâm trạng.

Bề ngoài, thành phố thường có vẻ khắc khổ, khô khan và không hấp dẫn. Nhưng bề ngoài dễ làm cho hiểu lầm. Moscow có hai bậc: thành phố thật và một thành phố tưởng tượng, sản phẩm của óc tưởng tượng tập thể của cư dân.

Cái vẻ bề ngoài thứ nhất của thành phố tưởng tượng là tính cách lạ lùng của đủ loại kiến trúc mặt tiền giả tạo.

Chia cắt trung tâm Moscow là con đường Kalinin Prospekt, một đại lộ hai bên là các nhà chọc trời 25 tầng. Một bên con đường là một mái vòm bằng thép và kính. Bên kia là một rạp chiếu bóng và nhiều cửa hàng to lớn. Giữa hai hàng nhà chọc trời, các luồng giao thông xe cộ hai chiều, nhiều chiếc xe hơi màu đen của nhân viên chính quyền chạy qua lại trên lăn đường giữa. Bảng quảng cáo bên ngoài trưng bày vài cảnh của các phim mới nhất điện ảnh Xô-viết, hình ảnh xanh đỏ lốm đốm trên các mái vòm.

Đại lộ này rõ ràng có dụng ý giống - nhưng nó lại ít có nét chung cùng - với những con đường lớn đầy bóng cây của các nước Phương tây. Hai lề đường, hàng ngàn người đi bộ, nhưng các đám đông lại có trật tự tuyệt đối. Không có các quán cốc, không có người bán hàng rong, không có hình vẽ bậy bạ trên tường, và hầu như hoàn toàn không có bảng quảng cáo nào cả. Cảnh sát đồng phục hay thường phục đều hầu như dư thừa vì dân chúng đã hoàn toàn được khép vào hàng ngũ. Thật ra thì ít có khác biệt trong đám đông dân chúng, nên các luồng người đi bộ hình như được điều hành bởi một đối tác từ trên trời của cùng viên cảnh sát lưu thông đang theo dõi các luồng xe cộ qua lại.

TRONG MỘT HIỆU BUÔN TẠP HÓA đông đúc người, một hàng dài người đang đứng trước quầy thịt. Đây là giờ cao điểm đông khách nhất trong ngày, nhưng cô gái bán hàng lại bỏ đi vệ sinh. Khi 10 phút sau trở lại, cô tiếp tục công việc với vẻ lạnh lùng, chậm chạp.

"Nhanh lên. Chúng tôi đã làm việc cả ngày rồi. Chúng tôi rất mệt," dân chúng đang xếp hàng bắt đầu lớn tiếng. Nhiều người trong số họ biểu lộ sự lo âu, đau khổ. Không một nụ cười, với nét mặt phì nộn và mắt đỏ ngầu, họ có vẻ như những người sống sót sau một cuộc nội chiến hơn là những người xây dựng thế kỷ thứ hai mươi mốt.

"Có quá nhiều người mua mà chỉ có mình tôi," cô bán hàng nói.

Dân chúng sắp hàng vẫn tiếp tục than phiền.

Cuối cùng, cô nói: "Mấy người muốn làm việc thay tôi không?" Vừa nói cô vừa cởi tấm choàng đưa ra trước mặt: "Đây, vào đây làm thay tôi đi."

Ngay lúc ấy, thịt tươi đã được đưa đến bằng một chiếc xe tay nhô, và lộn xộn lập tức xảy ra, người mua ào tới giành giựt, trong khi các khách hàng nắm lấy thịt do người bán hàng quăng lên quầy. Anh ta không để ý gì đến tình trạng tranh giành và có tác phong tương tự như một người đang cho một bầy thú ăn.

Tại một quầy khác, tình trạng hoảng hốt lại xảy ra, khi một người báo tin qua máy phóng thanh: "Phô mát sắp hết, sắp hết."

"Không sữa, không phô mát," một bà già trong hàng người đợi than." Tình trạng này rồi sẽ tồi tệ như ở Hoa kỳ thôi."

Trong lúc đó, một khách hàng, đã chờ nửa giờ, trở thành mắt kiêng nhẫn.

"Hàng người này phải chờ trong bao lâu nữa?" ông ta hỏi.  
"Đây là thứ đời sống gì vậy?"

"Đừng lo", một bà già đáp lại, "cả thế giới đang sợ chúng ta mà".

Tại một quầy khác, người mua đang xem xét một đống cá đông lạnh, cố tìm xem cá có bị ươn sinh hay không. Kinh nghiệm

chua chát cho họ biết, cá thường được để hết đông lạnh, và nếu bị ươn, thì lại được muối đá trở lại và mang ra bán.

Cách đó không bao xa, một bà làm vệ sinh để ý đến Clara Yakir mà bà nhận ra đúng là người Do thái.

"Sarah, Sarah, Sarah," bà gọi lên, "các tay Sarah này hay vứt bỏ giấy trên sàn nhà quá."

"Bà có biết Sarah là gì không đã?" Clara hỏi. "Sarah là một là một người đẹp, mù già xấu như quỷ kia, im đi, ác ôn, lo làm việc của bà đi".

**KHI MÀN ĐÊM BUÔNG XUỐNG**, đèn đường sáng lên, xe điện ngầm đổ ra đông đảo dân chúng, các trạm xe buýt chật người đang chờ để về nhà sau ngày làm việc. Đèn trên các nhà chọc trời tạo thành những vệt ánh sáng nghiêng trên trần nhà của các tầng lầu, âm thanh di chuyển của xe cộ được nghe rõ hơn trong không khí lạnh ban đêm.

Một hàng người chờ đợi để đến lượt đi vào một quán cà phê được ánh đèn đỏ và tím chiếu sáng từ bên sau các bức màn the mồng. Buổi ăn tối gồm có miếng thịt bò, mì ống và "*compot*", nước ngọt với những miếng táo đã đổi màu. Tại phòng ăn chánh tiếng khua dao nĩa trộn lẫn tiếng chép môi nhai nuốt to lớn. Thỉnh thoảng lại có gãy gỗ xảy ra khi một cô chạy bàn vì muốn nhẹ việc dọn ăn, từ chối không cho một nhóm khách ngồi vào một bàn trống. Cảnh vật sõm gây thêm chán chường, khi khách được xếp ngồi thành những hàng dọc; họ chăm chú ăn, má phình ra vì miệng quá đầy, nhai ngắn không từ tốn, chỉ thỉnh thoảng tạm ngừng ăn vì một hai câu chuyện thô kệch. Nhìn cảnh này, khó mà tránh có cảm tưởng, nếu lao động làm loài thú trở thành con người, thì chính thành quả của chủ nghĩa cộng sản đã biến đổi con người ngược lại.

Vào giờ này, những lời kêu gọi công cộng được chiếu lên màn ảnh bên ngoài rạp chiếu bóng. Đầu tiên là kêu gọi khách qua đường nên giữ gìn đồ đạc trong nhà, kế đó là cảnh giác người đi bộ phải nhìn đèn trước khi băng qua lộ, người lái xe phải tuân

hành giới hạn tốc độ, và cuối cùng là coi chừng hỏa hoạn với hình ảnh một người đang hút thuốc trên giường ngủ. Chu kỳ kêu gọi này được lặp đi lặp lại trong suốt buổi tối.

Trong lúc đám đông dân chúng hối hả đi lại trên hè phố để kịp giờ xe buýt hoặc mua sắm trể nải, họ đi qua các cửa hàng chỉ bán hoa giả bằng nhựa và các hàng người đang đứng chờ để vào các cửa hàng ăn uống, nơi mà phân nửa số bàn còn trống trơn. Một mẫu phi cơ siêu thanh bay quanh một quả địa cầu chiếu sáng quảng cáo cho một cửa hàng bán vé hàng không quốc tế, mà người đi đường không thể nào mua nổi.

**TẠI MỘT CĂN CHUNG CƯ GẦN ĐÓ**, Arkady Shapiro đã đi vào câu chuyện với một bà giúp việc nhà cho cha mẹ cậu, một bà già khoảng 80 tuổi, quê ở một làng ngoại ô Moscow.

"Trước cuộc cách mạng, đời sống ở Nga như thế nào?", Arkady hỏi.

"Ô, tốt lắm, rất tốt," bà nói trong lúc đang lau chùi nhà bếp. "Mọi người đều có nông trại riêng và được ăn uống đầy đủ."

"Có thịt không?"

"Có chớ con, rất nhiều thịt."

"Còn bơ?"

"Ô, rất nhiều bơ."

"Và mỗi nông dân đều có mảnh đất riêng của mình?"

"Phải con à, đất tốt và mỗi nông dân làm việc trên miếng đất của mình."

"Bà ơi, bà có nghĩ rằng đời sống xưa kia tốt hơn hiện nay không?"

Bà già ngưng lau sàn nhà và nhìn Arkady, một cái nhìn mà cậu ta chưa từng thấy trước đây.

"Không con ơi," bà nói, "bây giờ thì tốt hơn chớ."

"Nhưng nếu trước cách mạng mọi người đều có đất riêng và có đầy đủ thịt và bơ, thì làm sao mà bà lại cho rằng đời sống hiện nay lại tốt hơn trước kia được?"

"Nay, vì người Mỹ bao vây chúng ta bằng các căn cứ của họ," bà nói trong lúc nhìn chầm chập Arkady. Nét mặt cũng như giọng nói của bà không chút thay đổi, nhưng đây là lần đầu tiên trong suốt nhiều năm, Arkady mới biết bà, và cậu ta đã nhận thấy cái tia ranh mảnh trong ánh mắt của bà.

**BÊN CẠNH CÁC MẶT TIỀN GIẢ** như trên đại lộ Kalinin Prospekt, thành phố Moscow còn có nhiều định chế hư cấu được tổ chức như các mặt tiền để mọi người có cảm giác Liên bang Xô-viết đã thực hiện được lời hứa về một nền dân chủ hoàn hảo của ý thức hệ.

Trong số các định chế này, được tham nhập nhiều nhất là các nghi thức chính trị được tổ chức - các cuộc bầu cử, *subbotniks*<sup>1</sup>, và các cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa - mặc dù chúng không có mục đích gì thiết thực - nhưng rất quan trọng vì nó buộc dân chúng Xô-viết phải tham gia trong việc tạo ra các ảo giác.

**CÁC CUỘC BẦU CỬ ĐƯỢC TỔ CHỨC** để chứng tỏ ý thức quyền công dân của người Xô-viết. Khoảng 6 tuần lễ trước ngày bầu cử, "cán bộ vận động" được chỉ định cho một khu vực, nghiên cứu tại chỗ và ghi chép những thay đổi xảy ra kể từ cuộc bầu cử trước đây - những ai đã qua đời, ai đã đi nơi khác, vào quân đội hay được trở về từ các công trường. Tại mỗi căn phố, cán bộ vận động hỏi trong gia đình có ai bệnh, cần được cho mang thùng phiếu đến để bỏ phiếu tại nhà hay không.

Đến ngày đầu phiếu, các cán bộ này đứng chờ ở phòng phiếu, kiểm điểm từng người đi bầu cho đúng khu vực của mình. Tại phòng phiếu, một quầy ăn uống nhỏ thường được tổ chức và một máy ghi âm phát rè rè những bài hành khúc. Cuối phòng là

---

<sup>1</sup> *Subbotniks*: Tổ chức trao đổi trong mọi lãnh vực của chế độ xã hội chủ nghĩa, để tạo ảo ảnh một nước tiến bộ; tổ chức lao động xã hội chủ nghĩa tinh nguyện không lương tạo ảo tưởng cho dân chúng cảm thấy "mình vì mọi người và mọi người vì mình"

một tượng bán thân Lenin bao quanh bởi các cờ đỏ và hai thùng phiếu. Thùng phiếu chỉ dẫn người bỏ phiếu chỉ chọn tên một ứng cử viên mà mình định bầu, nhưng thực tế, họ chỉ nhận được có mỗi một tên mà thôi.

Các cuộc bầu cử mà tất cả những người đi bầu đều chấp nhận một ứng cử viên duy nhất được giải thích là để chứng minh một nền dân chủ "chân chính" đối lại với một nền dân chủ "hình thức." Tuy nhiên, "tính nhất trí" này, thật ra, chỉ là một sản phẩm của sự cưỡng ép không hơn không kém.

**ĐỘ MỘT TUẦN LỄ** trước ngày bầu cử vào Tối cao Xô-viết, một cán bộ vận động đã đến viếng thăm Mikhail Baiserman, người có thành tích không chịu đi bầu, vui vẻ hỏi: "Sao, lần này chúng ta sẽ đi bầu hay không đi bầu?"

"Các láng giềng của tôi sẽ đi bầu, nhưng tôi không đi," Baiserman trả lời.

"Tại sao?", cán bộ hỏi.

"Tôi đã không đi trong nhiều năm nay rồi," Baiserman đáp.

"Có lẽ ông bất mãn?"

"Tôi hoàn toàn tuân quyện, nhưng tôi không đi bầu".

Không bao lâu sau đó, Baiserman được giám đốc nhà máy mời đến. "Bí thư đảng cho tôi hay là anh từ chối không đi bầu. Anh có hồ sơ tốt, anh là công nhân lãnh đạo, anh có được học vấn cao, nhưng anh lại không chịu đi bầu. Có gì mà anh không hiểu phải không?"

"Tôi hiểu hết," Baiserman trả lời, "nhưng tôi vẫn không muốn đi bầu".

"Tôi hỏi anh với tư cách một người bạn chớ không phải với tư cách một người chỉ huy nhà máy; tại sao anh không muốn đi bầu?"

"Tại sao tôi phải đi bầu? Lá phiếu của tôi không làm thay đổi kết quả gì cả".

"Anh nên biết," viên giám đốc nói, "tôi hy vọng anh hiểu được sâu xa hơn thế".

Baiserman mỉm cười.

"Chúng ta hãy thật thà với nhau", viên giám đốc nói tiếp, "tôi được bí thư đảng gọi đến và cho biết, 'Công nhân của ông không chịu đi bầu, hãy có biện pháp.' Và giờ đây, tôi phải làm báo cáo."

Baisernam thông cảm thế luồng nan của viên giám đốc. Nếu anh tiếp tục chống việc đi bầu, viên giám đốc sẽ bị khiển trách vì thiếu giáo dục tập thể công nhân.

"Tôi được," cuối cùng, Baiserman nói, "tôi đồng ý đi bầu. Ông hãy nói với bí thư đảng là tôi đã suy nghĩ lại và tôi sẽ đi bầu".

Vिण giám đốc thở dài nhẹ nhõm. Baiserman đi đến phòng phiếu và nhận lấy lá phiếu rời, cho thấy là anh định bỏ phiếu ở một nơi khác.

**IRINA McCLELLAN**, bà vợ của Woodford McClellan, một giáo sư người Mỹ, đã bị từ chối cấp chiếu khán xuất ngoại trong chín năm trời, cũng không muốn đi bầu. Không lâu trước cuộc bầu cử năm 1980, có người gõ cửa nhà bà.

"Bà McClellan phải không?", cán bộ vận động hỏi.

"Phải, tôi đây."

"Bà sẽ đi bầu phải không?"

"Không, tôi không đi bầu," Irina nói, và giải thích rằng mình đang muốn di cư sống với chồng và vẫn cứ bị từ chối cho phép mà không cho biết lý do.

Cán bộ giải thích rằng người ứng cử đại biểu của quận hạt mà bà Irina đang cư ngụ chính là Brezhnev.

"Câu chuyện của tôi có liên quan đến Brezhnev," bà nói, "tôi đã viết cho ông ấy hàng trăm bức thư, nhưng không bao giờ nhận được hồi âm".

"Nhưng làm sao bà biết được là do lỗi của ông Brezhnev?"

"Tôi đang chờ một chiếu khán xuất cảnh. Nếu tôi nhận được chiếu khán này trước ngày bầu cử, tôi sẽ đi bầu cho bất cứ ai, cho ông Brezhnev và cả cho ông nữa".

Ba tuần lễ sau, cán bộ lại đến và hỏi bà Irina có nhận được chiếu khán chưa. "Không có," bà trả lời, "và tôi không tin sẽ nhận được nó trước ngày bầu cử".

"Như vậy là bà không đi bầu?"

"Không", bà nói, "tôi sẽ không đi bầu".

Đến ngày bầu cử, có người lại gõ cửa nhà bà. "Bà không đi bầu à?", cán bộ vận động hỏi.

"Không," bà trả lời, cố tình ra vẻ chán nản, "Tôi không đi".

**NGOÀI CÁC CUỘC BẦU CỬ**, công dân Xô-viết còn phải tham dự vào các *subbotniks* là các cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa, trong đó, họ được kể như có cơ hội bày tỏ "nhiệt tình" của mình. *Subbotniks* là những ngày "tự nguyện" làm việc cho nhà nước, lấy danh nghĩa là món quà của nhân dân lao động, và họ sẽ được ban quản lý Xô-viết thông báo bất cứ lúc nào. *Subbotnik* Lenin, được định vào, hay trong, khoảng ngày 16 tháng 4 và tất cả các xí nghiệp thuộc Liên bang Xô-viết đều phải thi hành.

Một chuyên viên của phòng nghiên cứu công nghệ bảo tồn thực vật xin với viên trưởng phòng thí nghiệm được miễn cho lao động *subbotnik* toàn Liên bang này.

"Ông không được miễn *subbotnik*", vị trưởng phòng nói, "vì sự hiện diện của ông tại đó là hoàn toàn để chứng minh sự tự nguyện".

"Ông không hiểu", chuyên viên này lý giải, "thật là khó cho tôi tham dự".

"Đó là chuyện của ông", viên trưởng phòng phòng thí nghiệm nói.

Chuyên viên lại tìm đến bí thư đảng cộng sản thuộc phòng nghiên cứu này và trình bày: "Tôi muốn tìm hiểu rõ về thân trạng xã hội của tôi sẽ ra sao, trong trường hợp tôi không tham gia công tác *subbotnik*".

Viên bí thư đảng nói, lẽ dĩ nhiên, việc tham gia lao động *subbotnik* là vấn đề tự nguyện. Nhưng với cái nháy mắt và những lời bông gió, anh ta cho chuyên viên nọ ngầm hiểu rằng, nếu từ

chối công tác, hồ sơ của ông ta về hoạt động xã hội cộng đồng - vốn đã không lấy gì làm tốt lắm - có thể sẽ bị ảnh hưởng tai hại.

CÁC CÔNG DÂN XÔ-VIẾT cũng phải tham gia các cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa, "tình nguyện ganh đua" với nhau để gia tăng mức sản xuất. Vào lúc đầu năm, mỗi công dân Xô-viết đều phải viết bài về "nghĩa vụ xã hội" tại văn phòng hoặc nhà máy mình đang làm việc. Người công nhân lúc đó hứa hẹn sẽ "cố gắng," cá nhân và tập thể, để trở thành những người đầu tiên hoàn thành lời hứa.

Tại một nhà máy hóa học ở Moscow, nơi Sonia Isakova làm việc, các lời hứa cam kết này được người cầm đầu công đoàn gom lại. Người này nói: "Này các cô, chúng ta hãy viết ra những nghĩa vụ xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Các cô có nửa giờ để làm việc này."

Các bà làm việc ở nhà máy sản xuất cường toan *axít sunfuric*, mỗi bà viết đại khái như sau: "Để đánh dấu lần thứ 64 ngày thiết lập chánh quyền Xô-viết, tôi cam kết góp sức để đạt được mức sản xuất 5 tấn *axít sunfuric* trên chỉ tiêu của kế hoạch cuối năm nay, nâng cao trình độ lý tưởng của tôi bằng cách tham gia các buổi thuyết trình về các công trình của Lênin, và cũng để duy trì kỷ luật lao động". Những lời cam kết tương tự cũng được công nhân viết ra tại các cục, nha, sở khác cho đến khi tất cả những người làm việc đều ký tên cam kết.

Và như thế, công nhân này sẽ thi đua với công nhân kia, cơ quan này cạnh tranh với cơ quan nọ. Bộ phận kế toán cạnh tranh với bộ phận tài vụ, ngành kỹ sư ganh đua với ngành xây dựng văn phòng. Nhà máy sản xuất *axít sunfuric* chạy đua với nhà máy làm bột tạt. Và toàn thể xí nghiệp ganh đua với một xí nghiệp khác của Kazakhstan.

Kết quả các cuộc thi đua được đại biểu các công đoàn tập trung và sắp xếp. Họ tự do tưởng tượng, bịa đặt mức sản xuất, không cần để ý đến những ngày bỏ việc, và tán dương cố gắng nâng cao trình độ thắm nhuần tư tưởng, không có thật, của công nhân. Thí dụ, bảy trăm công nhân của một nhà máy hóa học đã

ký tên tham dự lớp học tập chủ nghĩa Mác Lê. Nhưng khi lớp học mở ra, chỉ có ba người có mặt. Nhưng các đại diện công đoàn thì báo cáo là tất cả công nhân đều tham dự, gây rắc rối cho nhà máy của Kazakhstan chỉ có năm trăm công nhân.

**NGÀY NÀO VẪN CÒN CÁI SẢNH ĐƯỜNG** bằng kính do chế độ tạo ra, thì ngày ấy nó chỉ có tác dụng mê hoặc và thôi miên mà thôi. Khắp nơi, khắp chốn, từ báo chí, đài phát thanh, truyền hình, trong nghị viện, chỗ làm, hội trường công cộng, mết-tinh và học đường, cá nhân mỗi người đều đối diện với các mặt tiền giả, khẳng định tính xác thực của một quan điểm duy nhất. Tự do phát biểu ý kiến không còn được xem như thuộc khả năng con người, và ý kiến không được phát biểu thì không bao giờ có thể trở thành công thức, và cá nhân phải tìm cách ẩn mình vào sự thích nghi, do đó, rơi vào những khuôn mẫu suy nghĩ để tự che thân.

Khi chính sách *glasnost* được "khai trương" năm 1989, thông tin săn có được phổ biến lại trái ngược với lập luận chính thức của chính quyền về sự thật. Mỗi tin tức thật trong báo chí, chẳng hạn như tỷ suất tử vong thật sự của trẻ con Xô-viết, làm choáng váng mọi người sau nhiều năm nói dối của chính quyền. Báo chí liền bắt đầu gọi những năm cầm quyền của Brezhnev là "thời kỳ ngưng đọng".

Năm 1988, khi chính sách *glasnost* tác động mạnh mẽ, mọi trạng thái của chân lý giả do chính quyền tạo nên bắt đầu bị phơi bày - lỗi diễn đạt sai lạc về lịch sử, sự phác họa sai lệch về hiện thực đương thời và không biết bao nhiêu ảo ảnh đã được tạo ra để làm cho cả người dân lẫn người ngoại quốc có cảm tưởng, nhân dân Xô-viết đều một lòng ủng hộ chế độ.

Gần như chỉ qua một đêm, Moscow đã có vẻ như đã vứt bỏ thân trạng siêu hình bị thu nhỏ lại của mình. Các biểu ngữ đã biến mất trên các tòa nhà. Hình ảnh của các nhân vật trong Bộ chính trị, gồm cả Gorbachev, trở thành ít được thấy hơn trên đường phố. Các cao ốc không còn được sơn phết; những kẻ say

sưa, tàn tật, trước đây, bị cảnh sát ngăn cấm ra đường, nay lại xuất hiện trước công chúng, và chống lại việc tập trung vào các trại. Cái không tưởng giả định đã được phơi bày ra, để lộ rõ các sắc thái giả tạo của nó, và niềm tin vào ý thức hệ đã bị sụp đổ.

### 3

## GORBACHEV VÀ ĐẢNG

"Lúc đó, ông là ai vậy"

"Là thành phần của quyền lực đòi hỏi gieo ác và khổ đau,  
và đòi hỏi làm được việc."

- Goethe, Faust

**NGÀY 23 THÁNG 8, 1991.** Một ngày mưa và u ám. Một không khí hoang mang hốt hoảng, được kiểm soát, bao trùm trụ sở của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản tại Quảng trường cũ, một thời đã là trung tâm quyền lực Xô-viết. Trong lúc các viên chức cao cấp đang đi lại trong các hành lang, băn khoăn lo lắng, thì các thư ký và tùy phái vẫn tiếp tục làm việc. Hàng đống tài liệu có đóng dấu "tối mật" và "tuyệt mật" chồng chất trên các bàn giấy. Bên ngoài, các viên chức rời khỏi tòa nhà đang bắt buộc phải bị lục soát, và đám đông dân chúng cầm cờ Nga đang đòi hỏi xét xử tội ác chiến tranh của đảng cộng sản.

Tại cơ quan Quốc tế vụ ở tầng lâu sáu, một cuộc họp đang diễn ra để quyết định có nên trực xuất ra khỏi đảng Phó Chủ tịch Yanaev, do vai trò của ông trong cuộc đảo chánh hay không. Một viên chức đòi Yanaev phải bị cách chức vì cuộc đảo chánh là một đòn đánh vào những người cộng sản thường, đã không hiểu biết gì về việc đó cả. Một viên chức khác, tuy nhiên, lại nói: "Chúng ta phải giữ Yanaev và những người lãnh đạo cuộc đảo chánh ở trong đảng; trái lại, phải loại trừ tất cả quý vị, bởi lẽ chính họ mới là những người cộng sản đích thực và các người ở đây là những kẻ đang đánh lừa họ". Cuối cùng, cuộc bỏ thăm quyết định chống Yanaev.

Thình lình, một thông cáo đã được phát ra qua hệ thống phát thanh công cộng; "Mọi người phải ra khỏi tòa nhà trong vòng 90 phút. Hội đồng Thành phố Moscow không thể bảo đảm an toàn cho bất cứ ai ở lại trong tòa nhà này sau 90 phút kể từ giờ này..."

Mọi người lập tức rời khỏi cơ quan Quốc tế vụ. Nhiều người bỏ phiếu quyết định xét xử Yanaev đã quay trở về văn phòng và bắt đầu lục lọi tìm kiếm tài liệu có khả năng tố cáo hay buộc tội bản thân mình. Valentin Falin, giám đốc cơ quan quốc tế đã ra lệnh thu tiêu tất cả tài liệu, hồ sơ mật; và trong lúc các viên chức ôm từng chồng hồ sơ đến văn phòng thư ký, các nhân viên quét dọn cảnh cáo không nên đốt vì đám đông dân chúng bên ngoài có thể tấn công tòa nhà nếu thấy có khói bốc lên trên nóc nhà.

Các viên chức liền bu lại các máy tiêu hủy giấy, nhưng một lúc sau thì máy bị hỏng vì các kẹp giấy kim khí, nên có ngườiquet lửa để đốt.

Sau cùng Falin tiếp xúc được với Gorbachev bằng điện thoại, trong lúc ông ta vẫn nghe tiếng gào thét của dân chúng bên ngoài cùng tiếng kính cửa bể.

"Ông có thỏa hiệp với hành động này hay không?" Falin hỏi.  
"Có." Gorbachev trả lời.

"Ông có biết là trong tủ sắt Ủy ban trung ương Đảng còn nhiều tài liệu hết sức tinh vi và có hại cho ông không?"

"Tôi biết," Gorbachev nói và hơi lớn tiếng tiếp thêm: "Ông không hiểu được vị thế hiện nay của tôi sao?"

Falin gác điện thoại và day qua nói với người phụ tá:

"Ông ta đang cộng tác với những người chủ trương dân chủ để tự cứu mạng."

**QUANG CẢNH** trong tòa nhà ở Quảng trường cũ đã được chuẩn bị từ tháng tư 1985, khi Gorbachev lên cầm quyền. Được lập ra để thực hiện một ảo tưởng, Đảng đã mất quyền lực trong khoảng thời gian sáu năm vì nó đã trở thành nạn nhân của một ảo tưởng

khác, cho là quyền hành Cộng sản có thể bảo tồn không cần võ lực.

Công cuộc cải cách đã được bàn thảo tại Liên bang Xô-viết gần 30 năm qua, nhưng những lợi ích có thể có của sự thay đổi được đánh giá sẽ không bù được những rủi ro được tiên liệu. Nhưng vào giữa thập niên 1980, ba yếu tố đã bắt đầu thuyết phục các lãnh tụ Xô-viết có thể được thử áp dụng cải cách xem sao: những biến đổi trong công nghệ quân sự, những ý kiến "tự do" của những người cộng sản "tự do" và sự thất bại của các cố gắng hiện đại hóa.

*Công nghệ quân sự.* Ngày 27 tháng 10, 1982, Leonid Brezhnev đã đọc một bài diễn văn chủ yếu cuối cùng trước một cử tọa gồm nhiều sĩ quan cao cấp quân đội tại điện Kremlin. Nhiều tháng trước đó, các phi công Do thái đã lái phản lực cơ Mỹ F-15 và F-16. Tận dụng những tiến bộ hiện đại nhất về điện tử và công nghệ điện tử, họ đã bắn rơi 81 phi cơ MiG-21 và MiG-23 của Syria trên vùng trời thung lũng Beka tại Lebanon, mà không bị thiệt hại một phi cơ nào cả. Thất bại to lớn này đã làm rúng động Liên bang Xô-viết.

"Ủy ban trung ương Đảng đã thực hiện mọi biện pháp để thỏa mãn các yêu cầu của quân đội," Brezhnev nói, "và chúng tôi cũng mong các ông phải xứng đáng với những mối quan tâm đó... Đế quốc Mỹ đã bắt đầu giai đoạn tấn công mới về chánh trị, ý thức hệ và kinh tế chống chủ nghĩa xã hội. Việc bị tụt hậu không thể chấp nhận được. Tính sẵn sàng chiến đấu của các quân lực còn cần nêu cao nữa. Chúng ta phải để ý đến những phát triển gần đây nhất ... trong lãnh vực công nghệ quân sự...."

Ngày 23 tháng 3, 1983, Tổng Thống Ronald Reagan xuất hiện trên đài truyền hình Hoa kỳ, trình bày chương trình Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược (*Strategic Defense Initiative, SDI*), có khả năng chống lại hỏa tiễn liên lục địa (ICBM) Xô-viết trên không gian. Tác dụng của thông báo này nhằm thuyết phục nhiều lãnh tụ Xô-viết rằng để tranh đua với Tây phương trong

công nghệ quân sự, Moscow phải thực hiện nhiều cải cách trọng yếu.

*Những người cộng sản tự do.* Lớp lãnh đạo ưu tú của Liên Bang Xô-viết đã tỏ ra là một khối chặt chẽ, nhưng thật sự trong số đó cũng có một số viên chức có xu hướng tự do. Những người "tự do" này không phải là những người chống cộng; nhưng họ chống Stalin và chủ nghĩa Stalinít. Quan điểm của họ là chủ nghĩa Mác Lê có thể được áp dụng một cách có nhân tính hơn. Họ lập luận, người cộng sản có thể không cần đàn áp và kiểm duyệt nhưng vẫn giữ được quyền lực. Nếu Liên bang Xô-viết không lâm vào một khủng hoảng hệ thống, thì chưa chắc những người tự do này được xem trọng, nhưng khi công cuộc cải cách đã bắt đầu được chấp nhận đưa vào, thì quan điểm của họ được lắng nghe, bởi lẽ họ xem như có vẻ đã đề xuất một sự lựa chọn ý thức hệ trong nội vi Đảng.

Một dấu hiệu sớm sủa mà những người có xu hướng tự do đạt được ảnh hưởng là việc thăng cấp hồi tháng 8, 1985 của Alexander Yakovlev, Giám đốc Viện kinh tế thế giới và Bang giao quốc tế (IMEMO), nguyên Đại sứ tại Canada, vào chức vụ cầm đầu cơ quan tuyên truyền của Ủy ban trung ương Đảng. Yakovlev tiêu biểu cho thái độ của người cộng sản tự do trong một bài diễn từ đọc tại Trường đảng cao cấp hồi tháng 10. Ông ta được hỏi: "Chúng ta phải làm sao nếu Tây Phương bắt đầu hướng trực tiếp truyền hình vào nước này?"

"Chúng ta sẽ nhìn xem," Yakovlev trả lời.

*Sự thất bại trong cố gắng hiện đại hóa.* Khi trở thành lãnh tụ Xô-viết năm 1985, Gorbachev đã thử tìm mọi cách để cải tiến hữu hiệu mọi việc qua các phương pháp cổ truyền, bao gồm cả việc tăng cường kỷ luật, các chiến dịch chống rượu chè và thu nhập bất hợp pháp (tham nhũng), và một hệ thống thanh tra nhà nước mới. Tháng 5, 1986, một đạo luật mới cho quyền khởi tố mọi người có thu nhập không đăng ký ngoài thu nhập của việc làm chính thức. Tại Volgograd, nhà cầm quyền tung ra "cuộc chiến

cà tô mát", phá bỏ các mảnh vườn nhỏ sau nhà do các bà nội trợ và các công nhân viên chức về hưu trồng trọt; cho đến lúc đó, các thửa vườn này đã cung cấp phần lớn rau cải xanh tươi cho cả thành phố. Nhưng đến cuối năm 1986, vì tính chất tự thất bại đã trở thành hiển hiện, việc thi hành luật này phải bị bãi bỏ.

Gorbachev cũng đưa vào một hệ thống nhà nước thanh tra mới ban cho các ban quản trị độc lập nhiều quyền hành rộng rãi để loại bỏ sản lượng kém cỏi. Đầu tiên, *gospiemka*<sup>1</sup> đã được đề cao về khuyến khích chất lượng, nhưng vì công nhân được trả lương trên căn bản chỉ tiêu, sản phẩm bị loại bỏ quá nhiều làm giảm lương công nhân, gây rối loạn trong các nhà máy. Tiếp theo là các ban quản trị nhà máy đã sớm lâm vào tình trạng tham nhũng, hối lộ, và dưới áp lực của các bộ, đã từ từ âm thầm bị bãi bỏ.

Có lẽ biện pháp bài trừ rượu chè là bi thảm nhất. Rượu vodka và rượu vang bị cắt bớt sản xuất, giờ bán cũng vậy; do đó, giá cả gia tăng. Đầu tiên, công nhân vắng mặt và tai nạn lao động sút giảm. Nhưng vài tháng sau, trong lúc hàng ngàn công nhân tự thuốc mình bằng cách uống nước hoa, nước khử mùi, xăng máy bay và các chất khác thế cho rượu, dân chúng bắt đầu tự sản xuất rượu mùi. Tỷ lệ sản xuất *vodka* hợp pháp với bất hợp pháp, trước là hai trên một, nay thì ngược lại là một trên hai, nghiêng về sản xuất bất hợp pháp, và mức tiêu thụ không giảm sút gây thất lợi to lớn cho thu nhập thuế của nhà nước.

**VÀO GIỮA THẬP NIÊN 1980**, sự thất bại trong việc cải tiến thành quả kinh tế kèm theo thách thức kỹ thuật của Phương tây đã gây lo âu nặng nề cho Liên bang Xô-viết. Trong tình trạng này, ý kiến của những người Xô-viết "tự do" hình như đã mang lại được một nền tảng mới cho chính sách. Đây là lần đầu tiên, cải cách

---

<sup>1</sup> *Gospriemka*: Cơ chế có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh.

được xem như một sự kiện lịch sử khả thi, và điều quan trọng hơn cả là Gorbachev đã chịu chấp nhận nhu cầu cải cách.

**CÁC THAY ĐỔI ĐÃ BẮT ĐẦU CHẬM CHẠP.** Tháng 5 1985, trong một bài diễn văn đọc tại Leningrad, Gorbachev nói, cần phải "tái cấu trúc (*perestroit*) xã hội".

Không đầy một năm sau, ông khánh thành chánh sách *glasnost* ("quảng bá"), được phản ảnh qua các bài báo viết về tội ác và kinh tế không hữu hiệu. Không phải mọi người đều thích *glasnost*. Vài người đã phản ứng với những bài báo liên quan đến nạn mài dâm bằng cách nói, "Các người có thấy sự dân chủ hóa của Gorbachev đã dẫn chúng ta đến đâu không? Giờ đây chúng ta đã có mài dâm rồi." Tuy nhiên, tiến trình cải cách, đang bắt đầu, sẽ sớm đạt tầm quan trọng to lớn.

**MỘT BUỔI CHIỀU THÁNG 5 1986,** Victoria Moonblit đang ở tại bàn làm việc của tòa soạn tại Kishinev của tờ báo thanh niên *Molodezh Moldavia*, thì có người bạn đến nói với cô, có một "giảng viên từ Moscow" đã đến và cuộc nói chuyện sẽ bắt đầu trong 5 phút tại nơi gần Nhà báo chí.

Khi đến hội trường, Moonblit ngồi nghe giảng viên trình bày tình hình chánh trị. "Chương trình 'Chiến tranh tinh tú' của Hoa kỳ", giảng viên này nói, "không nhầm tấn công chúng ta, mà chỉ bóp nghẹt chúng ta về kinh tế. Chúng ta không thể tiếp tục cầm cự. Đây là một cuộc tranh đua mà chúng ta không thể giành phần thắng. Nếu họ muốn đánh chúng ta bằng kinh tế, họ sẽ làm được vì chúng ta đang bị tụt hậu..."

Đầu tiên, Moonblit không tin những gì cô đang nghe. Cô nhìn quanh hội trường và nhận thấy các nhà báo khác cũng bị sốc đúng như cô. Liên bang Xô-viết vẫn luôn luôn sẵn sàng "theo kịp và vượt qua", Moonblit không bao giờ nghe nói đến chữ "tụt hậu" được áp dụng trước đây cho Liên Bang Xô-viết.

"Chúng ta phải làm thay đổi hình ảnh của Hoa Kỳ," vị giảng viên nói tiếp, "người dân Mỹ không muốn tiêu diệt Liên bang Xô-viết. Họ cũng thân hữu như dân chúng Xô-viết. Chỉ có những người cô lập mới muốn chiến tranh và chạy đua vũ trang chống Liên bang Xô-viết. Chúng ta luôn luôn cho Hoa Kỳ là một nước thoái hóa, nhưng thật sự thì họ có ít người nghiện ma túy hơn chúng ta, và nếu tình trạng nghiện ma túy của nước này tiếp tục thì sớm muộn gì cả nước cũng sẽ bị nghiện hết."

"Dân chúng cần biết chúng ta đang tụt hậu. Không những tụt hậu đối với Tây phương mà thôi, mà còn thua kém cả các nước xã hội chủ nghĩa như Cộng hòa dân chủ Đức. Chúng ta không nên che dấu sự thật. Dân chúng cần biết rõ thực trạng."

Moonblit trở lại văn phòng mình, tâm thần bị giao động mạnh. Cô có cảm giác sợ sệt một cái gì bí ẩn qua bài thuyết trình lạ lùng này, báo trước một sự thay đổi mà Liên bang Xô-viết phải trải qua cũng như sẽ có những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Trong những tuần lễ kế tiếp, Moonblit được biết bài thuyết trình này cũng đã được giảng giải cho các nhà báo khác, cho các nhà giáo và các cán bộ đảng viên. Đồng thời, có nhiều chỉ thị ra lệnh nêu hạ bớt giọng công kích qua các bài vở viết về Do Thái và một số chủ bút có xu hướng bảo thủ được thay thế bằng những người có khuynh hướng cởi mở hơn. Như vậy là không còn nghi ngờ nữa, đã có sự thay đổi chánh sách của chánh quyền.

**TRONG LÚC MOI CHUẨN BỊ** đang được tiến hành để nói lồng cho công chúng tiếp cận thông tin, giới lãnh đạo cũng bắt đầu cứu xét việc trả tự do cho khoảng một ngàn tù nhân chánh trị, phần lớn bị tù do việc phô biến tin tức. Giữ họ lại trong lúc chính chế độ đang chuẩn bị mở rộng cho người dân tiếp cận thông tin, thì sẽ không có tí nghĩa lý gì hết, mà lại còn tạo ra nhiều vấn đề cho chánh sách đối ngoại của nhà nước. Ngày 16 tháng 12 năm 1986, Gorbachev đã gọi điện cho Andrei Sakharov đang bị lưu đày ở Gorky và cho ông ta biết sẽ được phép trở về Moscow.

Việc trả tự do cho Sakharov đã được tiếp theo với việc phóng thích hằng trăm tù nhân chính trị năm 1987.

**CUỘC TRANH LUẬN VỀ CẢI CÁCH**, tuy nhiên, đã gây phân hóa sâu rộng trong hàng ngũ Đảng; nhiều lãnh tụ đảng nghĩ rằng tự do hóa sẽ nguy hiểm. Mỗi ác cảm sâu đậm đã được chứng tỏ sau bài diễn văn bất ngờ của Boris Yeltsin tại phiên họp khoáng đại Ủy ban trung ương Đảng ngày 21 tháng 10, 1987.

Lãnh đạo đảng chia làm hai phe, tạm gọi là phe "lý thuyết" và phe "thực hành". Phe thực hành đa số cho rằng cải cách có thể đưa đến mất kiểm soát chính trị và sẽ chấm dứt trong tai họa. Phe lý thuyết viện dẫn nhu cầu cởi trói kinh tế cho thoát khỏi sự kiểm soát thư lại và đáp ứng với các cảnh cáo về tai họa bằng cách nói dù sao tai họa cũng đang hiện ra, và trẻ nai áp dụng cải cách sẽ đi đến chõi chết. Lãnh tụ phe "thực hành", gồm có nhiều thành viên Bộ Chính trị có kinh nghiệm kinh tế và các lãnh tụ tỉnh bộ đảng, là Yegor Ligachev, người đứng đầu ban bí thư. Phe "lý thuyết" mà phần lớn là thành viên các học viện, trường đại học và những người có kinh nghiệm đối ngoại và quốc tế vụ, được lãnh đạo bởi Yakovlev.

Trong năm 1987, Gorbachev đã đưa ra nhiều đạo luật mới. Những đạo luật này giúp các xí nghiệp được tiêu thụ một số sản phẩm, ngoài kế hoạch sản xuất, với giá thị trường, hợp thức hóa kinh doanh hợp tác xã, và cho các nông dân tập thể được mướn đất. Các viên chức đảng phản đối những cải cách này bằng hành động phá hoại chúng. Luật xí nghiệp đã bị vô hiệu hóa bằng các "lệnh nhà nước" thu gom gần 100% sản lượng. Các hợp tác xã thất vọng vì khó tìm được nguồn tiếp liệu. Tại các vùng quê, nông dân xã viên muốn thuê đất, nhưng lại bị các chủ tịch các nông trang tập thể của họ từ chối không cấp trang thiết bị. Trước sức chống đối như vậy, Gorbachev chỉ còn tìm cách bắt buộc các viên chức đảng phải tuân lệnh, và ông quyết định đi bước đầu chấm dứt độc quyền cai trị của đảng bằng cách phát triển *glasnost*, gồm cả việc tấn công vào chính bộ máy đảng.

Tại đại hội khoáng đại tháng 6 năm 1987, Yakolev được bổ nhiệm làm thành viên thực thụ của Bộ Chánh trị, nâng địa vị ông lên ngang hàng với Ligachev. Với sự khuyến khích của Yakolev, vài tờ báo xoay qua chú trọng đến các trường hợp tham nhũng của Đảng. Dân chúng Xô-viết ngạc nhiên với nhiều bài báo, mà trước đây chỉ vài tháng thôi, tác giả có thể bị bắt. Trong lúc đó, báo chí thân Yakolev bắt đầu đăng tin hoạt động của những "tổ chức không chánh thức" mới, ngầm khuyến khích chúng. Kết quả là, ngoài chánh quyền độc tài truyền thống, còn có những tổ chức xã hội độc lập và một nền báo chí được cởi mở phần nào có khả năng gây áp lực trên bộ máy đảng.

Chánh sách mới làm bùng nổ một cuộc tranh đấu cay đắng kéo dài trong hệ thống lãnh đạo giữa những người tự do và người bảo thủ; thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh này đã xảy ra trong hội nghị khoáng đại tháng 10, 1987.

Gorbachev khai hội với một báo cáo kế hoạch thi hành lễ kỷ niệm thứ 70 cuộc Cách mạng tháng 10. Yeltsin được phát biểu trước nghị hội và đã làm ngạc nhiên mọi người khi ông lên tiếng tấn công Ligachev.

Yeltsin nói rằng mặc dù đại hội tháng 6 là một dấu hiệu cho tất cả các tổ chức đảng, bắt đầu là ban bí thư, phải "tái thiết" công việc, nhưng không thấy có sự đổi thay nào trong công việc của ban bí thư hay của "đồng chí Ligachev" cả. Những khiển trách bắt nạt vẫn còn được những người đứng đầu Đảng sử dụng. Đã hai năm qua kể từ đại hội đảng, mà mục tiêu cải cách được đề ra, nhưng giờ đây dân chúng lại được cho biết là phải cần chờ thêm hai hoặc ba năm nữa. Nhưng sau "hai năm (khác), chúng ta có thể nhận thấy rõ là, dưới con mắt của nhân dân, quyền hành của đảng đã sụp đổ hoàn toàn." Trong tình trạng thiếu hẳn sự ủng hộ từ một "số phe phái" nào đó - đặc biệt là của Ligachev - Yeltsin đã xin từ chức.

THÁCH THÚC CỦA YELTSIN đã đặc biệt gây bối rối cho các thành viên Ủy ban trung ương Đảng vì trước đây, họ đã bị sốc vì

sức phản đối của đông đảo dân chúng trong nước, nhất là cuộc xuống đường ở Estonia.

11.30 giờ sáng ngày 23 tháng 8, 1987, Tunne Kelam, thành viên quốc gia của tổ chức bí mật Estonia, người có trọng trách gởi tin tức hoạt động của người quốc gia cho các nước Tây phương, đi đến quảng trường sảnh đường thành phố tại Tallinn qua các con đường hẹp của Thành phố cũ.

Kelam, một giáo sư sử học đã nhiều năm làm nhân viên gác đêm của một trại gà sau khi bị cho vào sổ đen hồi thập niên 1970 vì các hoạt động ly khai. Nay lần đầu tiên, những người quốc gia Estonia dự tính tổ chức một cuộc biểu tình công khai tại quảng trường Tallinn để đánh dấu ngày ký hiệp định Molotov-Ribbentrop.<sup>1</sup> Cả hai đài phát thanh Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA) và đài Tự do đều cho biết cuộc biểu tình sẽ diễn ra tại đây vào lúc trưa, và có ba mươi thương nghị sĩ Hoa Kỳ đã viết thư cho Gorbachev yêu cầu ông không nên dùng vũ lực đàn áp người biểu tình. Nhưng Kelam vẫn lo ngại. Có nhiều báo cáo cho biết các đơn vị đặc biệt KGB đang di chuyển đến thành phố để đối phó cuộc biểu tình.

Sau hai ngày mưa, mặt trời đã ló dạng, các lề đường dẫn đến quảng trường thành phố đông đúc người. Vài người chuẩn bị biểu tình, một số khác đang lưỡng lự không biết mình nên tham gia hay không.

Khi đồng hồ của quảng trường thành phố điểm 12 giờ trưa, nhiều nhóm người bắt đầu kéo nhau đi đến quảng trường, nhưng vẫn còn nhiều người đang nấp dưới bóng cây. Nhưng trước sự ngạc nhiên của Kelam, đám đông đi vào quảng trường ngày càng đông, qua các con đường bên cạnh, cho đến khi con số được ước lượng trên hai ngàn. Heiki Ahonen, một tù nhân chính trị vừa được trả tự do, nói trước dân chúng rằng anh đã được báo trước là cuộc mết-tinh không nên được tổ chức tại quảng trường này; do

<sup>1</sup> Hiệp Định Molotov-Ribbentrop là hiệp định ký kết năm 1942 giữa Đức quốc xã và Liên Xô, nhường cho Liên Xô ba nước nhỏ vùng biển Baltic: Lithuania, Latvia, và Estonia.

đó, anh đề nghị dân chúng nên theo anh đến công viên Hirve ở Thành phố Trên.

Những người biểu tình bắt đầu đi đến công viên Hirve trước mắt của cảnh sát, không có hành động nào để can thiệp cả. Trong lúc dòng người kéo đến chật Harju, một con đường nhỏ dẫn đến sảnh đường của công trường Thành Phố Trên, người biểu tình bắt đầu trương biểu ngữ: "HÃY XÉT XỬ TỘI ÁC CỦA STALIN", "HÃY CÔNG BỐ HIỆP ƯỚC MOLOTOV-RIBBENTROP", và "HÃY TRẢ TỰ DO CHO TÙ CHÁNH TRỊ."

Kelam chắc chắn thế nào cảnh sát cũng sẽ tịch thu các biển và các biểu ngữ, nhưng chuyện này đã không xảy ra. Nhiều kẽ khiêu khích đã len lỏi trong dân chúng kêu gọi hô to "Người Nga hãy cút đi" nhưng không ai để ý đến họ.

Cuối cùng, người biểu tình bắt đầu kéo nhau đi lên Thành Phố Trên, nơi có lâu đài Toompea, trụ sở truyền thống của Chánh phủ Estonia. Trong lúc đang đi lên, các nóc ngôi đền và tháp đồng rỉ sét của nhà thờ Thành phố cũ này trải dài dưới mắt họ. Ở công viên Hirve, những người biểu tình tập trung tại một thung lũng, tạo thành một giảng đường thiên nhiên. Tiit Madisson, một công nhân ở Parnu và là một tù nhân chính trị vừa được phóng thích, là diễn giả đầu tiên. Anh nói, số phận của Estonia đã được định đoạt bởi hiệp ước bí mật Molotov-Ribbentrop, và với tinh thần *glasnost*, dân chúng Estonia phải được cho biết nội dung.

Cuộc mết-tinh kéo dài khoảng một giờ. Vài người trong đám đông vỗ tay hoan nghênh trong lúc có người khóc được chứng kiến một cảnh tượng tưởng như không bao giờ có thể có trong đời họ. Một số người biểu tình bắt đầu lưu chuyển các bản kiến nghị kêu gọi xây dựng một đài kỷ niệm nạn nhân của thời đại Stalin tại Estonia. Tuy nhiên, sự sợ hãi còn hơi nhiều, nên đám đông dân chúng không hát bài quốc ca Estonia. Cuộc biểu tình được giải tán trong vòng trật tự, và một vài giờ sau, Kelam gặp Abonen và Arvo Pesti, một người tổ chức khác tại Thành phố cũ. Họ đồng ý với nhau là cuộc biểu tình có kết quả và trong tương lai, nhiều tổ chức quy mô hơn có thể thực hiện được.

Tin tức về cuộc biểu dương dân chúng ở Estonia làm các lãnh đạo đảng xúc động và lo ngại, nhen nhúm trở lại mối lo sợ tiềm tàng của khối đồng quần chúng.

Yeltsin là một đại biểu thuộc cánh đảng có thể làm ra các diễn biến như ở Estonia. Vì vậy, diễn văn của ông không lôi kéo được những người khác, mà lại cho Ủy ban trung ương Đảng có cái may, bằng cách bênh vực cho Ligachev, để chứng tỏ họ hoàn toàn chống lại cải cách.

**SAU KHI YELTSIN DỨT LỜI,** S.I. Manyakin, Chủ tịch Ủy ban kiểm soát nhân dân, lên diễn đàn và tán dương Ligachev. Sergei Shalayev, Chủ tịch Công đoàn Xô-viết và năm bí thư *oblast* của đảng tiếp theo, cũng làm như vậy.

Diễn giả thứ tám là Georgy Arbatov, Giám đốc Học viện Hoa kỳ và Canada, nói Yeltsin đáng khen vì sự can đảm của ông, nhưng ông đã gây thiệt hại lớn cho chính sách *perestroika*. "Có lẽ không thể sửa đổi gì được vì tác động của bài diễn văn đã lan rộng."

Arbatov được nối tiếp bởi Nikolai Ryzhkov, Chủ tịch Hội đồng Chánh phủ, tố cáo Yeltsin "gây chia rẽ và tranh luận trong hàng ngũ của Bộ Chánh trị đảng", và ca ngợi Ligachev đã "theo đuổi con đường đúng đắn cũng như làm được công trình to lớn."

Ryzhkov trước đây đã là cộng tác viên thân cận của Gorbachev, nhưng bài diễn văn vừa rồi của ông ta là dấu hiệu cho thấy Gorbachev gây tạo lực lượng chống cải cách tập hợp xung quanh Ligachev; vậy là còn quá sớm để đòi cách chức ông ta. Tình trạng này làm cho các thành viên khác của Bộ Chánh trị đều bắt đầu xác nhận ủng hộ Ligachev.

"Không có bất đồng ý kiến," Vitaly Vorotnikov nói, "chúng ta cần phải biết rõ ràng và chính xác là chúng ta hoàn toàn đoàn kết".

Sau một lúc ngưng họp ngắn ngủi, Victor Chebrikov, giám đốc KGB nói, những lời tuyên bố của Yeltsin về công tác của ban bí thư là "vu khống".

"Đột nhiên, chúng ta nghe nói đến sự chia rẽ trong giới lãnh đạo," ông nói tiếp. "Chúng ta đang nói đến những nhóm nào? Quý vị thấy không, chúng ta đều ở trước mặt ông. Chúng ta đang nói đến những nhóm nào?"

Cuối cùng đến lượt Yakolev phát biểu. Vì Ligachev là đối thủ chánh của Yakolev, nên Yakolev có thể bằng lòng ủng hộ Yeltsin, nhưng vì nhận thấy Ligachev được ủng hộ quá mạnh, ông ta không còn lựa chọn nào khác là cung ứng theo lên án Yeltsin, mà ông cho là đã có "lỗi lầm chánh trị" và "bất nhất".

Sau Yakolev, đến Eduard Shevardnadze lên tiếng, một đồng minh thân cận với Yakolev. Nhận thấy rõ cán cân thế lực, Shevardnadze cũng lên án Yeltsin và bênh vực Ligachev. Ông tố giác Yeltsin là "phản bội" trước Đảng. "Có ai tại hội trường này nghi ngờ đồng chí Ligachev, một người trong sạch như pha lê, một người nguyên tắc và tinh thần cao, hy sinh sức lực và tinh thần cho chánh sách *perestroika* hay không?", ông hỏi.

Đây là lần đầu và lần cuối cùng mà Shevardnadze đã lên tiếng tán dương Ligachev.

Sau cùng, Yeltsin được phát biểu cuối cùng. "Đây là một trường học nghiêm khắc đối với tôi, lẽ dĩ nhiên", ông nói, "suốt đời tôi đã giữ những nhiệm vụ này mà chỉ là sự tin tưởng nơi Ủy ban trung ương Đảng..." Diễn văn của Yeltsin đã bị hội nghị bỏ phiếu đồng thanh cho là lỗi lầm, và vấn đề từ nhiệm của ông được đưa ra Bộ Chánh trị và Đảng ủy Thành phố Moscow họp khoáng đại, thảo luận và quyết định."

Đêm ấy, tin đồn về những gì đã xảy ra trong hội nghị khoáng đại tháng 10 đã lan ra cùng khắp Moscow, và trong vài ngày sau, ra khắp cả nước. Tuy nhiên, vấn đề của Yeltsin cũng chưa phải đã chấm dứt đối với các lãnh tụ Đảng.

Ngày 11 tháng 11, 1987, trong một phiên họp của Đảng Ủy Thành phố Moscow do Gorbachev chủ tọa, Yeltsin đã bị cách chức Chủ tịch Ủy ban này. Gorbachev cho diễn văn của Yeltsin là "thiếu trưởng thành chánh trị, quá rắc rối, khó hiểu và đầy mâu thuẫn." Ông cũng cho, "diễn văn không chứa đựng một tí ý kiến xây dựng, là "mị dân," và chỉ là "hoàn toàn lý thuyết và không có

thẩm quyền chánh trị". Kế đó là một số viên chức Đảng của thành phố đã lên diễn đàn cùng tố cáo Yeltsin. V.A. Zharov, Phó Chủ tịch Hội đồng Thành phố Moscow, nói diễn văn của Yeltsin đã gây chia rẽ Đảng. Và ngày mai đây, chúng ta chắc chắn sẽ nghe...từ những người...cố gắng làm cho Boris Nikolaevich (Yeltsin) trở thành một Jesus Christ, chịu khổ hình...cho việc hiến dâng vì sự đổi mới xã hội chủ nghĩa và dân chủ."

Gần 50 viên chức đảng đã phát biểu ý kiến, và tất cả đều tố cáo Yeltsin. Cuối cùng, Yeltsin đã lên tiếng. Ông nói: "Tôi thật đáng tội trước đảng bộ Moscow, rất đáng tội trước Đảng Ủy, trước các ông, và chắc chắn là trước Mikhail Sergeyevich Gorbachev, mà uy tín trong tổ chức của chúng ta, trong nước chúng ta, và cả trên toàn thế giới, đã lên cao.

**NHIỀU THÁNG ĐÃ TRÔI QUA**, mặc dù có nhiều hoạt động trong giới người dân thường, nhưng rõ ràng là chủ trương *glasnost* đã không đủ để đẩy Đảng tiến lên trên con đường đó. Do đó, Gorbachev quyết định xây dựng một hệ thống chánh quyền mới, được khánh thành ngày 25 tháng 3, 1989, trong phiên họp đầu của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Nhận thấy không thể đối đầu với Ligachev trong Ủy ban Trung ương Đảng, Gorbachev quay lại dùng phương cách vận động ít trực tiếp hơn. Trong một buổi họp của Bộ Chánh trị, ngày 7 tháng giêng vắng mặt Ligachev, nhiều vấn đề quan trọng về nhân sự, kinh tế và ngoại giao đã được tách ra khỏi Ban Bí thư, vì lý do đã được thảo luận trong Bộ Chánh trị. Sự đổi thay này, được trình bày như là để tránh tình trạng trùng lắp, nhưng thật sự là để làm suy yếu Ban Bí thư.

Trong lúc đó, các lãnh tụ bảo thủ đảng đã trở thành đối tượng của báo chí, và Yakolev thường gặp gỡ các nhà báo bắt đầu thảo luận với họ về tư thế của Stalin mà có thể làm đảng mất uy tín hoàn toàn.

Dần dần, một làn sóng thắc mắc lan ra trong hệ thống đảng. Phần đông viên chức đảng đều đồng ý cần có "cải cách"

mà họ xem như một hiệu quả lớn lao. Tuy nhiên, cũng lần đầu tiên, họ đã bắt đầu, trong chô riêng tư, nói lên cách nhìn của họ, cho rằng các chính sách của Tổng Bí thư nhằm chống lại Đảng.

Tháng 4, 1988, Ligachev tán thành một bài báo của tờ *Sovetskaya Rossiya*, một lá thư của một giáo sư tên Nina Andreeva bênh vực cho Stalin. Nhưng sau đó, lá thư lại bị tờ *Pravda* và báo chí đả kích, với sự khuyến khích của Yakolev, bắt đầu chiến dịch chống Stalin, mở màn cho sự sụp đổ tất nhiên của Liên bang Xô-viết.

**ĐỘT NHIÊN BÁO CHÍ**, tạp chí và truyền hình bắt đầu tung ra tất cả những gì từ trước đến nay đã được giấu diếm về các tội ác của thời kỳ Stalin. Từ miền rừng núi Bykovnya bên ngoài Kiev cho đến các vùng rừng cây Belorussia và nghĩa địa Kalitnikovsky và Tu viện Novospassky, báo chí mô tả các nghĩa địa chôn người tập thể, cùng các câu chuyện của những người sống sót cũng như lời cung khai của một số đao phủ.

Trong 35 năm, nếu có ai thử nói sự thật về thời kỳ Stalin thì đều có thể bị bắt, nhưng nay thì tất cả chi tiết về hành động diệt chủng dưới sự lãnh đạo của Stalin đối với chính dân tộc mình bắt đầu được mang ra bàn tán khắp cả nước. Những cảnh tượng khủng khiếp đã được xem như phản bội "chủ nghĩa Lenin", nhưng với những cảnh cha mẹ bị bắt dẫn đi giữa đêm khuya và thi thể của họ bị các tên đao phủ say rượu vứt xuống hố, huyền thoại lý tưởng của chính quyền Xô-viết đã hoàn toàn bị hủy diệt.<sup>1</sup>

Chế độ Xô-viết được tổ chức tương tự như một giáo hội. Mục tiêu của nó là thực hiện một ý tưởng, chủ nghĩa không tưởng đã được ý thức hệ Mác-xít Lê-ni-nít mô tả. Đối với thế giới bên ngoài, chủ nghĩa cộng sản mặc dù rất là vô lý, nhưng nó đã

<sup>1</sup> Chính sách glasnost cũng đưa đến việc phổ biến hiệp ước Molotov-Ribbentrop, trước hết ở các công hòa vùng Baltic và sau đến báo chí Moscow. Hiệp ước giao các quốc gia vùng Baltic, phần đất phía đông của Ba Lan, gồm có miền tây Ukraine mà dân chúng rất có tinh thần quốc gia cho Liên Bang Xô-viết. Hiệp ước này được phổ biến đã dấy lên các phong trào quốc gia tại các nước vùng Baltic mà hậu quả là sự lớn mạnh của tinh thần quốc gia trên toàn cõi Liên Bang Xô-viết.

đồng nhất với người dân Xô-viết mà họ xem như một công trình lịch sử vĩ đại, làm cho họ có cảm tưởng nó là lẽ sống của họ, thỏa mãn đầy đủ, dù là giả dối, nhu cầu tinh thần căn bản của họ. Vì muốn phục vụ cho công trình này, người dân phải sẵn sàng hy sinh mọi quyền căn bản và tự do của mình.

Họ chịu đựng vì họ tin tưởng, và họ tin tưởng vì với các biện pháp khủng bố để tạo một thế giới hoàn toàn giả tưởng, họ bị dẫn dắt sai lầm một cách có hệ thống. Khi *glasnost* và phong trào chống Stalin chứng minh công trình Xô-viết thay vì thành công huy hoàng, lại là một sáng tạo dã man, hung ác, mà luân lý, đạo đức và lý trí không thể nào tưởng tượng và hiểu được, người dân không còn có thể chấp nhận tình trạng bị mất quyền của mình và bắt đầu bác bỏ thứ chánh quyền Xô-viết này.

**SỰ THẤT BẠI CỦA LIGACHEV** và phong trào chống Stalin, tuy nhiên, không thay đổi được sự chống đối mãnh liệt của bộ máy đảng đối với việc cải cách. Để tự vệ và bảo đảm cho tương lai tiến trình cải cách, Gorbachev đã triệu tập một hội nghị đảng đặc biệt vào tháng 6 để thay đổi hệ thống chánh trị. Hội nghị khai mạc từ ngày 23 tháng 5, chấp thuận thành lập Đại hội Đại biểu nhân dân, được bầu ra một cách dân chủ, và sẽ là cơ chế "quyền huy tối cao" của cả nước.

Vào tháng 7, nhiều sự cắt giảm to lớn được thi hành trong lãnh vực công nghiệp của Ủy ban trung ương Đảng, lãnh vực độc quyền hàng bao nhiêu năm của nền kinh tế trung ương tập quyền. Những viên chức còn lại được chỉ thị không được "xen" vào các hoạt động kinh tế.

Những thay đổi này được Đại hội Đảng thứ 19 chấp thuận, chuẩn bị cho cuộc bầu cử vào tháng 3, 1989. Trong số 2.250 thành viên của Đại Hội Đại biểu nhân dân mới này, có 750 thành viên được chỉ định bởi các "tổ chức xã hội" gồm có Đảng cộng sản. Các ứng viên cũng phải được các ủy ban kiểm soát bầu cử của Đảng chấp nhận. Kết quả, trong 384 của 1.500 đơn vị bầu cử, các ứng viên do Đảng ủng hộ đã không có ai ra dự tranh cǎ.

Mặc dù có những quy lệ hạn chế như vậy, một lở hỏng cũng được tạo ra trong hệ thống độc nguyên chánh trị. Yeltsin đắc cử Đại biểu nhân dân Thành phố Moscow vào Quốc hội mới, và nhận thấy việc bản thân bị Đảng làm nhục trước dân chúng đã làm cho ông thành một kẻ chịu đọa đày. Ông đã đánh bại Yuri Brakov, giám đốc nhà máy ô-tô vận tải Zil, với tỷ lệ 13 trên 1. Tại Leningrad, toàn thể lãnh đạo đảng đều thất cử. Tại các cộng hoà *baltic*, các mặt trận chánh trị mới thành lập đều thắng cử vang.

Nhìn chung, trong số 2.250 đại biểu được bầu trong cơ chế mới, có từ 300 đến 400 người được xem như có xu hướng cải cách. Gorbachev đã tạo ra được một căn bản quyền lực độc lập đối với đảng, không cho phép một lực lượng chánh trị thay thế nào nổi lên cả.

**MÙA XUÂN 1989**, Gorbachev đã sẵn sàng khống chế cả Quốc hội lẫn đảng, nhưng sự thay đổi thành một hệ thống bán nghị viện đã làm suy yếu đảng rất nhiều. Phần lớn lãnh đạo đảng không còn đủ khả năng cạnh tranh chánh trị và tình trạng này đã được chứng tỏ ngay trong buổi họp Quốc hội đầu tiên.

**GALINA STAROVOITOVA**, người Nga duy nhất trong phái đoàn Armenia dự phiên họp khai mạc Quốc hội tại điện Kremlin. Là một chuyên viên dân tộc học của Hàn lâm viện khoa học Xô-viết, bà đã được bầu đại biểu hầu như do may mắn. Bà gần như chắc chắn không thành công nếu bà không có phản ứng đối với các diễn biến ở Sumgait hồi tháng 2, 1988.

**NGÀY 20 THÁNG 2**, hội đồng ở Nagorny Karabach, một vùng tại Azerbaijan với phần đông dân số là người Armenia, đã biểu quyết sát nhập vùng này vào Armenia. Đây là lần đầu tiên mà các đại biểu chỉ được bầu một ứng viên Xô-viết, đã biểu quyết một vấn

đề chánh trị một cách độc lập. Tám ngày sau, một cuộc tàn sát đẫm máu chống người Armania đã nổ ra tại Sumgait, một thành phố gần Baku bờ biển Caspian.

"Tôi phải đón xe buýt đi Sumgait tại đâu?" Andrei Shilkov, một phóng viên của tờ báo *samizdat*<sup>3</sup> *Glasnost*, hỏi một người đang ở tại ga xe lửa Baku.

"Xe buýt đi Sumgait đã bị bãi bỏ," ông này trả lời. Hôm đó là ngày 9 tháng 3 và đồng hồ của nhà ga đang chỉ 11 giờ sáng. "Muốn đi đến Sumgait chỉ còn cách dùng xe tăc-xi mà thôi".

Shilkov gọi vài chiếc tăc-xi, nhưng họ đều từ chối. Một người lái tăc-xi hỏi Shilkov tại sao quá lo lắng đi đến đó. Shilkov, người Nga, cao lớn, tóc vàng, vẻ người rõ ràng không phải người ở Baku, nói rằng anh là người mới vừa được trả tự do từ trại lao động gần Makhachkala và đang muốn tìm một người bạn.

"Không có tăc-xi đi Sumgait đâu," tài xế tăc-xi trả lời một cách ngờ vực. Ông nên cố tìm cách đi nhờ tốt hơn."

Shilkov cuốc bộ đến con đường lớn, giơ tay ra dấu một xe và xin được đi qua giang đến Sumgait, nhưng người lái xe cũng từ chối; tuy nhiên, anh ta lại nói có thể giúp Shilkov đi đến ngoại ô Sumgait với giá ba mươi rúp, mười lần đắt hơn bình thường. Cuối cùng, Shilkov đồng ý, và anh được đưa đến một nơi cách thành phố một dặm đường, anh phải xin đi nhờ một lần nữa để vào thành phố.

Trời nắng ấm nhưng không khí có vẽ buồn bã. Trước tòa nhà năm tầng trụ sở cơ quan hành chánh và chánh trị đảng (*oblast*), có hàng rào cảnh sát ngăn cổng vào có dây leo xanh bao phủ. Đại lộ lớn gần đó có một hàng xe tăng, và tại các góc đường đều có binh lính và cảnh sát. Andrei Shilkov đến gần một chàng trai trẻ Azerbaijani, và với 25 rúp, anh này nhận lái xe đưa Andrei đi quanh thành phố.

---

<sup>3</sup> Một phương pháp được Liên Bang Xô-viết và các nước chư hầu áp dụng để tiêu diệt sách vở, báo chí, tài liệu in ấn và phổ biến bí mật. Cũng có nghĩa là các tài liệu này.

Trong lúc hai người lên xe, chàng trai lái xe chỉ một tòa nhà trước mặt đại lộ và nói: "Anh thấy nhà ấy không. Họ vừa mới ném một cô gái trần truồng từ cửa sổ tầng lầu bốn xuống."

Trong vài giờ chạy quanh thành phố Sumgait, Shilkov đã lén chụp được ảnh binh lính và xe thiết giáp. Cuối cùng, xe dừng lại trước cửa một hiệu buôn, và Andrei bước ra khỏi xe. Anh đi đến một hàng người đang đứng trước một cái lều có một bà đang bán bánh và bắt đầu hỏi về "biến cố." Những người xếp hàng đều không ai trả lời cả. Dân cư thành phố được đài phát thanh và truyền hình địa phương cảnh cáo nếu ai "đồn đãi" tin tức về các biến cố vừa qua thì sẽ bị đưa ra tòa án về tội "phản tuyên truyền Xô-viết." Theo nghĩa của Xô-viết, từ ngữ "đồn đãi" là những gì không được chánh thức in trên giấy do chánh quyền thực hiện. Sau cùng, Andrei đi đến sân cỏ gần đó, và để ý đến một bà dáng dấp giống người Slavic khoảng 40 tuổi đang ngồi trên một ghế dài.

"Xin lỗi bà," anh nói, "tôi vừa mới đến và nghe người ta nói đã có vài biến cố đang xảy ra tại đây, một chuyện gì đã xảy ra vậy?"

Bà này nhìn Andrei một phút rồi nói: "Tôi sống ở một căn phòng trong tòa nhà phía bên kia sân cỏ này. Thật là ghê gớm. Tôi đã sống ở Sumgait này gần suốt cả cuộc đời, và khó mà tin được những gì đã xảy ra. Giờ đây, nếu có ai nói rằng ở Moscow họ luộc trẽ con và ăn thịt chúng, tôi sẽ tin ngay."

Bà này nói là người Bulgarian và đã có chồng người Armenian. Đêm 29 tháng 2, bà nghe tiếng la cầu cứu và tiếng càu cửa trong tòa nhà của bà. Ông chồng gọi bà từ một thành phố gần đó, bảo bà phải đóng chặt và giài cửa cẩn thận. Vào khoảng 10 giờ đêm, khi nhìn qua cửa sổ, bà thấy một đứa bé gái độ 10 tuổi bị ném từ cửa sổ tầng lầu 5 của tòa nhà xuống sân cỏ. Đứa bé gái rớt xuống bụi cây và bắt đầu đứng dậy chạy, nhưng một nhóm người lại ném qua cửa sổ tủ bàn của nhà bếp lên cô bé. Sáng hôm sau, bà nghe người láng giềng cho biết là cả nhà cô bé đều bị đấm côn đồ Azerbaijani giết chết.

Cả ngày 1 tháng 3, bà che hết ánh sáng và ở trong nhà suốt ngày. Tối hôm ấy, bà lại nghe tiếng la và tiếng kính bể khi một đám đông dưới sân cỏ bắt đầu đập bể các cửa sổ. Tại một nơi trên sân cỏ, bà nhìn thấy bàn ghế, tủ giường chất thành đống đang bị đốt cháy. Sau cùng đến sáng ngày 2 tháng 3, bà ra đi khỏi nhà và gặp một người láng giềng, một bà người Azerbaijani đang làm việc tại một nhà bảo sanh; bà này đang ở trong trạng thái gần như điên loạn vì bị quá kích động.

"Tôi không thể đi làm được," bà nói, "bọn cướp bóc này đang giết những người mang thai."

Bà Azerbaijani còn cho biết một bọn côn đồ Azerbaijani đã xông vào nhà bảo sanh nơi bà đang làm việc, dùng dao đe dọa một bác sĩ, bắt ông này phải chỉ cho chúng những đàn bà người Armenian. Sự bi giết, bác sĩ trao cho chúng danh sách, chúng mổ bụng các bà này và lôi các thai nhi ra và giết luôn, tuy cũng còn có đứa sống sót.

Bà người Bulgarian hối thúc Andrei nén mau rời khỏi Sumgait trước khi trời tối, để tránh bị kẹt lại vì lệnh giới nghiêm kể từ 10 giờ đêm.

**TRÊN CON ĐƯỜNG CHÁNH** thành phố, Andrei được đi qua giang với một người Azerbaijani và một người khách khác, một bà có vẻ người Nga. Andrei ngồi ở băng sau xe, trong lúc hai người kia đang bàn tán với nhau về những biến cố thời sự. "Những tên vô lại này chắc có nhiều thuốc cần sa," người Azerbaijani nói với bà người Nga.

"Nếu chỉ có vấn đề cần sa," bà nói, "thì làm sao họ biết được nơi nào có người Armenian? Chắc mỗi người của họ đều có danh sách tên cuối của người Armenian,"

Đến Baku, Andrei xuống xe và đi tắc-xi đến phi trường. Trong lúc chờ chuyến bay đến Yerevan, anh để ý đến một người Armenian không cạo râu mặc một sơ mi đen, dấu hiệu để tang. Andrei men lại nói chuyện với người ấy và được biết ông ta có người cháu bị giết chết trong cuộc tàn sát Sumgait.

"Nó đang có một mình ở nhà," người Armenian nói, "chúng nó phá cửa xông vào, đập đầu cháu tôi bằng búa, lôi xác nó bằng hai chân xuống các bậc thang, đầu nó đập vào các bậc thang, cuối cùng chúng quăng xác nó vào thùng rác."

"Anh tôi làm việc suốt 35 năm và tất cả sự nghiệp nay đã tiêu tan, nhưng anh không mấy quan tâm, nếu cháu tôi còn được sống."

"Gia đình ông có người nào khác bị chết không?" Andrei hỏi.

"Tại sao, như vậy chưa đủ hay sao?"

Andrei xin lỗi. Anh nói, anh là một nhà báo độc lập đang chuẩn bị làm một bài tường thuật về những biến cố vừa xảy ra.

Người đàn ông nói, "Chúng nó sẽ bắt ông và ông sẽ không còn biết gì để viết."

GALINA STAROVOITOVA đã khảo cứu về miền Caucasus trong thập niên 1980, và khi bắt được tin tức đầu tiên về các cuộc giết chóc ở Sumgait, bà liền gởi thơ cho nhà thơ nữ người Armenian là Silva Kaputikian bày tỏ tình đoàn kết và chia sẻ nỗi đau buồn. Thơ của Starovoitova được chép ra thành hàng ngàn bản phổ biến tại Quảng trường nhà hát Yerevan. Do đó, bà nổi tiếng tại Armenia. Và khi có bầu cử, bà được bầu vào Quốc hội với tư cách đại biểu của Armenia.

Chỉ có một nhóm nhỏ đại biểu độc lập như Starovoitova được phép tranh đua chánh trị với Đảng cộng sản Xô-viết.

CÁC ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN đã vào hội trường và đang tìm chỗ ngồi của mình. Galina để ý thấy họ có kỷ luật, bất động không mấy chăm chỉ. Phiên họp bắt đầu lúc 10 giờ sáng, và sau đó, rõ ràng là Quốc hội đã không được kiểm soát hoàn toàn.

(Lúc 4 giờ sáng ngày 9 tháng 4, 1989, binh lính đã dùng hơi độc và xèng mài bén tấn công một nhóm biểu tình bất bạo động tại công trường trung tâm của Tbilisi, giết chết 21 người và làm

bị thương hằng trăm người khác. Những người biểu tình đã đòi độc lập cho Georgia.)

Quốc hội quay sang vấn đề bầu Chủ tịch. Sự lựa chọn Gorbachev là một kết luận có trước, nhưng với sự hiện diện của các đại biểu xu hướng dân chủ, đã làm cho khác biệt ngay lập tức. Marju Lauristan, lãnh tụ mặt trận nhân dân của Estonia, đã hỏi Gorbachev lúc nào ông này được biết quân đội tấn công dân chúng ở Tbilisi. Ông nói: "Cá nhân ông có xem việc sử dụng quân đội hành quân trừng phạt thường dân là thích hợp với dân chủ hay không?"

Lời nói thẳng thắn của Lauristan đã kích động nhiều người khác. Cuối cùng, khi cuộc đầu phiếu sắp được chấp thuận, Alexander Obolensky, một kỹ sư từ Apatita, một thành phố phía bắc Leningrad, đã tự phong mình chủ tịch. Cử chỉ của ông ta gây xáo trộn trong hội trường. Khi Quốc hội được yêu cầu bỏ phiếu cho Obolensky, 689 đại biểu bỏ phiếu thuận (1.415 chống), nhiều người nghĩ rằng việc Obolensky ứng cử là do ý kiến của Gorbachev.

Cuộc bỏ phiếu được tổ chức gần sảnh đường St. George. Các phòng kín được dựng lên và các đại biểu được phát phiếu. Lý do duy nhất để ghé qua phòng bỏ phiếu, tuy nhiên, chỉ là để gạch chữ thập tên của Gorbachev, và việc bỏ phiếu đã được quan sát chặt chẽ. Kết quả, Gorbachev được bầu với 2.133 phiếu thuận và 87 phiếu chống.

Trong những ngày kế tiếp, một khuôn mẫu bắt đầu được thành hình. Gorbachev đã kiểm soát hội trường với đa số áp đảo của những người bảo thủ, và chỉ có ông ta, với tư cách chủ tịch, quyết định đại biểu nào được phát biểu. Phát biểu của các thành viên của đa số đảng là theo kiểu làm của một chế độ độc tài.

"Tính đa nguyên trong ý kiến phát biểu là bắt buộc, nhưng... trong hành động, phải có sự nhất trí!" E.N. Meshalkin, Novosibirsk.

"Tôi không nhớ thời kỳ nào có nhu cầu như thế cho sự cung cố tất cả các lực lượng của xã hội... Chúng ta hãy bỏ qua, chấm

dứt các cuộc mết-tinh. Hãy làm việc! Nay là lúc phải làm việc!"  
V. S. Obraz, Poltava.

"Những gì chúng ta cần ở tất cả mọi người là trật tự, trật tự và kỷ luật, dân chủ sẽ chỉ có lợi từ điều này..." Leonid Kravchenko, Moscow.

Cuộc bầu cử ở Quốc hội được kiểm soát hết sức chặt chẽ. Khi Quốc hội bầu ra 542 đại biểu phục vụ trong Xô-viết Tối cao, tất cả những đại biểu dân chủ nổi danh đều bị loại, kể cả Yeltsin. Các đại biểu của những phái đoàn lãnh thổ đều bị canh chừng bởi trưởng đoàn của họ, là những đảng viên cao cấp, những người ở vị thế để trả đũa về mặt kinh tế do bất tuân thượng lệnh. Trong lúc đó, cũng có nhiều đại biểu của các cộng hoà khác không nói được tiếng Nga. Và trong lúc không có người thông dịch, họ chỉ cần đưa tay lên cùng lúc với các trưởng đoàn của họ; như vậy có nghĩa là muốn nói "Tất cả tán thành, hãy đưa *tubeteikas*<sup>1</sup> của các anh lên."

Chủ yếu là sự thảo luận chánh trị cởi mở, tuy nhiên, đã làm thay đổi không khí trong nước. Khi các đại biểu độc lập tiến lên giành được micrô và được nhìn nhận, thì những gì họ nói lên đều có tác dụng. Yuri Chernichenko, một đại biểu của Moscow và là một nhà báo được nhiều người biết, đã công kích Ligachev, người vừa được giao trách nhiệm lãnh vực nông nghiệp. "Tại sao trong một lãnh vực thiết yếu về mặt chánh trị như vậy," ông ta hỏi, "người ta lại đặt một người không hiểu gì cả (về nông nghiệp) và lại là người thất bại trong ý thức hệ?" Yuri Karyakin, một đại biểu khác cũng từ Moscow và là nhà phê bình văn học, kêu gọi mang xác của Lenin ra khỏi lăng tại Quảng trường đỏ. Ông nói, "Chính Lenin đã muốn được chôn bên cạnh mộ của bà mẹ ông ở nghĩa trang Volkon tại St. Petersburg". Starovoitova chỉ trích việc đề cử Anatoly Lukyanov, bạn lâu đời của Gorbachev, giữ chức vụ Phó Chủ tịch không có sự chống đối nào và muốn biết tại sao quân đội phải chờ đến 3 ngày mới can thiệp tại Sumgait.

---

<sup>1</sup> *Tubeteikas*: một loại nón chống lạnh, có bốn cạnh, người Trung Á hay dội.

Lần đầu tiên, công dân Xô-viết đã thấy là có thể có những đại biểu đưa ra những ý kiến khác biệt một cách công khai. Mọi công việc thường xuyên bị ngưng trệ vì dân chúng tập trung trước máy truyền hình ở các nhà máy, các văn phòng, hoan hô và ôm hun màn hình khi có một đại biểu nào nói lên ý kiến phù hợp chia sẻ với mình. Những người không thể theo dõi các cuộc tranh luận tại nghị trường ban ngày, phải thức cho đến 2 giờ sáng để xem phát lại lần thứ hai.

Qua đến ngày thứ tư họp đại hội, các đại biểu dân chủ bị tràn ngập bởi hàng ngàn bức điện tín trong một ngày. Sau mỗi phiên họp, họ được đám đông hoan nghênh ủng hộ khi rời khỏi điện Kremlin và qua Quảng trường đỏ để đến khách sạn mà họ đang tạm trú. Thăm dò dư luận cho thấy các đại biểu dân chủ, gồm không đến 15% tổng số đại biểu trong nghị trường, đã vui sướng vì có đến 70% dân chúng ủng hộ.

Điễn văn nổi bật nhất của phiên họp là của Yuri Vlasov, một cựu lực sĩ vô địch cử tạ, đã tố cáo cơ quan KGB. Ông nói, "KGB không phải là một cơ quan phục vụ, mà thực sự là một đế chế bí mật, vẫn còn không tiết lộ những bí mật riêng, ngoại trừ các năm mồ (của những nạn nhân của Stalin, đã bị thủ tiêu bởi cơ quan NKVD, tiền thân của KGB) đã được được phát hiện."

Gorbachev đã sớm đổi mặt với một nan đề. Ông ta đã thành lập Đại hội đại biểu nhân dân nhằm làm yếu khả năng của đảng, không thể truất phế ông và không giao phó quyền hành tinh thần trong nước cho những người dân chủ. Làn sóng dân chúng bất ngờ ủng hộ những người dân chủ, tuy nhiên, đã cho thấy họ có thể trở thành một thế lực chính trị trong quyền hạn của riêng họ, và ông ta và đa số phải quyết định đáp ứng.

Ngày 2 tháng 6, các đại biểu bảo thủ tấn công Sakharov. Sergei Chervonopisky, một cựu thiếu tá quân đội 32 tuổi, bị mất cả hai chân trong cuộc chiến Afghan, đã tố cáo nhà vật lý học đã nói trong một cuộc họp báo, là các phi công Xô-viết có vài lần đã bắn vào các binh lính Xô-viết để ngăn không cho họ bị các quân nổi loạn Afghan bắt sống. Chervonopisky còn cho rằng lời nói này có thể nhắm vào nhiều người khác trong nghị trường. Ông

nói, "Tại nghị trường này, có hơn 80% là đại biểu cộng sản... Nhưng không một người nào trong số đó nói đến chữ *chủ nghĩa cộng sản*. Tôi phản đối các biểu ngữ, nhưng tôi nghĩ, có ba danh từ mà chúng ta phải đấu tranh - "nhà nước, tổ quốc và chủ nghĩa cộng sản." Gorbachev, Bộ Chánh trị và hầu hết nghị trường đứng dậy vỗ tay hoan nghênh.

Sakharov nói ông không có ý định lăng mạ quân đội Xô-viết, nhưng ước muốn chỉ rõ rằng chiến tranh Afghanistan tự nó là một tội ác. Đa số đại biểu đã đứng dậy và đậm mạnh chân, la lớn, "Hồ thẹn thay! Đả đảo Sakharov!", trong lúc thiểu số vỗ tay hoan nghênh.

**ĐẦU NĂM 1990**, quyền hành đã được chuyển đầy đủ từ bộ máy đảng sang Xô-viết Tối cao, nơi đa số là đảng viên cộng sản. Hệ thống đảng đã đáp ứng bằng những lời tấn công các chính sách của Gorbachev, bắt buộc Gorbachev phải tìm cách tách mình ra khỏi đảng, bằng cách trở thành Tổng Thống đầu tiên của Liên bang Xô-viết.

**542 THÀNH VIÊN** của Xô-viết Tối cao bắt đầu họp và những biểu quyết của họ phản ánh các xu hướng của đảng. Tuy nhiên, Xô-viết Tối cao đang hoạt động độc lập đối với đảng, và đang triển khai hệ thống và khuôn mẫu ảnh hưởng của riêng mình, không phản ánh khuôn mẫu của đảng; do đó, sự vươn lên của đảng đã gây ra đối lập với Gorbachev trong đảng.

Cuối năm 1989, Ủy ban trung ương Đảng nhận được rất nhiều thư tố cáo Gorbachev lơ là với đảng và dung túng những lời chỉ trích đảng, không có hành động đáp ứng nào cả. Nhiều lãnh tụ đảng bắt đầu lên tiếng cảnh cáo, chính sách *perestroika* có thể chấm dứt trong thảm họa. Tại phiên họp khoáng đại tháng 12/1989, một diễn giả nói: "Nếu bọn tư bản và Đức Giáo Hoàng ca ngợi chúng ta, đó có nghĩa là chúng ta ở trên con đường sai trái."

Những chỉ trích sôi nổi này làm cho Gorbachev trở lại để ý đến việc có thể tái lập chủ tịch đoàn Xô-viết.

Nhưng bước đi như vậy đưa đến sự hủy bỏ điều 6 của hiến pháp, theo đó, đảng được dành cho "vai trò lãnh đạo" trong xã hội, do bởi quyền hành được ủy nhiệm cho chủ tịch chứ không phải cho đảng. Trước đó, Gorbachev đã bác bỏ những lời kêu gọi hủy bỏ điều 6 hiến pháp này, nhưng vào tháng giêng, ông ta đã đổi ý và đã ủng hộ ý kiến này.

Một thời gian ngắn sau đó, ông ta đã ngầm ủng hộ một cuộc biểu tình ở Moscow, dự trù tổ chức vào ngày 4 tháng 2, để đòi hỏi chấm dứt độc quyền chính trị của đảng. Ngày hôm sau, Ủy ban trung ương Đảng nhượng bộ các ước vọng của Gorbachev, biểu quyết 249 trên 1, chấp nhận hủy bỏ điều 6 hiến pháp. Cuộc bỏ phiếu đã được tiếp nối bởi một mít-tinh lớn tại Moscow hõa dân chủ, đã thu hút khoảng 500.000 người biểu tình.

**NGÀY 12 THÁNG 3, 1990**, phiên họp Đại hội đại biểu nhân dân đã được khai mạc trong một bầu không khí bồn chồn lo lắng bất định. Trong lúc phiên họp đang diễn tiến, Sergei Alexeev, một luật gia và là đồng minh thân cận của Gorbachev, phát biểu giải thích sự cần thiết của chế độ Tổng Thống. Ông ta nói "Một cơ cấu có tính nghị trường thuần túy... có thể chặn đứng mọi quyết định. Và như kinh nghiệm đã chứng tỏ, một cấu trúc thuần túy nghị trường... hầu hết đều được thích nghi với chế độ độc tài."

Sau khi Alexeev dứt lời, cuộc tranh luận tập chú vào vấn đề một Tổng Thống có thể nhận quá nhiều quyền hay không. Mặc dù Gorbachev đang tìm cách trở thành Tổng Thống để giảm bớt sự lệ thuộc vào đảng, những đảng viên thủ cựu nay lại ủng hộ ý kiến thành lập tổng thống chế với hy vọng tạo được sự ổn định.

Các đại biểu Nhóm liên vùng, hy vọng kéo được Gorbachev ngã về phía họ, lại sợ pháp chế vừa đề nghị, bằng cách ban cho Tổng Thống quyền hành hầu như vô giới hạn, cai trị bằng sắc lệnh, sẽ tạo ra một nhà độc tài.

Trong lúc đó, nghi ngờ càng gia tăng, không biết kiểu lanh  
đạo nào có thể nắm vững hoàn toàn tình hình đang rối ren.

Hoạt động chánh trị vừa xảy ra của dân chúng Xô-viết đã  
được thấy rõ ràng qua cuộc xuống đường tại Moscow chỉ trước  
đây vài ngày.

Vào lúc 11 giờ sáng ngày 25 tháng 2, Olga Printseva, một  
nhà sinh vật học ở Moscow đi gần đến công viên Gorky, thì thấy  
một đám đông dân chúng chen chúc nhau đầy ắp quảng trường.

Trong cả tuần lễ nay, phe dân chủ đối lập ở Moscow đang  
tổ chức biểu tình để kỷ niệm cuộc cách mạng Nga ngày 17 tháng  
2. Trong một nỗ lực ngăn chặn dừng xảy ra, nhà cầm quyền đã  
loan tin đồn về các kế hoạch dùng vũ lực để đàn áp.

Dù vậy, Olga vẫn quyết định đi. Bây giờ bà thấy hằng ngàn  
người khác đã từ chối để bị đe dọa.

Cảnh tượng này giống như ảnh chụp các cuộc biểu tình quy  
mô của dân chúng trong những năm cuối cùng của thời Nga  
hoàng. Tại cửa ra vào công viên, cờ tam sắc Nga được trưng  
lên và nhiều biểu ngữ: "ĐẢ ĐÀO LIGACHEV VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN  
LIÊN BANG XÔ VIẾT, HÃY ĐỢI TÒA ÁN NUREMBERG." Cũng có  
nhiều biểu ngữ của một số đảng phái chánh trị đơn lẻ. Olga đã  
không nhận thấy quá nhiều đảng phái khác nhau như vậy đã được  
tổ chức tại Liên bang Xô-viết.

Olga nhập vào nhóm Dân chủ Nga là phong trào dân chủ  
đối lập chánh yếu, và kéo qua cầu Krimsky. Bà đi qua các đám  
đông tuôn ra từ nhà ga xe điện ngầm Công viên văn hóa và từ đó,  
hợp thành một đoàn biểu tình vĩ đại trên đại lộ Zubovsky. Người  
biểu tình đã đầy nghẹt tất cả 10 làn đường vòng đai thủ đô và  
Olga đã đếm thử có đến 17 loại cờ khác nhau và hằng trăm bảng  
biểu ngữ.

Vì cuộc mết-tinh xảy ra trước trụ sở của Thông tấn xã  
Novosti, rõ ràng là các ngờ vực tiềm tàng về chủ nghĩa cộng sản  
đã được đưa lên bề mặt như thế nào với sự trả thù dưới các điều  
kiện của chánh sách *glasnost* và sự tự do ngôn luận tương đối.

Yuri Chernichenko đã mô tả chánh quyền cộng sản tại Liên  
xô như là "bảy mươi năm chiến tranh với dân chúng"; ông còn

nói thêm là người *bônsêvich* đã phản bội dân chúng hai tháng sau khi họ cướp chánh quyền, khi họ giải tán Nghị viện lập hiến. Ông yêu cầu chánh sách tập thể hóa nông nghiệp và sự tiêu diệt nông dân phải bị tố cáo là một tội ác.

Sergei Kuznetsov, một nhà báo độc lập từ Sverdlovsk, nói rằng nhiều người đang kêu gọi đảng phải nói chuyện với đối lập. "Nhưng nói chuyện 'bàn tròn' với các tội nhân có mục đích gì?"

Oleg Rumyantsev, một nhà tổ chức cuộc biểu tình, đã cảnh cáo, đảng đang sẵn sàng để tiêu hủy các lợi điểm dân chủ đã đạt được trong nước.

Từ nhiều năm qua, các cuộc diễn hành và mết-tinh, biểu tình tại Liên xô đều do nhà cầm quyền tổ chức, và các cuộc trình diễn này trước hết giống như sự cụ thể hóa một bóng ma. Không những đám đông vĩ đại xen lẫn cờ tam sắc của đế quốc Nga, mà còn hằng ngàn biểu ngữ viết tay nói lên sáng kiến chánh trị mới của nhân dân: **HƠI NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN, ĐÙNG DẠY CHÚNG TÔI SỐNG NHƯ THẾ NÀO NỮA; TỰ SẢN LÀ TỰ DO; và CHÚNG TÔI SẼ BỌC DÙI CUI CỦA CÁC ANH BẰNG CÁC BAO CAO SU NGỪA THAI.**

Khi những người biểu tình đi gần đến quảng trường Mayakovsky, một bà già trên lề đường đã la to lên: "Stalin biết phải làm gì đối với mấy người!" Tuy nhiên, những người biểu tình, với số đông áp đảo và tinh thần đang lên, đã phớt lờ với bà này.

Tại quảng trường Mayakovsky, Olga nhìn lại phía sau, không thể thấy cuộc biểu tình xuất phát từ đâu, mà chỉ thấy một dòng người cuồn cuộn, được đóng khung giữa các khu nhà đá, dưới một vòm trời tối sầm. Nhìn khối người này, bà tin chắc rằng, sau bao nhiêu năm im lặng và kinh hãi, một cái gì trong đất nước, cuối cùng, đã thay đổi. Lần đầu tiên, hằng triệu người tại Liên Xô đã suy nghĩ như bà. Từ đây, bà không còn lẻ loi nữa, và kết quả, bà đã có thể tham gia vào các đổi thay đang càn quét đất nước.

NGÀY 13 THÁNG 3, ngày thứ 2 của Đại hội, cuộc tranh luận về chức chủ tịch Xô-viết rất là sôi nổi.

K.Makhkamov, đệ nhất bí thư của Đảng cộng sản Tadjikistan, nói rằng nếu muốn chấm dứt các cuộc xung đột giữa các sắc tộc, "chúng ta cần có quyền hành vững mạnh và ...văn minh."

Ivan Polozkov, đệ nhất bí thư đảng vùng Krasnodar thì nói: " Nước chúng ta ...đòi hỏi quyền lực Tổng Thống...nếu không, sẽ không thể tránh khỏi xã hội sa lầy, còn tệ hại hơn cả tình trạng ngưng đọng."

Tuy nhiên, N.T.Dabizh, một nhà văn Moldavian lại có ý kiến: " Nay đến lượt chúng ta đứng ra bênh vực Gorbavhev chống lại Gorbachev. Sự tập trung quyền hành lớn lao vào tay của một người là điều nguy hiểm cho tiến trình dân chủ hóa... Có ai trong số chúng ta tin được rằng sau bốn hoặc chín năm nữa, sẽ không xuất hiện một người nào đó tại Liên Xô muốn dựng lại chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính hay không?"

Để kết thúc cuộc tranh luận, Đại hội bắt đầu bỏ phiếu. Theo quy lệ lập pháp, các tu chánh án phải được cứu xét trước và sau đó, một đề nghị mới được biểu quyết như đã được tu chính. Nhưng trong hoàn cảnh này, Gorbachev đưa đề nghị ra biểu quyết trước khi nó có thể được tu chính. Kết quả có 1.771 phiếu thuận và 164 chống. Những người cải cách nghĩ rằng đây là một cuộc biểu quyết trên nguyên tắc. Gorbachev, tuy nhiên, lại tuyên bố rằng đề nghị đã được chấp nhận như là một phần của hiến pháp.

Đề nghị kế tiếp của ông là Tổng Thống đầu tiên phải được Đại hội đại biểu bầu ra. Cuộc thăm dò dư luận dân chúng Xô-viết cho thấy đa số lớn lao muốn trực tiếp bầu Tổng Thống, nhưng Gorbachev lại tung ra chiến dịch thuyết phục Đại hội, cho điều này có thể có nguy cơ gây mất ổn định chính trị. Dmitri Likhachev, một viện sĩ trong tuổi 80, đã cảnh cáo rằng trực tiếp bầu Tổng Thống có thể dẫn đến nội chiến. Đề nghị cần phải có 1.497 phiếu thuận. Kết quả cuối cùng là 1.542 phiếu thuận, 360 phiếu chống và 76 không bỏ phiếu.

Gorbachev sau đó đã ra ứng cử Tổng Thống. Hai ứng cử viên khác là Ryzhkov và Vadim Bakatin, bộ trưởng nội vụ, đã rút lui và do đó, Gorbachev không có đối thủ. Tuy nhiên, Gorbachev lại không được tín nhiệm khi kết quả bầu được thông qua. Raisa Gorbachev thúc hối các nữ đại biểu bỏ phiếu cho chồng bà, xác quyết với họ rằng Gorbachev không phải là người độc tài. Nhiều trí thức được chọn lọc tham dự Đại hội với tư cách khách mời cũng bắt đầu vận động những người dân chủ bỏ phiếu cho Gorbachev, lý luận rằng nếu ông ta không được bầu thì chức vụ Tổng Thống có thể lọt vào tay một người bảo thủ như Ligachev.

Cuối cùng, cuộc bỏ thăm được thi hành và 1.329 đại biểu đã bỏ phiếu cho Gorbachev và 495 chống. Cũng có nhiều trăm phiếu không được sử dụng. Đây là cách bầu chống và là dấu hiệu đối lập kín đáo chống Gorbachev đang vươn lên, cũng mau chóng như việc ông ta nắm được quyền hành.

**VỚI SỰ BẦU ÔNG NHƯ MỘT TỔNG THỐNG XÔ-VIẾT**, Gorbachev đã gồm thâu nhiều quyền hành chánh thức vào tay mình hơn bất cứ một lãnh tụ Xô-viết nào trước đây, kể từ sau Stalin. Thắng lợi chánh trị của ông ta, tuy nhiên, bề ngoài có vẻ nhầm lót đường cho các cải cách kinh tế có ý nghĩa, nay lại không dẫn đến cải cách mà lại đưa đến tình trạng mất ổn định của hệ thống chánh quyền Xô-viết.

Việc bầu Gorbachev làm Tổng Thống đã được tiếp theo bằng việc cấu tạo một hệ thống mới của quyền lực Tổng Thống. Gorbachev đặt một văn phòng tại điện Kremlin và vẫn tham gia sảnh hoạt với bộ máy Ủy ban trung ương Đảng, cơ cấu đã trở thành cốt lõi của bộ máy tổng thống.

Các cuộc bầu cử địa phương cũng như ở các cộng hòa được tổ chức hồi tháng 2 và 3, 1990 là một thất bại cho đảng cộng sản. Đất nước đã được *glasnost* làm thay đổi, và trong các hoàn cảnh mới, không thể thực hiện các cuộc bầu cử địa phương với những ghế dành cho các "tổ chức xã hội" hoặc các ủy ban bầu cử do đảng khống chế. Các định chế này đã bị hủy bỏ và số ứng viên

độc lập càng lúc càng gia tăng. Những người dân chủ đã chiếm đa số tại Moscow, Leningrad, và Sverdlovsk và những người quốc gia đã nắm được chính quyền ở các nước vùng Baltic, Armenia, Moldavia và Georgia. (Ngày 11 tháng 3, Lithuania tự tuyên bố độc lập). Người dân chủ cũng đã đạt được một phần ba ghế tại cộng hòa Nga, chuẩn bị cho Yeltsin tuyên bố đứng ra ứng cử lãnh đạo Quốc hội Nga.

**NGÀY 16 THÁNG 5**, phiên họp đầu tiên của Đại hội Đại biểu nhân dân Nga khai mạc tại sảnh đường to lớn điện Kremlin, dân chúng dồn dập gởi đến cho các đại biểu vô số thư từ và điện tín thúc giục bầu cho Yeltsin. Ngày 23 tháng 5, Gorbachev phát biểu trước Đại hội, tố cáo Yeltsin có ý đồ tách nước Nga ra khỏi chủ nghĩa xã hội và có "tác phong thô bạo và không khoan dung." Diễn từ của Gorbachev, và đặc biệt là việc tấn công cá nhân Yeltsin, vô tình đã giúp cho ông này bảo đảm được thắng lợi. Trong vòng bầu thứ 3, Yeltsin nhận được 535 phiếu, bốn lần hơn số cần thiết để thắng. Đây là lần thứ nhất, các lực lượng dân chủ trong nước đã có người lãnh đạo được bầu.

**MÙA HÈ NĂM 1990**, đảng mất cảm tình của dân chúng rất nhiều, dẫn đến rạn nứt sâu xa trong hàng ngũ, đồng thời nhiều khối hay phe phái đảng viên có chương trình, kế hoạch hoàn toàn đối chọi nhau. Ngày 19 tháng 6, một hội nghị đã được tổ chức để thành lập một đảng cộng sản riêng của Nga, không còn đặt dưới sự kiểm soát của Gorbachev nữa; hội nghị khai mạc tại Moscow trong một bầu không khí công khai chống đối mãnh liệt vị lãnh tụ này.

Ivan Osadchy, người tổ chức hội nghị, tố cáo Gorbachev đã đẩy đảng vào "cửa tử". Tướng Albert Makashov cho rằng Liên Xô có thể đã chấm dứt, không còn là một siêu cường nữa. Tuy nhiên, mặc dù sức mạnh của tình cảm bảo thủ và chống Gorbachev trong hội nghị, những người bảo thủ cũng không thể

giành thế thắng được Gorbachev trong nội bộ đảng. Điều này đã trở thành rõ rệt một thời gian ngắn sau đó, khi đại hội đảng lần thứ 28 bắt đầu.

**NGÀY 2 THÁNG 7**, khi các phái đoàn tham dự Đại Hội Đảng đi vào Cung Đại Hội Điện Kremlin, thì rõ ràng đây không phải là một đảng đoàn kết chặt chẽ như trong quá khứ. Nhiều phe cánh đã dàn xếp với nhau ngoài hành lang và đại biểu đảng được chia làm hai nhóm cấp tiến và bảo thủ không nói chuyện với nhau và chúc tụng, chào hỏi lẫn nhau.

Gorbachev khai mạc hội nghị bằng một diễn từ đọc trong hai giờ rưỡi liền, trong đó, ông ta tự mô tả mình như một người cải cách vẫn trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Sau Gorbachev, đến lượt Vladimir Bludov, một đại biểu của *oblast* Magadan, nói hội nghị nên giải tán Bộ Chánh trị hiện tại và cả Ủy ban trung ương Đảng. Diễn văn của ông này được hoan nghênh nhiệt liệt.

Ryzhkov, thành viên thứ nhất của Bộ Chánh trị lên tiếng, liền bị chế nhạo và cười đùa. Sau đó là Vadim Medvedev, lý thuyết gia chính của đảng, cũng bị đứt đoạn bằng từng chap vỗ tay nhịp nhàng. Yakolev cùng chịu chung số phận, nhưng ông ta nói liên tiếp không ngừng, khiến các đại biểu không có dịp vỗ tay từng chap và la ó như trên. Thành viên Bộ chánh trị duy nhất được đón nghe nghiêm chỉnh là Ligachev. "Tất cả phong cách...tùy cơ ứng biến... đã không mang lại gì nhiều cho chúng ta sau 5 năm *perestroika*," ông nói.

Sau cùng, có một kiến nghị được đưa ra để đánh giá lại từng thành viên của Bộ chánh trị. Cả hội trường biểu quyết mạnh mẽ cho kiến nghị này và Chủ tịch chủ tịch đoàn tuyên bố nghỉ giải lao.

Khi phiên họp tiếp tục trở lại, Gorbachev ngồi ghế chủ tọa. Yakolev ngồi bên Otto Latsis, một nhà báo cộng sản có xu hướng cấp tiến, đã nói là Bộ chánh trị phải biểu quyết từ chức nếu Đại hội cố đánh giá lại từng thành viên của nó. "Bây giờ tôi muốn nói với tất cả mọi người", Gorbachev nói, "nếu quý vị muốn chia rẽ

đảng, nếu quý vị muốn chôn nó luôn, thì quý vị cứ làm ngay đi. Thời gian suy nghĩ đã đến và cần suy nghĩ thật kỹ lưỡng".

Giờ sau đó, các đại biểu đã suy nghĩ. Latsis nghĩ rằng Gorbachev đang thực hiện một chiến thuật rất hay. Người cộng sản rất mực đoàn kết và nếu có người nào khơi mào việc phân chia hay chia rẽ, người ấy sẽ lập tức mất cảm tình ngay đối với phần lớn các đảng viên thường không có chức vụ gì trong đảng. Và trong lúc các đại biểu bảo thủ, những người đã gây ra cuộc xung đột, trách nhiệm sẽ thuộc về họ. Với tư cách tổng bí thư, Gorbachev có quyền kiểm soát luôn tài sản của đảng. Trong trường hợp có chia rẽ, những người có đường lối cứng rắn sẽ lâm vào thế thiểu số rất nghèo, phải đối đầu không những với đa số đảng viên, mà còn với các cơ cấu mới của chế độ tổng thống nữa.

Các đại biểu bắt đầu đứng lên đòi Gorbachev phải xét lại vấn đề. Cuối cùng, Gorbachev đề nghị hủy bỏ quyết nghị đầu phiếu và đề nghị này cũng đạt được kết quả gần như kết quả tán thành cách đó không bao lâu.

Kế đó, Đại hội đã chuẩn bị bầu một Tổng bí thư mới. Nhưng bây giờ thì việc thắng cử của Gorbachev là điều không thể tránh được. Ông ta đã chứng tỏ được khả năng đè bẹp đối lập, và phần đông đại biểu lo sợ nếu ông không được tái bầu, ông có thể sử dụng quyền Tổng thống để gây khó khăn cho đảng. Kết quả bỏ phiếu cuối cùng là 3.411 phiếu cho Gorbachev, 501 phiếu cho Teimuraz Avaliani, một lãnh tụ đảng thuộc miền tây Siberia của thành phố Kiselevsk, ứng cử viên duy nhất được chọn để đối đầu với Gorbachev. Đã có 1.116 người không bỏ phiếu cho Gorbachev, một dấu hiệu đối lập mạnh mẽ. Nhưng một cuộc cách mạng toàn diện, trước đây có vẻ như có cơ xảy ra thực sự như vừa rồi cách đó một tháng, thì lại đã không xảy ra.

**MÙA XUÂN 1991**, việc Gorbachev nắm giữ đảng bắt đầu giống như ôm chặt một thây ma chết. Quan niệm cho rằng có thể duy trì được một nhà nước xã hội chủ nghĩa, mà không cần dùng đến vũ lực đã không còn được ai tin tưởng nữa; việc quản lý kinh tế

cũng bắt đầu suy sụp như cả cấu trúc đế quốc Xô-viết. Trong lúc cuộc khủng hoảng càng thêm sâu sắc, Gorbachev đã trở thành ít quan tâm đến cải cách hơn là đến việc bảo tồn quyền hành riêng, vận động giữa bộ máy đảng và các lực lượng dân chủ mới, và cuối cùng, đã thúc đẩy đảng cố tìm cách loại trừ ông vào tháng 4, 1991 trong một phiên họp khoáng đại của Ủy ban trung ương Đảng.

**VÀO NĂM 1989**, hậu quả của việc tách đảng ra khỏi công tác quản trị kinh tế bắt đầu được cảm thấy. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế sa sút trầm trọng và đến năm 1990, sản xuất bắt đầu xuống dốc. Với một hệ thống giá cả cố định, nạn lạm phát được loại trừ đã dẫn đến sự sụp đổ của thị trường tiêu thụ. Mùa hè năm 1989, trong số 211 món hàng lương thực, chỉ có thể tự do mua được 23 món.

Nhưng Gorbachev lại không có hành động nào để đưa vào các cải cách thị trường đã được mong chờ từ lâu cả. Nhiều nhà trí thức Xô-viết nhận thức rằng hình như ông ta đã mất định hướng. Phong trào quần chúng chống cộng sản đã trở nên mạnh mẽ, và để bảo toàn ảnh hưởng của mình đối với đảng trong lúc còn giữ được việc kiểm soát nó, Gorbachev bắt đầu bênh vực cho những chánh sách mâu thuẫn nhau, chẳng hạn như muốn dân chủ hóa và bảo toàn đế quốc, muốn thị trường hóa và ngăn cấm quyền tư hữu.

Cuối cùng thì Gorbachev không còn một lựa chọn nhỏ nào hơn là có hành động dứt khoát loại nào đó. Nỗ lực đưa cải cách thị trường vào một nền kinh tế đặt cơ sở trên sự hủy diệt thị trường đã tạo ra một tình trạng rối loạn kinh tế. Cùng lúc đó, các cộng hoà, bao gồm cả cộng hoà Nga, đã bắt đầu tuyên bố "chủ quyền" (hoặc nền độc lập) và nhấn mạnh tính hơn hẳn của luật pháp của họ, dẫn đến một "cuộc chiến tranh luật pháp" với chánh quyền liên bang. Sự phối hợp các thế lực này đã làm cho Gorbachev phải đồng ý với Yeltsin để bổ nhiệm Stanislaw Shatalin, một thành viên của hội đồng tổng thống, thảo ra một chiến lược nghiêm túc cải cách kinh tế.

Kế hoạch của Shatalin phải được thực thi trong vòng 'năm trăm ngày', đã kêu gọi bán hàng loạt các tài sản của nhà nước, và đặt việc thu thuế vào tay các nước cộng hòa. Như vậy trên thực tế là một quy định cho việc giải tán Liên bang Xô-viết. Ngày 11 tháng 9, Gorbachev đã cố gắng ủng hộ kế hoạch Shatalin trước Xô-viết Tối cao. Tuy nhiên, đến ngày 21 tháng 9, ông nhận thấy các tác động của kế hoạch và không thể thi hành được. Ông phải để ra nhiều tuần lẽ để cố phối hợp với kế hoạch do Ryzhkov triển khai để có một kế hoạch trung ương liên tục, trước khi kế hoạch Shatalin cuối cùng bị vứt bỏ.

**VIỆC BÁC BỎ** kế hoạch Shatalin đã gây ra một thời kỳ phản ứng, trong khi Gorbachev bắt đầu cùng xếp hàng cùng phe nhóm với quân đội, cảnh sát và KGB. Ngày 11 tháng 12, Kryuchkov, trong một buổi truyền hình, đã lên tiếng cam kết KGB sẽ bằng mọi cách có thể có, chống lại các phần tử chống cộng sản. Chín ngày sau, Shevardnadze tuyên bố từ nhiệm trong một phiên họp của Đại hội Đại biểu nhân dân, nói: "Một chế độ độc tài đang đến gần kề."

**KẾT QUẢ ĐẦU TIÊN** của sự thay đổi trong chính sách là một cuộc đàn áp ở Lithuania.

**NGÀY 10 THÁNG GIÊNG**, Gorbachev đã gửi một điện tín cho chính phủ Lithuania, tố cáo nước này "tráng trộn vi phạm" hiến pháp Xô-viết. Sáng ngày hôm sau, binh sĩ nhảy dù đã bắn đạn thật, và có xe tăng đi kèm, đã tiến chiếm nhà máy in chính yếu của cộng hoà này và một trường huấn luyện cảnh sát chống khủng bố. Cùng ngày, những người cộng sản trung thành với Moscow sau đó đã thông báo thành lập "Ủy ban cứu quốc".

NGÀY 13 THÁNG GIÊNG, 1991 vào lúc 12.30 giờ trưa có một không khí ngày lễ trước đài truyền hình Vilnius. Thanh niên, thiếu nữ cùng nhau nhảy nhót với tiếng nhạc của một máy ghi âm, cùng với những người đang bán cà phê và bánh mì.

Loreta Asanaviciute, một công nhân nhà máy 24 tuổi, nhập vào đám đông quần chúng đang chuẩn bị bảo vệ tòa nhà truyền hình chống lại binh lính Xô-viết.

Đến 1 giờ trưa, tình hình đã bất ngờ trở nên căng thẳng. Hai mươi xe tăng Xô-viết đang tiến trên con đường Kosmonauts và tập trung vào các khu rừng gần đấy. Những người biểu tình nắm lấy tay nhau, mắt nhìn vào các xe tăng có đèn sáng giữa những hàng cây trại lá của mùa đông.

Thình lình, những lần đạn chiếu sáng bắn lên không trung. Các xe tăng có binh lính bao quanh, bắt đầu tiến đến tòa nhà. Binh lính tung bom khói và đám đông bảo vệ chạy tán loạn, binh lính còn nổ súng và xe tăng gia tăng tốc độ chạy thẳng vào đám đông.

Loreta đã cùng một nhóm bạn chạy từ tòa nhà qua một cái sân đang bị khói bao phủ mù mịt, băng qua các ngọn đèn soi tìm của xe tăng. Mất hướng và gần như không còn thấy được gì trước mặt vì khói, cô đâm đầu vào một xe tăng, và trong lúc các bạn cô nhìn cảnh tượng kinh hoàng này, cô té ngã dưới xích sắt của xe tăng. Sau khi xe này lướt qua thân hình cô, các bạn cô lôi cô ra và mang cô đến một xe cứu thương, một bác sĩ chích cho cô một mũi thuốc, phần nửa dưới thân người cô bị cán nát.

"Ông ơi," cô hỏi và nhìn thân hình mình với vẻ vô cùng sợ hãi, "nếu chân tôi bị cắt bỏ hết, làm sao tôi có thể lấy chồng?"

Bác sĩ cố an ủi cô, nhưng một thời gian ngắn ngủi sau đó cô đã tắt thở.

Cũng trong thời gian này, hằng chục người biểu tình đã ngã xuống dưới lần đạn và bị xe tăng cán lên. Một thông cáo được loan qua loa phóng thanh gần tòa nhà truyền hình: "Hỡi anh chị em, chánh quyền tư sản và phát xít Lithuania đã sụp đổ. Giờ đây chánh quyền đang ở trong tay Ủy ban cứu quốc".

TRỤ SỞ ĐÀI TRUYỀN HÌNH Lithuania đã bị binh lính Xô-viết chiếm đóng, những người biểu tình bắt đầu tập họp lại trước tòa nhà quốc hội.

Tin tức về vụ tàn sát được loan truyền nhanh chóng và khi trời bắt đầu tối, khu vực quanh tòa nhà nghị viện đã có nhiều hoạt động tới tấp. Nhiều cuộn kẽm gai vĩ đại được kéo ra trước cửa ra vào, nhiều bao cát được chất lên bên sau các cửa sổ. Nhiều cần cẩu hạng nặng sắp xếp các khối bê tông bao quanh tòa nhà. Bên trong, nhiều người tình nguyện và các thành viên của lực lượng tự vệ Lithuania vừa mới thành lập được cấp súng săn đang được đưa đến hàng đống.

Đến trưa, tổ chức phòng thủ căn bản đã được hoàn tất, và cũng có gần hai mươi ngàn người tại công trường, lập thành một vòng rào quanh khu tòa nhà. Hình ảnh những thanh thiếu niên tử nạn tại trước trụ sở đài truyền hình được trưng bày trên các bảng cây. Một tấm ảnh cho thấy một cậu bé đang đưa tay vuốt đầu của người cha chết đã nằm trong hòm. Nhạc tang được hát lên qua các loa phóng thanh và khắp nơi ánh sáng lập lòe, le lói màu vàng của đèn cầy được thắp lên trên các bàn thờ được tạm dựng lên.

Vilnius bắt đầu chuẩn bị cuộc chiến tranh đường phố. Hàng rào bê tông cao gần 1 thước được dựng lên trên đường Gediminas, ngăn cản lối đi vào sân của tòa nhà nghị viện, chỉ chừa một lối đi nhỏ. Thư viện trung ương được trang bị thành một bệnh viện tạm với cờ chữ thập đỏ phất phơ trước cửa vào. Nhà cửa quanh quốc hội cách xa hàng dặm có các cửa sổ dán băng keo phòng ngừa bị bể khi có cuộc bắn nhau.

Ngày 20 tháng giêng, gần năm trăm ngàn người biểu tình tại Moscow, phản đối cuộc đàn áp đẫm máu tại nhà truyền hình Lithuania. Cũng chiều hôm ấy, bốn người bị giết tại Latvia do binh lính Xô-viết đóng tại đây tấn công trụ sở bộ nội vụ của nước này. Tất cả biến cố vừa xảy ra cho thấy hiện nay, người Xô-viết sẵn sàng dùng vũ lực để giải tán nghị viện của các nước vùng Baltic và đặt các nước này dưới sự cai trị trực tiếp của mình.

Nhưng, trước sự ngạc nhiên của nhiều người, không có lệnh nào được đưa ra để đàn áp cả.

Qua ngày 21 kế tiếp, trong tình trạng rối loạn tràn lan trong nước, các cuộc chuẩn bị bảo vệ nghị viện Lithuania vẫn tiếp tục. Nhưng qua ngày sau, Ủy ban cứu quốc Lithuania và cũng một tổ chức như thế ở Latvia lại tuyên bố ngưng hoạt động. Một thời gian ngắn sau đó, các đơn vị nhảy dù và binh sĩ Xô-viết được đưa đến hai cộng hoà này để lùng bắt những thanh niên trốn quân địch, đều rút đi hết.

Thế là mối đe dọa Lithuania và Latvia đều tan biến.

**NHỮNG BIẾN CỐ** tại các nước vùng *Baltic* lại được tiếp theo bằng một đợt đàn áp thứ hai, nhưng lần này thì ở tại Moscow.

Gorbachev dự trù mở cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 17 tháng 3 để xem dân chúng còn muốn duy trì Liên bang Xô-viết hay không. Yeltsin thêm vào một câu hỏi là các cộng hòa Nga cũng nên hỏi cử tri của họ xem có muốn bầu trực tiếp một Tổng Thống Nga hay không. Ngày 19 tháng 2, Yeltsin đã kêu gọi Gorbachev từ chức và các dân biểu cộng sản trong Quốc hội Nga lại kêu gọi kết tội Yeltsin. Một phiên họp khẩn cấp Đại hội Đại biểu nhân dân được triệu tập ngày 28 tháng 3 để cứu xét số phận của Yeltsin.

Cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức ngày 17 tháng 3. Đề nghị duy trì Liên bang được khoảng 75% cử tri bỏ phiếu thuận, nhưng cũng đồng thời chấp nhận thẻ chép Tổng Thống Nga. Trong lúc ngày họp để kết tội Yeltsin gần kề, Đảng Dân chủ Nga bắt đầu dự định tổ chức một cuộc biểu tình vĩnh đài ngày 25 tháng 3 để ủng hộ Yeltsin. Chánh quyền Xô-viết đối phó bằng cách tuyên bố cấm ngay trong 3 tuần lễ không được biểu tình tại Moscow. Tuy nhiên, lực lượng ủng hộ Yeltsin cho biết họ vẫn tiếp tục tổ chức biểu tình, và chánh quyền cũng bắt đầu huy động binh sĩ tiến đến Moscow để đối phó.

NGÀY 28 THÁNG 3, các đường bên hông và các sân bãi tại trung tâm thủ đô Moscow đã tập hợp hàng trăm xe vận tải quân sự và hàng ngàn binh lính. Dưới bầu trời mây phủ, nước mưa chảy theo các đường cống và nhiều bà già dùng gậy cứng đập lớp nước mỏng đông đặc trên vỉa hè, hình như rõ ràng muốn đối đầu với những gì đang bao vây họ.

Tại trụ sở Hội đồng Thành phố Moscow, nơi đặt tạm thời bộ tham mưu của đảng Dân chủ Nga, chuông điện thoại reo liên hồi với những báo cáo về sự di chuyển của binh lính. Vladimir Boxer, một lãnh tụ của cuộc biểu tình, đang họp với một nhóm đồng chí để hoàn tất kế hoạch mết-tinh trong ngày. Không ai ngờ được một cuộc biểu dương lực lượng như thế. Cuối cùng một quyết định được chấp nhận là cuộc mết-tinh vẫn được tổ chức, nhưng để tránh một sự khiêu khích có thể có, mết-tinh chỉ tập trung tại quảng trường Arbat và quảng trường Mayakovsky mà thôi, thay vì như dự trù cả tại quảng trường Manezh, đối diện với điện Kremlin, nơi đã gần như bị cảnh sát và binh lính vây kín.

Cuộc biểu tình được dự trù bắt đầu hồi 5.30 giờ chiều, nhưng đám đông dân chúng đã tập họp trước ngay sau buổi trưa. Đài Tiếng dội Moscow đã mô tả các vị trí của binh lính trên đường Gorky và quanh quảng trường Manezh. Thông tấn xã Tass phát đi lời cảnh cáo của Vitaly Prilukov, giám đốc KGB thủ đô Moscow, nói rằng nhà cầm quyền sẽ dùng "mọi phương tiện" để ngăn cản biểu tình và nhiều hàng xe cứu thương đang sẵn sàng gần Quảng trường đỏ để chuẩn bị cứu thương.

3 giờ chiều, năm chục ngàn binh lính Bộ Nội vụ kéo đến, chặt hết các con đường dẫn đến quảng trường Manezh.

Đồng thời số người tham gia biểu tình cũng gia tăng, nhưng mối nguy cơ của một cuộc đụng độ cũng bắt đầu giảm dần. Không có dấu hiệu can thiệp nào vào đám đông dân chúng tập trung tại hai quảng trường cả, và mặc dù có lực lượng thiết giáp trên các đường phố, binh lính và cảnh sát đã tỏ thái độ trung lập và thân thiện với dân chúng. Một bà đã hỏi người chỉ huy một toán binh lính Bộ Nội vụ ở gần quảng trường Mayakovsky, "Anh sẽ đánh chúng tôi phải không?"

Sĩ quan này trả lời: " Ngoài cấp bậc tôi đang có trên vai, tôi còn có lương tâm nữa."

Vào lúc 5,30 giờ chiều, quảng trường Arbat là cả một biển người. 5,45 giờ, các diễn văn được bắt đầu. Thái độ dân chúng đổi với Gorbachev hoàn toàn thay đổi sau biến cố chết chóc ở Lithuania. "Kẻ vi phạm to nhất và tội ác to nhât tại nước này ngày nay là Tổng Thống Gorbachev", Yuri Luchinsky, đại biểu Nga nói.

Nicolai Travkin, lãnh tụ Đảng dân chủ Nga phát biểu: "Chúng ta phải loại bỏ Đảng Cộng sản. Nếu chúng ta chỉ đập một góc nhỏ của tảng băng, đảng này sẽ trở lại hình thức phản động dữ dội hơn nữa." Từ các cửa sổ của một bệnh viện bảo sanh gần đấy, các bác sĩ và nữ y tá vỗ tay hoan nghênh dân chúng biểu tình, trong lúc dân chúng tại quảng trường cũng cổ vũ lại họ.

Tại quảng trường Mayakovsky, đám đông lại gia tăng nhanh chóng, và rõ ràng là những người tổ chức đã đánh giá thấp sức chứa của quảng trường.

Đến 6 giờ chiều, quảng trường hoàn toàn đầy người và khoảng mươi ngàn, từ các nhà máy và xí nghiệp của thành phố đổ ra từ các trạm xe điện ngầm, cũng gia nhập vào đám biểu tình. Boxer, người phụ trách các vấn đề hậu cần phải mất một giờ đồng hồ để di chuyển khoảng hơn 400 thước. Những diễn giả gồm có Gavriil Popov, thị trưởng Moscow, Yuri Afanasiev, Cha Yakunin, và Starovoitova. Afanasiev nói cuộc biểu tình đã chứng minh được sức mạnh và sự đoàn kết của các lực lượng dân chủ, và sự ủng hộ cho Yeltsin và cho cải cách giờ đây không thể nào phủ nhận được.

Màn đêm bắt đầu, tuyết cũng rơi nhiều và những hàng đầu khoảng năm mươi ngàn người biểu tình từ quảng trường Arbat đã di chuyển đến đường vành đai Sadovoye. Khi nhận thấy hàng người này, đám đông dân chúng tại quảng trường Mayakovsky nhiệt liệt hoan hô và hai đợt sóng người ráo lại với nhau đúng vào lúc đèn đường bật sáng làm nổi bật bức tượng vĩ đại Mayakovsky giữa đám đông biểu tình.

Số người tại quảng trường Mayakovsky hoặc gần đó có thể lên đến trên 100.000, con số kỷ lục biểu tình tại Moscow một ngày trong tuần, với số binh sĩ và cảnh sát áng binh bất động, cho thấy rõ là nhà cầm quyền không có ý định sử dụng vũ lực để đàn áp.

Khí thế của quần chúng như một cuộc lễ lớn. Có tiếng hát "Yeltsin! Yeltsin!" và "Gorbachev, hãy ra đi!" Hàng trăm cờ Nga và áp-phích viết "HƠI CÁC BÀ, ĐÙNG SINH RA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NỮA; ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ, ĐỐNG TRO TÀN CỦA LỊCH SỬ; BORIS, HÃY NĂM VŨNG QUYỀN HÀNH; VÀ TẤT CẢ NƯỚC NGA CHO BORIS. Cuối cùng, Cha Yakunin lên tiếng hô to "Tổng Thống Yeltsin!" và kêu gọi mọi người ném ra về để sưởi ấm. Tóm lược kết quả của cuộc xuống đường, cha nói: "Một thành tích to lớn đã hoàn tất". Không bao lâu sau đó, với sự thắng lợi của dân chúng biểu tình và đường phố bắt đầu sáng sủa, hàng ngàn binh sĩ, cùng trang bị của họ được đưa vào Moscow sáng ngày hôm ấy, đã bắt đầu rút lui.

**CUỘC ĐỔI ĐẦU** chấm dứt với thắng lợi hoàn toàn của Yeltsin. Quốc hội Nga không những đã bác bỏ các đề nghị cách chức ông mà còn biểu quyết cấp thêm cho ông nhiều quyền hạn mới. Cuộc bầu cử Tổng Thống Nga được quyết định vào ngày 12 tháng 6.

Nay thì Gorbachev quay lại chủ trương cải cách. Ngày 23 tháng 4, ông bí mật gặp lại Yeltsin và các lãnh tụ tám cộng hoà khác tại Novo-Ogarevo, một làng ngoại ô Moscow. Sau mười giờ thương lượng, những người tham dự cùng ký một thông cáo chung kêu gọi thành lập một hiệp ước liên minh mới và soạn thảo một hiến pháp mới, tiếp theo là các cuộc bầu cử trong toàn thể liên minh vào năm 1992. Vai trò của các cộng hòa liên minh sẽ được "cơ bản nâng cao" và sáu cộng hoà không có đại diện trong cuộc họp là các cộng hoà Baltic, Moldavia, Georgia và Armenia (Baltic có 3 cộng hoà là Lithuania, Latvia và Estonia), sẽ được tự do từ chối ký vào hiệp ước liên minh. Gorbachev cũng

chánh thức từ bỏ cố gắng dùng vũ lực để duy trì Liên bang Xô-viết.

Trong thời gian chờ đợi, đảng vì bất mãn với các vận động của Gorbachev, bắt đầu tổ chức chống lại ông trong khoáng đại hội nghị tháng 4 năm 1991.

**KHOÁNG ĐẠI HỘI NGHỊ** khai mạc tại điện Kremlin trong một bầu không khí thiếu tin tưởng và kinh ngạc. Các thành viên của Ủy Ban Trung Ương Đảng, quen thuộc với ý nghĩ có sự đối đầu giữa Gorbachev và Yeltsin, vô cùng ngạc nhiên với thông cáo chung Novo-Ogarevo, cũng như với cái vẻ hòa giải giữa hai lãnh tụ.

Lúc 3 giờ chiều, Gorbachev khai hội bằng những ý kiến sau đây: "Thưa các đồng chí, chúng ta hãy thành thật nói với nhau. Thật là một việc làm thiếu tư cách nếu cho người ta có cảm tưởng là lãnh đạo của chúng ta không nhận thấy phần đông khối đảng viên chúng ta đã mất phương hướng và...ngoài ra, trong số người lãnh đạo đảng còn có tình trạng quá khích. Không khí này gợi lại...thời kỳ của V.I. Lenin đột ngột thay đổi đảng và đất nước hướng về chính sách kinh tế mới (NEP).<sup>3</sup>"

Gorbachev cũng nói rằng hiện nay tính cách phức tạp của tình hình cũng giống như thế: khuyến khích kinh doanh, bảo vệ công nhân, và chấp nhận chủ quyền của các cộng hòa, trong lúc vẫn phải duy trì chính quyền liên bang.

Những nhận xét của Gorbachev gây hoang mang và hỗn loạn lan rộng và chỉ có vài tiếng vỗ tay rời rạc. Tiếp theo tại diễn đàn là phát biểu của các thành viên Ủy Ban Trung Ương Đảng, phản ánh tình trạng thiếu hiểu biết về thời sự trong nước cũng như tâm tư nuối tiếc quá khứ gần đây.

Stanislaw Gurenko, đệ nhất bí thư đảng Ukraine nói: "Dân chúng nhận xét quá chua chát trong những năm gần đây, đất nước bị thiệt hại không phải do kẻ thù của chúng ta gây ra. Kinh tế thì kiệt quệ, xã hội phân hóa, và một phần to lớn của dân chúng đã

---

<sup>3</sup> New Economic Policy (Chính sách kinh tế mới).

lâm vào tình trạng dưới mức nghèo khó. Thất nghiệp, đình công và những cuộc xung đột sắc tộc đẫm máu đã trở thành sự thật... Tóm lại, chúng ta đã nhanh chóng mất hết tất cả những gì đã thành đạt trong những giai đoạn.... cố gắng không thể tin nổi của tất cả các thế hệ người Xô-viết..."

A.M.Rubiks, Bí thư thứ nhất đảng Latvia nói: "Dân chúng hỏi phải cần bao nhiêu bao chứa đựng nghị quyết để gởi đến Moscow trước khi có những biện pháp cụ thể thi hành luật pháp tại nước này?"

A.M.Zaitsev, cũng là Bí thư thứ nhất đảng Kemerovo phát biểu như sau: "Tình hình trong nước, thực tế không còn có thể quản lý được nữa. Sáu năm cuối cùng đã đưa đất nước vào tình thế hỗn loạn, cơ cấu chính quyền sụp đổ... Chống cộng sản và tư bản hóa kinh tế đã trở thành chính sách lý tưởng của Liên bang Xô-viết..."

Đến lúc ấy, Gorbachev mất bình tĩnh, mặt mày đỏ lên và giận run, nói: "Được rồi, đã quá đủ rồi, giờ đây tôi sẽ trả lời cho mọi người... Tôi đề nghị chấm dứt cuộc thảo luận về vấn đề Tổng bí thư - cũng như vấn đề ai sẽ giữ chức vụ này cho đến ngày Đại hội tới của Đảng. Và ai sẽ chấp nhận có hai, ba hoặc bốn đảng tại hội trường này... Tôi xin từ chức."

Gorbachev, giờ đây đã đặt những người bảo thủ vào thế tuyệt vọng.

Theo nội quy đảng, ông ta chỉ có thể được thay thế qua Đại hội đảng. Nếu ông từ nhiệm trước khi Đại hội được tổ chức, ông phải tiếp tục giữ chức vụ Tổng bí thư, chịu trách nhiệm giữ gìn tài sản của đảng, và có cả quyền thành lập một đảng mới. Những người bảo thủ không thể chấp nhận cho Gorbachev từ chức; ông ta lại còn có thể cho họ về hưu.

Đa số Ủy Ban Trung Ương Đảng chống Gorbachev, nhưng họ cần thời gian tổ chức sự chống đối này. Với đa số áp đảo 322 trên 13, ủy ban loại bỏ khỏi chương trình nghị sự vấn đề từ nhiệm của Gorbachev. Và đại hội khoáng đại lại tiếp tục với những diễn văn đề cập đến các vấn đề kinh tế và xung đột trong nước. Dù

sao thì rõ ràng là vấn đề thay thế Gorbachev trong chức vụ Tổng bí thư chỉ là vấn đề trong tương lai gần mà thôi.

**ĐẾN MÙA HÈ**, các thế lực dân chủ do chính Gorbachev "cõi trói" đang trở lại đe dọa đè bẹp ông ta. Không muốn sử dụng vũ lực để đàn áp phong trào quần chúng đòi dân chủ và cũng không có khả năng cứu vãn chế độ Xô-viết không được lực lượng này ủng hộ, Gorbachev chỉ còn cách dành thì giờ còn lại để duy trì những gì ông có thể làm được, do vị thế mới của bản thân trong một tình hình chánh trị mới.

**NHIỀU TUẦN LỄ TRÔI QUA**, Gorbachev đã cùng với Yeltsin thực hiện nhiều tiến bộ vững chắc cho hiệp ước mới về một liên minh mới, trao cho các nước cộng hòa một mức độ quan trọng quyền hạn.

Ngoài ra, Gorbachev còn soạn thảo một chương trình mới cho đảng, hủy bỏ hết các vị thế truyền thống của cộng sản. Chương trình mới này cũng lên án "các tội ác của chủ nghĩa Stalin", chấp nhận quyền tư hữu, kêu gọi thiết lập chế độ đa nguyên chánh trị, khoan dung với tôn giáo, và cai trị bằng pháp luật.

Tháng 6, Yeltsin được bầu vào chức vụ Tổng Thống nước Nga với một số thăm áp đảo, và ngày 10 tháng 7 ông ta chính thức được nhìn nhận là Tổng Thống đầu tiên của nước Nga tại diễn đàn Đại hội. Mười ngày sau, ông ký một nghị định giải tán các tổ đảng cộng sản tại các nơi làm việc. Lệnh này, Gorbachev không phản bác được, đã đe dọa xóa bỏ nền móng tổ chức đảng.

Cùng lúc đó, một không khí u ám đang bao trùm lên đảng. Các hành lang của trụ sở Ủy ban trung ương không bao giờ sống động, nay không bóng người. Các máy đánh chữ bắt đầu bị đánh cắp khỏi các phòng làm việc, các chén dĩa bằng bạc và thực phẩm đã biến khỏi các ngăn tủ của phòng ăn.

Đại hội khoáng đại tháng 7 được triệu tập, chương trình đảng được đưa ra và được chấp thuận cho "công bố", nhưng thực tế thì có vài nghi ngờ về tương lai của nó. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn cả là thời biểu của đại hội đảng. Đảng viên bảo thủ thì tin rằng hy vọng duy nhất cứu vãn được đảng và Liên bang Xô-viết là phải truất phế Gorbachev, nhưng việc này chỉ có thể làm được tại đại hội đảng mà họ đều muốn tổ chức càng sớm càng tốt. Nhưng Gorbachev thì lại muốn dời ngày họp vì ông muốn củng cố sự hợp tác với Yeltsin, hoàn tất chi tiết hiệp ước liên minh mới, đồng thời chia rẽ đảng theo điều kiện của ông.

Những người bảo thủ đề nghị tháng 9, nhưng Gorbachev lấy lý do thời gian này là mùa thu hoạch nên dời dời lại tháng 12 hay tháng giêng, cánh bảo thủ cuối cùng cũng chấp nhận.

Những người bảo thủ nghĩ, đã đến lúc phải truất phế Gorbachev. Ngày 2 tháng 8, tuy nhiên, Gorbachev tuyên bố Nga, Uzbekistan, và Kazakhstan đã sẵn sàng ký hiệp ước liên minh vào ngày 20 tháng này, và như vậy có nghĩa là Liên bang Xô-viết đã bị giải tán. Tuyên bố này đưa đến việc quân đội, cơ quan KGB và chính phủ chuẩn bị một cuộc đảo chính, không có sự tham gia của đảng, xảy ra mười bảy ngày sau đó.

**VÀO LÚC 9:30 GIỜ** ngày 19 tháng 8, xe tăng đã sẵn sàng trên các đường phố Moscow. Oleg Sheinin - nhân vật hữu trách của đảng thay cho Vladimir Ivashko, Phó Tổng bí thư, lúc đó đang hồi phục sau một cuộc giải phẫu cuống họng -, đã triệu tập một cuộc họp của Ban bí thư đảng tại trụ sở Quảng trường cũ.

Các bí thư đặt câu hỏi về sức khỏe của Gorbachev lúc đó đang bị cầm giữ tại biệt thự của ông ta ở Foros. Họ được cho biết một cách mơ hồ, và sau đó được phát cho một bản dịch cũ điện tín mật mã gửi cho các tổ chức đảng địa phương yêu cầu "ghép các đảng viên cộng sản vào các hoạt động của Ủy ban cứu quốc".

Không khí bên trong của trụ sở Quảng trường cũ trở nên yên tĩnh lạ lùng. Nhiều viên chức, do không có việc làm, bắt đầu xem đài truyền hình CNN về cuộc đảo chính tại phòng làm việc của

họ. Họ cũng thấy được cuộc họp báo đầu tiên của các lãnh tụ đảo chánh và các đám đông dân chúng bao quanh các xe tăng trên đường phố Moscow. 5 giờ chiều, Ivashko đã được đưa đến hành dinh Ủy ban trung ương Đảng bằng một xe cứu thương. Ngày 20 tháng 8, một điện tín khác lại được gởi đi từ văn phòng Ban bí thư cho các đơn vị đảng địa phương, hỏi thái độ của dân chúng. Sau đó, thì không còn mết tinh, hoặc phản ứng hoặc giải thích gì nữa. Viên chức đảng, cũng như hàng triệu đảng viên khác, chỉ theo dõi các diễn biến thời sự qua đài phát thanh và truyền hình.

**RÔ RÀNG LÀ CUỘC ĐẢO CHÁNH** đã gần như thất bại; trong lúc đó, tại trụ sở Quảng trường cũ, một không khí sợ hãi âm thầm đang bao trùm. Dân chúng trước đây đã quen với sự khống chế hoàn toàn của đảng về mọi phương diện của đời sống Xô-viết, và hầu hết mọi người đều phỏng đoán cuộc đảo chánh là do đảng thực hiện.

Ngày 23 tháng 8, lệnh giải tỏa hành dinh Ủy ban trung ương tại Quảng trường cũ đã gây kinh ngạc tất cả thành viên của Ủy ban này. Trong lúc các viên chức đầu tiên rời khỏi tòa nhà qua cửa chính, họ đều bị cảnh sát lục soát ví và cặp xách tay của họ. Tất cả ngõ ra vào tòa nhà đều bị ngăn chặn lại chỉ trừ một ngõ ra vào trên đường Kuibyshev, sau đó không bao lâu cũng bị chặn lại. Khi các viên chức đảng đi ra khỏi tòa nhà, đám đông dân chúng tách ra lập thành một "hành lang ô nhục" rộng khoảng một người qua, có cảnh sát ngăn giữ, và họ la lớn: "Đồ tồi!" và "Quân bất lương!", mỗi khi từng viên chức đi qua.

Khi các viên chức Ủy ban trung ương Đảng đã thoát ra hết khỏi khối dân chúng đang phẫn nộ trên các đường phố đang mưa tại trung tâm thành phố, Gorbachev đi vào Nhà Trắng để cùng với Yeltsin xuất hiện trước diễn đàn Xô-viết Tối cao Nga. Bên trong hội trường, Yeltsin đã buộc Gorbachev đọc lên biên bản cuộc họp ngày 19 tháng 8 của Hội Đồng Bộ Trưởng, mà tất cả đều là đảng viên cộng sản, tất cả đều ủng hộ đảo chánh.

Yeltsin sau đó đã lấy lại tài liệu và nói: "Bây giờ để có chút xả hơi, tôi ký một sắc lệnh cấm đảng cộng sản Nga hoạt động." Gorbachev nói: "Ông Boris Nikolaievich... tôi không biết ông đang ký những gì tại đây. Thật là phản dân chủ nếu cấm một đảng lớn hoạt động, chỉ vì lỗi lầm của một số cá nhân." Yeltsin không để ý đến những lời nói này và ký ngay tài liệu vừa kể trước sự hoan nghênh cổ vũ của các đại biểu.

Giờ đây chỉ còn một mình Gorbachev là nhân vật duy nhất của Liên bang Xô-viết ở vào vị thế bênh vực cho chế độ Xô-viết và các đảng cộng sản Nga. Ông vẫn còn là Chủ tịch Xô-viết và có thể hủy bỏ Sắc lệnh của Yeltsin, dùng quân đội và lực lượng KGB để nắm lại quyền hành. Tuy nhiên, dưới ánh sáng kinh nghiệm của những người âm mưu đảo chánh, ông không chắc nắm được phần thắng. Và ông quyết định ủng hộ Yeltsin.

Sáng ngày 24 tháng 8, đài phát thanh Xô-viết phát đi bản tuyên bố của Gorbachev cho rằng vì không có hành động nào của đảng ủng hộ cuộc đảo chánh, đảng phải có "quyết định khó khăn và trung thực tự giải tán." Ông cũng nói là ông từ chức Tổng bí thư và cho lệnh nhà nước sở hữu tất cả tài sản của đảng.

Trong lúc đang có lời tuyên bố của Gorbachev, cảnh sát và binh lính của Bộ Nội vụ bắt đầu niêm phong tất cả nhà cửa, dinh thự của Đảng cộng sản tại Moscow, ngăn chặn sự nổi giận của quần chúng. Và như vậy, sau 73 năm đảng bôn-sê-vich cướp chính quyền, kỷ nguyên siêu thực, đẫm máu và vô nghĩa của quyền lực cộng sản tại Liên Bang Xô-viết cuối cùng đã cáo chung.

## 4

# NHỮNG NGƯỜI ĐI TÌM CHÂN LÝ

*Dối với những ai có, hãy cho họ; còn dối với  
những ai không có thì hãy lấy chút ít gì họ có.*

- Mathew, 25:29

MOSCOW, THÁNG 4, 1988

MÔI ĐÊM, một đám đông dân chúng tụ họp đầy trạm hàng không rộng bao la của Moscow; đây là trạm cuối của xe buýt đi đến các phi trường Moscow, vừa là một trong số những tụ điểm tấp nập của quốc gia. Tại một nước có đến mười một múi giờ, xe buýt rời các phi trường đến các trạm hàng không cho đến khuya hay gần sáng; những dãy nhà vách bằng kính của trạm cuối với ánh sáng của đèn hò quang, hàng dãy ghế bọc da, nhà hàng ăn uống và nhà bưu điện mở cửa suốt đêm, một cảnh tượng hoạt động gần như không ngừng. Phần lớn đám đông dân chúng là hành khách. Họ gởi cân hành lý và đứng nối đuôi nhau để đi vào quầy ăn uống mù khói, trông tựa như một bức tranh to lớn đặt trên cửa đôi chớp chớp các giờ bay của các chuyến bay nội địa. Nhưng ngoài hành khách còn có một lớp người khác trong phòng chờ đợi không biết đi đâu. Họ sống tạm tại các trạm hàng không này và có người đã sống tại đây một phần lớn của đời họ.

Những kẻ "đóng đô" tại trạm hàng không là những "người đi tìm chân lý", những người dân lao động đến Moscow tìm công lý

tại các phòng tiếp nhận do chánh phủ tổ chức, thường là để nói lên tệ trạng bất công của chính cộng đồng của họ.

Người đi tìm chân lý thường bắt đầu sự dò tìm công lý bằng cách viết thư cho các nhà cầm quyền trung ương, đôi khi cho báo chí Xô-viết. Các bức thư này được đọc, các thông tin thích hợp được trích ra, và được chuyển lại tổ chức địa phương do những người đi tìm chân lý kêu ca than phiền. Việc này thường dấy lên một làn sóng thư mới. "Không, không, ông không hiểu tôi. Tôi đã khiếu nại với nhà cầm quyền địa phương rồi. Họ không giúp chúng tôi được gì cả. **"HỌ ĐỀU CÙNG Ở MỘT RỌ VỚI NHAU TẤT CẢ! VÌ VẬY, TÔI MỚI KÊU CA ĐẾN CÁC ÔNG!"**" Thư thứ hai này thường không được hồi âm, và người đi tìm chân lý không khám phá gì hơn, đã bị trơ trọi bỏ rơi để đối diện với các nhà cầm quyền giận dữ tại địa phương. Chính sau khi đã thất bại với những bức thư này mà những người khiếu nại đã phải kéo nhau đến Moscow.

Khi một người than phiền rời khỏi tinh ly của mình để đi tìm chân lý tại Moscow, họ đi theo con đường được soi sáng với những mối hy vọng bị gạt bỏ của hàng ngàn người đi tìm chân lý trước mình. Người này được chuyển đi từ phòng tiếp đón này đến phòng tiếp đón khác, và tại mỗi nơi, ông ta được bảo điền vào nhiều mẫu đơn với nhiều chi tiết hơn. Phải mất nhiều thời gian chậm trễ mới có thể gặp được bất cứ một viên chức, và mỗi viên chức đều khuyên ông ta gặp một viên chức nào khác nữa. Và cứ thế mà phải đi từ phòng này đến phòng khác, kéo dài có thể trong nhiều tháng hoặc nhiều năm. Và cứ thế mà kéo dài cho đến một lúc nào đó, người đi tìm chân lý mới hiểu ra rằng việc tìm kiếm công lý của họ là một việc làm vô ích đối với hệ thống Xô-viết.

Tại phòng tiếp đón của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản, một người đi tìm chân lý nói chuyện với một viên chức qua micro, cách nhau bằng một vách bằng kính. Nhiều người chờ đợi khác ngồi trên một ghế dài bằng cây đặt dọc theo vách tường. Một vài người, có vẻ bối rối như đang bị dày vò bởi một kẻ thù vô hình có ý định hủy hoại cuộc sống của họ.

Tại phòng tiếp của Công tố viện toàn liên bang<sup>1</sup>, một bà nói con trai bà đã bị tù vì bị vu cáo hảm hiếp và bị lãnh án tù 7 năm trại lao động, sau khi nó trình bày những thủ đoạn tham ô của viên chủ tịch nông trại tập thể. Bà khóc lóc, kêu gào và không chịu rời khỏi phòng chờ đợi sau khi đơn khiếu nại xin cứu xét lại bản án của con bà đã bị bác bỏ.

Tại phòng tiếp khách của tờ báo *Izvestiya*, Vladimir Kagaric vừa để ý đến một người vẻ bối rối từ tỉnh lên bước vào phòng, thì cũng vừa lúc, các nhân viên tại đây lớn tiếng quát: "Anh là ai? Anh đang làm gì ở đây?"

Một thương phế binh chống nạng hỏi Magaric anh có từng phục vụ trong quân đội hay không. Magaric nói không.

"Trong quân đội", thương binh này vừa nói vừa ra dấu bằng tay, "có một vật ngoạn mục gọi là Kalashnikov. Anh bắn nó từ bụng và bóp cò, thì liền ngay khi đó, mọi người..."

Những người đi tìm chân lý đi bằng xe lửa từ các thành phố ở tỉnh, đến các nhà ga Moscow từ sáng tinh sương, và đi bộ trên các đường phố băng giá của thủ đô, kiên nhẫn chờ đợi giờ phòng tiếp khách mở cửa. Họ là những người tin tưởng vững chắc nhất vào công lý của hệ thống Xô-viết, mà thực tế lại không có chỗ đứng nào cho họ cả.

**KHI BẮT ĐẦU CHÁNH SÁCH GLASNOST**, có nhiều lưu lượng tự do thông tin hơn và các những lạm của địa phương có điều kiện được phơi bày hơn, nhưng tình cảnh của những người đi tìm chân lý không được cải tiến chút nào cả. Một đợt sóng người dân tuyệt vọng đã đến Moscow với nhiều than phiền và khiếu nại mới. Nhiều người khác lại tìm cách mở lại những trường hợp cũ. Nhưng cùng khắp, không một ai được thành công cả. Ngày 12 tháng 2, 1988, Abulfazfizza Aliskerova, một bà mẹ có bốn con ở Azerbaijan, đã tưới xăng vào mình tại sảnh đường tiếp khách của

---

<sup>1</sup> Công tố viện Xô-viết.

Xô-viết Tối Cao và tự thiêu. "Đã mười năm rồi, tôi đến đây," bà la lớn, "và trong mười năm, họ không tiếp tôi."

Thường thì kết quả các cuộc nói chuyện tại các sảnh đường tiếp khách, là những người đi tìm chân lý tìm ra được trạm hàng không và một cuộc sống, nhiều cách, bắt đầu tại đây. Vì không có các cây ngăn cách bằng kim khí giữa những hàng ghế bọc da, nên có thể nằm dài trên đó được. Những người đi tìm chân lý thường nằm ngủ tại đây, trùm mình bằng chiếc áo ngoài, gối đầu trên các bao đồ riêng của họ. Với 15 kopecks<sup>5</sup>, họ có thể gởi đồ đạc riêng vào những thùng sắt chứa hành lý dưới hầm của trạm.

Theo nhiều cách, trạm hàng không là nơi ẩn náu dễ chịu nhất cho những người đi tìm chân lý này tại thủ đô Xô-viết. Nó cũng là nơi ấm áp hơn trạm Kiev, tối tăm và lạnh lẽo. Ghế ngồi cũng tiện nghi dễ chịu hơn ghế của trạm Yaroslavl chỉ bằng nhựa quá cứng. Ngoài ra, còn được dễ rửa ráy, giặt giũ hơn tại các phòng vệ sinh quá đông người của trạm Leningrad. Nhờ những tiện nghi tối thiểu này mà những người đi tìm chân lý có thể xoay trở và sống sót ở đây.

Lối sống này cũng trở nên đan điệu nhảm chán. Sau một ngày viết đơn từ tại các quầy của cơ quan bưu điện trung ương và đem trao cho các phòng tiếp, họ sớm trở lại trạm hàng không trước buổi chiều tối, để ngồi hàng giờ nhìn đời sống bình thường của dân chúng đang quay cuồng quanh họ. Nhiều tuần lễ trôi qua, họ sẽ quen biết được những người đi tìm chân lý khác cũng như những tên chỉ điểm, hay mật báo viên làm việc cho KGB lảng vảng tại sảnh đường phòng tiếp.

Ban đêm, sảnh đường của trạm hàng không rất ồn ào và đầy ánh sáng. Cảnh sát đi vòng quanh và có thể dễ dàng bắt bớ những người đi tìm chân lý vì tội "đi rong".

Có một trường hợp, cảnh sát đến gần một bà đang ngồi gần Valentina Romasheva và bắt đầu nói chuyện với bà. Bà này la lớn: "Tôi là một nhà giáo. Tôi là người đáng hoàng đáng kính trọng. Tôi bị đuổi việc, nhưng..." Sĩ quan cảnh sát đã dẫn bà ta đi

<sup>5</sup> Đơn vị tiền tệ nhỏ nhất của Liên bang Xô-viết - 100 kopecks ăn một rúp.

mất. Không biết vì lẽ gì, họ không động đến Romasheva, mặc dù bà cũng đang ở trong hoàn cảnh dễ bị dẫn đi như thế.

Đầu năm 1988, bắt đầu có vài trường hợp được cởi mở. Những người đi tìm chân lý được cho ngủ tại trạm hàng không mà không bị xách nách từng chập nữa.

**CŨNG CÓ MỘT ÍT BỤI MÙ**, lạm dụng tại những nơi hơi xa trong trạm hàng không. Nhưng sau một lúc, hầu hết những người đi tìm chân lý cũng chỉ chú ý đến những gì quanh họ thôi. Và trong nhiều tuần lễ trôi qua, thường thường họ chỉ miệt mài nghĩ đến cuộc tranh đấu đã đưa họ đến Moscow, trước hết tất cả mọi việc.

**CÓ HAI ĐẶC ĐIỂM** trong xã hội Xô-viết đã làm xuất hiện những người đi tìm chân lý: tình trạng mất quyền công dân trong tập thể của họ, và xu hướng của chính quyền đối xử với họ như những cá nhân có thể hoán đổi lẫn nhau.

Các tập thể được dùng để ràng buộc các công dân với hệ thống Xô-viết và thực tế, chính ở cấp tập thể mà phần lớn sự đàn áp đã diễn ra. Nếu có một công dân nào tỏ ra có thái độ độc lập đến mức độ không thể chấp nhận được, thì phản ứng đầu tiên không phải xuất phát từ KGB mà là từ tập thể của họ; nơi đó, họ sẽ bị tập thể này hành hạ, ngược đãi, đuổi việc, hoặc bị buộc phải thôi việc.

"Người lãnh đạo tập thể phải giáo dục thành viên của tập thể, như không được uống rượu, không được ăn cắp, và tổng quát phải trở thành một công dân Xô-viết tốt", Johannes Tammes, một viên chức Estonian có lý tưởng tự do nói tại một quán cà phê, buổi chiều tháng 3, 1988 ở Tallinn. "Nếu anh đánh đập vợ anh, bà này có thể tha thứ nhà máy anh đang làm việc là không giáo dục anh đúng hoàng."

"Nói một cách tổng quát, mỗi cấp của nhà máy chịu trách nhiệm giáo dục cấp dưới của mình. Giám đốc giáo dục các chủ s

phân xưởng, các chủ sự này giáo dục lại các đốc công, các đốc công giáo dục các trưởng đội công nhân.

"Nếu có ai đó phạm tội, như nạp đơn xin di cư, không trở lại sau một chuyến đi ra nước ngoài, những hành động không được xem như quyết định riêng của cá nhân, nhưng là một thất bại của sự huấn luyện tập thể, và tất cả các cấp của tập thể phải bị trừng phạt".

"Trách nhiệm" này của tập thể đối với các thành viên cho nó có quyền quan tâm dòm ngó đến mọi khía cạnh đời tư của từng cá nhân, từ chuyên tình ái ngoài hôn phối đến chuyện rượu chè say sưa và mọi việc rắc rối khác, tình bạn bè hay những nhận xét liên quan đến sự thiếu trung thành về mặt chính trị.

Cá nhân không những phải bị đặt dưới sự kiểm soát của tập thể, mà còn hoàn toàn lệ thuộc vào nó nữa. Khen thưởng với toàn bộ chuyến đi nghỉ phép được tập thể quyết định và phân phát. Tập thể công nhân tổ chức sắp xếp thứ tự chờ đợi đến lượt mua trang bị, nhà cửa hay xe riêng. Quan trọng hơn cả là việc cũng tập thể luôn luôn kiểm soát thứ tự cấp nhà. Cũng như mọi vật dụng cần thiết khan hiếm khác, nhà cửa là đối tượng đầu cơ; ngay những người đã chờ đợi từ 10 đến 15 năm để có một căn nhà, cũng không thể chắc chắn được tôn trọng cấp khi đến lượt chờ đợi của họ.

Một công dân còn lệ thuộc vào tập thể của mình nếu muốn tìm việc làm khác. Để xin việc, anh phải xuất trình sổ lao động của mình có ghi chú đầy đủ chi tiết về quá trình làm việc trước kia của anh và với cách này, một sự hạ tầng công tác, một khiển trách hay bị sa thải, dù bất công hay vô lý, đều có thể hủy hoại hy vọng tìm được việc làm suốt cả đời anh.

**MỘT YẾU TỐ KHÁC** khiến cho có nhiều người đi tìm chân lý, là bộ máy thơ lại nhà nước xã hội chủ nghĩa có xu hướng xem mọi người dân như là những cá nhân có thể hoán đổi cho nhau, phản ánh một xã hội lật thuộc giấy tờ.

Khi một công dân tương lai đang còn trong bụng mẹ, người mẹ này phải đi xác nhận tình trạng mang thai. Nếu một người đàn bà nào mang thai mà không có tài liệu chứng nhận, thì không thể được cho nghỉ việc để chuẩn bị ngày sanh đẻ, mặc dù thân thể bà đã chứng minh rõ ràng. Sau khi đứa bé ra đời, nó sẽ nhận được một "thông hành y tế" có ghi tên cha mẹ, ngày sanh và quốc tịch. Với thủ tục này, thường xảy ra tình trạng, trước khi đứa bé có được một cái tên, nó đã có một sổ thông hành.

Đến tuổi 16, người công dân nhận được một sổ thông hành trong nước và chính thức được chấp nhận đủ tư cách một thành viên của xã hội Xô-viết. Công dân này bị bắt buộc phải luôn luôn mang theo mình sổ thông hành của mình và chính tài liệu này là thí dụ điển hình chứng minh cá nhân ấy đã được Liên bang Xô-viết nhìn nhận để thi hành đầy đủ mọi bổn phận đối với xã hội. Không ích lợi gì cho người mang nó cả, nó chỉ dùng để cung cấp dữ kiện cần thiết cho cảnh sát. Cũng có con dấu cho biết là đương sự có vợ hay chồng, hay đã ly dị. Cũng có một chỗ dành cho danh sách con cái và quan trọng nhất là một con dấu được đăng ký, cho biết người mang nó có được phép cư ngụ tại một địa chỉ nào đó.

Nhờ đó, cảnh sát có thể theo dõi hầu hết dân chúng. Nếu có một người dân nào muốn đi nơi khác, người ấy phải có con dấu chứng tỏ mình đã rời bỏ nơi cư ngụ cuối cùng của mình. Nếu không có con dấu đó, người ấy không thể được ghi danh vào nơi cư ngụ mới. Cho đến năm 1990, nếu một công dân Xô-viết nào muốn đi viếng thăm một thành phố khác trong hơn 3 ngày, người ấy phải xin được cảnh sát cho đăng ký tạm vắng.

Việc cưới vợ, lấy chồng và lê cưới, người dân cũng một lần nữa, lệ thuộc vào giấy tờ. Sau khi một cặp trai gái thông báo muốn làm hôn lễ, thủ tục đầu tiên là phải điền một bảng câu hỏi để có điều kiện được cấp giấy phép cưới. Và khi các tài liệu đã được chấp nhận thì một con dấu được đóng vào sổ thông hành của cặp vợ chồng tương lai, cho phép họ mua sắm như thảm trải sàn, giày và y phục tại một cửa hiệu đặc biệt về hôn lễ. Giấy phép này còn cho họ được dành một xe hơi loại sang trọng.

Khi có người chết, bốn phận đầu tiên của thân nhân là phải trả lại sổ thông hành của người chết. Thân nhân sẽ nhận giấy khai tử cần thiết để đi mua quan tài và các vật liệu cần thiết cho đám tang tại cửa hiệu chuyên nghiệp địa phương. Chủ hộ cất giữ tài liệu dành cho hai chỗ tại nghĩa địa, và nếu mất tài liệu này thì hai chỗ dành trong nghĩa địa cũng bị mất luôn. Đến mộ bia cũng phải có kiểu mẫu được chấp thuận, và có những cảnh cáo mọi nấm mồ xây vì phạm qui định nghĩa trang thì sẽ bị nhà cầm quyền giải tỏa.

Ở mỗi giai đoạn của cuộc đời mình, người công dân đều được bộ máy chính quyền theo dõi, điều hành và định vị cho mình theo chức năng xã hội; việc tiêu chuẩn hóa quan liêu giấy tờ được nới rộng đến tận những gì thăm kín riêng tư và cả những lúc đau khổ của đời sống con người.

XU HƯỚNG của bộ máy chính quyền xem cá nhân có thể hoán đổi cho nhau, thường đưa đến các hậu quả thảm thiết.

Tháng 5, 1971, một kẻ giết người hàng loạt đã bị phát hiện tại *oblast* Vitebsk của Bielorussia trên các con đường giữa Vitebsk và Polotsk. Hàng năm, số nạn nhân gia tăng cho đến tháng 10, 1985 là 37 người. Thi thể những người đàn bà bị giết được tìm thấy trong các bụi cây rậm rạp, trong các khu rừng, tại những nơi vắng vẻ và có khi tại ngoại ô các thành phố. Trong mỗi trường hợp, nạn nhân đều bị siết cổ.

Vì kẻ giết người hàng loạt này hành động quá dễ dàng năm này sang năm khác, cảnh sát địa phương xem mỗi vụ sát nhân như là những hành động riêng lẻ. Tuy nhiên, đến năm 1985, sau khi nạn nhân thứ 36 được tìm thấy, Nicolai Ignatovich, một nhân viên nhiều kinh nghiệm, đã được viên công tố Bielorussia giao trọng trách tiến hành cuộc điều tra. Ông ta bắt đầu đọc lại các biên bản của những vụ giết đàn bà trong vùng và đi đến kết luận là tất cả nạn nhân đều do chỉ có một kẻ sát nhân gây ra. Tính giống nhau của các trường hợp không thể nhầm lẫn được. Tất cả nạn nhân được tìm thấy đều bị siết cổ chết gần những con đường

nhỏ, và phần nhiều đều được người ta nhận thấy lần chót, xin đi nhờ xe một người lạ mặt. Phần lớn đều bị hảm hiếp, nhưng lại không có dấu hiệu nào chống cự, chứng tỏ kẻ sát nhân hiếp dâm người trong lúc người này đã ở trong tình trạng hôn mê, hoặc sau khi đã chết.

Cuối cùng, cảnh sát bắt đầu đi tìm kẻ sát nhân duy nhất, và tính chất phương pháp điều tra được thay đổi. Nhiều tin tức vụn vặt nhận được từ những nhân chứng trong nhiều năm cho thấy một người, có thể là kẻ sát nhân, cao lớn, mạnh khỏe, khoảng 40 tuổi vào năm 1985. Ignatovich cũng đang tìm một người phù hợp với những đặc điểm vừa kể, một người đang bị nghi ngờ đã giết nhiều đàn bà từ năm 1971.

Các nhân viên điều tra so sánh các khoảng thời gian không xảy ra các vụ giết người và thời gian những kẻ sát nhân được biết trong vùng đang bị giữ trong các trại lao động, nhưng việc này không đưa đến kết quả. Cuối năm 1985, một nhân chứng cho biết đã nhận thấy một nạn nhân cuối cùng đang lênh lén lên một xe hơi Zaporozhets màu đỏ. Ignatovich biết có đến 1.500 loại xe này đăng ký tại *oblast* Vitebsk, và cảnh sát đang bắt dừng lại các xe này để kiểm soát căn cước của người lái. Hoạt động tăng cường của cảnh sát gây lo sợ và tinh thần căng thẳng cho kẻ sát nhân và anh ta lại ám sát một người đàn bà khác, đặc biệt để đánh lừa cảnh sát. Người đàn bà này bị giết gần Vitebsk và kẻ giết người nhét vào miệng bà này một mảnh giấy viết sau đây: "Ngoại tình, tội chết. Hãy giết những tên cộng sản và cảnh sát." Ignatovich nhận được mảnh giấy viết tay này.

Ông ta liền thiết kế một bản đồ tất cả các vụ giết đàn bà trong vùng kể từ năm 1971, định vị trí các nạn nhân được nhận thấy lần cuối cùng trước khi bị giết. Bản đồ này cho thấy các nạn nhân, hoặc bị bỏ tại thành phố Polotsk vào buổi sáng, hoặc bị bỏ tại các thành phố khác trên đường đi đến Polotsk vào ban đêm. Giờ đây, rõ ràng là kẻ sát nhân đã sống ở gần Polotsk, do đó, Ignatovich suy đoán rằng án mạng chót nhất đã xảy ra gần Vitebsk, để đánh lừa ông.

Ông cũng kiểm soát các hò sơ xe hơi và tìm thấy 35 chủ xe Zaporozhets màu đỏ tại vùng Polotsk. Bằng cách so sánh các chủ xe với lược tích của kẻ bị nghi là sát nhân, Ignatovich bắt đầu tin sát nhân là tên Gennady Mikhasevich, chủ nhân một hiệu sửa xe tại nông trại nhà nước, cách Polotsk 2 dặm.

Mikhasevich, 38 tuổi có vợ và 2 con. Anh ta là đảng viên cộng sản tích cực hoạt động và thường viết bài cho một tờ báo địa phương, như một công nhân xuất sắc. Khi các nhân viên điều tra chất vấn anh, những láng giềng của anh hết sức ngạc nhiên. Không một dấu hiệu gì của quá khứ cho thấy anh có dính dáng đến bất cứ một tội ác nào. Tuy nhiên, các điều tra viên so sánh chữ viết tay của anh với chữ viết của mảnh giấy tìm thấy trong miệng nạn nhân bị giết sau cùng, và Mikhasevitch liền bị bắt giữ.

Trong mười bốn năm Mikhasevich giết đàn bà trên các con đường ở Belorussia, bánh xe công lý vẫn lẩn, có mười ba người bị kết án về tội ác, mười hai người bị đưa đi các trại lao động khổ sai dài hạn và một người bị tử hình.

Người thứ nhất bị kết án là Alexander Garilov, bị bắt năm 1971 sau khi từ trại khổ sai trở về Vitebsk một cách bất hợp pháp; anh bị tù vì tội lưu manh du đảng. Anh đã bị kết án trong vụ giết người đầu tiên của Mikhasevich, mặc dù mối liên hệ duy nhất của anh với nạn nhân là vì anh bị bắt về một tội không rõ, sau khi xác nạn nhân được tìm thấy.

Garilov đã tự thú tội giết người sau khi nhân viên điều tra Mikhail Zhovnerovich đe dọa xử tử anh. Tuy nhiên, vào phút cuối cùng, Garilov la lên cho việc kết tội anh là giả tạo và Zhovnerovich là một kẻ bất lương. Dù vậy, vụ xử vẫn tiếp tục và anh bị kêu án 15 năm.

Orel, một công nhân 22 tuổi, cũng bị đe dọa tử hình. Anh bị giam vào khám tối đầy rận, và được cho biết là nếu anh không nhận tội, anh sẽ bị rận ăn thịt. Rận cắn không cho anh được nằm yên và ngủ. Cuối cùng, Orel đành thú nhận. Terenya, một kẻ không nghè, không nhà, say rượu và phạm tội tiểu hình trong lúc một trong những vụ sát nhân đã xảy ra và đang được điều tra, bị bắt và được hứa hẹn chỉ bị tù 15 năm thôi nếu anh chịu thú tội.

Vì quen với khám đường và vì sợ bị tử hình, Terenya đành nhận tội. Có lúc, đang trong phiên xử, anh kêu gào là anh không có giết ai cả; anh giơ tay lên và kể lại những gì mà các điều tra viên bảo anh phải nói về vụ sát nhân. Nhưng ngạc nhiên thay, Terenya vẫn bị kết án tử hình. Anh kháng cáo và yêu cầu được giảm án, nhưng vẫn bị bắn chết.

Terenya, lúc ấy khoảng 30 tuổi, đến từ một làng ở *Oblast Vitebsk*. Sau khi Mikhasevich bị bắt, bà mẹ Terenya kêu gọi sự giúp đỡ của một điều tra viên ở Moscow, để được nhận lại xác của con. Nhân viên này hỏi khám đường Vitebsk và được cho biết là Terenya đã bị chôn trong một hố chung. Nhân viên này sau đó thuật lại cho Igor Gamayunov, một nhà báo của tờ *Literaturnaya Gazeta*: "Tôi không dám nhìn mặt bà mẹ này. Bà đứng đấy với chiếc khăn tay nước mắt ràn rụa, tim tôi như muốn đứng lại, và tôi chỉ biết nói với bà: 'Việc bà xin còn đang được quyết định.'"

Blinov và Luzhkovsky, cả hai đều bị bắt vì tội giết người tình.

Blinov khó bị đe dọa, nhưng Zhovnerovich nói với một viên cảnh sát: "Blinov muốn uống nước, mang nước đến cho anh ta." Viên cảnh sát này dẫn Blinov đến phòng gần đó và đánh anh đến đổ máu, máu từ mũi anh tuôn ra chảy vào miệng. Viên cảnh sát bảo: "Anh đã uống đủ nước chưa?"

Sau đó, Blinov bị gởi đến một nhà thương điên; được chích thuốc, anh bắt đầu nói khùng, và trong lúc anh nói, các bác sĩ lảng tai nghe anh có tiết lộ chi tiết nào về án mạng mà anh bị giả thiết là thủ phạm hay không. Nhưng không có. Tuy vậy, các bác sĩ cũng kết luận anh có liên quan đến án mạng.

Adamov, một tài xế xe đổ rác gần xác của một nạn nhân được tìm thấy. Anh bị bắt và bị thẩm vấn 10 lần trong 15 ngày trước khi nhận tội giết người để khỏi bị kết án tử hình. Nhưng anh cũng vẫn bị kêu án 15 năm tù. Anh tự treo cổ để tự vận trong khám.

Kovalyev, một học sinh 19 tuổi ở Vitebsk, bị bắt khi có nhân chứng cho biết đã thấy Kovalyev và hai bạn anh, Yanchenko và Pashkevich, đang chơi bóng chuyền gần nơi có xác nạn nhân cuối cùng được tìm thấy. Kovalyev bị kêu án 15 năm tù trong lúc Yanchenko và Pashkevich, mỗi anh nhận 12 năm.

Sau khi Mikhasevich bị bắt, Ignatovich cho một điều tra viên đến trả tự do cho Kovalyev đã bị giam 13 năm rồi. Một bạn gái của Kovalyev, lúc anh bị bắt, không tin anh là thủ phạm. Cô đi đến trại lao động gần Minsk, nơi Kovalyev đang bị giam giữ và đăng ký xin kết hôn với anh. Cô đã đợi chờ anh suốt 13 năm trước khi anh được trả tự do.

Khi Ignatovich xét đến trường hợp của anh Kovalyev, ông không được cho biết đã có 10 trường hợp tương tự bị kết án oan uổng. Chỉ đến khi ông bắt đầu điều tra và xem xét, ngoài 26 trường hợp chánh thức án mạng không giải quyết được, các hồ sơ của những trường hợp khác vừa kể, ông mới nhận thấy đầy đủ tầm cở của các tội ác giết người.

Đến năm 1985, một số người bị kết án đã bị giam giữ đủ hạn và đã được tự do. Một trong số này là Garilov, đã bị giam 10 năm trong số 15 năm tù kết án anh. Khi Ignatovich hỏi tin tức về anh, thì được cho biết là anh đang sống tại Vitebsk.

Ignatovich liền viết thư cho Garilov mời anh đến để phỏng vấn. Thời gian ngắn sau đó, ông được người chị của Garilov trả lời cho biết là Garilov không thể đến gặp ông được. Ignatovich hỏi tại sao, bà này nói: "Xin ông đến đây thì sẽ biết".

Ignatovich đến một nhà cũ nát ngoài rìa thành phố. Garilov lúc ấy có 37 tuổi, Ignatovich được giới thiệu với một ông già hoàn toàn bị mù. Lúc ấy kẻ sát nhân chưa bị bắt, nhưng Ignatovich đã tin chắc là Garilov vô tội. Ông ta nói với Garilov: "Tôi không thể làm anh hết mù hoặc trả lại cho anh những năm dài bị cầm tù, nhưng tôi có thể trả lại cho anh cái danh dự của anh."

Garilov khóc và nói: "Ít nhất ông cũng nên trả lại cho tôi cái đó, để những người hàng xóm của tôi không còn nghĩ rằng tôi là kẻ sát nhân."

Cha của Garilov cũng khóc và đây là tất cả những gì Ignatovich có thể làm để giữ cho chính mình không khóc.

Cuối cùng có 6 người được Ignatovich xin trả tự do. Những người khác đã mẫn hạn tù và Terenya đã bị xử tử. Vài người đã khóc khi được trả tự do, những người khác lên tiếng nguyễn rủa.

Phần lớn, họ chấp nhận số phận và lảng lặng trở về với đời sống bình thường, cả đối với những người bị oan ức đau khổ nhất. Glushakov, người bị giam một thời gian ở trại Cực Bắc nói rằng lý do duy nhất giúp ông ta sống sót là ý muốn giết chết Zhovnerovich. Tuy nhiên, Ignatovich tình cờ gặp được Glushakov, khoảng 6 tháng sau khi ông này được trả tự do và hỏi ông ta còn nuôi ý định giết Zhovnerovich không. "Rồi nó cũng sẽ chết, Glushakov trả lời. "Tôi phải lo tổ chức lại đời sống của tôi".

**SỰ PHỐI HỢP** giữa tình trạng bơ vơ lạc lõng của cá nhân trong cộng đồng và tập thể với bộ máy thơ lại nhà nước đã xem các cá nhân con người như các món đồ có thể hoán đổi qua lại, đã tạo ra hàng triệu nạn nhân và hàng ngàn người đi tìm chân lý. Xã hội Xô-viết đã có luật lệ bảo vệ cá nhân trong cộng đồng hay tập thể, nhưng không được thực thi vì các quan tòa cũng như các công tố và thẩm phán đều phải nhận lệnh của đảng địa phương. Với tình trạng này, phần lớn dân chúng xem thường pháp luật nhà nước. Nhưng không phải vì vậy mà những người đi tìm chân lý không thể tự thích nghi mình với sự khác biệt giữa luật pháp nhà nước và các sinh hoạt thực tế. Họ đến Moscow để tìm cách thi hành luật pháp, nhưng từ trường hợp này đến trường hợp khác, chứng minh cho thấy họ đã bị bỏ quên.

**NẾU LIÊN BANG XÔ-VIẾT** thật sự là một nước dân chủ như người ta đã từng tự nhận như vậy, Ủy ban trung ương đảng, Xô-viết Tối cao, công tố viện và nhiều cơ chế khác, nhận được khiếu nại và than phiền của dân chúng, thì phải sẵn sàng để bênh vực quyền công dân của những người đang là nạn nhân của mọi bất công trong các cộng đồng của họ. Những người đi tìm chân lý, tuy nhiên, lại nhanh chóng nhận thấy, các cơ chế này chỉ là những hư cấu, và việc khám phá này, trong nhiều trường hợp, đã cho họ có cái nhìn thực tế đầu tiên và thấu hiểu được hệ thống chánh quyền Xô-viết.

Vào một buổi trưa mùa hè yên tĩnh năm 1987, Valentina Romasheva đi vào trụ sở chánh của bưu điện trên đường Gorky, nhận thấy một nhóm người đi tìm chân lý đang đọc một bài đăng tải trên tờ báo *Moskovskaya Pravda*. Bài báo chỉ trích một người tên Sergei Grigoriants, chủ bút báo *Glasnost*, tố cáo ông này đã sử dụng máy in ảnh của nhà nước cho những mục đích không thuộc chánh quyền.

"Đâu, đâu, tờ *Glasnost* đâu?" một người hỏi. "Làm sao tìm được tờ báo?"

Sau một tuần lễ, những người đi tìm chân lý đã được trả lời. Số điện thoại của tòa soạn báo này bắt đầu được các đài phát thanh Tây phương phát đi. Romasheva liền gọi tòa soạn báo và được cho địa chỉ, bà đi đến nơi một lúc ngắn sau và chỉ thấy khoảng mười người đi tìm chân lý đã đến đây trước bà.

Romasheva lớn lên ở Gorky và đến Moscow năm 1979 sau khi được nhận làm việc tại bệnh viện tâm thần 27, một bệnh viện dành cho những người bị gia đình thân quyến ruồng bỏ. Để có thể sống ở Moscow, bà băng lòng trở thành một "*limitchik*", một người được đăng ký tạm cư tại thủ đô để làm việc tại một nhà máy cần lao động trong một thời gian ngắn. Tình trạng các *limitchiks* rất mong manh, vì mặc dù họ có thể được cho đăng ký thường trú, gọi là *propiska*, sau 3 đến 5 năm, cũng không có gì bảo đảm họ sẽ được cấp cho một giấy phép thường trú nhân. Sự việc còn tùy thuộc vào sự chấp thuận của người đứng đầu tập thể.

Tháng 2, 1980, Romasheva bắt đầu làm việc tại bệnh viện và lập tức bị kinh ngạc vì tình trạng quá tồi tệ. Bệnh nhân đi ra ngoài, chân không giày dép và rách rưới, và không có cố gắng nào giúp họ có hoạt động cả. Thay vì được cho thuốc chữa trị tâm thần, họ lại được cấp cho các loại thuốc như *haloperidol* và *aminazine*, là những loại thuốc để giữ cho họ im lặng. Khi các bệnh nhân không bị nhốt vào phòng riêng của họ, các cửa sổ được mở toang để không khí hôi hám được thoát ra, trong lúc ngoài trời đang lạnh buốt; họ thường được giao cho công việc nặng nhọc như mang những thùng nước và nhiều đống chăn màn, quần áo ướt. Sau khi xong việc dơ bẩn và mệt nhoài, họ bị để

cho đi loanh quanh hằng giờ trong những hành lang lạnh lẽo với quần áo ướt đầm.

Gây xúc động hơn nữa cho Romasheva, ngoài tình trạng vừa kể, là những chỉ dấu của tham nhũng. Alexander Chuprakov, viên giám đốc, có tài xế và đầu bếp riêng do bệnh viện đài tho lương bổng, và nhiều người khác có tên trong danh sách nhân viên của bệnh viện có lãnh lương cở tám trăm rúp mỗi tháng, mà không có làm việc tại đây. Trong lúc đó thì chỉ có mỗi một bác sĩ cho sáu trăm bệnh nhân và mỗi nữ y tá được giao cho chăm sóc một trăm hai mươi người mỗi ca làm việc. Không có sự chăm sóc thuốc men đúng lúc, bệnh nhân bị chết như ruồi nhặng.

Romasheva bị phiền muộn về những gì đã trông thấy, nhưng nhận biết vị thế mong manh của mình, nên đành im lặng. Cuối cùng, vào tháng 6, 1981, bà ngạc nhiên được biết Mikhail Korsakov, giám đốc y tế của bệnh viện, đã gửi một lá thư lên Bộ Nội vụ tố cáo Chuprakov nhũng lạm. Một thời gian ngắn sau đó, trường hợp tội ác của Chuprakov được mang ra cứu xét và Chuprakov cũng bắt đầu triệu tập tất cả nhân viên bệnh viện đến văn phòng ông ta để yêu cầu họ ký tên vào các văn bản tố cáo trở lại chống Korsakov. Ông ta yêu cầu Romasheva ký tên tố cáo Korsakov đầu cơ, nhưng bà từ chối không ký.

Sau sáu tháng trong tình trạng mập mờ này, Alla Nizovtseva, đệ nhất bí thư đảng bộ can thiệp và cuộc điều tra chấm dứt. Chuprakov cũng cố lại quyền hành và Korsakov bị đuổi. Naira Stepanova, được sĩ bệnh viện cũng bị cho nghỉ việc. Những người khác như Romasheva, đã từ chối không ký tên tố cáo Korsakov, cũng phải rời khỏi bệnh viện, nhưng riêng Romasheva, thì không thể làm như thế vì với tư cách một *limitchik*, nếu bỏ việc thì không có quyền sống ở Moscow, và bà không có nơi nào khác để sống.

Cuộc điều tra chấm dứt, hoạt động của bệnh viện trở lại bình thường. Xe vận tải đã đưa tới nhiều vật liệu dùng để xây cất nhà riêng của Chuprakov. Vài nữ bệnh nhân đã mang thai và bị phá thai; có một trường hợp các nữ y tá bắt gặp Pyotr Yegorov,

một bạn thân của Chuprakov, đang trần truồng trong một phòng vệ sinh với một nữ bệnh nhân.

Romasheva tận tụy với công việc, cố gắng ngăn chặn các bệnh nhân xách nhiễu nhau, giành ăn uống với nhau đến giết nhau. Chuprakov cắt bớt lương của bà và không cho bà lãnh tiền thưởng, nhưng điều làm cho bà lo lắng hơn cả là có thể ông ta không chấp thuận cấp giấy phép thường trú (*propiska*) ở Moscow cho bà sau khi hợp đồng làm việc của bà mãn hạn.

Khoảng tháng 9, 1984, Chuprakov gọi Romasheva đến văn phòng mình và cho bà hay rằng nếu muốn có được giấy phép thường trú qua sự chấp thuận của ông ta, bà phải có quà cho ông. "Nếu không tiền, bà không thể sống ở Moscow, ông ta nói. "Hãy nghĩ đến năm năm cuối của đời bà".

Romasheva biết rằng bà cần sự chấp thuận của Chuprakov để có giấy phép thường trú tại Moscow, nhưng bà từ chối đòi hỏi của ông này.

Đến trụ sở cảnh sát địa phương, bà được Nikolai Novikov, trưởng ban cấp giấy thông hành.

"Chúng tôi biết Chuprakov là một tên ăn cắp," Novikov nói, "nhưng bà nên dàn xếp việc này với hắn ta, chỉ với hắn ta mà thôi".

"Nhưng phải làm sao?"

"Bằng mọi cách theo ý bà," ông ta trả lời, "nhưng bà nên nhớ, bà không có quyền gì cả."

"Ông muốn nói gì? Hiến pháp đã qui định chúng ta có quyền làm việc và không ai có thể tước đoạt quyền này của chúng ta mà."

"Một lần nữa, tôi xin nói với bà. Bà không có quyền gì cả, hoàn toàn không."

Chuprakov chặn Romasheva lại tại hành lang và đòi tiền. Không được thỏa mãn, ông ta ra lệnh bà phải rời khỏi phòng riêng của bà trong khu nhà tập thể của bệnh viện, và dời đến phòng tạm trú giữa hai phòng khác. Khi bà từ chối, ông ta lại cho một tên du côn hung dữ vào ở một phòng kế bên phòng bà trong khu nhà tập thể, đồng thời lanh tụ nghiệp đoàn của bệnh viện tổ

chức một buổi mết-tinh, để các nhân viên ở trong khu nhà tập thể đứng lên đòi hỏi Romasheva phải bị trục xuất.

Ngày 25 tháng 12, 1984, thời gian đăng ký thường trú của Romasheva mãn hạn, nhưng bà vẫn từ chối không chịu hối lộ. Qua tháng giêng, bà trao sổ thông hành của bà cho Chuprakov và ông ta đòi bà phải đi khỏi Moscow. Ngày 18 tháng 2, bà bị đuổi việc, vì lý do mãn hạn giao kèo làm việc.

Romasheva biết rằng nếu không được đăng ký, bà sẽ không thể ở lâu tại Moscow mà không bị bắt, nhưng bà vẫn không chịu làm nạn nhân của Chuprakov. Bà quyết định đi tìm công lý tại các sảnh đường tiếp đón. Bà viết đơn thưa, gửi cho Xô-viết Tối Cao, cho Ủy ban trung ương Đảng cộng sản, cho Nghiệp đoàn Xô-viết, cho Công tố viện Xô-viết và cho Bộ An sinh Xã hội, đi mòn giày từ phòng tiếp này đến phòng tiếp khác.

Từ lâu, Romasheva đã quen biết Vladimir Izotov, một công nhân trạm xe và kho hàng Oktyabrsky; anh này đề nghị kết hôn với bà, để bà có quyền hợp pháp cư trú tại thủ đô. Sau khi suy nghĩ đến hoàn cảnh mình, Romasheva miễn cưỡng đồng ý.

Sau khi được đăng ký, Romasheva không còn sợ bị chặn bắt trên đường phố nữa, nhưng lại lo một chuyện khác. Bà tìm được một chỗ ở cùng với Alevtina Kotsabuch, một đồng nghiệp cũ ở bệnh viện 27. Nếu có người biết được bà sống chung với Kotsabuch thay vì Izotov, bà có thể bị đuổi ra khỏi Moscow vì tội kết hôn giả mạo. Nguy hiểm hơn nữa là khi Viktor Saraev, một người trước đây muốn kết hôn cùng bà, biết được chỗ ở của bà và đe dọa tố cáo bà.

Trong thời gian này, Mikhail Gorbachev lên cầm quyền và đến tháng 2, 1986, Romasheva nghe nói đến chính sách *perestroika*, nhưng lại lấy làm lạ vì những hứa hẹn sẽ trùng trị bất cứ ai phạm tội ác, không phân biệt chức tước. Bà tự hỏi không biết có phải đã đến lúc có thể có đổi thay hay không.

Romasheva vẫn đi đến phòng tiếp đón này đến phòng tiếp đón khác. Bà thường đi từ Gorodets, nơi bà đã sống với bà mẹ đến Moscow và ngược lại, theo đuổi các khiếu nại của mình, và sống với tiền của bà mẹ này. Cuối cùng, bà lại có chuyện xích

mích với Kotsabuch và, vì không muốn ở cùng Izotov, bà đến sống tại các nhà ga xe lửa. Từ mỗi diễn đàn chánh thức, đều có đề cập đến chính sách *perestroika* và việc chống hối lộ, tham nhũng. Nhưng không ai có vẻ để ý đến phải làm gì về một trường hợp hối lộ nhất định nào đó cả.

Những cảnh tượng tại các sảnh đường tiếp khách thật là nổi bật, gây ấn tượng sâu sắc trong tính siêu hiện thực của chúng. Trong lúc báo chí đầy rẫy tin tức về nạn hối lộ và tham nhũng với nhiều chi tiết, những người đi tìm chân lý đến đây với tràn đầy hy vọng, nhưng chỉ nhận thấy mình được đối xử hoặc nhã nhặn, hoặc bất lịch sự, và những đơn từ khiếu nại của mình rồi cũng đều bị bỏ qua. Tại phòng tiếp của báo *Izvestiya*, những người này còn bị chế nhạo là đã tin những gì đăng trên báo.

Viên công tố Xô-viết nói với Romasheva rằng đơn khiếu nại về vụ tống tiền bà đã được điều tra và nhận thấy nó không giá trị nào cả, mặc dù trong bệnh viện ai cũng biết rõ là Chuprakov đã có tìm cách buộc bà phải hối lộ ông ta. Tổ chức nghiệp đoàn Xô-viết cũng nói là không có cơ sở nào để cho Romasheva trở lại làm việc cũ, mặc dù khi nào có vấn đề tống tiền, một người *limitchik* đều có quyền được nghiệp đoàn che chở. Một bà làm việc cho tờ báo *Con người và luật pháp* cho Romasheva biết: "Nếu bà là một *limitchik*, bà phải bị đối xử đúng như thế. Mục đích của tờ báo không phải là giúp đỡ cá nhân, mà chỉ nhằm giải thích luật pháp Xô-viết."

Nhiều tờ báo Xô-viết khác cũng không để ý đến trường hợp của Romasheva. Chỉ có trung tâm truyền hình trung ương là có vài thiện cảm đối với trường hợp của bà. Họ khuyên bà từ bỏ tranh đấu đi và giao vấn đề cho lương tâm của những cơ quan thi hành luật pháp tự xét.

Sau hơn một năm khiếu nại, Romasheva được một viên chức đảng tại Moscow là Tropin tiếp. Viên chức này cho bà biết là ông ta có điều tra về đơn thư của bà với "phương pháp đặc biệt", và đã nhận thấy không có tội ác nào gây ra cho bà. Ông ta còn cho biết là Naira Stepanova, người mà Romasheva có đề cập đến trong đơn, không có thật.

"Xin lỗi ông," Romasheva nói, "người đàn bà này đã chết đâu. Nếu ông nói bà ấy không có thật, thì nói chuyện thêm với ông không còn ý nghĩa gì nữa".

"Như vậy, xin từ giả", Tropin nói, rõ ràng với vẻ vui thích để chấm dứt cuộc đối thoại.

Romasheva cố tìm hiểu cái gì đang xảy ra trong nước. Đối với bà, rõ ràng là các nhà cầm quyền muốn có thay đổi, nhưng sao bà vẫn còn nhận thấy những kẻ ăn hối lộ, những kẻ lừa đảo, gian lận tiếp tục được những người liên hệ trong đảng che chở.

Trong lúc đó, có tin Saraev đã báo cáo cảnh sát là bà cùng Izotov không sống chung với nhau. Saraev cũng biết được sự xung đột của bà trong bệnh viện 27, và vài đồng nghiệp cũ của bà đã cho bà hay Saraev là đồng minh của Chuprakov.

Một thời gian ngắn sau đó, một giấy đòi Romasheva được đưa đến nhà của Izotov, và bà đến trình diện với cảnh sát trưởng. Ông này hỏi bà có sống chung với chồng không, có quan hệ tình dục hay không. "Tôi tin chắc là không có quan hệ này", ông ta nói.

"Xin ông xử sự lịch sự một chút," Romasheva nói, "và đừng nên tìm cách chà đạp lên tình cảm cá nhân với đôi giày da của ông."

Cuối cùng, Romasheva thu thập hết tất cả các văn bản trả lời bà nhận được và chuẩn bị mang đến Xô-viết Tối cao, để cho thấy thế nào là chính sách *perestroika* đang được áp dụng trong nước. Khi bà đi đến nhà bưu điện trung ương để viết một đơn mới, có một người đi tìm chân lý đến gần bà và hỏi bà sẽ đi đâu với lá đơn này. Khi bà trả lời là Xô-viết Tối cao, người đàn bà này nói: "Bà không nên đến đó một mình. Họ đang lôi kéo dân chúng ra khỏi đây, và đưa vào các nhà thương điên. Nếu bà có đi, thì nên đi cùng với một người khác".

Romasheva quyết định không đi. Sau những năm làm việc tại một bệnh viện tâm thần, bà đã biết những gì có thể xảy đến cho một người tại đây, và bà nghĩ sự đe dọa bị bắt vào nhà thương điên có thể thực sự xảy ra.

Cuối cùng, cuộc tranh đấu tìm công lý của Romasheva bắt đầu đạt kết quả. Bà bị đắm chìm trong cuộc tranh đấu giành dân quyền của mình, sống nhiều tuần lễ liên tiếp tại các nhà ga xe lửa, quá mệt mỏi với việc viết đơn từ và xin được tiếp xúc với nhiều giới chức, nhưng rồi cuối cùng cũng không đi đến đâu cả. Và bà kết luận chỉ còn hy vọng duy nhất là kêu gọi đến Liên Hiệp Quốc. Bà được một người đi tìm chân lý khác cho biết là Liên Hiệp Quốc có một văn phòng tại Lunacharsky Lane.

Romasheva đến văn phòng này và thấy những người làm việc tại đây đều là người Xô-viết. Nhưng bà vẫn trao đơn mình cho họ. Không hy vọng được phúc đáp nhanh chóng, bà trở về sống qua mùa hè với bà mẹ ở Gorodets. Khi trở lại Moscow, bà nhận được một thư của Liên hiệp quốc báo cho bà biết có phúc đáp đang chờ bà tại cơ quan lưu thư của nhà bưu điện: Liên hiệp quốc không có thẩm quyền đối với trường hợp của bà và khuyên bà nên kêu gọi các cơ quan Xô-viết liên hệ.

Với phúc đáp của Liên hiệp quốc, Romasheva nhìn nhận cuộc tranh đấu của bà đã thất bại. Nhưng trước khi bà định làm gì khác nữa, bà đã đến nhà bưu điện trung ương và may mắn gặp được một nhóm người đi tìm chân lý, đang nghiên cứu bài báo của tờ *Moskovskaya Pravda* đề cập đến một tờ báo "không chính thức" mới. Nói đến một tờ báo độc lập, đó là một tia hy vọng.

Romasheva thuật chuyện của bà cho các biên tập viên của tờ *Glasnost* và được họ đăng tải trong số báo thứ 16. Bà bắt đầu lại việc đi đến các phòng tiếp và cũng nhận thấy không có gì thay đổi.

Việc giải phóng đất nước cuối cùng đã đến với các phòng tiếp, và vào đầu năm 1988, dân quân không còn bắt người đưa đi các bệnh viện tâm thần nữa. Một ngày đó, một bạn của bà đưa bà đi gặp một người đi tìm chân lý tên Yekaterina Arseniev, người đang cho luân lưu một bức thư phản đối nhà cầm quyền không cứu xét nghiêm chỉnh các khiếu nại của dân chúng. Chỉ trong vài tuần lễ, thư luân lưu này đã được năm trăm chữ ký.

Romasheva cũng ký và sau vài ngày, bà cùng những người đi tìm chân lý tham gia một cuộc biểu tình tại trụ sở Hội đồng bộ

trưởng. Một viên chức tại đây đồng ý cho tổ chức cuộc biểu tình và nó đã xảy ra ngày sau đó, trước sự ngạc nhiên của những người đi tìm chân lý, các viên chức chính quyền tỏ ra rất thông cảm.

Tuy nhiên, nhiều tuần lễ trôi qua, không có một lời nào được đưa ra từ Hội đồng bộ trưởng cả. Cuối cùng, Romasheva nhận được một tấm thiệp cho biết, khiếu nại của bà đã được điều tra và không thấy có gì đáng quan tâm cả. Một tấm thiệp như vậy cũng được gởi cho những người khác đã tham gia biểu tình.

Sau sự thất bại đi tìm công lý với Hội đồng bộ trưởng, Romasheva quyết định cần nghỉ ngơi một thời gian.

Nhưng ngày 16 tháng 10, bà nhận được một bưu thiếp ra lệnh bà phải trình diện trước tòa án. Saraev tiếp tục gởi thư đến các cơ chế chính quyền tố cáo cuộc hôn nhân của Romasheva là giả tạo, và mặc dù chính quyền không mấy quan tâm đến vụ tố cáo tổng tiền của Chuprakov đối với bà, họ đang muốn tố lại bà có thể sống ở Moscow vì đã tạo ra một cuộc hôn nhân giả.

Một buổi sáng, Izotov gặp Romasheva tại tòa báo *Glasnost* và cho bà biết là cảnh sát đã đến nhà anh để tìm bà, và bà là đối tượng đang bị tìm kiếm của toàn liên bang. Với tình cảnh này, bà chấm dứt mọi cố gắng đi tìm công lý tại các phòng tiếp.

Romasheva tranh đấu cho công lý là một vấn đề nguyên tắc, nhưng giờ đây bà phải đối đầu với một mối đe dọa trực tiếp hơn nữa. Tháng 11, toà án đảng bộ Zhdanov hủy bỏ cuộc hôn nhân của bà. Bà chống án lên toà án thành phố; nơi đây gởi trả hồ sơ lại cho toà án đảng bộ. Izotov làm một tường trình xác nhận cuộc hôn nhân của anh với Romasheva là hợp pháp. Tuy nhiên, tòa án đảng bộ không để ý đến và chuẩn bị xét xử và có thể đi đến quyết định trục xuất Romasheva ra khỏi Moscow.

**MỘT BUỔI CHIỀU THÁNG 3, 1981**, Nadezhda Martovaya đang làm việc với máy đan áo tại nhà máy đan Dnepryanka ở Dnepropetrovsk, thì có một trong số đồng nghiệp của bà dừng lại

tại máy đan của bà, cho hay bà được gọi đến phòng họp để gặp Ủy Ban nghiệp đoàn của nhà máy.

Martovaya bèn đứng dậy và lẩn theo một hành lang dài, bà đi đến phòng họp, nơi đây những người lãnh đạo tập thể, gồm cả Olga Fyodorova, giám đốc nhà máy và Vsevolod Ryasuy, lãnh tụ nghiệp đoàn, đang chờ bà. Sáu năm trước đây, Martovaya đã là đối tượng của một cuộc vận động tại nhà máy để quấy rối bà, sau khi bà đòi quyền có một căn nhà riêng vì có đến bốn đứa con.

Khi Martovaya ngồi xuống, Fyodorova bắt đầu nói. Bà nói đã nhận được một thư của hội đồng *oblast* kêu gọi bà cho Martovaya một căn nhà riêng.

"Tôi đã xét thi hành việc này," Fyodorova nói, "nhưng tôi không thể làm được vì Martovaya là một người ăn cắp và bà luôn làm đơn khiếu nại. Chúng tôi không thể làm việc vì bà. Martovaya phải bị đuổi việc chớ không phải được cấp nhà."

Tiếp theo là Ryasuy nói: "Martovaya có quyền hưởng được một căn nhà rộng. Bà có một gia đình đông người và con bà là một sĩ quan Xô-viết. Nhưng chúng tôi không thể thỏa mãn bà vì bà luôn luôn than phiền, bất mãn. Tại Ba Lan, đã có đình công. Không ai thích làm việc tại đây. Chúng ta có những người như thế tại đây và chúng ta không thể dung thứ cho những người như thế. Chúng ta sẽ loại bỏ họ."

Việc tố cáo Martovaya là kết quả chấm dứt một chuỗi dài tranh đấu quyết tâm cải tiến đời sống của mình. Không bao lâu sau khi bắt đầu coi máy tại nhà máy đan dệt Dnepryanka, bà đã được Boris Chernyavsky, giám đốc, cho biết một căn nhà bốn phòng cho một gia đình đông người đang sắp được chuyển giao cho nhà máy và sẽ được cấp cho bà. Lúc ấy, bà và các con cùng với người chồng thứ hai là Vasily Sitikh, một công nhân mỏ về hưu, đang sống trong hai phòng nhỏ và một cái bếp.

Không bao lâu sau khi gặp Martovaya, Chernyavsky về hưu và được người tình cũ của ông là bà Fyodorova thay thế chức giám đốc.

Nhiều tháng trôi qua, nhưng Martovaya không được biết gì về căn nhà đã hứa cấp cho bà cả. Sau cùng, bà quyết định tìm

hiểu qua văn phòng của nghiệp đoàn nhà máy, nhưng mỗi lần bà hỏi đến thì đều được trì hoãn. Cuối cùng, bà tìm đến Hội đồng thành phố Dnepropetrovsk, và tại đây, bà được biết là căn nhà đã được giao cho nhà máy.

Tin này làm cho Martovaya rất khó chịu. Nếu căn nhà đã giao cho nhà máy, thì phải được cấp cho bà; nếu không, bà bắt đầu nghi ngờ có ai đó đã lấy căn nhà rồi. Không bao lâu sau, bà được một công nhân khác cho biết, chính Fyodorova đã giành lấy căn nhà.

Martovaya cảm thấy cô thân không ai giúp đỡ. Dù sao, bà cũng đến gặp Fyodorova, cố gắng giữ bình tĩnh và nói là căn nhà đã được dành cho bà với tách cách một bà mẹ đong con, nhưng Fyodorova tỏ ra không nao núng.

"Lỗi của ai," bà ta hỏi, "có phải tại bà để quá nhiều con và nhân lên sự nghèo khó cho Liên bang Xô-viết hay không?"

Martovaya cố quyết định xem phải làm thế nào. Sáu người không thể sống được thêm nữa trong hai phòng nhỏ, nhưng bà lại lo sợ Fyodorova trả thù, nếu bà cố bảo vệ quyền của bà. Và hy vọng còn lại là phải mang vấn đề ra khỏi nhà máy, có thể đến một cơ chế nhà nước nào đó tại Moscow, tuy bà không có ý niệm nào về sự thành công với những lời kêu gọi công lý như thế.

Trong vài tháng tới, Martovaya cân nhắc cái giá phải trả nếu thách thức Fyodorova, và bà quyết định kêu gọi đến Moscow. Bà tin tưởng quyết định này là do kinh nghiệm của một thợ đan dệt khác, Tatyana Urazbayeva.

Urazbayeva là một trong những người có công trong việc xây dựng xưởng dệt Dnepryanka. Bà đã nhận việc xây dựng năm 1969 và được hứa hẹn đầu tiên cấp cho một căn nhà riêng. Tuy nhiên, sau khi bắt đầu lãnh việc đan dệt, Urazbayeva nhận thấy thứ tự chánh thức người được cấp nhà không được tôn trọng. Bà đi đến Moscow và khiếu nại với Bộ Công nghiệp nhẹ. Bộ này phái một phái đoàn đến để xem xét tình hình, và đây là một thắng lợi hiếm có đối với chánh quyền, một số công nhân nhận được nhà, trong đó có Urazbayeva.

Martovaya biết rằng thành công của Urazbayeva là quá đặc biệt, nhưng vài tuần sau khi nói chuyện với Fyodorova, bà đã xin phép nghỉ không lương và đi đến Moscow.

Bà không biết phải đến nơi nào trong thủ đô Moscow; cuối cùng bà quyết định đi đến Bộ Quốc phòng vì bà nghĩ có một người con vừa được gia nhập quân đội. Tại sảnh đường tiếp khách, bà trình bày khiếu nại của bà và được đưa đến một văn phòng gần đấy; sau đó, bà vô cùng ngạc nhiên được đưa đến giáp mặt với Dmitri Ustinov, Bộ trưởng quốc phòng Xô-viết. Martovaya thuật cho Ustinov chuyện của bà; ông này tỏ ra chú ý đến trường hợp của bà, hứa cho mở cuộc điều tra các nhà cầm quyền địa phương tại Dnepropetrovsk,

Martovaya trở về nhà, nhưng bà nhận thấy ngay là kết quả duy nhất điều tra của Bộ Quốc phòng chỉ làm các cấp chỉ huy xí nghiệp nổi giận. Một đêm kia, sau khi làm việc hai ca, bà bị người canh gác giữ lại, đòi xem túi xách của bà. Vài ngày sau, bà bị mời đến trụ sở cảnh sát địa phương và được cho biết là có một cuộn vải ăn cắp được tìm thấy trong túi xách của bà.

Trong tầm tháng sau đó, Zhuravleva, một điều tra viên vừa là công tố tòa án đảng bộ vừa là một người bạn của Fyodorova, mời Martovaya qua điện thoại đến trụ sở cảnh sát mỗi ngày, đòi bà phải nhìn nhận trộm cắp món đồ vừa kể.

Cuộc điều tra làm mất hết giờ nghỉ của bà. Nó chỉ được chấm dứt sau khi bà khiếu nại đến công tố viên của toàn liên bang.

Công tố viên *oblast* xét lại các hoạt động của Zhuravleva và cách chức bà này.

Martovaya liền gửi thư cho các viên chức *oblast* của Dnepropetrovsk, xin được cấp nhà đã hứa. Bà còn kêu gọi đến nghiệp đoàn, hội đồng thành phố và các tổ chức của đảng. Nhưng bà khám phá ra ngay là bà đang tranh đấu với cả một tổ chức *mafia* địa phương.

Theo luật lệ, tất cả bốn người con của bà phải được kể đến trong việc quyết định quyền được hưởng nhà rộng hơn, mặc dù có một người đã vào quân ngũ, và một người đang học tại Odessa.

Nhưng mọi cơ quan của *oblast* Dnepropetrovsk đều nói là bà không có quyền được cấp nhà rộng vì bà chỉ có hai đứa con mà thôi. Martovaya biết ngay là các viên chức địa phương chỉ cần liên lạc nhau qua điện thoại để trả lời bà giống nhau.

Nhiều tháng trôi qua, tình trạng căng thẳng của cuộc tranh đấu bắt đầu gây lo lắng cho Sitikh, chồng sau của Martovaya, làm cho ông ta tỏ ra lãnh đạm, và vợ chồng gây gổ nhau vì những vấn đề không đâu, mà trước đây không bao giờ có. Các con bà và Sitikh không còn gần gũi nhau nữa, và một ngày kia đi làm về, Martovaya không thấy Sitikh đâu nữa. Sitikh đã bỏ đi mất.

Martovaya vô cùng sầu não, nhưng bà vẫn không bỏ cuộc. Bà nhận được sự ủng hộ của Urazbayeva, người không những khuyến khích mà thường khi còn tích cực hậu thuẫn cho bà bằng cách cùng ký tên các đơn từ của bà.

Trải qua nhiều năm liền, Martovaya trở thành bộ mặt quen thuộc tại các sảnh đường của Hội đồng thành phố Dnepropetrovsk và với tổ chức nghiệp đoàn, nhưng sau một thời gian, các cố gắng của bà chỉ còn có tính cách hoàn toàn nghi lễ. Fyodorova đã dọn vào ở nhà của bà và Martovaya không còn hy vọng nữa.

Nhưng đến tháng 12, 1980 có một việc bất ngờ đã xảy ra. Để trả lời cho một trong những đơn của bà, Vladimir Boyko, Chủ tịch Hội đồng *oblast* Dnepropetrovsk, chỉ định một ủy ban xem xét khiếu nại của Martovaya, và trước sự ngạc nhiên của bà, ủy ban này kết luận là bà có quyền sử dụng một căn nhà rộng.

Quyết định này là câu trả lời rõ ràng, đầu tiên và chính thức mà bà nhận được sau 5 năm dài và nó đã làm bà hy vọng trở lại, nhưng đồng thời nó cũng gây sự đổi đầu một lần nữa giữa bà và Fyodorova.

Chừng nào mà Martovaya còn tranh đấu một mình, Fyodorova không cần biết đến. Nhưng tất cả đều thay đổi một khi Martovaya được Boyko ủng hộ. Với tư cách Chủ tịch Hội đồng *oblast* Dnepropetrovsk, Boyko có quyền thi hành luật pháp, và ông ta ra lệnh Martovaya có quyền có một căn nhà lớn như bà mẹ của một gia đình đông con; lệnh này cũng có nghĩa là đã nhìn nhận bà bị từ chối cấp nhà rộng là một sai lầm hoàn toàn, và

người phạm lỗi làm này phải bị trừng phạt, có thể là Ryasuy và chính cả Fyodorova nữa.

Việc Fyodorova đầu tiên linh cảm đang sắp sửa có hành động chống những kẻ "ly khai" trong tập thể của bà đã xảy ra ngày 22 tháng giêng 1981, khi Martovaya và Urazbayeva đến làm việc. Viên đốc công họp các công nhân và tuyên bố có một khúc vải bị cắt lấy từ cuộn vải.

Ăn cắp trong nhà máy là chuyện thường xảy ra, nhưng việc nói lên trước mọi người là việc chưa từng có. Hai tuần lễ sau, có tiếng đồn lan ra là sắp có chuyện xảy ra kế tiếp. Ngày 6 tháng hai, Urazbayeva bị Zhuravleva, điều tra viên bị cách chức trước đây nay đã được phục hồi, mời đến để hỏi về vụ mất cắp vải của nhà máy. Sau cuộc chất vấn, Urazbayeva được cho ra về, nhưng đến ngày 18 tháng hai, một cuộc mết-tinh toàn nhà máy đã được tổ chức và tại đây Zhuravleva tố cáo Urazbayeva là kẻ cắp.

"Bà là kẻ phạm tội," Valentina Talyan, cấp trên của Urazbayeva, nói, "bà ấy ăn cắp mỗi ngày."

Ngày 20 tháng 2, trong một không khí căng thẳng, Zhuravleva cùng với hai người đàn bà mặc áo ngoài rất dày thình lình đi vào phân xưởng. Hai người đàn bà này chạy đến Urazbayeva và Zhuravleva la lên: "Hãy bắt giữ bà ấy lại!" Urazbayeva cũng la lên, và vùng vẫy, chạy thoát ra khỏi phân xưởng.

Zhuravleva liền điện thoại kêu cảnh sát trong lúc Urazbayeva chạy ra cửa nhà máy. Nhưng khi đến cửa, người gác gọi lớn: "Hãy trốn đi. Họ đã bao vây nhà máy rồi!"

Urazbayeva chạy ngược trở lại và trốn vào khoảnh đất đang được xây cất của nhà máy. Trong lúc đó, Martovaya thay quần áo và đi ra khỏi nhà máy qua cửa chính. Nhưng khi bà đi ra đường, bà bị cảnh sát chặn lại và buộc phải lên một chiếc xe đậu sẵn.

Martovaya được đưa đến trụ sở cảnh sát và nhận thấy trước đây hai người đàn bà vừa mới muốn bắt giữ Urazbayeva. Bà thấy bên trong áo dày của họ là áo trắng.

Cảnh sát đưa bà đến gặp Zhuravleva. "Tôi không cần đến bà," Zhuravleva nói, "tôi chỉ cần Urazbayeva. Bà đến đây chỉ để làm chứng ký một báo cáo đã thấy Urazbayeva cắt vật liệu này."

"Tôi không ký," Martovaya nói, "tôi không ký một báo cáo lão."

"Lần sau bà sẽ ký," Zhuravleva nói, "chúng tôi sẽ làm cho bà phải ký. Còn Urazbayeva thì bà sẽ đi đến một nhà thương điên vì bà ta mất trí."

Đến 3 giờ chiều, thay ca làm việc, Urazbayeva rời khỏi nơi ẩn nấp và đến nhà Martovaya chờ một lúc. Hai bà rất lo sợ. Rõ ràng là nếu Urazbayeva không trốn lánh kịp thì có thể cả hai đều bị đưa vào bệnh viện tâm thần. Cả hai đều không biết giờ đây phải đối phó ra sao. Tạm thời, họ quyết định là không có cách nào khác là vẫn tiếp tục đi làm.

Trong nhiều ngày sau, một không khí im lặng kỳ lạ bao trùm nhà máy. Nhưng ngày 9 tháng 3, một cuộc lùng bắt mới lại xảy ra đối với Urazbayeva. Hôm ấy, một xe cảnh sát đã chờ sẵn gần cửa nhà máy.

Vào lúc 3 chiều, Urazbayeva nghỉ việc sắp sửa ra về, thì 3 người đến nắm tay lôi bà đến một phòng giam. Sau đó, họ đã đi bắt Martovaya tiếp. Tuy nhiên, khi việc này xảy ra, thì Stanislaw, con bà Martovaya, có phép của quân đội về thăm nhà.

Sau khi bị giữ, Urazbayeva đã chờ đợi một mình trong nhiều phút, sau đó đã dùng điện thoại gọi Stanislaw và nhờ anh đi đến trụ sở cảnh sát địa phương. Khi được biết sự liên lạc này, nhân viên canh gác cắt đường dây điện thoại của nhà máy.

Khi Martovaya đến làm việc ca hai, bà bị cảnh sát chặn lại, bà cùng với Urazbayeva bị cảnh sát đưa về trụ sở và đối diện với Zhuravleva.

Trong lúc hai bà đang bị Zhuravleva tra hỏi, Urazbayeva đẩy cửa phòng và nhận thấy con của Martovaya đã đến chờ từ lâu trước đó.

"Stasili! Stasili!", Urazbayeva kêu lên.

Khi Zhuravleva biết được đó là con của Martovaya, liền cho hai bà ra về.

Đây là lần thứ hai việc cố bắt giữ hai bà bị thất bại, nhưng đã không làm gì cho hai bà yên tâm được. Ngày 11 tháng 3, Stanislav trở về đơn vị quân đội, và tần tuồng khủng bố lại bắt đầu tái diễn gần như tức khắc. Martovaya được ủy ban nghiệp đoàn mời đến, và bị Fyodorova tố cáo ăn cắp.

Martovaya hỏi lại lúc nào bà sẽ nhận được tin bằng giấy tờ cho bà là người ăn cắp và vì thế mà bà không được cấp nhà. Bà được trả lời sẽ được cho biết vào những ngày 16 và 17 tháng 3.

Lúc này tình hình rất căng thẳng. Xe cảnh sát hằng ngày vẫn đến chờ bên ngoài nhà máy, làm cho Martovaya và Urazbayeva rất lo sợ bị bắt đưa đi nhà thương điên hay Fyodorova muốn bà bị giết để không còn dính dấp gì đến Boyko, đồng thời giải quyết dứt khoát vấn đề tranh chấp căn nhà. Dù sao, theo bà, có thể chắc chắn nhất là bà sẽ bị đưa đi bệnh viện tâm thần.

Martovaya và Urazbayeva quyết định không chờ để bị bắt nữa. Hai bà liền đi Moscow để tìm sự giúp đỡ tại các phòng tiếp đón. Đến thủ đô, hai bà đi đến Ủy ban trung ương đảng Cộng sản; nơi đây, Rudakov đã tiếp và nói chuyện với họ suốt 3 tiếng đồng hồ và có vẻ có thiện cảm đối với họ. Rudakov gọi điện một người nào đó ở tổ chức đảng Dnepropetrovsk và nói: "Trong bao lâu việc này mới được giải quyết? Phải làm thế nào hay là chúng tôi sẽ gởi một phái đoàn đến đó."

Thật sự thì Martovaya và Urazbayeva không quá tin tưởng vào những lời bảo đảm của Rudakov, nhưng vì họ không đủ tiền để ở Moscow thêm nữa, nên phải trở về Dnepropetrovsk ngày 6 tháng 4.

Để có thể gạt bỏ Martovaya và Urazbayeva, Fyodorova chỉ cần có một lý do để đuổi việc họ và mặc dù hai bà này đi khỏi Dnepropetrovsk để tránh bị đưa vào nhà thương điên, sự vắng mặt không có phép của họ cho Fyodorova cái cớ cần thiết.

Ngày 14 tháng 4, hai bà được mời tham dự một cuộc họp của ủy ban nghiệp đoàn nhà máy và ngay ngày hôm sau là ngày vấn đề đuổi việc hai bà sẽ được mang ra bàn đến.

Martovaya và Urazbayeva không làm việc. Họ biết rằng người ta không thể sa thải họ trong lúc họ vẫn mặt, nhưng họ cũng suy nghĩ xem ai là người có thể giúp đỡ họ, và quyết định gặp Boyko.

Hai bà đi đến hội đồng *oblast* và vừa bước vào phòng tiếp, Boyko cũng đã từ văn phòng mình bước ra. Martovaya liền rời Urazbayeva chạy đến Boyko. "Họ không cho tôi được gặp ông", bà nói. Nhưng khi Boyko nhìn ra bà, ông ta ngó lơ.

Giờ đây Martovaya không còn chút tin tưởng nào đối với Boyko. Bà nhận thấy là ông ta không muốn đối đầu với cả cái đảng mafia địa phương này về một vấn đề luật pháp. Bà và Urazbayeva bây giờ hoàn toàn tuyệt vọng.

Họ lại trở lại Moscow, và lần này họ quyết gặp các nhà báo ngoại quốc, và chính trong thời gian này, thời gian của chuyến đi Moscow cuối cùng của họ, mà họ được giới thiệu với tôi tại lề đường trước văn phòng của tôi trên đường Kutuzovsky Prospekt. Martovaya và Urazbayeva đã ở Moscow 3 tuần lễ, nhưng tại các phòng tiếp họ không đạt được kết quả nào cả, và các chuyến đi Moscow của họ mất hết ý nghĩa, nhất là với sự giúp đỡ của gia đình và không có gì để tiếp tục cuộc sống.

Sau này tôi gặp lại hai bà tại một căn nhà của người bà con xa của Urazbayeva và họ thuật cho tôi câu chuyện của họ. Tôi không có gì để giúp họ nhiều, và cuối cùng họ không có cách nào khác là trở về Dnepropetrovsk cũng như nhà máy Dnepryanka, mà không bao lâu sau họ bị sa thải. Họ cho tôi biết qua điện thoại, là họ kêu tới tòa án công nghiệp của đảng mà nhà máy lệ thuộc, nhưng tòa án này từ chối cứu xét đơn từ của họ.

Câu chuyện của hai bà đến đây chấm dứt với việc mang đồ đạc riêng đi cầm thế để tiếp tục cuộc sống. Họ không còn đi đến Moscow hay trả lời điện thoại cho tôi, và như thế số phận của họ không còn ai được biết ra sao nữa.

**MỘT NGÀY ÈM ẨM** của mùa xuân, Pyotr Reznichenko đi vào văn phòng nhà máy sản xuất trứng ở Pervomaiskoe, một làng cách

Odessa ba mươi lăm dặm, trao cho người giám đốc nhân viên một lệnh giao việc của đảng ủy (*raion*) tại Odessa. Reznichenko cần việc làm và vì anh có lệnh giao việc của ủy ban địa phương đảng, bà giám đốc nhân viên không thể từ chối nhận anh được. Nhưng rõ ràng là, qua nét mặt của bà, người ta đoán được là bà muốn anh biến đi.

Bà nói với Reznichenko là anh không thể bắt đầu làm việc mà không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn lao động, và chuyên viên trách nhiệm vấn đề đã đi khỏi thành phố. Trong lúc chờ đợi để bắt đầu làm việc, anh không thể nghỉ tại nhà nghỉ tập thể của nhà máy. Trong trường hợp này, Reznichenko chỉ còn biết chờ đợi cả tuần lễ mà không có việc gì làm, và ngủ ngoài sân. Khi chuyên viên này về, ông ta ký tên các tài liệu của Reznichenko mà không chỉ thị gì cho anh cả. "Anh sẽ học tập các qui định trong lúc làm việc", chuyên viên này nói.

Khi Reznichenko trở lại với tất cả tài liệu được ký đầy đủ, bà giám đốc nhân viên hỏi: "Ảnh của anh đâu để làm giấy vào cửa?"

"Tôi không có ảnh nào cả," Reznichenko trả lời.

"Vậy thì anh phải đi đến Odessa để chụp ảnh."

Reznichenko nổi giận. Đã bảy ngày chờ đợi chuyên viên mà trong lúc ấy bà giám đốc nhân viên này không bao giờ cho anh biết là anh cần phải có ảnh. "Thật không ngờ," anh nói, "bà không biết đọc hay sao, bà thiếu lịch sự kia."

Bà này cũng điên tiết lên nói: "Dù sao, anh cũng sắp làm việc ở đây".

Khi Reznichenko trở về từ Odessa với ảnh của anh, bà phụ tá giám đốc chỉ định việc làm cho anh và anh được cấp một giường tại phòng ngủ tập thể; thế là anh đã có chỗ ở.

Anh được giao việc coi giây chuyên trứng từ chuồng gà đưa đến các điểm thu gom. Tuy nhiên, anh nhận thấy có sáu lồng không có lưới để hứng trứng, do đó, trứng rớt xuống sàn nhà. Trong một ngày, một lớp dày nhầy nhụa trứng bể lan trên sàn. Khi Reznichenko hỏi viên đốc công, tại sao không cho sửa chữa lại lưới thì được người này bảo anh phải dọn sạch trứng bể.

"Tại sao ông không sửa lại các lồng?" Reznichenko đề nghị.

"Tôi bị đau lưng", người đốc công trả lời.

"Vậy ông được trả lương để làm gì?" Reznichenko hỏi, "có phải để báo cáo hay chỉ để sai vặt?"

Qua ngày sau, Reznichenko tự sửa chữa lại các lồng trong khu giây chuyền của anh.

Cuối buổi chiều, vì thấy quá nhiều trứng bể, anh bắt đầu nói chuyện với vài công nhân về sự khác biệt giữa Liên bang Xô-viết và Hoa kỳ.

"Tại thế giới tư bản, không một chủ nhân nào mướn các anh làm việc," anh nói, "nhưng ở đây, các anh chứng tỏ chỉ là tay sai nên người ta dùng các anh, làm thiệt cho tôi cũng như tất cả những người khác."

"Anh biết gì về thế giới tư bản?", một công nhân trẻ hỏi. Reznichenko hỏi lại anh này đã lãnh bao nhiêu tiền lương và được trả lời là 130 rúp. "Ở Hoa kỳ, anh có thể lãnh từ 2.500 tới 3.500 đô la một tháng", Reznichenko nói, và như vậy, anh có thể so sánh sự khác biệt giữa những gì anh mua được với một đồng rúp và với một đô la."

Các công nhân có vẻ kinh ngạc.

"Các anh cần nhìn tôi trả lời tất cả các câu hỏi", Reznichenko nói.

Qua đến ngày thứ tư làm việc tại nhà máy, Ignatiev, cơ khí trưởng gặp anh và la rống lên: "Anh đang chỉ huy ai vậy?" Reznichenko đã sửa chữa lưới của khoảng giây chuyền của anh nhưng vẫn còn trứng rớt và bể trên sàn nhà từ các thùng khác của giây chuyền.

Reznichenko hướng dẫn Ignatiev đến một đống trứng bể. "Đấy, hãy nhìn xem", anh nói.

"Anh hãy đi ra khỏi đây", Ignatiev ra lệnh một cách giận dữ.

Reznichenko đành đi ra và trở về phòng ngủ. Đêm ấy, một mảnh giấy được nhét vào khe cửa giường anh gọi anh trình diện sáng hôm sau trước một ủy ban của nhà máy.

Sáng hôm sau, anh đến trình diện, ủy ban do phó giám đốc nhà máy chủ tọa, hỏi tại sao anh bỏ việc. Reznichenko trả lời rằng anh được lệnh của Ignatiev và trình bày sự việc đã xảy ra liên quan đến vấn đề trừng roi rót bể trên sàn nhà.

Phó giám đốc nhà máy liền đuổi việc anh.

"Vậy thì tôi phải nhờ luật pháp phân xử", Reznichenko nói.

"Anh cứ làm. Tôi đã từng đuổi việc hàng trăm người như anh và không có chuyện gì xảy ra cả."

Reznichenko lấy làm thất vọng, nhưng không bao lâu sau, anh được biết là chủ tịch nghiệp đoàn không có biện pháp nào đối với việc sa thải anh, vì nó bất hợp pháp. Anh khiếu nại với tòa án *raion*, và được chấp nhận nghe anh trình bày. Tuy nhiên, phó giám đốc nhà máy ra lệnh anh phải rời khỏi nhà máy. Thật ra, Reznichenko vẫn có quyền ở lại, trong lúc chờ đợi cứu xét trường hợp của anh, nhưng cơ quan hành chánh kiểm soát sự ra vào lại nhiều lần cản trở không cho anh ra vào. Cuối cùng, anh quyết định bỏ đi, và như vậy là việc xét xử chắc chắn sẽ bị bãi bỏ, vì anh không nhận được giấy mời của tòa án cho biết ngày xét xử.

Reznichenko quyết định đi Moscow, tìm công lý. Đầu tiên, anh đến Xô-viết Tối cao. Một viên chức, Fyodor Davydov, cho anh biết là anh phải đưa đơn khiếu nại của anh cho công tố *oblast* Odessa và bảo anh nên trở về nhà máy, tiếp tục ở phòng ngủ chung tại đây.

Khi trở về nhà máy, như anh đã dự đoán, anh vẫn bị ngăn cản không cho vào. Ngày xét xử thì đã qua rồi. Anh đi đến công tố địa phương và được cho biết là trường hợp của anh có thể được mang ra xét lại, nếu anh giải thích được tại sao anh không trình diện trước tòa án *raion* đúng ngày gọi anh.

Tiếp tục ngủ ngoài sân, Reznichenko mang đơn khiếu nại đến giám đốc tư pháp *oblast*; nơi đây anh được Korovkin tiếp. Anh nói anh được lệnh phải giải thích tại sao anh không có mặt tại tòa. "Phải rồi," Korovkin trả lời, "nếu anh có lý do chánh đáng về sự vắng mặt ấy, chúng tôi sẽ định lại ngày khác để nghe anh trình bày."

Reznichenko cho Korovkin biết là anh đã đi Moscow để trình bày trường hợp của anh với một viên chức của Xô-viết Tối cao trong lúc giấy báo ngày của tòa đã gởi đến. "Anh cho biết lý do chấp nhận được tại sao anh không có mặt và chúng tôi sẽ cho điều tra," Korovkin nói, giả vờ như không nghe những gì anh vừa nói. Reznichenko xin cấp cho giấy chứng nhận những gì anh vừa trình bày.

"Tôi không cấp cho anh giấy tờ gì cả", Korovkin nói.

Lúc ấy, thì Reznichenko hiểu rằng anh sẽ không có được một sự giúp đỡ nào tại Odessa nữa, và anh rời khỏi văn phòng của Korovkin, và đi xe lửa trở lại Moscow. Lần này, tại Xô-viết Tối cao, anh được Sovkov tiếp, người thay mặt cho Davydov.

"Ai đã tiếp anh ở ban giám đốc tư pháp Odessa?" Sovkov hỏi.

"Korovkin, ông giám đốc", Reznichenko đáp.

Sovkov gọi ngay Odessa và nói muốn gặp Korovkin bằng điện thoại, và hỏi ông này về trường hợp của Reznichenko. Ông ta nghe Korovkin nói, có vẻ mất kiên nhẫn vì hình như không có gì dứt khoát và rõ ràng. Cuối cùng, ông ta lớn tiếng: "Anh phải nghe người ta trình bày!", đặt mạnh điện thoại xuống và nói với Reznichenko phải trở về Odessa.

Reznichenko ngủ tại nhà ga Odessa và sau đó, được Korovkin tiếp một lần nữa. Tuy nhiên, lần này ông ta cho anh biết là vấn đề của anh đã được cứu xét lại và kết luận là anh bị đuổi việc một cách chánh đáng. Đối với Reznichenko, làm sao có kết luận này mà không nghe anh trình bày trước Tòa thì thật là một điều bí ẩn. Anh lại trở lại Moscow và, một lần nữa cũng được Sovkov tiếp.

Sovkov đọc các tài liệu của Reznichenko vừa gõ nhịp trên bàn.

"Anh thích đến Moscow làm phải không?" Sovkov hỏi.

"Có lẽ tôi phải tát vào mặt ông", Reznichenko nói.

Sovkov ngồi mình trên ghế và nhận một nút chuông. Hầu như ngay tức khắc, cánh cửa phòng mở, một cảnh sát bước vào.

Sovkov bèn gọi điện thoại Odessa và với vẻ như bị kích động, la lớn lên: "Tôi nói là phải nghe trình bày!", và day qua nói với Reznichenko: "Hãy trở lại Odessa đi!".

Nhưng lần này thì Reznichenko không trở lại Odessa. Trong lúc anh rời phòng tiếp, anh nhìn thấy hai người đang ngồi trên chiếc băng đối diện với văn phòng. Một người là Vera Travkina đã làm việc với một quầy báo ở Kiev; người kia là một thợ máy từ Tashkent.

"Anh ăn nói thật táo bạo", Vera nói, vì cô ta và anh thợ máy đều nghe hết tất cả qua cánh cửa, "chúng tôi rất sảng khoái. Anh không sợ nói với họ như vậy sao?"

"Nếu cô sợ lũ chó sói, thì đừng nên vào rừng", Reznichenko nói.

Travkina nói nhỏ lại: "Nghe này, họ đang thành lập một tổ chức tại đây đó". Rồi cô cho Reznichenko tên của Valentin Poplavsky với một địa chỉ ở Klimovsk. Reznichenko đi Klimovsk bằng xe điện và gặp Poplavsky, mô tả tổ chức bệnh vực quyền lợi cho công nhân. và hẹn anh gặp lại ngày hôm sau 9 giờ sáng, tại ga xe điện ngầm quảng trường Pushkin.

Hai người gặp nhau sáng hôm sau như đã hẹn và cùng đi đến ga xe điện ngầm Kuznetsky Most gần trụ sở của KGB tại quảng trường Dzerzhinsky. Reznichenko nhìn thấy một nhóm nhỏ người mà anh nhận ra ngay là những người đi tìm chân lý qua nét mặt cương nghị và y phục đồng quê của họ. Trong số những người này, Vladimir Klebanov, một thợ mỏ ở Makeyevka trong vùng Donbass, là người tự tin, có cử chỉ như một nhà kinh doanh, được để ý hơn hết.

Sau khi Reznichenko trình bày những gì đã xảy ra cho anh, Klebanov hỏi anh có muốn gia nhập nhóm người này không. Klebanov nói mục đích của nhóm này là hành động đòi hỏi cứu xét các khiếu nại của họ. Nếu những yêu cầu của họ không được thỏa mãn, họ sẽ thành lập một nghiệp đoàn độc lập và tổ chức họp báo với các nhà báo ngoại quốc. Và nếu không được nữa, họ sẽ đồng lòng cùng xin đi ra khỏi Liên bang Xô-viết, vì họ không có quyền của một công dân Xô-viết.

Reznichenko cảm thấy nể Klebanov ngay. Ý định tổ chức một nghiệp đoàn độc lập được anh cho là rất hay. Anh đồng ý tham gia. Klebanov vui vẻ đón nhận anh gia nhập và nói rằng việc đầu tiên là thảo một bức thư chung. Reznichenko bắt đầu làm việc cùng các thành viên của nhóm thảo thư từ, tài liệu, gồm cả những đơn khiếu nại gửi các báo *Pravda*, *Izvestiya*, *Ogonyek*, *Con người và Luật pháp*, tờ báo bình dân nhất, và gửi cho Ủy ban trung ương, công tố viên và Xô-viết Tối cao.

Nhóm bắt đầu hội họp mỗi buổi sáng đúng 9 giờ tại đường Gorky, trước bưu điện trung ương. Klebanov, Reznichenko và những người khác cũng bắt đầu mở các cuộc tiếp xúc đầu tiên với các thông tín viên ngoại quốc, gồm có tôi và Hal Piper của tờ *Mặt Trời Baltimore* (*Baltimore Sun*).

Nhiều phái viên đã đến viếng các trạm và phòng tiếp, nhanh chóng thu thập được thêm nhiều chữ ký. Sau nhiều tháng, và cũng có nhiều trường hợp sau nhiều năm thất vọng, chán chường, các thành viên của nhóm cuối cùng bắt đầu nhận thấy có vài tia hy vọng.

Nhà cầm quyền không trả lời các thỉnh nguyện thư chung của nhóm, sau cùng ngày họp báo được ấn định. Hal, David Shipley của tờ *New York Times* và tôi gặp Klebanov và Poplavsky tại trung tâm thành phố Moscow. Cùng với các thành viên khác của nhóm, chúng tôi đi xe điện ngầm đến ga Tekstilshchiki, ở ngoại ô Moscow, đến một nhà gần đó.

Nhiều thành viên khác của nhóm Klebanov đang chờ chúng tôi. Klebanov bắt đầu tường thuật kinh nghiệm của mình. Anh nói trong năm 1968, sau khi trở thành đốc công các ca làm việc ở mỏ Bazhanova tại Makeyevka, anh bắt đầu chống lại việc đưa thợ xuống mỏ khi các trang thiết bị an toàn lao động bị mất mát và hư hỏng; kết quả, anh đã bị các chỉ huy trù dập, ngược đãi.

Poplavsky nói anh là công nhân chỉ huy ban bảo trì của nhà máy đổ bê-tông tại Klimovsk, bị đuổi việc vì từ chối viết giấy khiếu trách đưa vào hồ sơ làm việc của một nữ công nhân đã phản đối việc sử dụng quỹ của xí nghiệp để mua rượu.

Anatoly Poznyakov cho biết anh là thợ làm chìa khóa tại Moscow với số lương 75 rúp một tháng. Khi anh yêu cầu được tăng lương, người ta nói số phận anh là "ăn trong máng heo". Và khi anh tiếp tục đòi hỏi, anh bị đuổi việc và giờ đây anh phải sống bằng phân nửa số tiền trợ cấp khuyết tật là 21 rúp một tháng.

Nadezhda Kurakin phát biểu, bà đã làm việc 25 năm tại một hiệu ăn ở Volvograd. Giám đốc nhà hàng cắt bớt lương của bà và nhiều cô hầu bàn khác vì muốn dùng tiền mua chén dĩa mới để sử dụng riêng thay cho chén dĩa bị cho là bể hay hư hỏng. Năm 1975, Kurakin phản đối một lần nữa, lần này công khai và bị sa thải vì lý do lần tránh công việc.

Cuộc họp báo tiếp tục kéo dài cho đến chiều tối. Reznichenko không phát biểu, nhưng trường hợp của anh đã được tường thuật trong các tài liệu của nhóm.

Khoảng một tuần lễ sau cuộc họp báo, Klebanov bị bắt trên đường phố và dẫn đến bót cảnh sát gần quảng trường Pushkin. Sau đó, anh bị giao cho các nhân viên KGB dẫn đến ga Kursk đưa lên xe lửa, đi đến Donetsk cùng với 2 nhân viên MVD. Tại tổng hành dinh KGB ở Donetsk, anh được cho biết, xung đột giữa anh và những người chỉ huy mỏ ở Makeyevka sẽ được giải quyết. Nhưng KGB chỉ yêu cầu anh không nên trở lại Moscow. Klebanov đồng ý và được trả tự do, mặc dù vẫn có hai người của KGB theo dõi anh. Một thời gian ngắn sau, Klebanov tìm cách trốn thoát khỏi sự theo dõi của KGB, đến một thành phố gần đó. Một thời gian ngắn sau, anh xoay tròn né tránh được họ và thoát đến một thành phố kế cận. Hai ngày sau, anh xuất hiện trên lề đường bên ngoài nhà bưu điện trung ương.

Tháng giêng, Klebanov lại tổ chức một cuộc họp báo khác và tuyên bố chính thức thành lập Nghiệp đoàn độc lập. Giờ đây, nhóm này đã thu thập được chữ ký của 70 người sẵn sàng gia nhập nghiệp đoàn mới, cũng như được sự ủng hộ mạnh mẽ tại các phòng tiếp, kể cả những người trước đây rất lo sợ.

Tin thành lập nghiệp đoàn mới được các đài phát thanh ngoại quốc loan ngược trở lại trong nước và hàng trăm thư được

gởi đến cho Klebanov, dưới bí hiệu là K-9 cho việc phân phát thư tín.

Đến đây, cơ quan KBG bắt đầu bắt bớ. Ngày 20 tháng giêng, Reznichenko đang ngồi tại nhà ga Kiev với một bữa ăn gồm mở và bánh mì để trên tờ báo *Pravda*, hai cảnh sát đi đến anh, kiểm soát giấy tờ và bắt anh, đưa về khu nhà giam đặc biệt Lyublinsky, nơi nhốt 20 người chung trong một xà lim. Sau 3 tuần lễ, anh bị dẫn độ trở lại nhà ga Kiev và đưa đi xe lửa với toa xe khách thường có người hộ tống trở lại Odessa.

Khi xe đến Odessa vào lúc 5 giờ sáng, Reznichenko được nhân viên KGB đưa trở lại nhà máy sản xuất trứng và được chấp nhận cho làm việc lại, nhưng không được cho ở tại nhà trọ chung. Anh ở đây trong 3 ngày, ngủ nhờ chung một giường cùng một người bạn. Qua ngày thứ tư, anh bán đồng hồ tay, lấy tiền trở lại Moscow.

Đến Moscow, Reznichenko trở lại ga Kursk và dùng xe điện đi Klimovsk, nơi đây anh hy vọng gặp được Poplavsky. Khi xuống xe, anh nhìn thấy Varvara Kucherenko, một thành viên của nhóm, đang đứng trên sân ga. Bà này cho anh biết đã được cho đi làm việc lại tại xí nghiệp chế biến thực phẩm ở Makhachkala và khuyên anh nên từ bỏ tổ chức nghiệp đoàn. Nhưng Reznichenko không nghe theo.

Anh gặp được Poplavsky và được cho biết Klebanov đã bị bắt hồi tháng hai. Không có Klebanov vì bị cầm tù, Reznichenko và Poplavsky bắt đầu trả lời thư từ được gửi đến K-9, thay cho Klebanov. Làm việc riêng rẽ nhau, họ tuyển mộ thêm người mới. Tại các nhà ga xe lửa, Reznichenko tìm trong đám đông, đàn ông, đàn bà, những người đã từng vung nắm tay và nhiều bà đã khóc. Trước đây, nghiệp đoàn khi được khởi xướng đã có 70 thành viên, nhưng trong vài tuần lễ sau khi Klebanov bị bắt, hầu hết đều bị đuổi về nhà và bị đe dọa bắt giam. Reznichenko và Poplavsky môt được thêm 70 người khác.

Ngày 13 tháng 3, KGB quyết định chấm dứt hoạt động của họ. Reznichenko và Poplavsky hẹn gặp nhau 10 giờ sáng tại ga xe điện ngầm Kuznetsky Most, nhưng Poplavsky không có mặt. Chờ

đợi gần một tiếng đồng hồ, Reznichenko đi đến nhà điện tín trung ương và bị nhân viên KGB bắt tại đây. Anh bị đưa đến phi trường Domodedovo, lên phi cơ có hộ tống bay trở về Odessa. Tại đây, KGB cho anh một phòng ngủ và sáng ngày, đưa anh trở lại nhà máy trú ẩn về phòng trọ tập thể của anh trước đây. Với nhân viên KGB đi kèm, khi đi vào phòng ngủ, Reznichenko nhìn thấy vải trải giường dính máu và sàn nhà thì nhợp nhúa. Đồ ăn thừa còn trên các bàn nhỏ và trong phòng thì đầy ruồi.

Nhân viên KGB phản đối với giám đốc nhà máy và yêu cầu cho dọn dẹp sạch sẽ. Reznichenko trải qua phần lớn một đêm tại đây, nhưng đến 2 giờ sáng anh gói ghém đồ đạc riêng, bỏ lại máy thu thanh cho lính gác, vượt thoát ra khỏi nhà bằng cửa sổ của tầng trệt.

Anh đi bộ suốt ba đêm liền, qua nhiều cánh đồng và tránh các đường lộ. Cuối cùng, anh đến một thị xã miền quê và lên xe điện không tiền trả đến Donetsk, đến Michurinsk và sau rốt đến Ryazan; ở đây anh sống tại công viên hay các đường lô gần hai tháng.

Ở Ryazan, Reznichenko chỉ ăn có bánh mì với muối, kiếm tiền bằng cách thu nhặt vỏ chai không. Anh viết một thỉnh nguyện thư cho Brezhnev dài tám trang và gửi cả cho Tổng Thống Jimmy Carter và Kurt Waldheim. Sau cùng anh trở lại Moscow, đến Klimovsk, tìm nhà của Poplavsky. Vợ anh này cho biết là chồng bà bị bắt vì tội đi lang thang và đã bị kêu án một năm tù.

Reznichenko trở lại Moscow và chọn nơi sống là sân vận động Lenin. Trong hai tháng trời, chỉ có một mình anh sống tại đây như một Robinson Crusoe. Trong tù, anh nhớ lại một cách vui sướng những tháng sống trong vận động trường này.

Khi mùa thu đến và thời tiết trở lạnh, Reznichenko trở lại nhà ga Kiev, nơi đây anh bị người cảnh sát cũ trước kia đã từng bắt anh, bắt lại ngày 8 tháng 10. Cảnh sát đang chuẩn bị đưa Reznichenko đến trụ sở cảnh sát địa phương, thì Feoktistov viên sĩ quan trực hỏi anh có mang gì theo mình không. Reznichenko liền đưa trình bức thư gửi cho Brezhnev, thư anh đã viết lúc còn ở

tại Ryazan. Trong thư, anh có nói đến "sự ô nhục của những người phát-xít đỏ" và "ô nhục của những tên sát nhân đỏ". Anh cũng xin từ bỏ quốc tịch Xô-viết và nói là xem Jimmy Carter như là tổng thống của mình.

Sau khi đọc xong thư, Feoktisto nói với Reznichenko là ông ta rất thích, và trao cho người chỉ huy; ông này cũng cho biết ý kiến y như vậy. Feoktisto nói sẽ mang thư này đến Bộ Nội vụ và cho biết chắc chắn, sẽ trao nó cho Mikhail Shchelokov, vị bộ trưởng này sẽ trình lên cho Brezhnev.

Reznichenko bị dẫn độ trở lại Odessa và đến trụ sở cảnh sát gần nhà máy trứng. Một cuộc điều tra được tiến hành về tội sống lang thang và vi phạm luật lệ về sổ thông hành.

Anh từ chối không cộng tác trong cuộc điều tra và giải thích: "Tôi không tin cậy những người phát-xít đỏ." Cuối cùng, anh bị kêu án ngày 21 tháng 12, 1978, hai năm tù vì tội sống lang thang và bị đưa đến một trại lao công tại *oblast* Voroshilovgrad để thi hành án.

# 5

## CÔNG NHÂN

*Các phong trào vận động lịch sử trước đây đều do thiểu số, hoặc vì quyền lợi của thiểu số. Phong trào nhân dân vô sản là tự giác, độc lập của đa số vĩ đại, và vì quyền lợi của đa số vĩ đại.*

- Karl Marx, Bản Tuyên Ngôn Cộng Sản

### VÙNG KUZBASS, 1989

TỪ NHIỀU THÁNG NAY, tại các mỏ than quá cổ xưa (có thể nói là từ thời kỳ Đại Hồng Thủy nhận chìm chiếc thuyền Noah theo Thánh Kinh) vùng Kuzbass, mọi người đều có cảm giác như có cái gì sắp xảy ra. Thợ mỏ trong vùng mịt mù khói và ô nhiễm này, từ lâu đã căm tức vì vấn đề thiếu thốn thực phẩm mà họ đã chịu đựng hàng năm. Đến đầu năm 1989, các cửa hiệu đều hết bột giặt, kem đánh răng và xà bông. Tại mỏ Shevyakova ở Mezhdurechensk, cách Novokuznetsk bốn mươi dặm, sự căm giận đặc biệt lên đến cao độ. Thợ mỏ đã gửi thư đến đài truyền hình cho chương trình "Người chủ trương Perestroika" hồi tháng 12, 1988 yêu cầu được tiếp tế thực phẩm tốt hơn, cung cấp dịch vụ chuyên chở và lương phụ trội giờ làm việc thêm buổi chiều và đêm, nhưng bức thư sau đó được chuyển cho tổ chức nghiệp đoàn chánh thức và thợ mỏ đã không bao giờ nhận được lời phúc đáp.

Mùa xuân đến, các giám đốc mỏ tuyên bố, cộng thêm với vấn đề thiếu xà bông tại các cửa hiệu buôn, giờ đây tại mỏ cũng không còn có xà bông nữa. Để thay thế cho xà bông, thợ mỏ sau các ca dài làm việc dưới hầm sâu, được phát cho một thứ nước

dùng để chùi rửa động cơ, làm họ bị rụng tóc. Vì các bộ phận mỏ nước hư hỏng, bốn người bắt buộc phải tắm rửa chung dưới một vòi phun nước.

Sau cùng, thợ mỏ Valery Kokorin bắt đầu cho luân lưu một thỉnh nguyện thư với một số yêu sách, gồm cả việc đòi tăng lương trong những điều kiện làm việc khó khăn, tiếp tế thêm thực phẩm và cải tiến công tác săn sóc sức khỏe. Ngày 8 tháng 7, thỉnh nguyện thư đã được năm trăm thợ mỏ ký tên, nhưng những người chỉ huy hình như không để ý đến. Khi Kokorin trình lên cho họ, anh không được trả lời.

Một buổi sáng ngày 11 tháng 7, kiên nhẫn của các thợ mỏ Shevyakova đã cạn kiệt. Trong lúc mặt trời lên cao trên các ngọn cây trên đồi rừng sau mỏ than, ba trăm người đến thay ca sáng mang theo đèn và bình điện, nhưng lại không chịu đi vào mỏ. Và khi các thợ của ca chiều và tối đến mỏ, họ thay quần áo làm việc, nhưng lại không chịu đi làm. Cuối ngày, hàng trăm thợ mỏ tụ tập tranh đấu trước cửa vào.

Trời bắt đầu tối, các thợ mỏ phái người đi đến các mỏ khác ở Mezhdurechensk yêu cầu yểm trợ. Họ đến nơi vào nữa đêm, giờ đổi ca, và tình hình lại xảy ra giống như ở mỏ Shevyakova. Thợ mỏ ở đây cũng không chịu vào mỏ. Sáng ngày hôm sau, tình hình đình công lan rộng đến các ca buổi sáng và những người đình công yêu cầu công nhân lái xe tải mang đi vừa mới ra lò và tham gia cuộc đình công.

Đến trưa ngày 12 tháng 7, mọi xí nghiệp lớn tại thành phố đều bãi công.

Mezhdurechensk bắt đầu trở nên như một thành phố bị bao vây. Thợ mỏ kéo đi từng hàng dài từ các mỏ quanh thung lũng, vào thành phố, đóng trại trước tòa nhà 4 tầng, bản doanh của đảng tại công trường trung tâm. Đến tối, đã có hơn ba mươi ngàn người tại công trường; nhà cầm quyền thành phố phải bỏ trụ sở Đảng cộng sản để đến tiếp xúc với các ủy ban đình công. Thợ mỏ tổ chức dân quân riêng, đóng cửa các tiệm rượu, cảnh sát đồng ý hợp tác với tổ chức dân quân của thợ đình công để giữ trật tự.

Nhà cầm quyền địa phương, vì sợ thành phố bị cướp bóc, phá phách, đã cấp cho những người định công micrô và dụng cụ phóng thanh. Những người định công đứng trên các bức tạm, bắt đầu lên tiếng tố cáo những điều kiện sinh hoạt của thành phố; các thợ mỏ mang theo cả vợ con tổ chức lửa trại để sưởi ấm vì họ dự định ở cả đêm tại đây.

Cuộc nổi loạn của thợ mỏ than Xô-viết thật là thình lình và đầy vẻ bi thảm. Nhưng mối lo sợ bị đàn áp hiện không xảy ra ngay tức thì. Đối với người công nhân Xô-viết, nỗi lo sợ là tính đặc thù của cả một thời đại.

DONETSK, 1980

Kevin Klose, làm việc cho tờ *Washington Post*, và tôi đã đến một làng xiêu vẹo đổ nát của thợ mỏ tại quận Panfilov, đi vào một chung cư lẻ loi nằm ở rìa một cánh đồng mọc đầy cỏ dại. Bên kia đường đối diện với tòa nhà là những nhà tranh sơn trắng và nhà lụp sụp lớp tôn rỉ sét, phía sau lờ mờ là những ngọn đồi than đá to lớn bị bao trùm trong sương mù.

Mưa bắt đầu rơi, các nhánh cây tro trụi lá của mùa đông, trên trời mây xám cuồn cuộn bay qua, tiếng gà gáy, cảnh vật im lìm làm tăng thêm vẻ tiêu điều của xóm nhà.

Tôi và Kevin vào tòa nhà và đi lên tầng lầu 4; nơi đây, chúng tôi được bà Lyubov Poludnyak, chị của Alexei Nikitin, một thợ mỏ than Donetsk, mời vào.

Poludnyak cho biết, Nikitin chưa về nhà. "Tôi sợ là họ đã bắt anh ấy", bà nói.

Bà đưa chúng tôi đến phòng Nikitin và chúng tôi chờ vài phút, nhưng dần dần chúng tôi cũng lo ngại, và chúng tôi quay xuống tầng dưới chờ tại cửa ra vào nhà.

Không khí có mùi của bụi than, một bức tranh phụ nữ mặc toàn màu đen đang đứng bên cạnh nhiều sô nước, và một chiếc

bơm tay, một bức tranh của thế kỷ 19 tả cảnh khai thác mỏ, không hiểu sao lại còn trưng ra ở thế kỷ 20.

Nhiều xe hơi đang chạy đến, và nhân viên KGB đến đứng dưới mái các nhà tôn bao quanh chúng tôi. Vài người láng giềng của Nikitin cũng đến với chúng tôi trước cửa tòa nhà.

Tôi hỏi chuyện một người trong số họ, một bà nhỏ người lưng gù, mặt nhăn nheo, đôi mắt ướt, biết Nikitin có mặt đâu đây trong vùng không. Bà đồng ý và đi chậm chạp dưới mưa qua trước mặt các nhân viên KGB, đến cuối con đường bà vào một góc nhà và nhìn quanh sau nhà. Sau 15 phút, bà trở lại cho biết không thấy Nikitin đâu cả. Tin xấu, vì tôi tin rằng hy vọng Nikitin thoát được và có thể đến với chúng tôi trước khi bị bắt.

Thình lình, có một bà trung niên bảo tôi nhìn lại về phía sau. Tôi quay lại và ngạc nhiên nhìn thấy từ khoảnh đất hoang gần đó, một người nhỏ thó mặc quần áo màu xanh và đội một nón to đến che gần hết mặt. Khi người này đến gần, tôi nhận thấy anh ta cười, tôi hiểu ngay với sự kinh ngạc, đây là nhân viên KGB trước đây đã đến cho chúng tôi biết là Nikitin đã bị bắt.

Nhưng khi đến gần hơn nữa, tôi mới nhận thấy một gương mặt tốt đẹp hơn.

"Ha, ha, ha," Nikitin nói vừa giở nón ra, "Ồ, chúng nó thật là ngu. Hãy nhìn xem. Tôi đã đánh lừa bọn KGB nhiều lần, do đó, tôi kết luận là phải loại bỏ 70% bọn này. Họ chỉ vào đây vì tiền mà thôi."

Chúng tôi bắt tay Nikitin và thân mật vỗ lưng anh. Một nhóm nhân viên KGB giờ đây đang đứng ở cuối đường, lắng lặng nhìn. "Ồ, nhiều người sẽ bị đuổi việc chỉ vì vụ này," Nikitin nói, "tôi đã đánh bại chúng, bọn ác ôn. Chúng quấy rối tôi, chúng tra tấn tôi. Bây giờ thì hãy để cho chúng biết tôi đã lừa chúng như thế nào. Chúng sẽ không sa thải người để từ chối không cho tôi việc làm, nhưng là để không ngăn chúng tôi biểu tình; chúng sẽ bị đuổi việc vì việc đó.

"Chúng là một lũ chó sói mang lớp người," anh nói tiếp vẻ hân diện vì chiến thắng, "chúng muốn tóm tôi tại ga xe lửa và đưa ngay tôi đến nhà thương điên. Chúng chờ ở nhà ga với xe

cam-nhông chữ thập đỏ, nhưng tôi đã đi vòng phía sau xe lửa, và đến với một người bạn cho tôi thay quần áo."

Với sự hóa trang này, Alexei Vasilievich Nikitin, từ Moscow trở về nhà an toàn ở Donetsk, và nối lại liên lạc với hai nhà báo ngoại quốc ngay tại nhà anh.

### SỰ ĐỐI ĐẦU CỦA NIKITIN với nhà cầm quyền cộng sản đã xảy ra từ lâu trong nhiều năm.

Anh bắt đầu làm thợ mỏ từ cuối thập niên 1950 tại mỏ Butovka-Donetsk. Vào đảng cộng sản, anh quyết tâm tranh đấu chống những "khuyết điểm" bảo vệ quyền lợi của chánh quyền Xô-viết, và từng được các giám đốc mỏ xem như một lãnh tụ cộng sản trong tương lai. Trong lúc làm việc tại khu thông gió, anh lo ngại vấn đề vi phạm an toàn lao động - nhất là quạt gió đặt quá sâu trong đường hầm - và anh bắt đầu kêu gọi cảnh giác về việc hầm có thể bị nổ.

Trong một thời gian, các giám đốc mỏ tha thứ cho Nikitin vì sự trung thành và hăng say làm việc của anh, nhưng đến tháng 6, 1969, một biến cố đã xảy ra làm thay đổi hẳn cuộc đời anh.

Thợ mỏ Butovka-Donetsk rất lo sợ và hoàn toàn bất lực. Trong nhiều tháng trời, Viktor Savitch, giám đốc mỏ, đã lấy số than sản xuất dư vào những ngày chủ nhật, đem sang kế hoạch sản xuất của tháng sau để khỏi trả thêm tiền thưởng cho thợ; việc này đã làm cho công nhân nổi giận.

Việc làm hoàn toàn độc đoán của Savitch bắt đầu tạo mầm nổi loạn. Biết được Nikitin có ý định nói lên việc này, vài thợ mỏ tiếp xúc với anh và anh đã đề nghị họ thành lập một phái đoàn do anh đứng đầu đến gặp Savitch.

"Thợ mỏ là những người có học," Nikitin nói. "Họ đọc được các sơ đồ và biết được số than do họ chuyên chở mỗi ngày. Họ biết cho đến một *kopeck*, họ được lãnh bao nhiêu tiền công cũng như vẫn biết có quyền hưởng 15% tiền thưởng."

Savitch nói, ông ta trả bao nhiêu là tùy ông và bảo phái đoàn thợ mỏ ra khỏi văn phòng ông. Thợ mỏ, dưới sự điều động

của Nikitin, sử dụng cách thức thường lệ là ký một bản thỉnh nguyện thư chung để gửi đến Ủy ban trung ương Đảng cộng sản.

Vài tháng sau, Vladimir Dyekhtyarev, đệ nhất bí thư *oblast* đích thân đến tại mỏ và ra lệnh cho khai trừ Nikitin ra khỏi đảng. Riêng các thợ mỏ đã ký tên thỉnh nguyện thư, thì bị bắt buộc phải tuyên bố rút chữ ký của mình ra.

Nikitin, một đảng viên trung kiên, kêu gọi được phục hồi, nhưng anh nhận thấy ngay là đảng bộ Donetsk, không những không đếm xỉa gì đến quyền lôi của công nhân, mà còn xem hoạt động của họ như là một mối đe dọa trực tiếp.

Tại một cuộc *mết-tinh* Đảng ủy của thành phố Donetsk, Kubishkin, đệ nhất bí thư phát biểu: "Các anh phải bảo vệ nhân dân. Các anh là những đảng viên có học. Các anh đã đọc lịch sử, và lịch sử được viết rằng những ai muốn cầm đầu đám đông quần chúng, cuối cùng sẽ bị rơi đầu"

Tám tháng sau khi bị trục xuất khỏi đảng, Nikitin bị sa thải, đánh dấu bắt đầu một thời kỳ dài đi tìm việc làm. Có tất cả là bốn mươi tám mỏ than tại Donetsk và mỗi mỏ đều cần thợ mỏ, nhưng không bao lâu, Nikitin nhận thấy là tên anh đã bị cho vào sổ đen tại tất cả các mỏ than.

Anh nghĩ chắc phải bắt đầu đi về một hướng nào bất định. Anh tự hỏi, nếu người cộng sản chỉ muốn xây dựng chủ nghĩa cộng sản nhưng tại sao thật sự lại tạo một thứ xã hội chỉ có những tội phạm? Và nếu mà chế độ pháp trị chỉ là bề mặt, phải chăng còn ngoài sau bề mặt này lại là một nước do một băng phát xít cai trị, những kẻ côn đồ như Pinochet?

Nikitin không muốn có những ý nghĩ này, nhưng anh lại cũng không thể bỏ qua nó. Dù sao, những người đã khủng bố, ngược đãi anh vì đã bênh vực cho công nhân, cũng còn tự xưng là cộng sản. Anh bắt đầu làm thợ nề bán thời gian. Anh cũng đi Moscow để tìm công lý tại các sảnh đường tiếp khách của các cơ chế chánh phủ.

Trong thời gian 2 năm, anh đã đến Moscow năm lượt và biết được nhiều người như anh, cũng đã trở lại các phòng tiếp này nhiều lần. Anh nhận thấy, trong thời gian anh đang đi tìm công lý

tại Moscow, không có một ai trong số họ mãi mãi rời bỏ nơi đây do đã được nhà cầm quyền thảm man khiếu nại của họ.

Ngược lại, họ vẫn đi lại giữa Ủy ban trung ương, Xô-viết Tối cao và Công tố viện và tại mỗi nơi, họ bị bắt buộc phải diễn đầy đủ càng lúc càng nhiều tài liệu cho đến khi quá mệt mỏi muốn phát điên và vô cùng bối rối, họ bị đưa trở lại chánh quyền địa phương, nơi mà họ đã chống đối quyết liệt.

Nikitin cố tìm cách quyết định phải làm gì. Anh có thể tiếp tục sanh sống bằng những việc làm lặt vặt và quên đi những bất công đối với anh, nhưng như vậy, có nghĩa là đầu hàng tổ chức *mafia* địa phương rồi; ý nghĩ này làm anh đau đớn về thể xác.

Anh quyết định tiếp tục tranh đấu thêm nữa.

**NGÀY 15 THÁNG 4, 1971**, Nikitin tản bộ quanh trung tâm thành phố Moscow, quan sát các ngả đi vào nhiều tòa đại sứ. Tòa đại sứ Tây Đức khó đến gần được, đại sứ quán Thổ nhỉ kỳ thì hình như dễ vào hơn, nhưng anh muốn tìm thêm nữa. Cuối cùng, anh đi qua tòa đại sứ Na Uy và nhận thấy lính gác Xô-viết đang nhìn lơ đãng về phía khác, anh chạy thẳng vào cửa.

Nikitin được một nhân viên ngoại giao trẻ phỏng vấn và cho anh số điện thoại của tòa đại sứ Hoa Kỳ. Anh trả ra, gọi điện thoại đại sứ quán này, nói chuyện với một nhân viên ngoại giao và được hứa sẽ gửi cho anh một thiệp mời qua bưu điện trên đường Gorky.

Khi gác điện thoại, Nikitin thình lình cảm thấy khoan khoái. Đầu tiên anh nghĩ rằng, nếu tòa đại sứ Hoa Kỳ sẵn sàng giúp đỡ anh, thì chắc Liên hiệp quốc cũng sẽ làm như thế. Anh tự cảm thấy như đã trở thành người tự do thực sự.

Dấu hiệu đầu tiên ngược lại là khi anh đến nhà bưu điện để nhận thiệp mời, một hàng dài người đang chờ và khi anh đến được quầy phát bưu tín xưng tên mình và hỏi có thư nào cho mình không, anh ngạc nhiên khi bà nhân viên bưu điện cho anh biết chỉ có một bưu kiện mang tên anh mà thôi.

Nikitin nói anh đang chờ một lá thư, chớ không phải bưu kiện. Bà này nói lạ thật, vì chỉ có một bưu kiện mang tên anh gởi đến từ Novocherkassk, nhưng không có thư. Một sự đe dọa anh vì nguồn gốc của nơi gởi. Novocherkassk là nơi đã xảy ra một cuộc tàn sát công nhân phản đối năm 1962.

Nikitin rời khỏi nhà bưu điện, và không bao lâu đã trở lại, bà nhân viên bưu điện một lần nữa vẫn nói, chỉ có một bưu kiện gởi cho anh mà thôi.

"Không", Nikitin nói, "người anh em sanh đôi của tôi đang sống tại Moscow, bưu kiện này chắc của anh ấy. Tôi chỉ đang chờ một lá thư từ tòa đại sứ Hoa kỳ."

Hai ngày sau, anh trở lại lần nữa và cũng hỏi lá thư. Lần này nhân viên bưu điện nói là không có bưu kiện và cũng chẳng có thư nào cả. Bối rối và hết sức lo sợ, Nikitin đi ra cửa, và trong lúc cánh cửa đôi bật lại sau lưng anh, thì hai người đi sau anh nắm lấy người anh và đẩy lên một xe hơi đang chờ sẵn. Anh bị đưa đến trụ sở cảnh sát gần đó và từ đấy, đến một nhà thương tâm thần; nơi đây, anh bị nhân viên KGB tra hỏi, trước khi cho anh được trở về Donetsk.

Trong những tháng sau đó, Nikitin làm những việc vặt như lao động canh tác tại các nông trại tập thể gần Donetsk, nhưng vẫn bị KGB theo dõi chặt chẽ; bên ngoài căn nhà anh, thường xuyên có nhân viên ngồi trên xe rình rập.

Vì bị theo dõi quá chặt chẽ, các bạn bè bắt đầu tránh né anh, và anh nghĩ rằng việc bắt bớ anh chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Tuy nhiên, trải qua nhiều tháng, không ai đá động đến anh cả. Mỗi nguy hiểm vẫn còn lờ mờ và không được xác định. Nó chỉ "cô đọng" lại. Và một buổi sáng ngày 22 tháng 12, 1971, một tiếng nổ dữ dội đã tàn phá mỏ than Butovka-Donetsk đúng vào lúc đổi ca làm việc.

Tiếng nổ đã hủy hoại mỏ. Bảy thợ mỏ bị thiệt mạng và hơn một trăm người khác bị thương, nhiều người rất nặng. Hậu quả vụ nổ là thợ mỏ nổi giận tụ tập trước cửa mỏ la hét: "Nikitin đã báo trước cho các người!". Liền sau đó, cả trăm xe tràn ngập địa điểm

với năm trăm nhân viên KGB và cảnh sát. Trước sự phô trương lực lượng này, thợ mỏ từ từ giải tán, giơ cao quả đấm tay, ngoài tiếng hò hét giận dữ vô hiệu.

Sau vụ nổ mỏ than, Nikitin biết rằng số mạng anh đã được định đoạt. Anh chắc chắn nhà cầm quyền địa phương sẽ không để anh trở thành đối tượng tập họp thợ mỏ đang quá bất mãn và giận dữ. Ba tuần sau, anh bị bắt nhốt vào khám ở Donetsk, nơi đây tố cáo anh tuyên truyền chống Xô-Viết. Anh bị giam 5 tháng không xét xử cho đến một đêm nọ, anh bị kêu thức dậy, được đưa lên một xe tải đi đến nhà ga xe lửa và lên toa xe tù.

Nikitin đã từng kinh nghiệm về những hoàn cảnh này trong nhiều năm qua từ lần đầu tiên anh đối đầu với Savitch tại mỏ than Butovka-Donetsk, nhưng giờ đây anh không thể đoán được những gì sẽ xảy đến với anh.

Xe lửa rời khỏi Donetsk và đến Dnepropetrovsk vào lúc giữa đêm, Nikitin cùng một số phạm nhân khác được một xe tải đưa đến một tòa nhà giống như một thành lũy có tường cao và kẽm gai bao quanh. Nikitin bị dẫn độ xuống tầng hầm; nơi đây, anh được cho tắm rửa.

Anh nhận thấy đang bị giam cầm trong một loại nhà tù, nhưng vẫn không hiểu, vì mặc dù bị tố cáo là tuyên truyền chống Xô-viết, nhưng không có một thứ xét xử nào cả và anh cũng không bị buộc cho tội nào.

Manh mối đầu tiên của tình trạng này được biết từ một nhân viên trật tự, khi anh ta bắt đầu lập một danh sách các vật dụng riêng của anh.

"Anh không cần thứ này, đồng chí thân mến," nhân viên này nói, "vì đồng chí sẽ ở đây suốt đời."

"Suốt đời?" Nikitin lập lại, "sao anh biết suốt đời?"

"Bạn nhỏ tôi ơi," nhân viên này cười và nói tiếp, "họ đã quyết định cho anh là một người điên và là tội nhân chánh trị. Vậy đừng lo gì về đồ đạc của anh cả, anh sẽ ở đây suốt đời."

Xong rồi, anh lại được dẫn đi tắm; tắm xong, anh được phát cho một đồng phục tù nhân màu đen và được dẫn lên tầng cao, đi qua một hành lang với hàng cửa đóng kín.

Nhân viên dẫn độ anh mở khóa một cửa, và khi cửa mở, Nikitin kinh hoàng vì ghê tởm và sợ sệt. Trước mặt anh là ba mươi tù nhân mặt mày vàng lờm và chân tay cong queo một cách ghê rợn. Vài người đang ngồi với lưỡi le ra, nhìn ngơ ngác, vài người khác không nhìn gì cả vì mặt mày họ bị kinh giật thay đổi khủng khiếp. Không khí bị bao phủ một mùi khó thở vì thân thể không được tắm rửa, trộn lẫn mùi chất hóa học phát ra từ hơi thở của họ vì được cho uống nhiều thứ thuốc công hiệu mạnh, Nikitin chỉ còn cách tự kèm hầm để khỏi nôn mửa.

Giờ đây, anh mới biết được là đã bị giam không phải trong nhà tù, mà là trong một bệnh viện, bệnh viện tâm thần.

#### BỆNH VIỆN TÂM THẦN ĐẶC BIỆT DNEPROPETROVSK trong ba năm trường sau đó là nhà ở của Nikitin.

Ngày được đưa đến đây, Nikitin được các bác sĩ khám bệnh, và sau hai tuần lễ, anh được chẩn đoán là mắc "bệnh tâm lý với hình thức nhẹ".

Anh được biết ngay mục đích của bệnh viện là cải đổi thái độ của "bệnh nhân" bằng nhiều thứ thuốc. Anh cũng thấy là với 10 phần ngàn một gram chất *haloperidol* có thể làm cho một người mất hết nghị lực đề kháng, và các bác sĩ cho họ uống 10 viên mỗi lần, nghĩa là 10 lần hơn liều lượng bình thường.

Anh cũng được biết về chất *sulfazine*, một loại bào chế *sulfur* tinh khiết làm tăng nhiệt độ thân thể trên 104 độ F và gây cho người bị đau đớn dần giật càng lúc càng gia tăng - như bị máy khoan xoáy vào người - cho đến khi không còn chịu đựng được nữa.

Tuy nhiên với sự ngạc nhiên của mình, Nikitin được điều trị một cách "nhẹ" hơn. Anh được cho loại thuốc gọi là *majeptil*, gây áp lực nội tâm, vặt mình và các cử động, nhưng không gây đau đớn đến độ không chịu đựng nổi.

Nhiều tuần lễ trôi qua, Nikitin nhận thấy trong lúc nhiều bệnh nhân rõ ràng đã bị loạn thần kinh, nhiều người khác bị giam giữ vì lý do chánh trị. Anh đã gặp Akexander Polezhayev, một

thủy quân Xô-viết, trong lúc phục vụ tại Ai-cập, đã tìm cách trốn sang Israel; Vasily Serry, một nhà giáo từ Odessa tìm cách cướp đoạt phi cơ hành khách và một sinh viên Ukraine bị cho là mất khả năng trí tuệ vì đã giương cờ Ukraine.

Trong ngày, các bệnh nhân được chích thuốc, và mặc dù có vài bệnh nhân không đủ điều kiện làm việc, được cho ở không, những người khác đều được giao cho những việc làm như may bao hay lau rửa nhà.

Chỉ có ban đêm, đời sống của bệnh viện mới có thể cho người ta có đầy đủ khả năng để trở thành “đệ tử của Dante”.<sup>1</sup> Vào lúc ấy, tất cả bệnh nhân đều bị nhốt vào phòng và những người bị chích thuốc nằm trên những chiếc giường hẹp, rên rỉ như sắp chết, bị những cơn gân giật co rút ghê gớm không kèm chế được. Qua ánh sáng ngọn đèn cháy suốt đêm trên trần nhà cao để phòng ngừa bệnh nhân tự tử, Nikitin kinh hoàng nhìn bóng của họ trên vách, đang bị những cơn dần giật cực độ thể xác vì thuốc, đang dùng chút sức tàn nguyên rửa các bác sĩ tâm thần và chánh quyền Xô-viết.

Sau hai năm bị giam cầm, Nikitin đã làm thợ mộc và thợ nề, nhưng vẫn bị bắt buộc dùng thuốc *majeptil*, anh cũng được cho làm nhân viên trật tự và sau thêm chín tháng, anh được chuyển về bệnh viện tâm thần Donetsk, trước khi được trả tự do ngày 26 tháng 3, 1976.

Anh trở về sống với người chị ở quận Panfilov. Bốn năm rưỡi trôi qua kể từ ngày anh bị bắt; trong thời gian này, Savitch, Kubishkin và Dyekhtyarev đều bị mất việc, theo tin tức được loan truyền tại nhiều nhà ở đây. Nhiều tuần lễ trôi qua, rõ ràng là những đổi thay này không ảnh hưởng gì đến Nikitin cả; không một mỏ than nào mướn anh và nhà cầm quyền địa phương cũng không giúp anh một việc làm nào cả.

<sup>1</sup> Đệ tử của Dante, ý muốn nhắc cuộc du hành tưởng tượng qua 9 vòng Địa ngục đã do nhà văn Ý Dante Alighieri mô tả trong bài thơ "Hải kịch siêu nhiên". Ở đây, muốn ám chỉ các hành động hay khả năng xấu xa, bỉ ổi, dối bại, xảy ra vào ban đêm trong các nhà thương diêm ở Liên xô, tương tự như những gì đã xảy ra ở Địa ngục.

Nikitin tiếp tục sống bằng những việc làm lặt vặt. Anh cũng đi Moscow để tìm sự giúp đỡ qua các phòng tiếp, lần này không phải vì lý do công lý mà là để tìm một việc làm thường xuyên và chính thức.

Anh không tìm được sự giúp đỡ nào cả, nhưng lời kêu ca của anh ở Moscow làm nhà cầm quyền địa phương nổi giận và trừng phạt bằng cách cho hai cảnh sát canh gác trong hành lang của chung cư bà chị anh đang ở.

"Chúng tôi sẽ nhớt anh," một tên cảnh sát nói, "không phải ngay bây giờ, nhưng chúng tôi sẽ có cách."

Cuối cùng, Nikitin quyết định phải có một hành động dứt khoát. Ngày 20 tháng 2, 1977, anh rời khỏi nhà bà chị vào lúc 5 giờ sáng để tránh cảnh sát, lên xe buýt gần thị xã Makeyevka; ở đây anh lên xe lửa đi Moscow. Hai ngày sau khi anh đến Moscow, anh vào sứ quán Na-uy và được một người có tóc xám, mặt xương, mũi nhọn tiếp kiến.

Nikitin trình bày muốn xin ty nạn chánh trị.

"Chúng tôi không thể cho anh ty nạn chánh trị," nhân viên ngoại giao này nói, "chúng tôi chỉ có thể làm được trên lãnh thổ Na-uy."

Nikitin cố giấu sự sợ hãi. "Nhưng các hiệp ước Helsinki nói gì nếu không phải là bắt buộc ông phải cho một người đang trong tình trạng lâm nguy được ty nạn?"

"Tôi rất tiếc," nhân viên này nói, "anh chỉ có thể được ty nạn chánh trị tại Na-uy."

Nikitin đứng dậy và được nhân viên ngoại giao này đưa ra cửa. Ngoài trời nhiệt độ xuống dưới số không, Nikitin liền bị một nhân viên KGB mặc quân phục đón bắt. Từ ngoài đường, khi nhìn lên tòa nhà sứ quán, Nikitin thấy có người đang nhìn anh qua cửa sổ.

Anh bị đưa đến trụ sở cảnh sát gần đó, và bị dẫn độ trở về Bệnh viện tâm thần đặc biệt Dnepropetrovsk; ở đây anh bị bắt buộc phải uống ngay ba loại thuốc: *triflazin*, *tisercin* và *chlorprothixene*, làm cho anh khó đi đứng được.

Nikitin lo sợ bị đưa trở lại nhà thương này, nhưng rất ngạc nhiên khi nhận thấy lần bị bắt này không khác gì lần trước đây.

Các viên chức nhà thương nhớ lại khả năng khéo tay và thợ mộc của anh, cho anh làm các việc liên quan đến những dự án xây cất và việc "trị bệnh" cho anh cũng tạm ngưng,

Ngay sau đó, anh được đối xử gần như một nhân viên tự do. Tuy nhiên, có lần anh được nhắc lại quy chế pháp lý và tình trạng của anh. Một ngày kia, trong lúc đang làm vài việc sửa chữa, anh ngừng nói chuyện cùng Serry, một phạm nhân cướp phi cơ. Các tù nhân chánh trị bị triệt để cấm nói chuyện với nhau, và khi nhân viên trật tự nhận thấy Nikitin và Serry tại hành lang, họ bắt hai người vào hai phòng riêng biệt, chích cho mỗi người thuốc *haloperidol* và *aminazine*. Nikitin nhận hai mũi kim, ba lần trong ngày, cho đến khi móng của anh không còn chỗ để đặt mũi kim nữa.

Sau khi những loạt chích thuốc này chấm dứt, Nikitin trở lại làm việc. Vào khoảng tháng 10, 1979, anh bị chuyển đến Bệnh viện tâm thần số 2 tại Donetsk và 7 tháng sau thì được trả tự do vào ngày 5 tháng 5, 1980.

Được tự do, anh lại trở về nhà chị, nhưng cũng vẫn không tìm được việc làm.

Trong lúc ở nhà thương Dnepropetrovsk, Nikitin đã có nghe các tội nhân khác nói đến một tổ chức gọi là Ủy ban về lạm dụng bệnh tâm thần cho mục đích chánh trị, tổ chức do những người ly khai thành lập tại Moscow. Anh đến Moscow ngay sau khi được tự do và đã gặp Felix Serebrov, một thành viên của tổ chức, mà anh được biết địa chỉ qua một đài phát thanh ngoại quốc.

Nikitin thuật cho Serebrov nghe câu chuyện của anh, và lần đầu tiên của cuộc tranh đấu lâu dài, anh mới nhận được một người tại Moscow sẵn sàng nghe anh nói với niềm thông cảm, và Serebrov quyết định gọi tôi.

Felix Serebrov sống tại một khu người vô sản mới tại Moscow không xa Làng thế vận, và tôi đến đây, một đêm ấm áp giữa mùa hè. Mười lăm phút sau tiếng chuông, Felix, một con

người thấp nhưng vẻ mạnh mẽ, mở cửa. Anh mặc áo có ô vuông, có gấu phù hiệu mang nhẫn "kỹ sư". Với gương mặt đầy đặn và cặp mắt xanh dưới bộ chân mày thưa thớt và cằm đôn, anh có vẻ rất giống một Nikita Khrushchev lúc còn trẻ.

Nikitin vừa được Anatoly Koryagin, một chuyên viên ở Kharkov về bệnh tâm thần và là cố vấn của tổ chức, khám sức khỏe và được cho là tốt. Và thế theo yêu cầu của tôi, Nikitin bắt đầu thuật câu chuyện của anh. Ba tháng sau chúng tôi biết rõ nhau và anh mời tôi cùng anh đi đến Donetsk để biết được điều kiện sinh hoạt thật sự của công nhân Xô-viết. Tôi đã gọi Kevin Klose và đồng ý đi Donetsk.

**MUƯ MẸO CỦA NIKITIN** đã đánh lừa được KGB, ít nhất cũng tạm thời, và chúng tôi dắt nhau đi đến nhà anh. Nikitin thay quần áo và với tâm trạng kẻ chiến thắng, chúng tôi đặt kế hoạch cho những ngày sắp tới.

Nikitin nói, để dễ dàng hơn trong việc nói chuyện với các thợ mỏ than trong thời gian thay ca làm việc, chúng tôi quyết định dời giờ viếng thăm mỏ Butovka-Donetsk lần đầu tiên cho đến sáng ngày hôm sau.

Mưa đã tạnh, nhưng trời nhiều mây thấp u ám và quận của những thợ mỏ này có vẻ hoang vắng, tiêu điều, một khu nhà cửa ọp ẹp, vẻ đổ nát, trước đường đê xe lửa dưới một bầu trời trăng đã và không một nét đặc biệt nào.

Ưu tiên thứ nhất của chúng tôi là nói chuyện với thợ mỏ, và mặc dù có sự tiếp tay của Nikitin, chúng tôi cũng không thấy rõ, làm cách nào để thực hiện việc này. Các nhà báo ngoại quốc đối với Donetsk là một điều hiếm có, và tất cả các thợ mỏ rất có lý khi sợ phải trả một cái giá nào đó vì đã tiếp xúc với họ, thí dụ như có thể bị đuổi việc. Trong lúc đó, cả nước đang bồn chồn lo lắng về tin khủng hoảng lao động tại Balan và báo chí Xô-viết luôn luôn tố cáo công nhân Balan là các phần tử "chống xã hội chủ nghĩa".

Chúng tôi quyết định đến viếng những người Nikitin quen biết. Chúng tôi rời khỏi làng thợ mỏ và đi ra xa lộ; nơi đây, chúng tôi dùng xe tắc-xi để đi qua thành phố, luôn luôn bị một xe hơi có bốn nhân viên KGB theo dõi.

Chúng tôi đến nhà một người bạn đã làm việc cùng Nikitin cuối thập niên 1960. Anh này nói bận việc và chúng tôi đến một bà quen với Nikitin trong lúc cả hai đang đi tìm chân lý ở Moscow, nhưng bà này cho biết không muốn nói chuyện.

Cuối cùng, Nikitin đưa chúng tôi đi gặp một láng giềng cũ của anh đã sống tại Yuzovka, một quận có tên John Hughes, một nhà tư bản người Anh trước đây đã từng tài trợ việc khai thác mỏ than Donetsk.

Chúng tôi đến Yuzovka vào khoảng 8 giờ tối, và dưới ánh sáng trăng, mọi người dễ dàng tưởng nơi đây là một vùng ngoại ô bên nước Anh. Yuzovka được xây dựng như một kiểu mẫu nhân dân công xã cho thợ mỏ Nga, gồm có những nhà hai tầng, sơn thạch cao trắng với mái lợp ngói đỏ chia thành nhiều lô rộng rãi dằng sau hàng rào cây rất ngăn nắp, gọn ghẽ. Các con đường được lót đá, có trồng cây tàng lờn dọc theo và ngoài sân có những "bếp mùa hè" nhỏ, nơi được các gia đình tổ chức ăn uống ngoài trời, nếu thời tiết dễ chịu.

Nikitin dẫn chúng tôi đến sân sau của một trong số các nhà này. Các chuông cửa cùng với các thùng thư tín và hàng dây phơi quần áo trên các cửa sổ, cho thấy rõ mỗi nhà phải có đến từ sáu tới tám gia đình người Xô-viết.

Chúng tôi đi vào sân và đến gõ cửa một nhà bếp mùa hè nhỏ và được Nicolai, một thợ mộc của mỏ Butovka-Donetsk, và Zina, vợ anh, cũng là một công nhân lụa than, mời vào.

Trong vài giờ sau đó, chúng tôi hình dung được những gì được gọi là lao động tại một mỏ than như mỏ than Butovka-Donetsk.

Zina cho biết là sau khi than được đào và được đưa lên mặt đất có trộn lẫn đá bằng một dây chuyền, một số khoảng mười nữ lao công lụa bỏ đá ra bằng tay từ các dây chuyền và đổ vào một lổ trũng dẫn đến thùng xe ba bánh. Các đốc công không ngừng

theo dõi quy trình làm việc và các nữ công nhân phải nghiêng người vào dây chuyền để chọn lấy đá ra một cách nhanh chóng.

Các công nhân lựa than này hít nhiều bụi than, nhưng không được lãnh tiền phụ trội vì nguy cơ mang bệnh *silicosis*.<sup>1</sup> Các công nhân này cũng không có được thời giờ nhất định khi được nghỉ giải lao. Cứ chỉ của họ lệ thuộc vào sự di chuyển của dây chuyền, và nếu có người kêu đau ốm thì được đưa ngay đến bệnh xá và được lấy nhiệt độ. Có nhiều trường hợp, các công nhân này bị bắt buộc phải tiếp tục làm việc trong khi đang bị lên cơn sốt đến 100 độ. Đau yếu và kiệt sức, họ có thể dễ bị cuốn vào *curoa* của dây chuyền.

Nicolai đã nói từ lâu, các thợ mỏ quen với làm việc sáu ngày mỗi tuần cũng như làm cả ngày chủ nhật, mặc dù theo luật, họ chỉ phải làm việc hai ngày chủ nhật trong một tháng và, nếu được kêu gọi, họ có quyền từ chối. Tháng 11 năm 1980, các thợ mỏ Butovka-Donetsk phải làm việc 5 ngày chủ nhật mà không một công nhân nào dám nhắc đến quyền từ chối của mình vì sợ bị sa thải.

Thời gian nghỉ bù cho ngày chủ nhật làm việc được cấp chỉ huy lựa chọn, và giờ làm việc có thể được thay đổi khi cần để thỏa mãn nhu cầu sản xuất. Chỉ trong một tháng, một thợ mỏ có thể phải làm ca đêm (10giờ tối đến 6giờ sáng), ca sáng (6giờ sáng đến 2giờ chiều), và ca thứ hai (2giờ chiều đến 10giờ tối) không được nghỉ bù vì lý do xáo trộn kế hoạch sản xuất và chỉ được trả thêm cho 22 *kopecks* một ngày cho ca đêm làm việc.

Thật ra, các thợ mỏ đều sống trong một tình trạng vĩnh viễn bị trưng dụng. Nikitin nói, các chỉ huy mỏ than ở Donetsk có thể kiểm soát công nhân vì họ gây rẽ giai cấp thợ thuyền.

Tại Butovka-Donetsk, tất cả các đội đào than đều có thiết bị giống nhau, nhưng vì lý do gia tăng hiệu năng, một đội cũng cần gòn tải, thiết bị thông hơi, vật liệu cung cố mỏ như trục lò, nước và nhiều phụ tùng thay thế. Chỉ có những công nhân gọi là "lao động xung kích", mới được tiếp tế các vật liệu cần thiết;

<sup>1</sup> *Silicosis*: một bệnh phổi do hít nhiều bụi có chất *silica* tại mỏ than.

những công nhân này có thể được tín nhiệm trong các cuộc họp mêt-tinh của nhà máy và chống đỡ, bảo vệ cho tập đoàn quản trị nhà máy. Kết quả là lao động xung kích này đều đặn sản xuất được nhiều hơn. Và khi mà tiền công được tính toán trên căn bản mức sản xuất, họ được lãnh tiền gấp đôi công nhân các đội thường cùng một việc làm như nhau.

Tôi hỏi Nicolai và Zina, tại sao không có nhiều thợ mỏ bảo vệ cho quyền lợi công nhân.

"Công nhân sợ thách thức cấp chỉ huy," Zina trả lời, "Ở nước này, họ không thích sự thật".

Zina nói thêm, phần lớn công nhân mỏ phải chờ đợi từ 15 đến 20 năm mới có được một căn nhà riêng, do đó, họ phải cố tránh các cuộc xung đột với hy vọng giữ được việc làm và đảm bảo vị trí của họ trong hàng người chờ đợi.

Ngoài việc nắm giữ quyền kiểm soát cấp nhà, các chỉ huy mỏ còn quyết định lịch trình nghỉ phép của công nhân, tạo cho họ quyền hành hết sức to lớn đối với những người phải làm việc cả năm dưới đất sâu.

**ĐÊM ĐÃ KHUYA**, chúng tôi đứng dậy định ra về. Nhưng trước khi cùng Nikitin trở về nhà, chúng tôi đã đi với Zina và Nicolai đến nhà của họ tại chung cư.

Nhà này nằm ở một góc chung cư, là một phòng nhỏ, đèn lờ mờ, đầy bàn ghế đồ đạc có một cửa ngăn cách phòng ngủ bằng một tấm màn che. Cả gia đình cùng chia nhau một phòng tắm ở cuối hành lang với ba gia đình khác.

Nikitin cho biết là phần lớn các gia đình thợ mỏ ở Donetsk đều sống trong những điều kiện như thế này, cho đến có thể hơn 15 năm, trước khi nhận được một căn nhà riêng. Nhưng nếu họ không có quan hệ tốt hoặc làm phật lòng cấp chỉ huy mỏ, thì họ có thể phải sống như thế cho đến mãn đời.

Lúc chúng tôi rời khỏi nhà Zina và Nicolai, đèn đường sáng lên và cả thành phố bị bao trùm dưới một màn sương mỏng. Chúng tôi đi trên con đường chánh, gọi một tắc-xi và trở về nhà

của Nikitin; trong lúc đó, một xe màu trắng có bốn người ngồi vẫn chạy theo sát.

Trước cửa ra vào cao ốc nơi Nikitin ở, tôi nhận thấy vài người khác đang đứng trên lề đường hay ngồi trên xe đang đậu.

Poludnyak, bà chị của Nikitin cho chúng tôi ăn tối. Một ít lâu sau 11 giờ tối, tôi đến bên cửa sổ, kéo màn lên. Ngoài đường có hai xe đang đậu đối diện với tòa nhà. Trong hoàn cảnh này, tôi nhận thấy sự hiện diện của chúng tôi có thể bảo vệ phần nào cho Nikitin và do đó, chúng tôi quyết định không trở về phòng ngủ của chúng tôi. Poludnyak chỉ chở ngủ cho Kevin và Nikitin nhường giường cho tôi; anh có một giường trong phòng nhỏ của bà chị.

## Ngày Thứ 2

Chúng tôi thức dậy, đồng hồ báo thức chỉ 4 giờ 30 sáng. Chúng tôi mặc quần áo và ăn sáng, rồi khỏi nhà và cùng Nikitin đi bộ qua các con đường vắng im lặng để đến mỏ Butovka-Donetsk.

Thời tiết đã trở nên ấm hơn và có mưa nhẹ. Khói từ các ống thoát nhỏ trên các nóc nhà trệt bay lên. Chúng tôi đến trạm xe buýt; nơi đây đã có nhiều nhóm nhỏ người đang đợi, khói xanh của thuốc điếu họ đang hút nhận được thấy rõ trong không khí buổi sáng. Xe buýt đến và hai mươi phút sau, chúng tôi đến mỏ Butovka-Donetsk.

Mỏ là những đống than to lớn và nhà gạch đỏ. Chúng tôi cùng Nikitin đến cửa vào của nhà tắm; nơi đây đèn đường đã tạo ra những vòng sáng mờ khói. Từ từ, các thợ mỏ đi ra với quần áo sạch sẽ để ra về bằng xe buýt.

Nhiều người nhận biết Nikitin bắt tay anh và hỏi anh đã ở đâu. Nhưng khi anh muốn nói chuyện thân mật với họ, thì anh không được toại nguyện.

Các thợ mỏ có vẻ hò nghi. Nikitin giới thiệu chúng tôi là "hai đại diện của các tờ báo có nhiều ảnh hưởng trên thế giới" và

anh đang giúp chúng tôi viết bài về điều kiện làm việc của thợ mỏ Donetsk.

Cách giới thiệu này không giúp gì chúng tôi được nhiều. Có thể là các thợ mỏ sợ Nikitin đang bị theo dõi, cũng có thể có người biết được Nikitin đã bị đưa vào bệnh viện tâm thần và không muốn có số phận như anh.

Khi nhà tắm hết người ra, chúng tôi băng qua đường, cố tìm cách tiếp xúc với thợ mỏ đang chờ xe buýt. Khi Nikitin cho họ biết chúng tôi là ai, họ im lặng hoặc nói lảng sang chuyện khác như chuyện xe buýt đến trễ chẳng hạn.

Từ từ, các thợ mỏ đều rời khỏi trạm xe buýt. Các máy hầm mỏ bắt đầu hoạt động, làm rung chuyển nhẹ mặt đất. Hy vọng được nói chuyện cùng thợ mỏ Butovka-Donetsk sáng hôm nay đã tiêu tan.

Chúng tôi rời khỏi mỏ và đi đến Donetsk, khu buôn bán có các cửa hiệu, tiệm cà-phê và đến trạm xe buýt bên ngoài các mỏ than trong buổi chiều có đổi ca làm việc, nhưng cũng không tiếp xúc được nhiều với dân chúng. Tôi nhớ đến câu nói của một bà ở Moscow là trong 40 năm ở Donetsk, bà không bao giờ được nghe "một ý nghĩ tự do, một lời nói tự do". Rồi tôi bắt đầu tự hỏi không biết các cố gắng tìm cách nói chuyện cùng thợ mỏ có đáng công hay không?

Sau cùng, Nikitin có một sáng kiến. Anh cho biết có một số công nhân về hưu đã làm việc tại Butovka-Donetsk đang sống tập thể, được gọi là Tập đoàn mới, không giống như tập đoàn thợ đang làm việc; những thợ về hưu này có thể muốn nói chuyện với chúng tôi, vì họ ít có gì để mất.

Sau 40 phút đi xe tắc-xi, chúng tôi đến một nhóm nhà ngoài rìa một cánh đồng lộng gió. Nikitin gặp được một bà trên một con đường đất hai bên mọc đầy cỏ dại dẫn đến nhà đầu tiên, và hỏi bà có thể cho chúng tôi được viếng thăm nhà không. Chúng tôi hơi ngạc nhiên khi được bà mời vào.

Bà tên Matriona Dmitrieva, đưa chúng tôi vào một phòng có treo đầy quần áo ướt trên trần và ghế, tủ chật chội và đầy bụi

bậtm. Nhiều bà khác mở cửa châm chú nhìn chúng tôi và được Dmitrieva mời vào để gặp những người 'khách' của bà.

Tôi xin bà cho biết về đời sống của bà. Hình như bà tỏ ra rất hân hoan với yêu cầu này.

Bà cho biết đã làm nhân viên phục vụ phòng tắm tại mỏ Butovka và bà, chồng bà, Tikhon, một người tàn phế, và người con Vitaly đã sống tại đây với một góc của nhà bếp công cộng từ năm 1945. Con bà ngủ trên sàn, bà có một cái giường dựa vách tường. Chồng bà, nay đã 80 tuổi, mất một chân năm 1938 khi ông ta té nằm dưới bánh xe gòn trên một đống quặng xi<sup>1</sup> thì phải ngủ trong nhà bếp.

Dmitrieva còn cho biết là không có nước máy trong nhà, phải lấy nước từ ngoài giếng và mang đến phòng vệ sinh bên ngoài, cách xa nhau khoảng 400 thước. Tikhon, chồng bà, vì không đi khỏi giường được, nên phải dùng một cái xô để đi tiểu.

Bà còn mô tả việc thợ máy, cho chạy dây chuyền ở mỏ Butovka, trường hợp tai nạn của ông chồng và hoàn cảnh của con bà, rất ít hy vọng rời khỏi cái phòng này mãi mãi mà ông đã sống suốt 41 năm của cuộc đời.

Tôi hỏi bà có cố tìm cách cải thiện các điều kiện sống hay không. Dmitrieva nói bà đã gửi thư cho Anatoly Dyuba, người thay thế Savitch làm giám đốc mỏ Butovka, xin được cấp một căn nhà riêng, kể hoàn cảnh và tuổi cao của ông chồng. Dyuba trả lời cho bà biết, thỉnh cầu của bà đã được chuyển cho người phụ tá của ông ta, chuyên lo về nhà cửa. Nhưng kể từ đó đến nay, bà không nghe được gì thêm nữa liên quan đến vấn đề.

Vào lúc Dmitrieva chấm dứt câu chuyện, căn phòng đã gần đầy người và những người láng giềng của bà đã thuật thêm những than phiền về điều kiện sống của họ. Họ nói các công nhân về hưu luôn luôn bị đẩy ra sau chót của hàng người xin nhà, trong lúc các viên chức của mỏ lại cấp nhà cho bà con họ hàng và bạn bè họ một cách bất hợp pháp.

<sup>1</sup> Quặng xi: các chất thải sau khi kim loại được khai thác từ các quặng mỏ và được nấu chảy.

Tôi yêu cầu những người được hưởng lương hưu này kể về kinh nghiệm sống của họ, và từng người một, họ bắt đầu tường thuật số phận của mình.

Lydia Belozorova, 78 tuổi, cho biết bà đã làm việc 18 năm, đẩy các xe chở than bằng chính lưng của mình trên con đường dốc cho đến ngày quá kiệt quệ, bà về hưu với một trợ cấp nhỏ, sống trong một nhà bếp công cộng. Năm 1979, bà đến gặp một viên chức mỏ để xin được cấp cho căn nhà một phòng và trình giấy chứng nhận bà đã làm việc cực nhọc trong nhiều năm. Viên chức này nói: "Bà phải theo thứ tự. Tôi chỉ có thể giúp bà đến đó".

Olga Famina, 80 tuổi, cho biết đã làm việc lụa than và về hưu với số lương 24 rúp mỗi tháng; không có đủ sữa uống và quá tuyệt vọng, bà đến hội đồng quận để xin giúp đỡ.

"Bà đã có giường ngủ chớ?", một viên chức hỏi.

"Đã có."

"Một lò nấu?"

"Đã có."

"Như vậy là đủ rồi. Thôi, bà về đi."

Fatima phát khóc. "Tôi không còn bao giờ muốn trở lại đây nữa," bà nói.

Những người khác của tập đoàn mới này mô tả những phòng nhỏ như nhà vệ sinh và nhà bếp mà họ đang sống. Cuối cùng, chúng tôi ra về và được bà Belozorova đưa ra tận bên ngoài. Trời màu xám khiến càng thêm tối, nhiệt độ xuống nhanh chóng, lại bắt đầu mưa.

Chúng tôi đã đi tắc-xi trong nhiều giờ sau đó qua Donetsk, cố tìm vài người được Nikitin nhớ đến, nhưng đã không thành công. Trong những năm bị ngược đãi, hành hạ, hình như Nikitin mất liên lạc với nhiều người mà anh đã quen biết trước đây.

Sau cùng, chúng tôi quyết định trở về nhà Nikitin. Lúc này chúng tôi đã đến quận Panfilov; không còn gió mạnh nữa, khói từ các ống khói bay lên từ từ trong không khí giá lạnh. Chúng tôi đi lên thang lầu nhà Nikitin; nơi đây, Poludnyak đang

bận rộn trong bếp để chuẩn bị bữa ăn. Đã qua một ngày dài. Chúng tôi đã qua lại thành phố gần mươi bảy giờ và đã được trao đổi nhiều nhất với một nhóm công nhân già hời hưu. Những công nhân đang làm việc của thành phố đã giấu kín cảm tưởng của họ bằng sự im lặng.

11 giờ 30 tối, Poludnyak cho chúng tôi ăn và Nikitin cho tôi tài liệu viết tay của anh, gồm cả những thư kêu gọi đến Liên đoàn lao động thế giới và Hội đồng nghiệp đoàn Anh quốc, trong đó, anh yêu cầu giúp đỡ để tổ chức một nghiệp đoàn Xô-viết độc lập. Đọc những thư này, tôi ngạc nhiên khâm phục không những sự can đảm mà còn tính cách phi thường của ý chí tranh đấu của anh. Poludnyak cho chúng tôi uống trà và *vareniye* tươi, làm cho chúng tôi có tâm trạng buồn bã.

Và lần đầu tiên trong ngày, tôi bắt đầu nghĩ đến hậu quả của cuộc viếng thăm này đối với Nikitin. Tôi đi tới cửa sổ và kéo màn lên. Nửa vòng trăng khuyết tỏa một ánh sáng lờ mờ trên đường rầy xe lửa và các nhà trệt, và tôi nhận thấy vài người mặc áo choàng đen đội mũ lông xuất hiện từ trong bóng đêm.

Khi tôi quay lại, Nikitin hỏi chúng tôi định ngày nào rời khỏi Donetsk. Tôi nói có thể là ngày thứ hai.

"Tôi đoán, họ sẽ bắt tôi ngay sau khi các anh ra đi", Nikitin bình tĩnh nói.

Trong lúc mọi người im lặng, tôi viết vài ghi chú và chúng tôi uống trà có bỏ vài trái *vareniye*<sup>1</sup> làm nước trà trở thành màu đỏ.

Mỗi nguy cơ của tình trạng Nikitin bắt đầu bị quên đi trong lúc tôi đang nghĩ cách mang anh trở lại Moscow cùng với chúng tôi. KGB sẽ báo trước cho Aeroflot không bán vé phi cơ cho anh đi Moscow, nhưng anh có thể đi xe lửa. Nghĩ xong, tôi nói với Nikitin là anh có thể trà trộn trong đám đông dân chúng ở Moscow trong vài ngày rồi trở lại liên lạc với tôi qua Serebrow. Khi ấy, chúng ta sẽ quyết định phải làm gì.

<sup>1</sup> *Vareniye*: mứt làm bằng trái cây (nho chẳng hạn) ướp đường phơi khô.

"Anh có thể cho tôi cùng đi xe với anh không?" Nikitin hỏi.

"Xe tôi hả?" tôi lặp lại, không biết anh ấy muốn nói gì.

"Đi vào tòa đại sứ," anh nói, "tôi sẽ nằm dưới băng sau xe. Anh chỉ chạy xe qua khỏi lính gác và tôi ra khỏi xe để xin tỵ nạn chính trị."

"Trong Tòa đại sứ Hoa kỳ?"

"Đúng vậy. Cũng giống như những người *Pentecostalists*<sup>1</sup> đang ở trong đó hiện nay."

"Nhưng rồi anh làm gì ở đấy?"

"Tôi có thể làm đủ mọi việc. Tôi là thợ điện, thợ mộc, tôi có thể sửa chữa bất cứ thứ gì. Tôi là thợ nề. Không có thứ gì họ muốn làm mà tôi không thể làm được."

"Nhưng như vậy, anh ở trong sứ quán Hoa kỳ đến mãn cuộc đời sao?" tôi nói.

"Còn hơn là bị hành hạ cho đến chết trong một bệnh viện tâm thần," anh nói.

Không khí càng thêm ẩm đạm. Hơi nước đọng lại bên trong các cửa sổ kính đã đóng đặc, một dấu hiệu đông giá nặng. Kevin tắt máy ghi âm mang tay dùng để thâu băng câu chuyện trau đổi giữa chúng tôi.

"Đưa một công dân Xô-viết vào một sứ quán nước ngoài," tôi bắt đầu một cách dè dặt, "là vi phạm luật pháp tại nước này. Dù sao, chúng ta cũng phải hành động cho hợp pháp. Nếu tôi đưa anh vào sứ quán Hoa kỳ, tôi có thể bị bắt. Tôi chỉ còn hy vọng là bị trục xuất ngay lập tức."

Rồi tôi im lặng. Một lúc lâu, Nikitin không nói gì cả.

"Thôi được," cuối cùng Nikitin nói, "tôi sẽ tự tìm cách lấy." Rồi anh uống thêm nhiều nước trà đã bị nguội lạnh.

---

<sup>1</sup> *Pentecostalists*: tên gọi 7 người, vào tháng 6 năm 1978, từ Siberia từ Siberia, đã chạy qua lính gác bên ngoài, vào sứ quán Hoa Kỳ ở Moscow xin tỵ nạn. Họ được phép lưu lại đây và sống trong một căn phòng của sứ quán đến 5 năm; cuối cùng, họ đã được cho di cư sang Hoa Kỳ năm 1983.

"Những kẻ ngu đần này," anh nói muối ám chỉ nhân viên KGB đang chờ ngoài trời lạnh, "tôi sẽ đối xử với họ tốt, những người trong nhiều năm qua đã hành hạ và hạ nhục tôi..."

Nikitin hình như đang suy nghĩ miên man. "Tôi không lo ngại," anh nói, "tôi sẽ tìm cách thoát ra khỏi tình thế này."

Anh nhìn hai bàn tay anh chắp lại trên bàn và nhìn lên chúng tôi nói vẻ cương quyết: "Mỗi tình cảnh đều có cách giải quyết tương ứng."

Thình lình, tôi tự thấy hổ thẹn khi nghĩ đến việc bản thân có thể bị trực xuất; tôi nói với Nikitin, điều quan trọng là anh phải đến Moscow cùng chúng tôi. Nhưng hình như ý nghĩ đi và trông cậy vào một sứ quán ngoại quốc làm anh không vui. Anh nói ngoài sau một đống than có rồng cây rậm rạp, chúng ta có thể đến đó ngày chủ nhật khi trời tối, Kevin và tôi ở đây độ 15 phút hướng về phía rừng, che cho Nikitin không bị bọn KGB thấy. Và khi chúng đi ra để trở lại con đường chính, anh có thể đi thoát.

Tôi đứng dậy đến bên cửa sổ, nhưng lần này không nhìn thấy ai cả, mặc dù tôi tin chắc rằng họ còn ở đâu đó. Đêm ấy chúng tôi không nói chuyện gì thêm nữa. Nhưng Kevin và tôi vẫn phải ngủ lại nhà Nikitin đêm thứ hai.

Đêm trước, tôi ngủ yên, nhưng đêm nay tôi thấy khó chịu vì lạnh. Khi thức giấc tôi lại nghĩ đến tương lai của Nikitin. Tôi cho rằng tốt hơn hết là anh nên trốn đi. Nhưng sau đó thì anh phải làm gì? Anh không tiền bạc và giấy tờ, không việc làm cũng không nơi trú ngụ, và có thể bị bắt, chỉ là vấn đề thời gian?

### Ngày Thứ 3

Chúng tôi thức dậy sớm. Tôi kéo màn cửa sổ lên và thấy nóc nhà và mặt đất phủ đầy tuyết vừa mới rơi xuống. Trong bóng mờ tối của trời rạng sáng, ánh đèn lờ mờ của một bóng đèn đường còn đang cháy. Chúng tôi mặc quần áo, ăn sáng xong, đi ra đường lớn gọi một tắc-xi và đi về khách sạn. Một lúc sau, chúng tôi đi

đến trụ sở hàng hàng không *Aeroflot Donetsk* và lấy giấy đi ngày thứ hai.

Được phần nào rảnh rang, chúng tôi thả bộ qua trung tâm thành phố. Mặc dù không còn hy vọng có thể tiếp xúc được với nhiều người khác nữa ở Donetsk, nhưng còn một người, một bà vợ của một tù nhân chánh trị mà Nikitin quen biết tại nhà thương điên Dnepropetrovsk, và chúng tôi hy vọng gặp được bà. Khi chúng tôi nhận chuông nhà bà, bà lại không có ở nhà.

Để giết thời giờ, chúng tôi rảo bộ vẫn vơ trên đường phố lạnh, và rất may đến gần buổi chiều, Nikitin nhận thấy bà đang từ một chiếc xe hơi bước xuống. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi sau đó nói lên các khó khăn mà chúng tôi đã từng gặp phải ở Donetsk.

Khi Nikitin nhận thấy bà và đến gần, bà tỏ ra vui mừng bắt tay anh. Nikitin chỉ về chúng tôi, tôi thấy bà lắc đầu trong lúc Nikitin tiếp tục nói chuyện với bà. Sau đó, bà nhanh chóng quay đi. Nikitin cho chúng tôi biết, bà không muốn nói chuyện vì sợ làm tăng thêm khó khăn cho tình trạng của chồng bà.

Trên đường về nhà Nikitin, chúng tôi ghé lại nhà Zina và Nicolai. Nikitin gõ cửa nhà bếp công cộng mùa hè, nơi chúng tôi đã nói chuyện cùng nhau hồi chiều thứ sáu. Lần này Zina chỉ hé cửa mà thôi và khi nhận thấy Nikitin, bà có vẻ giận và bảo chúng tôi nên đi đi. Bà cho biết bà và Nicolai đã bị KGB chất vấn cả một ngày hôm trước.

Chúng tôi trở về nhà Nikitin và, một lần nữa, Poludnyak lại cho chúng tôi ăn một bữa ăn tối thật đầy đủ. Nikitin cho tôi biết thêm về dì vắng đời sống của anh, trong lúc đó vẫn đề làm sao giúp anh sớm thoát ra khỏi tình thế này vẫn luẩn quẩn trong óc tôi.

Sau bữa ăn, Nikitin nói anh đã quyết định ở lại nhà để giải quyết vài vấn đề tại Donetsk rồi sẽ đi Moscow sau. Và lẽ dĩ nhiên, anh muốn chỉ một mình đối đầu với KGB.

Ngày Thứ 4

Buổi sáng cuối cùng ở Donetsk, chúng tôi thanh toán tiền khách sạn và đi xe tắc-xi đến nhà Nikitin. Không được nói chuyện và biết được nhiều qua các cuộc tiếp xúc trực tiếp với nhiều người trong thời gian ở đây, nhưng chúng tôi cũng đã nhận thấy đầy đủ về các điều kiện gây tình trạng bất ổn lao động đang xảy ra ở Ba Lan, cũng đã có tại Xô-viết. Chúng tôi đi bộ đến nhà Nikitin và thấy anh đang làm nhiều việc, như sửa khóa, làm một lổ nhỏ trên cửa để nhìn thấy được người gõ cửa nhà mình. Anh nói, anh đã ngủ say lần đầu tiên trong nhiều ngày qua.

Chúng tôi cùng đi vào phòng anh và bà chị anh mang đến cho chúng nước trà. Cử chỉ của Nikitin trở nên nhanh nhẹn và như một chuyên viên. "Nếu tôi bị bắt," anh nói, "tôi sẽ tuyên bố tuyệt thực ngay và nếu họ cho tôi vào nhà thương điên, tôi sẽ không nhận bất cứ thứ thuốc nào có tác dụng làm thay đổi tư cách, tâm tính con người. Tôi muốn nhắc các anh là tôi đã được bác sĩ Anatoly Koryagin chứng nhận là người lành mạnh."

Tôi nói với Nikitin là tôi hiểu, nhưng nhấn mạnh là anh phải đến Moscow càng sớm càng tốt. Không còn việc gì cần nữa, chúng tôi bắt tay cáo từ; Poludnyak đang lau tay trong bếp, bước ra từ giã chúng tôi. Tôi cảm ơn bà, bà nói bà rất lấy làm tiếc đã tiếp chúng tôi một cách quá khiêm tốn. Chúng tôi thỏa thuận với Nikitin, sẽ cùng nhau trao đổi qua điện thoại ở nhà bưu điện Donetsk chiều nay vào lúc 8 giờ tối, để tôi biết anh vẫn được an toàn. Nikitin quyết định không đi với chúng tôi ra xe, mà chỉ giơ tay từ giã trước cửa nhà khi chúng tôi bước xuống thang lầu; sau đó, khép cửa lại.

Còn lại một mình ở Donetsk, Nikitin bận rộn sửa sang căn nhà, và sau nhiều giờ làm việc, anh đi ra khỏi nhà đi loanh quanh để giải khuây. Lần đầu tiên, anh lấy làm lạ không còn thấy nhân viên KGB đã bao vây tòa nhà đâu cả, và anh được thông thả đi lại.

Mỗi đêm tại văn phòng, tôi vẫn có ý chờ Nikitin gọi điện thoại, nhưng vẫn bất tin.

Cuối cùng, vào ngày thứ sáu, Nikitin điện thoại cho Vera Serebrova, nói với bà là mọi việc vẫn bình yên và anh đang được tự do đi lại. Vera liền cho tôi hay.

Sau khi gọi Serebrova, Nikitin trở về nhà. Và không bao lâu sau, một xe cứu thương đã lặng lẽ đến trước ngôi nhà. Một lúc sau, có người gõ cửa nhà Nikitin. Poludnyak mở cửa, và bảy nhân viên KGB mặc thường phục bước vào chật nhà, đẩy bà sang một bên và cùng đi vào phòng của Nikitin.

Một cuộc xung đột xảy ra và Poludnyak la lên, khi bà mở cửa phòng. Một nhân viên KGB bảo bà: "Nín yên hay bà cũng sẽ phải đến nhà thương điên." Bà nhìn vào phòng thì kinh hoàng thấy em bà đang bị chích thuốc. Thân anh như mềm nhũn, bị bao trùm bằng một cái mền như một người chết, và bị khiêng xuống đưa ra khỏi nhà.

Vài giờ sau khi Serebrova gọi tôi với tin Nikitin đang được tự do, bà lại gọi lần nữa và cho hay anh ấy đã bị bắt. Tôi hỏi thêm chi tiết, nhưng bà nói là người điện thoại cho bà vì quá sợ nên chỉ cho biết có bấy nhiêu thôi.

**NHIỀU ĐÊM SAU** ngày Nikitin bị bắt, tôi có ăn cơm tối với Serebrov.

Tôi hỏi anh nghĩ gì về những gì sẽ xảy tới cho Nikitin.

"Rất có thể anh sẽ bị bỏ vào một nhà thương điên", Serebrov nói.

"Và được điều trị?"

"Có thể."

Tôi do dự một lúc.

"Anh có nghĩ rằng cuộc viếng thăm của chúng tôi gây ra số phận này cho anh không?"

"Số phận của anh ấy đã an bài dù có hay không sự viếng thăm của các anh," Serebrov nói, "sớm hay muộn gì anh ta cũng trở lại bệnh viện tâm thần. Để tránh việc này, anh chỉ phải gia nhập vào số "người màu xám" (ý nói công nhân mỏ than) một lần nữa mà anh đã vĩnh viễn rời khỏi họ."

Serebrov quấn một điếu thuốc và ngồi hút.

"Những gì đã xảy ra cho Nikitin," anh nói, "cũng là những gì đã xảy ra cho nhiều người ở trong hoàn cảnh như anh mà thôi. Anh bắt đầu nhận thấy sự bất công và có một loạt hành động, và hậu quả của những hành động này làm cho anh tin các bản năng của anh là đúng. Nhưng thay vì chỉ có bất công tại các mỏ than của một thành phố nơi anh đã từng làm việc mà thôi, dần dần anh thấy được là sự bất công đã có trong toàn bộ máy nhà nước, và chỉ có cách hoàn toàn quên nó đi để có hy vọng được tự do."

"Như vậy, anh không thể nào tự cứu được anh hay sao?"

"Chỉ có một cách là anh trở lại quy lụy nhà cầm quyền và xin được tha thứ, nhưng anh sẽ phải chịu nhiều khổ sở với việc này."

"Alexei hay nói đến mình như một 'công nhân thường'. Anh thường nói: 'Tôi chỉ là một công nhân thường', dù anh biết là mình đã thành khác người thường."

"Anh đã vượt qua điểm không còn có thể từ bỏ cuộc tranh đấu, để sẵn sàng chấp nhận những gì họ có thể làm đối với anh."

Một lúc im lặng sau đó, Serebrov và tôi sực nhớ lại là nảy giờ chúng tôi nói đến Nikitin với thì quá khứ.

**NHIỀU NGÀY ĐÃ TRÔI QUA** mà không có tin tức gì của Nikitin cả, cho đến khi Vera Serebrova nhận được điện thoại từ một người cho biết là Nikitin đã được đưa về Bệnh viện tâm thần số 2 Donetsk. Người này còn cho biết, Nikitin đã được bà chị và nhiều thân quyến đi thăm. Anh đang bị sốt rét nặng vì một loạt thuốc chích, có lẽ là loại sulfazine, và đang trong tình trạng đau đớn lấm.

Trong lúc đó, mạng lưới KGB đang dần dần bủa vây Serebrov. Sáng ngày 8 tháng giêng, nhiều nhân viên KGB đến nhà ông và bắt đầu lục soát. Khi cuộc lục soát chấm dứt, ông bị bắt đi đến Lefortovo.

Serebrov là thành viên cuối cùng của Ủy ban chống lạm dụng bệnh tâm thần cho mục đích chính trị, đã bị bắt.

**ĐƯỢC TIN NIKITIN** một lần nữa bị đưa vào nhà thương điên, tôi quyết định phải làm thế nào để cứu anh. Ngày 17 tháng 2, tôi đi Kharkov để gặp Koryagin. Nhận được một tin điện cho biết Nikitin đã được dời đi Bệnh viện tâm thần đặc biệt Dnepropetrovsk. Koryagin là bác sĩ đã chứng nhận Nikitin là người lành mạnh, tôi định nhờ ông xác định lại sự chẩn đoán của ông để tôi viết một bài cho tờ Tài Chánh Thời Báo (*Financial Times*) chứng tỏ tính cách vô cớ của việc bắt nhốt Nikitin vào bệnh viện này. Koryagin tiếp tôi và Tony Barbieri của tờ *Baltimore Sun* tại nhà ông và được bà Galina Koryagin đãi đàng trọng hậu.

Sau bữa tiệc, tôi hỏi Koryagin có vui lòng nhắc lại việc chẩn đoán cho Nikitin và cho đăng tải kết quả trên tờ báo *Financial Times* và *Baltimore Sun*.

Ông mạnh dạn gật đầu bằng lòng.

"Tôi không đề cập đến tên ông," tôi nói, "vì sợ cuộc tiếp xúc này gây nguy hiểm cho ông."

"Ông cứ bắt đầu hỏi đi".

Tôi mở máy ghi băng và nhờ ông nói vào micro.

"Ông có hiểu biết về Alexei Nikitin không?", tôi hỏi.

"Có."

"Ông thấy Nikitin là người thế nào?"

"Tôi đã khám bệnh cho Alexei Nikitin hồi tháng 9, 1980 và sau khi khám, tôi nhận thấy anh ấy là người có nghị lực, năng động, một người rất có thể thành công trong mọi xã hội, bất kể hệ thống xã hội nào."

"Ông có nhận thấy anh có triệu chứng nào về bệnh não không?"

"Không, anh ấy không cho thấy có triệu chứng bệnh điên hay khùng hoảng tâm thần; mặc bệnh này, bệnh nhân thường kèm theo một sự hạ giảm mức độ hoạt động hoặc bị ám ảnh bởi những tin tưởng sai lầm nào đó. Mặc dù anh ấy có thái độ tiêu cực đối với môi trường quanh anh sau nhiều năm mâu thuẫn với các chánh quyền địa phương, anh nói chuyện dễ dàng và có khả năng

lý luận sâu sắc, cũng như có những kết luận nhanh và thật rõ ràng, gọn ghẽ."

"Với tin tức nhận được, nay tôi biết được Nikitin đã bị đưa vào nhà thương điên," tôi hỏi, "ông có thể tưởng tượng được với căn bản pháp lý nào người ta đã làm như thế hay không?"

"Tôi kết luận," Koryagin nói, "sau khi khám Nikitin, những gì các bệnh viện tâm thần nhận định đối với anh thì đều vô căn cứ. Tôi nghĩ, việc đưa anh vào bệnh viện như thế hiện nay cũng có tính cách như vậy."

Sự xác nhận công khai của Koryagin về sự lành mạnh của Nikitin là một bằng cớ bênh vực anh, nhưng nó lại gần như trở thành cái lý do để bắt Koryagin.

Ngày 13 tháng 2, ông bà Koryagin đang ngồi tại một phòng của chuyến xe lửa Kharkov-Moscow thì có hai cảnh sát và ba nhân viên KGB mặc thường phục đi vào nói là để tìm một "tội phạm hình sự". Họ có ảnh và khi họ thấy Koryagin, họ liền bắt giữ ông.

Khi xe dừng lại ga Belgorod, ga đầu tiên trước khi đến Moscow, Anatoly và Galina đều bị bắt xuống xe và riêng Anatoly thì bị dẫn đi.

Trong lúc đó, Nikitin vẫn còn bị mắc bẩy trong thế giới tối ám của các bệnh viện tâm thần Xô-viết.

Ngày 18 tháng 5, Lyuba Poludnyak đi đến Dnepropetrovsk và bị từ chối không cho gặp em (Nikitin), nhưng được một bác sĩ bảo đảm là anh ấy sẽ được "chữa trị lành bệnh".

Sau cùng, vào tháng 12 năm 1981, Poludnyak đã được cho viếng thăm Nikitin. Mặc dù không thể nói thật với chị mình trước sự chứng kiến của lính gác, anh đã tỏ ra vui vẻ và tương đối có sức khỏe. Có thể là Nikitin đã được giữ riêng một thời gian và được cho tương đối ít thuốc, nhưng đến đầu năm 1982, thì có tình trạng cứng rắn trở lại đối với phong trào ly khai trong nước. Yuri Andropov, người cầm đầu KGB bắt đầu mở chiến dịch tranh quyền trong lúc Leonid Brezhnev sắp chết.

Tháng giêng năm 1982, Nikitin lại bị di chuyển đến nhà thương điên đặc biệt ở Talgar, Kazakhstan, và hai năm sau đó,

hình như không còn ai có tin tức gì về số phận của anh nữa. Bức màn im lặng chỉ bị vén lên vào cuối năm 1984, khi Nikitin bị đưa trở lại Bệnh viện tâm thần số 2 Donetsk. Tuy nhiên, lúc ấy, anh không còn là mối đe dọa nào đối với ai nữa. Anh đau ốm thư bao tử và chỉ còn có thể ngồi dậy trên giường.

Các bác sĩ bệnh viện đã giữ anh vài ngày trước ngày anh chết; cuối cùng, anh được bà chị đưa về nhà và anh đã tắt thở nơi đây.

Sau khi Nikitin qua đời, Poludnyak không còn tiếp ai muốn biết về những ngày cuối cùng của anh nữa; tuy nhiên, bà cũng đã viết một bức thư để trả lời cho Viktor Davydov, một cựu nạn nhân của nạn khủng bố tâm thần:

*Ông Davydov thân mến,*

*Xin cảm ơn về bức thư của ông. Vô phúc thay, đây là tin buồn: Alexei, đứa em thân thương nhất của tôi, đã chết ngày 21 tháng hai. Tôi không thể viết gì khác thêm, bởi vì ngay cả khi tôi làm như thế, họ cũng sẽ không cho tôi được sống.*

Lyuba V. Poludnyak

NOVOKUZNETSK, 1989

Tại Novokuznetsk, thủ đô than đá của vùng Kuzbass, có tin đồn được loan truyền nhanh chóng, Mezhdurechensk đang đình công.

Kết quả của chính sách *glasnost* là các tin tức về đình công không bị kiểm duyệt và hủy bỏ, và một báo cáo ngắn về đình công đã được đài "Pulse", một đài phát thanh địa phương loan đi trong chương trình tin tức, chiều ngày 11 tháng 7.

Sáng ngày hôm sau, thợ mỏ đi làm trên xe điện hay xe buýt đều bàn tán về cuộc đình công ở Mezhdurechensk. Trước đây chưa bao giờ có cuộc làm reo như vậy ở các mỏ than vùng

Kuzbass, nhưng giờ đây gần như mọi người đều chắc chắn một cuộc đình công tại Novokuznetsk, thành phố săn xuất than lớn nhất ở Liên-Xô, thế nào rồi cũng xảy ra.

Trước các hầm mỏ, thợ mỏ bắt đầu tập trung vào lúc thay ca làm việc, kêu gọi ủng hộ công nhân của Mezhdurechensk, lập luận rằng nếu họ không được ủng hộ, họ sẽ bị đàn áp. Một khó khăn duy nhất là không biết các thợ mỏ Mezhdurechensk đang muốn gì. Hầu hết đang tập họp tại công trường, vì vậy khó mà đến với họ. Sau một ngày tình hình căng thẳng gia tăng với nhiều tin tức khác biệt nhau và nhiều tin đồn đoán vu vơ, thợ mỏ Novokuznetsk bắt đầu tịch thâu xe cộ của các mỏ than và chạy đến Mezhdurechensk.

Một thợ mỏ của mỏ than Yesaulskaya là Nicolai Ocherednoi đã đi đến Mezhdurechensk vào lúc 3 giờ sáng. Anh nhận thấy đây là một cuộc cách mạng của công nhân tại Liên-Xô. Toàn quảng trường tại Mezhdurechensk đã đầy người, và đèn từ các cửa sổ nhà quanh đây đều thấp sáng.

Từ trên một cái bục tạm dựng lên trước trụ sở đảng, từng người lên phát biểu, tố cáo tình trạng của thành phố. Các thợ mỏ nói đến những điều kiện làm việc nguy hiểm và tình trạng không tôn trọng nội quy an toàn lao động. Bác Sĩ thì tố cáo tiếp liệu thuốc men không đúng và thiếu thốn. Các bà thợ làm tóc thì đòi có ngày nghỉ để ở nhà cùng các ông chồng. Các bà nội trợ thì đòi phải được tiếp tế thực phẩm.

Ocherednoi chen vào đám đông, đi qua các bà mẹ và con nhỏ, vượt qua các nút chặn thợ mỏ và bếp lửa nấu nước trà ngoài trời, trước khi đến được gần những xướng ngôn viên, cũng là nơi Valery Kokorin và nhiều lãnh tụ đình công khác đang hội họp. Ocherednoi hỏi các thợ mỏ các yêu sách của họ. Những người đình công liền đưa cho anh một danh sách gồm bốn mươi hai đòi hỏi, có đòi tăng lương, tăng cung cấp thực phẩm và những tiện nghi tốt hơn cho thành phố, gồm một nhà thương mới và một sân vận động. Anh hứa sẽ có sự ủng hộ của thợ mỏ Novokuznetsk.

Sáng sớm ngày 13 tháng 7, thợ mỏ Novokuznetsk bị bối rối, lo lắng vì sợ người đình công đập phá tòa nhà hành chánh

địa phương. Tại mỏ Polosukhinskaya, Victor Pishenko, viên giám đốc, gặp thợ mỏ đang đến thay ca và cảnh cáo họ không được tham gia đình công. Trong lúc đó, Ocherednoi đã đậu xe buýt nhỏ trước mỏ, nhảy xuống xe và chạy đến cầu thang trước nhà tắm.

"Tôi mới vừa từ Mezhdurechensk trở về", anh nói.

Đám đông gần ba trăm người đồng phục và đội mũ sắt bao vây anh. "Thợ mỏ Mezhdurechensk đang đòi hỏi phải thỏa mãn những yêu cầu của họ," Ocherednoi nói, "họ xin được sự ủng hộ của chúng ta".

"Chúng ta sẽ đình công!", đám đông thợ mỏ hô to.

Như vậy, sự việc đã an bài. Hằng chục thập niên, Đảng cộng sản nắm độc quyền mọi hình thức tổ chức đời sống ở vùng Kuzbass, nhưng giờ đây, cơn tức giận bị đè nén nhiều năm đã bùng nổ dây chuyền không thể chặn đứng được nữa. Trong vài phút, thợ mỏ bầu ra một ủy ban đình công gồm hai mươi người và chiếm các văn phòng của mỏ. Ngay lập tức các lãnh tụ này lên tiếng kêu gọi nhiều thợ mỏ khác, và họ được biết nhiều ủy ban đình công cũng được tự động thành lập ở các mỏ khắp thành phố.

Lúc 10 giờ sáng, các thành viên của các ủy ban đình công từ mười hai mỏ đã hội họp nhau tại sảnh đường đại hội của mỏ Abashevskaya và bầu ra một *raion* (đơn vị đảng) đình công. Đến giữa trưa trong ngày, tất cả các mỏ than ở Novokuznetsk đều nhất loạt đình công và ủy ban đình công còn hoạt động để phát triển ra cho toàn thành phố.

**TRONG NHIỀU NĂM QUA**, Kuzbass là một trong số những vùng thụ động và bị áp chế nhất trong sự im lặng đầy sợ hãi của đất nước. Được kể như hoàn toàn chấp nhận kế hoạch sản xuất than phải được thực hiện đầy đủ bằng bất cứ giá nào và không một người nào được phép can dự vào việc khai thác tàn nhẫn đắt dai.

Lý tưởng chính thức chủ trương công nhân chính là các "sở hữu chủ" thực sự của đất nước và sự cai trị của đảng là biểu hiện chính trị của sự thắng lợi của họ. Sự bất đồng ý kiến giữa

công nhân và đảng phải được loại trừ vì đảng không xa lạ với giai cấp công nhân, mà chỉ là "thành phần có ý thức nhất" của giai cấp này, và các nghiệp đoàn độc lập không cần thiết vì công nhân Xô-viết không cần bảo vệ chống lại chính các đại biểu của họ.

Đồng thời, đình công là một việc làm vô lý vì nó chỉ gây cho công nhân tranh đấu với chính họ mà thôi.

Lý luận đánh lừa sự thật này, cùng với sự khủng bố của cảnh sát, đã làm mất lý do tranh đấu của công nhân. Khắp nơi đều có khẩu hiệu: "CÔNG NHÂN LÀ CHỦ CỦA ĐẤT NƯỚC" và "GIAI CẤP CÔNG NHÂN QUANG VINH". Trên trang nhất của báo chí đăng tải đầy hình ảnh của các thợ đang đúc thép hay đang đào quặng kim. Họ trở thành các anh hùng trong các phim chiếu bóng. Nhưng không có một lời nói nào công khai của chính những công nhân mà không bị kiểm duyệt, và trong mọi trường hợp riêng biệt, công nhân được đối xử như những đứa con nít mà mọi ý nghĩ đều do chế độ phát biểu thay cho.

Nhưng rồi tất cả đều thay đổi với sự bắt đầu chánh sách *glasnost* và tự do thông tin. *Glasnost* đã mở mắt cho thợ mỏ cho họ thấy điều kiện đời sống thực sự của họ và ngầm phá hoại toàn thể cơ cấu quyền lực.

"GLASNOST LÀ MỘT SỰ NỨT RẠN trong hệ thống", Anatoly Malikhin, một thợ mỏ than nhận xét." Kết quả của nó là nay người ta có thể phát biểu trong một cuộc mết-tinh. Trước đây, đó là một việc nguy hiểm. Hệ thống đã kỳ thị chống việc xem cá nhân như là một nhân cách. Cách đây hai năm, một người không thể phát biểu ý kiến và bênh vực cho phẩm giá và sự tự trọng của mình. Nhưng mọi người đều có con cái mà họ phải dạy dỗ, và cũng vì sự dạy dỗ ấy mà họ có nhân cách.

"Chúng tôi bắt đầu đọc được về việc làm cách nào mà những người chỉ huy địa phương ở Uzbekistan đã giả mạo kết quả thu hoạch bông. Các thợ mỏ vẫn biết các viên giám đốc cũng làm như thế với kết quả sản xuất than ở Kuzbass.

"Quá trình tự do đã chín mùi và mọi người cũng sớm biết rằng chúng ta đã ở trong tình trạng chuẩn bị đình công. Vấn đề là ai là người phát động đầu tiên".

"Nếu chúng tôi gặp nhau cách đây 10 năm," Vladimir Lapin, một kỹ sư mỏ nói, "tôi đã có thể khác. Tôi tin tin tức truyền thông Xô-viết. Tôi nghĩ rằng báo chí có thể im lặng đối với một số vấn đề, nhưng tôi không tin họ hoàn toàn nói dối."

"Ngày nào các đài phát thanh Tây phương còn hoạt động, thì ngày đó tôi phỏng đoán họ lấy được tin tức xác thật, và họ đã tạo ra nhiều cách diễn dịch có thể đáng tin cậy.

"Chúng tôi đã sống cả đời bị bao vây bởi nhiều kẻ thù. Đế quốc Mỹ đe dọa chúng tôi với chiến tranh nguyên tử. Chỉ có chúng tôi là những người tốt nhất và vì vậy mà chúng tôi phải xây dựng lực lượng quân sự của chúng tôi. Nếu chúng tôi sống khó khăn hơn Tây phương trên vài khía cạnh, đó là vì chúng tôi phải có một quân đội mạnh; nếu không, các nước Tây phương sẽ bóp chết chủ nghĩa xã hội, một mối nguy đối với họ."

"Khi dân chúng nói đến tự do ngôn luận, tôi cho rằng không có ở đâu có cả. Ở Hoa Kỳ, họ có tự do ngôn luận theo cách thích hợp với họ. Tôi xem tự do kinh doanh là một cuộc đấu cơ và không thể tưởng tượng nó có thể áp dụng cho nền công nghiệp."

"Khi chính sách *glasnost* bắt đầu, tôi trích các bài báo về vấn đề này. Từ nhiều năm, báo chí chúng tôi đăng đầy rầy bài vở nói về số phận thảm thương của công nhân phương tây, nhưng đúng một cái, chúng tôi nhận thấy tất cả đều không đến nổi tội tệ ở Tây phương như chúng tôi đã nghĩ."

"Lần đầu tiên tôi biết là chỉ có ít hơn 1% những người di cư cuối cùng đã trở về Liên Xô, và những người đã trở về này, phần lớn chỉ vài tháng sau là đều muốn trở lại Tây phương. Tất cả sự kiện này đã đăng trên báo chí của chúng tôi."

"Khi tôi còn đi học, có một câu thường được nói đến 'về việc này không thể nói được'. Đó là tiêu chuẩn. *Glasnost* đã mở mắt chúng tôi."

"Đối với tôi, sự ngạc nhiên to lớn nhất là cuộc phỏng vấn của đài truyền hình Xô-viết với một người Mỹ làm thông dịch viên cho Nhà xuất bản Tiến Bộ. Bà này nói rằng trong vài tháng không có việc làm, bà nhận được trợ cấp đèn bù thất nghiệp. Bà nói trợ cấp này đủ sống nhưng bà vẫn thấy khó chịu vì không có việc làm. Tôi vẫn tưởng những người thất nghiệp ở Hoa kỳ chỉ sống ngoài đường và đi ăn xin."

"Từ nhiều năm rồi, không có cách nào để so sánh tình trạng của chúng tôi với Tây phương," Sergei Sukhov, một bác sĩ làm việc cứu thương ở Novokuznetsk nói, "tất cả đều được trình bày méo mó. Tại Hoa kỳ, người da đen bị hành hình, không có tự do. Chỉ những người giàu có là được sống sung sướng. Kết quả của *glasnost* là hiện nay chúng tôi biết hoàn toàn đó không phải là sự thật."

"Gần đây nhất, có một chương trình truyền hình Xô-viết gọi là 'Miền quê Hoa kỳ', trình bày điều kiện sinh hoạt của các nông trại Hoa kỳ. Chúng tôi thấy các viên chức thú y đi xe hơi bệnh viện đến chích thuốc cho heo với những ống chích, hể chích xong thì vứt bỏ đi. Tại Novokuznetsk, chúng tôi không có cả thứ ống chích như thế cho con người."

"Khi tôi nhận thấy như thế, tôi bắt đầu tự nghĩ: 'Tại sao chúng ta nghèo đến thế? Tại sao với những hàm mỏ to lớn và với những nhà máy thép vĩ đại như thế mà chúng ta lại không có khả năng bảo đảm những dịch vụ tối thiểu nhất?"

**HÀNG NGÀN NGƯỜI KHÁC** bắt đầu đặt những câu hỏi như thế, và các diễn đàn được dựng lên tại Novokuznetsk và tại các thành phố mỏ than khác cho cuộc bùng nổ xã hội.

Buổi chiều ngày 13 tháng 7, ủy ban đình công dời trụ sở đến Nhà văn hóa Mayakovsky, nơi được Valery Komarov, viên giám đốc, trước đây cũng là thợ mỏ, nhường cho. Các thành viên ủy ban tập trung đông chật cả văn phòng giám đốc và sử dụng điện thoại duy nhất của văn phòng để kêu gọi 40 mỏ than của thành phố tổ chức canh gác. Trong lúc đó, hàng trăm thợ mỏ bắt

đầu đến công trường trước tòa nhà văn hóa để bảo vệ cho ủy ban, nếu cần với cả thân xác của họ cũng như để ủng hộ tinh thần cho ủy ban này.

Đầu tiên chỉ có sáu mươi người thuộc ủy ban, nhưng khi cuộc đình công lan rộng bao gồm các công nhân lái xe tải, công nhân xây cất và các nhà máy, nhiều đại biểu thợ thuyền đã đến tăng cường làm cho ủy ban nở to ra. Vì tất cả việc làm đều ngưng trệ trong toàn thành phố và nhiều đám đông tập họp trước các trụ sở của họ tại quảng trường, những người lãnh đạo đình công bắt đầu lo sợ. Họ biết thợ mỏ có thể dễ dàng bị giải tán và không ai quên được cuộc đàn áp đám máu công nhân đình công năm 1962 tại Novocherkassk.

Những người lãnh đạo đình công đồng ý với nhau về một nguy cơ lớn nhất là những cuộc xung đột do những người say rượu gây ra để nhà cầm quyền có lý do dùng vũ lực chống họ. Để ngăn ngừa sự kiện này, họ đồng ý hành động đầu tiên là đóng cửa các quán rượu. Thợ mỏ tại công trường được tuyển mộ để thành lập các đội kiểm tra. Họ mang băng tay đỏ và đi rảo trong thành phố, đóng cửa các quán rượu và dẫn độ những người say rượu đến những trạm giải rượu.

Trong lúc ủy ban đình công tranh đấu để đưa ra các yêu sách, họ so sánh số lượng than sản xuất to lớn của vùng Kuzbass với số nhỏ nhoi thực phẩm, thuốc men và quần áo được gởi đến. Yêu sách quan trọng hàng đầu, do đó, các mỏ than phải được độc lập kinh tế để các thợ mỏ có thể dùng thu nhập của họ để mua thực phẩm và vật dụng cần thiết khác, và như thế mới có thể không bị bắt buộc phải sống trong nghèo khó với những ý thích riêng của các người soạn thảo kế hoạch từ trung ương. Họ còn đòi có thêm thời gian nghỉ phép, thêm cấp dưỡng về hưu, một hệ số cao hơn cho lương bổng làm việc trong vùng, cùng một giới hạn khoảng 70% trên "lệnh của nhà nước" nhờ đó mà các xí nghiệp có thêm sự rộng rãi để hoạt động kinh tế độc lập.

Trong tình trạng lộn xộn tại văn phòng giám đốc, Lapin, một thành viên của ủy ban đình công của mỏ than

Polosukhinskaya, đã nghĩ lại về những biến cố đưa dân đến cuộc đình công.

Đời sống ở Novokuznetsk từ lâu luôn rất khó khăn, nhưng trước ngày đình công, lại còn thêm bi đát. Các mỏ không còn xà-bông để dùng. Không có giày để mua. Các thợ mỏ đi đến Moscow để mua sắm vật dụng cần thiết, và tại phi trường họ phải ngủ trên giấy báo trải dưới đất nhiều ngày để đợi chuyến bay.

Nhưng điều làm Lapin khổ tâm nhất là đời sống khổ sở ở Novokuznetsk không được chia sẻ đồng đều. Trong thời đại Brezhnev, anh đã chứng kiến cảnh lớn mạnh của hệ thống tầng lớp người đặc biệt dễ dàng nhận thấy ở các mỏ.

Năm 1982, Lapin đến làm việc tại mỏ than lộ thiên Listyansky tại làng Listvyagi. Anh có một căn phòng, sống cùng bà mẹ ở Novokuznetsk, nhưng phần lớn thợ mỏ khác đều sống trong các chung cư không hơi đốt, không lò sưởi và nước máy.

Mùa thu năm 1983, có thông báo sẽ có nhà cho thợ mỏ tại mỏ lộ thiên trong một cao ốc chín tầng lầu. Nhưng nhiều thợ mỏ đã chờ đợi đến mười lăm năm để có được một căn nhà riêng, và mỗi người đều biết vị trí của mình trong cái "đuôi" người chờ đợi. Cũng trong thời gian này một chung cư đang được xây cất cho mỏ than lộ thiên, đồng thời một chung cư giống y như thế cũng được xây lên cạnh đó cho mỏ than Bungurskaya gần đó. Cao ốc này dự trù sẽ hoàn thành một thời gian sau.

Không bao lâu sau khi chung cư dành cho mỏ than lộ thiên được xây xong, một danh sách những người thụ hưởng được niêm yết tại văn phòng của mỏ. Một việc bất ngờ làm ngạc nhiên mọi người là thay vì có sáu mươi bảy thợ mỏ được dự trù nhận nhà, danh sách chỉ có tên năm mươi hai người mà thôi. Những người chỉ huy mỏ giải thích số mười lăm căn nhà còn lại được cấp cho thợ mỏ Bungurskaya, và thợ của mỏ lộ thiên sẽ được cấp nhà khi chung cư mới của mỏ Bungurskaya được hoàn thành.

Những người có tên trong danh sách nhận được nhà và những người không có tên được cho biết là phải chờ. Nhưng khi chung cư của mỏ Bungurskaya hoàn thành và mười lăm căn nhà hứa dành cho thợ mỏ lộ thiên đã sẵn sàng đón họ, thì lại có thông

cáo cho biết các căn hộ này không được cấp cho thợ mỏ lộ thiên cuối cùng, mà lại cấp cho thân nhân, tình nhân và các cảm tình viên chánh trị của những người chỉ huy mỏ lộ thiên Listyansky.

Nhiều tháng trôi qua, mười lăm thợ mỏ đang chờ cấp nhà bắt đầu hỏi chừng nào họ mới được nhận nhà. Các viên chức nghiệp đoàn, những người vận động việc chia nhà đưa ra nhiều lý lẽ phức tạp, và vì thiếu tin tức chi tiết, các thợ mỏ không biết cách nào để trả lời. Và đồng thời mỗi người thợ đều có nhược điểm của mình. Những người kể như được cấp nhà mới đều làm việc trong các ngành khác nhau, cách xa nhau có khi đến sáu dặm đường, và đi làm nhiều ca khác nhau. Họ chỉ thỉnh thoảng đến văn phòng mỏ và không thể biết được những nạn nhân như họ và mọi người đều biết rằng nếu họ phản đối nhiều quá, họ có thể không những mất nhà mà còn có thể mất việc.

Một thời gian ngắn sau đó, Lapin lại biết được những việc đã xảy ra tại mỏ than Bungurskaya. Chiếm được mười lăm căn nhà của chung cư mỏ than Listyansky trước khi khu nhà liên hợp riêng của họ được sẵn sàng, các chỉ huy mỏ đã cho bạn bè, thân quyến của họ vào ở đầy hết mà không nói gì với các thợ mỏ. Vì lẽ các căn nhà này thuộc chung cư của một mỏ khác, các thợ mỏ Bungurskaya khó có thể kiểm soát, và khi chung cư của họ được hoàn tất, các chỉ huy chỉ cần báo là họ chỉ có năm mươi hai căn để chia nhau thay vì sáu mươi bảy căn, vì lý do họ đã được mỏ than lộ thiên cấp nhà và họ phải hoàn lại.

Đối với một thợ mỏ thường, tại cả hai nơi, việc thách đố hay chống đối với các chỉ huy mỏ về việc cấp nhà cho bà con thân quyến của họ là một việc tuyệt đối không thể làm được.

**LAPIN RỜI KHỎI MỎ THAN LỘ THIÊN** năm 1986 và đến làm việc tại mỏ Polosukhinskaya; nơi đây, anh đã nhận thấy nột trường hợp bất công khác; hình thức bất công này có hệ thống được gọi là "công nhân gương mẫu".

Tại mỏ Polosukhinskaya, "công nhân gương mẫu" là Yegor Drozdetsky, một Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa, một

anh hùng được tạc tượng đồng dựng lên tại trung tâm Novokuznetsk.

Tại mỗi mỏ than đều có một *mayak*, hay "rudder."<sup>10</sup> *Mayak* được biết là người dùng để truyền cảm cho các công nhân khác. Drozdetsky được chọn là *mayak* vì anh khiêm tốn, nhã nhặn, có vợ và nhất là rất được tin tưởng về chính trị. Nhà cầm quyền địa phương cần một thí dụ điển hình về thành công lao động, và với một lệnh ngắn, Drozdetsky được chỉ định chỉ huy khai thác một mạch than dồi dào chỉ dày độ 3 thước và rất gần mặt đất. Để công việc khai thác được thêm dễ dàng, anh nhận được một dây chuyền mới, cọc chống vách mỏ mới, thiết bị mới, và bốn máy điện thoại cho đội mỏ của anh, nhờ đó anh không mất thời giờ di chuyển nhiều khoảng cách quá xa để gọi điện thoại khi có vấn đề cần đến.

Như thế thì không ai lấy làm ngạc nhiên nhận thấy Drozdetsky và đội của anh bắt đầu đào được khối lượng than to lớn, và trong lúc tiền công được tính trên căn bản săn lượng, các thành viên của đội được ưu đãi này lãnh được cả ngàn rúp mỗi tháng - hai lần tiền công của các thợ mỏ khác làm việc với các thiết bị cũ kỹ, lỗi thời và trong những điều kiện địa chất khó khăn hơn. Drozdetsky được trình diện trên truyền hình, hứa sẽ dùng "phương pháp đặc biệt" của anh để hoàn thành nhiều chiến thắng lao động to lớn hơn trong tương lai. Trong thời gian đầu của thời đại Gorbachev, chính sách của đảng là "gia tốc", và Drozdetsky thề nguyện đội anh sẽ trở thành đội "gia tốc chân chính".

Có thể cũng như tất cả thợ mỏ thường, Lapin rất ghét Drozdetsky và xem những buổi trình diễn truyền hình này như là "truyền thông cho những người điên".

**QUA NHIỀU NĂM**, người dân Novokuznetsk đã quen với một trật tự nào đó, hình như không bao giờ thay đổi như ánh sáng mặt

<sup>10</sup> Rudder: bánh lái tàu thủy hoặc phi cơ, đây có nghĩa kẻ hướng dẫn hay cầm đầu.

trời. Nếu có biến chuyển gì xảy ra trong thành phố, thì đó là vì có lệnh của ủy ban địa phương đảng. Nhưng khi có cuộc đình công của công nhân trong khắp thành phố, lệnh của ủy ban đảng không còn hiệu lực, và công nhân chỉ muốn tuân lệnh của ủy ban đình công mà thôi.

Valery Demidov của mỏ Abashevskaya được bầu lên cầm đầu ủy ban đình công. Từ bản doanh của ủy ban đặt tại trụ sở Nhà văn hóa, ủy ban đã cho phép cung cấp than cho các nhà máy điện, nhờ đó điện của thành phố vẫn được duy trì, và cũng cung cấp cho các nhà máy thép để giữ cho các lò luyện thép không bị nguội lạnh. Ủy ban cũng chấp nhận tiếp tục các công việc thiết yếu tại các mỏ than, như các hệ thống máy quạt thoảng gió.

Cũng trong lúc đó, dân chúng cư ngụ tại Novokuznetsk dẫn nhau đông đảo đến ủy ban đình công để trình những thỉnh nguyện thư của họ. Họ trình những bằng cớ tham nhũng trong việc chia cấp nhà ở, và những mánh khóe trong việc định đoạt mức tiền công. Có một nhóm khác tuyệt vọng vì bệnh tiểu đường biểu tình vì thành phố Novokuznetsk không còn thuốc *insulin*, và vì trời nóng bức, họ bị khó thở. Ủy ban yêu cầu khẩn cấp mang đến cho họ thuốc *insulin*.

Trong suốt ngày thứ hai của cuộc đình công, các giám đốc xí nghiệp, đặc biệt là các nhà máy thép và nhà máy bào chế thuốc, vì sợ hãi, cũng đi đến Nhà văn hóa để yêu cầu được loại ra khỏi cuộc đình công.

Với việc sản xuất than ở Novokuznets bị tê liệt, những người lãnh đạo đảng địa phương đã tỏ ra hết sức bối rối. Thay vì đe dọa đàn áp để chấm dứt cuộc đình công, họ không nói năng gì cả hay rút vào nhà. Nếu có tiếp xúc với ủy ban đình công thì họ chỉ nói đình công là một sự "thiển cận về chủ nghĩa". Albert Lensky, bí thư thứ nhất của đảng đi đến ủy ban đình công vào lúc nữa đêm và sau khi lắng lặng đọc một số yêu sách mở đầu của ủy ban, nói: "Các chú ơi, tôi nhận thấy hành động của các chú có nảy mầm muốn tự quản lý đấy".

Nhận thấy có sự nhất trí và trung thành với cuộc đình công, ủy ban đình công bắt đầu không còn thấy lo sợ nữa. Họ kêu

gọi đảng bộ thành phố cung cấp xe cho họ, và mỗi lần yêu cầu họ đều được thỏa mãn. Ủy ban đình công còn đòi các viên chức đảng cho biết số lương thực được cung cấp cho thành phố, số nhà cửa, chung cư được xây cất, bao nhiêu thuốc men còn lại tại các bệnh viện, và ủy ban bắt đầu nhận được báo cáo của các cơ sở chánh quyền địa phương, nhất là của Sở Y Tế và Nha Thương Mại, hai cơ chế trách nhiệm về tất cả hàng hóa được bán tại các cửa hàng bách hóa. Hết sức ngạc nhiên về sự thành tựu của cuộc đình công, các lãnh tụ đảng địa phương đều cứu xét mọi yêu sách của ủy ban như một mệnh lệnh.

Dân chúng thuộc mọi ngành nghề tại Novokuznetsk nhìn cuộc đình công với vẻ như bị quyến rũ, nhưng ít có ai quan tâm đến nó hơn là Sergei Sukhov, một bác sĩ phục vụ cho một xe cứu thương.

Sukhoi lớn lên ở Novokuznetsk, học y khoa tại Krasnoyarsk, một thành phố Siberian, sau đó trở về nhà vào giữa thập niên 1980. Anh tin rằng phải làm một cái gì đó để cải tiến ngành y tế săn sóc sức khỏe, sau khi trả lời bằng điện thoại cho một bà có đứa con 11 tháng đang bị viêm phổi. Sukhoi mang đứa bé đến Bệnh viện nhi đồng số 4, đi vào bệnh viện, bị té vì ván lót sàn mục, suýt làm rơi đứa bé trên tay.

Đối với Sukhoi, hình như chánh quyền trung ương không có chút lưu tâm nào đối với dân chúng Novokuznetsk cả. Trong một thành phố với 600.000 dân, có hai mươi chín bệnh viện, tất cả đều là những căn trại được xây cất cách nay hơn năm mươi năm. Khói công nghiệp như đám mây bao phủ thành phố gây vấn đề hô hấp và các dị ứng ngoài da, trong lúc gần như không có các bác sĩ chuyên khoa về bệnh ngoài da, mắt, tai, mũi, họng nào cả. Tại raion Zavodsky, chỉ có một thày thuốc về mắt, tai, mũi, họng cho 40.000 trẻ em. Ông khám mỗi giờ mười ba em.

Nhưng có một điều làm Sukhov lo lắng nhất, là thái độ cẩu thả của các bác sĩ, không chịu làm tất cả những gì có thể làm được để cứu sống bệnh nhân. Khi Sukhoi khẩn cấp đưa bệnh nhân đến bệnh viện, anh thường gặp phải trường hợp, ngoài tình trạng thiêu trang bị óc-xy và giường nằm, người bệnh còn gặp phải nạn

lười biếng và lanh đạm của nhân viên bệnh viện. Trường hợp này, đặc biệt rõ ràng trong việc trị liệu trẻ em.

Sukhov bắt đầu làm việc với xe cứu thương tại Novokuznetsk tháng 6 năm 1986, và một đêm nọ, trong tuần đầu làm việc của anh, có một bà gọi cứu cấp cho đứa con bốn tuổi đang lên cơn suyễn. Sukhov liền đến đưa bà và đứa con đến bệnh viện và trong lúc bà đang bồng đứa bé đi vào, một bác sĩ hét lớn: "Bà đang đi đâu mà ăn mặc như thế?" Bà này tức giận điên tiết và cũng lớn tiếng lại với bác sĩ.

Phần nhiều trẻ em ở Novokuznetsk đều mắc bệnh suyễn, và chúng có những cơn đau nguy cấp trong những giờ giữa nữa đêm và 4 giờ sáng, khi mà các nhà máy xả khói tự do gây ô nhiễm không khí.

Bác sĩ nhận thấy tình trạng đứa bé không nguy hiểm, lúc ấy khoảng 10 giờ tối, nên từ chối khám cho bệnh nhân và than phiền, trước sự ngạc nhiên của Sukhov, là bà này đưa con đến quá sớm. Như vậy, rõ ràng là ông ta muốn tránh việc làm ngoài giờ.

Nhận thấy thái độ ấy, bà mất ngay tin tưởng với ông bác sĩ và dọa sẽ mang con về. Sukhov phải can thiệp và bắt buộc bác sĩ phải lo cho đứa bé và thuyết phục bà nán lại.

Hai năm sau, Sukhov lại gặp phải một trường hợp lanh đạm khác với bệnh nhân.

Đó là đêm 17 tháng 4, 1988 vào lúc 6 giờ chiều, Andrei Golovey, con trai 10 tuổi của một nhà giáo ở Novokuznetsk, được cha đưa đến Bệnh viện nhi đồng số 4, đang lên cơn suyễn rất nặng. Golovey báo trước là tình trạng con ông rất nguy ngập, nhưng bác sĩ không để ý đến ý kiến của ông.

Mặc dù cậu trai này đang bị khó thở, các bác sĩ lại buộc cậu phải đi lên hai thang lầu. Bị đưa vào một văn phòng khóa cửa và ở đấy cho đến 10 giờ đêm, cậu bị mặt mày bầm tím và kêu la không thở được. Cuối cùng, cậu được đưa đến phòng hồi sinh và để ở đấy, không trị liệu gì cả.

Nhiều giờ trôi qua, tình trạng cậu càng lúc càng bi đát, cho đến 3 giờ sáng, cậu bất tỉnh. Mặc dù vậy, cậu cũng không

được săn sóc cho đến 9 giờ. Vào giờ này thì đã quá trễ, cậu tắt thở hai giờ sau đó.

**TAI TRƯU SỞ ĐÌNH CÔNG** trong Nhà văn hóa, điện thoại được gác sang bên để không còn được reo, các thợ mỏ không được cạo râu đang bận rộn, trong không khí đầy khói thuốc lá, bàn cãi về chiến thuật và những yêu cầu của họ để trình lên chánh phủ. Phần lớn gọi điện thoại là của dân chúng phản đối tình trạng đầu cơ tích trữ lương thực và kêu gọi giúp đỡ chống bất công.

Nhưng qua đến ngày thứ ba của cuộc đình công, Mikhail Shadov, Bộ Trưởng Xô-viết đặc trách về than đá cho biết sẽ từ Mezhdurechensk đến thành phố để thương lượng chấm dứt đình công hiện nay đang lan rộng từ Novokuznetsk đến cả vùng Kuzbass và đe dọa đến các mỏ Donetsk, Vorkuta và Karaganda. Shadov mời thợ mỏ gởi đại diện đến gặp ông ta tại đảng ủy *raion*.

"Shadov đã làm rồi," Demidov nói, "không phải ông ta mời chúng ta. Chính chúng ta đã mời ông ta."

Ủy ban đình công liền phái một đại diện mang điệp văn này đến cho Shadov, nhưng 10 phút sau, ông ta đến Nhà Văn hóa và cuộc thương thuyết bắt đầu. Quá mệt mỏi và gần như không còn sức nói chuyện sau kinh nghiệm ở Mezhdurechensk, Shadov mỉm cười vui vẻ sau khi bắt tay mọi người và ôm vai vài người trong ủy ban.

Tại Mezhdurechensk, Shadov đã cố gắng thuyết phục dân chúng kêu gọi thợ mỏ đi làm lại để đổi lấy nhiều ngàn tấn thực phẩm, xà-bông và bột giặt sẽ được tiếp tế thêm, nhưng không kết quả. Tại Novokuznetsk, ông ta từ bỏ chiến thuật này và chuyển sang dùng ngay cách đánh lừa.

Alexander Melnikov, đệ nhất bí thư *oblast* Kemerovo đi cùng Shadov đến Novokuznetsk trưng ra một bức điện tín cho là vừa mới nhận được, cho biết các thợ mỏ Mezhdurechensk đã trở lại làm việc. Khi ủy ban đình công gọi Mezhdurechensk để xác định tin này, họ nhận thấy số mật mã thành phố này đã bị ngăn lại. Trong lúc đó, cũng tại Mezhdurechensk, tin đồn được loan đi

là thợ mỏ Novokuznetsk đã trở lại làm việc. Thợ mỏ Mezhdurechensk cũng không thể liên lạc bằng điện thoại với Novokuznetsk.

Tình trạng rối loạn chấm dứt sau khi có ba thợ mỏ từ Mezhdurechensk đến Nhà văn hóa và hỏi Novokuznetsk còn tiếp tục đình công hay không. Họ cho biết tin của bức điện tín - cho rằng Mezhdurechensk đã trở lại làm việc - của Melnikov là giả mạo. Trong lúc họ nói, Shadov ngồi nhìn xuống giấy tờ của ông ta.

Khi cuộc thương thuyết bắt đầu lại, Shadov và tùy tùng lại dùng một chiến thuật khác nữa. Ông ta bắt đầu chấp nhận yêu sách này đến yêu sách khác. "Các anh muốn gì?" ông ta hỏi, "xe phải không? Chúng tôi sẽ cho. Đồ dùng? Chúng tôi sẽ cho. Các anh muốn tự túc? Thì cứ tự túc. Tại sao lại làm ầm lên như thế?".

Thợ mỏ để ý thấy Shadov đang ký tên chấp thuận những yêu sách của họ trên giấy thường thay vì trên giấy chính thức có tiêu đề cơ quan, và khi được hỏi tại sao, Shadov trả lời, ông ta không có mang theo mẫu giấy chính thức. Thợ mỏ tìm cách hỏi thăm xem Shadov có thẩm quyền chấp nhận những yêu sách của họ hay không, và Shadov nhận là mình không có thẩm quyền này.

"Như vậy, tại sao ông lại ký tên các tài liệu liên quan đến các vấn đề mà ông không có tư cách để quyết định?", Malikin hỏi.

"Tôi không thể có quyết định về các vấn đề này, nhưng tôi có thể cho các anh chữ ký của tôi", Shadov trả lời.

Một sứ giả đưa tin cho thợ mỏ biết, sẽ có một phái đoàn chánh phủ do Nikolai Slyunkov, một thành viên Bộ chánh trị cầm đầu, đang trên đường đi đến Novokuznetsk. Các thợ mỏ liền hủy bỏ ngay kết quả thương thuyết với Shadov và quyết định chờ Slyunkov.

Một trong những chiến sĩ can trường nhất, thành viên của ủy ban đình công, là Yuri Komarov, tin rằng thợ mỏ đã liều mạng một cách vô ích, vì áp lực phải thực hiện kế hoạch. Anh bị ám ảnh bởi những tai nạn chết người tại mỏ Novokuznetsk hoặc do sự làm việc cẩu thả của các bệnh viện. Sau một thời gian, anh

không còn biết được danh sách những người đã thiệt mạng vì các lý do vừa kể.

Các mối nguy hiểm ở những mỏ than Kuzbass là cụ thể và có thật, một phần vì điều kiện thiên nhiên. Than của Kuzbass có chứa một mức hết sức cao lượng khí *mê-tan*, trên mươi lăm ngàn thước khối trong một ngàn tấn than được đào lên. Vì là vùng rất giàu than đá, Bộ liên hệ lại không có kỹ thuật công nghệ hiện đại để khai thác nhiều mỏ mới. Các phương tiện an toàn lao động cần thiết như hàng rào đường rầy và hệ thống thông gió phụ, thường không được thực hiện.

Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn cả là tổ chức làm việc. Nếu thợ mỏ không đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch trong một tháng nào đó, họ chỉ nhận được 350 rúp, nhưng nếu họ đạt được mục tiêu kế hoạch, họ sẽ được lãnh gần bằng hai lần số tiền ấy.

Với những điều kiện như vậy, các quy tắc an toàn lao động thường không được chính các thợ mỏ tôn trọng. Đồng hồ đo lượng khí *mê-tan* trong mỏ để cắt điện khi có quá nhiều khí xuất hiện hoặc khi thiếu không khí, nhiều khi bị chính thợ mỏ phá hỏng để tránh mất thời giờ chậm trễ làm việc. Hậu quả thường xảy ra là các thợ mỏ không biết được lúc nào xuất hiện nhiều khí *mê-tan* rất nguy hiểm.

Komarov đã chịu nhiều tai nạn ngay khi anh bắt đầu làm thợ mỏ năm 1981. Tai nạn quan trọng đầu tiên anh được chứng kiến xảy ra ở mỏ Badaevskaya năm 1982. Một con đội thủy lực (con đội dầu) vì cột không kỷ được kéo lên mặt đất trong một xe nhỏ tuột dốc, nhưng vì không có rào đường rầy, xe này tuột dốc khoảng hơn 300 thước, đụng phải máy phát điện và bốn thợ mỏ đang ăn điểm tâm bị cắt cụt chân. Một người sau đó đã tử trận.

Năm 1985, trong lúc đang làm việc tại mỏ Spitzbergen, Komarov nhận được thư của vợ anh cho hay là có tai nạn xảy ra tại khu mỏ của anh. Mười sáu thợ mỏ đã tử thương, gồm có bốn người đã làm việc trong đội của anh. Hai người bị đè nát, những người khác, trong đó có một người có hai con, bị thiêu sống.

Một đêm nọ, trong lúc Komarov đang làm việc dưới đất tại mỏ than Badaevskaya, anh thấy một ngọn lửa xanh đang chạy

dài trên trần đường hầm. Trong lúc đang nhìn ngọn lửa, anh có cảm giác tóc mình dựng đứng lên vì biết trước, nếu ngọn lửa này chạm phải một túi khí, chắc chắn hầm sẽ nổ và mọi người trong khoảng đường hầm này sẽ bị chết cháy. Nhưng cuối cùng ngọn lửa tắt, và anh lên được mặt đất an toàn.

Tai nạn làm cho Komarov nghĩ phải làm một cái gì để cải tiến điều kiện làm việc ở mỏ, đã xảy ra ngày 25 tháng 2, 1989, trong lúc anh đang làm việc tại mỏ Abashevskaya. Một trong số các bạn của Kamarov là Ivan Vlasov, người có việc làm cung cố đường hầm. Ngày xảy ra tai nạn, Vlasov đang dựng cột chống tại một khoảng đường hầm thình lình bị sụp đổ trên người anh. Tai nạn được báo động. Mười tám người đào trong suốt mười sáu giờ trước khi chính Komarov lôi được xác Vlasov ra.

Những ngày trước đó, anh đã hối thúc Vlasov đã bốn mươi tám tuổi, nên về hưu. Vlasov đã mua được một căn nhà trong vùng, nơi anh muốn sống cùng vợ và hai con gái, nhưng anh nói là chưa sẵn sàng hưu trí, vì anh cần làm việc thêm hai năm nữa để có đầy đủ hưu bỗng.

Komarov đặc biệt lấy làm đau đớn về cái chết của Vlasov, mà số mạng vài năm nghỉ ngơi bị lừa gạt. Nhưng Komarov cũng nhận thấy, nếu một thợ mỏ có sống được cho đến ngày về hưu đi nữa thì họ chỉ có thể mong chờ một giấy chứng nhận danh dự của ban quản lý mỏ mà thôi. Anh nhất định bỏ sức khỏe của mình lại cho mỏ.

**SAU KHI SHADOV RỜI KHỎI** Nhà Văn Hóa, các kế hoạch được đại diện các ủy ban đình công soạn thảo cho tất cả các thành phố mỏ than Kuzbass. Các ủy ban đình công đã hành động riêng rẽ nhau, như vậy làm cho các nhà cầm quyền có thể tìm cách gây chia rẽ và chống đối lẫn nhau giữa các ủy ban này.

Đại diện thợ mỏ đình công của Prokopievsk, Ovsiniki, Kiselevsk, Mezhdurechensk và Lenin-Kuznetsk bắt đầu đến Nhà văn hóa Novokuznetsk. Dự trù Slyunkov sắp đến, họ bàn luận việc soạn thảo trước những yêu sách cho toàn vùng.

Sau cùng, mỗi ủy ban đình công bầu ra hai đại diện cho một *oblast* ủy ban đình công. Ủy ban này bắt đầu phối hợp để soạn thảo các đề nghị thuộc các lãnh vực kinh tế, môi sinh và y tế, lập thành một bản văn duy nhất.

Ngày 16 tháng 7, ủy ban *oblast* họp phiên đầu tiên tại Prokopievsk, nơi đặt bản doanh của Gidrougol, một vùng dầu tư than đá vĩ đại. Nhưng ủy ban này lại cho thấy hoạt động rất khó khăn. Khi có một bất đồng, cuộc thảo luận trở nên hỗn loạn, vì các thợ mỏ không có một cơ cấu để tham khảo. Sau cùng, Yuri Rudolph, đại diện của ủy ban đình công Prokopievsk, đề nghị nên giao quyền chủ tịch ủy ban cho một nhà kinh tế có khả năng.

"Tại sao phải đi tìm? Ông ấy đang ngồi tại sảnh đường kia mà", một thợ mỏ nói, và đưa tay chỉ Teimuraz Avaliani, một đại biểu nhân dân đã tham dự các cuộc họp với tư cách thính giả.

Avaliani đã từng viết thư cho Brezhnev phê bình về nền kinh tế Xô-viết, mà hậu quả là ông suýt bị đưa vào nhà thương điện. Việc này làm ông nổi danh là một đảng viên ly khai tại địa phương. Các thành viên ủy ban đình công bầu Avaliani làm chủ tịch ủy ban mặc dù ông ta không phải là một thợ mỏ và cũng không tham gia cuộc đình công. Dưới sự lãnh đạo của Avaliani, ủy ban chuẩn bị các yêu sách của từng vùng, gồm một yêu sách độc lập kinh tế cho toàn vùng.

Đêm 17 tháng 6, phái đoàn chánh phủ đến Prokopievsk, và cuộc thương thuyết bắt đầu ngày hôm sau. Đi kèm với Slyunkov là Sergei Shalayev, chủ tịch công đoàn Xô-viết và Leonid Voronin, một Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Slyunkov có vẻ như người đang có việc gấp rút.

"Các đồng chí," ông ta nói với Ủy ban đình công *oblast*, "tại sao các đồng chí lại ngồi đây? tại sao các đồng chí không làm việc?"

Các thợ mỏ bị chọc tức phát cáu và phản ứng:

"Ông đại diện cho ai thế?", Yuri Gerold, Phó chủ tịch Ủy ban đình công *oblast*, hỏi lại.

Câu hỏi này làm ngạc nhiên nhiều phụ tá tháp tùng Slyunkov. Đây là một trường hợp hi hữu mà một công nhân đối

đáp như thế với một thành viên Bộ chánh trị. Nhưng Slyunkov trả lời rất giản dị: "Cho Đảng cộng sản của Liên bang Xô-viết và Hội đồng bộ trưởng."

Mặc dù trên thực tế cuộc đình công hiện nay đang làm tê liệt các mỏ than trên khắp nước, các lãnh tụ Xô-viết vẫn tiếp tục nghĩ, các công nhân đều thuộc quyền sở hữu của họ.

Hai bên cùng làm việc gần như không ngừng nghỉ, và khi cuộc tranh luận đề cập đến các nhượng bộ thực tế như tăng tiền công, giao hàng tốt hơn, sự thỏa thuận có thể đạt được. Tuy nhiên, bất cứ vấn đề nào liên quan đến sự tự trị của vùng và tự quản lý của mỏ, thì đều bị lâm vào vòng sương mù của ngôn từ.

Slyunkov, cũng như Shadov trước đây, đều không muốn cứu xét yêu sách về vấn đề tự trị kinh tế của vùng Kuzbass một cách nghiêm chỉnh. Ông ta chỉ sẵn sàng hứa hẹn tăng cường tiếp tế mà thôi.

Đến 1 giờ sáng ngày 19 tháng 7, Slyunkov chấm dứt nói chuyện và đi đến công trường trung tâm Prokopievsk, nơi có từ tám ngàn đến mười ngàn thợ mỏ cùng gia đình họ đang ngồi chờ tin tức về cuộc thương thuyết.

Slyunkov muốn làm dịu tình hình nóng bỏng của đám đông dân chúng và thuyết phục họ đứng về phía chánh phủ, ông ta hứa, sang năm mới, sẽ có nhiều hàng hóa cho các cửa hiệu.

Cả công trường nổi lên tiếng cười chế nhạo.

"Ma quỉ bắt ông đi," đám đông la hét chuỗi rủa, "đừng dùng xúc-xích trám miệng chúng tôi nữa."

**KHI CÁC CHI TIẾT** cuộc thương thuyết tại Prokopievsk được tường thuật lại trên đài truyền hình địa phương, Irina Gladkova, một sinh viên thuộc Viện sư phạm Novokuznetsk và là một bà mẹ ly dị có một con nhỏ, cảm thấy lóe lên một tia hy vọng. Lần đầu tiên, bà nghĩ, đời sống ở Novokuznetsk một ngày nào có thể sẽ khác hơn.

Không ai lấy làm lạ về việc các viên chức Xô-viết nêu cao viễn ảnh tăng cường tiếp tế thực phẩm trước thợ mỏ, bởi vì thực

phẩm đã trở thành một vấn đề luôn luôn ám ảnh dân chúng Novokuznetsk, nhất là những gia đình có con nhỏ.

Nhiều tháng trước khi xảy ra cuộc đình công, Irina đã có giấc mơ trở lại những ngày có bán một thứ gì đó và bà vội vã đi đến với cái thẻ khâu phần của mình để mua. Tuy nhiên, cũng trong giấc mơ này, khi bà đến cửa hiệu thì bà thấy cả một hàng dài người chờ đợi và các quầy hàng thì trống rỗng. Giấc mơ làm bà lo âu. Nhưng đến mùa hè năm 1989, giấc mơ ấy có phần nào trở thành sự thật.

Tại các cửa hiệu tạp hóa quốc doanh ở Novokuznetsk, đã không có thịt kể từ thập niên 1960, nhưng đến thập niên 1980, với chiến tranh Afghan, *xúc-xích* cũng mất dạng. Rồi đến vấn đề thiếu sữa, trứng, bơ và phô-mát, trong lúc thập niên kéo dài, các thời gian ngưng tiếp tế lại xảy ra thường xuyên và lâu hơn. Năm 1989, đường lại không có và kẹo do đó cũng mất luôn, với tất cả loại dược phẩm rẻ tiền, như các thuốc nhức đầu chẳng hạn, kem đánh răng, bột giặt và xà-bông.

Dân chúng bị kích động vì phấn uất, lo sợ không còn thứ gì để mua và bắt đầu mua bất kể thứ gì còn tại các cửa hiệu kể cả các loại thực phẩm khô như mì sợi, bột mì, gạo và cả muối, cho đến khi các loại thực phẩm này cũng hết sạch. Cuối cùng, khoai tây cũng bắt đầu thiếu và giá cả tăng tại các thị trường tự do, mặc dù vẫn còn nhiều người còn để dành do họ thu hoạch được tại các mảnh vườn nhỏ riêng của họ.

Tình trạng thiếu hụt ác liệt này ở Novokuznetsk cuối cùng đưa đến biện pháp hạn chế khâu phân, và mỗi người có cơ hội nhận được các tiếp phẩm cơ bản. Nhưng cuộc tranh đấu không ngừng để tìm thêm các thực phẩm cần thiết đã làm kiệt quệ nghị lực Irina.

**KHÔNG MỘT AI** còn có thể chắc chắn được về phẩm chất của các loại thực phẩm sau khi nhận được nữa.

Sự kiện này được nhận thấy khi Irina nhận việc chất hàng ban đêm tại một cửa hàng bánh mì để kiếm thêm 80 rúp mỗi

tháng, phụ thêm tiền ăn và học phí. Phần lớn các công nhân là phụ nữ - sinh viên hay người về hưu - họ xuống hàng mỗi đêm từ các xe tải đầy thùng bánh mì nặng 11 ký lô.

Không lâu sau khi bắt đầu làm việc, Irina nhận thấy có cái gì lạ trong bánh mì mà đầu tiên cô nghĩ, chắc là những đốm của bột mì, nhưng khi nhìn kỹ lại, cô nhận thấy các ổ bánh đều bị dính phân chim.

Irina hỏi nhân viên kiểm phẩm về lý do bánh mì bị dơ bẩn và được trả lời, kho trữ hàng của lò bánh mì Novokuznetsk rộng lớn, một phần lộ thiên và chim tập trung trên các rui nóc nhà kho cao độ 15 thước, thải phân xuống bánh mì.

Các *công-ten-nơ* chứa bánh lại không được che phủ bằng *ni-lông*, và không ai để ý đến việc này. Irina bắt đầu xem xét thật kỹ các ổ bánh mì dơ bẩn vì phân chim, mặc dù cũng rất khó khăn, vì bánh mì được chất thành hàng chồng lên nhau trong các *công-ten-nơ*. Khi cô nhận thấy có bánh bị dơ, cô đánh dấu để trả lại cho lò bánh, kể như bánh hư bỏ đi. Tuy nhiên, câu chuyện không phải đến đây đã chấm dứt.

Làm việc được vài tháng, Irina lại được một người tài xế cho biết, bánh mì dơ hoàn trả lại cho lò bánh, theo cô nghĩ, phải bỏ đi, nhưng thực sự lại được chất đống và trộn lại với bột để làm bánh mì mới giao trở lại cho các cửa hiệu.

### CÁC CUỘC THƯƠNG THUYẾT giữa thợ mỏ đình công và Slyunkov, Shalayev và Voronin kéo dài trong hai ngày.

Sự thỏa thuận đạt được là các yêu sách liên quan đến vấn đề tăng lương, ưu bổng, nghỉ phép và tiếp tế thực phẩm. Cũng có sự đồng ý với nhau về yêu sách quan trọng nhất đối với thợ mỏ là độc lập kinh tế cho các xí nghiệp và tự tài trợ cho từng vùng trong toàn vùng Kuzbass.

Tuy nhiên, vấn đề độc lập kinh tế chỉ được hứa hẹn một cách mù mờ. Nó được gọi là "hoàn toàn độc lập và hợp pháp kinh tế" cho các mỏ than và xí nghiệp của vùng Kuzbass, không được giải thích rõ ràng ý nghĩa của nó như thế nào.

Các nhà cầm quyền cũng cam kết cho tăng lương 30% và 40% lương làm việc ban đêm. Họ chấp thuận bốn mươi lăm ngày nghỉ phép có lương cho các công nhân làm việc dưới mặt đất, và hứa sẽ gia tăng tiếp tế cho vùng Kuzbass, gồm có 6.500 tấn thịt, 5.000 tấn bơ, 10.000 tấn đường và 3.000 tấn xà-bông.

Thỏa ước còn cho các xí nghiệp quyền bán sản phẩm trên mức ấn định của nhà nước với giá tự do trong nước hay xuất khẩu ra nước ngoài. Vấn đề là phần sản xuất phải giao, theo lệnh, cho nhà nước thì thường gần như 100%.

Các công nhân không hoàn toàn thỏa mãn với kết quả cuộc thương thuyết. Phần lớn các đòi hỏi của họ đã thành đạt, nhưng họ không có cách nào chắc chắn những thỏa thuận sẽ được nhà cầm quyền tôn trọng. Thế mà, ngày 19 tháng 7, các đại diện công nhân mỏ tuyên bố là thỏa ước đã đạt được, và sáng ngày hôm sau họ trở lại làm việc để giải thích thỏa ước này cho các công nhân mỏ. Cuối ngày hôm ấy, Slyunkov đã nói chuyện trước các thành viên của ủy ban công nhân và bài nói chuyện của ông đã được phát thanh cho đám đông dân chúng bên ngoài Nhà văn hóa. Ông ta nói rằng chính phủ đã hiểu rõ các đòi hỏi hợp lý của công nhân vùng Kuzbass và sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để thỏa mãn họ.

Vài thành viên thính giả hỏi Slyunkov họ phải làm gì nếu nhà các nhà cầm quyền địa phương cố ngăn cản thực thi thỏa ước.

"Trong trường hợp này," ông nói, "cứ gọi tôi hay Ủy ban trung ương Đảng."

Ngày 21 tháng 7, công nhân mỏ trở lại làm việc.

### Năm Tháng Sau

TRONG ÁNH SÁNG LỜ MỎ của một buổi chiều tối tháng 12, Anatoly Malikhin, Valery Komarov và Yuri Komarov bước xuống một xe buýt cà tàng, đi đến mỏ than Ziryanovskaya và tuyên bố mở một cuộc mết-tinh thợ mỏ tại sảnh đường đại hội.

Mười phút sau, sảnh đường chật nứa công nhân mỏ đã làm việc hết ca ngày. Đứng dưới tượng bán thân tráng của Lenin, Malikhin bắt đầu đặt các câu hỏi.

Ủy ban đình công đã trở thành ủy ban công nhân mỏ có nhiệm vụ theo dõi việc thực thi thỏa ước tháng 7. Mỗi thành viên của ủy ban này, ngoài số lương của họ, còn được hưởng sự đóng góp của các đồng nghiệp; họ thường xuyên phải đi đến các mỏ để thông báo cho công nhân mỏ biết về tình hình ở Novokuznetsk hay sự tiến triển tiếp tục đàm phán của họ.

Bên ngoài, bóng đêm bao trùm các cây bulô và tuyết rơi phủ các ngọn đồi.

"Tôi muốn biết," một thợ mỏ nói, "bốn hay năm tháng sau cuộc đình công, đã có gì thay đổi không?"

Sự thật thì hầu như không có gì thay đổi cả. Việc tiếp tế các món hàng nhữ bột giặt, xà-bông và thực phẩm gần như bị ngưng ngay và không có được tiếp tế mới. Hình như Novokuznetsk đã giải quyết được vấn đề xếp hàng, vì tại nhiều cửa hiệu tạp hóa hiện nay hoàn toàn không có gì để mua sắm nữa. Trong lúc đó, các mỏ vẫn phải tiếp tục cố gắng để hoàn tất kế hoạch.

"Vậy anh có đề nghị gì?" Malikhin hỏi.

"Tôi nghĩ chắc chúng ta phải trở lại đình công lần nữa".

Một thợ mỏ khác thuật một diễn biến mới vừa xảy ra tại mỏ của mình. Với một đội thợ mỏ được cho biết là sẽ được lãnh thêm 3 rúp cho mỗi tấn than tiền thưởng, vì phải làm việc trong những điều kiện địa chất khó khăn. Nhưng, sau khi than được đào ra, các thợ mỏ đội này lại được vân phòng thủ quỷ cho biết họ không còn đủ tiền để trả tiền thưởng và mỗi thợ mỏ lại nhận được số tiền 200 rúp ít hơn số mà họ đang trông đợi đáng lẽ phải được lãnh. Khi họ than phiền và khiếu nại, thì kế toán trưởng nói trong nước có nhiều vấn đề và Bộ than đá không còn tiền. "Các anh đòi tự túc," viên chức này nói, "thì giờ đây, các anh tự túc đi."

Các thợ mỏ hỏi về cuộc đình công ở Vorkuta, nơi mà công nhân của mỏ Vorshagorskaya đang đình công với những đòi hỏi

chánh trị, gồm có việc hủy bỏ điều 6 hiến pháp Xô-viết bảo đảm quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Thợ mỏ Novokuznetsk quyên góp tiền hỗ trợ cho cuộc đình công và rất lo âu khi nghe nói những gì đã xảy ra ở Vorkuta.

Yuri Komarov, vừa từ Vorkuta trở về, cho biết mười tám yêu sách được thợ mỏ ở đây đưa ra, mười bảy yêu sách có tính cách chánh trị, gồm cả yêu sách đòi chánh phủ phải từ chức.

"Tôi đã hỏi hết người này đến người khác," Komarov nói, "các anh có nhà không? Không. Các anh có xe không? Không, vậy tại sao các anh lo chi với điều 6 của hiến pháp?"

"Thực tế là," Malikin nói, "nếu chúng ta cố làm thay đổi tình thế mà không có sự hợp tác của Đảng cộng sản, chắc phải có đổ máu."

Và như để chứng minh cho nhận xét của Malikin, Alexander Volkov, bí thư tổ chức đảng trong mỏ, chạy đến sảnh đường và nói: "Ai cho phép các anh ở đây? Tôi sẽ khóa cửa phòng họp và tống xuất tất cả ra khỏi đây."

"Được rồi," Malikin nói, "chúng ta để nơi đây cho thợ mỏ và sẽ xem ai là người họ muốn nghe phát biểu. Tôi nghĩ rằng họ sẽ nấm chôn anh và khiêng anh ra ngoài."

Trong lúc tình hình lộn xộn lảng dịu, Volkov ngồi xuống và cuộc mết-tinh lại tiếp tục.

**MẶC DÙ CÁC CUỘC ĐÌNH CÔNG** chứng tỏ thợ mỏ có khả năng ngưng sản xuất than, họ đã không làm gì để thay đổi được hệ thống chánh quyền Xô-viết cả.

Một khi nhà cầm quyền không còn bị áp lực của cuộc đình công ồ ạt, họ sẵn sàng quên đi nhiều điều khoản của thỏa ước. Và với hệ thống chánh quyền Xô-Viết, không có cách nào bắt buộc nó tôn trọng những gì đã cam kết. Tính cách bộc phát làm cho cuộc đình công lan rộng như phản ứng dây chuyền cũng là yếu điểm của nó. Và một khi nó chấm dứt, các thợ mỏ nhận thấy họ vẫn còn bị lệ thuộc vào một hệ thống thư lại thù địch đang không chế mọi khía cạnh của đời sống họ.

Những tháng sau khi các cuộc đình công chấm dứt, nhiều phái đoàn công nhân Kuzbass đã đến Moscow mười tám lượt, nhưng họ không đạt được kết quả nào buộc chính phủ phải tuân thủ thỏa ước chấm dứt đình công.

Chính phủ gặp gỡ nhiều nhóm công nhân thợ mỏ trong nhiều tổ chức khác nhau. Thợ mỏ Donetsk đến các nghiệp đoàn chánh thức, một nhóm từ Vorkuta đến Hội đồng Bộ trưởng, một phái đoàn Novokuznetsk lại đến với Bộ than đá.

Đồng thời, các đại diện chánh phủ cố nhận chìm các cuộc tranh luận nhiều chi tiết với thợ mỏ Kuzbass, chỉ muốn đề cập đến các vấn đề nhỏ nhoi, như việc gia tăng tiếp tế thực phẩm, bột giặt, trong lúc né tránh vấn đề cốt lõi là vấn đề độc lập kinh tế cho toàn vùng.

Lại có vài trường hợp, khi các thợ mỏ đến để họp với các tổ chức chính phủ, họ bị từ chối không cho vào.

Tabeyev, phụ tá của Voronin, tiếp phái đoàn thợ mỏ gồm có Yuri Komarov. Các thợ mỏ này nói với ông ta rằng họ muốn mỗi xí nghiệp được hoàn toàn độc lập kinh tế và thiết lập các thành phố tự do có khả năng thương lượng với các cơ sở cung cấp.

Tabeyev nói: "Các chú em, các chú đòi độc lập kinh tế và giao thiệp trực tiếp với các xí nghiệp nước ngoài. Nếu chúng tôi chấp nhận thì trong năm năm, toàn thể liên bang sẽ phải quy phục."

Sự từ chối cứu xét một hệ thống quan hệ kinh tế mới, mặc dù đã được thỏa thuận với hiệp thương tháng 7, gây bất mãn khắp nơi. Các ủy ban công nhân, tham khảo ý kiến các nhà kinh tế, tiếp tục sửa chữa lại các đề nghị của họ về việc thiết lập một hệ thống kinh tế độc lập cho vùng Kuzbass, và gửi các đề nghị này đến Moscow, nhưng không được các cơ chế chánh quyền cứu xét.

Thời hạn chót để hoàn thành kế hoạch độc lập kinh tế cho Kuzbass là ngày 1 tháng giêng, nhưng ngày này đã qua, mà không thấy có hành động nào cả. Trong lúc đó, mặc dù đã có thỏa thuận về việc bắt đầu tái thiết nhà máy thép Kemerovo,

nhưng cũng không thấy có hoạt động nào xây dựng lại một cơ xưởng hay cải tiến môi sinh và hạ tầng cơ sở của vùng này.

Ngày 2 tháng giêng 1990, kiên nhẫn của các ủy ban công nhân cuối cùng đã cạn kiệt. Họ báo cho chánh phủ biết là nếu chính phủ không gửi ngay một đại diện đến vùng này, chánh phủ sẽ phải chịu trách nhiệm, nếu tình hình bất ổn xảy ra.

Tin này gây được ấn tượng, và không bao lâu sau, Lev Ryabev, đệ nhất Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, được gởi đến Kuzbass.

Nhiệm vụ của Ryabev kéo dài trong hai tuần lễ, trong thời gian này ông cho thấy một thí dụ sự bất tín và ý đồ xấu của chính phủ đối với, không những các ủy ban công nhân mà còn cả với toàn dân chúng vùng Kuzbass nói chung.

Khi Ryabev đến Novokuznetsk ngày 16 tháng giêng, ông ta nói: "Tôi sẵn sàng thảo luận bất cứ vấn đề gì, ngoại trừ vấn đề từ chức của chính phủ." Nhưng khi các cuộc họp thực sự bắt đầu, ông lại cố thuyết phục thợ mỏ là đất nước đang gặp khủng hoảng và cần phải giới hạn việc chính phủ thực thi các điều đã thỏa thuận.

Công nhận trình cho Ryabev kế hoạch thay đổi Kuzbass thành một vùng kinh doanh tự do và kêu gọi ông ta tán thành.

Ryabev từ chối và nói: "Đất nước đang lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn, chúng tôi không thể giải quyết nếu không có thép, than và các hóa chất của Kuzbass."

Trong hai tuần lễ, Ryabev đi từ thành phố này đến thành phố khác, cố tránh hội họp với ủy ban công nhân đại diện cho cả vùng nói chung. Tại một nơi, ông ta hứa sẽ có tiền xây dựng một trường học mới, tại một nơi khác, sẽ gia tăng tiếp tế thực phẩm hay tái thiết một nhà máy đã lỗi thời.

Tại một vài vùng, ông ta thành công vì được tin tức chính xác về nhu cầu khẩn cấp của địa phương, và hứa hẹn sẽ thỏa mãn. Mỗi khi cuộc đàm phán bị lạc từ một vấn đề cụ thể như việc tiếp tế ngoại lệ, đến vấn đề sâu sắc hơn như thay đổi cơ cấu, cuộc thảo luận như bị lu mờ như trong đám sương mù với những ngôn từ vô nghĩa.

Trong lúc các ủy ban đình công đang chạm phải bức tường đá với các cuộc thương lượng với các nhà cầm quyền trung ương, họ cũng bị thử thách bởi các tổ chức đảng địa phương đang cố tìm cách ngăn cản dân chúng ủng hộ họ.

Đảng ở địa phương đã bị các cuộc đình công làm mất uy tín, quyền lực tạm thời bị vô hiệu hóa, nhưng nó vẫn còn kiểm soát các xí nghiệp, tòa án, cảnh sát, và các ngành địa phương của các bộ trung ương. Nó quyết định công trình xây dựng và địa điểm, chức vụ quản lý và với sự cộng tác của các nhà cầm quyền trung ương, thực thi những quyết định sinh tử về kinh tế căn cứ vào giá cả than do trung ương ấn định.

Với bối cảnh này, các lãnh tụ địa phương kêu gọi các ủy ban công nhân nên "đoàn kết" với đảng. Nhưng đồng thời, họ lại tích cực tuyên truyền chống đình công. Các lãnh tụ đảng còn công bố tại các diễn đàn Novokuznetsk các số tiền, do họ tính toán, bị mất đi vì đình công, ảnh hưởng đến tình trạng mất nhà cửa, giường bệnh nhà thương và trường học. Báo chí đăng tải thư của những người gọi là "cựu chiến binh" và "công nhân hưu", tố cáo hoạt động của các ủy ban công nhân gây thiệt hại cho đất nước, trong lúc các ủy ban này lại không có cách nào để đón đáp lại.

Quan trọng hơn nữa là các viên chức đảng không cho công nhân có được một tờ báo riêng, trong lúc đảng có quyền kiểm soát báo chí, tin tức, các nhà sách, làm cho các phong trào công nhân không cách nào có tiếng nói độc lập trung thực của mình được.

Kết quả tình trạng này là một ngõ cụt bế tắc. Các công nhân không có quyền kiểm soát hệ thống thư lại, nhưng giờ đây họ có thể đình công, một cơ hội chỉ có thể bị loại bỏ bằng cách dùng cảnh sát để đàn áp.

Để bảo toàn vị thế đối với công nhân, các ủy ban công nhân thường xuyên đi viếng tất cả các mỏ than trong vùng và cho thợ mỏ biết hoạt động của họ. Các thành viên của ủy ban vẫn tiếp tục cố gắng bảo vệ thường dân khi có khiếu nại hay yêu cầu gì.

Malikhin, đặc trách của ủy ban công nhân *raion* Ordzhonikidze, nhận được nhiều yêu cầu phản ánh tình trạng vô cùng nghèo khổ của vùng này. Anh được yêu cầu giúp đỡ cho ba công nhân xây cất có được giày cở lớn, được yêu cầu giúp cho bốn phế binh đau nặng không đi được ra khỏi nhà, có được một máy giặt và cũng cho một nhà trẽ, vì không có một máy này, nhà trẽ không thể khai trương được.

Các ủy ban công nhân hoạt động, theo cái nhìn của dân chúng, như một cơ quan chính quyền không chánh thức, nhưng cả vùng này có cảm tưởng là cuộc đình công không thành tựu được gì cả, và nó chỉ dẫn đến một cố gắng phát triển thành một tổ chức lao động gồm tất cả những người làm việc trong vùng.

Tháng 11 năm 1989, các ủy ban đình công Kuzbass họp nhau để tổ chức một Liên hiệp lao công của vùng Kuzbass, chấp nhận thành viên của tất cả cộng đồng trong vùng không phải chỉ có các mỏ than hay các nhà máy mà thôi.

Những người lãnh đạo các ủy ban đình công hy vọng tổ chức mới này sẽ đưa đến việc thành lập các liên hiệp công nhân ở Donetsk, Vorkuta và Karaganda và có thể cho toàn Liên bang Xô-viết.

Trong một cuộc mết-tinh của các ủy ban công nhân Novokuznetsk tại trụ sở Nhà giáo dục chánh trị, Viktor Dolgov giải thích tính cách hợp lý của việc thành lập tổ chức mới này.

"Chúng ta nuôi dưỡng ba thế hệ kẻ lười biếng không biết làm gì cả trừ việc lảnh tiền của một hệ thống thư lại. Và trong bao nhiêu năm, họ đã lừa dối chúng ta, nói với chúng ta đó là những năm rất tốt đẹp. Nay thì cặp kính màu hồng đã bị gỡ ra."

# 6 KINH TẾ

*Được trả lương, công nhân tự do làm việc nhanh hơn người nô lệ; nhanh chóng thi hành là một trong những yếu tố quan trọng của nền kinh tế... công nhân tự do nhận lương bằng tiền; người nô lệ nhận sự giáo dục, thực phẩm, chăm sóc và quần áo... cuối cùng, người nô lệ đắt giá hơn công nhân tự do, và sự lao động của họ lại kém năng suất.*

- Alexis de Tocqueville, Nền Dân Chủ tại Hoa Kỳ.

SAU MỘT THỜI GIAN DÀI vắng mặt, Dmitri Barabashov, một viên chức của cơ quan công nghiệp hóa chất thuộc Ủy ban trung ương đảng đã đến trụ sở chánh của đảng ở Quảng trường cũ vào tháng 7, 1989; ông hết sức ngạc nhiên vì các hành lang vắng vẻ và hình như không có ai làm việc cả.

Đây là một buổi sáng mùa hè êm đềm. Xưa kia, vào thời điểm này, cơ quan này thường hoạt động náo nhiệt do các viên chức chuẩn bị cho mùa thu hoạch sắp đến. Thời gian này, nhu cầu dầu, nhất là xăng và dầu diesel, luôn luôn gia tăng và đó là việc làm của Barabashov và các đồng chí của ông. Vấn đề là phải theo dõi xem các xưởng lọc dầu có hoạt động hết khả năng hay không, cũng như các bồn chứa có được đưa đến nơi có nhu cầu hay không. Nếu các bồn chứa bị trễ nải, chẳng hạn như trên đường xe lửa gần oblast Astrakhan, thì xưởng lọc dầu Kuibyshev đang chờ đợi và không có cách gì thúc hối những người chỉ huy đường sắt xúc tiến nhanh hơn được. Nhưng người chỉ huy này là

một đảng viên; do đó, Trung ương đảng có thể ra lệnh cho người này phải gởi các bồn dầu đến Kuibyshev.

Bình thường thì những viên chức như Barabashov sử dụng điện thoại từ 9 giờ sáng đến 9 giờ tối; trong thời gian này, không có viên chức nào trực đêm để duy trì liên lạc giữa các nhà máy lọc dầu quan trọng và các ga xe lửa, để bảo đảm thông tin cho các nhà máy lọc dầu đang cần.

Nhưng đến ngày Barabashov trở lại Quảng trường cũ, phần lớn các viên chức đều vắng mặt; các thợ ký ngồi chơi tại bàn giấy của mình và điện thoại thì gần như im bặt. Cuối năm 1988, guồng máy trung ương đảng bị cắt giảm mạnh về nhân sự. Trong số bốn mươi hai người đang làm việc tại cơ quan công nghiệp hóa chất này, chỉ còn lại chín người, và được lệnh không được xen vào lãnh vực kinh tế.

Khi mùa thu hoạch bắt đầu, các viên chức còn lại và làm việc tại cơ quan đã gọi điện một vài lần, nhưng họ lại không biết phải làm những gì; do đó, thay vì ra lệnh, họ lại viết những bản tường trình không được ai để ý đến cả.

"VIỆC TRAO ĐỔI HÀNG HÓA, tiên nghi, dịch vụ hiện có là nhằm giúp các xí nghiệp giải quyết các vấn đề," Alexander Solntsev nói với viên giám đốc nhà máy làm tủ lạnh hồi tháng 6 năm 1991, "trước kia, ông đã phải trông chờ vào cơ quan tiếp tế cho nhà máy, để có các vật liệu cần thiết, nhưng chúng ta có thể có được các thứ này một cách nhanh chóng, dễ dàng và rất hiệu quả". Và khi mà hệ thống kế hoạch hóa trung ương bị tháo gỡ, thì cuộc trao đổi hàng hóa đã bùng lên trên cả nước. Solntsev là một thành viên của cuộc trao đổi hàng hóa ở Nizhny Novgorod, với thương vụ hằng triệu rúp mỗi ngày, đã trở thành một cơ cấu thương mại giàu có nhất trong *oblast*.

Viên giám đốc nhà máy trở nên khó chịu, nói: "Anh là kẻ bịp bợm, lừa gạt, và nghiệp vụ hoán đổi tạo các thời cơ mau phát."

"Trao đổi là nguồn gốc của nguyên liệu và là lối thoát của hàng hóa," Solntsev nói, "ông cần cả hai, vấn đề là xã hội này sẽ

có khả năng tồn tại trên căn bản lý lẽ thông thường hay không. Tôi nghĩ là nó sẽ có. Nếu không, tôi không làm ra việc này."

**MỘT BUỔI CHIỀU TRỜI NẮNG** trong tháng 6, 1991, Pavel Lebedev, giám đốc nhà máy *silicát* ở Bor phát giấy ghi chép cho các công nhân đang tập họp tại sảnh đường đại hội để họ thảo luận về một ý niệm mới: việc tư hữu hóa nhà máy.

"Nhà máy này rất có lời," Lebedev nói, "nhưng hiện nay 94% số lời đã nộp lên Bộ. Nếu chúng ta trở thành sở hữu chủ nhà máy, thì số lời vừa kể có thể được chia xẽ."

Mặc dù các xí nghiệp tại Liên xô đều được xem như là thuộc công nhân, ý niệm được chia lời là một ý tưởng mới mẻ. Công nhân cố tìm hiểu tư hữu hóa có nghĩa là gì.

Trong cuộc mết-tinh, một công nhân đã hỏi "Làm sao chúng ta có được những gì chúng ta cần? Nhà nước cung ứng cho chúng ta các tiếp liệu."

Lebedev nói "Chúng ta sản xuất hàng năm 150 triệu viên gạch *silicát*, chúng ta có món khiếm hụt và họ cũng có món khiếm hụt, vậy chúng ta trao đổi các khiếm hụt của chúng ta với các khiếm hụt của họ."

Lebedev nhận thức rõ các vấn đề trong sự điều hành nhà máy. Nhà máy phí phạm rất nhiều hơi đốt, điện lực và các nguyên vật liệu, để việc cung cấp lại không bị cắt giảm. Trong lúc đó, các công nhân thì thờ ơ, lanh đạm. Khi có trang thiết bị hư, không một ai thèm lo sửa chữa cả. Nhà máy gạch bị xếp hàng thứ ba trong thị xã về con số công nhân say sưa hằng tháng bị bắt đưa vô trại dã rượu.

Tuy nhiên, đối với Lebedev, thì cái gì làm cho ông ta tin chắc rằng tư hữu hóa là cần thiết, chính là sự can thiệp bất tận của đảng vào các hoạt động của nhà máy.

Cuối tháng 8, 1990, ông được lệnh phái bốn mươi công nhân đến một nông trường kế cận để đào khoai. Hai tuần sau, vào ngày 1 tháng 9, ông được gọi đến trụ sở địa phương của đảng và được viên đệ nhất bí thư bảo ông cử sáu mươi công nhân đến giúp hoàn thành xây cất chung cư gần đấy vào ngày 30 tháng

này. Lebedev giải thích, ông không thể có sáu mươi công nhân sau khi đã phái đi bốn mươi người cho công tác đào khoai rồi.

"Tôi không phải ở đây để nghe những lời xin bào chữa," viên bí thư nói.

"Như vậy thì tôi xin từ chức." Lebedev nói.

Sáng ngày hôm sau, Lebedev lại được gọi đến trụ sở đảng nữa. "Ngày hôm qua anh rất vô lễ đối với đệ nhất bí thư đảng," một viên chức đảng địa phương nói, "nhưng bí thư quyết định miễn cho anh trách nhiệm công tác đào khoai, một khi công tác hoàn thành xây cất chung cư được thực hiện đúng thời hạn."

Đối với Lebedev, sự vụ đến đây đã như một giọt nước làm tràn ly đầy. Và khi các xí nghiệp bắt đầu được tư hữu hóa, ông quyết định xin được cho nhà máy mình được thay đổi trước tiên.

"Khi chúng ta thực thi việc tư hữu hóa," Lebedev nói, "chúng ta là chủ nhân. Điều duy nhất chúng ta sẽ phải làm là đóng thuế cho nhà nước."

"Nhưng nếu chúng ta bị lỗ lã thì sao?" một công nhân hỏi.

"Đó là việc của chúng tôi và cũng là việc của mấy anh," Lebedev nói, "phải làm sao chắc chắn việc ấy không xảy ra".

**VIỆC KIỂM SOÁT GIẢM DÀN**, việc xuất hiện các hoạt động kinh tế tự do và việc tư hữu hóa đã đánh dấu sự bắt đầu cố gắng làm tan vỡ nền kinh tế có kế hoạch.

Marx đã viết, nguồn cội tác hại của thế giới hiện đại là quyền tư hữu các phương tiện sản xuất. Hệ thống kế hoạch tập trung Xô-viết vì vậy, đã được tổ chức để thực hiện ước vọng hủy bỏ quyền này và chỉ huy toàn thể nền kinh tế. Việc này phần lớn đã được thực hiện. Với các mục tiêu kế hoạch, các nhà cầm quyền chỉ đạo cuộc sống của hàng ngàn nhà máy và xí nghiệp, quyết định vùng nào phải chịu đói ăn và vùng nào được ưu đãi, ngành công nghiệp nào được phát triển và ngành nào bị bỏ quên, không có chút quan tâm lo lắng gì đến nguyễn vọng của những người đang sống trong các vùng ấy hay làm việc trong các ngành ấy.

Giám đốc nhà máy hay chủ tịch một nông trường tập thể được bảo phải sản xuất những gì, nhận vật liệu của ai với giá phải trả bao nhiêu, số nhân công được thuê mướn, số lương phải trả và cả cách thức phân phối việc làm cho công nhân cũng vậy.

Tuy nhiên, bằng cách đặt các mối tương quan kinh tế vào cái vòng *lô-gíc* của hệ thống trí thức khép kín, kế hoạch trung ương đã hủy diệt mọi sáng kiến cá nhân. Khi mà mục tiêu không phải là sản xuất một món hàng tiêu dùng mà chỉ để hoàn thành kế hoạch định trước, thì tiêu điểm bị đưa từ định tính của món hàng sang định lượng - đơn vị, tấn, cây số (*kilômét*)- phương tiện duy nhất để có thể xác định hoàn thành kế hoạch. Với quá trình này, công nhân trở thành người máy. Nếu tổng sản lượng được tính bằng đồng rúp, thì nó được thêm vào nhiều chi phí nhỏ nhặt vô ích; nếu được tính bằng sức nặng (lượng), thì nó sẽ sử dụng vật liệu nặng nhất; nếu nó được tính bằng km/giờ, thì nó được chuyên chở tới lui giữa các thành phố thật xa cách nhau.

Trong hoàn cảnh này, sự quá độ đi đến nền kinh tế thị trường không phải chỉ là vấn đề loại bỏ sự chỉ đạo của trung ương và phá hủy tàn tích của hệ thống độc quyền. Trên một quy mô lớn hơn, đây là vấn đề tạo một ngõ ra cho mọi sáng kiến cá nhân sau ba thế hệ làm việc chiếu theo kế hoạch.

Hậu quả ngọt ngào của một nền kinh tế chỉ huy đã rõ ràng trong nhiều thập niên qua tại mọi nhà máy và nông trường tập thể ở Liên Xô.

### Các Nhà Máy

**VLADIMIR TANCHUK** nhận một việc làm tại Nhà máy ống Moscow trên đường Barklaya vì anh muốn biết nền kinh tế vận hành thế nào ở cấp một nhà máy cá thể. Hai sự kiện được anh để ý đến ngay lập tức: các kho hàng chất đầy những chồng to lớn đủ thứ vật liệu và sự kiện là hầu hết những người làm việc trong nhà máy đều say rượu.

Giờ làm hằng ngày bắt đầu từ 8 giờ sáng và hầu hết công nhân đều đến đúng giờ. Dù vậy, thường lại không có việc gì làm khi các công nhân đã đến, và họ bắt đầu ngày làm việc bằng cách chờ đợi vật liệu.

Sự kiện thứ nhất của mọi hậu quả là việc "tòa Liên bang nghỉ giải lao để hút thuốc" vào lúc 10 giờ sáng. Khi Tanchuk bắt đầu làm việc tại nhà máy ống, anh cố làm việc trong giờ hút thuốc này, nhưng các công nhân khác nói với anh rằng giờ nghỉ giải lao hút thuốc là bắt buộc; một công nhân khác thì giải thích là có một đạo luật về vấn đề này là cứ sau mỗi hai giờ làm việc, công nhân có quyền nghỉ hai mươi phút. Có một phòng riêng để hút thuốc trong lúc đổi ca, trong đó có một bàn to lớn, băng ngồi và trên tường có dấu hiệu cảnh cáo say rượu. Cũng có một dãy băng đỗ giăng ngang vách với chữ trắng kêu gọi công nhân tuân hành các biện pháp an toàn kỹ thuật. Công nhân làm việc tại nhà máy thường hay ngủ dưới những khẩu hiệu này vì khi say rượu hay dùng dãy băng đỗ để lau tay.

Sau giờ nghỉ hút thuốc, công nhân chỉ nghỉ đến các thức ăn. Lần nghỉ giải lao khác là 11 giờ sáng. Đến 11 giờ 25, bắt đầu chấm rã làm việc lại cho đến 11 giờ 45, mọi người rời khỏi chỗ làm để đi ăn.

Nhà máy có một *cảng-tin*, nhưng nhiều công nhân không ăn uống tại đây. Hàng dài người chờ lãnh món ăn, *cảng-tin* phảng phất mùi xà-bông Xô-viết, hơi bốc lên từ cái bếp công cộng trộn lẫn mùi thuốc táy, làm cho nhiều công nhân không thể vào được. Họ mang thực phẩm riêng vào phòng rửa mặt thay quần áo để vừa ăn vừa đánh domino. Đặc biệt hơn nữa là có người còn mang theo rượu và bia, mặc dù nhà máy cấm dùng các thứ này. Công nhân thường uống rất nhiều sau khi ăn xong.

Khi giờ ăn trưa chấm dứt, công nhân vẫn ở tại chỗ cho đến khi người đốc công đến hối thúc họ tiếp tục đi làm.

Thường thường khi có đốc công đến, hay xảy ra nhiều cuộc cải vã kéo dài. Công nhân thích cải với đốc công về vật liệu cần thiết đã có sẵn chưa, vì cuộc cải vã kéo dài thời gian nghỉ ăn trưa. Khi họ chịu đứng dậy từ từ càng chậm càng hay, họ mang bao tay

làm việc vào và trong lúc viên đốc công đi tới lui chờ đợi mất kiên nhẫn, họ chạy đến chỗ làm.

Việc làm tiếp tục vào lúc 1giờ30 trưa, nhưng đến 2giờ thì lại nghỉ để hút thuốc. Thường thì sau giờ nghỉ giải lao buổi chiều, các công nhân bắt đầu thấy thèm uống rượu, và có người được phái đi ra ngoài để tìm *vodka*.

Đến 3giờ chiều, thỉnh thoảng những người chỉ huy nhà máy đặc biệt đi kiểm soát xem có công nhân nào uống rượu trong lúc làm việc hay không; các chai rượu vừa mới mang vào được lập tức cất giấu. Nếu viên chỉ huy thấy bụng một công nhân nổi u, ông ta có thể đập vào nó. Nếu thấy được một chai rượu cất giấu, thường khi ông ta bắt đầu la lên và cắt tiền thưởng của công nhân có chai rượu ấy.

Sau khi mọi người đều có một cái gì để uống vào buổi chiều, tốc độ làm việc rõ ràng bị chậm lại. Vài công nhân bắt đầu lắc lư đi đứng không vững, và để khỏi bị té, những người uống quá nhiều lấy vạt áo kẹp vào *é-tô* trên bàn làm việc của mình.

Các máy móc trong nhà máy làm ống này đều mang hiệu ngoại quốc, được chế tạo để sử dụng rất dễ dàng, nhưng chúng lại được dùng không đúng cách. Một trong các công tác của nhà máy là cắt ống ra từng khúc, mỗi khúc dài năm thước. Việc cắt ống tự nó không có gì rắc rối phức tạp cả. Chỉ cần bấm một cái nút cho thật đúng lúc. Nhưng mỗi công nhân làm việc này đồng thời phải kiểm soát để loại bỏ những ống hư, do đó, rất cần sự chú ý, và vì sự chú ý này mà công nhân cắt ống không đều, khi thì ngắn hơn, khi thì dài hơn năm tấc, gây phí phạm kim khí vô cùng to lớn.

Công tác này còn cần nhận nút với một áp lực thật đều. Việc này cũng thường không được thi hành nghiêm chỉnh và kết quả là bên trong ống bị sần sùi không trơn bén, gây cho người tiêu dùng phải cắt lại hai đầu, thêm một lần phí phạm vật liệu nữa.

**TRONG LÚC CÔNG VIỆC** được tiếp tục, sàn nhà xưởng được chất đầy các đống đủ thứ vật liệu. Khắp nơi, Tanchuk đều nhìn thấy

hàng đống thùng, kim loại vụng, hộp, dụng cụ và đồ tiếp liệu. Thường khi công nhân chỉ có công việc lấy một món đồ từ một chồng này, làm một công việc gì đó cho món đồ, xong vứt nó vào một chồng đồ khác, cho đến một lúc nào đó, bỗng thấy hình như họ ít sử dụng vật liệu hơn là chỉ lo chất nhiều đống đồ.

Các công nhân chất hàng của nhà máy chất hai loại ống: một loại thường cần phết một lớp dầu chống rỉ sét và một loại đặc biệt không rỉ sét, loại sau này phải được xếp cách biệt loại thường để không bị dính dầu làm hư hỏng nó ngay. Tính cách khác biệt giữa hai loại ống bắt buộc phải chất riêng ra, nhưng công nhân lại chất chung nhau, do đó kết quả dễ biết trước là dầu của loại ống thường lan sang loại ống thép không rỉ sét và làm hư hỏng nó.

Công nhân làm như thế để hoàn thành kế hoạch. Đặt hàng loại ống thép không rỉ thường rất ít, vì vậy nó không đủ để chất đầy một toa hàng xe lửa, trong lúc đó việc hoàn thành kế hoạch được tính riêng biệt bằng con số toa xe lửa được chất đầy. Có vài trường hợp, loại ống thép đã bị rỉ sét sau một thời gian để ngoài trời, vì vậy nó cũng không cần phải chất riêng với loại thường đã được phủ một lớp dầu. Công nhân cũng không ngần ngại bước đi trên các ống thép không rỉ với giày ủng dính dầu của họ. Họ cười trong lúc làm như vậy, tự hỏi tại sao họ không thể đi trên các ống này nếu nó đã được chất lên toa xe lửa cùng với các ống thép thường được phết đầy dầu.

Cuối cùng, các ống này được đưa đến một nhà máy làm đồ hộp ở Moldavia, và được dùng để sản xuất nước cà chua có mùi rỉ sét.

Những lúc không có việc gì làm, có thể do các trường hợp ngưng trệ thường xảy ra trong việc giao hàng, công nhân tương đối không say rượu, cố tìm việc làm riêng trong phạm vi khu vực của nhà máy.

Với những lúc ấy, Tanchuk thường đến lò đúc để tham gia làm các dàn dựng xe đạp. Nhiều người khác làm những việc lặt vặt, như đem hàng xuống từ một xe tải với tiền công 5 rúp. Nếu được gọi trở lại làm việc, họ xuống hàng thật nhanh, nhanh đến

nỗi những người thường làm quen việc này nghĩ mình không thể nào làm được như vậy.

Đến 4 giờ chiều, công nhân bắt đầu gói ghém bằng giấy báo những gì họ muốn mang về nhà như chìa vít, đinh, viết chì, sổ nhỏ; họ để gói đồ này dưới sàn phòng thay quần áo. Nếu lúc ấy có ai vào phòng này, thì sẽ nhận thấy hàng đống gói đồ và không ai có thể biết được họ đang làm gì nơi đây. Thật sự thì khó có một ngày nào mà không có một công nhân không lấy một món gì của nhà máy bỏ vào túi áo ngoài hay kẹp trong nách để mang về nhà.

Công nhân cũng thường ăn cắp để cho bạn bè. Có thể có người bạn làm việc tại một nhà máy không có món đồ anh ấy đang cần, nên anh ấy không ăn cắp. Quan niệm của công nhân là tất cả đều là của chung, và món đồ ấy là của họ.

Ngày làm việc chấm dứt vào lúc 5 giờ 30 chiều. Mọi người bắt đầu thay quần áo và ra về vào lúc 5 giờ 45. Sau đó, vào lúc 6 giờ, nhà máy bắt đầu làm việc ca đêm thì các nhân viên chỉ huy không có mặt.

Nếu năng suất xuống thấp sau ca làm việc ban ngày, thì ca đêm hoàn toàn mất năng suất. Công nhân uống rượu trong giờ làm cũng như những người làm việc ca ngày, nhưng khác hơn vì những người làm ca đêm thường đến nhà máy trong tình trạng đã ngà say rồi. Phần lớn những công nhân này chỉ làm việc chất hàng. Người đại diện quản lý duy nhất trong những giờ này là một viên chức có bốn phận trực đêm trông nom nhiều cơ xưởng, nhưng phần lớn giờ giấc có mặt tại đây thì ông ta ngủ.

Ban đêm, nhiều chồng ống nặng trơn trượt phải được di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác, trong lúc những người làm việc gần như không thấy đường vì say rượu. Một phụ nữ điều khiển cần cẩu trong xưởng la lên: "Petka, hãy đi ra khỏi đây", trong lúc công nhân này đang đứng dưới ống được nâng lên khỏi đầu anh, ngó ngắn nhìn bà mỉm cười, nói: "Đừng lo, Marusya, mọi việc xong rồi," và té xuống...

Có vài khi, ca đêm rất sôi nổi vì cuộc thảo luận triết lý.

"Anh say rồi," một công nhân nói, "cảnh sát sẽ bắt anh, đưa anh đi trại dã rượu."

"Họ không làm gì tôi đâu," công nhân thứ hai nói, "tôi trung thành mà". Vladimir Mayakovsky nói, "cảnh sát bảo vệ tôi."

"Tốt, vậy việc gì xảy ra cho Mayakovsky, anh đã làm việc quấy. Anh tự sát. Không một tín đồ Cơ Đốc nào làm như thế cả."

"Anh có tin ở Thượng Đế không?"

Có những lúc ngập ngừng vì câu chuyện bị chìm trong tiếng động của các ống rót ra ngoài xe nâng hàng và tiếng kèn kẹt của mấy cái ròng rọc trên cao.

"Không có Thượng Đế nào cả," anh nói, "nhưng có một cái gì đó."

"Anh có bắt buộc các con anh tin Thượng Đế hay không?"

"Chúng nó chỉ tin ở sức mạnh của chúng nó; có thể tin Thượng Đế, nếu đó là cái gì mà chúng tin."

Ca làm đêm thường xảy ra tai nạn. Một đêm nọ, trong lúc Tanchuk chỉ huy ca làm việc, một công nhân mất một phần ngón tay vì anh để ngón tay này trong một ống được cần cẩu thỉnh lình nâng lên.

Vài lúc sau khi tai nạn xảy ra, công nhân say rượu này sững sốt, chạy đến Tanchuk, chỉ vào xương của ngón tay bị thương và nói: "Đây anh xem," ra tuồng như đã làm hư hỏng một bộ phận nào của thiết bị chớ không phải chính thân thể anh.

Tanchuk muốn đưa công nhân này đến bệnh xá, nhưng người phụ tá anh chặn lại. Nếu tai nạn được đăng ký, công nhân này không được lãnh tiền đau ốm vì anh ta say rượu khi xảy ra tai nạn. Tanchuk thì bị khiển trách vì đã cho anh làm việc trong lúc đang say sưa. Thật ra, Tanchuk không có sự lựa chọn nào ngoài việc phải cho công nhân say rượu làm việc ca đêm nếu anh muốn có đủ người. Tạm thời anh đành nghe theo lời khuyên của viên phụ tá là không cho đăng ký tai nạn.

Sau khi công nhân bị đứt tay nhận sự săn sóc đầu tiên, anh ta đến nói với Tanchuk: "Tôi nuôi hai đứa con tôi trong tinh thần tận tụy vì nhân dân." Trong giọng nói của anh không có gì để nghĩ rằng có cái gì đó bất thường đã xảy đến cho anh.

"Đó là lý do tại sao Hitler thất trận," Tanchuk, sau đó, nói với tôi. "Anh ta (công nhân bị thương) không nhìn phàn ngón tay như là của bản thân mình. Tất cả đều là của chánh phủ.

Khi các tai nạn được đăng ký, thường có hoàn cảnh mà trường hợp không cho ban quản lý nhà máy có được sự lựa chọn. Một đêm nọ, một phụ nữ điếc tai làm công việc lau chùi trong nhà máy, vì trượt chân trong đêm tối, té vào dưới đường xe lửa. Thi hài của bà bị cán nát không còn có thể nhận diện được ngay. Nhưng vì không có cách nào che giấu một nạn nhân như vậy, nên cẩn cước của bà được xác định kịp thời và tai nạn được báo cáo.

**CÔNG NHÂN BỐC XẾP** chỉ làm việc khi có các toa xe hàng hóa và sẵn sàng để chất ống đã sản xuất. Theo nguyên tắc, họ không cần làm gì để chuẩn bị ống cho sáng hôm sau. Khi các toa xe được đưa đến vào ban đêm, không thể trì hoãn việc bốc xếp được, họ phải làm việc và họ làm thật hết sức đúng đắn. Tuy nhiên sau khi xong việc, họ lại ngồi lại và bắt đầu uống hoặc vodka, hoặc *chifir*, một loại nước uống có chất ma-túy rất mạnh cùng với nguyên một gói trà với một ly nhỏ nước sôi, và trong tình trạng gần như mê man say thuốc này, họ chờ ca ngày thay họ.

**TẠI CƠ XƯỞNG** làm máy móc ở Moscow, mục đích hình như cũng là cố tránh việc làm. Sergei Voznikov nhận việc đứng máy và điều trước tiên anh nhận thấy là công nhân luôn luôn nói chuyện quá nhiều và cách họ đáp ứng bằng việc làm càng ít càng tốt.

Ngày làm việc bắt đầu 8 giờ sáng. Chừng nào các tiếp liệu được đưa đến liên tục đều đặn, các công nhân đứng máy phải gắn liền với máy và nhịp độ của công việc. Thường thường, họ ở tại chỗ cho đến 11 giờ, giờ ăn trưa. Nếu một trong số các máy có trục trặc, công nhân đứng máy không làm gì cả. Họ chỉ ngồi tại máy của họ hay đi ra ngoài hút thuốc.

Ngoài những công nhân đứng máy, còn một số lớn nhân viên phụ, gồm các công nhân bốc xếp, chạy xe nâng hàng, nhân viên bảo trì và các toán sửa chữa, cùng một cơ quan quản trị, hành chánh rất đông người gồm các kỹ sư, kế toán và giám đốc. Công nhân bảo trì chỉ ngồi hút thuốc phần lớn thời giờ làm việc trong ngày. Nếu có máy nào cần sửa chữa, người chỉ huy xưởng này viết giấy ra lệnh trao cho công nhân bảo trì, nhưng người này lại không thi hành ngay, và nếu được chỉ huy xưởng hỏi lý do, công nhân này giải thích, điển hình như, đang có một công việc khác, không có phụ tùng thay thế hoặc có ai đó đã ăn cắp thùng dụng cụ của mình. Cuối cùng thì phải mất nhiều giờ hay cả nhiều ngày trước khi lệnh sửa chữa được thi hành.

Tình hình này hơi khác với các nhân viên làm việc hành chánh. Những nhân viên này chỉ cần đóng mộc nhận trên giấy, bỏ đi khỏi nhà máy nhiều thời gian dài, rồi trở lại đóng mộc phát ra.

Đến 11 giờ trưa, tiếng ồn ào của nhà máy chấm dứt với việc công nhân tắt máy để đi ăn. Mặc dù nghỉ ăn trưa kéo dài một tiếng đồng hồ, công nhân luôn luôn trở lại với máy của mình càng trẻ càng tốt.

Thời gian còn lại trong ngày, công nhân chỉ nghĩ đến rượu *vodka* là món giải khuây chánh yếu của đời sống công nhân nhà máy; họ có thể mua được *vodka* tại nhà máy bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, với giá mười rúp đắt hơn ngoài đường phố. Cảnh tượng tồi tệ nhất tại nhà máy xảy ra hai lần mỗi tháng, vào những ngày phát lương. Công nhân say lắc lư tại nơi làm việc, nhưng không ai cần để ý đến. Cảnh sát lại không có xe và đủ người để đưa tất cả những người say đi nơi khác.

Thật sự, rượu *vodka* ở Liên Xô thường mang một ý nghĩa có tính huyền bí. Trong một nước phủ nhân Thượng Đế và hứa hẹn một thiên đường hạ giới không thấy đến, *vodka* là con đường duy nhất đối với công nhân, trong đời sống khổ cực hàng ngày, để tự mình đi vào thiên đường.

Công nhân cũng rất chăm chú về những gì họ có thể đánh cắp, thường là các bộ phận lấy từ những cổ máy đã hoàn tất do nhà máy sản xuất. Công nhân có trách nhiệm thêm những chi tiết

cốt yếu cho máy, biết chỗ cất giữ nó và có thể dễ dàng lén vào kho để lảng lặng tháo gỡ nó. Những kẻ ăn cắp này thường không bị khám phá vì những bộ phận bị mất cắp không thể thấy được cho đến khi nó được mang ra sử dụng.

Công nhân mang về nhà những gì bị bỏ quanh nhà máy, những nơi mà không ai cần để chút công mang đi nơi khác. Những người bốc xếp, nhân viên gởi hàng, lái xe nâng hàng, ai cũng ăn cắp dụng cụ, vật liệu, đồ dùng. Công nhân thường để rớt các thùng hàng, cạy mở các gói hàng và lấy các món roi rứt bừa bãi trên sàn nhà. Họ mang về nhà những bộ phận cần thiết cho trang thiết bị nhà họ và khi máy làm việc của họ ngừng hoạt động, họ chỉ ngồi nghỉ tại chỗ không chút lo lắng, đợi các chỉ huy mang đến bộ phận mới thay cho bộ phận bị đánh cắp.

Nhà máy Cơ xưởng có sáu ngàn công nhân làm việc; vì tính cách to lớn này, cái khó khăn tiềm tàng và lớn nhất là sự gián đoạn giao vật liệu và bộ phận rời thay thế. Để giải quyết vấn đề này, nhà máy cần một cả một "đạo quân" gọi là *tolkachi*, hay là "buôn lậu", những kẻ được phép sử dụng mọi phương tiện từ việc hối lộ cho đến đe dọa, bắt chẹt, gây rối, để bảo đảm cho nhà máy có được tiếp liệu cần thiết.

Trong một dịp, Voznikov có nói chuyện với một *tolkach* đang sắp sửa đi đến Novokuznestk để tìm cách có được tiếp liệu dành cho nhà máy Cơ xưởng theo kế hoạch đã đề ra. Người *tolkach* này cho biết từ nhiều tháng qua, nhà máy đang chờ đợi một lô hàng kim loại nhẹ từ Zapsib, một nhà máy thép vĩ đại ở Novokuznetsk và là một trong số nhà máy cán thép to lớn nhất tại Liên xô. Đầu tiên, khi kim loại cần thiết này không được chở đến, nhà máy phải dùng số dự trữ riêng kim loại nặng hơn không cần thiết, đưa tới sự phí phạm mà không ai cần nghĩ đến vì lẽ việc sử dụng kim loại nặng hơn giúp vượt mức kế hoạch về phượng diện trọng lượng và mọi người được hưởng tiền thưởng.

Nhưng nếu Zapsib không gởi đến lô hàng cần thiết từ đây đến cuối năm, thì rõ ràng kế hoạch không thể được hoàn thành và do đó mà nhu cầu nguyên liệu của nhà máy có thể bị cắt giảm theo số sản xuất khiêm khuyết cho năm tới.

Giám đốc Cơ Xưởng viết thư cho Zapsib hỏi tại sao nhà máy mình không nhận được thép. Ông ta nhận được trả lời: "Sẽ gởi đến." Đây là dấu hiệu xấu vì nó không cho biết ngày giờ gởi, và do đó mà vị giám đốc quyết định phái đi một *tolkach*. Công tác được ghi chép như có "sự thỏa thuận giao vật liệu", mặc dù không có gì đã gọi là thỏa thuận về vấn đề này cả. Điều cần thiết là bắt nạt Zapsib phải giao kim loại như kế hoạch đã dự trù.

*Kolkach* cho rằng, trong hoàn cảnh này, tốt nhất nên mang theo một món quà biếu. Các nhà máy ở Caucasus thường gởi những thùng rượu *cognac* và những nhà máy khác sản xuất những món hàng mà ai cũng muốn có như vật dụng, bàn ghế, tủ giường, chén đĩa thì gởi những thứ này.

Cái khó khăn mà *kolkach* phải đối phó trong nhiệm vụ của anh ta tùy thuộc số tiếp liệu đang bị giữ lại và ảnh hưởng của nhà máy, hai vấn đề có tính cách quyết định gây khó khăn cho nhà máy tiếp liệu. Có khi chỉ cần đãi ăn tối cho viên thủ kho và mua cho hắn thật nhiều đồ ăn kể cả *vodka*, rượu và các món ăn khai vị thật ngon. Nhưng nếu sự cám dỗ này không thành công, thì *kolkach* bắt buộc phải dùng đến áp lực của ủy ban *raion* mà động cơ là sự đe dọa khiếu nại với Ủy ban trung ương bằng cách đưa ra một chồng thư yêu cầu cung cấp hàng hóa. Đây là ý đồ gây phiền nhiễu cho bí thư đảng địa phương cho đến khi ông không còn chịu nổi và ra lệnh phải làm thế nào để thỏa mãn các khiếu nại của *kolkach*.

*Kolkach* đang muốn có 320 tấn kim loại của Zapsib, một tổ hợp to lớn sản xuất hằng năm nhiều triệu tấn thép. Có thể anh ta chỉ cần nói chuyện với viên thủ kho, nhưng vì không có mang theo quà cáp và nói năng không được hay, vì vậy không chắc gì được thủ kho chấp thuận yêu cầu của anh. Tình thế đòi hỏi sáng kiến và anh đã nghĩ ra một kế.

Anh giải thích với Voznukov rằng anh sẽ nói với thủ kho chính của Zapsib rằng biên tập viên chuyên viết về công nghiệp của tờ báo *Izvestiya* là bà con thân của anh, người đang chú ý đến việc tại sao nhà máy Zapsib không giao hàng đã được yêu cầu. Người *kolkach* này không chắc sự "lừa dối" có thành công hay

không, nhưng không một tổ chức Xô-viết nào muốn bị báo *Izvestiya* chỉ trích cả. Vì vậy anh nghĩ, có thể Zapsib sẽ chịu giao hàng thay vì chịu rủi ro, mặc dù lời nói của anh còn rất xa vời so với sự thật.

*Kolkach* nói, dù cho nhà máy Zapsib có chịu giao hàng xong, công việc của anh vẫn chưa chấm dứt. Còn phải cần sự thỏa thuận với đường sắt, nghĩa là phải nói chuyện với trưởng ga hay một trong số phụ tá của ông ta, để cố thuyết phục hay hù dọa họ để họ giao hàng.

Nếu hối lộ và đe dọa không xong, *kolkach* cho biết nhiều khi chỉ cần phải ngồi lỳ tại văn phòng trưởng ga, làm gián đoạn việc đang làm của ông ta cho đến khi ông ta hiểu rằng thà thỏa mãn yêu cầu của *kolkach* đỡ tốn công hơn là tiếp tục lưu giữ hàng hóa.

Với cách làm việc như thế, vật liệu cần cho hoạt động công kỹ nghệ phải đổi khác trên toàn cỏi Liên bang Xô-viết, mặc dù không có thị trường.

#### ANATOLY PAPP ĐÃ LÀM VIỆC hai năm tại một nhà máy cắt kim loại có ba trăm công nhân, tại thành phố Genichesk.

Nhà máy này là một trong số nhà máy trực thuộc Bộ chế tạo cơ khí hóa chất, sản xuất các bộ phận cần cẩu dùng đặt các ống dẫn hơi đốt và dầu. Tuy nhiên, không giống các nhà máy khác, nhà máy Genichesk đã sử dụng máy cắt kim loại của Thụy Sĩ. Năng suất cũng như phẩm chất hàng của nó cao hơn các nhà máy khác, tuy vẫn chưa được thật tốt.

Ngày làm việc bắt đầu 8 giờ sáng, rõ ràng chỉ có những công nhân đứng máy cắt là những người thật sự làm việc. Công việc của Papp là cắt các ống kim loại thành như hình con suối. Anh cho các ống này vào máy và điều chỉnh nó trong lúc máy vẫn hoạt động, kiểm soát món đồ cắt xong, lấy kim loại vụn bỏ ra và nếu cần, thay dầu cho máy. Có tất cả bảy mươi máy cắt với số nhân công ba trăm người, vì vậy họ không có sự lựa chọn nào khác là phải cố sức làm việc; hơn nữa, gần 30% lương của họ tùy

thuộc việc hoàn thành kế hoạch sản xuất các món hàng do máy cắt làm ra.

Vấn đề nghiêm trọng nhất là công nhân đứng máy cắt luôn luôn bị gián đoạn sản xuất vì phải sửa chữa chính máy của họ. Trong nhà máy vẫn có công nhân sửa chữa chịu trách nhiệm sửa chữa máy, nhưng những người này lại bận làm việc riêng tư; họ làm các ống thoát cho xe tự động, các bồn chứa nước nóng và các rào mồ mả; những món này được mang đi bán riêng. Các cấp chỉ huy nhà máy không phản đối vì họ cũng nhận được một phần thu loại thu nhập này.

Kim loại dùng để làm những chi tiết do nhà máy sản xuất là một hợp kim đồng thường không được kết hợp chính xác. Vì hợp kim không được đồng đều nên khi các ống kim loại được đưa vào máy cắt quá cũ, máy bị kẹt cứng. Ở Thụy sĩ một người đứng máy có khả năng coi năm máy một lúc; nhưng Anatoly chỉ coi có hai máy mà đã thấy muối kiệt sức.

Trong những giờ làm việc buổi sáng, việc làm rất tốt vì công nhân còn khỏe khoắn. Nhưng Anatoly thường tạm ngưng làm việc vì phải sửa chữa máy. Đến cuối ngày, có đôi khi anh phải ngưng máy mỗi năm phút để kiểm soát, vì vậy việc làm chậm như người bò. Làm việc thật sự trong những điều kiện như thế, Anatoly phỏng tính anh có thể có khả năng cắt thật chính xác một ngàn ống mỗi tháng, trong lúc con số được kế hoạch đề ra là mười ngàn.

Các gián đoạn liên tục làm thiệt hại đến chất lượng việc làm của Anatoly. Các con suốt làm ra, có cái quá ngắn hoặc quá dài, quá dày hay quá mỏng, nhưng những con suốt này được bỏ đi, chỉ khi nào nó không vừa để ráp các cần trục. Nhà máy lắp ráp cần trục không vừa lòng với sản phẩm của nhà máy Genichesk, nhưng vẫn cứ nhận các con suốt này, vì biết rằng nếu từ chối, thì sẽ không nhận được gì nữa. Sự thật thì tình trạng nhà máy Genichesk cũng không khác gì với các nhà máy khác, và kết quả là máy móc của Xô-viết, với hằng trăm bộ phận có khuyết điểm, phẩm chất rất nghèo nàn và thường khi không hoạt động được gì cả.

### Các Nông Trường Tập Thể

KHI EVGENY POLYAKOV, một chuyên viên lưu giữ hồ sơ ở Moscow, bắt đầu viếng thăm nông trường tập thể "Zarya" tại *oblast* Kaluga gần Moscow để kiểm tra sổ sách, ông thấy có vẻ như những nông dân ở đây quá giống những nhóm người tù nhân lao động cưỡng bách đang tìm một cách cách để đi trốn.

Ngày làm việc bắt đầu 5 giờ sáng, khi bà vắt sữa còn ngái ngủ rời khỏi nhà để đến chuồng bò. Tại trụ sở nông trường, chỉ có một ngọn đèn leo lét và tiếng duy nhất được nghe đến là tiếng chó sủa từ xa. Trên đường đi đến chuồng bò, bà vắt sữa đi qua nhiều áp-phích với hình Lenin và hình những anh hùng lực lượng lao động xã hội.

Chuồng bò đầy phân bò không được xúc và người ta có thể định vị được nơi này do mùi hôi của nó. Các bà vắt sữa làm việc rất khó nhọc, nhưng luôn luôn lâm vào tình trạng không ổn định vì điện lực do một máy phát điện không chắc chắn, có thể mất điện bất cứ lúc nào, gây hoảng hốt cho bò và các bà vắt sữa phải làm việc bằng tay.

Đến 7 giờ 30 sáng, những người chỉ huy nông trường họp nhau tại văn phòng của chủ tịch nông trường để bàn thảo chiến lược chiến đấu trong ngày. Trong số những người hiện diện, có người chỉ huy về chăn nuôi và người chỉ huy nông nghiệp, nhưng chính ông chủ tịch quyết định máy kéo nào phải làm việc tại đồng ruộng nào, bao nhiêu người cày, bao nhiêu người bón phân, và bao nhiêu người cả ngày chỉ nhổ cỏ dại.

Một khi có quyết định, các chỉ thị của giám đốc nông trường được phát đi trực tiếp bằng *ra-diô* cho các nhóm nông dân đang chờ đợi tại các ngả đường bùn lầy, và công việc do các đội chia cho từng nông dân.

**TRONG LÚC MẶT TRỜI LÊN CAO** ở chân trời xa, nông trường tập thể sống lại và tại khắp khu vực, nhiều nhóm nông dân bắt đầu làm việc được chỉ định cho mình.

Tại những cánh đồng chung mêm mông, hằng đoàn máy kéo dàn ra bắt đầu cày đất. Kế hoạch được tính toán trên căn bản số mẫu đất làm việc; do đó, những nông dân lái máy kéo có lợi là cày được càng nhiều mẫu đất và càng nhanh càng tốt. Các nông dân lái máy kéo bắt đầu cày thành luống thật sâu quanh bìa các miếng ruộng và di chuyển dần dần sâu vào bên trong; họ bắt đầu giở cao lưỡi cày lên và chạy máy kéo thêm nhanh, và vì vậy, các luống cày dần dần càng trở nên quá nông cạn. Các luống cày đều sâu độ 22 đến 25 phân (cm). Nếu cách xa đường lô một ít, thì chỉ còn độ 15 phân sâu, và đến giữa miếng đất, nơi mà các nông dân lái máy kéo biết chắc không ai đến để kiểm soát, thì chỉ còn sâu độ 5 phân. Thường thường, không ai khám phá các luống cày quá nông như vậy giữa cánh đồng cho đến khi tai hại này được nhận thấy rõ ràng qua kết quả thu hoạch.

Trong lúc công việc cày bừa tiếp tục, các nông dân khác làm việc bón phân.

Phân bò của nông trường thỉnh thoảng được gom lại để ngoài trời mưa. Khi có mưa lớn, phân bị nước mưa làm nhầy nhụa và bắt đầu chảy xuống một dòng suối gần đó. Số còn đọng lại, một phần được máy kéo mang xe ra đồng để rải. Công việc này rất khó chịu và mệt nhọc; ngoài ra, cũng rất khó kiểm soát. Công việc bón phân thường chỉ tiếp tục trong vài giờ, phân bón thì để ở nơi quá xa nông trường và bị đốt bỏ để che giấu sự thật nếu không được sử dụng.

Không được chăm bón đúng cách, đất đai bị kiệt quệ nhanh chóng. Các nông dân lại không biết luân phiên vụ mùa, trồng khoai tây liên tiếp năm này qua năm khác trong cánh đồng, việc luân phiên này rất cần thiết để chống các loại nấm và bệnh cho vụ mùa. Kế hoạch ngũ niêm kêu gọi trồng khoai tây một năm, năm sau là các loại ngũ cốc, củ hành hoặc các thứ cải bắp. Sau mỗi lần thay đổi thu hoạch, cũng cần làm đất lại. Cánh đồng phải được dọn sạch cỏ dại, được cày sâu và được bón thêm phân hữu cơ. Rất ít nông dân muốn làm đầy đủ những việc rắc rối này.

Tại một nơi khác của nông trường, phụ nữ làm việc nuôi gà, săn sóc chuồng gà được đặt tại giữa làng của nông trường. Các bà

này dùng xén xúc phân gà đòng đặc trên sàn trán nhựa và đổ lên xe tải. Bụi bậm trong chuồng gà tạo thành như một lớp sương mù. Các bà làm việc phải mang vải che mũi, nhưng chỉ che chở được chút ít mà thôi. Mỗi xe tải được đổ đầy trong vòng ba mươi phút và các bà nghỉ được năm mươi phút.

Đối với việc gây giống gà tây, là việc không dễ dàng cho các bà. Họ rượt bắt gà tây đã tăng trưởng, cân được khoảng 12 hay 13 ký, nhốt lại, hai người nắm lấy hai cánh gà, giữ cho nó nằm yên trong hai hoặc ba phút, người thứ ba thụ tinh cho nó. Trong lúc con gà bị nắm giữ, nó vẩy vùng làm rách áo với chân có móng nhọn, cào cấu làm trầy da thịt các bà. Và nguy hiểm hơn nữa là khi nó sút ra được một cánh, cánh này có thể đập vào mặt bà đang thụ tinh cho nó, có thể làm hụt mắt bà. Các bà làm việc thụ tinh cho gà này được lanh một quần áo làm việc mỗi năm thường bị gà xé rách rất tàn nhẫn. Sau nhiều giờ làm việc, các bà bị trầy xước hay bầm tím tay chân, mình mẩy đầy bụi bậm mà không có chỗ để tắm rửa.

**NHIỀU NÔNG DÂN** bắt đầu đi lang thang không làm việc sau bữa ăn trưa. Nếu có giám đốc nông trường đến bất thình lình hỏi họ đang ở đâu, thì được trả lời, người này đang đi báo cáo, người kia đang đi lấy một cái xêng.

Đến 2 hay 3 giờ chiều, rất khó mà tìm được một người ở nông trường. Họ đã đi ngủ ngoài đồng, hay uống rượu ở nhà, hoặc đang ngáy ở một cây rơm nào đó.

Thực tế thì không khí tại nông trường tập thể tương tự như trong tình trạng tổng đình công thường trực. Nông dân say trong nửa thời gian làm việc, mỗi người đều cố tìm mọi cách để lánh việc trong lúc rất muốn lẩn tránh những người khác, đây là thói quen thèm muốn và ganh ty góp nhặt vật dụng của lẫn nhau, kể cả người đốc công.

Trong hoàn cảnh này, người đốc công khó ép buộc nông dân phải làm việc, trong lúc nông biết rõ các thói xấu của anh, và nếu anh ép họ quá mạnh, anh có thể bị một lá thư nặc danh tố

cáo với nhà cầm quyền về, thí dụ như tội ăn cắp tài sản của nông trường tập thể. Anh cũng biết rằng tất cả công nhân làm việc đều đáng đuổi đi, nhưng anh không thể làm được vì sẽ không còn đủ người để tiếp tục làm việc cho nông trường. Nếu có một nông dân nào đó được gọi đến để cho biết không có ý muốn làm việc nghiêm chỉnh, thì người này im lặng trước mặt viên giám đốc nói thì thầm gì đó không thể nghe được. Họ cũng biết, dù thế nào, viên giám đốc vẫn không thể loại bỏ họ được.

NÔNG TRƯỜNG TẬP THỂ ISKRA ở tại *oblast* Kalinin gần thành phố Staritsa và sản phẩm chính của nó là sữa và ngũ cốc.

Alexander Lyakin, một họa sĩ hình tượng, sống tại nông trường, anh thờ ơ với những gì anh chứng kiến tại đây mà anh kể như một sự phá hoại nước Nga của Cộng sản. Làng mạc đổ nát, nhà cửa xiêu vẹo, op ép, phân nửa bị đóng ván kín bở hoang. Trạm sửa chữa máy kéo bỏ bừa bãi phụ tùng hư hỏng, nhiều máy móc nông nghiệp rỉ sét lún sâu dưới bùn đất việc đi lại rất khó khăn cả với đôi giày ống. Ngoài đồng, nhiều lùm bụi cây tròng không thu hoạch còn sót lại, có lúc bị tuyết bao phủ.

Các câu chuyện trao đổi giữa nông dân với nhau hầu hết là chuyện tràn tục vô bổ, họ hình như không bao giờ chú ý đến thế giới bên ngoài. Ú lỳ, biếng nhác trước một lỗi lầm, họ chỉ trở nên nhanh nhẹn, lanh lợi trong vấn đề uống rượu hay ăn cắp.

Các chỉ huy báo công việc bắt ngay lúc 7 giờ 30 sáng và giao việc, phân công cho ngày. Tuy nhiên, khoảng một giờ sau, khó mà tìm thấy họ.

Không lâu sau 9 giờ, các máy kéo xuất hiện trên các con đường hầm vết xe. Một giấy dán trên xe viết: "KHÔNG ĐƯỢC CHỞ NGƯỜI," nhưng không được tôn trọng. Hầu hết các máy kéo đều có kéo theo xe gòng, trong ấy, có vài nông dân. Có nhiều trường hợp xảy ra xe gòng bị lật úp và có người chết vì tai nạn do tài xế say rượu.

Giờ thì người ta có thể thấy nhiều nhóm nhỏ người làm việc tại nhiều nơi trên các cánh đồng, nhưng cách thức làm việc

của họ rất lung tung rời rạc. Tại nhiều cánh đồng, năm hay sáu người đàn bà có thể đang nhổ khoai tây bằng tay trong lúc một người đàn ông say rượu đang nằm gần đó.

Đến 10 giờ trưa, Lyakin đến cùng với mười hay mười lăm người đang đứng gần một công trình dự định xây cất bàn luận tìm nơi có bán vodka để mua chịu với số lượng của họ. Trong câu chuyện với nhau họ thường có ngôn từ thô tục như thường có đối với những người làm việc nhọc nhằn, nhảm chán, nhưng hình như họ không muốn làm gì lôi thôi và họ chỉ nổi giận khi có ai cắt ngang câu chuyện của họ để đặt một câu hỏi.

Nhóm người này thường bắt đầu uống rượu không lâu sau khi nông dân tập hợp trong một khu rừng hay sau những bụi cây hay trong một nhà sửa máy kéo. Khắp nơi của nông trường, các nông dân lái máy kéo tụ họp nhau ngoài đồng để uống. Đời sống ở nông trường sớm trở thành không khí một quán rượu khi hằng chục người say xưa đi qua các xóm làng, và những màn xung đột nhau dữ dội tại các cửa hiệu buôn. Công việc bị ngừng lại khi hầu hết nông dân bỏ nơi làm việc trong lúc có một số khác đi làm và ngả gục. Có lúc có những người vợ tức giận lôi kéo các ông chồng mình ra khỏi các nơi tụ họp nhậu nhẹt, nhưng nhiều bà vợ này cũng là những người nghiện rượu.

Dù sao, đến giữa trưa, các nông dân tập thể mặc dù say, cũng đến làm việc trên các mảnh đất riêng của họ. Họ không được trả lương để sống với công việc đồng áng chung, thực phẩm do họ trồng tại mảnh đất riêng giúp họ thêm vào số thu hoạch chung. Cơ giới hóa nông nghiệp hầu như không có, và có lúc người ta thấy vợ chồng cùng nhau kéo cày, bừa làm bằng cây. Với công việc khác, họ dùng xéng, liềm và phăng.

Để có đủ dụng cụ làm việc trên mảnh đất riêng, nông dân thường phải ăn cắp. Người lớn ăn cắp, trẻ con cũng ăn cắp. Quanh nhà một nông dân tập thể được rào kín, bỏ bừa bãi nào là búa, đinh, bánh xe, đầu máy, cây gỗ, không thứ nào được mua cả.

Nông dân tập thể sống với tâm trạng là phải ăn cắp, ăn cắp của nhà nước, ăn cắp của gia đình, họ bị bắt buộc phải ăn cắp.

Nông dân không thể mua được thực phẩm cho gia súc riêng, họ phải ăn cắp ở các chuồng gia súc công cộng. Họ không sắm được dụng cụ, họ ăn cắp ở các kho xưởng sửa chữa của nông trường. Quan trọng hơn nữa là họ phải ăn cắp càng nhiều càng tốt thực phẩm chính tập thể của họ sản xuất.

Thí dụ như các bà vắt sữa bò, họ ăn cắp từ nứa xô cho đến một xô sữa đầy mỗi ngày. Những thợ coi máy rửa chuồng bò cũng ăn cắp sữa như các tài xế máy kéo xe gòng chuyên chở thùng sữa. Lyakin ước lượng số mất mát này của nông trường tập thể vì ăn cắp có thể lên đến 10% tổng số sản xuất hằng ngày, và nó được che giấu bằng cách cho thêm nước vào sữa. (Và ai cũng biết rằng sau đó, tại các cửa hiệu, người ta lại thêm nước một lần nữa).

Nếu một bà vắt sữa đang lấy sữa đổ vào thùng, vào bình hay xô là sữa ăn cắp, các bình hay xô này bị đập bể. Ăn cắp ở đây cũng như ở các nông trường tập thể khác, thường được tha thứ, vì từ lâu, nó đã trở thành một phần của hệ thống làm việc.

**NHỊP ĐỘ LÀM VIỆC MUÔN ĐỜI** ở nông trường tập thể Iskra tiếp tục không thay đổi trong nhiều năm qua. Nhưng đến cuối năm 1980, một sự kiện đã xảy ra làm xáo trộn sinh hoạt bình thường của vùng này. Một buổi sáng mùa xuân 1988, Vladimir Kardanov, một người lái máy kéo, được bảo đi báo cáo cho Alexei Durnov, giám đốc nông trường tập thể ở Pankovo. Kardanov, người Cherkass, đã đến nông trường này vào tháng 11 trước đây, chạy trốn cuộc xung đột miền quê của anh ở Caucasus, anh chứng tỏ là một công nhân rất tận tụy.

Năm 1987, một ngọn gió mới thổi đến vùng này và Durnov, vì phải tuân thủ chương trình của Gorbachev là tạo một giai cấp người cho thuê mướn ở nông thôn, nên cố tìm một nông trường tập thể đang muốn cho thuê đất.

Vấn đề là chương trình mới về việc cho thuê đất của Gorbachev bắt buộc phải có sự cam kết làm việc tận lực. Do đó, Durnov mới chọn một người mới đến như Kardanov, Durnov hứa

với Kardanov nhiều điều kiện tốt, gồm có thời hạn thuận tiện cho việc thanh toán tín dụng để mua sắm máy kéo, bò sữa và chuồng bò, cùng tiền thuê đất thấp. Kardanov chấp nhận và trở thành nông dân đầu tiên thuê đất của một nông trường tập thể. Anh chọn được hai mươi lăm con bò sữa, sắm một máy kéo, làm chủ một miếng đất và một chuồng bò.

Kardanov bắt đầu sự nghiệp bằng cách làm một người thuê đất với nhiều hy vọng, một phần do một chiến dịch tuyên truyền do báo chí trung ương đề ra với tư cách là những người đi thuê. Tuy nhiên, nhiều vấn đề bắt đầu được đặt ra gần như ngay sau đó. Ngày 1 tháng 5, khi nhận chuồng bò của mình, Kardanov nhận thấy nông trường không mở điện; vì vậy, trong hai tháng trời, anh và vợ anh phải vắt sữa bằng tay. Anh cũng có vấn đề trong việc cho gia súc ăn. Một khi điện được mở lại và vấn đề nuôi ăn gia súc được giải quyết, các cộng hòa *baltic* tuyên bố có chủ quyền và ban hành luật "quyền tư hữu". Tình hình này làm cho nhà cầm quyền địa phương lo sợ, nên họ sửa lại hợp đồng với Kardanov. Nếu theo hợp đồng trước đây, bò sữa, chuồng bò và máy kéo, một khi đã được thanh toán, phải trở thành sở hữu của anh, nay theo hợp đồng mới được sửa chữa thì tất cả trở lại là sở hữu của nông trường tập thể.

Mặc dù có sự ngược đời như vậy, Kardanov vẫn tiếp tục cố sức làm cho doanh nghiệp mình có kết quả. Với hy vọng thu được lợi tức đáng kể, anh bắt đầu làm việc ngày đêm, có lúc chỉ ngủ được có bốn tiếng đồng hồ mỗi đêm. Sự săn sóc tận tình của anh đối với đàn bò sữa bắt đầu có kết quả. Trong khoảng thời gian vài tháng, bò của anh có năng suất cao nhất trong nông trường. Anh vắt được mươi hai lít sữa với mỗi con, mỗi ngày so với số tám lít của nông trường. Sữa của bò anh cũng có phẩm chất cao. Tỷ lệ chất mỏ sữa bò của anh đạt được là 3,9% so với 2,8% của nông trường nói chung. Kardanov bắt đầu thu được gần 1.500 rúp mỗi tháng.

Thành công của Kardanov làm ngạc nhiên các nông dân khác của nông trường. Lúc đầu, họ nhìn sự tiến bộ này một cách lặng lẽ, nhưng cảnh sung túc của anh làm họ bắt đầu ganh ghét.

Căng thẳng xảy ra tại phòng thủ quỹ, nơi các nông dân tập thể xếp hàng để lãnh lương. Họ nhìn một cách thèm thuồng số lương của Kardanov. Gần như một thông lệ của nông trường tập thể, tất cả mọi người đều lãnh một số tiền tương đối bằng nhau, không cần biết họ làm việc tốt xấu thế nào. Kardanov lãnh một số tiền bằng ba lần hơn mọi người.

Rồi anh trở thành đối tượng bị tố cáo. Nông dân của nông trường khiếu nại rằng bò của anh sút chuồng dầm hoa màu trên đất có rào và kêu gọi phải phạt anh. Họ tố cáo anh bịp bợm để tăng tỷ lệ mỡ trong sữa của anh. Và một ủy ban đã đến để thử nghiệm sữa do anh sản xuất và nhận thấy tỷ lệ này đúng và hợp lệ.

Một điều kiện để Kardanov trở thành người thuê đất là nông trường tập thể phải giúp đỡ anh, nhưng các nông dân cộng sự với anh lại đòi hỏi anh phải trả tiền công cho họ. Khi anh hỏi mượn một cái bừa đất, người đốc công nói: "Tôi không cho anh mượn gì hết. Anh đang làm ra nhiều tiền, anh có thể mua sắm được."

Láng giềng bắt đầu chưởi bối con cái của Kardanov. Con của những người này đánh con anh và ăn cắp xe đạp của nó. Khi bà vợ Kardanov than phiền, cha mẹ của đám trẻ này bênh vực con họ, cho rằng chúng làm đúng. Khi Kardanov đi tìm hiểu thì bị họ văng tục.

Khi mùa thu hoạch gần đến, Kardanov bị công khai tấn công. Một thành viên của nông trường chạy máy kéo nặng băng qua đồng cỏ nuôi bò của Kardanov, làm hư cỏ, và khi Kardanov yêu cầu dừng làm như thế nữa, thì anh cũng bị văng tục.

Tháng 11, trong một buổi sáng rất lạnh, thấy một người láng giềng đang cày trên đất mình, Kardanov liền chạy đến nói với người này rằng đây là đất của anh.

Người này trả lời: "Tôi sanh đẻ ở đây, anh mới đến sống ở đây chỉ không đầy một năm, vậy đất này là đất của tôi."

Từng người một, dần dần láng giềng của Kardanov cô lập anh. Anh không có cách nào có được phụ tùng thay thế cho máy kéo và sự giúp đỡ trong việc bốc dở và xây cất. Tháng 12, một trận cháy đã thiêu rụi chuồng bò của anh. Kardanov thưa kiện

cho rằng lửa cháy là do một sự cố ý. Không có bằng cớ, Kardanov khó có thể có được trợ giúp để xây dựng lại chuồng bò. Anh mua xi-măng và mướn máy trộn hồ, nhưng máy trộn hồ lại bị mất cắp, trong lúc những công nhân chịu giúp anh thì lại không thấy đến.

Cuối cùng, vì bị bao vây bởi những ganh ghét căm hờn, và vì không đủ khả năng làm việc nữa, Kardanov đã quyết định từ bỏ cố gắng trở thành người thuê đất. Trong một đêm lạnh của mùa đông, anh đã gom góp đồ đạc và cùng gia đình rời khỏi nông trường tập thể này, không hẹn ngày trở lại.

## BIÊN GIỚI

*"Ở Hy-lạp có cọp không?"*

*"Có."*

*"Còn sư tử thì sao?"*

*"Chúng tôi cũng có sư tử."*

*"Tại Nga, không có gì cả và tại Hy-lạp họ có mọi thứ."*

- Anton Chekhov, Đám Cưới

"**KHI MỘT CÔNG DÂN XÔ-VIẾT** đi ra sở thuế quan ở phi trường Sheremetovo," Andrei Koveshnikov, một tài xế hai mươi tuổi nói, "ông ta giống như con thú đang bị săn đuổi. Ông ta mang các cặp xách tay, bao đồ nặng nề, và rõ ràng có vẻ lo sợ ai đó đang chờ đợi giựt hành lý của ông ta. Ông đang cố tìm một xe tắc-xi, vẻ nóng nảy lo lắng và luôn luôn tự hỏi có ai sẽ tìm cách lừa gạt mình không. Nhưng với một người ngoại quốc thì lại khác hẳn. Người này bình tĩnh, mỉm cười, thái độ tự chủ. Trong lúc nhìn quanh, rõ ràng cho thấy ông là người mới đến Liên bang Xô-viết lần đầu tiên, nhưng ông ta không có vẻ nghi ngờ gì cả. Anh có thể bập bẹ với ông ta vài tiếng Anh và ông ta tỏ ra thân thiện, lễ phép nói cảm ơn."

"Nhìn thấy cảnh này ngày này qua ngày khác, lần đầu tiên tôi có được hình ảnh của Tây phương.

"Rồi một ngày kia, tôi được một người bạn ở Đức mời sang viếng thăm nước này, một người bạn Xô-viết gốc Đức đang sống tại St. Augustin gần Cologne. Cảnh đầu tiên làm tôi chú ý là đường xá ra khỏi phi trường Cologne, nó như được đánh bóng, không một ố gà. Tất cả dấu hiệu trên đường đều được nhận thấy

từ xa, và tôi có cảm tưởng là con người khó mà đi lạc được, dù không nói được tiếng nước này.

"Vào ngày thứ sáu, tôi đi đến một cửa hàng to lớn. Cửa hàng này có ba tầng lầu hàng tạp hóa, thực phẩm, và trong hai tiếng đồng hồ, tôi chỉ có thể xem được có phân nửa của tầng thứ nhất. Các bạn tôi thì mua tất cả các thứ họ cần. Tôi so sánh giá cả ở đây với giá cả của chúng tôi, giá cả ở Đức thấp hơn nhiều.

"Có tất cả mười hai loại bánh mì khác nhau. Trong đời tôi chưa bao giờ thấy được cảnh phong phú như thế này và tôi thấy đau xót cho nước tôi. Tôi bắt đầu nghĩ, chỉ có những thằng ngu ngốc, khờ dại mới sống ở nước Nga. Cha mẹ tôi, thân quyến tôi chưa từng thấy cảnh phong phú này và cũng sẽ không bao giờ thấy nó.

"Tôi bắt đầu làm việc tại một nhà máy Đức, nơi tôi có một trong số bạn đang làm đốc công. Đây là một cơ xưởng làm đồ trang trí trong nhà như bàn ghế, tủ giường, và phần lớn thời giờ, công nhân cưa xẻ gỗ.

"Tại Đức, nếu một người làm việc, họ phải làm việc suốt tám giờ liền. Tôi khuân vác và sắp xếp cây ván. Công việc nặng nhọc và đan điệu. Tôi rất mệt mỏi và không thể uống rượu hay hút thuốc. Tại nước Nga, không ai làm việc như thế cả. Ngày làm việc bắt đầu từ 6 giờ sáng đến 9 giờ, từ 9 giờ có 15 phút nghỉ giải lao. Nói một cách khác, chúng tôi làm việc trong 3 giờ, không một lần nào có thể đi ra hành lang để hút thuốc. Không một đốc công nào đến la lối hay xỉ vã chúng tôi và người Đức không than phiền gì cả.

"Tôi lại nghĩ ngay đến việc có thể ăn cắp nhiều ván gỗ. Cũng có nhiều dụng cụ như cưa điện, máy khoan, búa, bở đầy liệt, nhưng không một ai lấy cắp món gì cả.

"Chuyện quan hệ nhau chỉ liên quan đến công việc. Cơ xưởng rất là sạch sẽ, không có chất đống vật liệu. Không ai kiểm soát hay chú ý đến chúng tôi cả. Khắp nơi đều cưa, cắt cây gỗ, nhưng chúng tôi không thấy có bụi bậm. Các mảnh cây vụn được ký lưỡng bỏ vào thùng rác. Nếu không có công việc để bàn thảo, thì không có nói chuyện.

"Nếu công việc có bị ngưng trệ vì một sự hú hồng xảy ra cho dây chuyền, công nhân tự tìm việc làm ngay lập tức. Họ đi đổ rác, lau chùi dụng cụ. Đối với người Nga, làm như vậy là một sự điên rồ, nhưng đối với công nhân ở đây thì thái độ làm việc như vậy là lý do khiến cho họ có được một đời sống tốt đẹp".

MỘT ĐÊM ÂM ÁP của tháng 5, 1990, Igor Yerofeev đến gõ cửa nhà Nikolai Fyodorov, một viên chức Bộ Hơi Đốt trong tòa nhà Komsomolsky Prospekt. Fyodorov mở cửa và mời ông vào, với một cái nhìn lơ đãng lả lùng.

"Đừng để ý đến ông ta," bà vợ Fyodorov một lúc sau đi ra và nói, "cả tuần nay ông ta thẩn thờ như thế đấy, kể từ lúc ông ta từ Hoa kỳ trở về."

Fyodorov mời Igor ngồi trong phòng khách trong lúc bà vợ ông đi pha trà.

"Tôi đã sống cho cái gì và làm việc cho cái gì, tôi đã hoàn thành cái gì?" Fyodorov hỏi, không để ý đến sự hiện diện của Igor. Với Igor, rõ ràng là Fyodorov đang trong tình trạng khủng hoảng tinh thần.

"Anh có biết Sasha Ivanov không?" Fyodorov hỏi, ý nhắc đến tay thợ cờ đã cưới một người vợ Do thái và đã di cư, hiện đang sống tại Boston.

"Có."

"Anh có thể tưởng tượng anh ta lái xe hơi hay không?"

"Thành thật mà nói, tôi không thể tưởng tượng được," Igor trả lời, "ở Moscow, anh ta có rất ít tiền và ăn mặc rất là khiêm tốn."

"Anh ta có một chiếc xe, chín thước béc dài."

Fyodorov nói tiếp: "...mười lăm năm xếp hàng để có một căn nhà chung cư, năm năm xếp hàng để có một chiếc xe, giờ đây vẫn xếp hàng để có một ngôi nhà riêng với chỉ có hai năm hưu bổng..."

"VIỆC ĐẦU TIÊN làm tôi kinh ngạc," Sergei Melkumov, một thợ máy của sân trượt băng vận động trường Dynamo nói, " là tổ chức làm việc của một nông trường nước Pháp."

"Tại một trong số các chuồng bò gần Beauvais, nơi tôi đang viếng thăm một người bạn, có mười con bò được cột chung vào một máy vắt sữa tự động. Một người trông coi bấm một cái nút thì thình lình, nhiều dòng sữa bắt đầu chảy qua các ống nhựa trong vắt vào một thùng thép to lớn, không bị rỉ sét..

"Ngay sau đó một xe tải chạy đến nối với thùng chứa sữa bằng một ống và chuyển hết sữa qua, đồng thời được đo lường bằng một đồng hồ tự động.

"Nhìn thấy việc này, tôi nghĩ đến các bà vắt sữa của chúng ta, dắt bò đến một nơi và vắt sữa với bàn tay dơ bẩn của họ.

"Gần đó, tôi thấy một đồng cỏ. Cỏ thật nhiều và đồng cỏ được rào với cọc *bê-tông* và dây kẽm gai. Tất cả đều rất đúng. Tôi nghĩ: Đây là miếng đất của một người, không ai được rờ tới. Mỗi con bò đều có số và tôi mới biết rằng với những con số ấy, họ theo dõi từng con bò, xem nó ăn bao nhiêu, nó cho bao nhiêu sữa, nó cân được bao nhiêu. Và cũng nhờ các con số ấy, họ có thể kiểm kê đầy đủ vô cùng chính xác.

"Tôi đã biết đời sống nông thôn ở Nga và nhìn thấy những việc làm tôi đau khổ.

"Lần đầu tiên tôi ăn bánh Pháp, tôi rất ngạc nhiên, không phải vì nó quá ngon. Tôi mua sáu cái bánh với giá bảy mươi hai quan.

"Tôi so sánh giá của các bánh này với tỷ lệ phần trăm của lương bổng một người thợ và với giá tương đối bánh bán tại Nga. Hai tỷ lệ suýt soát giống nhau, nhưng phẩm chất bánh Pháp cao hơn nhiều.

"Bạn tôi là một huấn luyện viên đánh quần vợt. Tôi đi với anh để làm việc tại ngoại ô Paris ở Sourcelles, nơi anh dạy đánh quần vợt cho Câu lạc bộ Maccabee. Anh tổ chức cuộc đấu nho nhỏ cho thiếu niên từ tám đến mười hai tuổi. Tôi đã thấy cách anh làm việc với các trẻ em và được cha mẹ các em này tỏ lòng

cám ơn như thế nào. Tôi cũng thấy bị kích thích bởi thái độ của các em bé và sự biết ơn của chúng đối với người thầy Nga.

"Tại nước Nga, những câu lạc bộ như thế không thể có được. Các trẻ em chỉ được huấn luyện bởi các huấn luyện viên thể thao nhà nghề, để kiếm tiền.

"Tất cả những gì ở Pháp làm tôi ngạc nhiên. Tại Nga, nếu anh muốn hỏi đường hoặc một tin tức gì đó, không chắc gì anh sẽ nhận được một sự trả lời đầy đủ. Ở Pháp, anh sẽ nhận được một cách đầy đủ".

**VỚI QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH** được bắt đầu thực hiện tại Liên xô, hàng ngàn công dân Xô-viết lần đầu tiên nhận được phép xuất ngoại và rất bị kích thích bởi những gì họ thấy tận mắt ở thế giới bên ngoài.

Từ nhiều năm, Tây phương được mô tả cho họ đại khái như là những nước nghèo khổ, thiếu đạo đức và khai thác bóc lột, nhưng khi đến đây, họ thấy được ánh sáng, màu sắc đủ loại, sự phồn thịnh và không có xếp hàng chờ đợi.

Tuy nhiên, sự kinh ngạc của họ không phải chỉ là một phản ứng có vẻ bè ngoài. Trong nhiều thập niên sống dưới chế độ độc tài, người dân mất hết ý thức liên hệ với thế giới bên ngoài. Trong hoàn cảnh mà chế độ cố tìm cách áp đặt một ảo tưởng ý thức hệ, thì chỉ có sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài mới có thể cho người dân Xô-viết một điểm tựa ngoại vi để họ có khả năng lấy lại được ý niệm thực tại. Nhưng một sự tiếp xúc như vậy lại bị kiểm soát vô cùng chặt chẽ.

Ranh giới Xô-viết không phải là một hàng rào thường, nó là một giới tuyến giữa hai trạng thái ý thức khác nhau, phát sanh ở Tây phương với một thế giới chấp nhận thực tế, và ở Liên xô là một thế gian mà thực tế được tạo ra. Và như vậy, người Xô-viết đã trở thành những kẻ can thiệp vào đời sống bình thường.

Đó là lý do tại sao họ phản ứng bằng một sự kinh ngạc như vừa kể khi lần đầu tiên đứng trước hình ảnh của thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, sự khác biệt trong nhận thức đã được chứng tỏ

hoàn toàn dưới một chế độ độc tài bằng kinh nghiệm của những người tìm cách tự thoát khỏi Liên bang Xô-viết.

**MỘT ĐÊM ẨM Ả CỦA MÙA HÈ**, Anatoly Butko, một thày thuốc chuyên về phụ khoa ở Artemovsk của *oblast* Donetsk đi vào buồng mình trên tàu *Latvia* đang đậu tại cảng Batumi, cởi bỏ giày ra mà không thay quần áo, lén giường nằm định ngủ. Quanh ông còn có 3 hành khách khác đang sắp xếp hành lý của họ, hình như không để ý đến Butko đi vào buồng không hành lý gì cả.

Đến 10 giờ 10, tàu *Latvia* mở máy; tàu duy nhất này chạy trong vùng phía đông Hắc hải ban đêm, sẽ đến Sukhumi và Sochi.

Boong tàu và các buồng đều yên lặng. Sau khi hành khách cuối cùng, cùng buồng với ông, bắt đầu ngáy lớn, Butko ngồi dậy, mang giày vào, và cẩn thận nói lớn: "Tôi ra đi một vòng trên boong tàu." Không một hành khách nào cựa quậy. Ông liền dùng giấy bông bao đồng hờ tay lại, bước ra hành lang vắng người và đi đến thùng chứa dụng cụ chữa cháy, nơi đây ông đang cất giấu một cây dù, dự trù, nếu cần sẽ làm cánh buồm, một bao *sô-cô-la*, một chai nước uống và một áo phao cao su. Ông mang tất cả ra boong tàu.

Sóng lăn tăn mặt nước, ánh trăng phản chiếu như những thỏi bạc. Gần nửa đêm, Butko nhận thấy boong tàu đã vắng người trừ một cặp nhân tình và một người còn trẻ mà Butko nghĩ chắc là nhân viên KGB đang đứng dựa vào lan can tàu, hai tay thọc vào túi áo. Butko đốt một điếu thuốc và người trẻ này sau vài phút nhìn anh, bỏ đi ra mũi tàu. Butko quăng điếu thuốc đi và từ từ đi ra phía đuôi tàu. Khi đến cuối đuôi tàu, nhìn lại sau lưng thấy không còn ai trên boong tàu, ông liền trèo qua lan can và nhảy xuống biển với chiều cao chín thước.

Hành động của Butko trong đêm này là kết quả của bao nhiêu năm tan vỡ ảo tưởng với chế độ Xô-viết. Thập niên 1950, sau thời gian phục vụ quân đội ở Quần đảo Sakhalin, Bulko đi suốt chiều dài của đất Liên Xô để về nhà ông ở Donbass, ông đã thấy được

nhiều trại lao công tại Siberia. Nông dân các nông trường tập thể vùng Baikal đang đói kém phải đi xin ăn. Thập niên 1960, ông bị cảnh sát đánh đập vì say rượu và bị đưa đến trạm dã rượu; ông bị cạo trọc đầu vì gọi cảnh sát là bọn "phát xít". Với lúc ấy, ông biết rằng phải rời bỏ quê nhà, nhưng những vướng víu cá nhân làm ông phải tiếp tục ở lại Liên Xô. Và sau khi ly dị vợ, ông quyết định đã đến lúc tìm cách trốn sang Tây phương.

Bulko bắt đầu nghiên cứu vấn đề vượt biên. Ông được biết là trước biên giới có một vùng được gọi là "vùng cản mật cao" rộng ít nhất gần 15 km. Tại vùng biên giới, cảnh sát canh giữ mọi con đường và nếu không phải người cư trú địa phương, đi lại trong vùng này không giấy phép thì sẽ bị bắt ngay lập tức. Những người cư trú tại đây đã được thanh lọc và được xem như "trung thành" và đã được khen thưởng vì tố cáo sự hiện diện của người lạ. Trong lúc đó thì những ai lảng vãng trong vùng cách biên giới khoảng gần 50 km có thể bị chặn lại và phải giải thích nhiệm vụ của mình.

Ông cũng được biết qua một người láng giềng có con làm cảnh sát là ngay sát biên giới có nhiều khoảng được rào kẽm gai chạy điện, có chòi canh, và có những khoảng được trải đất mềm luôn luôn được san bằng để dễ thấy dấu chân.

Liên Xô được các nước "thân hữu" bao quanh - Phần Lan, các nước xã hội chủ nghĩa, và Iran - những nước đã trao trả những người vượt biên cho nhà cầm quyền Xô-viết. Thổ nhỉ kỳ không trả lại những người này, nhưng vẫn canh chừng biên giới, Bulko nghĩ có thể vượt biên đi bộ đến đất Thổ. Ông đã nghĩ đến cách dùng khinh khí cầu để bay đi, nhưng không có cách nào tìm được khí *hy-dro* cần thiết. Ông có kinh nghiệm về hải hành và là một tay bơi lội giỏi và do đó, ông quyết định vượt biên bằng bơi dưới biển.

Bulko tính toán thời gian trốn thoát rất chính xác. Nước biển ấm, và sau khi lấy lại hô hấp, ông mang phao vào, nhìn tàu Latvia đang chạy về hướng bắc, hướng Sukhumi. Ông bắt đầu lấy lại hơi thở mạnh và đều đặn, nhịp nhàng. Đêm nay có trăng sáng và gió nhẹ làm mặt nước biển gọn sóng lăn tăn. Ông tự nhận

thấy hoàn toàn cô lập, như đang đi đến một hành tinh khác dưới vòm trời đầy sao sáng. Tàu *Latvia* đã mất hút tận chân trời xa, Bulko còn nhận thấy ánh đèn vàng của các thành phố Xô-viết, khác hẳn ánh đèn nhiều màu của các thành phố Thổ. Ông tự hỏi có phải đây là các đèn quảng cáo không. Butko cũng thấy thỉnh thoảng có tàu tuần của Xô-viết tại gần bờ biển, đèn do thám chiểu vào bờ như báo điềm gở. Ông cố giữ nhịp bơi và có thể nhận biết mỗi giờ trôi qua, là mỗi giờ ông tiến gần đến bờ biển nước Thổ.

Trong lúc đang bơi, Butko tự hỏi mình sẽ làm gì ở Tây phương. Ông là một bác sĩ và nghĩ rằng mình có thể được cần đến với tay nghề này. Ông tự thấy phấn khởi, khoan khoái, cảm thấy lần đầu tiên trong đời là một người tự do.

Mặt trời lên cao trên hướng đông. Butko nhìn đồng hồ tay để nhận ra vị trí của mình và kết luận là mình còn cách khoảng bốn giờ bơi nữa để đến bờ biển nước Thổ. Tuy nhiên, ngay lúc ấy, gió nhẹ lại giảm dần và từ xa có tiếng sấm sét cùng tia chớp trên trời. Rồi thình lình, nước chảy mạnh hơn làm Butko bơi càng lúc càng khó khăn. Một màn sương dày đặc bao phủ làm cho ông không còn nhận thấy bờ biển. Ông cố tìm hướng đông là hướng bờ biển Thổ, nhưng dần dần ông không còn tin chắc nữa. Thình lình ông đụng phải một vật mềm nhũn và như bị điện giật, ông bất tỉnh.

Khi tỉnh lại, ông bị một trận mưa to làm ông không bơi được nữa, đồng thời ông nhận ra là đã bị một con sứa chích. Được nổi trên mặt biển nhờ áo phao, ông bắt đầu bị dòng nước cuốn trôi ngược lại cả một ngày ấy và một đêm sau. Dần dần, hết đau và sức khỏe được phục hồi, ông nhận thấy bị nước cuốn trôi trở lại nơi mà ông đã nhảy từ trên tàu xuống, và sau bao nhiêu giờ bơi, ông lại trở lại bờ biển Xô-viết.

Butko không còn nước uống và thức ăn. Thời tiết đã thay đổi, biển động mạnh, gió to và ông bị sóng nhồi, nhưng vẫn cố chống cự lại dòng nước, bắt đầu bơi lại về hướng nước Thổ. Dùng hết sức lực, ông bơi hằng giờ, nhưng vì dòng nước càng ngày càng mạnh, ông chỉ còn cách bờ khoảng hơn 2 km, có thể

nhìn thấy nhà của gần bờ biển. Lúc ấy, khi mà mục tiêu sắp ở trong tầm tay, ông rất đau khổ nhìn nhận chắc chắn không thể chống cự được nữa với dòng nước. Hoàn toàn bị kiệt sức, ông bị nước cuốn trôi ra biển cả.

Trong ba mươi giờ sau đó, Butko phó mặc cho sóng biển đưa đi, cuối cùng sau ba ngày trôi nổi dưới biển, ông bị sóng tấp vào bờ và trong tình trạng gần như bất tỉnh, tại thị trấn Poti, bờ biển Xô-viết.

Lúc đầu, Butko nằm trên bãi biển, choáng váng, không biết đây là nơi nào. Nhưng sau đó, ông nhận thấy các chòi canh và biết rằng đang ở trên đất Liên xô. Một người đi qua nhận thấy ông với chiếc áo phao, liền đi báo lính biên phòng. Quá yếu để đi trốn, Butko bị bắt và bị đưa đến sở cảnh sát Poti và sau đó, đến cơ quan KGB tại Batumi, nơi đây ông bị nhốt riêng.

Tại Batumi, Butko được một sĩ quan KGB điều tra cho biết vượt biên giới bất hợp pháp có thể bị tù từ 12 đến 15 năm tại trại lao động. Và nếu ông có thể chứng tỏ bị mắc bệnh tâm thần (phải chăng đây là điều mà một người lành mạnh muốn để có thể rời khỏi Liên xô?), thì tội có thể được nhẹ hơn.

Trước sự chọn lựa này, Butko quyết định đồng ý cho rằng mình mắc bệnh tâm thần. Ông nói với bác sĩ bệnh tâm thần: "Xin ông hãy tìm một cái gì sai trái cho tôi". Cuối cùng, ông được cho là người mắc bệnh "trạng thái ý nghĩ vĩ đại". Ông được gởi đến bệnh viện tâm thần ở Gukovo của *oblast* Rostov. Ông bị cầm giữ nơi đây hết mười ba tháng, một thời gian hết sức ngắn đối với một người vượt biên bị thất bại.

Khi tôi [tác giả] được gặp Butko tại nhà của Felix Serebrov ở Moscow năm 1980, ông ta đang sống yên ổn ở Alushta vùng Crimea. Sau khi được ra khỏi bệnh viện tâm thần, ông bắt đầu làm thơ, gồm có bài thơ tựa đề "S.O.S", trong đó, ông kêu gọi dân chúng nên nhìn nhận thực tế của đất nước.

**TÙ PHÒNG GIAM** của khám đường tại một thành phố nhỏ ở Phần Lan, Alexander Shatavka nghe tiếng một số xe hơi đang dừng lại

trước cửa khám. Sau đó, anh nghe tiếng khua chìa khóa của cửa chánh khám ở ngay tầng dưới lâu cùng tiếng ồn ào hoạt động trong hành lang. Và sau đó, hai lính gác đến mở cửa phòng giam, anh bị còng tay và dắt ra ngoài.

Trước cửa khám, Shatrvka thấy ba người khác đã cùng anh vượt biên giới Xô-viết - Phần lan, đó là anh của anh, Mikhail, Anatoly Romanchuk, một cựu lính biên phòng và bạn anh là Boris Sivkov, cả ba đã ngồi trên nhiều xe khác nhau. Shatrvka được lên một xe cảnh sát màu xanh, và sau một ít lâu, đoàn xe rời khỏi thành phố, chạy về hướng nam.

"Họ đưa chúng ta đi đâu đây?" Shatrvka tự hỏi. "Biên giới Xô-viết nằm ở hướng đông, nhưng chúng ta đi về hướng nam. Có thể chúng ta đang đi đến trung tâm thành phố? Hay là có thể họ đang sẵn sàng giao trả chúng ta". Có lúc, Shatrvka toan nắm lấy tài xế, đang ngồi trước mặt anh, nhưng anh lại bỏ ý định này và theo anh, hình như họ đang hướng đến một thành phố Phần lan khác.

Qua cửa kính của xe, Shatrvka nhìn thấy phong cảnh rừng cây cối um tùm. Chạy ngược lại hướng xe của anh là một dọc dài xe, trong số có vài chiếc kéo theo xe mòc đi cắm trại. Những người ngồi trong xe phần lớn còn trẻ, Shatrvka thấy thèm muốn hoàn cảnh họ. Thình lình đoàn xe anh rẽ vào một con đường trán nhựa hẹp, nhầm về hướng đông qua một khu rừng rậm. Các xe đều chạy chậm lại, đến khu vực của một đồn biên giới Phần lan, một căn nhà xây rất đẹp có rào kẽm.

Cả bốn người vượt biên ra khỏi xe và Shatrvka thấy Sikov đi trước anh, thình lình anh này có những cử chỉ bất thường. Boris Sikov đang bị chấn động, la lên: "Sanya, họ sắp giao trả chúng ta về đấy."

Lính gác Phần lan lại bắt những người Xô-viết vượt biên lên xe trở lại, nhưng trước khi ngồi xuống, Shatrvka nhận thấy có ai đó, qua cửa xe còn mở, nắm lấy bàn tay phải của anh và lắc lia. Anh quay ngay lại, thấy vẻ mặt như muốn xin lỗi của điều tra viên Phần lan đã thẩm vấn anh. Shatrvka tức giận rút tay lại.

Quyết định trốn khỏi Liên xô của Shatrvaka do phản ứng chống áp bức. Là một học viên của trường xe hơi ở Krivoi Rog, anh học lái xe để trở thành tài xế. Anh để tóc dài vừa phải. Các huấn luyện viên kêu gọi học viên cắt tóc và Shatrvaka bắt đầu phản đối. Một thời gian ngắn sau đó, anh được *raion* của ủy ban đảng gọi và Panchenko, một viên chức tuyên truyền của đảng nói: " Tại Krivoi Rog này có năm trăm người để tóc như anh. Nếu chúng tôi có thể, chúng tôi sẽ bắn hết các anh."

Shatrvaka rời bỏ trường xe hơi này và đến làm việc trên một tàu đánh cá ở Krasnovodsk. Anh quyết định hỏi một cố vấn pháp luật phương cách rời khỏi xứ sở. Cố vấn pháp luật này đi báo cáo với cơ quan KGB và Shatrvaka bị gọi đến trụ sở ở Krasnovodsk và bị Thiếu tá Bober, phụ tá giám đốc KGB ở đây thẩm vấn về các kế hoạch vượt biên của anh.

"Anh là một đứa con của nước Nga," Bober nói, "vậy tại sao anh lại muốn bỏ đất mẹ để ra đi?"

"Tôi ghét nước này," Shatrvaka nói với giọng đầy xúc động, "tôi không muốn chết ở đây."

"Thôi được," Bober nói, "nếu anh muốn bán nước này, cứ đi đến biên giới và lanh một viên đạn vào lưng."

Shatrvaka rời Krasnovodsk trở lại Krivoi Rog. Nhưng sau khi đến đây một ít lâu, anh được lệnh phải đến ủy ban quân sự để thi hành thủ tục gia nhập quân đội. Shatrvaka không có ý định gia nhập quân đội và đi đến cơ quan này với một con dao giấu trong người. Tại đây, anh chỉ một đường đỏ trên bản đồ nước Nga tượng trưng biên giới Xô-viết và nói với sĩ quan chỉ huy: "Ông thấy lằn vè này không? Tôi hứa với ông rằng một ngày nào đó tôi sẽ ở bên kia lằn ranh này."

"Anh là một kẻ nhát gan", viên sĩ quan này nói.

"Ông nghĩ tôi là một kẻ nhát gan phải không?" Shatrvaka hét lớn và chạy ra sân, cởi nút áo trước ngực ra và dùng dao tự rạch ngực. Shatrvaka trở về nhà và vài giờ sau anh bị bắt đưa đi đến bệnh viện tâm thần ở Igim gần Dnepropetrovsk.

Một thời gian không lâu sau đó, anh bị xóa tên trong quân đội với lý do có triệu chứng mắc bệnh tâm thần, và cũng từ đây, anh tự đặt kế hoạch dứt khoát trốn sang Tây phương.

Shatravka và người anh, Mikhail đi khắp Liên Xô nghiên cứu những nơi có thể thực hiện được kế hoạch. Họ muốn đi trốn bằng tàu, nhưng nhận thấy bờ biển Yalta bị canh gác với đèn pha rọi sáng và nhiều tàu tuần duyên. Họ nghĩ đến việc thuê một phi cơ tặc-xi ra đi từ Simferopol, nhưng lại nghe nói tất cả phi cơ này bị bắt rời khỏi các vùng biên giới sau khi có hai người *Lithuanian* không tặc trốn thoát được sang Thổ nhỉ kỳ vài năm trước đây. Họ đến miền tây Ukraine, nhưng lại từ bỏ ý định trốn sang Hungary để đi đến Yugoslavia và Italy, vì phải vượt qua quá nhiều biên giới. Cơ may tốt và duy nhất còn lại là đi bộ vượt biên giới để đến Phần Lan.

Một trong số người láng giềng của Shatravka ở Krivoi Rog, Anatoly Romanchuk là người đã từng làm cảnh sát biên phòng. Anh cho Shatravka biết có thể đi băng qua vùng phía tây của Chupa. Đầu tiên Shatravka tỏ ra nghi ngờ Romanchuk, nhưng sau ba năm từ khi xảy ra xung đột ở trường xe hơi Krivoi Rog, giờ đây anh bắt đầu ao ước làm lại đời sống ở Tây phương.

Shatravka tìm việc làm ở nhà máy thép Krivoi Rog để kiếm tiền, nhưng rồi không bao lâu lại bỏ việc. Anh, Mikhail, Romanchuk và bạn anh là Boris Sivkov lên xe lửa đi Leningrad. Tại đây thay xe để đi đến Murmansk, và đến 2 giờ sáng họ xuống xe ở một nhà ga lẻ loi giữa rừng ở Chupa. Từ đó họ đi bộ qua vài nhà cửa bằng gỗ, và vào nhiều khu rừng dưới ánh sáng của mặt trời nửa đêm.

Romanchuk bảo đảm với họ không cần la bàn để tìm hướng vì anh biết rõ địa hình, nhưng rồi họ bị lạc vào những khu rừng hoang dã, những đầm lầy, và những hò vò tận. Muỗi bu quanh họ như những đám mây, họ không có thuốc thoa tay và mặt chống muỗi. Họ toát mồ hôi với các quần vải go (jeans) của họ và khi quá mệt phải nằm nghỉ, họ bị muỗi chui vào quần áo.

Trong suốt sáu ngày sáu đêm, họ đi lang thang. Đến ngày thứ bảy, họ chợt gặp được một nhóm nhà vật lý địa cho họ ăn

uống, xong đưa họ bằng phi cơ tiếp tế của nhóm đến Louchi cách đây khoảng gần 300 km.

Thông thường thì những người vượt biên bị bắt được, phải trả giá cho lỗi lầm của họ, nhưng hình như số phận đã định cho bốn du khách này một cơ may thứ nhì. Trong tám ngày sau đó, họ làm những công việc vặt tại Louchi và mua được thuốc thoa, giày ủng và một la bàn. Họ đi xe buýt đến một địa điểm cách biên giới độ 80 km, và lần này họ nhất định không nghe theo Romanchuk, mà chỉ đi theo chỉ dẫn của la bàn, và thế là họ lại ra đi lần nữa.

Lần này thì họ tiến mạnh đến biên giới. Họ thường thức được cảnh đẹp thiên nhiên và ngủ yên trong rừng vì đã có thuốc thoa chống muỗi.

Đầu tiên họ đi theo những con đường mòn rõ rệt, nhưng khi gần đến biên giới, họ lại bỏ các đường mòn này mà tiến sâu vào rừng. Sau tám ngày trong rừng, họ đến một khoảng đất cày rộng được bang ra thật bằng phẳng để có thể nhận thấy dấu chân. Họ đi băng qua khoảng đất này và để lại dấu chân của họ. Giờ đây họ biết đã đến gần biên giới và thay vì phải hết sức cẩn thận, họ lại bắt đầu chạy vì muốn đến biên giới càng sớm càng tốt.

Thình lình, họ ra khỏi rừng và đứng trước bờ một con sông nước chảy xiết, con sông biên giới giữa Liên xô và Phần Lan. Họ chạy đến bờ sông và nhảy xuống sông, bơi qua bờ bên kia là địa phận nước Phần Lan. Đến bờ, họ leo lên và chạy qua một dọc đồn biên giới có màu xanh trắng với hình sư tử và cây kiếm, biểu tượng của Phần Lan.

Nhiều năm sau, Shatrvaka vẫn còn nhớ đến những giây phút này tại Phần Lan, những giây phút sung sướng nhất trong đời anh. Kiệt quệ, nhưng say sưa vì vui sướng, anh ca hát lung tung. Trong trạng thái vô cùng hồn hở này, họ không còn thấy mệt mỏi nữa. Họ vẫn tiếp tục chạy và chạy mà không nhận thấy chân mình bén đất.

Bốn người cùng đi thêm hai giờ liền nữa, có cảm giác như đi đến một hành tinh lạ, thỉnh thoảng dừng lại để nhìn từng lon hay hộp vứt bỏ trên đường đi. Xa xa, họ nhận thấy một ngôi nhà

hư bỏ hoang trên bờ một hồ nước. Quá sung sướng, họ không còn nghĩ đến bất cứ một hiểm nguy tiềm tàng nào nữa, và quyết định vào tạm trú trong ngôi nhà bỏ hoang.

Khi vào nhà, Romanchuk nói với mọi người rằng người Phần lan không cố tìm cách bắt họ đâu. Cái lo duy nhất của họ là cảnh sát địa phương, nhưng đối với những người này, họ có thể né tránh dễ dàng.

Sikov và Romanchuk nằm dưới sàn nhà và ngủ thiếp. Shatrvka và người anh, kiệt sức cũng nằm xuống ngủ say trên sàn cây.

Một lúc sau, Shatrvka thức giấc vì tiếng bay ầm ỉ của một trực thăng đang bay ngay trên đầu họ.

"Trực thăng này ở đâu bay đến đây?" anh hỏi trong khi còn ngáy ngủ.

"Tiếp tục ngủ đi," Romanchuk nói, "chắc là trực thăng của đội cứu hỏa đang kiểm soát rừng."

Và mọi người lại tiếp tục ngủ, nhưng vài phút sau, họ lại thức giấc vì tiếng nói của Romanchuk, lần này có vẻ mất tin tưởng. "Hình như có ai đang đi đến", anh nói.

Rồi bỗng cửa mở ra. Một người mặc kaki có mang súng tự động trên vai, tay nắm giây dắt chó, lên tiếng hỏi mọi người bằng tiếng Phần lan. Không được trả lời, người này lặng lẽ bước ra ngoài, đóng mạnh cửa lại.

"Chúng ta phải rời bỏ nhà này," Sikov nói, "tôi biết chắc có gì chẳng lành đang xảy đến."

Những người khác cũng nghĩ quyết định phải làm gì. Tất cả các cố gắng của họ là nhầm trốn khỏi Liên xô; họ không thể có vấn đề gì đối với người Phần lan cả.

Họ quyết định cất giấu tất cả giấy tờ Xô-viết mang theo, dưới sàn nhà với ý nghĩ sẽ nói với người Phần lan họ là người Canada từ Ukraine tới để tìm cách vào Liên xô một cách bất hợp pháp. Sau một lúc bàn cãi, họ không hy vọng người Phần lan sẽ tin lời giải thích của họ.

"Họ đang đi tìm thêm người giúp đỡ đấy", Romanchuk nói.

Những người vượt biên quyết định ra đi, nhưng khi họ ra khỏi nhà, lính gác Phần Lan đang ngồi trên bãi cỏ, đứng dậy và ra dấu cho họ phải giơ tay lên. Những người lính này bước đến khám xét từng người họ, rút dao trong túi áo ra nhưng hình như không biết làm gì, lại bỏ trở lại vào túi áo. Khi nhận thấy Shatrvaka và các đồng hành của anh không có súng ống gì cả, các lính Phần Lan trở lại chỗ ngồi cũ trên bãi cỏ.

Shatrvaka và mọi người cũng ngồi xuống bãi cỏ cùng với người Phần Lan và bắt đầu nói chuyện thân mật với họ.

Người Phần Lan mời họ hút thuốc, trải ra một bản đồ của vùng và chỉ cho khách Xô-viết của mình địa điểm chính xác mà họ đã vượt qua biên giới, đồng thời đưa cho họ xem một bao thuốc lá không Tuluki Estonian mà họ đã bỏ trên đường đi.

"Bây giờ chúng ta sẽ đi đâu?", Shatrvaka bình tĩnh hỏi.

"Hai km bằng đường bộ", một người Phần Lan nói nhẹ nhàng bằng tiếng Nga, và chỉ trên bản đồ thành phố Kusano.

"Chúng tôi đi Nga, chúng tôi sẽ đi Nga hả?" Shatrvaka hỏi lại bập bẹ bằng tiếng Anh.

"Phải, phải, nước Nga", một người Phần Lan nói, vừa chỉ vào bản đồ hướng đi đến biên giới Liên Xô.

Shatrvaka cố giải thích cho các người lính này biết là nhà tù tại Xô-viết đang chờ họ bằng cách ra dấu các ngón tay tréo như hình song sắt khám đường. Người Phần Lan hình như hiểu ý, vì sau đó họ nói chuyện riêng với nhau, lắc đầu như có vẻ tỏ thiện cảm.

Trong lúc đó một trực thăng đang bay tới và đáp xuống gần đó. Một người Phần Lan lớn tuổi, lực lưỡng, bước xuống và không để ý đến những người vượt biên, đi ngay đến ngôi nhà hoang. Khi ông ta đi ra không quá một phút sau, ông ta cầm trên tay các tài liệu mà họ đã cất giấu kỹ lưỡng dưới sàn nhà.

Ông ta ra lệnh cho lính gác xong, lên ngay trực thăng bay đi.

Không bao lâu sau, nhóm lính Phần Lan rời khỏi nhà hoang. Trời bị mây đen thấp bao phủ và mưa bắt đầu rơi. Nhóm người đi theo hàng dọc, người Phần Lan đi đầu có mang theo la bàn. Sau cùng, Shatrvaka cùng các lính người Phần Lan đến một xa lộ tráng

nhựa. Từ một góc đường, ba xe hơi chạy đến, hai Volvos và một Volkswagen. Ngoài sau các xe này, là một xe buýt nhỏ. Shatrvka lên xe Volvo xanh với hai lính biên phòng. Trước xe anh, anh thấy Sivkov lên xe Volvo đỏ và sau nữa là xe Volkswagen màu vàng theo sau là xe buýt nhỏ, chở anh của Shatrvka và Romanchuk.

Trong lúc xe đang chạy trên xa lộ đầm nước mưa, Shatrvka kinh ngạc vì sự khác biệt quá rõ rệt giữa Phần Lan với vùng Xô-viết Karelia, mặc dù khí hậu và địa hình giống nhau. Các nhà cửa nông thôn ở đây rất ngăn nắp và sạch sẽ, sơn màu vàng sáng chói hay màu nâu. Có những nhà cửa thô sơ, chuồng bò, kho rơm và những khu đất tráng nhựa dành cho cơ giới nông nghiệp như máy kéo. Xa lộ không một dấu nứt nẻ hay ổ gà và dọc theo bên đường có để nhiều thùng sửa đặt trên các bệ cây, hình như muốn ngụ ý rằng ở đây không có trộm cắp.

Rồi họ đến một thành phố nhỏ. Con đường chính trong thành phố đậu đầy xe đủ màu sắc. Cửa sổ các cửa hàng sạch đến độ chói sáng trước ánh nắng mặt trời. Các cửa hàng đầy hàng hóa và khắp nơi đều có trồng hoa, nhà cửa được sơn phết sáng sủa và đều có hàng rào bao quanh. Shatrvka như bị thôi miên, dán mắt nhìn vào kính các cửa hàng mà không nhận thấy xe của anh đã chạy đến một khu đất có rào mạn lưới sắt.

Mưa đã dứt và mặt trời ló dạng. Bốn kẻ vượt biên được đưa đến các trại quân đội và để mỗi người ở trong các phòng cách biệt nhau. Shatrvka ngả mình trên một giường nhỏ và nhanh chóng ngủ thiếp đi. Anh chỉ biết sau đó có người lắc mạnh cho anh thức dậy. Anh đứng dậy và đi theo một người Phần Lan dắt anh đến phòng một người gầy mặc sắc phục quân đội Phần Lan, đang ngồi sau bàn giấy. Sĩ quan này hỏi Shatrvka có biết một ngoại ngữ nào không và anh trả lời không. Sĩ quan Phần Lan này bắt đầu bập bẹ nói với anh bằng tiếng Nga.

"Tại sao anh vượt biên giới Xô-viết - Phần Lan?" sĩ quan này hỏi, "anh có biết rằng Phần Lan và Liên xô đã có hiệp ước giao trả cho nhau những người vượt biên hay không?"

"Chúng tôi định đi đến Thụy Điển. Chúng tôi muốn xin ty nạn chánh trị. Nhưng nếu chúng tôi chỉ đến Phần Lan, tôi xin ông cho chúng tôi được gặp những đại diện chính thức của Hoa Kỳ", Shatravka nói.

"Được rồi, chúng ta sẽ xét vấn đề này sau", sĩ quan nói, "nhưng giờ đây tôi muốn anh chọn trong số tài liệu này, những giấy tờ riêng của anh."

Việc này không khó gì đối với Shatravka, và anh đã làm. Sau khi kiểm lại giấy tờ của anh thấy đúng, sĩ quan này cho anh được trở về phòng mình.

Các người vượt biên trải qua một ngày tại trại quân đội Phần Lan và đến tối họ được đưa lên xe chạy qua thành phố đã đi ngủ. Shatravka và Romanchuk được ngồi chung xe. Romanchuk hỏi lính gác ngồi cạnh tài xế nói được tiếng Nga: "Các anh có trao trả chúng tôi trở về không?"

"Tôi không thể nói đúng là thế nào", người Phần Lan này trả lời, "mọi việc sẽ được biết vào ngày thứ hai, sau hai ngày nữa."

Xe chạy đến một tòa nhà hai tầng, Shatravka và Romanchuk được đưa vào. Đây là khám đường của thành phố. Những người vượt biên được một người Phần Lan râu đỏ đón nhận và đưa đến phòng giam. Shatravka nằm xuống giường nhưng không buồn ngủ. Anh nhìn qua cửa sổ có song sắt đứng to. Sau một lúc, anh nhìn thấy người Phần Lan râu đỏ đi trên đường trước cửa khám đến một nhà xa xa sơn màu vàng. Dần dần đèn nhà cửa tắt hết và thành phố trở nên yên lặng. Chỉ có một con chó nhỏ chạy tung tăng dọc theo hàng rào trước khám, canh chừng bốn người Liên Xô tạm trú.

Những người vượt biên nói chuyện với nhau qua các cửa phòng giam và trao đổi cảm nghĩ của họ. Mọi người đều kinh ngạc về vẻ đẹp của Phần Lan và sẵn sàng sống tại đây trong những ngày còn lại của cuộc đời họ. Khi câu chuyện đề cập đến việc họ có thể bị giao trả về cho nhà cầm quyền Xô-viết, họ cũng đồng ý với nhau, và thà chịu tù ở đây hơn là trở về Liên Xô.

Sáng ngày hôm sau, người Phần Lan râu đỏ vào phòng giam mà mang cho họ ít thức ăn điểm tâm. Sau đó, họ bị thẩm vấn.

Shatrvka được một người Phần Lan còn trẻ, tóc vàng hỏi với vẻ thân thiện, cùng với một người lớn tuổi, thầy giáo dạy tiếng Nga của trường học địa phương làm thông dịch.

Họ đặt nhiều câu hỏi và liên tục đánh máy chữ trong lúc Shatrvka trả lời. Shatrvka thuật chuyện anh đã nhờ một cố vấn pháp luật chỉ dẫn cách thức rời khỏi Liên Xô một cách hợp pháp, anh đã tranh đấu thế nào để ra khỏi quân đội, anh đã dùng dao để tự rạch ngực và đã bị đưa vào bệnh viện tâm thần.

"Như các ông đã thấy," Shatrvka nói với người điều tra vẫn tiếp tục đánh máy chữ, "nếu các ông giao trả chúng tôi trở về Liên Xô, chắc chắn bệnh viện tâm thần sẽ chờ đón chúng tôi."

Điều tra viên hỏi Shatrvka tại sao anh muốn rời bỏ Liên Xô. nước anh có nhiều đàn bà đẹp, nhất là tại Leningrad", ông ta mỉm cười nói.

"Có nhiều lý do lắm," Shatrvka trả lời rất nghiêm chỉnh, "tuyên truyền hằng ngày của Cộng sản hầu như không thể nào trốn tránh được, vu cáo và khủng bố ngược đãi những người lương thiện đúng đắn, thí dụ như phong trào chống Viện sĩ Andrei Dmitrievich Sakharov, lương bổng thấp và sự đe dọa bị tù vì chống đối làm việc cho nhà nước, nói cách khác là làm nô lệ hợp pháp, sự kiện biên giới bị đóng kín làm cho đất nước này giống như một trại tập trung khổng lồ."

Điều tra viên có vẻ cảm kích với sự trả lời của Shatrvka.

"Các ông có định giao trả chúng tôi không?" Shatrvka hỏi.

"Chúng tôi không có sự lựa chọn nào cả," điều tra viên nói, "chúng tôi có một hi vọng với Liên Xô, giao trả lại cho nhau những người vượt biên. Nếu anh là một khách du lịch và xin ty nạn chánh trị, chúng tôi có thể giúp anh."

Cuối cùng, điều tra viên trao cho Shatrvka tài liệu ông ta đã đánh máy chữ viết bằng tiếng Phần Lan và bảo anh ký tên. Shatrvka ký xong và được đưa trở về phòng giam. Ngày hôm sau, anh và các bạn đồng hành bị đưa trở lại biên giới Xô-viết - Phần Lan.

SAU KHI SHATRAVKA GIẬN DỮ rút tay ra khỏi tay điều tra viên người Phần Lan, cửa xe buýt được đóng lại phía sau anh. Khi tất cả mọi người đều ngồi vào xe, xe chạy khoảng hai trăm thước vào rừng. Họ mở rào cản có chữ viết biên giới Xô-viết, một sĩ quan Phần Lan cùng với các lính biên phòng đến xe Volvo có Sivkov đang ngồi bảo anh xuống xe. Sivkov uể oải bước xuống xe. Rào cản thứ nhất được nhắc lên, đến cản thứ hai và anh đã sang bên kia biên giới.

Cố nén tức giận, Shatrevka đứng lên dùng chân đá vào cửa xe buýt nhỏ làm sút ra và rơi trên đường nhựa với cả viền cao su của nó. Người Phần Lan đang ngồi trên xe vẫn bình tĩnh, như không có gì đã xảy ra. "Suomi Schwein!" Shatrevka la lớn và phun nước miếng ra ngoài cửa xe. Nhưng qua cơn giận, anh nhận thấy không còn cách nào chống lại việc không thể tránh được.

Một sĩ quan đi đến xe buýt và nói: "Chúng ta đi đi." Shatrevka rời khỏi xe buýt và với sĩ quan đi kèm, đi trở lại biên giới Xô-viết, bỏ lại Phần Lan và Tây phương.

"Họ của anh là gì?" Một đại tá ốm người Xô-viết đến gặp Shatrevka và hỏi anh. Rồi một nhóm nhỏ gồm một thiếu tá nhỏ người và hai nhóm binh lính biên phòng, mỗi nhóm ba người võ trang với súng Kalashnikovs, cũng đến gặp anh.

"Tôi không biết. Tôi quên rồi," Shatrevka điềm tĩnh trả lời.

"Họ của anh là gì?" Viên đại tá này nhắc lại.

"Tôi không biết", Shatrevka la lớn và bắt đầu chưởi rủa và văng tục bừa bãi.

Sĩ quan Phần Lan đang đứng gần đấy nói bập bẹ tiếng Nga: "Họ của anh ấy là..."

"Câm đi, bọn đây tú xu nịnh," Shatrevka hét lớn và tìm cách chọc tức các sĩ quan Xô-viết thêm nữa, "tên tôi là Ian Smith."

"Họ của anh ta là Shatrevka", sĩ quan Phần Lan nói.

"Ngưng trò hề đi," viên đại tá Xô-viết nói, "chúng tôi sẽ viết báo cáo anh đã chưởi bối các đại diện người Phần Lan."

"Câm đi, đồ chó đẻ Xô-viết," tôi không cần để ý đến những gì ông viết.

"Bắt ngay tên điên này đi!" viên thiếu tá Xô-viết nói đủ lớn để Mikhail, người đang còn trên lãnh thổ Phần Lan nghe được.

Binh lính biên phòng Xô-viết liền nắm lấy Shatrvka và thay còng tay rộng của Phần Lan bằng còng tay hẹp của Xô-viết, và họ siết thật chặt làm cho anh bị đau đớn. Shatrvka ngồi ghế sau trong một xe hàng nhỏ, ngửi thấy mùi dầu xăng. Xe bắt đầu lăn bánh, anh cũng bắt đầu trêu chọc các lính biên phòng ngồi quanh anh.

"Các anh biết không," anh nói, "Phần Lan đúng là một nước dành cho con người. Sự thật thì làm tù nhân ở Phần Lan còn tốt hơn là sống như một người tự do tại Liên Xô."

Lính biên phòng nói với anh rằng anh sẽ bị đưa ra tòa để bị xét xử.

"Vô ích, thì cũng vậy thôi, sau ba năm tôi sẽ ra tù và vẫn tìm cách vượt biên nữa. Bằng cách này hay cách khác, tôi cũng phải đi khỏi cái địa ngục cộng sản này."

"Anh đang nói gì thế? Ba năm à?" một trung úy trẻ nói, "Anh sẽ lãnh mười lăm năm đấy."

Bốn chiếc xe tải nhỏ chở các kẻ đi trốn chạy theo một con đường nhỏ đầy rác rưởi trong rừng, quanh một hồ nước nhỏ, và dừng lại gần một ngôi nhà trong rừng.

Shatrvka bị dẫn đến một phòng sáng sủa, có một bàn dài trải vải đỏ. Một bên là các sĩ quan Phần Lan và một bên là sĩ quan Xô-viết. Viên đại tá Xô-viết mời Shatrvka ngồi và giải thích rằng anh được mời chứng kiến việc nhà cầm quyền Phần Lan trao trả các tài liệu. Anh được yêu cầu ký tên vào mỗi tài liệu.

"Nhưng trước hết," Shatrvka nói, "phải mở còng cho tôi chó? Nếu không, tôi không thể ký."

Viên đại tá ra lệnh mở còng cho anh. Sự đau đớn của anh đã đến tận khuỷu tay, nhưng mở còng rồi mà Shatrvka vẫn bị khó khăn khi phải sử dụng các ngón tay.

"Còng của mấy ông tốt hơn còng của Xô-viết", Shatrvka nói với các người Phần Lan, họ mỉm cười, nhận lời khen với vẻ cảm ơn.

Cuối cùng, anh bắt đầu ký các tài liệu của anh. Anh ký xong, một sĩ quan còng lại tay anh.

"Có thể nào không siết quá chặt còng này không?" Shatrvka hỏi lớn.

"Đừng siết quá chặt," viên đại tá ra lệnh.

Và Shatrvka được đưa ra ngoài, trước khi người anh của anh, Mikhail, được gọi vào.

**VALERY ZERN, MỘT THANH NIÊN Xô-viết gốc Đức,** ngồi tại trạm ga xe lửa Chernovtsy đón người, nghiên cứu thời biểu các chuyến xe khởi hành ghi trên bảng, để quyết định đi chuyến xe *diéxen* đến Vadul-Siret, một thành phố của biên giới Xô-viết - Rumani. Vadul-Siret nằm sâu trong vùng giới hạn của biên giới, do đó, đi đến đấy mà không giấy phép là một việc làm nguy hiểm. Nhưng Valery Zern hy vọng từ Vadul-Siret, anh có thể đi bộ vượt biên giới để đến Rumani.

Hôm nay, một buổi chiều mùa hè oi bức và ẩm ướt, Zern đang bị dày vò, lo nghĩ vì do dự. Anh đã làm bạn với nhiều người ly khai tại Moscow, và cũng biết rằng nếu cuộc vượt biên không thành công, thì sẽ chấm dứt ở trại lao động hoặc trong nhà thương điên. Trong lúc đó, không khí lừa dối ở Liên xô không còn có thể chịu đựng được nữa. Anh nhìn một nhóm du lịch người Đức đang đi cùng một hướng dẫn viên du lịch Intourist và lên xe đi Bucharest.

"Lạ thật," Zern tự nghĩ, "trong vài giờ nữa họ sẽ vượt qua biên giới, Rumani là một nước cộng sản, nhưng ít nhất họ cũng được đi qua biên giới."

Chuyến xe đi Vadul-Siret theo thời biểu sẽ khởi hành vào lúc nửa đêm. Đúng 11 giờ 30 đêm, Zern bậm gan lên xe, và ngồi vào băng cây đối diện với một bà mập mạp có khăn choàng in bông hoa, nhìn anh như hiểu biết. "Nếu anh đến Vadul-Siret mà không có giấy phép, anh sẽ bị bắt ngay," bà này nói.

Zern nhìn bà, nói: "Tôi không có gì lo ngại, tôi là người địa phương."

Đúng 12 giờ khuya, xe lửa rời khỏi ga.

ZERN SỐNG TẠI KHARTSISK ở Ukraine. Anh bắt đầu thật sự nghĩ đến vượt biên sau khi bị ngược đãi trong lúc phục vụ trong quân đội Xô-viết vì anh đã phản đối, trong một buổi thuyết trình chính trị, việc mô tả Tây Đức như một "địa ngục tư bản". Tuy nhiên, cuối cùng điều làm anh quyết định ra đi là đơn xin di cư sang Tây Đức của anh bị bác bỏ.

Ý nghĩ đầu tiên của anh là vượt biên sang Thổ nhỉ kỳ. Nhưng khi anh đi đến Batumi, và nhìn thấy các chòi canh dọc theo bờ biển, anh tin chắc không thể có may mắn thành công được. Rồi anh đến Kishinev; tại đây anh đi xe điện đến Ugeni gần biên giới Rumani. Nhưng khi xe điện chạy đến khu biên giới, các cửa xe thình lình tự động đóng lại và khóa chặt, không cách nào ra khỏi xe được. Cuối cùng, Zern phải xuống xe ở Oknitsa tại miền bắc Moldavia.

Zern giờ đây không biết chắc phải làm gì. Cuối cùng, sau khi tắm rửa ở một nhà tắm địa phương, anh đi dọc theo đường rầy xe lửa hướng biên giới, cuối ngày anh tới nhà ga Voskantsy ở oblast Chernovtsy. Anh để ý thấy một bà đang đứng với con bò trước một nhà gần nhà ga, và anh hỏi xin bánh mì bằng tiếng Ukrainian. "Đi đến Papa đi," bà nói, "ông ta sẽ cho anh." Zern trải qua một đêm ở nhà ga và sáng ngày hôm sau anh quá giang một xe tải đến một nhà ga đồng quê khác; tại đây, anh lên xe lửa địa phương để đến Chernovtsy.

VÀO LÚC 2 GIỜ 30 PHÚT SÁNG, chuyến xe đi Vadul-Siret đến Glibokaya, trạm dừng cuối cùng trước khi đến vùng biên giới. Chuyến xe không khởi hành lại cho đến 4 giờ sáng, và Zern thả bộ đến công trường trung tâm vắng vẻ của thành phố. Đây là một đêm không trăng, một ý nghĩ thoáng qua trong đầu anh, thay vì tiếp tục đi xe lửa đến Vadul-Siret, anh nghĩ có thể ít nguy hiểm hơn nếu anh cố gắng đi bộ từ đây (Glibokaya) để đến biên giới.

Anh rời khỏi công trường, đi một khoảng đường ngắn đến một bãi cát hàng hóa gần đấy, và đi vào rừng.

Zern đi suốt hai giờ trong rừng rậm với nhiều cây keo và bụi cây dày đặc, anh phải len lỏi qua các bụi rậm và nhánh cây, cố theo dấu đường mòn, trong lúc để ý nghe tiếng xe lửa đang chạy. Sau cùng, anh thấy một nhà ga được đèn pha chiếu sáng và không xa lăm là các chòi gác với đèn rọi. Anh đoán chắc đây là Vadul-Siret.

Tránh đi qua nhà ga, Zern đi sang con đường đầy rác rưởi hướng đến biên giới. Khi ánh sáng bình minh bắt đầu ló dạng, anh giật mình khi thấy một người đi xe đạp chạy đến gần. Lo sợ, anh rời khỏi con đường và đi vào rừng gần đấy, và anh quyết định ở đây cả ngày hôm ấy với ý định vượt qua biên giới vào ban đêm.

Trời càng sáng, Zern nhận thấy ngày càng nóng nực. Anh ra khỏi rừng một ít lâu và quan sát các chòi gác hiện ra lờ mờ trước mắt. Gần đó, trên một cánh đồng, một máy kéo bắt đầu làm việc. Anh nằm trong rừng, và sau khi treo giày ướt lên cây, anh lấy bản đồ Rumani ra để nghiên cứu. Trời càng lúc càng nóng và anh bắt đầu đổ mồ hôi. Nước ao tù của những đầm lầy gần đấy, bốc lên mùi lưu huỳnh, không khí càng thêm ngọt ngạt. Lần cuối cùng anh được uống nước là ở Chernovtsy, trước đây là hai mươi bốn giờ. Cuối cùng, anh phải mò ra khỏi rừng, đến một khoảng rừng thưa, hái các hột lúa mì ăn đở dạ.

Nhiều giờ trôi qua, Xern quá khát nước. Thỉnh thoảng anh ra khỏi rừng, quan sát các cánh đồng và con đường tráng nhựa đi đến Rumani. Trên đường, anh cũng nhận thấy có xe hơi ngoại quốc đang chạy qua.

Sau cùng, vì quá đói khát, anh bắt đầu nghĩ lại về sự khôn ngoan của việc anh đang làm. Anh cũng bắt đầu cảm thấy ý nghĩ dại dột vượt biên để đến Rumani hay mọi nước nào khác.

Zern nghĩ rằng mình không thể nào tiếp tục hành trình không nước uống; anh ra khỏi khu rừng và đi đến một làng gần đấy; ở đây, anh hỏi thăm người đầu tiên anh gặp mặt, nơi xin nước uống. Người này chỉ cho anh đi đến một nhà xưởng; nơi

đây, anh được chỉ cho một giếng nước và anh dùng xô kéo nước lên uống thỏa thích. Uống xong, anh đi ra đường lộ.

Hình như lúc ấy, không ai có đủ thời gian để đi báo cáo nhà cầm quyền về sự có mặt của anh. Và trong lúc ngồi ngoài đường, Zern thấy một xe jeep đang chạy đến gần anh, trên xe có một sĩ quan và ba binh sĩ. Zern không tỏ vẻ gì chạy trốn và xe jeep dừng lại trước mặt anh. Các binh sĩ biên phòng này đòi xem giấy tờ của anh.

"Tôi bị lạc đường", Zern nói.

"Lên xe đi," viên sĩ quan nói, "như vậy anh sẽ không bao giờ còn đi lạc nữa".

Zern được đưa đến một đồn biên giới và bị thẩm vấn suốt sáu giờ liền. Anh lại được đưa đến Chernovtsy và bị giam trong một phòng giam có giường nệm và gối đầu. Zern được biết lý do của những điều kiện giam giữ tốt như thế là vì ở đây thỉnh thoảng có giam người ngoại quốc.

Sáng ngày hôm sau, Zern lại bị thẩm vấn lần nữa và bị đưa trở lại biên giới để chỉ lộ trình của anh. Bin lính biên phòng đi theo anh có dắt theo chó, và anh đã chỉ cho họ những nơi anh đã dừng chân để họ có thể ngăn chặn nó trong tương lai.

Zern ngạc nhiên vì đại úy Kucherenko, sĩ quan bắt giữ anh đã có thái độ thân thiện đối với anh. Ông ta nói là chỉ có người điên như anh mới nghĩ đến vượt biên giới Rumani vì người Rumani chỉ giao trả anh trở lại mà thôi.

Kucherenko nói dân chúng có thái độ sai trái đối với bin lính biên phòng. "Cơ quan KGB đối xử rất xấu với chúng tôi, và dân chúng thì ngờ vực chúng tôi, nhưng chúng tôi làm một việc hữu ích." Sau rốt, Zern có cái may là bị xem như mất khả năng, kết quả của thời gian phục vụ trong quân ngũ, cũng như anh bị bắt trong vùng biên giới chứ không phải tại biên giới.

Những sự thật này được cứu xét và có lợi cho anh. Anh bị giữ trong một tháng với chế độ đặc biệt là nhốt chung với hai mươi lăm người trong một phòng giam chật cứng, phần lớn là những người say sưa hay sống lang thang. Anh được trả tự do với

lời cảnh cáo là nếu anh bị nhận thấy một lần nữa ở vùng biên giới, anh có thể bị buộc tội hình sự rất nặng.

# 8

## KGB

*Đừng bao giờ nói chuyện với người lạ.*  
- Mikhail Bulgakov, Ông Chủ và Margarita

SÁNG NGÀY 27 THÁNG 10, dân chúng thủ đô Moscow thức dậy để nhận thấy một bài báo bất ngờ nơi trang nhất tờ *Komsomolskaya Pravda*. Mặc dù có chính sách *glasnost*, cơ quan KGB ít khi được báo chí Xô-Viết đề cập đến; tuy nhiên, với buổi sáng đặc biệt hôm nay, mọi người đọc báo đều bị lôi cuốn bởi bức ảnh của Katya Mayorova, một phụ nữ đẹp, tóc đen trong lứa tuổi hai mươi, đang mặc một chiếc áo chống đạn.

Dưới hàng tit lớn "Katya Mayorova - Nữ KGB", bài báo bắt đầu mô tả Mayorova, rồi đến KGB như một tổ chức cũng như mọi cơ quan bình thường khác, đều có nữ hoàng xinh đẹp riêng của nó. Mayorova, tờ báo thuật, mặc áo chống đạn rất "khéo léo dịu dàng" của nhà vê kiều mẫu Pierre Cardin. "Nhưng theo ý kiến của các đồng nghiệp của cô thì không có gì chứng tỏ vẻ duyên dáng ngây thơ của Katya bằng khả năng võ *karaté* đá vào đầu của kẻ địch."

Sau khi bài báo của tờ *Komsomolskaya Pravda* được đăng tải, David Remnick ký giả nhật báo *Washington Post* gọi dây nói đến trung tâm báo chí KGB xin được phỏng vấn Mayorova. Anh nghĩ, chắc thế nào họ cũng sẽ cười chế nhạo anh, nhưng mười phút sau, anh được gọi lại, xác nhận cuộc phỏng vấn.

"Tôi có thể mang theo máy ảnh không?" Remnick hỏi.

"Chúng tôi mong anh mang theo."

Không lâu sau đó, Remnick đến một trong số cao ốc của cơ quan KGB phức tạp này tại trung tâm Moscow và gặp Mayorova với chiếc áo lông da thỏ dài tay và quần *jeans* bó sát.

Mayorova không tiết lộ gì về việc nội bộ của KGB, nhưng cô nói cô yêu mến ban nhạc Beatles chơi đàn *ghita* và không nhất thiết chỉ hẹn hò với các nhân viên KGB mà thôi. Cô cho chụp một bức ảnh, đứng gần tượng Dzerzhinsky và cho biết cô đã được huấn luyện bắn súng lục. Cô giải thích; "Họ cố cho chúng tôi có đủ thứ kỹ năng."

Việc đặt cho cái tên Miss KGB chỉ là một trong số cố gắng rộng lớn để thay đổi chính hình ảnh của cơ quan này. Vladimir Kryuchkov, giám đốc KGB, bắt đầu chấp nhận các cuộc phỏng vấn trong đó, ông nói về mình và cho biết một sự giải thích lạ lùng về cơ quan này trong quá khứ. "Bạo lực, vô nhân, và vi phạm nhân quyền," ông tuyên bố với tờ báo Ý *L'Unita*, "luôn luôn là những việc xa lạ với hoạt động của cơ quan chúng tôi." Mặc dù thời đại Brezhnev "không tốt lắm đối với cuộc sống chúng tôi" trong khoảng thời gian này, KGB vẫn hành động đúng theo luật pháp đương thời.

KGB cũng bắt đầu cho đi tham quan tại tổng hành dinh tại quảng trường Dzerzhinsky. Các cuộc tham quan như vậy gồm có việc viếng thăm văn phòng cựu giám đốc Yuri Andropov và bảo tàng viện của cơ quan, cùng các sảnh đường kỷ niệm Lenin và Dzerzhinsky, ngoài ra còn có một sảnh đường trưng bày những thành quả hoạt động trong những năm gần đây.

KGB thành lập một sở giao tế do Tướng Alexander Karbayinov đứng đầu cho một tờ báo Tây Phương biết, cơ quan của ông có mục đích giải thích cho thế giới biết, "Mục đích của KGB là phục vụ xã hội chứ không phải làm ngược lại."

Với cách này, KGB cố làm thay đổi hình ảnh của mình trong con mắt của nhân dân Xô-Viết; làm thế không phải là để thi hành một sự đổi thay thực sự, mà là để tạo một ảo ảnh.

KGB là một lực lượng hoạt động vô hình, có trách nhiệm đối với tất cả những gì xảy ra tại Liên-Xô một cách tự động, từ việc

hoan nghênh bầu cử trong cuộc các mết tinh tại nhà máy, cho đến sự im lặng lan rộng cung cấp tấm màn phong cho họ.

Tất cả chế độ độc tài nhấn mạnh rằng mọi công dân của nó đều hạnh phúc, nhưng chế độ Xô-Viết cố ép buộc dân chúng phải trình diễn "hạnh phúc" của mình. Các trình diễn ấy không phải không đáng kể, mà cùng quan trọng đối với sự sống còn của chế độ, và cũng bởi lẽ sự kêu gọi tạo lập một xã hội có được sự nhất trí hoàn toàn là để biện minh cho việc tập trung quyền lực.

KGB hoàn tất mục tiêu của nó bằng cách ép buộc các công dân Xô-Viết phải giữ các vai trò được chỉ định cho mình trong vở tuồng ý thức hệ của đất nước, bằng cách thi hành hai chức năng riêng rẽ. Nó tạo ra những điều kiện tổng quát áp đặt sự tuân hành đối với dân chúng, bằng cách đặt tất cả mọi người dưới sự kiểm soát, theo dõi của một mạng lưới bọn chỉ điểm, dày đặc đến mức không còn có một câu lạc bộ, một chung cư hay một đội công nhân nào mà không có một mạng lưới như thế. Nó phải chắc chắn rằng, nếu có một người nào đó tỏ ra có tư tưởng độc lập chính trị, thì phải bị sa thải khỏi việc làm ngay. Đồng thời, để che giấu những hành động của mình, KGB làm ra vẻ hoạt động trong khuôn khổ của một ý thức hệ "dân chủ", dùng bất cứ biện pháp cần thiết nào để tiêu diệt một nhóm chống đối có can đảm công khai trở thành những người bất đồng ý kiến và ly khai.

Lẽ dĩ nhiên, hai chức năng có liên hệ với nhau và trong một nước nhất định áp đặt một sự thật giả tạo; nếu thiểu số không bị triệt tiêu, thì sự tuân hành của đa số sớm muộn rồi cũng bắt đầu bị phát giác.

**XU HƯỚNG** của KGB tạo các ảo tưởng không phải là không có tính lập dị tai hại. Ảo ảnh nhất trí do sự tuân theo cùng một khối, to lớn và bất biến ấy, đã tạo nên một áp lực tâm lý mãnh liệt. Trong một tình trạng mà mọi người hầu như đều đồng ý với nhau, một cá nhân nào không thuận theo sẽ đánh mất hy vọng có thể bảo vệ được cá tính của mình và có thể ngay cả bắt đầu nghĩ

đến chính sự lành lặn trí tuệ của mình. Tối thiểu người ấy cũng sẽ chắc rằng mình đã hoàn toàn bị cô lập.

Hàng chục năm trời, nỗ lực của KGB tạo ra sự thật đã phản ánh qua các số phận cá nhân.

THÁNG 5, 1977, hai tháng sau khi Anatoly Shcharansky bị bắt, Viktor Brailovsky, một người gốc Do thái bị từ chối không được phép di cư nhận thấy mình đang bị theo dõi. Cuộc theo dõi tiếp tục trong vài ngày rất gắt gao, trong lúc đi bộ hay đi xe. Có lúc những người mặc áo ngoài đen đi không xa trước mặt Brailovsky, hoặc sau lưng anh, đúng như trong hoàn cảnh trước khi bị chặn bắt. Cuối cùng, Brailovsky được gọi đến khám đường điều tra KGB Lefortovo và bị Alexander Solonchevko, một sĩ quan kỳ cựu KGB, thẩm vấn.

"Tại đây tôi có đủ tài liệu để tố cáo anh về tội phản bội," Solonchevko nói trong lúc đang lật nhanh liếc xem một số giấy tờ. "Nhưng chúng tôi rất nhân đạo. Nếu anh đồng ý cho biết bằng cách, chúng tôi sẽ không có hành động nào chống lại anh cả."

Solonchevko liền lấy ra một tờ giấy viết tay kêu gọi các tổ chức người ngoại quốc gốc Do thái. "Một chuyên viên giáo tự đã kết luận tài liệu chống Xô-Viết này là do anh viết ra", ông ta nói, và đưa ra cho Brailovsky xem trong lúc chăm chú nhìn anh. Tuy nhiên, Brailovsky đã không nhận và không tỏ chút phản ứng nào cả. Solonchevko để tờ giấy xuống và bắt đầu hỏi anh về những lời kêu gọi và những cuộc hội họp của người Do thái, đặc biệt là cuộc hội họp giữa những người bị từ chối không cho di cư và một nhóm thương nghị sĩ Hoa kỳ năm 1975. Một lần nữa, Brailovsky từ chối không trả lời. Sau cùng, Solonchevko đưa ra một tờ kêu gọi thứ hai và hỏi anh đã có ký tên hay không. "Đây là một cuộc điều tra, Shcharansky," Brailovsky nói, "nhưng ông đang muốn dùng tôi để làm nhân chứng và chuẩn bị buộc tội tôi."

Trước sự ngạc nhiên của Brailovsky, Solonchevko ngưng không hỏi nữa mà lại bắt đầu nói năng dài dòng. Đi vòng quanh trong phòng, ông ta bàn về vấn đề phát thanh bằng tiếng Nga của

đài VOA (Tiếng nói Hoa kỳ) và đài BBC (Đài phát thanh Anh quốc), phê bình về một số người ly khai gồm cả Sakharov, và cố chứng tỏ cho Brailovsky biết Yuro Orlov là một điệp viên được Tây Phương trả tiền, và sự ủng hộ ở các nước này đối với người ly khai đang giảm sút.

"Chúng tôi sẽ có thể sớm làm những gì chúng tôi muốn đối với anh," ông ta nói.

Khi chấm dứt câu nói, Solonchevko lại lấy ra bản kêu gọi thứ hai và hỏi Brailovsky có ký tên trong bản này hay không. "Tôi có thể tố cáo anh với điều sáu mươi bốn trong năm phút," ông ta nói, "nếu anh không chịu trả lời, tôi sẽ gọi binh lính và họ sẽ bắt anh ngay tức khắc."

Nhưng Brailovsky, một lần nữa, vẫn không chịu trả lời và Solonchevko lại bắt đầu một bài 'diễn từ' mới với đề tài phân tích lại tình hình thế giới.

Nhiều giờ trôi qua, nhưng Solonchevko có vẻ không biêt mệt, đã nói huyên thiên và phân tích tình hình trong nước và thế giới, thỉnh thoảng dừng lại chỉ để hỏi lại Brailovsky có ký tên bản thỉnh nguyện Do thái hay không.

"Bản thỉnh nguyện thư này hoàn toàn vô hại và nếu anh có ký tên vào đây, anh cũng không phải đã liên hệ đến bất cứ điều gì bất hợp pháp cả," ông ta nói, "tôi khuyến khích anh nên trả lời đi."

Dù vậy, Brailovsky vẫn từ chối không trả lời.

Đến 8 giờ, trời bắt đầu tối. Đèn bật sáng trong tòa nhà bên kia đường.

"Viktor Lvovich," Solonchevko nói, "anh và cả tôi đều biết rằng đây là một tài liệu hoàn toàn vô hại cũng như câu hỏi của tôi, tại sao qua 11 giờ đồng hồ rồi mà anh không chịu trả lời?"

"Cũng như ông, tôi hiểu rằng tài liệu này là hoàn toàn vô hại, cả câu hỏi của ông," Brailovsky nói, "nhưng tôi không hiểu tại sao ông lại hỏi tôi suốt 11 tiếng đồng hồ như vậy?"

Qua ngày thẩm vấn thứ hai, Solonchevko nhắc lại Brailovsky lời cảnh cáo, anh có thể bị buộc tội phản bội và ông ta lại trở lại với bản viết tay thứ nhất mà ông đã đưa ra đầu tiên trong ngày

hôm qua. Solonchevko lại nhắc lại các chuyên viên giáo tự KGB đã kết luận, do chính tay Brailovsky viết. Một lần nữa, Brailovsky không chịu nhìn nhận, Solonchevko lại bắt đầu một bài nói chuyện mới, lần này đề cập đến số phận bi thảm của những người Do thái đã rời bỏ Liên xô. Solonchevko cố chứng minh những người Do thái di cư là những kẻ ích kỷ và sống một cuộc đời cùng khổ tại Tây Phương. Cuộc thảm vấn kéo dài mười giờ đồng hồ với một Brailovsky vẫn không chịu hợp tác.

Đến ngày thứ ba, Brailovsky nói anh muốn đưa ra một lời tuyên bố. Solonchevko trao cho anh tài liệu và Brailovsky viết như sau: "Tôi không chấp nhận đưa ra bất cứ một bằng chứng nào về trường hợp Shcharansky."

Solonchevko bỏ đi ra khỏi phòng và một lúc sau đó, đã quay trở lại với một điều tra viên già KGB đến bắt ghế ngồi xuống, trong lúc Solonchevko đứng nghiêm.

Điều tra viên mới này trịnh trọng nói với Brailovsky: "Anh đã phạm một lỗi lầm lớn nếu anh nghĩ rằng anh sẽ không bị trừng phạt."

"Anh sẽ bị ở vài năm trong trại lao động, có thể không quá lâu, nhưng tôi biết anh không mấy có sức khỏe và trại lao động Xô-Viết lại không phải là một nhà trọ. Anh sẽ ít có hy vọng sống sót. Tôi đề nghị cho anh hai hoặc ba ngày để suy nghĩ, và nếu sau đó, anh tiếp tục từ chối đưa bằng cớ, thì điều đó sẽ định đoạt số phận của anh."

Trong bốn tuần lễ sau đó, Brailovsky không bị gọi đến để cung ứng bằng chứng nữa. Nhưng khi anh bị đưa đến Solonchevko, thì lại có một điều tra viên khác. "Viktor Lvovich," Solonchevko lắc đầu nói với vẻ buồn bã, "anh đã làm một việc hết sức sai quấy. Anh đã vi phạm luật, luật pháp đã quy định một nhân chứng phải trưng bằng cớ. Như anh cũng biết, phong trào ly khai đã khẳng định hoạt động phù hợp với luật pháp Xô-Viết. Viktor Lvovich, ngoài việc quan hệ đến phong trào ly khai, anh còn bị bắt buộc phải trưng bằng cớ nữa."

Tóc Brailovsky dựng đứng. Sau này, anh đã nói với vợ, "Tôi sẵn sàng đối phó với mọi thứ, nhưng không phải với việc này." Tuy nhiên, anh vẫn tiếp tục từ chối đưa ra bằng cớ.

Brailovsky đã không bị gọi trở lại Lefortovo cho đến Tháng 11. Lần này, có một điều tra viên mới - Koval.

"Viktor Lvovich," Koval nói, "tôi muốn biết tại sao anh không đưa ra bằng cớ. Phải chăng những nhân viên điều tra trước đây đã không thỏa mãn anh? Solonchevko là người quá trẻ. Nhưng thôi, chúng ta cùng nói chuyện đứng đắn đi. Anh đang chờ một giấy phép xuất cảnh. Chúng tôi không thể cấp nó cho anh, trừ phi anh cho chúng tôi chứng cứ..."

Brailovsky, một lần nữa, vẫn không chịu đưa ra bằng cớ chống Shcharansky, và cuối cùng anh được cho ra về.

GALINA KREMEN bị thiếu tá Skalov thẩm vấn. Ông này bắt đầu bằng một bài thuyết trình dài với đề tài phong trào nhân quyền dưới thời Tổng Thống Carter, mà ông ta nói không ngưng nghỉ. Bắt đầu, Kremen chận hỏi Skalov với nhận xét châm biếm, nhưng dần dần, bà im tiếng. Đây là lần thẩm vấn đầu tiên, và mặc dù khó chịu, bà nhận thấy câu chuyện của Skalov cũng thú vị.

Skalov tố cáo những người Do Thái bị từ chối xuất cảnh, mà ông cho là đang cố ý đe dọa nhà cầm quyền. Ông cam đoan chiến thuật của họ không thể thực hiện được. "Chúng tôi không sợ chính sách của Carter," ông nói, "và chúng tôi cũng không có chút nhượng bộ nào đối với những người Do Thái bị từ chối xuất cảnh để làm vừa lòng Carter."

Sau cùng, lúc 11 giờ trưa, Kremen ngắt lời Skalov và hỏi: "Đến lúc nào, chúng ta mới nghỉ để ăn trưa?"

"Ăn trưa khởi sự 1 giờ chiều", Skalov ngạc nhiên trả lời.

"Tôi rất tiếc," Kremen nói, "đó là buổi ăn điểm tâm thứ nhì của tôi." Rồi bà lấy trong túi xách ra một trái táo và một bánh *xǎng huých* ăn trước mặt Skalov. Bối rối và bức bối, Skalov bỏ đi ra, và sau ba mươi phút, đã trở lại.

Khi cuộc thẩm vấn tiếp tục trở lại, Skalov hỏi Kremen có biết Shcharansky hay không.

"Rủi thay, tôi không biết", bà nói.

"Tại sao lại 'rủi thay'?", Skalov hỏi.

"Đối với ông, anh ta là một tội phạm, nhưng tôi không xem anh ta như thế", bà nói.

Skalov hỏi Kremen có biết về một danh sách những người Do Thái bị từ chối xuất cảnh và nơi họ đang làm việc đã gửi sang Tây Phương hay không. Vai trò của Shcharansky trong việc gửi danh sách này và trong các tổ chức biểu tình. Với tất cả những câu hỏi này, Kremen nói rằng bà không thể trả lời được. Skalov liền cho bà thấy nhiều thư thỉnh nguyện được bà và Shcharansky đồng ký tên. Ông ta hỏi bà có ký tên các thư này không, bà nói có.

Shalov hỏi bà có xem phim *Những người mua linh hồn*, một phim trình bày hoạt động của người Xô-Viết gốc Do thái, gồm có Shcharansky, được chiếu trên truyền hình Xô-Viết, hay không.

"Tôi có xem," Kremen trả lời, "và nhận thấy nó ghê tởm quá."

Cửa sổ phòng làm việc của Skalov được mở ra và cho thấy sân trong của khám đường. Thinh lình Kremen nghe một tiếng kêu thét, bà hỏi Skalov tiếng gì vậy. Ông ta nói đấy là tiếng của một phim truyền hình trong một phòng khác. Ông ta nói thêm, nếu người nào không chịu tự ý cho biết bằng cớ, họ sẽ thành tù nhân trong khám đường này.

"Bà có nghe ông chồng bà nói gì về Shcharansky không?" Skalov hỏi.

"Tôi không thể nói gì về chồng tôi cả", bà nói.

"Bà có nghe nói gì về các mối liên hệ với CIA của Shcharansky hay không?"

"Tôi không biết Shcharansky".

"Bà có biết người vợ thứ nhất hay bà vợ thứ nhì của Shcharansky không?", Skalov hỏi.

"Tôi nghĩ ông ta chỉ có một vợ."

"Bà có nghĩ, với các thư thỉnh nguyện này, nhiều người Do Thái bị từ chối xuất cảnh sẽ nhận được phép ra đi không?"

"Không có gì liên quan gì đến trường hợp này cả."

"Shcharansky quá kiêu căng," Skalov nói, "anh ta đi khắp nơi như một chủ tịch nhà nước", rồi Skalov bắt đầu giậm mạnh chân bước đi trong phòng như để bắt chước cách đi của Sharansky.

Sau cùng, Skalov trở lại ngồi vào bàn viết và nói: "Tôi nghĩ, Alexander Lunts (một lãnh tụ trước đây của phong trào Do thái di cư) thông minh hơn Shcharansky. Lunts đã đi rồi và Shcharansky đang ở tù. Có thể Shcharansky thông minh về khoa học, nhưng về đời sống, anh ta là một người điên."

**ARKADY MAY**, một sử gia và một nhà khoa học hồi hưu, cũng đã từng bị thiến tá Skalov thẩm vấn. Đối với một thành viên thuộc thế hệ May, thì chỉ cần một áp lực tâm lý đơn giản khi bị gọi đến Lefortovo, mà trước đây trong thập niên 1930, nhiều người đã không bao giờ được thấy trở về nữa.

Trong một buổi sáng làm việc, Skalov không hỏi May trực tiếp về Shcharansky, người dù sao cũng không được May biết thật rõ. Ông ta chỉ hỏi May về hưu bổng của ông và những gì mà bà con của ông ở Israel đã viết cho ông. May nói hưu bổng của ông không liên quan gì đến trường hợp Shcharansky cả, cũng như thư từ nhận được, chắc chắn không có gì bí mật đối với KGB cả, kể từ khi họ đọc được hết thư từ gởi đến cho ông.

Skalov cười to một cách khoái trá.

"Tại sao có những câu hỏi này?" May hỏi.

"Chúng tôi chỉ muốn biết ông rõ hơn thôi", Skalov nói.

Sau buổi ăn trưa, Skalov bắt đầu hỏi May về hoạt động của Shcharansky.

"Tôi muốn biết Shcharansky bị buộc tội gì?" May hỏi.

Thay vì trả lời, Skalov bắt đầu cuộc thuyết trình dài dòng về quan điểm cho rằng sự hợp tác giữa KGB và những người Do thái bị từ chối xuất cảnh là rất cần cho kết quả cuộc điều tra.

"Theo ý tôi," May nói, "đây không phải là một sự hợp tác mà là một cuộc đấu tranh giữa ông và tôi."

"Ông muốn nói gì thế?" Skalov hỏi, "một cuộc đấu tranh giai cấp phải không?"

May hỏi Skalov lại lần nữa là Shcharansky bị buộc tội gì. Skalov ngập ngừng một lúc, nhưng sau cùng ông ta nói: "Shcharansky đã chuyển tin tức mật cho các nhà báo Tây Phương."

"Nhưng làm sao có thể làm được việc này?" May hỏi lại,

"Shcharansky đã trực tiếp gặp các nhà báo này một cách công khai mà."

"Qua các bao diêm", Skalov nói.

Skalov hỏi May nghĩ gì về các cuộc gặp gỡ của Shcharansky với các nghị sĩ và dân biểu quốc hội.

"Tại sao ông lại hỏi tôi? Tôi không có hiện diện ở đây mà."

"Phải, đúng vậy, chúng tôi biết mọi người đã có mặt tại đây", Skalov nói.

"Vậy tại sao ông lại phải hỏi tôi?" May nói lại.

"Vì tôi muốn biết ý kiến ông."

"Ý kiến tôi không quan trọng đối với vấn đề này".

Đến đây, Skalov đi ra khỏi phòng và trở lại với vài tài liệu, gồm có bản sao của một bài báo Israel viết bằng tiếng Nga, vài lá thư và nhiều hình ảnh sao chụp. Ông hỏi May có phải chính Shcharansky là tác giả một lá thư gửi cho báo Israel về vụ đánh đập vài người Xô-Viết gốc Do thái biểu tình hay không. "Ông phải biết được ai đã viết bức thư ấy," Skalov nói, "vì tên ông có được đề cập đến trong thư."

"Tôi sẽ không nói đến bức thư này vì đó chỉ là một bài báo không phải là một tài liệu. Hơn nữa tên tôi đã bị viết sai."

Skalov đưa cho May xem một số hình ảnh chụp các bức thư tập thể, nhưng May từ chối bình luận về nó. "Không bao giờ nên đưa ra những bản sao cho một sử gia." May nói, "vì có nhiều trường hợp giả mạo trong lịch sử." Rồi May bắt đầu nói dông dài về vấn đề này, kể lể nhiều thí dụ giấy tờ giả mạo rất thành công, gồm có trường hợp Sheremetovs, người đã giả mạo tài liệu để đoạt được nhiều tài sản lớn lao của thế kỷ thứ 17.

"Tài liệu giả mạo tuyệt vời có tính cách thuyết phục", May nói, trong lúc Skalov cố ngăn ông lại mà không được, "và không ai nhận ra cho mãi đến thế kỷ hai mươi."

"Bà có ký bất cứ thư nào của các thư tập thể này không?" Skalov hỏi như muốn nhắc đến một vài tài liệu.

"Đó có phải là một tội ác không?" May hỏi.

"Bà có biết gì về việc làm gián điệp của Shcharansky không?"

"Không, tôi nghĩ việc cáo buộc này là một điều vô lý."

Bà May nhìn thấy Skalov viết chữ "Không" trả lời của bà trên tài liệu. Để ý thấy Skalov không ghi hết các câu trả lời của mình, bà đòi ông ta phải viết thêm câu "Tôi nghĩ, việc cáo buộc này là một điều vô lý", cùng những nhận xét của Skalov về vấn đề Shcharansky trao tin tức mật cho báo chí ngoại quốc trong một bao diêm quẹt. Nhưng Skalov từ chối.

**Vladimir Slepak** biết Shcharansky nhiều hơn ai hết trong số những người Do thái bị từ chối cho xuất cảnh khác, nhưng ông ta lại được thảm vấn sau những người này, có thể vì KGB biết rằng sẽ không có nhiều hy vọng được ông ta hợp tác, nếu những người khác trước tiên được thuyết phục.

Koval, một thẩm vấn viên bắt đầu hỏi Slepak về việc buộc tội Shcharansky. Koval nói Shcharansky bị buộc tội vi phạm điều 64, là "phản bội tổ quốc."

"Điều 64 có rất nhiều đoạn," Slepak nói, "thí dụ như việc từ chối không trở về từ nước ngoài, làm gián điệp, trốn khỏi Liên xô. Vậy, Shcharansky bị buộc tội về đoạn nào?" Koval trả lời đó là một bí mật của cuộc điều tra. "Ông phải cho tôi biết rõ ràng việc kết tội Shcharansky," Slepak nói, "nếu ông không cho biết, thì tôi sẽ cho rằng cuộc điều tra không có tánh cách khách quan và tôi sẽ từ chối làm chứng."

Slepak ngạc nhiên khi nhận thấy Koval có vẻ xúc động. "Chúng tôi muốn biết sự thật," ông ta nói, "nếu sự thật thuộc về Shcharansky, thì rất tốt cho ông ấy. Tại sao ông không muốn giúp đỡ Shcharansky?"

"Ông có thể thay đổi những gì tôi nói," Slepak nói, "nếu tôi nói những gì có lợi cho Shcharansky, ông có thể dùng nó để chống lại ông ta."

Koval cố thuyết phục Slepak rằng KGB thực hiện các cuộc điều tra với sự tôn trọng triệt để pháp luật, nhưng sau nhiều năm bị ngăn cản không cho di cư "hợp pháp" sang Israel, Slepak không còn có thể nào tin được nữa.

"Tôi biết có nhiều trường hợp những người vô tội bị đày đi các trại tù hay chết vì tổ chức của ông", Slepak nói.

"Đó là ba mươi năm bẩn thỉu trước đây", Koval nói.

"Không có gì thay đổi cả."

"Ông nói không có gì đổi thay", Koval nói, "nhưng bây giờ chúng tôi đâu có đánh đập ông, chúng tôi cũng không đâm kim vào các móng tay ông mà!"

"Nhiều người phạm tội ác dưới thời Stalin hiện nay vẫn tự do, và không bao giờ bị buộc tội," Slepak nói, "Stalin vẫn còn là người hùng."

"Ông ta đã làm rất nhiều việc cho xứ sở", Koval nói.

Slepak liền lấy ra một bản tuyên bố do chính ông viết tố cáo cuộc điều tra và yêu cầu Koval đưa vào hồ sơ, nhưng Koval từ chối.

"Vậy thì đâu là tính cách khách quan của ông?" Slepak nói, "tôi cố làm chứng cho Shcharansky mà ông lại không chấp nhận."

Slepak sau đó viết một lời khai khác và yêu cầu Koval chuyển giùm cho viên giám đốc điều tra KGB, nhưng Koval lại một lần nữa từ chối và nói: "Nếu tôi không nhận lời khai này, thì ông ta cũng sẽ không nhận nó." Lúc đi ra khỏi phòng, Slepak trao bản khai này cho nhân viên gác cửa, nhưng anh ta cũng từ chối không nhận, giải thích rằng: "Tôi không bao giờ nhận bất cứ giấy tờ nào cả."

**CUỐI CÙNG**, có hơn hai trăm người Do Thái bị từ chối xuất cảnh đã bị thẩm vấn về trường hợp của Shcharansky; không có một người nào đưa ra bằng cớ chống ông ta cả, một thành tích kháng

cự có ý nghĩa. Thái độ nhất trí của những người này có được là do họ xem cuộc điều tra của KGB không phải là để biết sự thật, mà chỉ là một trò lừa gạt để cho một bản án định sẵn có tính hợp lý. Một người cung cấp một bằng cớ quan trọng không phải là một người Do Thái bị từ chối xuất cảnh, trừ Robert Toth, biên tập viên của tờ *Los Angeles Times*, đã làm tưởng tính cách nghiêm túc của cuộc điều tra.

Toth trực tiếp dính dáng đến KGB bắt đầu Ngày thứ Bảy, 11 tháng 6, 1977, khi anh bị một nhân viên KGB chặn bắt trên đường phố, trong lúc anh đang nhận một bài nói về ngoại tâm lý học<sup>1</sup> của Valery Petukhov, một chuyên viên sinh vật lý ở Moscow. Toth bị đưa đến khám đường điều tra Lefortovo KGB và sau đó được thả về, sau khi bị cảnh cáo là anh sẽ bị điều tra về tội làm gián điệp và không được rời khỏi Liên Xô. Toth chấm dứt nhiệm sở tại Moscow và có giấy phi cơ để ra đi Ngày 17 Tháng 6, nghĩa là chỉ cách 6 ngày sau.

Cuộc thẩm vấn của Toth bắt đầu vào Ngày thứ Hai và không có đề cập đến bài báo mà anh đã nhận được của Petukhov, nhưng chỉ riêng về sự quan hệ giữa anh và Shcharansky. Với tội danh làm gián điệp treo trên đầu, Toth khai chi tiết về mối quan hệ này. Shcharansky đã là một trong những nguồn tin chính yếu của anh và anh cũng thuật chi tiết về mối liên lạc với Shcharansky mà theo anh thì rất hợp lệ đối với người Mỹ, không có gì cần phải giấu diếm. Với sự cố vấn của tòa Đại sứ Hoa Kỳ, Toth ký tên vào một biên bản thẩm vấn mặc dù được viết bằng tiếng Nga mà anh không hiểu.

Khả năng biến chế của KGB thật vô tận, nhưng cuối cùng, chứng cứ của Toth đã giúp cho cơ quan này có lý do chống Sharansky mà họ đã đưa ra hồi Tháng 7, 1978. Một danh sách các doanh nghiệp bí mật được cho là do một người gác cửa nhặt trong thùng rác để trong sân tòa nhà nơi Toth cư ngụ; danh sách

---

<sup>1</sup> Ngoại tâm lý học (*parapsychology*): khoa học sưu tầm, nghiên cứu các hiện tượng lâm lý như thần giao cách cảm, biết được vị lai và có khả năng di chuyển đồ vật bằng trí óc mà không cần đến các phương tiện vật chất như dùng tay chân chẳng hạn (*telekinesis*).

này có quan hệ với Sharansky và anh này bị buộc tội phản bội, phạt tù mười hai năm tại một trại lao động.

**VÀO MỘT BUỔI TRƯA** ẩm đạm của tháng 12, Vasily Baratz, một thành viên của bộ tổng tham mưu Xô-Viết, được gọi đến văn phòng của Đại tá Kozhevnikov, giám đốc sở tâm thần của bộ tham mưu bệnh viện.

Baratz đã xin được rời khỏi quân ngũ một tháng trước đây và anh cùng với Kozhevnikov đã thỏa thuận về lý do rời bỏ quân đội là anh mắc chứng "mặc cảm sợ hãi." Sự thật, như Kozhevnikov đã biết, là vì Baratz không thể tiếp tục làm việc cho bộ tổng tham mưu trong lúc KGB đang bắt đầu điều tra anh như một điệp viên của nước Anh.

Baratz biết được tin này và đến gặp ngay Kozhevnikov.

"Tôi rất tiếc," Kozhevnikov nói, khi vừa thấy Baratz bước vào phòng, "đơn xin rời quân ngũ của anh không được xác nhận, Anh phải trở lại Bệnh viện Burdenko."

Baratz lắc đầu. "Tôi không thể trở lại đây được nữa", anh nói. Kozhevnikov nhìn anh, vẻ thông cảm. "Nếu anh không đi," ông ta nói, "người ta sẽ dùng vũ lực để bắt anh phải đi."

Thinh linh, Kozhevnikov đứng dậy, chạy ra ngoài hành lang và lớn tiếng gọi sĩ quan trực. Mọi thầy thuốc tâm thần đều có mang sẵn trong mình chìa khóa để khóa cửa nhốt người bệnh; tuy nhiên, lúc này Kozhevnikov đã để cửa phòng mở. Chợt nghĩ ra ý nghĩa của tình hình này, Baratz lập tức chạy ra khỏi phòng, xuống hai tầng lầu và lánh vào nhà thuốc của một bệnh viện rồi lên ra cửa sau dành cho nhân viên để thoát ra đường phố. Sau đó, anh bắt đầu chạy dọc theo hàng cây giữa đại lộ Gogolevsky theo hướng quảng trường Kropotkinskaya.

Hôm nay là một ngày mùa đông, vừa ẩm ướt lại vừa lạnh. Nhận thấy không có ai theo dõi mình, Baratz liền leo qua hàng rào sắt dọc theo đại lộ, băng qua đường và tiến vào một "cung me" có nhiều đường nhỏ hẹp nằm sau con đường Arbat Cũ, có thể đi đến một hồ bơi lội lộ thiên đã được xây cất tại khu đất

trước đây là nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Mất hy vọng, anh cố nghĩ xem sẽ phải làm gì và sau cùng đến nhà một người bạn để ngủ qua đêm.

Baratz thoát ra khỏi bệnh viện chỉ là biến cố cuối cùng của một cơn ác mộng đã bắt đầu từ nhiều năm trước đây. Thập niên 1960, trong lúc còn là một học viên của Trường Quân Sự Công Binh Cao Cấp ở Kiev, Baratz đề nghị tại một Komsomol *sobraniye*,<sup>1</sup> nên sa thải một người nghiện rượu tên Fedotov. Người này bị đuổi, nhưng sau khi mãn khóa, Baratz đi làm trong ban điện toán của bộ tổng tham mưu Xô-Viết mà giám đốc nhân viên là cậu của Fedotov và cha của anh này lại là người chỉ huy ban làm việc của Baratz. Anh cũng gây gổ với Anatoly Tishin, nhân viên KGB phụ trách phản gián trong ban điện toán. Tishin hình như có hiềm khích cá nhân chống đối các binh lính và anh ta hay gọi họ trước mặt của Baratz như đồ "rác ruồi", do đó xảy ra xung đột giữa anh và Tishin.

Vài tháng sau cuộc xung đột với Tishin, nhiều chuyện lật lại bắt đầu xảy ra cho Baratz. Baratz dự cuộc khảo sát tiếng Đức tại Moscow với ba nhân viên dân chính và hai sĩ quan mặc quân phục. Các giám khảo này hỏi anh trong nửa giờ bằng tiếng Đức và khi chấm dứt, họ tuyên bố Baratz đã đậu với hạng 5 là hạng cao nhất. Tuy nhiên, Baratz lấy làm ngạc nhiên khi một khảo sát viên bắt đầu nói tiếng Anh với anh. Baratz chỉ biết đứng mỉm cười ngó ngắn, vì anh không hiểu người này nói gì.

Cuối cùng, một trong những người mặc thường phục nói tiếng Nga hỏi anh: "Tại sao anh giấu việc anh biết tiếng Anh?"

"Tôi lấy làm tiếc," Baratz nói, "tôi không biết tiếng Anh."

"Lẽ dĩ nhiên anh biết," người dân sự này nói, "chẳng những anh nói được tiếng Anh, anh còn nói tiếng này thật giỏi, hơn cả tôi nữa kìa."

Baratz tỏ vẻ hoài nghi, và nhắc lại là anh không nói được tiếng Anh.

---

<sup>1</sup> Hội họp của đoàn thanh niên Xô viết.

"Anh nói được," một sĩ quan thứ hai nói, "anh nói được tiếng Anh, nhưng vì lý do nào đó, anh muốn giấu."

Khoảng mười ngày sau, Baratz chạm mặt với sĩ quan chánh trị viên của đơn vị anh, Đại tá Lyekin. "Tại sao anh giấu việc anh biết tiếng Anh?" Lyekin hỏi, "Anh sợ cái gì? Anh phải hãnh diện mới phải, vì là một người trong số chúng ta nói được một tiếng ngoại quốc? Baratz nói anh không biết tiếng Anh, nhưng Lyekin cứ nhìn anh với vẻ rõ ràng không đồng ý, và bỏ đi ra ngoài.

Baratz lúc nào cũng là người rất có ngăn nắp, trật tự, và đặc biệt là tất cả giấy tờ tại nơi làm việc của anh đều được sắp xếp theo một thứ tự riêng. Nay thì anh lại bắt đầu nhận thấy mỗi lần anh trở lại bàn giấy của mình, các giấy tờ ấy đều được sắp xếp lại. Và không hiểu vì lý do nào mà các đồng nghiệp của anh lại bắt đầu nói đến anh bằng danh từ "*Banderite*", một danh từ xuất phát bởi tên của một lãnh tụ chống cộng sản *Ukrainian* là Stepan Bandera.<sup>1</sup> Thật sự thì Baratz đã xuất thân từ vùng Carpathians, nơi những người *Banderites* từng tích cực hoạt động. Một sự kiện gây thêm phúc tạp là vào mùa hè năm 1973, Baratz đã đi nghỉ hè ở Carpathians; nơi đây, anh gặp người vợ tương lai là Galina Kochan, cũng là một người hình như đã bị KGB theo dõi.

**NĂM 1968** cậu của Kochan, Mikhail Dyamko-Davis, từ nhà mình ở Beverly Hills, bang California, Hoa Kỳ, đã sang Liên-Xô để thăm viếng gia đình. Dyamko-Davis đã di cư trước Đệ Nhất Thế Chiến và chỉ trở về Carpathians vào năm 1931 để dự đám tang người cha của ông. Ông đã gặp bà chị và Galina tại Uzhgorod, và khi được biết đời sống của họ, ông quyết định mua cho họ một chiếc xe hơi. Dyamko-Davis đến một cửa hiệu mua bán bằng ngoại tệ mạnh và đặt mua một xe Volga loại xuất khẩu cho bà chị. Kiểu xe này đắt tiền hơn vì nó có nhiều bộ phận tráng crôm bóng loáng và một động cơ tốt hơn loại xe tiêu chuẩn. Nhưng

<sup>1</sup> Stepan Bandera: một chiến sĩ du kích quốc gia tranh đấu chống nhà cầm quyền Xô viết vào thời trước và sau đệ nhị thế chiến.

Galina không thể nhận được xe ngay trong lúc Dyamko-Davis còn đang ở trong nước vì chiếc xe phải được đặt mua từ Kiev.

Dyamko-Davis sau đó phải trở về Hoa Kỳ vì giấy nhập cảnh của mình hết hạn. Khi Galina cuối cùng đi nhận xe, thì lại là loại xe Volga thường. Bà từ chối không nhận, nhưng được cho biết là bà không thể lựa chọn.

Vài tháng sau, Kochan đang lái xe thì Slepichev, một viên chức của Sở kiểm soát xe hơi quốc gia, người có mặt trong cuộc mua bán xe, chạy một xe cảnh sát qua mặt xe bà trên một khoảng đường trống trải. Kochan chạy xe vào trạm xăng trong lúc Slepichev quay xe lại và đậu kế bên xe của Kochan. Anh bước ra khỏi xe và nói với bà là bà đã bị cướp đoạt xe, và hứa sẽ cho bà biết cách viết thư cho nhà cầm quyền liên hệ để trình bày việc này. Tuy nhiên, hai tuần lễ sau, khi đọc báo, bà hay tin Slepichev đã chết "thảm thiết". Người ta nói rằng anh bị ám sát, nhưng không ai biết được các chi tiết nào cả. Sau này, Kochan nghe đồn, xe Volga đặt mua của bà đã bị giao cho Luchok, lúc mua xe, là cảnh sát trưởng của *oblast* và hiện nay đã được chỉ định làm phụ tá giám đốc KGB ở Uzhgorod.

Sau cái chết của Slepichev, có nhiều dấu hiệu chứng tỏ Kochan đang bị theo dõi. Trong làng Ust-Chernaya, nơi bà dạy học, bà có những xích mích nhỏ với các giáo viên khác và có một hôm nọ, khi bà chuẩn bị lái xe đến làng của mẹ bà, cách đó hơn 250 km, một người thợ máy nhìn thấy dưới nắp máy xe, đã nói với bà: "Nhìn coi họ đang muốn làm gì đối với bà". Một trực xe đã bị giũa mòn đến độ nếu xe tăng tốc độ, thì sẽ gãy ngay.

Năm 1970, Galina Kochan đã vào trường cao cấp của Đại học Uzhgorod; nơi đây, bà cũng nhận thấy các mật báo viên theo dõi. Là một đảng viên từ năm 1963, bà đã bị chỉ trích tại các phiên họp đảng vì tô màu mí mắt, mặc quần, đi xe hơi, và quảng cáo lối sống của người Mỹ.

Chuyện xảy ra làm bà tin chắc đang bị KGB theo dõi là vào một Ngày của Tháng Năm 1972 tại Moscow. Kochan đã đến đây để nghiên cứu và đang trú ngụ tại Khách sạn Trường Đại Học. Trong thời gian tuần thứ hai tại đây, bà có thêm một người bạn

cùng phòng, một nữ y tá còn trẻ từ Kalinin đến, và tự giới thiệu tên Albina. Ngay từ đầu, bà đã nhận thấy tình trạng Albina rất lả lùng. Đối với một người như Albina phải khó khăn lắm mới có một chỗ trú ngụ tại khách sạn Đại học này chỉ dành riêng cho các viện sĩ, dù cho có đầy đủ chứng minh của Uzhgorod cũng vậy; nhưng Albina, một người đã ở không xa Moscow, mà lại có thể ở tại khách sạn này vô thời hạn không khó khăn gì cả. Bà ta lại hình như không bao giờ rời khỏi phòng. Albina đang ngủ khi Kochan ra đi và khi bà trở về vẫn thấy Albina trong phòng.

Có nhiều lúc khi trở về phòng, Kochan đã nhận thấy đồ đạc riêng của mình bị lục soát. Bà vẫn luôn luôn xếp đặt đồ đạc mình rất kỹ lưỡng, nhưng nhận thấy nó bị xáo trộn, quần áo bị nhầu nát. Có một lần khi trở lại vì quên vật gì đó, bà đã bắt gặp Albina đang lục lọi cái cặp của bà. Kochan cũng để ý xà bông, kem đánh răng và son thoa môi của mình cũng bị sử dụng, vì có mùi lạ như bị trộn lẫn với một cái gì đó, đồ mặc lót mình của bà cũng bị ẩm.

Một buổi sáng, sau mười ngày ở chung cùng Albina, Kochan thức dậy nhận thấy nhiều dấu đỏ trên tay và mặt của mình. Màn che trong phòng được cuốn lên lúc 8 giờ sáng và trong phòng chan hòa ánh sáng. Albina đã thức và đã mặc áo quần xong. Kochan nhận thấy yếu sức và để ý thân thể bị nổi lên nhiều mụn nhọt nhỏ, giống như bị nổi da gà. Kochan biết Albina là một nữ y tá, và bà đưa cho Albina xem những thứ nổi lên trên thân thể bà.

"Hà, hà, hà... tốt, ít nhất là vậy chứ," Albina vừa nói vừa cười và huýt sáo.

Kochan vô cùng kinh hãi. Bà nắm lấy Albina và lôi bà ta đến gần cửa sổ. "Hãy nói cho tôi biết bà đang làm gì ở đây, cho tôi biết đây là chuyện gì hay tôi sẽ cùng bà nhảy qua cửa sổ này." Kochan nắm lấy Albina như với bàn tay sắt và mở toang cửa sổ ra. Tiếng ồn ào ngoài đường Vernadsky Prospekt vang lên trong phòng, và không tiếng la hét nào được nghe thấy. Bà nhắc bổng Albina lên toan ném ra ngoài và Albina cũng nhận thấy Kochan quyết giết bà.

"Khoan, khoan," Albina la lên, "để tôi nói".

Kochan liền để bà ta xuống và dắt bà ta vào phòng tắm. Albina mở nước đầy bồn tắm. Mặt bà ta như hết máu, môi miệng xanh như tàu lá. Tiếng nói cũng thay đổi, nhỏ nhẹ, êm dịu như một người sắp chết cố gắng thều thào từ trong lồng ngực.

"Tôi xin bà đừng nói với ai," Albina nói, "nếu họ biết được tôi đã nói với bà, họ sẽ giết luôn tôi, tôi đã biết nhiều trường hợp như thế." Albina cho biết là bà ta được đưa đến đây để gây bệnh cho Kochan với một loại ô nhiễm, nhưng bà ta không biết loại gì. "Bà làm cách nào?" Kochan hỏi. "Tôi có bao giờ làm gì phiền bà không?"

"Họ đã bắt buộc tôi," Albina nói, "nếu tôi không làm, cũng sẽ có người khác làm, đây là việc của KGB." Albina lại lâm vào tình trạng bị khích động mạnh mà Kochan đã khắc phục được. Albina nhắc lại với Kochan, không nêu tiết lộ với ai là bà ta cố chữa trị cho Kochan, và Kochan có thể đã làm thiệt hại cho bà, nhưng Kochan cũng sẽ có thể tránh khỏi số phận như bà ta.

"Tôi không thể nói với bà," Kochan nói, "bà đã làm những gì bà phải làm." Albina bỏ đi ra khỏi phòng và Kochan ngồi trên giường mình hình như cả một hai giờ, bà không biết phải làm gì hay nghĩ gì. Cuối cùng, bà cũng ra đi khỏi nhà và rảo bước quanh thành phố. Hôm nay là một ngày tươi đẹp của mùa xuân, xe quét đường và sửa chữa lề đường đang làm việc để chuẩn bị cho cuộc viếng thăm chính thức của Tổng Thống Richard Nixon, cuộc viếng thăm đánh dấu mở màn cho thời đại bớt căng thẳng. Kochan nhớ đến trường hợp của Boris Spivak, một sử gia của Đại học Uzhgorod đã được tìm thấy chết cũng tại khách sạn này một năm trước đây. Theo lời giải thích chính thức, ông đã chết vì bệnh tim, nhưng không ai ở Carpathians tin như vậy. Ngay sau khi ông được chôn cất, nhà cầm quyền địa phương đã thâu hồi căn nhà mà vợ cùng hai con ông còn đang cư ngụ.

**GALINA KOCHAN** quyết định ở lại Moscow cho hết thời gian mà người ta cần bà và sau đó sẽ trở về Uzhgorod để tìm bác sĩ tin cậy giúp bà trị bệnh. Sự thật thì, hai tuần sau khi bà trở về

Uzhgorod, các triệu chứng bệnh đều biến mất và bà làm một phúc trình về cuộc nghiên cứu đã thực hiện ở Moscow đưa lên cho trường đại học. Bà được một bác sĩ quen biết ở Uzhgorod khám bệnh. Bác sĩ này nói là bà bị bệnh và cần phải được điều trị, nhưng ông lại không cho biết chi tiết nào cả. Thay vào đó, ông cho bà địa chỉ một bác sĩ ở Kiev. Một tháng sau, Kochan đi đến Kiev và được bác sĩ này cho biết là bà có số bạch huyết cầu cao trong máu.

Ông cho bà một toa có vài viên thuốc và bảo bà trở lại một tháng sau. Tuy nhiên khi bà trở lại thì được biết ông ta đã bị thuyền chuyển đến Karaganda ở Kazakhstan. Nhiều tháng sau, bà tìm mua thêm những viên thuốc này, nhưng không sao tìm được tại mọi cửa hiệu.

Một ít lâu sau, tại một bệnh viện an dưỡng thuộc nhà máy hóa chất Perechinsky, Kochan gặp Baratz được Stepan Malitsky, một người bạn của Kochan và là bác sĩ trưởng, giới thiệu là một thành viên của bộ tổng tham mưu Xô viết.

Baratz đề nghị mọi người cùng đi uống cà phê, nhưng đầu tiên, Kochan né tránh, vì sợ tiếp xúc với bà có hại cho việc làm của Baratz. Sau khi Malitsky từ giả hai người, Kochan cho Baratz biết về Slepichev và chiếc xe hơi và nhiều chi tiết khác về tình cảnh của bà. Baratz chú ý lắng nghe, nhưng có vẻ không thấy gì nghiêm trọng.

"Nếu Moscow điều tra, họ sẽ thấy đây không phải là hành động của KGB địa phương," Baratz nói, "vấn đề sẽ được làm sáng tỏ". Và anh nói thêm: "Thật sự, chính tôi cũng có vài vấn đề với KGB và lúc nào cũng có thể đặt các nhân viên này vào vị trí của họ."

Cuối cùng, Kochan đồng ý đi cùng Baratz, và một tuần sau, họ cùng ăn tối với nhau tại Mirror Hall ở Uzhgorod; nơi đây, họ được nhìn thấy hình ảnh của họ khắp mọi phía, họ kể chi tiết về những gì xảy ra cho họ. Họ gặp nhau vài lần nữa tại Uzhgorod, và khi Kochan trở lại Moscow vào Tháng 12 để nghiên cứu luận án tại sảnh đường của Thư Viện Lênin, Baratz cũng đi cùng. Một tháng sau, họ làm lễ thành hôn với nhau tại nhà của cha mẹ Baratz ở Perechin, một làng của vùng Carpathians.

Mặc dù Baratz bị nghi ngờ biết tiếng Anh nhưng giấu kín, không bao lâu sau đám cưới, anh vẫn được người chỉ huy phản gián của cơ quan điện toán cấp cho giấy phép. Như vậy có nghĩa là anh có thể có quyền mang cấp vào trụ sở Bộ Quốc Phòng, không cần phải bỏ nó lại tủ áo của phòng khách, một ưu đãi thường chỉ được dành cho những quân nhân cao cấp nhất. Đồng thời, anh được hộ tống đi đến bất cứ nơi nào trong lúc làm việc và Galina cũng bắt đầu bị theo dõi.

Mùa thu 1973, Baratz bị sốt nặng và phải nằm bệnh viện mất hai tháng. Tuy nhiên, anh ngạc nhiên vì không thấy được điều trị gì cả. Cho đến khi anh than phiền không được điều trị, anh hỏi đùa rằng chắc anh cần phải thú nhận một điều gì đó.

Cuối cùng anh được ra khỏi bệnh viện, nhưng đến mùa xuân 1974, sức khỏe của anh một lần nữa bị giảm sút và anh lại tái nhập viện. Lần này, anh được đưa vào là bệnh viện quân đội Burdenko, nơi đây anh được đại úy Vladimir Iutin, một thày thuốc bệnh tâm thần, đề nghị anh trước hết nên đi khám tại một bệnh viện tâm thần quân đội và cho anh biết rõ là anh không có sự lựa chọn nào khác. Tại bệnh viện tâm thần quân đội, Baratz được Đại tá Grigory Kolupaev cho biết anh yếu sức, cần dùng glucoza và vitamin. Anh nhận chích mười tám mũi thuốc trong nhiều ngày và uống nhiều thứ thuốc viên, mà sau này anh được biết đó là *sampoax* và *seduxen*. Kết quả của cuộc điều trị này, Baratz bắt đầu nói lung tung mà không biết mình nói gì. Khi được chuyển ra khỏi bệnh viện sau mười tám ngày điều trị, anh không tự mình đi được, phần cơ thể bên mặt của anh gần như bị tê liệt, và trí nhớ của anh bị mất rất nhiều. Và cuối cùng được cho về để trở lại không phải để làm việc cũ là kỹ sư điện toán, mà lại được giao cho việc một binh lính thường, sửa chữa và bốc vác.

Nhận thấy sự nghiệp chuyên môn của mình trong quân đội đã chấm dứt, Baratz đến gặp Đại tá Kozhevnikov, ban tâm thần của bệnh viện thuộc bộ tổng tham mưu quân đội và xin được giải ngũ với lý do bệnh. Được sự đồng ý của Kozhevnikov với điều kiện anh viết một đơn xin xuất ngũ vì mắc chứng "mặc cảm sợ sệt".

Tuy nhiên, cũng như đã từng xảy ra, phải có một thời hạn trước khi được xuất ngũ, để các chuyên viên tâm thần quân đội thảo luận anh có thật sự bị bệnh tâm trí hay không. Kozhevnikov nói với Baratz là anh nên trở lại Quân Y Viện Burdenko. Bàng hoàng về những chỉ dẫn này, Baratz bỏ trốn.

Từ nhà một người bạn anh đang lẩn trốn. Baratz biết rõ tính cách nghiêm trọng của tình thế. Nếu anh trở lại quân đội, anh là một kẻ đào ngũ; nếu trở về nhà, anh sẽ bị bắt vào nhà thương điên. Cuối cùng, anh điện thoại cho Kozhevnikov qua điện thoại công cộng và trở lại văn phòng của ông ta; nơi đây, anh bị tám chuyên viên tâm thần phỏng vấn. Sau đó, anh được đưa đến ban thần kinh của bệnh viện trung ương thứ ba quân đội ở Krasnogorsk; nơi đây, Đại tá Oleg Lumonov, bác sĩ giám đốc khám anh và cho biết anh không có bệnh gì cả. Sau đó, Baratz trở lại nhà thương Burdenko cùng với bác sĩ Lumonov và tại đây, anh bị cho là không thích ứng về phương diện thể chất cho việc phục vụ quân đội và được cho giải ngũ vì lý do sức khỏe.

Với tư cách phục viên, Baratz hy vọng sẽ chấm dứt được các rắc rối với KGB. Tháng 3, 1975, anh đến làm việc tại Trung tâm điện toán của Bộ Lâm Nghiệp, nhưng cách khủng bố cũ của KGB vẫn tiếp tục đối với anh. Baratz nhận thấy bị bao vây bởi những người luôn luôn tìm hỏi quan điểm chính trị của anh; trong lúc ấy, có một bà lão 80 tuổi làm vệ sinh cho anh biết, ban đêm có nhiều người đã vào văn phòng của cơ quan.

Tuy vậy, cũng chưa có biến cố gì công khai xảy ra hơn một năm, và trong khoảng thời gian này Kochan nhận việc làm nhân viên khoa học cấp thấp tại phân khoa lịch sử thuộc Đại Học Quốc Gia Moscow. Mùa hè 1976, vợ chồng Baratz quyết định đi nghỉ hè ở vùng Carpathians. Một đêm nọ, họ đang đi tại làng Obava, một thôn xóm nhỏ nằm trong một thung lũng giữa những đồi rừng, thình lình họ bị mười người còng trẽ đánh bằng gậy gộc và ném đá vào người. Họ té xuống đất và kêu la cầu cứu. Trong khi cuộc đánh đập và tiếng kêu cứu đang tiếp tục, ánh đèn của một nhà gần đó sáng lên và những kẻ tấn công họ đã bỏ chạy.

Khi họ đứng lên được, Vasily và Galina bị máu chảy đầy mình. Họ cũng nhận thấy được tại một góc đường một nhân viên KGB mà họ biết mặt, đang ngồi trên xe *môtô* nhìn cảnh tượng này. Họ hỏi người này tại sao không cứu giúp họ thì được trả lời. "Họ không đánh người tốt."

Khi trở lại làm việc, Baratz nhận thấy không khí càng khó chịu. Nhiều mạt báo viên đã đến gợi với anh những câu chuyện chống Xô-Viết và dụng cụ làm việc của anh bắt đầu biến mất. Một đêm nọ, anh hỏi Dmitri Chereshkin, phó giám đốc trung tâm điện toán, người có cảm tình với anh, xin được giúp đỡ. "Vasya," Chereshkin nói, "tôi không thể làm gì được, đây là một sự chấm dứt đối với anh và đâu anh phải được đặt trên một đĩa lớn vào cuối năm nay."

Tháng 12, 1976, một đồng nghiệp cho Baratz một quyển sách của Solzhenitsyn viết "*Một Ngày Trong Cuộc Sống Của Ivan Denisovich*". Một thời gian ngắn sau đó, trong lúc ăn trưa, cái cặp của anh bị mất, và vào lúc 5 giờ chiều, một phiên họp đảng được triệu tập để thảo luận về vấn đề Baratz bị mất cặp vài tài liệu thuộc loại quốc cấm. Phiên họp chấm dứt và Baratz không bị phiền nhiễu gì khi mà công nhân than phiền ban quản trị phí phạm thời giờ làm việc với một vấn đề vô lý. Tuy nhiên, đến đầu năm 1977, Baratz đã bị gián xuống ba cấp, lương của anh từ 200 rúp xuống còn 130 mỗi tháng. Sau đó không lâu, anh được lệnh cùng với Viktor Astakhov, một phụ tá giám đốc sở, đi Kiev về một công tác kinh doanh. Nhưng trước khi lên đường, Astakhov đã gọi anh đến văn phòng và nói với anh ông ta được biết anh là một điệp viên của nước Anh và muốn dùng ông ta làm bình phong.

"Chúng ta không đi đâu hết", ông ta nói với Baratz, "anh muốn mở rộng mạng lưới gián điệp của anh. Vậy, chúng tôi bắt anh."

Vào lúc ấy, Baratz nhận thấy KGB đã không để anh sống yên. Chỉ có một điều mà anh không biết rõ là sẽ bị bắt hay bị đuổi việc.

Đầu Tháng Năm, Baratz bị đuổi việc. Anh được cho biết là do giảm nhân số, nhưng sự thật thì nó đang gia tăng số người làm

việc, điều khiến việc sa thải anh là bất hợp pháp. Tuy nhiên, công đoàn của trung tâm điện toán lại công nhận việc sa thải anh.

Tình cảnh mất việc ở bộ quốc phòng làm cho Baratz tin chắc anh không còn hy vọng gì đối với chế độ Xô-viết. Trong một cố gắng để trở lại làm việc, Baratz trực tiếp kêu gọi đến bộ và cả cơ quan KGB địa phương. Kochan kêu gọi đến Yuri Andropov, nhưng vô hiệu. Cuối cùng, Baratz quyết định không còn cách xoay sở nào khác và Ngày 4 Tháng 7, 1977, anh gửi một bức thư cho Brezhnev báo rằng anh và Galina sẽ từ bỏ quốc tịch và xin được rời khỏi Liên-Xô. Anh cũng cho biết lý do của yêu cầu này là vì bị KGB khủng bố có nhiều năm qua.

Không bao lâu sau khi Baratz gửi thư, Kochan đã bị mất chức giáo sư lịch sử đảng Cộng Sản của Đại học Quốc Gia Moscow, xuống làm nhân viên bảo trì với số lương từ 105 xuống chỉ còn 75 rúp mỗi tháng.

Vợ chồng Baratz chánh thức đệ đơn xin di cư và được một viên chức phụ nữ thuộc văn phòng cơ quan xuất nhập cảnh tiếp và cho biết, họ không hội đủ chi tiết cẩn bản để rời khỏi nước.

Cách lý luận của bà này làm Baratz ngơ ngác. "Chúng tôi ra đi vì bị đàm áp", anh nói.

Nhưng bà này chỉ nhắc lại: "Anh cần phải có cẩn bản vững chắc."

Rồi nhiều tháng trôi qua, vợ chồng Baratz bắt đầu cạn tiền. Vasily, trong thời gian này, học cách nấu ăn với số tiền 50 kopecks mỗi ngày. Một ký bánh mì giá 20 kopecks, một ít cải bắp giá từ 10 đến 15 kopecks và số tiền còn lại mua khoai tây, dầu ăn, củ hành và nấm khô, tất cả nấu được một nồi súp. Cuối năm 1977, Vasily bắt đầu mang bán sách của mình.

Cuối cùng, vợ chồng Baratz tiếp xúc với Robert Pringle, một lãnh sự của tòa Đại sứ Hoa kỳ để xem có thể nào có được một thư mời sang nước này hay không. Vài ngày sau khi gặp Pringle, Baratz bị gọi đến trụ sở cảnh sát địa phương và hội kiến với viên cảnh sát trưởng, viên công tố, bà Pechkina và một người mặc thường phục mà Baratz tin là nhân viên KGB.

Họ chất vấn Baratz tại sao anh không làm việc và đe dọa kết tội anh sống lang thang. Cuối cùng, trong một buổi họp thứ hai, họ cho anh một lệnh đi làm và Ngày 1 Tháng 6, 1978, anh đến làm việc linh tinh cho một cửa hiệu giặt ủi với số lương 105 rúp một tháng.

Trong khoảng hai năm sau, vợ chồng Baratz tiếp tục cố gắng vận động để được di cư, nhưng không kết quả. Sau cùng, với một cố gắng kêu gọi sự giúp đỡ của một viên chức đảng từ Moscow - một người trước đây hình như có cảm tình với anh - cũng thất bại luôn, Baratz quyết định chỉ còn hy vọng duy nhất để được di cư là phải trở thành kẻ ly khai. Và với sự giúp đỡ của một người Do thái qua trung gian của những người khác không phải Do thái cũng đang tìm cách ra đi khỏi nước và tổ chức một Ủy Ban Đòi Quyền Di Cư.

Tôi [Satter] được các thành viên khác của Ủy Ban giới thiệu Baratz, và trong một buổi tiếp xúc đầu tiên với anh, đã được anh tường thuật đầy đủ chi tiết về hoàn cảnh của anh. Anh cố giải thích các kinh nghiệm có vẻ không bình thường mà anh đã trải qua.

"Bất cứ ai đều có thể bị KGB nghi ngờ là gián điệp của ngoại quốc", anh nói, "vì KGB lúc nào cũng tìm họ. Một nhân viên KGB có thể bắt đầu điều tra một người nào đó như một điệp viên ngoại quốc để trả thù một sự lăng nhục, để làm hại một địch thủ, hay trả một mối thù cá nhân nhỏ mọn. Nhưng khi một trường hợp như thế đã xảy ra thì khó mà chấm dứt nó. Mỗi hành động của người bị nghi ngờ là gián điệp đều bị xem như được chứng minh bằng sự tố cáo sơ khởi. Nếu người ấy có những biện pháp để tự vệ một cách hợp lý trước sự khủng bố bằng cách tránh xa các mật báo viên hoặc chống lại những khiêu khích, họ sẽ bị xem như có thái độ của một điệp viên. Do đó, kết quả là trường hợp bị nghi ngờ càng gia tăng".

Tôi đã hợp tác với vợ chồng Baratz trong việc viết bài tường thuật các trường hợp của vài người đã tìm sự giúp đỡ của Ủy Ban Đòi Quyền Di Cư, và kinh nghiệm đã nhiều lần cho thấy tổ chức này đáng được tín nhiệm. Trong nhiều năm bị khủng bố, vợ

chồng Baratz đã quá khổ sở vì môi trường bao vây họ do KGB có đủ khả năng tạo ra.

Nhất là đối với Baratz đã sống trong một thế giới đầy rẫy những mật báo viên và gián điệp. Anh rất nhạy bén trong việc tố cáo những người khác là mật báo viên KGB, thường không chính xác, cũng như anh rất tự phụ cho rằng mình có khả năng biết được lúc nào đang bị theo dõi. Baratz nói với tôi, có nhiều dụng cụ nghe lén được đặt trong phòng của ngôi nhà kế cận nhà anh, chỉ cách nhau bằng một vách tường.

Baratz còn nhắc đến khi vợ chồng anh đầu tiên dọn đến ở phòng này, thì có một gia đình người Xô-Viết đã ở tại căn nhà kế bên; gia đình này hay uống rượu, nhảy và chơi kèn *acmônica*. Tuy nhiên, sau một thời gian, căn nhà này im lặng cho đến ba năm sau, ngoài tiếng hoạt động của một máy phát âm mỗi buổi sáng vào lúc 6 giờ. Baratz cho biết là trong những ngày nóng nực của mùa hè, khi các cửa sổ trước nhà anh và các nhà kế cận được mở ra để đỡ nóng, thì có thể nhìn vào trong nhà ấy bằng một kính soi mặt gắn vào một khúc cây dài. Và anh thấy căn nhà này bỏ trống mà chỉ có một thiết bị to lớn, và có lúc nhân viên KGB làm việc ở đấy.

Baratz tin anh và Galina cũng đang bị rình rập theo dõi từ căn nhà ngay dưới nhà họ, và KGB vẫn quan sát họ từ một vị trí kín đáo bên kia đường. Một đêm nọ anh kéo tôi đến gần cửa sổ và chỉ cho thấy một điểm sáng nhỏ phát xuất từ một gác nhỏ trực tiếp dưới mái nhà tối om ngay bên kia đường. Anh cho đó là nơi KGB đang quan sát gia đình anh.

Ủy Ban Đòi Quyền Di Cư còn phải cố gắng lo cho một số lớn kiều dân - Dọ thái, Nga, những công nhân thường, và những người đang đau khổ, bị ngược đãi vì lý do tôn giáo. Ngoài việc kết thân với các nhà báo ngoại quốc, và làm việc hằng ngày ở hiệu giặt ủi, Baratz sưu tầm và nghiên cứu tờ báo, "Leaves" [Ra đì] có đăng tải đầy đủ chi tiết về trường hợp của những người bị từ chối cho phép ra đi khỏi nước, và bài bình luận về trường hợp của Baratz.

Nhưng nhóm này sống không được bao lâu, vì Baratz và nhiều thành viên khác tố cáo lẫn nhau là mật báo viên của KGB. Và khi nhóm tan rã, vợ chồng Baratz tham gia vào nhóm *Pentecostalists*, những tín đồ đạo Tin lành là nhóm tích cực nhất trong các cố gắng đảm bảo quyền rời khỏi Liên-Xô.

Tuy nhiên, với sự đổi thay đồi thay trong hoạt động của họ, nên việc tìm gặp vợ chồng Baratz bắt đầu khó khăn. Họ có lúc đi đâu mất trong nhiều tuần lễ, dùng xe của Kochan đi Baltics hay các thành phố ở Ukraine và từ chối không nói đã đi đâu. Có một thời gian họ ve vãn nhiều phóng viên ngoại quốc, nhưng giờ đây, Baratz lại tỏ ra lanh tránh và càng ngày tối càng ít gặp được anh. Cuối cùng, cuộc tranh đấu của anh chấm dứt, vì Ngày 9 Tháng 8, 1982, tại thành phố Rovno, nơi anh đang chuẩn bị lên phi cơ, anh đã bị KGB bắt và đánh đập. Khi Kochan bay đến Rovno để tìm hiểu việc gì đã xảy đến cho anh, nhà cầm quyền địa phương từ chối xác nhận Baratz có mặt tại đây. Và sau ba lượt đi đến Rovno, Ngày 23 Tháng 8, cuối cùng bà được cho biết, Baratz đang bị giam giữ tại Rostov-on-Don. Kochan cũng bị bắt tại thành phố này Ngày 9 Tháng 3, 1983. Hai người bị nghi ngờ làm gián điệp, không bị buộc tội này mà lại bị tố cáo là xách động chống Xô-Viết.

**MỘT BUỔI CHIỀU THÁNG 6, 1980**, Viktor Blok, một nhà vật lý ở Moscow và hai người bạn thuộc Viện Bán Thành Phẩm Hữu Cơ là Yuri Khronopulo và Gennady Krochik, cũng là những nhà vật lý, đến dự một buổi chiếu phim về nước Ấn Độ tại sảnh đường Câu lạc bộ Makarenko, trung tâm thành phố Moscow. Ngay lúc ấy, họ lại nghe còi hụ và tiếng xe cộ đang dừng lại vào lề đường. Một lúc sau, hai mươi cảnh sát đồng phục và thường phục bất ngờ đi vào sảnh đường và hô lớn: "Mọi người hãy ngồi yên tại chỗ. Không ai cho phép các ông được trình chiếu phim này." Và cảnh sát ghi tên tất cả khán giả và giải tán họ.

Bốn tháng trôi qua, Khronopulo, Blok và Krochik không được mời xem một phim nào nữa. Nhưng họ vẫn phải đến phòng

thí nghiệm sinh hóa điện tử ở Furmanny Lane, để thực hiện các cuộc thí nghiệm về ngoại tâm lý. Để đối phó với sự dính líu của Khronopoulo vào vấn đề làm việc sưu tầm ở phòng thí nghiệm, ông được gọi ra trước ủy ban đảng cùng với các đảng viên thuộc viện; nơi đây đã có sự hiện diện của ba người lạ, một người còn trẻ rõ ràng là một nhân viên KGB, một huấn luyện viên thuộc *raion* ủy ban đảng, và một cựu đảng viên già *Bolshevik*.

Cuộc họp bắt đầu với kiểu đặc thù Xô-Viết.

"Ông có nghĩ, tại sao chúng tôi mời ông đến đây không?", nhân viên KGB hỏi.

"Tôi không biết tại sao mấy ông mời tôi đến đây." Khronopoulo trả lời, "xin các ông cho tôi biết đi."

"Được," nhân viên KGB nói, "ông hãy cho chúng tôi biết ông có thấy thích việc sưu tầm và nghiên cứu ngoại khoa tâm lý không?"

"Có."

"Ông có đi viếng phòng thí nghiệm sinh hóa điện tử ở Furmanny Lane hay không?"

"Có, tôi cũng đã làm đơn để xin tham gia làm việc cùng phòng thí nghiệm này."

"Ông có làm một đơn xin," đảng viên già Bolshevik ngắt lời và nhắc lại câu nói với vẻ hết sức mỉa mai, "và ông không nghĩ rằng dữ kiện tiểu sử của ông hiện đang nằm trên bàn của tình báo Hoa kỳ à?"

"Tin tức tiểu sử của tôi đã có trên tất cả báo chí, nhưng tôi không bao giờ công bố việc làm khoa học của tôi", Khronopoulo nói.

"Nội dung phim ấy như thế nào," huấn luyện viên này hỏi, "nó trình bày những gì ?".

"Tôi không biết," Khronopoulo nói, "tôi chưa bao giờ có cái may mắn được xem nó."

"Vậy, tên phim là gì ?"

"Tôi cũng không biết nốt."

"Ông là một tiến sĩ khoa học," đảng viên già Bolshevik nói, "mà ông không thấy hổ thẹn bị lừa gạt tham gia vào một giáo phái à? Giáo phái ấy tên là gì nhỉ?"

"Hội Krishtana", huấn luyện viên đảng nói, mặc dù chính ông ta cũng không lấy gì làm chắc chắn cho lắm đối với tin tức về tên của giáo phái này.

"Tôi không được biết một tổ chức như thế", Khronopoulo nói.

Vì lý do nào đó, lời nói này làm cho đảng viên già Bolshevik nổi giận. "Ông chỉ nên lo về khoa học thôi!", ông ta lớn tiếng nói.

"Có phải ông muốn nói với tôi rằng không nên để ý đến việc nghiên cứu về ngoại khoa tâm lý trong những ngày giờ rảnh rỗi của tôi phải không?"

"Lẽ dĩ nhiên là ông có thể." Nhân viên KGB nói, vì muốn không khí bớt căng thẳng, "nhưng hãy nhận thức được bất cứ một sự khiêu khích hay kích động nào. Họ có thể tìm cách lôi cuốn ông vào một giáo phái."

Một thời gian ngắn sau đó, Blok được giám đốc viện mời đến.

"Ông đi đến phòng thí nghiệm sinh hóa điện tử, viên giám đốc nói, "KGB không bằng lòng và tôi xin báo cho ông nếu ông tiếp tục đến đây, một tình thế có thể xảy ra bắt buộc tôi phải sa thải ông," Khronopoulo và Krochik đều nhận được lời cảnh cáo tương tự, và kết quả là cả ba người không đi đến đây nữa.

Blok bắt đầu cuộc nghiên cứu về ngoại khoa tâm lý năm 1962 khi ông quyết định đi viếng một phòng thí nghiệm về tin tức sinh học gần nhà ga Kursk, nơi được biết đang thực hiện các cuộc thí nghiệm về thần giao cách cảm. Blok nghe nói phòng thí nghiệm hoạt động vào những ngày thứ tư, và khi ông đến tòa nhà này lần đầu tiên, ông đi xuống cầu thang dưới tầng hầm vào một phòng có ánh đèn lờ mờ. Một người nhỏ thó, vẻ đặc biệt tự nhiên vào khoảng bốn mươi tuổi đang ngồi viết. Blok nói ông muốn quan sát công việc của phòng thí nghiệm, người này bắt tay Blok thật chặt và cho ông một tấm thẻ hội viên.

Đến Ngày thứ Tư sau Blok trở lại, không thấy bàn ghế ở dưới tầng hầm đâu cả, và người đã cho ông thẻ hội viên cũng không có mặt. Blok tìm cách gọi chuyện với vài người hiện diện đang đứng

quanh tầng hầm, và khi ông hỏi đến người đã ngồi tại bàn ngày thứ tư tuần trước, một người hiện diện trả lời: "Chúng tôi cũng không biết ông ta là ai."

Blok không trở lại phòng thí nghiệm nữa, nhưng năm 1968, năm chót của ông tại viện vật lý kỹ thuật, ông thực hiện vài cuộc thí nghiệm về thần giao cách cảm với những người bạn cùng phòng ngủ. Một người tập trung ý nghĩ vào một trong năm lá bài đặt úp trên bàn và một người khác ở cách đó mười thước cố đọc cho được ý nghĩ của người kia.

Trong năm cuối của mình tại học viện vật lý kỹ thuật, Blok có dự một buổi thuyết trình của Yuri Kaminsky về những thí nghiệm mà ông ta đã thực hiện về thần giao cách cảm, gởi đi và nhận lại những tín hiệu từ Karl Nikolaev, một diễn viên. Buổi thuyết trình diễn ra ở một câu lạc bộ. Không có một thông cáo nào để bên ngoài báo cho biết tại đây có cuộc thuyết trình, nhưng sảnh đường vẫn đầy người đến nghe. Ngoài việc tường thuật các thí nghiệm của mình, Kaminsky còn nói đến một số lớn trường hợp, gồm những người ngồi đồng ở nước Áo để tìm kiếm trẻ con mất tích và điều tra tội ác.

Blok tiếp tục chú ý đến ngành ngoại tâm lý học, nhưng không tìm đâu ra được tài liệu, sách vở liên quan đến vấn đề này. Lúc nào cũng có tin đồn có những cuộc thí nghiệm, nhưng ông chỉ có thể phỏng đoán được quy mô của công việc mà thôi.

Sau khi tốt nghiệp tại viện vật lý kỹ thuật, Blok đến làm việc tại Viện Công Nghệ Phát Thanh Moscow và tiếp tục các cuộc thí nghiệm, sưu tầm về ngoại khoa tâm lý với bạn bè.

Một ngày kia, ông gặp một phụ nữ cũng cùng học với ông, bà này cho ông một giấy dự Đại Hội Toàn Quốc Kỳ 3 về ngoại khoa tâm lý học, được tổ chức tại Viện Hàng Không Dân Dụng ở Moscow. Blok ngạc nhiên là tại đây, Liên-Xô lại có thể có một cái gọi là Đại Hội Toàn Quốc Về Ngoại Tâm Lý Học tại Liên-Xô kể từ khi chủ nghĩa Mác-Lê ra đời, khoa ngoại tâm lý học này đã chưa xuất hiện.

Trên đường đi đến học viện, Blok gặp một người thấp, tóc hoa râm khoảng năm mươi tuổi. Blok hỏi ông ta đường đi đến Viện

Hàng Không Dân Sự và được ông này cho biết ông cũng đang đi đến đó. "Tên tôi là Alexander Spirkin," vừa nói ông ta vừa đưa tay ra để bắt, "chắc ông có đọc sách của tôi dạy về triết lý của chủ nghĩa Mác Lê."

"Ai mà không biết sách giáo khoa này của ông," Blok trả lời với vẻ hoàn toàn ngạc nhiên, "nhưng triết lý của chủ nghĩa Mác Lê có ngăn cấm ông chú ý đến chủ nghĩa thần bí không?"

"Không bao giờ," Spirkin nói rất tự nhiên, "triết lý biện chứng có cái lợi là có thể giải thích được hôm nay những gì bị phủ nhận ngày hôm qua, gồm cả thuyết thần bí."

Có tất cả khoảng bốn trăm người tham dự đại hội và sảnh đường chật ních người mặc dù không có thông báo nào quảng bá đại hội này cả. Thuyết trình viên đầu tiên là Gennady Sergeev, một tiến sĩ khoa học đến từ Leningrad, nói về các cuộc thí nghiệm thực hiện cùng Kulagin, một trong số vài người được biết tại Liên-Xô, có khả năng chẩn đoán thần giao cách cảm và có thể di chuyển đồ vật bằng tư tưởng. Một nhà sinh học vật lý ở Novosibirsk đã mô tả một con chuột trắng được hướng dẫn đi trong một cung mê (đường quanh co rắc rối) bằng khả năng ngoại cảm. Ông ta cũng cho biết con chuột khi đã đi qua được cung mê một lượt rồi, và sau đó, đi cùng một con khác chưa có kinh nghiệm, nó cũng ảnh hưởng được với con chuột mới này và giúp nó đi qua cung mê nhanh chóng hơn là khác.

Một thuyết trình viên của phòng thí nghiệm sinh học thông tin mà Blok đã viếng thăm vài năm trước đây, diễn tả những cố gắng phỏng đoán những gì để trong những hộp đóng kín.

Cuối ngày, một thuyết trình viên khác nói: "Chúng tôi hy vọng được họp lại vào năm tới." Nhưng không ai đề cập đến khi nào sẽ có đại hội lần nữa và sẽ được tổ chức tại đâu. Blok cũng không bao giờ biết được người tổ chức đại hội, những gì xảy ra trong các kỳ đại hội 1 và 2 trước đây hoặc có thể sẽ còn có kỳ 4 và 5 hay không. Ông cũng không bao giờ thấy được bất cứ một tài liệu hoặc sách báo ghi chép, tường thuật các đề tài đã được thảo luận trong các kỳ đại hội.

Một thời gian sau, Blok bắt đầu mất hy vọng có khả năng theo đuổi việc nghiên cứu môn ngoại khoa tâm lý, cũng như ông gần muối từ bỏ ý định được giới thiệu cùng Valery Sergeievich Averyanov, một nhân vật thần bí, cũng được biết dưới cái tên Var Avera.

Một ngày kia, Blok được người bạn tên Igor Stepankov viếng thăm, người này đang làm quản gia một tòa nhà trong lúc mải mê nghiên cứu *yoga* và tác phẩm của Spengler có tựa là "Sự Suy Tàn của Tây Phương". Stepanlov thường nói chuyện với Blok về *yoga*, nhưng vào một ngày đặc biệt, ông ta muốn Blok đi gặp người thầy mới của ông ta. Blok nhận lời. Hai người ra đi đến căn hầm của một tòa nhà gạch hai tầng cũ và hư hỏng tại trung tâm Moscow. Và chính tại đây, Stepankov giới thiệu Blok cho Averyanov.

Averyanov có tóc vàng và cứng, nhưng có gương mặt thon với những nét đầy ý nghĩa. Trong phòng ông ta có một bàn nhỏ trên chất đống cao sách vở, bản thảo; một tủ quần áo với vật dụng cá nhân, một ghế dài gỗ hình như để dành cho khách. Trên tường có treo hai bức tranh lớn, một bức là tranh trừu tượng có thể là với đề tài chiến tranh trong vũ trụ, bức kia là hiện thực vẽ một người phụ nữ. Trong lúc này trong phòng cũng có hai học trò của Averyanov, Valera và Natasha.

Averyanov hỏi Blok nghĩ gì về ý nghĩa của hai bức tranh. Blok do dự rồi cho biết ông nghĩ đó là khát vọng muốn thống nhất chức năng làm mẹ và cuộc đấu tranh với vũ trụ.

Averyanov tỏ vẻ thích thú với nhận xét này của Blok.

"Ông là người thứ nhất hiểu được ý nghĩa của hai bức tranh." Rồi ông giới thiệu các khách trong phòng. "Valera đây là thần chiến tranh", ông nói, "và Igor là một vị thần cao cấp hơn. Các anh sẽ là thần quán thông."

Không bao lâu, Blok biết là Averyanov và các môn đệ của ông ta đã luyện tập cái mà họ gọi là "môn võ karatê không gian", một môn võ gây thương tích cho người từ một khoảng cách. Averyanov giải thích năng lượng động tác tự nhiên trong cơ thể, làm thế nào tập trung nó, điều khiển nó, và nó có thể bị phân tán

núi thế nào. Khi ông chiến đấu với một người nào đó, các môn đệ của ông tập hợp lại và tập trung ý chí vào người mà họ muốn tiêu diệt. Igor, sau này nói cho Blok biết Averyanov đã thành công trong việc gây một cơn đau tim cho một lãnh tụ môn yoga ở Moscow.

"Người theo môn phái yoga viết rằng ông phải ngăn ngừa sự phát triển của ganh ghét và căm thù," Averyanov nói, "nhưng đó là điều vô lý. Chúng ta phải phát triển lòng căm thù. Chúng ta thắng trận chống phát xít cũng chỉ do lòng căm thù và lòng căm thù là nguồn động lực và năng lượng." Averyanov nói mối nguy cơ to lớn nhất của người Nga xuất phát từ người Trung Quốc và các cộng đồng thiểu số trong nước, vì vậy cần phải tiêu diệt người Trung Quốc. "Bí quyết là làm sao nắm được tinh thần dân chúng. Nếu tôi có bảy mươi lăm môn đệ, chúng tôi có thể cùng nhau thay đổi được bản chất gây hấn của người Trung Quốc bằng cách thần bí giáo dục họ lại để họ làm theo ý muốn chúng ta. Chúng ta có thể nghiên cứu quá trình thực thi các phương pháp của chúng ta đối với người Buryats."<sup>1</sup>

Averyanov nói KGB đã ngược đãi, khủng bố người Do thái ở Liên-Xô và đó là việc tốt, nhưng phải làm sao cho có thêm hiệu quả. Ông ta cũng nói rõ ràng là ông ta ghét tất cả các cộng đồng thiểu số trong nước. Từ nhiều năm nay, Averyanov thường có nhiều thời kỳ bị giam trong các bệnh viện tâm thần, và theo ông ta, sau các cộng đồng dân tộc thiểu số trong nước, kẻ thù to lớn nhất là các thầy thuốc bệnh tâm thần, họ đưa ông ta vào các bệnh viện này trong khi rõ ràng ông là một người bình thường nhất. Nơi duy nhất mà ông ta được đối đãi có lẽ độ và sự giải thích của ông ta về môn võ karatê không gian được chú trọng có vẽ nghiêm chỉnh nhất, theo ông ta, chính là cơ quan KGB.

Averyanov nói là các môn đệ của ông đã được huấn luyện để thi hành đầy đủ mọi mệnh lệnh của ông ta. "Nếu tôi bảo họ cởi bỏ quần áo đi ra đường phố và hô to một lời gì đó, họ sẽ làm ngay", ông ta nói.

---

<sup>1</sup> Buryats: một sắc tộc Mông cổ sống ở vùng Siberia, trên bờ đông của hồ Baikal.

Về vấn đề cần phải làm gì để luyện môn võ karatê không gian, ông ta nói: "Nếu tôi nhìn mắt ông thấy ông có vài ý nghĩ riêng nào đó, ông sẽ không bao giờ học được phương pháp này. Ông cần phải biết cách tự kèm chế."

Blok không còn tiếp xúc với Averyanov thêm nữa, nhưng ông vẫn tiếp tục để ý nghe nói về ông ta vì ở Moscow có bày nhiều sách lớn nhỏ của ông. Phần lớn các sách này có vào khoảng từ một đến hai trăm trang, và nó được chụp ảnh lại rất tốt. Averyanov viết về kinh nghiệm cá nhân và về triết lý của ông, về mối đe dọa của Trung Quốc, và về sự cần thiết phải tiêu diệt các công đồng thiểu số trong nước. Ông luôn luôn ký tên trên tất cả sách xuất bản của ông, mà KGB có thể bắt ngưng lại bất cứ lúc nào, nhưng tác phẩm của ông vẫn được gia tăng và luân lưu. Đây là dấu hiệu rõ ràng cho thấy KGB đã để ý đến hoạt động của ông, và xác nhận lời ông cho rằng chỉ có cơ quan này mới quan tâm đến các ý kiến của ông một cách nghiêm chỉnh.

Trong một quyển sách nhỏ của Averyanov tựa đề "*Lý thuyết và thực hành cuộc tranh đấu tâm lý-nghị lực chống chủ nghĩa thế giới bá quyền Trung Quốc*", ông trả lời những câu hỏi của hai trong số các môn đệ của ông. Trong đó, ông giải thích các phương pháp chuẩn bị các nhân tài môn võ thuật không gian karatê và nói rằng một nhân tài như vậy phải có khả năng "làm cho trí tuệ của mình trở thành như một băng ghi âm còn trong sạch, để có thể chỉ ghi riêng các ý nghĩ của chúng tôi mà thôi - ngắn gọn, đến độ như các mệnh lệnh của quân đội." Quyển sách chấm dứt với thách thức của các môn đồ Averyanov đối với những nhân vật thuộc các môn phái bí Trung Quốc trong một cuộc chiến đấu và kết luận: "Họ sẽ biết sức mạnh của chúng ta, và nó sẽ là sự hiểu biết cuối cùng của họ."

Một thời gian sau khi gặp Averyanov, Blok vào làm việc ở Viện Bán Thành Phẩm Hữu Cơ, và tại đây ông kết hợp với Khronopulo và Krochik, những người đang được chờ đợi thỉnh thoảng dự thính tại Moscow về ngoại khoa tâm lý mà họ chỉ nghe được hứa hẹn. Trong một dịp, họ có tham dự một buổi thuyết trình của Sergeev về đề tài "sinh cực" [biopoles] tại Hội Các Sử

Gia. Sergeev nói một sinh cực có thể cho biết vào thế kỷ nào đó một biến cố đã xảy ra. Ông trình bày một hộp đen nhỏ to cở một máy thu thanh bán dẫn, có *angten* và bản số quay có mũi tên. Khi ông mang thiết bị này đến gần một người nào đó, mũi tên sẽ quay trên bản số. Khi một mũi giáo của thế kỷ thứ 12 được để gần, thiết bị này phản ứng có thể đọc được. Các sử gia đều gật đầu tỏ vẻ tán đồng.

Sau buổi thuyết trình, Khronopoulo và Krochik hỏi xin được xem sơ đồ của thiết bị này. Sergeev mời họ đến dự thính một kỳ sau tại Viện Bảo Tàng Động Vật thuộc trường Đại Học Moscow. Khronopoulo và Krochik cho Blok biết và đề nghị ông cùng đi. Sau buổi thuyết trình này, Sergeev cho ba nhà vật lý xem sơ đồ của thiết bị mà ông ta đã trình bày trước đây, đồng thời giải thích khả năng ghi chép cực sinh của nó. Nhưng đối với họ, hình như sự giải thích của ông ta không thích hợp về phương diện khoa học. Họ cố trình bày một số nguyên tắc căn bản vật lý với ông, nhưng ông vẫn lặp lại những gì ông đã nói như một cái máy hát cũ. Họ nhận thấy không thể thảo luận được với ông về mọi vấn đề và không gặp lại ông ta nữa.

Đầu năm 1980, Blok, Khronopoulo và Krochik nghe một số nhà khoa học thuộc Viện Thể Dục, Thể Thao Lebedev nói đến một nhóm được Viện Trau Giồi Thể Dục thực hiện một số thí nghiệm về khoa ngoại tâm lý, và cả ba đã tham gia nhóm này. Những người khác cùng tham gia vì được nghe tin chuyên từ người này qua người khác. Tất cả đều được học các nguyên lý của khoa ngoại tâm lý. Trong sáu tháng đầu, các học viên học cách sử dụng hai bàn tay để nhận thức được từ trường sinh vật bao quanh một người. Sáu tháng sau, họ nghiên cứu các bộ phận của cơ thể và cách phân biệt giữa một bộ phận lành mạnh và một bộ phận đau yếu.

Khi ba nhà vật lý này thật sự cảm nhận được các dấu hiệu phát ra từ cơ thể, họ quyết định thử tìm cách chứng minh khoa học sự tồn tại của sinh cực.<sup>1</sup> Họ tự hỏi, không hiểu đã có mối liên hệ gì

---

<sup>1</sup> *Biopoles*: điện trường bao quanh mỗi người.

giữa sinh cực và sự tồn tại của *chakras*,<sup>1</sup> nguồn gốc của các cực theo thuyết *yoga*. Thuyết *yoga* dạy có nhiều tiếng động, những câu kinh kệ, thần chú gây được phản ứng của các *chakras* ấy. Cũng theo triết lý *yoga*, các nhà vật lý này lặp lại những tiếng động ấy hay đọc những kinh kệ và thần chú ấy và với tay của họ xem có xác minh khích động được các *chakras* không, nhưng họ muốn thấy được kết quả qua sự chứng minh bằng dụng cụ. Vài vị bác sĩ trong nhóm cũng đồng chú ý theo dõi. Họ tự hỏi các chuyên viên về ngoại khoa tâm lý học có tác động gì đến việc áp dụng khoa châm cứu hay không.

Người thầy của các nhà vật lý và người tổ chức nhóm này tại Viện Trau Dồi Thể Dục là Sergei Mitrofanov, một kỹ sư vô tuyến điện và cũng là một thành viên của phòng thí nghiệm thông tin sinh học mà Blok đã từng thăm viếng mười tám năm trước đây. Khronopulo và Krochik đến phòng thí nghiệm, đi vào phải có một giấy phép đặc biệt, nhiều nhóm người đang đứng bên ngoài để đòi được chữa trị. Thỉnh thoảng, có người từ trong phòng thí nghiệm đi ra yêu cầu họ giải tán. Mitrofanov giới thiệu Khronopulo và Krochik với Spirkin, người mà sự quan tâm đến khoa ngoại tâm lý không suy giảm trải qua nhiều năm, họ còn gặp được Nicolai Nosov, người đứng đầu phòng thí nghiệm và một đại tá kỹ thuật của quân đội.

Không khí trong phòng thí nghiệm rất là bí mật. Chỉ có một lối đi vào và phải được một nhân viên hướng dẫn. Khách qua đường bị cấm chỉ. Nhiều nhân vật lạ không phải thành viên của phòng thí nghiệm đọc các bài thuyết trình về *yoga*, về các cách chữa bệnh và các lý thuyết xây dựng vũ trụ. Vài người thuộc phòng thí nghiệm là các nhà khoa học, và người khác là các nhà thần bí. Khi có người hỏi phòng thí nghiệm đang làm việc gì, thì được trả lời: "Hãy là thành viên đi thì sẽ biết".

Khronopulo và Krochik nay có thêm Blok mỗi tuần đều có đến dự các buổi hội thảo chuyên đề; nơi đây, họ trình bày đề nghị cũ của họ cho độ bốn mươi người. Họ nói muốn dùng các

<sup>1</sup> *Chakras*: các động mạch trong khoa châm cứu.

sóng siêu âm để tác động đến *chakras* của con người và để đo được những đổi thay nhân điện gần cơ thể của người ấy. Họ cần các dụng cụ, trang thiết bị để thực hiện các cuộc thí nghiệm này và hy vọng phòng thí nghiệm có thể cung cấp cho họ. Trong số dụng cụ đó, họ cần một điện kế điện tử hết sức nhạy bén và chính xác.

Phản ứng của cử tọa buổi hội thảo tỏ ra lẩn lộn. Nosov tỏ ra giận dữ và lỗ mãng, ông ta la lớn: "Các ông đang làm gì ở đây? Các ông đến đây vì cái gì?" Những người khác lại tỏ ra tán thành. Vài người thuộc các viện khoa học Moscow từng tham gia làm việc tại phòng thí nghiệm phản ứng một cách nồng nhiệt. Nhưng rồi không mấy chốc, rõ ràng là muốn có những thiết bị này cần phải sử dụng một số năng lượng vô cùng lớn lao, mà họ không làm sao có thời gian để dành cho việc khác.

Các nhà vật lý đã tham dự những buổi hội thảo trong ba Ngày thứ Ba liên tiếp, cố làm cho cử tọa chú ý đến ý kiến của họ, nhưng rồi họ nhận thấy sự hiện diện của họ không được hưởng ứng. Để có thể trở nên một thành viên của phòng thí nghiệm, phải trả lời viết tay một bảng câu hỏi, nộp một tấm ảnh, và phải được các chuyên viên tâm thần khảo sát để xác định tính cách "thích hợp". Khronopulo, Blok và Krochik không có làm một việc nào cả. Khi họ đến dự cuộc hội thảo của tuần lễ thứ tư, họ đột ngột bị từ chối không cho tham gia dự thính.

Trong lúc Blok, Khronopulo và Krochik đang cố làm cho phòng thí nghiệm về khoa sinh điện tử chú ý đến các đề nghị của họ, thì vài viên chức Xô-Viết lại cố tìm cách chấm dứt hoạt động của phòng thí nghiệm này vì lý do nó không có nền tảng hay cơ sở duy vật. Tương lai của phòng thí nghiệm đã được các cấp của Hội Khoa Học Kỹ Thuật Popov thảo luận nhiều lần, cuối cùng là quyết định loại bỏ hẳn các hoạt động phi khoa học của phòng thí nghiệm. Khronopulo, Blok và Krochik sau hết đã bị cấm hẳn tới lui phòng thí nghiệm, sau khi cảnh sát bố ráp buổi chiếu phim ở Câu Lạc Bộ Makarenko và đưa ra những cảnh cáo chánh thức đối với viện họ đang làm việc.

Ba người tiếp tục nghiên cứu ngoại khoa tâm lý với Mitrofanov tại Viện Trau Giồi Thể Dục cho đến Tháng Giêng 1981, ủy ban đảng của viện thay đổi thái độ đối với các lớp học về khoa này. Mitrofanov được gọi đến và được cho biết là khoa ngoại tâm lý này không phải là một khoa học Mác-xít và thuyết thần bí có thể dẫn dân chúng đến quan niệm về tôn giáo của thế giới. Một tối nọ, Mitrofanov tập hợp các thành viên của lớp học ngoại khoa tâm lý và nói: "Chúng ta đã bị cấm hội họp tại đây. Chúng ta sẽ tiếp tục gặp nhau, nhưng phải riêng và kín đáo".

Nhiều thành viên của nhóm tiếp tục hội họp kín đáo, nhưng rất khó khăn để thực hiện công việc với quá ít người, và không có một cơ cấu tổ chức. Trong lúc đó nhà cầm quyền bắt đầu gây phiền nhiễu cho những ai chú tâm đến môn ngoại khoa tâm lý.

Khronopoulo đã bị gọi đến học viện lần nữa, và lần này ông được gặp phó giám đốc viện, được cảnh cáo là KGB rất lo ngại việc ông tiếp tục gặp gỡ những người theo môn phái ngoại khoa tâm lý. Ông cũng bị cảnh cáo là việc này có thể làm hỏng sự nghiệp của ông, và cũng được bảo phải từ chức giám đốc phòng thí nghiệm. Viện phó giám đốc giải thích rằng "chỉ có những người tin tưởng chủ nghĩa của chúng ta mới có địa vị quản lý".

Tuy nhiên, một thời gian ngắn sau đó, một sự kiện lạ lùng đã xảy ra. Một đồng nghiệp ở cùng viện với Khronopoulo, người trước đây đã mời Blok dự khán chiếu phim ở Câu Lạc Bộ Makarenko, đến gặp Khronopoulo đang làm việc nói với ông: "Yuri Georgevich, ông nghĩ thế nào, nếu có người đề nghị ông nghiên cứu ngoại khoa tâm lý tại một cơ sở kín đáo?"

Khronopoulo hỏi lại tại sao ông này muốn biết ý kiến ông.

"Tôi chú ý đến vấn đề một cách thuần túy lý thuyết," ông này trả lời.

"Tôi không muốn làm việc tại một viện đóng kín," ông nói, "tôi không muốn dùng ngoại khoa tâm lý như một dụng cụ phục vụ cho chiến tranh."

Đồng nghiệp này đến với Khronopoulo nhiều lần khác nữa. "Này nhé," ông ta nói, "nếu ông làm việc ở một viện kín đáo, thì

ít nhất ông cũng có thể theo đuổi được những gì ông chú tâm đến."

"Tốt hơn hết là không nên làm gì nữa với khoa học này", Khronopoulo nói, và kể từ đó đồng nghiệp này của ông không còn đến gặp ông nữa.

Sau kinh nghiệm bất thành của họ, Khronopoulo, Blok và Krochik đã hiểu rằng, mặc dù cơ quan KGB khủng bố ngoại khoa tâm lý, nhưng nhà cầm quyền vẫn muốn sử dụng đầy đủ nó, nhất là có cách nào dùng nó vào mục đích quân sự. Ngoại khoa tâm lý bị cấm, nhưng phòng thí nghiệm ở Furmanny Lane vẫn được phép hoạt động, nhằm lôi cuốn những ai chú ý đến khoa học này, cũng như để tìm cho được, trong số những người chú ý đến nó, ai sẵn sàng làm việc này cho quân đội Xô-Viết.

Thêm vào việc chú tâm nghiên cứu ngoại khoa tâm lý, Blok và Khronopoulo, từ lâu đã quan tâm đến thuyết duy linh. Blok đã có tham dự một phiên họp đầu tiên về vấn đề này trong thập niên 1960 tại Yaroslavl.

Phương pháp mà hai người sử dụng để truyền đạt và trao đổi được với các linh hồn cũng giống như phương pháp đã từng được những người theo thuyết duy linh trên thế giới sử dụng. Họ vẽ một mũi tên trên một cái đĩa sau khi hơ nóng nó trên một ngọn đèn cầy, sau đó, viết chữ trên một tấm giấy hình bán nguyệt. Để đĩa trên tấm giấy và đặt thật nhẹ, càng nhẹ càng tốt, tay mình trên đĩa, sau đó, họ theo dõi sự di động của đĩa để có được giải đáp cho các câu hỏi.

Một tối của Tháng Mười Hai, Blok và Khronopoulo được mời đến dự một cuộc họp tại một căn nhà của một người, bốn mươi lăm tuổi, nghiên cứu ngoại khoa tâm lý, đang sưu tầm cách làm con người trẽ hơn. Họ được cho biết là họ sẽ gặp vài người quan tâm đến vấn đề này.

Căn nhà, nơi hội họp có chất đầy sách chuyên đề thần bí, thiền văn học và ngoại tâm lý học. Trong nhà bếp có một hệ thống ống dẫn nối liền với một thiết bị lọc qua một *xiphong* gồm cả một

máy *ion* hóa<sup>1</sup> nước bằng kim loại bạc. Nước cũng chảy qua "than phóng xạ" và một hệ thống nam châm. Chủ nhà cho biết, ông kết hợp tất cả phương pháp lọc nước đã được diễn tả trong mọi báo chí thành một hệ thống duy nhất. Ông làm đóng nước này trong tủ lạnh và làm tan chảy trở lại trước khi uống nước này. Ông nói, sản phẩm nước này giúp ông trẻ lại, ông thật sự là người năng động và cường tráng mặc dù hơi hoang tưởng.

Blok và Khronopoulo, sau khi ngồi vào phòng khách, được giới thiệu với hai người mà họ chưa từng quen biết trước đây. Hai người này tự giới thiệu tên họ cha của mình, nhưng không cho biết họ của gia đình hay nơi làm việc của họ. Họ nói không muốn hỏi tên của Blok và Khronopoulo và vì vậy, cũng không muốn ai hỏi đến họ. Mặc dù tỏ ý muốn giữ kín danh tính cho Blok và Khronopoulo, nhưng hai người này đã tỏ ra biết rất nhiều về họ, cũng như có vẻ thật tình kính trọng khả năng của họ. Họ bắt đầu nói về vấn đề ngoại khoa tâm lý và các vấn đề trao đổi thông tin. Cuối cùng, một người nhỏ thó, nhưng năng động hơn nói họ rất chú ý đến việc thực hiện một thí nghiệm với cái đĩa, vì họ muốn có giải đáp cho một câu hỏi vô cùng quan trọng. Hai người này nói, họ có tin một người ngoại khoa tâm lý Tiệp khắc có tên là Pavlita, đã khai triển được một phương cách tạo ra sinh cực không cần người, bằng một loại thiết bị nào đó. Họ nói khám phá này có tiềm năng vô cùng thú vị cho cả hai ông Blok và Khronopoulo và họ cần gặp Pavlita; nhưng không may là ông này đã biến mất cách đây hai năm và không được nghe nói đến từ đó đến nay.

"Nếu ông ta đã chết," một trong hai người thích nói chuyện nói, "ông ấy không được chôn tại bất cứ một nghĩa địa nào cả. Chúng tôi đã kiểm soát tất cả các nghĩa địa tại Tiệp khắc."

Blok và Khronopoulo thình lình cảm thấy hết muối tham dự cuộc thí nghiệm này, vì theo họ, chỉ có một tổ chức có khả năng kiểm soát tất cả các nghĩa địa tại Tiệp khắc.

---

<sup>1</sup> *Ion hóa*: thay đổi một hay nhóm nguyên tử của nước bằng một dòng điện, thêm hay bớt một số điện tử.

"Với tính cách quy luật," Blok nói, cố tách mình ra khỏi tình huống này, "những câu hỏi như thế sẽ không được trả lời". Nhưng hai người kia thúc giục họ cố làm thử, và sau khi hơ nóng cái đĩa, họ đưa ra câu hỏi và được trả lời một cách mơ hồ. Cuối cùng, Blok hỏi hai người này: "Nếu các ông muốn tìm người này (Pavlita), tại sao các ông không hỏi chánh phủ Tiệp?"

"Có thể người Tiệp không cho chúng tôi biết," một người ít nói hơn, phát biểu: "Họ có thể giữ những gì họ đang làm cho riêng họ. Chúng tôi không tin họ được."

"Chúng tôi tin thuyết thần bí là một nguồn thông tin," người kia nói.

"Ông muốn nói gì về một nguồn thông tin?" Blok hỏi.

"Thí dụ một người đàn bà ngồi để lộ hai đầu gối ra. Bà ta không thấy ông, nhưng bà bắt đầu che hai đầu gối mình khi ông bắt đầu nhìn bà ta. Đó là thông tin cách cảm giữa con người với nhau, cũng có thể trở thành phương cách thu thập tin tức. Nó có thể được phát triển thành một thứ truyền tin cách cảm chỉ có thể gởi đến cho một người mà không ai khác có thể nắm bắt được."

Blok nói ông và Khronopoulo chỉ chú ý đến việc nghiên cứu cơ cấu truyền thông, để chẩn đoán và chữa trị bệnh. Người nói nhiều lại cho biết, họ không chú trọng đến cách hoạt động của cơ cấu mà chỉ làm cách nào để sử dụng nó.

Khi Blok và Khronopoulo sắp sửa ra về, hai người này gọi đúng tên họ của họ, mặc dù trước đây hai ông chỉ cho họ biết tên đầu của mình mà thôi, và họ cho biết là đang làm việc tại Viện Viễn Thông, mà phần lớn bị đóng kín vì là một viện quân sự. Họ mời Blok và Khronopoulo dự một cuộc hội họp chuyên đề, được tổ chức tại căn hầm của trụ sở địa phương GAI, tức cảnh sát lưu thông quốc gia.

Khronopoulo không muốn đi. Ông cảm thấy nguy hiểm có thêm tiếp xúc với hai người này nhưng Blok thì đi dự và nghe được một triết gia nói về lý thuyết ngoại hiện tượng (*paraphenomena*), gồm có thuyết thần giao cách cảm và nhận thấy được một người chữa bệnh trình diễn kỹ năng chẩn đoán của họ. Cũng có một cuộc trình diễn của Zharikov, một giáo sư Mác

xít-Lêninnít, có khả năng di chuyển được các đồ vật. Zharikov dự trù một cuộc trình diễn chi tiết hơn trong một buổi họp sắp tới. Một trong hai người đã mòi hai ông có cho Blok biết số điện thoại của mình, nhưng khi Blok gọi để được biết ngày giờ và địa điểm tổ chức trình diễn của Zharikov, thì được cho biết là cuộc trình diễn không được tổ chức. Về sau, ông và Khronopoulo nghe nói cuộc trình diễn có được tổ chức, nhưng ông và Khronopoulo, với thái độ không thích hợp tác, đã cho thấy không thật sự quan tâm đến những người bảo trợ chánh yếu của Liên-Xô về thuyết huyền bí và ngoại khoa tâm lý học.

## 9

## CHÁNH SÁCH ĐỐI NỘI

*Trong hoàn cảnh bị khủng bố, phần đông dân chúng sẽ phải phục tùng, nhưng một số người sẽ không phục tùng. Nói một cách nhân đạo, không có gì cần thêm và cũng không có gì có thể được đòi hỏi một cách hợp lý, để cho hành tinh này vẫn là một nơi thích hợp cho loài người cư ngụ.*

- Hannah Arendt, Eichmann ở Jerusalem

MOSCOW, 6 THÁNG 2 NĂM 1987

MẶT TRỜI LẬN THẤP TRÊN BẮC BÁN CẦU, chiếu sáng mặt tiền của hằng dãy cao ốc năm tầng lầu này, làm cho bóng của nó đầm chìm trong một màu xanh sậm, quần áo khô cứng vì lạnh đang đù đưa trên bao lon bị tuyết bao phủ, trong lúc gió mạnh thổi làm bay những đám mây tuyết.

Nhiều tuần lễ nay, mùa đông kéo dài chưa dứt đã làm cho đồi sống ở Yugo-Zapadny, một khu vực của Moscow, trở nên buồn tẻ và ảm đạm, góp thêm ý nghĩa, ở Liên Xô không có gì có thể được thay đổi cả. Tuy nhiên, vào buổi sáng đặc biệt hôm nay, trong lúc các xe buýt đang chạy trên đường và nhiều phụ nữ bó mình vì lạnh đang đi giữa những cây bulô rải rác trên các con đường mòn đóng băng tuyết, một cuộc họp ở một căn nhà trong số các cao ốc đã cho thấy có cái gì đó đang thay đổi ở Liên Xô, và sự đổi thay

này đủ quan trọng để ảnh hưởng đến đời sống của hàng triệu con người.

Trong lúc khói từ một bình trà nóng bốc lên làm mờ kính cửa sổ trong phòng, Rostislav Yevdokimov và Lev Volokhonsky, hai người vừa được trại lao động tù chánh trị phong thích, đứng đợi, trong khi một bà bạn đang gọi điện thoại cho một di dân Xô viết ở Tây phương. "A lô," bà kêu lên, và sau một ít lâu, bà nói tiếp "tôi đang gọi từ nhà đây, Volokhonsky và Yevdokimov đang ngồi gần tôi đây. Họ về bằng xe lửa từ ngày hôm qua."

Cuộc điện đàm tiếp tục.

"Không thể có chuyện này được", người di dân này nói.

"Chờ một phút, tôi sẽ trao điện thoại cho Volokhonsky."

"A lô".

"Levka, đó phải không! Không thể có chuyện này được".

"Tôi cũng đã có nghĩ như vậy," Volokhonsky nói, "tôi nghĩ đây là một thứ ảo ảnh, nhưng chúng tôi đã về đến đây với một số tù nhân chánh trị trên phân nửa toa xe lửa. Người ta có chụp ảnh tất cả chúng tôi với cà vạt, áo sơ mi, áo vest, và cấp cho chúng tôi giấy chứng nhận phong thích. Tại khu thứ ba mươi lăm, họ cho biết không còn tù nhân chánh trị nào nữa."

Yevdokimov cầm lấy điện thoại.

"Chúng tôi không biết tình hình ở khu ba mươi sáu," ông nói, "hình như lệnh trả tự do không được thi hành tại đây, nhưng có thể có một lệnh khác. Dù sao, họ cũng sẽ không phong thích những người ở khu đặc biệt."

"Nhưng sắc lệnh nói thế nào?"

"Không ai được biết cả," Yevdokimov nói, "nhất là từ khi không có một sắc lệnh nào cả. Trong số tù nhân được phong thích đi cùng chúng tôi, một vài người được trả tự do với sắc lệnh 6463 và vài người với 6462. Không ai biết các sắc lệnh này khác nhau như thế nào."

"Có một điều chắc chắn," Volokhonsky nói, "là hiện nay họ không còn đủ tù nhân chánh trị để chứa đầy ba trại. Hình như họ đang đóng cửa một hay hai trại. Tôi nghĩ họ sẽ duy trì khu ba mươi lăm".

"Và họ đã trực tiếp phỏng thích các anh," người di dân này hỏi, "thay vì sử dụng phương pháp điều tra cô lập các anh phải không?"

"Vâng, vâng", Volokhonsky trả lời.

"Với điều kiện thế nào?"

"Với điều kiện giống nhau cho mọi người. Chúng tôi phải nói là chúng tôi sẽ không dính líu đến các hoạt động chống nhà nước, mặc dù chúng tôi không ai nhìn nhận là đã có những hành động này. Rồi thì họ nói, bên công tố, với danh nghĩa của Xô-Viết Tối Cao, sẽ công bố tha thứ cho chúng tôi, và chúng tôi được hỏi định làm gì sau khi được tự do. Về vấn đề này, mỗi tù nhân đã có ý kiến riêng".

Xong, họ đưa chúng tôi đến Chusovoy. Trạm xe này bị bao vây hoàn toàn, nhưng chúng tôi được tự do đi vào và được đưa lên xe lửa."

Bà ở Moscow lấy lại điện thoại.

"Tôi đi về đến nhà," bà nói, "và được bảo, hãy ngồi xuống, đừng để té trên ghế, Volokhonsky đang đợi bà đấy."

"Tôi nghĩ, "Yevdokimov nói," đây chỉ là khởi đầu của một quy trình. Chúng ta chỉ cần biết điều một chút và hy vọng sẽ có những gì tốt đẹp hơn..."

**CUỘC ĐIỆN ĐÀM** vừa rồi của Volokhonsky và Yevdokimov là một báo hiệu cho sự chấm dứt hệ thống chánh quyền Xô-Viết.

Không giống như các chánh quyền chuyên chế bạo ngược khác, đòi hỏi nhiều hơn cả sự phục tùng, chánh quyền Xô-Viết tạo một thế giới có bờ ngoài giả dối để từ đó trở thành một công cụ quyền lực vô cùng mạnh mẽ khống chế tinh thần và làm cho chế độ có thể cai trị được bằng một lực lượng bạo tàn tối thiểu.

NGÀY 1 THÁNG 5, tại Quảng Trường Đỏ, các loa phóng thanh âm nhạc hùng dũng, trong lúc một đội hình hàng dọc người biểu tình đi vào quảng trường tay giơ cao những hàng chữ kêu gọi: "Chúng

*tôi quyết tâm thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đảng thứ 25!"* Theo sau là những hàng dài chuyên viên thể dục cầm cờ và bông giấy. Khi các dòng người đã an vị, toàn khu vực tạm yên lặng. Các thành viên Bộ chánh trị đi lên bậc thang của lăng Lenin và các thanh niên phất cờ, vỗ tay hô hào cổ vũ cho đến khi các thành viên này đứng lại trên bậc cao duyệt binh. Đến lúc này, các đoàn người biểu tình bắt nhịp với hàng ngàn cây cờ đỏ và hát: "Vinh quang, vinh quang Liên Bang Xô-Viết", "Vinh quang, vinh quang nhân dân Xô-Viết." Sau đó, họ đi đều bước diễm hành, phất cờ theo nhịp nhạc, qua khỏi quảng trường, theo sau là các xe diễm hành của các nhà máy và người đi bộ cầm cờ, bông, bong bóng, và chân dung Lenin và Brezhnev.

Cuộc diễm hành Ngày 1 Tháng Năm này đã chứng minh, tại Liên-Xô, làm thế nào một huyền thoại luôn luôn lúc nào cũng được chuyển thành chân lý và chân lý thì hòa tan trong huyền thoại. Cuộc diễm hành được kiểm soát hết sức chặt chẽ, nhưng trong một buổi sáng trời này, người ta dễ dàng tưởng tượng đây là một cuộc biểu dương tự động ủng hộ chế độ, một chế độ làm ra tuồng như được ủng hộ.

**CHO ĐẾN KHI THÀNH LẬP** Liên Bang Xô-Viết, mọi người đều công nhận phương cách duy nhất để xác định một giả thuyết khoa học là qua thực nghiệm. Tuy nhiên, với cố gắng xem chủ nghĩa Mácxít-Lêninít như một khoa học, tình hình đã thay đổi. Thay vì so sánh chủ nghĩa với thực tế có thể quan sát được, thì thực tế lại bắt đầu bị giả mạo để được thích hợp với ý thức hệ, một quy trình hoàn toàn phù hợp với vũ trụ học, một khoa học mà các khái niệm không bao giờ được rút ra từ ý nghĩa trường cữu ở một khối môi trường siêu nghiêm, mà lại được xử lý như một sự phản chiếu của các "nhu cầu" luôn luôn thay đổi của giai cấp công nhân.

Chế độ có thể tạo một thế giới giả tạo vì nó phải đối phó với dân chúng đang có trong người một hạt nhân sơ hãi bị giấu kín, làm cho họ sợ không dám công khai chống đối. Về phương diện

này, không còn vấn đề gì trong việc khủng bố tập thể nữa. Mọi công dân đều biết rõ, phát biểu tự do sẽ bị trừng phạt, và như thế cũng đủ ảnh hưởng đến thái độ con người, nơi mà do thiếu các quyền hạn có thể tin cậy được, mỗi cá nhân đều tự cảm thấy bản thân mình tùy thuộc vào sự khoan dung của các nhà cầm quyền.

Khi nhà cầm quyền trả tự do cho các tù nhân chính trị năm 1987, điều đó có tác dụng bắt đầu làm cho dân chúng thoát ra khỏi nỗi sợ hãi. Kết quả là cái thế giới bề ngoài giả tạo gây ra ảo ảnh nhất trí đã bắt đầu bị xâm phạm; và một khi bị xâm phạm, nó bắt đầu được tháo gỡ, làm cho nó sụp đổ và luôn cả hệ thống quyền lực, minh chứng cho tính không thể tránh được của thực tế.

#### VOLOGDA, THÁNG 10 NĂM 1981.

Ảo tưởng nhất trí đã được tạo ra ở mọi thành phố Xô-Viết. Andrew Nagorski của tuần san *Newsweek* và tôi rời khỏi ga xe lửa đi bách bộ qua một quảng trường để đến khách sạn Vologda và chúng tôi ghi tên lấy phòng. Sau khi mở hành lý ra, chúng tôi bắt đầu đi dạo quanh Vologda; đây là một thành phố trộn lẫn cũ mới. Những khu nhà đúc năm tầng lầu nằm rải rác chung với các nhà gỗ cũ hư hỏng trong những khu đất có cây *bulô* và cỏ dại mọc cao.

Sau khoảng mười phút, chúng tôi đến trung tâm thành phố, một nơi giống như một công viên vui chơi của đầu thế kỷ, dọc con đường chính là đầu hồi của các cửa hiệu được trang trí bằng những công trình điêu khắc nổi, cột trụ. Tuy nhiên, vào buổi sáng Chủ Nhật này, nơi đây còn vắng vẻ nên chúng tôi quyết định gọi xe tắc-xi để đi đến tu viện Kirillov-Belotserkovsky, cách đó khoảng hai giờ xe, và từ tu viện này, chúng tôi tiếp tục đi đến Kirillov, cách tu viện qua một công viên nhỏ.

Chúng tôi quyết định viếng Vologda vì nơi đây là gốc sản xuất "bơ Vologda", loại bơ ngon nhất ở Liên-Xô và cũng là nơi hợp lý để viết về vấn đề khan hiếm thực phẩm tại Nga. Dân chúng miền

bắc nước Nga cũng có tiếng kiên nhẫn và chúng tôi muốn chứng kiến sự kiên nhẫn của họ có còn được duy trì trước tình hình rõ ràng bi đát hay không.

Tại Kirillov, chúng tôi quẹo vào một con đường và cuối cùng đến một tòa nhà gạch hai tầng vẽ dơ bẩn có mái vòm các hiệu buôn và đi vào một cửa hàng bách hóa có bảng hiệu trên cửa vào ghi chữ "Thit". Dưới ánh sáng lờ mờ, nhiều bà già xách túi lưới đang xếp thành nhiều hàng dài trước các quầy hàng, không thấy có thịt mà chỉ có những miếng cá cơm nhỏ đóng lạnh dính vào nhau thành những khối lớn. Không có bơ trên quầy bơ, chỉ có vài gói *macgarin*.

Tôi hỏi một bà đứng trong hàng có bơ không.

"Bơ à?" Bà nói, vẻ hết sức ngạc nhiên, "loại bơ nào? Không có bơ".

Thình lình có tiếng la lớn đâu đấy sau lưng chúng tôi. "Ai nói không có bơ?" Bà già xanh mặt và tôi cũng bắt đầu ghi chú những gì đang xảy ra. "Anh đang viết gì đấy?" một người đàn ông mặc áo da đen, nay đang đứng giữa chúng tôi, lên tiếng hỏi.

"Tại sao anh không đi ra khỏi nơi đây?" tôi nói với vẻ khó chịu.

"Tôi sẽ ra khỏi đây và gọi cảnh sát", anh ta giận dữ nói, và đi ra khỏi cửa hiệu.

Chúng tôi cố nói chuyện thêm với bà già, nhưng lúc đó, bà đã hoảng hốt. "Tôi không biết gì cả", bà nói.

Chúng tôi đến hiệu buôn rau cải, nơi đây không có bày bán rau tươi, mà chỉ có cà-rốt đựng trong các thùng to, cải bắp, củ hành và củ cải đỏ. Chúng tôi tìm người để phỏng vấn, trong lúc có một người khác cũng mặc áo da đen đi vào. Vì không muốn gặp phải một nguy cơ đối đầu khác, chúng tôi quyết định bỏ đi.

Bên ngoài trời bắt đầu tối. Mưa tuyết bay trên các cánh đồng quanh đấy. Nhiệt độ xuống thấp và trên trời mây đen hiện ra trên ánh sáng màu cam của mặt trời đang sắp lặn. Chúng tôi đi trên đường một lúc, con đường chỉ tốt hơn một con sông nước bùn, và đến một cửa hàng; nơi đây có sữa người ta đang dùng cái vá to múc cho dân chúng đang xếp hàng với lon chứa đựng của mình.

Tôi hỏi một bà già trong hàng, ở đây có cửa hiệu nào bán bơ không.

"Không có bơ, con ơi," bà nói và cười dịu dàng, "macgarin."

Thinh linh, một người trung niên không biết từ đâu đến, xuất hiện và bắt đầu chửi rủa, và cứ lặp đi lặp lại hai tiếng "*kem chua*". Chúng tôi quyết định ra đi vì không muốn gây lôi thôi cho bà cụ.

Không thể biết gì hơn tại Kirillov, chúng tôi trở lại Vologda.

**BUỔI SÁNG THỨ HAI**, hôm nay trời u ám. Có nhiều đám đông trên đường trong lúc tôi và Andy bắt đầu đi viếng các cửa hàng bách hóa để có vài ý niệm về tình hình cung cấp thực phẩm. Một cửa hàng trên đường Peace Prospekt không có thịt, không có bơ, và cũng không có sữa. Tôi hỏi một cô bán hàng có bơ không.

"Thỉnh thoảng, chúng tôi có," cô nói có vẻ tự lự, "ít lắm, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi cũng có, trả lại đi."

Tại chợ của các hợp tác xã nông nghiệp có bán một ít thịt heo và thịt muối xông khói. Tôi nói chuyện cùng vài nông dân hợp tác xã và Andy chụp ảnh họ. Ngay lúc ấy, có hai người còn trẻ nhưng có vẻ xơ xác thỉnh lình xuất hiện và ngăn cản Andy. Các nông dân tập thể lập tức chấm dứt câu chuyện.

Trên đường trở lại khách sạn, chúng tôi nói chuyện cùng một bà bán hàng hơi lớn tuổi tại cửa hàng bán sách trung ương. "Phải, có nhiều vấn đề, "bà thở dài nhẹ nhàng và nói, "nhưng Moscow không thể xây dựng trong một ngày. Chúng tôi lạc quan. Đây là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Có nhiều vấn đề, nhưng chúng tôi nghĩ không có vấn đề nào mà không thể vượt qua cả".

Đêm ấy, chúng tôi ăn tại khách sạn và có cả Lyuba, một giáo sư Anh ngữ. Chúng tôi hỏi bà về tình trạng lương thực tại Vologda.

"Có những vấn đề có tính tạm thời," bà nói, "nhưng so với những gì chúng tôi đã trải trong thời kỳ chiến tranh, một vài ngưng trệ, đình đốn trong việc cung cấp không làm ai lo lắng cả".

SÁNG HÔM SAU, chúng tôi đi bách bộ trở lại trung tâm thành phố Vologda; tại đây, chúng tôi đã cố tìm cách nói chuyện với những người qua đường, nhưng cũng không thành công cho lắm. Cuối cùng, chúng tôi quyết định đi Cherepovets; nơi đây, có khu liên hợp sản xuất thép to lớn, cách Vologda khoảng hơn 120 km.

Trên đường đi, chúng tôi nói chuyện cùng tài xế xe, đã cho chúng tôi biết về tình hình thực phẩm, nhấn mạnh rằng nếu muốn tìm mua thịt thì phải đi Moscow, và anh nói các nhà máy đã tổ chức những chuyến đi gọi là "du ngoạn xúc xích". Mục đích chính thức của chuyến đi là để viếng viện bảo tàng hay lăng Lenin, nhưng dân chúng chỉ dành thời giờ để đi mua sắm.

"Thật là lạ vì phải đi Moscow để mua thịt, trong lúc thịt lại được sản xuất tại chính vùng của các anh?", tôi hỏi.

"Thủ đô là thủ đô," anh trả lời.

Chúng tôi vào Cherepovets, qua những cụm nhà gỗ đầy bụi bậm do bản dựng bị đóng khung trong những bãi than đá và đường sắt. Cuối cùng, chúng tôi dừng lại một nơi có những khu cao ốc năm tầng lầu và đi vào một hiệu buôn hỏi cô gái bán hàng có bán bơ không.

"Chúng tôi không còn nhận được bơ nữa", cô nói có vẻ tiếc nhớ dĩ vắng. Tôi hỏi cô có thịt không, cô lắc đầu nói: "Chúng tôi cũng không còn nhận được thịt". Tại một cửa hàng khác, sữa chỉ có cho trẻ em từ một đến hai tuổi, nhưng cô bán hàng cho biết là không có chỗ nào khác tại Cherepovets có bán sữa tự do sau 11 giờ sáng.

Tuy nhiên, tình trạng này không làm dân chúng lo lắng gì cả.

"Chúng tôi quản lý," một bà đi đường nói, "một người mua thực phẩm ở chợ, người khác ở *căn-tin*, người thứ ba lấy ở nhà những người quen biết. Ở Tây Phương, các cửa hiệu đầy thực phẩm, nhưng trong nhà thì không có gì cả. Ở đây, các cửa hàng bách hóa không có gì hết, nhưng trong nhà thì tất cả đều có sẵn".

SÁNG HÔM SAU, trời Vologda bị mây che phủ. Tôi ra khỏi khách sạn sớm để đi bách bộ, và khi tôi dừng chân để nhìn một công

nhân đang đưa những khúc gỗ lấy từ một ngôi nhà vô chủ vào một đống lửa bốc khói, có một người lạ bước lại gần tôi và lớn tiếng nói tôi đến Vologda để "xả rác".

Khi tôi trở lại khách sạn, Andy cho tôi hay là anh cũng đã bị một người qua đường mắng nhiếc thậm tệ.

Sau này, khi Andy chuẩn bị để chụp ảnh trước một hàng dọc dài người đang chờ trước một cửa hàng bán sữa, một thanh niên đến đứng trước máy ảnh của anh. Andy càng cố di chuyển quanh, thanh niên này càng đi theo để che khuất máy ảnh.

Chúng tôi rời khỏi cửa hiệu này và đi đến thị sảnh thành phố; tại đây, chúng tôi được Vladimir Parmyenov, thị trưởng Vologda tiếp. Ông ta nhìn nhận có tình trạng khan hiếm thực phẩm, nhưng lại đổ lỗi cho điều kiện thời tiết xấu làm mất mùa, và tình hình thế giới căng thẳng.

"Dân chúng chúng tôi hiểu rằng không thể có phép màu," ông nói, "họ nhớ đến Thế Chiến II, khi không có một gia đình nào không khóc vì mất người thân. Không một nước nào trên thế giới đã chịu đau khổ như Liên-Xô".

Sau khi rời khỏi Tòa Thị Sảnh, chúng tôi lại đi bộ đến một quảng trường lót đá; tại đây, chúng tôi chặn lại hai bà nữ tu lớn tuổi và hỏi nơi nào có bán bơ Vologda. Họ nói bơ không có bán và vì nhận thấy giọng nói của chúng tôi, đã hỏi chúng tôi từ đâu đến. Chúng tôi trả lời chúng tôi là phóng viên người Mỹ.

"Tại sao người Mỹ đe dọa chúng tôi?", một bà hỏi.

"Nước Mỹ không đe dọa bà", tôi nói.

"Vậy tại sao các ông làm bom trung hòa tử?"

Ngay lúc ấy, một thiếu niên ăn mặc lôi thôi xếch đi đến, bước tới giữa tôi và Andy và hai bà nữ tu. "Nếu mấy ông muốn có tin tức, mấy ông phải đi đến đàng kia", thiếu niên này vừa nói vừa chỉ tòa thị sảnh.

Nhận thấy vẻ tự tin của thiếu niên này khi trao đổi với chúng tôi, các bà này chấm dứt ngay câu chuyện.

Chiều hôm ấy, chúng tôi gom đồ đạc và đi đến ga xe lửa; cảnh tượng ở đây đã cung cố cảm giác tiêu cực vĩ đại. Trong ánh sáng lờ mờ của phòng chờ đợi, màu sáng chói ở đây chỉ là màu đỏ của

các cầu vai quân đội Xô-Viết. Trên những chiếc ghế dựa lưng thẳng đứng, dân chúng ngồi, tay xòe ra, các bao khoai tây để dưới chân, mắt nhắm lại giống như những đống hàng hóa con người đang sắp được một sức mạnh vô hình nào đó gởi đi một nơi kế tiếp mà họ không kiểm soát và hiểu được, chớ không phải là những hành khách.

**ẢO ẢNH NHẤT TRÍ** tại Vologda là một điển hình của tất cả các thành phố ở Liên-Xô, và cảm giác không ai bất đồng ý đã làm tăng cường khái niệm cho rằng các ranh giới của nhận thức là các ranh giới đã được chế độ quy định. Tuy nhiên, cốt lõi của quy trình cấu tạo thực tế vẫn là sự trấn áp tại các trại cưỡng bách lao động và các nhà thương điên.

Trải rộng trên một đất nước bao la, các nơi cầm giữ người trở thành một thế giới vô hình nhưng quá quen thuộc đối với mọi người và hình thành bản chất tự nhiên của thế giới hữu hình tại các thành phố như Vologda.

### Các Trại Lao Động

Cực điểm của thế giới vô hình là các trại lao động chánh trị, nơi mà các tù nhân bị cưỡng bách làm việc đến kiệt sức và thường xuyên bị khủng bố tinh thần. Trong mọi phản kháng về sự ngược đãi, dù nhỏ nhoi, tù nhân sẽ bị trừng phạt, bị nhốt *xà lim*, một hộp đá, nơi mà khẩu phần ăn uống được quy định nhằm giết tù nhân từ từ bằng đói khát.

Do bởi bất cứ ai được tự do tư tưởng đều có tiềm năng làm tiêu tan ảo ảnh nhất trí là bảo đảm tối hậu cho sự ổn định chế độ, mục tiêu của các trại này không phải chỉ để trừng phạt những kẻ ly khai mà còn để cưỡng chế họ từ bỏ các hoạt động chánh trị của họ. Tù nhân thường chống lại, nhưng áp lực buộc từ bỏ thì không bao giờ giảm sút.

MỘT BUỔI SÁNG MÙA MÙA THU, Galina Koryagina ra đi khỏi làng Polovinka trong rặng núi Ural. Hai tay xách hai bao đầy lương thực và với *ba-lô* trên vai, bà bắt đầu đi bộ dọc theo con đường dốc lên đồi, bụi bậm dơ bẩn. Bà đi chậm chạp, thường dừng chân lại nghỉ, đặt bao xuống đất đầy bùn. Cuối cùng bà đến đỉnh đồi, và xa xa, nhìn thấy các vọng gác của một hầm mỏ bỏ hoang trong rừng.

Gần bên mỏ hoang này là trại lao động, nơi chồng bà, Anatoly, là một tù nhân. Chín tháng trôi qua từ khi ông này bị bắt, và đây là lần đầu tiên bà được gặp mặt chồng.

Koryagina tạm nghỉ để thở. Thình lình bà nghe có tiếng va chạm từ phía sau lưng mình. Bà quay lại và thấy một cụ già sắp đi qua khỏi bà với xe ngựa chở nhiều thùng, hình như để hốt rác trong trại. Cụ già này đến gần bên Koryagina và bà hỏi ông ta có thể cho đi theo xe đến xa nhất là trại không. Ông này bằng lòng và bước xuống xe giúp bà lên xe cùng các bao đồ của bà.

"Làm sao mà người đàn bà Nga có được sức mạnh như vậy?" ông cụ này nói, "người ta nói đàn bà là phái yếu, nhưng tôi thấy bà mang bao nhiêu bao và phải leo dốc, và với giày có gót như thế. Có phải bà đi thăm nuôi không?"

"Phải", Koryagina trả lời.

"Chồng bà chắc?"

"Phải".

"Có phải ông vì chánh trị không?"

"Không hẳn thế. Tôi không biết giải thích việc này."

"Có thể ông đi tìm chân lý và chứng minh một việc gì tại một nơi không cần thiết. Họ không thích việc này. Có rất nhiều người giỏi dang, sang trọng, tử tế tại trại này và rất nhiều. Ở đây, họ gọi những người này là những người dân chủ. Những người này làm tất cả vì chân lý. Nhưng bà sẽ chứng minh chân lý cho ai đây? Họ cho ông nhà bao nhiêu năm?"

"Bảy năm và năm năm biệt xứ."

"Đấy, đấy. Nhiều nước đã chảy qua cầu, những năm tháng của bà không trở lại cho bà. Phải, và cả sức khỏe nữa; tại đây không

một người nào ra đi còn đủ sức khỏe nữa. Và bà có nhiều đau buốt, phải...Bà có đứa con nào không?"

"Ba đứa."

"Ba à? Ông nhà trước đây làm gì?"

"Thầy thuốc bệnh tâm thần."

Cụ già nhìn Koryagina vẻ hoang mang.

"Vậy ông thiếu cái gì mà còn phải đi tìm chân lý?"

"Ông ta tìm chân lý và ông ta nói sự thật, bác ơi. Ông ta nói có người tâm lý vẫn lành mạnh mà bị đưa vào những bệnh viện tâm thần đặc biệt, và bị nhạo báng và đối xử như người bệnh thật."

"Tại sao lại đưa họ vào đấy?"

"Vì người ta không muốn đưa họ ra xét xử, cũng như bác đã nói, vì chánh trị và vì họ nói sự thật. Họ cho rằng người lành mạnh về tâm lý không thể nói những gì chống các nhà cầm quyền, và chỉ có những người bệnh hoạn tinh thần mới làm. Không có người nào bất mãn chánh trị cả, chỉ có những người mắc bệnh."

Ông cụ có vẻ bối rối không hiểu. "Nhưng ông nhà muốn chứng minh cái gì? Ông bị kêu án mười hai năm và nghe người ta nói biệt xứ còn khổ hơn ở trại."

"Tất cả những gì tôi có thể nói được là mọi hành động tốt của một người này cho một người khác không bao giờ vô ích, ít nhất nếu hành động này không vị kỷ, mà do bộc phát từ trái tim".

Ông cụ lặng thinh, và trong lúc xe đổ dốc xuống đồi qua một khu rừng rậm, ông thuật chuyện riêng của mình. Ông nói trong làng không ai quan tâm đến việc gì cả. Cùng khắp ông chỉ thấy sự cẩu thả, bê tha và say rượu. Những người láng giềng của ông luôn luôn uống rượu và đánh nhau.

Koryagina được đưa đến bản doanh của Trại Lao Động Perm 37; nơi đây bà được một đại diện KGB tiếp.

"Theo tôi, việc này quan trọng," nhân viên KGB này nói, "chúng tôi cố gắng thuyết phục Anatoly Ivanovitch nên chịu sửa chữa, và tôi nghĩ nếu ông chịu, chúng tôi có thể xét lại bản án của ông và có thể gởi ông đi làm việc 'hóa chất' (lao động khổ sai trong công nghiệp đang thiếu nhân công).

"Nên nghĩ đến sự xa cách lâu ngày với chồng bà và hậu quả đối với các con bà và bà mẹ của Anatoly".

"Làm sao ông nghĩ rằng tôi có thể thuyết phục được Anatoly?", Koryagina hỏi.

"Bà là đàn bà", anh ta nói.

"Tôi không phải đến đây để gây xúc động, bối rối cho chồng tôi để ông ta ăn năn hối hận về một vài tội lỗi không có thật," bà nói, "và tôi cũng không có ý định bắt chết ông ta với lời than thở về sự yếu đuối của người đàn bà, Anatoly không có gì phải ân hận hay hối tiếc cả".

Nhận thấy mình không thể thuyết phục được Koryagina giúp chồng, nhân viên KGB cho phép bà để đồ lại và không bao lâu sau đó, được gặp Koryagin.

Anatoly quá xúc động không nói nên lời khi thấy mặt vợ. Galina thì không ngừng khóc. Cuối cùng khi cả hai trấn tĩnh, Anatoly nói về điều kiện sống trong trại. Ông nói nhà cầm quyền đã làm mọi cách có thể làm được, khiêu khích tù nhân có hành động để có thể công khai biện minh cho sự trừng phạt họ. Ông nói bánh mì cho ăn làm bằng vỏ cứng, bánh không dùng được xay nhuyễn ra để làm lại bánh mới. Tù nhân ăn càng ít càng tốt vì biết rằng nó không bao giờ có trái cây và rau cải, kể cả củ hành và tỏi. Những người ở trại trên một năm bị đau dạ dày và thận, và thiếu thốn sinh tố một cách kinh khủng.

Anatoly nói, trại đã chọn cho ông một chế độ đối xử đặc biệt. Ông bị bắt buộc phải mặc quần áo sọc rằn và quét dọn vùng cấm địa giữa các tường rào của trại, nơi mà nếu có một cử chỉ vô ý, ông có thể bị bắn không cần báo trước.

"Tôi không cố gắng hoàn thành mục tiêu to lớn nào cả," ông nói, "tôi chỉ cảm nghĩ có trách nhiệm của một bác sĩ là ngăn chặn được sự đau khổ không cần thiết. Tôi không thể chịu đựng được ý nghĩ là nghề nghiệp của tôi không được dùng cho mục đích cứu nhân độ thế mà lại được sử dụng như phương cách để trừng phạt dân chúng."

"Nay họ làm đủ cách để tiêu diệt ý chí của tôi. Và nếu ngay cả khi họ bắt đầu có thể bẻ gãy ý chí tôi, thì đó sẽ là kết cuộc. Tôi không thể sống cho riêng tôi".

Không bao lâu sau chuyến viếng thăm của Koryagina, tình trạng của Anatoly xấu đi rõ rệt. Cuối Tháng Mười, Oleg Mikhailov, một tên không tặc, bắt đầu tấn công các tù nhân khác, hay đánh đập họ dã man. Không có biện pháp nào được thi hành cả; tù nhân phản đối, và rồi ai cũng biết Mikhailov chỉ là tay sai của ban quản trị trại.

Koryagin quyết định tổ chức một cuộc đình công tại nhà máy của trại để đòi Mikhailov phải được chuyển đi nơi khác. Cuộc đình công kéo dài hai tuần lễ. Để trả lời đòi hỏi của cuộc đình công, Koryagin và mười tù nhân khác bị đưa vào các khám biệt giam. Khám biệt giam này ở Perm 37 là một cái hộp *bê-tông* giá lạnh, 3.2 thước vuông.

Trong mười lăm ngày, đói khát đã gặm nhấm Koryagin và ông rơi vào tình trạng mất ngủ, bàng hoàng choáng váng. Thỉnh thoảng, ông thiếp đi độ mười lăm phút, nhưng rồi giật mình thức giấc vì lạnh. Sau khi mãn hạn biệt giam, Koryagin bị gọi đến bộ chỉ huy trại để gặp hai đại diện KGB. "Anatoly Ivanovich," một nhân viên KGB nói, "ông đã có việc làm tốt, gia đình và con cái, cái gì đã làm cho ông tham dự vào hoạt động chống Xô-Viết? Ông đã phạm một lỗi lầm. Nếu ông chịu nhìn nhận lỗi lầm này, thì tình trạng chung của ông có thể được cứu xét".

"Tôi không nói chuyện với nhân viên KGB," Koryagin nói, "và tôi khuyên các anh đừng nên nói chuyện với tôi nữa".

Koryagin sau đó lại bị giam thêm sáu tháng nữa. Điều kiện khám giam này khá hơn các khám biệt giam. Ông bị giam trong một *xà-lim* thay vì một hộp *bê-tông*, có giường nhỏ thay cho ván gỗ. Cũng có thêm chút thức ăn. Tuy nhiên, ông không được ra khỏi *xà-lim*, trừ thời gian ngắn vận động thể dục.

Tháng Tư 1982, Koryagin mãn hạn tù, nhưng không được trả về trại mà lại bị biệt giam thêm hai hạn kỳ nữa vì đã từ chối nói chuyện với KGB. Cuối cùng ông được trả về trại vào Tháng Năm.

Khi Koryagin trở về trại, ông nhận thấy tiêu chuẩn làm việc tại nhà máy đã gia tăng và tù nhân đã bị biệt giam chỉ vì một cớ nhỏ mọn nhất. Khi tù nhân chống lại bằng cách nhịn đói, Koryagin cũng tham gia và làm cho quản trị trại gia tăng áp lực đối với ông. Ngày 13 Tháng 7, 1982, ông bị đưa ra xét xử vì tội bất phục tùng và bị kêu án ba năm tù ở khám đường Christopol.

Koryagin bị đưa lên toa xe lửa khám đường và sau một tuần lễ thì đến Christopol. Ngay sau khi đến đây, giám đốc khám nói với ông: "Ở đây, nếu ông có thái độ như ông đã có ở vùng, cuộc sống của ông sẽ không được dễ dãi và êm ái đâu nhé".

Mặc dù có những lời cảnh cáo, nhưng Anatoly không thi hành nội quy của khám đường. Ông được chỉ định đan lưới, nhưng ông làm chỉ để giết thời giờ. Ông không thi hành đầy đủ tiêu chuẩn và để trừng phạt, ông bị đưa vào khám biệt giam, và khi ông bị lính gác đánh đập nặng nề, ông tuyên bố tuyệt thực vô thời hạn.

Cuộc tuyệt thực của Koryagin trở thành một cuộc thử thách gay go trong sáu tháng rưỡi trời. Trong hai tuần lễ, ông ở trong khám biệt giam không lương thực. Thời gian chậm chạp trôi qua, ông nghĩ đến nhà và các con ông, đến đời sống con người và giới hạn của xác thịt. Mỗi buổi sáng, các lính gác vào *xà-lim* đánh đập và hỏi ông: "Mọi việc ra sao? Ông thấy thế nào? Khi nào ông mới chịu ăn? Tại sao ông làm thế?" Cuối cùng Koryagin bị đưa ra khỏi *xà-lim* đến nhà tù; nơi đây, ông bị ép buộc phải ăn. Một cây kẹp được đưa vào giữa hai hàm răng ông buộc miệng ông phải mở ra. Một ống được đút vào khí quản ông và thực phẩm được cho vào bao tử qua ống này.

Quy trình này được thực thi cách bốn hay năm ngày một lần; do đó, mà Koryagin luôn luôn có cảm giác bắt đầu một cuộc tuyệt thực mới. Dần dần, ông mất sức, cho đến khi ông không còn đủ sức ngồi dậy trên giường nữa.

Khi tình trạng này xảy ra, các lính gác bắt đầu sử dụng nhiều hình thức gây đau khổ tâm lý. Họ mở máy thu thanh nhà nước tối đa, làm cho Koryagin bắt buộc phải nghe tuyên truyền Xô-Viết cả ngày. Họ cũng mở vòi nước phòng vệ sinh cho nước chảy mạnh làm cho ông có cảm giác như đang ở nằm dưới thác

Niagara. Không thể đứng được, ông được cát vào nhà tắm. Trên đường đi, các lính gác hành lang chửi rủa ông. Vài người mắng: "Tên du đảng này phải được mang ra khỏi đây và vứt vào đống rác mới được." Vài người khác nói: "Tại sao phải cát nó? Chúng ta phải bắn nó và giải quyết vấn đề một lần cuối cùng."

Trong nhà tắm, Koryagin được cởi bỏ quần áo và được dội nước ấm. Lính gác thường mở các cửa trông ra đường, không khí lạnh buốt tràn vào nhà. Họ cũng tắm rửa cho ông và sau đó để ông nằm trên cáng giữa sân khám đường, có thể là cố tình muốn ông bị sưng phổi và chết với một cái chết tự nhiên.

Lính gác làm thức ăn cho ông và mang đến để cách mặt ông vài phân. Sau cuộc tuyệt thực sáu tuần lễ, Koryagin được một đại diện KGB viếng thăm tại *xà-lim* của ông.

"Anatoly Ivanovich," sĩ quan này nói, "làm sao mà ông tự hành hạ cho ông đến tình trạng này? Ông quá hốc hác, ông có thể chết, tại sao ông không chấm dứt tất cả việc này? Chúng ta hãy nói chuyện với nhau để cố tìm hiểu nhau. Khi ông được tự do, ông thiếu thốn cái gì? Cái gì đã ngăn cản ông không được sống yên lành trong tự do? Ông là một bác sĩ, ông vào đây là vì ông muốn thế. Nếu ông thay đổi thái độ, tôi đảm bảo với ông rằng việc đối xử với ông sẽ thay đổi. Tất cả đều tùy ông."

Nhân viên KGB chờ đợi trả lời trong gần một tiếng đồng hồ, nhưng Koryagin vẫn không nói năng gì cả.

Hai hay ba tháng sau, Koryagin mất đến 40 phần trăm sức nặng của ông mặc dù có cho ăn bắt buộc. Ông vượt qua được thử thách này, nhưng càng ngày càng yếu dần, đến độ thân hình ông chỉ còn da bọc xương, chỉ còn chứa đựng chút ít nước và sưng vù.

Nhưng trong thời gian này, một cuộc vận động bệnh vực ông đã bắt đầu tại các nước Tây Phương, và ông được bầu làm thành viên danh dự của Hội Bệnh Tâm Thần Thế Giới. Lần đầu tiên, cơ quan KGB có lý do để giữ cho ông còn sống, và cũng biết rằng nhiều bạn tù của ông đang lo sợ ông chết. Đến Tháng thứ bảy tuyệt thực của Koryagin, KGB cho phép Genrikh Altunyan, một người bạn ông từ Kharkov và cũng là một bạn tù nhân chính trị, đến *xà-lim* của Koryagin. Altunyan cho Koryagin hay là tất cả tù

nhân chánh trị khẩn khoản yêu cầu ông chấm dứt tuyệt thực. Koryagin không đồng ý ngay lúc bấy giờ, nhưng hai hay ba ngày sau, ông trình cho ban quản trị khám đường ba điều kiện để ông ngưng tuyệt thực: cho ông được gặp gia đình, để ông ra khỏi tình trạng tuyệt thực theo quy trình an toàn y khoa và cho phép Altunyan được ở trong *xà-lim* của ông. Các viên chức chỉ huy khám đường chấp nhận các điều kiện này, và chỉ với trường hợp này họ đã giữ lời hứa.

Hai tuần lễ sau Koryagin gặp được vợ lần đầu tiên sau hai năm trời, và vợ ông kinh hãi trước tình trạng của ông. Họ trao đổi với nhau qua một tấm kính ngăn cách và Galina nghĩ rằng bà đang nhìn một bóng ma.

Anatoly hỏi tình hình ở Kharkov, nhưng khi ông muốn nói vài chuyện về tình trạng của ông, lính gác chặn lại và nói: "Anatoly Ivanovich, nếu ông nói về tình trạng giam giữ và sống ở đây, chúng tôi sẽ chấm dứt cuộc gặp gỡ này." Có lúc, Anatoly chỉ cuống họng mình trong cố gắng chứng tỏ mình bị bắt buộc ăn bằng võ lực, nhưng lính gác la lớn: "Chúng ta đã thỏa thuận với nhau về việc này rồi, Anatoly Ivanovich."

Chỉ đến gần hết hai giờ họp mặt, Galina mới tìm cách nói cho Anatoly biết là các chuyên viên bệnh tâm thần Tây Phương đã họp nhau để ủng hộ ông.

**SAU HAI THÁNG** nằm tại bệnh xá của khám đường để được bình phục, Koryagin được đưa trở lại khám. Nhưng các thử thách ý chí vẫn chưa chấm dứt.

Ngày 21 Tháng 3, 1984, tù nhân chánh trị ở Chistopol kêu gọi một ngày tuyệt thực để phản đối khủng bố, vài người bị trừng phạt vào *xà-lim* gồm có Koryagin. Lập tức, ông tuyên bố tiếp tục tuyệt thực và từ chối mọi thực phẩm cho đến ngày mãn hạn tù, mười bốn tháng sau.

Cảnh cũ lại tái diễn. Trong hai tuần lễ, Koryagin được cho ăn bằng ống dẫn vào dạ dày và đến tháng thứ ba, mạng sống của ông như chỉ mành treo chuông.

Đến đây, lại có một nhân viên KGB vào *xà-lim* và cho ông biết tin con ông, Ivan đã tham gia một cuộc xung đột tại Kharkov và cảnh sát đang chuẩn bị tố cáo anh về tội du đảng.

"Chúng tôi sẽ đưa con ông ra tòa xét xử," nhân viên KGB này nói, "số phận của anh tùy thuộc thái độ của ông, Vậy chúng ta hãy cùng nhau bàn về chuyện này."

Nhưng Koryagin tiếp tục từ chối nói chuyện với KGB.

Sáu tháng sau khi bắt đầu cuộc tuyệt thực lần thứ hai, linh gác cho Koryagin ăn bắt buộc, dùng còng siết tự động còng tay ông chỉ còn da bọc xương, làm ông vô cùng đau đớn và ông đã phun nước bọt vào mặt họ. Ông liền bị buộc tội chống trả và nhà cầm quyền chuẩn bị đưa ông ra xét xử.

Tuy nhiên, viễn ảnh bị xét xử đã cứu mạng ông. Tù nhân, theo thường lệ, phải được các bác sĩ khám sức khỏe trước khi ra tòa, và bác sĩ khám cho Koryagin ra lệnh phải cho ông ăn hai lần mỗi ngày, để ông có thể được xem như người bình thường khi ra trước tòa. Tòa lên án ông thêm hai năm trại lao động, và sau đó, lính gác tiếp tục cho ông ăn bốn hay năm ngày một lần. Và kết quả là nhờ được ăn thêm trước khi ra tòa, sự sống của ông không còn bị đe dọa nữa.

Cuối cùng vào Tháng 6 năm 1985, sau khi đã mãn hạn tù, Koryagin được đưa trở lại Trại Lao Động Perm 35. Ông hủy bỏ cuộc tuyệt thực và được đưa vào bệnh xá; nơi đây, ông gặp Vasily Ovsienko, một người quốc gia Ukraine. Ovsienko cho Koryagin biết là ông nghe nói về hai lần tuyệt thực dài ngày của ông này, đồng thời báo tin về cái chết của Vasily Stus, Alexander Tikhy và Valery Marchenko, những người đã chết sau nhiều thời gian dài bị giam trong *xà-lim*. "Tôi không khuyên ông nên tiếp tục tuyệt thực," Ovsienko nói, "ông phải sống để có người làm nhân chứng sau này."

**TRONG SÁU THÁNG SAU** của năm 1986, áp lực đối với tù nhân chánh trị tại Perm 35 gia tăng rõ rệt. Nhà cầm quyền bắt đầu trừng phạt giam vào *xà-lim* vì một vi phạm nhỏ nhặt nội quy trại.

Trong lúc đó, tù nhân tiếp tục chết vì bệnh hoạn do thiếu săn sóc y tế. Tháng 6, 1986, Mikhail Furasov, một tù nhân chánh trị từ Kiev chết vì đau thận cấp tính sau khi không được săn sóc và chữa trị đúng lúc, gây nhiều cuộc tuyệt thực phản đối của tù nhân.

Tất cả đều được sử dụng để moi cho được "thú nhận" của tù nhân và để họ chịu cộng tác với KGB, nhưng rồi thình lình, áp lực châm dứt và có tin đồn trong các trại sắp có phỏng thích.

Lính gác bắt đầu bảo tù nhân ký tên vào một đơn xin được trả tự do. "Tại sao anh phải ở lại?" họ hỏi, "anh chỉ cần ký tên và anh có thể ra về."

Những tên mật báo cũng nhắc lại như thế.

"Nay đã có *perestroika*. Các anh nên ký tên đi, tại sao không?"

Cuối cùng, Ngày 17 Tháng 1, 1987, Koryagin và hai tù nhân khác được đưa đến Perm; nơi đây, công tố viên cho biết, nay nhà cầm quyền đã quyết định trả tự do cho ông và ông chỉ cần ký một bản tuyên bố nói rằng ông sẽ không tham gia vào những hoạt động trước đây của ông.

"Ngược lại," Koryagin nói, "tôi xin hứa là nếu được nhà cầm quyền trả tự do cho tôi, kể cả ngày mai, tôi sẽ tiếp tục những hoạt động trước đây của tôi".

Từ Perm, Koryagin được đưa đến Kiev; nơi đây, ông bị giữ tại khám đường điều tra KGB. Cũng đề nghị vừa kể lại được đưa ra cho ông. Và một lần nữa ông lại từ chối. "Tôi cho đề nghị này là ghê tởm và không dự định viết một chữ nào cả", Koryagin nói.

Ngày 12 Tháng 2, ông bắt đầu một cuộc tuyệt thực mới nữa. Ngày 15 tiếp theo, ông lại được công tố viên gọi đến để nói với ông là trường hợp của ông sẽ được giải quyết trong một tuần lễ. Ngày 18 Tháng 2, ông được đưa từ *xà-lim* đến ga xe lửa bằng xe hơi. Một lính gác cùng ông xuống xe và đưa ông đến cửa nhà ga.

"Đi về nhà đi," anh nói, "ông được tự do rồi."

**JANIS BARKANS**, một người quốc gia Latvia, đến trại lao động ở Latvia trong một ngày lạnh buốt của mùa đông. Anh được ghi sổ

và đưa đến các dãy nhà gỗ, nơi anh kinh hoàng nhận thấy những tù nhân ở đây giống như các tù nhân của các trại tập trung Đức quốc xã.

Barkans bị KGB bắt tại Vyborg trong lúc đang tìm cách vượt biên giới Xô-Viết - Phần Lan và bị kết án mười tám tháng lao động khổ sai. Trại Latvian này dành cho tù nhân hình sự, nhưng anh thì được đặt dưới sự giám sát của KGB.

Sau vài ngày, Barkans được giao cho công việc khuân vác. Trại lao động sản xuất lá kim loại và làm việc mười sáu giờ mỗi ngày, bảy ngày một tuần. Trong lúc đó, thức ăn bị thiếu thốn đến độ có nhiều tù nhân phải đi moi rác và ăn vòi, trùng đất hoặc cỏ. Sau thời gian vài tháng làm việc trong những điều kiện như thế, Barkans viết một bài thơ với tựa đề "*Đả đảo cộng sản*" mà anh mang ra đọc cho vài bạn tù nghe, và bị một tù nhân báo cáo. Lập tức, anh bị biệt giam *xà-lim*, nơi đây, một sĩ quan KGB cho phép đánh đập anh.

Trong ngày đầu, Balkans bị đánh đá túi bụi. Ngày sau, anh bị một lính gác đánh và xịt nước lạnh. "Anh không ưa chánh quyền Xô-Viết phải không?" lính gác la hét.

Barkans được đưa vào một nhà kho để đánh đập mà bọn lính gác giải thích là: "Chúng ta sắp dự một buổi học tập chính trị."

Hằng ngày anh bị đánh đá cho đến ngày thứ mười lăm bị biệt giam *xà-lim*, sau đó anh bị chuyển sang giam trong khám của trại trong sáu tháng.

Trong khám trại, Barkans nhận được khẩu phần trừng phạt và làm công việc may bao; dù sao tình trạng anh cũng được bớt căng thẳng. Tuy nhiên, sau vài ngày, Barkans được hỏi là đã sẵn sàng "trung thành" với chánh quyền Xô-Viết chưa. Khi anh trả lời "không", anh bị đưa đi biệt giam *xà-lim* trở lại, và bắt đầu một cuộc khủng bố toàn diện.

- Đêm đầu, Barkans nghe một tù nhân cùng chung *xà lim* cho anh biết anh ta nghe các viên chức trại nói tiếp tục đánh đập Barkans và được bảo đảm sẽ không bị trừng phạt nếu trường hợp Barkans chết. Ngược lại, người đánh đập còn được thưởng cho thuốc hút và thức ăn.

• Sáng hôm sau, ngày thứ hai của Barkans bị biệt giam xà-lim lần thứ hai, anh không được cấp cho phần bánh mì và nước uống, mặc dù anh bị bất tỉnh vì đói. Khi anh kêu ca than phiền, anh bị đánh đập.

• Từ Ngày thứ Tư đến Ngày thứ Tám, Barkams bị lính gác cột vào một tấm lưới sắt và lần lượt đốt nó với một con dao và xô nước lạnh. Anh bị nổi ghẻ và toàn thân anh bắt đầu bị ngứa ngáy. Để bắt buộc anh không gãi được, tù nhân hình sự bị phạt xà-lim rút móng tay bàn tay mặt của anh, làm anh đau đớn bất tỉnh và bị xối nước lạnh cho tỉnh lại.

• Đến ngày thứ mười, chỉ huy trại hỏi Barkans: "Giờ đây anh có kính trọng chánh quyền Xô-Viết không?"

Barkans đã lắc đầu không

"Được rồi, anh sẽ chết như một con chó."

• Cuối ngày thứ mười lăm, Barkans được cho biết là vì thái độ xấu của anh, anh sẽ bị giam thêm mười ngày xà-lim nữa. Anh cố bò ra khỏi xà-lim và bị lính gác đá và đóng sầm cửa lại làm kẹt hai ngón tay anh làm anh đau đớn dữ dội.

Cuối cùng, Barkans tuyên bố tuyệt thực. Mình mẩy anh bị nhiều ghẻ chóc và da anh đổi màu vàng. Một bà bác sĩ vào thăm và Barkans yêu cầu được đưa vào bệnh viện, nhưng bà ta nói là bà bị cấm không được săn sóc sức khỏe cho anh.

Nhận thấy sắp chết, Barkans dự định tự vận bằng cách treo cổ, nhưng toan tính này đã bị lính gác phá vỡ. Sau đó, anh lại bị bọn tù cùng khám đánh đập dã man, cho đến khi anh bất tỉnh và không còn dấu hiệu gì còn sống nữa. Bọn tù nhân cho rằng anh đã chết và quyết định kêu gọi nhân viên trực. Barkans được mang đến một nhà kho và bị bỏ nằm trên một miếng ván gỗ. Sáng hôm sau, một đạo ty đến lấy xác anh để mang đi khảo nghiệm, thì anh hồi tỉnh.

Một lính gác nhận thấy anh chưa quay được. Hoảng sợ và gài cửa lại. Chỉ huy trại khi nhận thấy Barkans còn sống, đầu tiên muốn giam anh trở lại xà-lim, nhưng cuối cùng lại quyết định mang anh đến bệnh xá. Anh chỉ còn cân nặng khoảng 30 kilô, và

bị lao phổi với thân hình da bọc xương, anh khạc ra máu và không thể đứng được.

Trước đây có lúc anh là một lực sĩ nổi tiếng, và nhờ sức lực lớn lao này mà anh còn sống được. Ngày 21 Tháng 5, 1981, Barkans vẫn còn đang hồi phục tại bệnh xá trại khi mười tám tháng tù của anh đã mãn và anh được trả tự do rời khỏi trại.

**MARK MOROZOV**, một giáo sư toán ở Moscow, đến trại lao động Perm 35 mùa thu năm 1980, sau khi bị tố cáo đã cho lưu hành tài liệu quốc cấm. Ông đã từng bị kêu án tù biệt xứ vì đã cho phổ biến truyền đơn bệnh vực cho những người ly khai, nhưng lần này thì án của ông là tám năm khổ sai và năm năm biệt xứ.

Ngoài bệnh điếc tai, Morozov còn bị yếu tim và các vấn đề lưu thông huyết mạch ở chân làm ông sưng chân vô cùng đau đớn. Tại trại, các bệnh này lại càng trở nên cấp tính hơn. Perm 35 là nơi có sông biên giới giữa Âu Châu và Á Châu, và nơi đây có từ trường bắc cực mạnh. Đồng hồ chạy quá nhanh hay quá chậm. Gió thay đổi hướng, luôn luôn làm hết sức nhức đầu và gây các vấn đề về tim.

Không bao lâu sau khi đến trại, Morozov được gọi đến gặp một nhân viên KGB.

Sĩ quan KGB này nói với ông là nếu ông từ bỏ những hoạt động ly khai trước đây và kể ra các người ly khai khác gồm có Yuro Orlov, chủ tịch nhóm Moscow Helsinki, thì ông ta có thể cố gắng dàn xếp để Morozov được phóng thích sớm.

"Chính ông là người biết rõ bản chất thật của các bạn ông," sĩ quan KGB này nói, "những gì xui khiến họ là tính kiêu căng. Tất cả những gì chúng tôi đòi hỏi ở ông là sự thật. Hãy nghĩ đến bản thân ông và gia đình ông."

Đầu tiên Morozov do dự. Sau đó, ông bắt đầu đối diện với KGB và thảo luận với họ về điều kiện có thể phóng thích ông, hợp lý hóa quyết định nói chuyện với KGB bằng cách tự thuyết phục mình là có thể giúp nhiều hơn cho phong trào vận động dân chủ ở bên ngoài.

Tuy nhiên, ông đã kịp thời thay đổi ý định và đi đến kết luận là sự thỏa thuận đầu tiên thảo luận cùng KGB là một sai lầm.

Nhưng KGB không sẵn sàng để Morozov ra đi. Họ quyết định, nếu dùng áp lực đủ mạnh đối với ông thì ông sẽ từ bỏ quyết định đổi ý.

Morozov đã nhiều lượt bị biệt giam *xà-lim*, nhiều khi lâu đến bốn tháng. Trong lúc bị biệt giam, ông bị đói và rét và rất đau khổ vì hoàn toàn cô lập. Thế mà, mỗi khi được cho ra khỏi *xà-lim*, ông vẫn từ chối khai những người chống đối khác.

Năm 1984, Morozov được chuyển trại và bị đưa vào nhà tù ở Chistopol. Thời gian này, tình trạng ông bi đát đến độ nếu bị bỏ đói rét và cô lập, ông dễ phải bị cắt bỏ hai chân và làm cho KGB không còn khả năng gây áp lực đối với ông nữa. Do đó, KGB quyết định thay đổi thái độ đối với ông.

Morozov ngạc nhiên khi thình lình ông được cho phép mặc thường phục và cả việc không bị cạo trọc đầu. Khi ông yêu cầu được xét lại trường hợp mình, KGB cho biết, yêu cầu của ông đang được cấp trên cứu xét lại. Đây là lần đầu tiên, ông có được cái hy vọng khoan khoái nhất.

Morozov biết mình đau nặng và muốn có thời gian sống cùng gia đình trước khi chết. Ông hy vọng KGB sớm phóng thích ông vì sức khỏe suy sụp.

Cuối cùng đến Tháng Năm, 1985, một nhóm sĩ quan KGB ở Moscow đến Chistopol để gặp Morozov. Họ nói với ông rằng việc sớm trả tự do cho ông có thể được thu xếp, nhưng "với điều kiện" ông phải viết lời khai "đầy đủ sự thật" về các đồng nghiệp chống đối của ông. Mặc dù với sức khỏe sa sút như vậy, Morozov vẫn đủ tinh thần để từ chối. Và giờ đây, ông nhận rõ là ông không bao giờ sẽ được phóng thích, đồng thời quyết định tự giải quyết lấy số phận mình.

Tháng Sáu, 1985, ông tự treo cổ, nhưng được cứu thoát vào phút chót. Sau đó, ông lại tự vẫn bằng cách uống một số lớn thuốc mà ông đã để dành từ nhiều năm qua.

Cực khác của thế giới vô hình là các nhà thương bệnh tâm thần, nơi mà các tù nhân chánh trị bị tiêu diệt bằng thuốc men gọi là để chữa bệnh. Thuốc thường được sử dụng nhất là *haloperidol* gây liệt một phần trí tuệ; *aminazine*, làm cho nạn nhân lâm vào tình trạng gần như mê, sững sờ nửa như mất trí; *majeptil* gây tâm trạng lo âu gay gắt và *sulfazine* một loại thuốc tiêm, thường tiêm vào mông, gây nhiệt độ trong người tăng cao, làm đau đớn từng chập dữ dội.

Tù nhân thường là các công nhân có vài hành động, mà dưới mắt của chế độ, không lành mạnh, thí dụ như muốn trốn khỏi nước. Khác với những người ly khai bất đồng chánh kiến, những công nhân này không có tuyên bố chánh trị, nhưng cũng như những người chống đối, họ đe dọa tiêu diệt ảo ảnh nhất quán của chế độ. Mục tiêu của việc đối xử với họ vì thế là tìm cách bắt buộc họ phải chấp nhận họ mắc bệnh tâm thần. Sau cùng, phần lớn tù nhân đều phải chấp nhận như vậy, bởi lẽ sự lựa chọn khác sẽ làm cho tâm trí bị vĩnh viễn hủy diệt bằng thuốc.

ALEXANDER SHATRAVKA và người em ông, Mikhail ra khỏi khám đường trên xe vận tải chạy trên một con đường hẹp đầy ánh sáng, giữa những cao ốc bằng đá, và dừng lại trước cổng sắt của nhà thương bệnh tâm thần đặc biệt Dnepropetrovsk.

Độ năm phút sau, một nhân viên trực và một bà bác sĩ, binh sĩ dẫn độ hai anh em trao một hồ sơ cho bà này.

Bà bác sĩ liếc nhìn hai người mới đến và mở hồ sơ ra xem.

"Các người muốn biết thế giới," cuối cùng bà nói, "và cuối cùng các người đến với chúng tôi. Được rồi, các người phải được cao đầu".

Shatrevka và em anh được dẫn đến sân trong nhà thương. Họ đi qua sân này đến một căn hầm thấp làm phòng hớt tóc. Sau khi được cạo trọc, hai anh em tách rời nhau, hình như để cho ở hai nơi riêng biệt.

Shatrvaka được giao cho một nhân viên phục dịch mới. Ông đi vào nhà thương và lên một thang lâu có rào sắt bao hai bên, dường như để ngăn cản người định tự vẫn. Nhân viên phục dịch mở một cái cửa to lớn và họ đi vào một dãy hành lang hai bên là các phòng đóng kín. Qua các cửa sổ, Shatrvaka thấy nhiều dãy giường khít nhau và nhiều người đầu trọc cuộn mình trong những tấm vải trải giường trắng như đang thở hơi cuối cùng.

Shatrvaka cố gắng muôn nhìn rõ hơn. Thình lình, trong hành lang nổi lên tiếng cười như điên dại. Tại một góc hành lang, một nữ y tá đang cười với hai người phục dịch. Khi nhận thấy Shatrvaka, nữ y tá này ngưng câu chuyện và đi đến gần anh.

"Cho tôi biết anh đã làm gì?", cô hỏi một cách trịch thượng.

"Anh ta đã vượt biên giới để đến Phần Lan cùng với người em", viên phục dịch dẫn độ nói.

"Vượt biên hả?", nữ y tá này hỏi, "như vậy anh sẽ phải làm gì ở đây? Anh sẽ chết vì đói, anh sẽ bối móc các thùng rác, hay là anh có mang theo vàng? Nếu không thì sau khi được chúng tôi xử lý, anh không còn cần đi ra ngoại quốc nữa."

Rồi Shatrvaka được dẫn đến một phòng giam; anh có một giường nhỏ hẹp. Quá mệt vì đi đường, anh ngã ra ngủ.

Sáng hôm sau, anh bị đánh thức bằng những tiếng động chói tai.

"Đi ra đi, bọn súc vật. Đi làm vệ sinh đi!"

"Đi ăn, đi ăn, lượt ăn thứ nhất. Bọn súc vật, sao không rửa tay?"

Shatrvaka đi ra khỏi phòng để đến phòng vệ sinh.

"Anh đi đâu đấy?" một tên phục dịch hỏi.

"Tôi đi vệ sinh."

"Trở lại đi, mọi người phải đi chung, và phải xin phép."

"Tôi không biết."

"Giờ thì anh biết rồi."

Buổi ăn sáng là một miếng bánh mì đen và một chén súp trong vắt với một miếng bở nồi lèn bền trên mặt và vài miếng khoai tây không được rửa sạch cùng lúa mạch nằm dưới đáy nước súp.

Điểm tâm xong, một hàng dài người đứng trước một cái bàn trên có để nhiều thứ thuốc, các bệnh nhân phải uống một bùm thuốc trong lúc tên phục dịch đứng gần để bắt họ phải há miệng và chắc chắn các viên thuốc phải được nuốt hết.

Sau đó, bệnh nhân trở lại phòng giam; nơi đây, Shatrvka được khuyến cáo phải xử sự như thế nào.

"Dù anh làm gì mặc kệ," một bệnh nhân nói, "anh không nên cãi lẩn với các bác sĩ và đừng nên khăng khăng cho rằng mình vẫn lành mạnh vì người ta sẽ cho đó là triệu chứng báo lên chứng bệnh của anh."

Một bệnh nhân khác hỏi Shatrvka vì sao anh vào đây. Anh trả lời vì anh vượt biên.

"Đừng lo," bệnh nhân này nói, "họ không giữ anh lâu đâu. Năm năm anh sẽ ra."

"Năm năm hả?" Shatrvka hỏi vẻ thất vọng.

"Sao anh lại nóng nảy thế, Zabolotny đã ở chín năm rồi, còn anh Volodka kia đã ở bảy năm đó."

"Còn anh, anh đã ở đây bao nhiêu năm rồi?", Shatrvka hỏi người mới quen này.

"Mười năm."

Một thời gian ngắn sau, Shatrvka được bác sĩ trị bệnh khu của anh gọi đến. Anh quyết định đồng ý là anh có bệnh và cho rằng các hành động phản đối của anh là kết quả của bệnh mà anh mắc phải.

"Ngồi xuống đi", bác sĩ bảo, chỉ chiếc ghế đối diện với bàn giấy của ông. Bà bắt đầu đọc giấy tờ của hồ sơ anh.

"Trong số bà con thân quyến anh," cuối cùng bà hỏi, "có người nào mắc bệnh tâm thần hay không?"

"Không," anh trả lời, "em tôi và tôi là những người đầu tiên mắc bệnh tâm thần trong tất cả số người thân thuộc của chúng tôi."

"Cái gì làm cho anh bỏ trốn khỏi Liên-Xô?"

"Bà muốn nói gì? Chúng tôi không muốn trốn khỏi Liên-Xô, đây là quê hương của chúng tôi. Cha mẹ chúng tôi sống ở đây. Không bao giờ chúng tôi có ý nghĩ sống ở các nước Tây Phương."

Trước nhất là chúng tôi không biết tiếng nói, và làm sao và ở đâu chúng tôi có thể có tiền? Không thể có được cái gì cả. Dù sao, họ cũng có người thất nghiệp của họ. Một láng giềng của tôi, trước kia là lính biên phòng, hứa sẽ đưa chúng tôi vượt biên giới và sau đó sẽ đưa chúng tôi trở lại."

"Tại sao anh chửi bới và sỉ nhục các viên chức khi anh được đưa trở lại biên giới?" bà bác sĩ hỏi.

"Đừng nghĩ rằng tôi không muốn trở lại Liên-Xô," anh nói, "chỉ vì tôi sảng sốt khi bị còng tay và bị các binh sĩ mắng tôi là đồ 'phản bội', tôi muốn trả thù."

"Nhận xét về phương diện phát triển," bác sĩ nói, "anh giống như một đứa trẻ mười bốn tuổi. Mau lớn lên đi và chúng tôi sẽ cho anh ra khỏi đây."

Khi Shatrvka trở về phòng giam, các bệnh nhân đang đi tới lui chậm chạp trong hành lang hẹp giữa hai hàng giường ngủ. Nhiều người khác đang ngủ. Shatrvka nghĩ về cách anh trình bày tại văn phòng bác sĩ và đi đến kết luận là anh đã gạt được bà, nhưng anh tự hỏi có thể giữ trò hề này được bao lâu.

**"GIỜ AN TRUA! hãy rửa tay đi, súc vật đi đâu đấy?"**

Bữa ăn trưa của bệnh viện gồm có 100 gram bánh mì đen, 150 gram "bánh mì trắng" trở thành màu xám, cải chua để cả năm với một phần ba chén compote thức uống. Sau buổi ăn trưa, bệnh nhân được lệnh xếp hàng để uống thuốc. Một nữ y tá chạy đến hàng người để tìm Shatrvka và nói: "Anh cũng được cho uống thuốc."

Shatrvka liền đứng vào hàng và nhìn những người đứng trước anh nhận cả bịch thuốc viên.

Sau cùng, anh đứng trước hàng và cảm thấy nhẹ nhõm. Họ cho anh hai viên thuốc *tisercin*, một loại thuốc rất mạnh nhưng không làm suy nhược cũng như không gây cho người bệnh mất khả năng kiểm soát các cử động của mình như nhiều thứ thuốc khác.

NGÀY QUA NGÀY, trong một mức độ nào đó, cơ thể của Shatrvka dần dần thích nghi với thuốc. Anh nhận thấy anh có may mắn so với nhiều bệnh nhân phải nhận những liều lượng thuốc an thần to lớn và bị bắt buộc phải làm việc. Họ ở trong tình trạng bàng hoàng, đứng thẳng trên chân này sang chân kia đưa tay tới cùi chỏ ra giống như các con *kangaroo* ngơ ngác.

Đối với Shatrvka, mỗi ngày bắt đầu bằng việc sấp hàng, ăn điểm tâm, rồi lại sấp hàng, tập thể dục, sấp hàng ăn trưa, sấp hàng làm việc và ăn tối. Anh được giao cho việc quét dọn chùi rửa gầm cầu thang, việc này tương đối nhẹ nhàng vì các bậc thang ít dơ bẩn.

Lúc không bị cách ly, Shatrvka có thể tham gia tập thể dục trong sân nhà thương, làm quen với các bệnh nhân khác. Trong nhiều tháng trời, anh tiếp tục rửa các gầm cầu thang, nhưng rồi bất ngờ anh lại được chuyển sang việc rửa chén dĩa. Việc này làm cho anh được may mắn tập thể dục thêm một giờ và gặp được em anh tại sân bệnh viện.

Shatrvka hỏi Mikhail tình trạng ra sao.

Mikhail lắc đầu một cách buồn bã.

"Đừng lo, Misha," Shatrvka nói, "chúng ta sẽ vượt qua được, dù sao đi nữa, họ cũng sẽ phải cho chúng ta ra đi lúc nào đó."

"Cho ra à?..Chúng ta có thể ra khỏi đây sao?", Mikhail hỏi.

"Họ đang cho em uống gì?" Shatrvka hỏi.

"Họ cho một đống thuốc viên ba lần mỗi ngày: *triftazin*, *trisedil*. Tôi bị ngây ngất vì nó nên tôi phải xin thuốc điều trị và sau đó mới được dễ chịu hơn."

"Họ sẽ cho anh thứ đó, nhưng đừng nuốt, phải tập cách giấu nó trong cuống họng."

"Nói thì dễ, giấu nó, bọn phục dịch kiểm soát miệng với miếng sắt đè lưỡi, và nếu chúng thấy có gì lạ là họ bắt đầu tiêm cho anh ngay lập tức."

Hai anh em đi cùng nhau giữa đám đông bệnh nhân. Sân nhà thương giống như một nhà xí ngoài trời. Giữa sân là một đống than phủ đầy nước bọt và phân người, và mỗi khi có một nhóm bệnh nhân mới đến lại làm tăng thêm nhiều bãi nước tiểu màu

vàng lan rộng gần đấy. Trung tâm sân này lại còn có một chòi quan sát với nhiều bụi cây đinh hương bị bám đầy bụi.

Shatrvka nhận thấy mặc dù nhìn nhận có bệnh tâm thần, nhưng cũng không giúp ích gì được cho em anh. Trong lúc cùng đi, anh có một ý nghĩ. Anh đề nghị Mikhail là cả hai nên cố giải thích cho các bác sĩ là họ không thật sự mắc bệnh, họ chỉ giả vờ mà thôi. Anh hy vọng là sự giải thích này có thể thuyết phục được các bác sĩ giảm liều lượng thuốc cấp cho Mikhail.

Ngày hôm sau, Shatrvka đến gặp bác sĩ săn sóc anh.

"Anna Vladimirovna," anh nói chầm rải cố giữ bình tĩnh, "tại khám đường và tại Viện Serbsky, tôi giả vờ có bệnh."

"Anh phải biết giả vờ bệnh cũng là bệnh", bà này nói cất ngang lời anh.

"Khi chúng tôi bị đưa vào nhà tù," Shatrvka nói, "tất cả mọi người quả quyết là chúng tôi sẽ bị xét xử về tội phản bội. Cuộc vượt biên của chúng tôi là một sự ngu ngốc và cả đến bây giờ, nghĩ đến, chúng tôi vẫn còn thấy rất là hổ thẹn. Chúng tôi không bao giờ chính mình quyết định làm như thế nếu không vì người lính biên phòng láng giềng của tôi. Anh ta hứa với chúng tôi là đưa chúng tôi đến đấy rồi lại trở về."

"Anh giống như trẻ con," bà nói, "họ thuyết phục anh...., nhưng anh có trí óc không?"

"Chúng tôi tính toán chất phác, và chúng tôi cũng không ngờ rằng mình đã phạm một tội滔天", Shatrvka nói.

"Thôi được," bà nói, "anh có thể đi đi, sau khi chúng tôi chữa trị cho anh, chúng tôi sẽ xóa sổ cho anh."

Shatrvka nhận thấy mình đã thất bại. Không những anh không thuyết phục được bà bác sĩ là anh đã nói dối mắc bệnh, mà anh còn cho bà ta có lý do tin rằng anh thầm kín tự tin rằng mình lành mạnh, do đó, không nhận thấy nguy cơ đối với bệnh tình của mình.

Ngày hôm sau, Shatrvka ra sân tập thể dục và gặp lại em, lúc đó đang lo nghĩ không biết việc gì xảy ra trong cuộc nói chuyện của anh với bác sĩ.

"Bà ta trả lời rằng nói dối cũng là một chứng bệnh," Shatrvka nói, "chú có thấy chúng ta đi đến kết quả nào không? thật là dại dột, nếu chúng ta nói sự thật với họ, họ xem đó là triệu chứng mắc bệnh, nếu chúng ta bắt đầu nói dối, họ lại xem đó là dấu hiệu của một sự thuyên giảm xác thực của chứng bệnh."

Rồi Shatrvka nói, "không có cách nào khác hơn là tiếp tục đồng ý với bác sĩ là họ mắc bệnh thật."

"Tôi không nghĩ tôi có thể làm như thế," Mikhail nói, "tôi không còn nghĩ được gì nữa, đầu óc tôi ngưng hoạt động, kết quả của tất cả các thứ thuốc ấy".

"Chú nên nghe tôi, Misha, "Shatrvka đáp lại," không có cách nào khác cả, nếu chú không khẳng định là có bệnh, các bác sĩ sẽ quyết định là chú hoàn toàn bị loạn trí".

MỘT BUỔI TỐI, một nữ y tá mới đi kiểm soát khám của Shatrvka và có vẻ như không vội vã đi ra khỏi khám và bắt đầu nói chuyện với Ađam, một trong những bệnh nhân suy nhược nhất. Khi cô này tỏ vẻ chán với Ađam, cô quay sang Shatrvka và nói: "Tại sao anh vượt biên?"

"Tôi làm việc này trong một phút dại dột", Shatrvka trả lời, "tôi muốn đi du lịch."

"Để du lịch à?", cô ta hỏi lại, "chính họ đã có không biết bao nhiêu người thất nghiệp, anh muốn leo lên đống rác, vì thế mà người Phần Lan đã giao trả anh lại."

"Lại một tên ngốc Xô-Viết điển hình", Shatrvka nghĩ thầm, "nhưng nếu cãi lấy với cô ta có thể rất nguy hiểm."

"Thật là một điều tốt là anh không có giết một ai trên đường đi, "cô ta nói," có thể vì anh không gặp được ai cả."

"Cô muốn nói gì đấy?", Shatrvka phản đối, "chúng tôi là những người dân không cắt được đầu của một con gà mà cô lại nói đến chuyện giết người à?"

"Họ phải giết anh, chắc chắn như thế, vì như trong các phim chiếu bóng, các điệp viên thường bị giết ở biên giới."

"Đó là chuyện trong phim," Shatravka nói, "nhưng trong đời sống thì hoàn toàn khác hẳn. Thứ nhất, chúng tôi không phải là gián điệp, hai là trong phim người ta cố tình tạo ra những cảnh tượng dữ dội để gia tăng tính cách giải trí của nó lên."

"Đấy, đấy, đó là bệnh của anh đấy!" cô ta nói, "thật đúng anh là một người bệnh, anh không tin vào một cái gì cả, anh cần phải được điều trị, phải rồi, đúng là anh sẽ phải được điều trị."

Shatravka tự trách mình đã cài lại nữ y tá. Anh tin rằng cô ta sẽ báo cáo câu chuyện trao đổi với anh ngày hôm sau cho các bác sĩ.

Nữ y tá này quay lại với những bệnh nhân khác trong phòng giam.

"Chúng ta sẽ sớm xây dựng được chủ nghĩa cộng sản!", cô ta nói, "hiện nay chúng ta sống thoải mái, chúng ta có tất cả với đầy ắp bánh mì, không giống như trước kia, và khi chúng ta xây dựng xong chủ nghĩa cộng sản, tình hình sẽ còn tốt hơn nhiều!"

Adam, người kém thông minh hỏi: "Thứ cộng sản nào? Xây dựng nó trong bao lâu? Và có thể, nói chung là chúng ta không xây dựng được nó."

"Chúng ta sẽ xây dựng nó, Adam à, chúng ta sẽ xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta chỉ cần làm việc thật tốt và chỉ cần vái Trời đừng có chiến tranh."

Nữ y tá xúc động và tiếng nói của cô hơi nghẹn ngào. "Bạn để quốc Mỹ đang vỗ trang. Nếu chúng ta không phải đối phó với việc này, đáng lý chúng ta đã xây dựng xong chủ nghĩa cộng sản từ lâu rồi. Nhưng nước Mỹ làm gì chúng ta? Hiện nay Trung Quốc đang đe dọa chúng ta. Nhưng chúng ta sẽ đè bẹp chúng! Phải chăng chúng đã từng đè bẹp người Đức? Chúng ta đè bẹp chúng!"

Trong lúc cuộc tranh luận đang sôi nổi, Adam nhảy từ trên giường xuống và cùng nữ y tá này bắt đầu cãi nhau về các vấn đề chiến lược, nhưng Shatravka không còn có thể nghe nổi nữa. Đối với anh, không khí chỉ có thể dễ chịu trong bệnh viện tâm thần này là vào ban đêm. Trong nhiều tháng bị cầm tù, anh chỉ có những giấc mơ giống nhau. Anh mơ được vượt biên và luôn luôn

anh bị rượt đuổi, anh chạy tận lực, biết rằng một khi bị bắt, anh sẽ bị đưa vào nhà thương điên đặc biệt. Vào phút chót, anh nhận thấy ở bên kia biên giới và một niềm sung sướng tràn ngập tâm hồn anh. Rồi các giấc mơ bị cắt đứt và anh trở mình, trằn trọc trên giường như cố làm tái diễn giấc mơ.

VIKTOR DAVYDOV, một sinh viên ở Kuibyshev bị bắt vì đã cho luân lưu tài liệu văn học quốc cấm và bị gởi đến Viện Serbsky ở Moscow; anh bị giữ nhiều tuần lễ và được bác sĩ Svetlana Gerasimova khám.

"Tâm trạng anh thế nào?" bà bác sĩ hỏi.

"Tôi không biết," anh trả lời, "tôi thấy mọi sự đều có màu đen."

"Màu đen này - có cả đến trong bóng tối không?"

Davydov thình lình nhận thấy bác sĩ này muốn gài cho anh nói là anh đang có những ảo giác và việc giải thích liên hệ đến "màu đen" chỉ là một cách nói ẩn ý.

Trong thời gian bị giữ tại Viện Serbsky, Davydov khăng khăng cho rằng mình lành mạnh, nhưng khi được chẩn đoán thì bị cho là đang "mắc bệnh điên tiêm tiễn". Anh liền bị đưa đến khám đường Butyrki; ở đây, anh bị giam cùng với một tên ăn trộm trong *xà-lim*; tên ăn trộm này trước đây đã bị giam tại bệnh viện tâm thần đặc biệt Smolensk nói cho anh biết những gì phải làm khi bị giam giữ.

"Anh phải nhìn nhận rằng anh đã mắc bệnh," tên này nói, "chỉ có cách đó để được ra khỏi đây, và anh phải nhìn nhận như thế càng sớm càng tốt."

Rồi từ nhà tù Butyrki, Davydov được đưa đến nhà tù tại Kazan trước khi được nhận vào bệnh viện tâm thần đặc biệt Kazan. Lính gác bắt anh phải cạo trọc đầu. Anh chống lại và lập tức bị dẫn đến một phòng giam và bị tiêm các mũi thuốc *aminazine* và *haloperidol*. Các mũi thuốc này làm anh choáng váng sững sờ, vô cùng khát nước, nhưng quá yếu để có thể ngồi dậy trên tấm nệm giường mình.

Khi đến lúc phải di chuyển, Davydov phải được mang xuống các thang lầu.

Bác sĩ bệnh viện nhận Davydov, thương hại anh nói: "Thôi được, ba ngày nghỉ ngơi".

**TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN ĐẶC BIỆT**, cuộc điều trị vẫn tiếp tục. Davydov được cho uống *majeptil*; một lần nữa, anh lại lâm vào tình trạng sững sờ, mê man vì thuốc. Davydov nhận thấy những gì đi qua trí óc anh như một cuộn phim đang quay. Khả năng suy nghĩ hoàn toàn mất hẳn. Trí óc anh chỉ chăm chú vào những gì có trước mặt anh - vách tường, cửa sổ, cánh cửa, rồi một vách tường khác. Anh cố chặn đứng cuộn phim và định hướng các ý nghĩ của mình, nhưng vô hiệu. Trí nhớ của anh tan biến và các ấn tượng được cấu tạo bởi những gì bao quanh làm anh không ngót buồn nã. Với một cảm nhận kinh hoàng, anh tin mình đã bị mất trí.

**SAU HAI THÁNG** ở tại bệnh viện tâm thần đặc biệt Kazan, Davydov được dẫn độ đến ga xe lửa Sverdlovsk.

"Họ đưa tôi đi đâu đây?", anh hỏi một lính gác.

"Blagoveshchensk", lính gác trả lời.

Sau một chuyến đi xe lửa bốn mươi lăm ngày vô cùng khổ sở, Davydov đến Blagoveshchensk, trên biên giới Trung Quốc. Anh và bốn người khác được đưa đến bệnh viện.

Vách tường nhà thương ẩm ướt, các cửa sổ phòng đóng băng. Davydov đi vào một hành lang dài nơi có cách khoảng đều nhau, các bệnh nhân chen nhau sau những thanh sắt ngang dọc để nhìn những người mới đến.

Các bệnh nhân đều bị cao trọc đầu, mặc những bộ đồ ngủ tả tơi. Họ nhìn chòng chọc với cặp mắt mệt thần, mặt mày họ trở thành như những mặt nạ kỳ lạ vì bị cho uống và chích thuốc. Davydov tin rằng ở đây họ đã bị cho thuốc nhiều hơn những người bệnh ở Kazan.

Qua các song sắt, họ hỏi: " Ở đâu đến đấy? tại sao?" Tiếng nói của họ không còn âm thanh và buồn bã.

Nhin mặt mày vàng lườm và cặp mắt như đứng tròng của họ, Davydov có cảm tưởng như đã từ đâu đáp xuống một hành tinh khác.

Có bốn bệnh nhân khác trong phòng giam của anh. Một người chỉ nghe người khác nói. Một người khác cho rằng mình nói chuyện được với chim. Một người thứ ba thì là "siêu hoạt động". Người cuối cùng lại rút mình không tiếp chuyện với ai cả. Nhìn họ, Davydov vô cùng thất vọng.

Trong lúc anh đang chờ được một thầy thuốc bệnh tâm thần khám, anh quyết định nhìn nhận mình có bệnh.

Anh được gặp Vyacheslav Belanovsky, bác sĩ đứng đầu trong ban thu nhận bệnh nhân.

"Anh có nhìn nhận anh lâm bệnh không?" Belanovsky hỏi.

"Có, lẽ dĩ nhiên," anh trả lời.

"Tại sao anh nhìn nhận mình có bệnh?"

"Vì các bác sĩ ở viện Serbsky nói rằng tôi bị bệnh."

Nhiều bác sĩ khác cũng khám cho Davydov.

Họ hỏi anh có tự cho là có bệnh không. Anh đã trả lời có, và họ hỏi "tại sao?"

"Tại vì tôi phải vào bệnh viện," anh trả lời như đây là một việc quá hiển nhiên.

Sau nhiều tuần lễ, Davydov bắt đầu nhận thấy chiến lược của anh có hiệu quả.

Đầu tiên, anh không được cho thuốc nào cả. Sau đó anh "bị" cho uống *aminazine* với liều lượng nhẹ mà anh có thể chịu đựng được. Cuối cùng, các liều thuốc *aminazine* không được cho uống liên tục nữa, thay vào đó, anh chỉ được cho uống *valium*.

Davydov được giao việc lau chùi nhà bếp và sau đó làm việc tại nhà may mặc; nơi đây, với một máy may anh làm tấm che cho những người làm bếp. Cũng trong lúc đó, anh được tiếp xúc với nhiều tù nhân chánh trị khác bị bắt uống thuốc một cách dã man vì họ từ chối nhìn nhận mình có bệnh tâm trí.

Yegor Volkov, một công nhân từ Nakhodka, đầu tiên tham gia năm 1968 vào việc lãnh đạo công nhân phản đối việc vi phạm một thỏa ước về lương bổng. Khi các bác sĩ hỏi: "Anh có hiểu rằng anh mắc bệnh không?", anh trả lời: "Không, tôi không có bệnh, tôi là một tù nhân chánh trị."

Để đáp lại câu trả lời này, Volkov được "điều trị" gần như liên tục. Anh phải nhận các thứ thuốc *tisercin*, *haloperidol*, *aminazine*, *triflazin*. Anh bị loét bao tử và áp huyết cao, nhưng anh nhất định không nhìn nhận mình có tâm bệnh. Sau một thời gian, hình như anh không còn nghĩ đến tự do, mà chỉ nghĩ đến nhất định không đầu hàng.

**THÁNG 12, 1981**, sau một năm ở bệnh viện, Davydov được Valentina Timofeeva, bác sĩ trưởng, tra vấn. "Hãy cho tôi biết," bà nói, "anh có hiểu các hoạt động quá khứ của anh là kết quả bệnh tinh của anh không?"

"Tôi không thể nhận xét, tôi không phải là một bác sĩ bệnh tâm thần".

"Nhưng anh phải có vài ý kiến."

"Không, tôi không có ý kiến; lúc ở viện Serbsky, tôi đã được khám và được cho biết là mắc bệnh "*diễn tiệm tiến*"<sup>1</sup>. Với bệnh này, các triệu chứng rất ít được biểu lộ. Người bệnh không có ý nghĩ mình có mắc bệnh hay không. Nó chỉ có thể định được bởi một bác sĩ chuyên khoa mà thôi".

"Thôi được, hãy bỏ qua vấn đề bệnh và nói cho tôi biết khi anh tham dự vào những hoạt động ấy trong quá khứ, tinh thần anh có minh mẫn hay không?"

"Nếu tôi đã mắc bệnh, thì những gì tôi đã làm đúng với những hoạt động bình thường đối với một người bệnh."

"Anh có dự định trở lại với những hoạt động trước đây của anh hay không?"

<sup>1</sup> Sluggish schizophrenia: một chẩn đoán thường được vận dụng để biện minh việc nhốt những người chống đối, nhưng không bao giờ được chấp nhận có giá trị về mặt y khoa tại Tây phương.

"Không, tôi không có dự tính làm những việc bệnh hoạn ấy."

Davydov ở Blagoveshchensk thêm một năm nữa, chỉ bị cho uống *valium*, và sau đó được trả tự do. Hai năm ở Blagoveshchensk là một thời gian tương đối ngắn bất thường đối với một tù nhân chánh trị.

**NGÀY 12 THÁNG 12, 1980,** Iosif Terelya, một người quốc gia Ukrainian được văn phòng Đại tá Babenko, người chỉ huy bệnh viện tâm thần đặc biệt Dnepropetrovsk, gọi đến.

Những người đang đợi anh gồm có Babenko, bác sĩ Nelya Butkevich, người chỉ huy khu anh bị giam giữ và Trung tá Kapustin thuộc cơ quan KGB Dnepropetrovsk. Terelya đã trải qua ba năm cấm cố cách ly tại nhà thương và chỉ được gần đây chuyển sang khám đường chung. Giờ đây, vấn đề là anh có được phóng thích hay không.

"Anh có nhìn nhận anh bị bệnh hay không?", Butkevich hỏi.

"Tôi bị các bác sĩ chuyên khoa tâm thần của Liên-Xô tuyên bố có bệnh", Terelya nói.

"Chúng tôi biết điều này," Babenko nói, "nhưng anh nghĩ thế nào?"

"Tôi nghĩ y như các bác sĩ chuyên khoa này của Liên-Xô."

"Đó không phải là câu trả lời, "Butkevich nói, "rõ ràng là chúng tôi không điều trị đầy đủ cho anh".

"Nelya Mikhailovna, bà đang quên điều kiện tôi đã và đến đây năm 1977; lúc ấy chỉ nhờ bà mà ngày nay tôi có thể trả lời các câu hỏi một cách khôn ngoan như thế."

"Tất cả bệnh nhân," Butkevich nói, "đều nói rằng họ lành mạnh, riêng anh lại cho rằng mình có bệnh".

"Tôi nói rằng tôi "đã" có bệnh, nhưng bây giờ, nhờ bà mà sức khỏe của tôi được tốt hơn".

"Terelya, anh hãy cho tôi biết," Butkevich nói, "phải chăng anh đã làm một việc tốt khi anh viết một thư phản đối việc bắt giữ Rudenko?"

"Tôi không nhớ," Terelya trả lời, "vì lúc ấy tôi bị bệnh".

"Anh nghĩ thế nào về việc cấm vận mể cốc đối với chúng ta do Carter áp đặt?"

"Tôi không biết Carter nào hết".

"Carter là Tổng Thống Hoa Kỳ".

"Đây còn thêm lý do cho tôi để không biết ông ta nữa. Tôi chỉ thấy ảnh của Brezhnev, vậy làm sao tôi được biết Carter?"

"Nhưng anh và vợ anh đều có gởi thơ phản đối cho Carter về vấn đề di cư vì lý do chính trị, kinh tế và tôn giáo. Vậy ông ta đã có giúp anh không?"

"Tôi không nhớ khoảng thời gian này khi trong tôi bị bệnh."

"Terelya," Kapustin nói, "có một quyết định trả tự do cho anh. Anh thấy thế nào?"

"Tôi thấy đó là việc hoàn toàn bình thường," Terelya nói, "tôi đã được chữa trị lành bệnh; dù sao, đây là một nhà thương, không phải là nhà tù."

"Nhưng Korchak nói chúng tôi là những đao phủ treo cổ người và anh ta đang ở tù", Babenko nói.

"Korchak và tôi không cần phải đồng ý với nhau," Terelya nói, "nhưng nếu anh ta có ý kiến như vậy, có thể anh có cái nhìn sáng suốt hơn về các sự việc."

"Iosif Mikhailovich," Babenko nói, "anh đã nói rằng anh là người Cơ đốc giáo, không phải người làm chính trị, như vậy là anh muốn nói gì?"

"Chỉ có nghĩa tôi không bao giờ để ý đến chính trị và lúc nào tôi cũng hướng về Thượng Đế và tình thương".

"Nhưng tin ở Thượng Đế," Babenko nói tiếp, "là chính trị. Bọn tư bản xây dựng chính sách đối ngoại xâm lược của chúng trên sự tin tưởng ấy".

"Tin tưởng Thượng Đế là một sự vô lý," Butkevich thêm vào, "theo các tài liệu y khoa, "cái đó gọi là loạn tinh thần đại chúng".

"Tôi không biết gì về vấn đề này," Terelya nói, "hay là tôi đoán chừng là tôi đã không bao giờ đọc được những tài liệu này.

"Vì anh không đọc những tài liệu chuyên môn này, "Butkevich nói để thay đổi đề tài, "anh có biết Plyushch là một người đang nằm bệnh viện Canada và đang được chữa trị tại đó không?"

"Tôi không quen biết Plyushch và cũng không biết gì về bệnh tình của ông ta".

"Plakhotnyuk, bạn anh hiện ra sao rồi, anh ta còn bệnh hay không?"

"Plakhotnyuk là một bác sĩ, ông ta biết rất nhiều, tôi không gặp ông ta kể từ năm 1972; lúc ấy ông ta còn là người bình thường".

"Sự thật, "Butkevich nói, "ông ta bệnh còn nặng hơn anh nhiều".

"Anh có biết, "Kapustin nói," bà vợ của anh đã cho Tây Phương tin tức là chúng tôi giữ những người tinh thần lành mạnh trong các bệnh viện tâm thần đặc biệt hay không?"

"Vợ tôi cũng là một bác sĩ Xô-Viết," Terelya nói, "bà ta có ý kiến riêng của bà ta".

"Phải, anh phải nói với bà ta là anh có bệnh", Butkevich nói.

"Bà ta không tin tôi đâu".

"Anh có ý kiến gì về trường hợp Sakharov?" bà bác sĩ này hỏi.

"Tôi không quen biết ông ta."

"Anh có biết Sakharov đã nhận tiền của CIA và phá hoại sức mạnh của chánh phủ ta hay không?"

"Tôi không biết gì về việc này".

"Anh có tin báo chí Xô-Viết không?"

"Lẽ dĩ nhiên tôi tin, tôi không có bệnh mà".

"Anh đừng mỉa mai, Sakharov là một kẻ địch. Cũng đừng nghĩ rằng chúng tôi sợ đưa ông ta đến đây, nhà cầm quyền hiện nay chỉ cần chờ ông ta sẽ thay đổi quan điểm".

"Terelya," Babenko nói, "anh đã tuyên bố rằng anh sẽ vận động để hợp pháp hóa Giáo hội Uniate.<sup>1</sup> Bây giờ thì anh nghĩ thế nào?"

"Tôi không biết đó là một giáo phái bí mật."

"Chính anh có viết về nó trong báo chí Tây Phương", Kapustin nói.

"Như vậy rõ ràng là lúc ấy tôi bệnh nặng."

---

<sup>1</sup> Giáo hội Uniate: một giáo phái Á Đông đã lập lại sự kết hợp Giáo hội Công giáo La Mã.

"Thôi được," Kapustin nói, "nhưng anh lại cũng muốn có một nước Ukraine riêng biệt tách ra khỏi nước Nga".

"Tôi nghĩ Ukraine là một nước riêng biệt."

"Nói chung, phải," Kapustin nói, "nhưng anh muốn nó tách ra khỏi nước Nga".

"Xin lỗi ông," Terelya nói, "nhưng tất cả các cộng hòa, với tính cách là những đơn vị độc lập, gia nhập cơ cấu tổ chức Liên Bang Xô-Viết".

"Phải rồi," Kapustin nói, "nhưng anh nghĩ thế nào về vấn đề Ukraine rút ra khỏi liên bang các cộng hòa Xô-viết?"

"Ukraine chưa sẵn sàng cho việc này."

"Tại sao?" Kapustin hỏi, "có phải là vì không đúng lúc hay là chỉ vì trong tình thế không đúng? Mọi việc đều tốt, giờ đây anh không cần một chiếu khán để đi Moscow."

"Nếu không có quá nhiều tai tiếng ầm ĩ, rùm beng về anh," Babenko nói, "anh đã được về nhà từ lâu rồi".

"Ai làm rùm beng, ầm ĩ?"

"Mấy người bạn phản trắc của anh," Kapustin nói, "Sakharov và những kẻ quanh ông ta dùng cái đau yếu của anh để phá hoại chánh quyền Xô-Viết".

"Làm sao mà sự đau yếu của một người có thể phá hoại được một chánh quyền mạnh mẽ như thế này?"

"Đúng như thế," Kapustin nói, "và anh đã bị các giới Phục Quốc Do thái lợi dụng cho mục đích của họ".

"Tôi không biết một người Do thái phục quốc nào cả."

"Họ hoạt động qua những hệ thống bí mật."

"Đây là một cái gì tôi không hiểu được."

"Việc này một người thường không thể hiểu được", Kapustin nói.

"Chúng tôi phải tin chắc," Butkevich nói, "là anh không còn đến đây nữa; anh có vợ, có một đứa con gái, nên sống với họ đi, đừng nên dính líu đến bất cứ một hoạt động bẩn thỉu, nguy hiểm nào nữa. Nên hiểu rằng chúng tôi gần anh hơn bất cứ một người nào gọi là bạn của anh. Thật sự, chúng tôi không muốn làm gì có hại cho anh."

"Như vậy làm sao tôi hiểu được tại sao ông cấm tôi viết hay vẽ?"

"Khi anh bắt đầu làm thơ," Butkevich nói, "bệnh của anh tái phát; trong tương lai, anh không cần làm thơ nữa, dù thơ ấy chỉ nói về bông hoa."

"Ai sẽ cho tôi việc làm khi tôi được tự do?" Terelya hỏi.

"Đừng lo về vấn đề đó" Kapustin nói, "chúng tôi sẽ nói chuyện với các đồng chí ở Uzhgorod và mọi việc sẽ được an bài."

"Chỉ nên nghỉ ngơi thôi," Babenko nói, "việc làm không mất đâu. Điều quan trọng nhất mà anh phải làm là hiểu được thực tế Xô-Viết của chúng ta."

# 10 cởi mở “GLASNOST”

*Nguyên khơi là lời nói.*

- John 1: 1

**TRỜI HÙNG SÁNG** vào một ngày trong Tháng 6 năm 1991, trong khu rừng ngoại thành Moscow, Sergei Rubin, một phóng viên của đài truyền hình Nga cùng với nhiếp ảnh viên của anh, lái xe lặng lẽ qua các cổng Nazarievo, một khu nghỉ ngơi của cộng đồng giới ưu tú Xô-Viết. Hai người ngừng xe lại, xuống xe đi bách bộ theo một con đường bụi bặm, đến gần một nhân viên an ninh đang đứng bên ngoài một cửa hàng thực phẩm. Rybin gật đầu với nhân viên này, và nhiếp ảnh viên bắt đầu quay phim các nhà gỗ hai tầng của khu làng này với những mái hiên thật rộng rãi. Anh bắt đầu quay những cây bulô cao và hàng hóa dồi dào trong cửa hàng. "Họ sống rất dễ chịu ở đây", Rubin nói với nhân viên an ninh; người này không ngăn cản việc quay phim của họ.

"Không một ai sống dễ chịu hơn nữa," nhân viên này nói với nụ cười buồn bã và gương mặt nhăn nheo.

"Họ sống thế nào so với anh?" Rubin hỏi.

"Họ có *caviar*<sup>1</sup> và có tới cả kí lô," nhân viên này đang mặc quân phục màu xanh với cầu vai màu lá cây, nói, "nhưng tôi thì không có đến một trăm gờ-ram. Họ được cấp cả mười lăm kí lô đường, nhưng tại làng tôi chỉ tiêu là một kí rưỡi cho mỗi người."

---

<sup>1</sup> *Caviar*: trứng cá tầm muối, đặc sản của Liên Xô.

"Không công bằng", Rubin nói.

"Không," nhân viên này nói, "lẽ dĩ nhiên là không."

Tám ngày sau, khúc phim được mang ra chiếu trên đài truyền hình độc lập Nga "Vesti" trong chương trình tin tức mỗi buổi tối, gọi là phóng sự về đời sống được ưu đãi của các viên chức cao cấp đảng. Ngày hôm sau, dân chúng đi mua sắm xếp hàng tại các cửa hàng thực phẩm trống rỗng, đã lộ vẻ tức giận. "Anh có xem chương trình truyền hình đêm qua không?", họ hỏi. "Những tên côn đồ".

Trong năm năm, *glasnost* được sử dụng như một vũ khí trong cuộc đấu tranh chánh trị giữa Gorbachev và những người đối lập. Kết quả là các anh hùng và các tên côn đồ hung ác trong các đèn thần công dân chánh trị của Xô-Viết đã bị thay đổi, cũng như sự hiểu biết của các quốc gia chống đối và thân hữu với Liên-Xô và cuộc xung đột ý thức hệ gây ra chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, vì bắt đầu bằng một thủ đoạn nội bộ đảng, *glasnost* cuối cùng đã hủy diệt niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản, niềm tin đã từng là nguồn gốc vĩ đại của sức mạnh chế độ. Sự thay đổi, về phần nó, đã làm sụp đổ hệ thống quyền lực vì chỉ có niềm tin chủ nghĩa cộng sản mới chứng minh được các hy sinh của toàn thể nhân dân.

THÁNG 3, 1982

**NGOÀI ĐƯỜNG** tuyết tan chảy như suối, phản chiếu ánh đèn điện đường, Leonid Borodin, một văn sĩ xu hướng quốc gia người Nga, cố giải thích tâm trạng đã được nuôi dưỡng ở Liên-Xô bằng cách kiểm duyệt hết mọi tin tức.

"Sự ngăn cách chúng ta không phải chỉ vì hai hệ thống chánh trị khác nhau," ông ta nói, "nhưng mà vì "hai ý thức hệ khác nhau. Ở Tây Phương, người ta tổ chức đời sống với những gì có thể sờ mó được; nói cách khác là những gì cụ thể, như một cái nhà rộng, quần áo, một xe hơi mới. Nhưng người dân ở đây (Liên

xô) không có được những thứ ấy. Vì vậy, đối với chúng tôi là phải chiến thắng bằng lý tưởng. Dân chúng Xô-Viết rất là thật thà. Thật tình họ muốn những người da đen tại Hoa kỳ được hoàn toàn tự do. Họ muốn một ngày nào đó các nông dân Salvador nhìn thấy được sự công bằng, không có sự ích kỷ. Chúng tôi muốn điều tốt cho mọi người."

Borodin hít một hơi thuốc của điếu thuốc gần tàn và chà xát tắt nó vào dĩa gạt tàn thuốc. "Khi họ xây dựng đập thủy điện Bratsk," ông ta nói, "lúc ấy tôi là một công nhân tự nguyện *Komsomol*. Chúng tôi sống trong lều giữa rừng hoang. Không có lương thực tươi và nước máy. Chúng tôi khổ vì bị muỗi chích. Gần đây có trại tù với khoảng một trăm tù nhân. Chúng tôi ăn uống còn thua tù nhân và làm việc hết sức vất vả. Sau khi xong việc, chúng tôi quá mệt, phải ngã lưng nằm xuống giường ngay. Đó là vào năm 1957. Có rất nhiều chuyện lằng mạn trong thời gian ấy. Chúng tôi khổ hơn tù nhân, cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn nhớ những ngày ấy một cách trùm mền."

Borodin bước ra khỏi phòng, đi tới lui vài phút trong hành lang và khi quay lại đốt thêm điếu thuốc, ngồi xuống và bị một cơn ho dài làm rung chuyển cả thân thể.

Cơ quan KGB đã lục soát nhà ông cách nay hơn một tháng, và ông biết rằng sự tự do của ông sẽ được đếm từng ngày. Với bệnh hô hấp như vậy, mạng sống của ông có thể bị nguy hiểm nếu bị đưa vào trại lao động.

"Dân chúng sống rất khổ cực tại nước này," ông nói, "nhưng chúng tôi tin chúng tôi rất mạnh. Nếu cần, chúng tôi sẽ ăn cả da giày của chúng tôi. Người Mỹ không ăn được da giày của họ. Nếu Reagan kêu gọi dân chúng Mỹ làm như thế thì ông ta không thể tái đắc cử. Nhưng chúng tôi thì được. Chủ nghĩa tư bản là sự khai thác giữa người với người, đó là điều rất xấu. Nếu Hoa kỳ làm một trăm xe tăng, chúng tôi thắt lưng bụng lại và làm một trăm lẻ hai chiếc.

"Dân chúng ở đây cảm thấy cái đạo đức vĩ đại trong cách cư xử của họ. Ông có bao giờ nhìn thấy Gromyko phát biểu tại Liên Hiệp Quốc không? cách diễn đạt của ông, không có chút dấu hiệu

hoài nghi nào cả, ông ta tỏ rõ tin tưởng tuyệt đối vào sự đúng đắn của cách cư xử của ông.

"Chế độ này không muốn bành trướng lãnh thổ hay khống chế kinh tế đối với bất cứ nước nào cả. Nó chỉ muốn có ưu thế về ý thức hệ, ý thức hệ xã hội trên toàn thế giới. Vì vậy mà khi Tây Phương đứng trên lề đường và lớn tiếng cho anh là người nô lệ, xâu các anh lại với nhau, dắt đi như bầy thú, tại sao các anh không tự giải thoát cho mình, chúng tôi chỉ trả lời bằng cái cười mỉa mai. Chúng tôi đang leo lên đỉnh núi Everest.<sup>1</sup> Trước mặt chúng tôi là mục tiêu sáng chói và không gì có thể ngăn cản chúng tôi được."

Cái tâm trạng do Borodin bày tỏ đã thống trị Liên-Xô từ nhiều năm qua, huy động dân chúng hy sinh cho một thiên đàng hạ giới càng ngày càng lùi ra xa vời.

Cố văn sĩ Vladimir Kormer, trong một cuộc trò chuyện năm 1980, nói rằng sự thật, có một sự thống nhất chính trị tại Liên-Xô nhưng không phải vì chủ nghĩa Mác-Lê. Sự thống nhất này có là do ý muốn sống theo một ý tưởng và bắt buộc mọi người khác phải làm theo ý tưởng này. Đây là cố gắng đi đến sự nhất trí, sự nhất trí giải thích vài đặc điểm của giới ly khai đã bị những tiếng đồn trao đổi, mua bán và những âm mưu, vận động và chia rẽ vì tính bất khoan dung và bè phái, xâm nhập.

Kormer nghĩ rằng, với vài ngoại lệ nổi bật, tâm trạng duy ý thức hệ, khăng khăng gạt bất cứ cái gì xa lạ, là tâm trạng chung của toàn nhân dân Xô-viết. "Nếu Solzhenitsyn nắm chính quyền," Kormer viết, "ông ta chắc đã treo cổ Sakharov hay ít nhất cũng đày ải ông này rồi. Và nếu Sakharov có quyền ở Liên-Xô, ông ta có thể sẽ cho tự do hơn, nhưng nếu vợ ông là người cầm quyền, bà ta sẽ lấy làm vui sướng treo cổ Solzhenitsyn".

Thêm vào cái chủ nghĩa bè phái và cái không tôn trọng ý kiến người khác, còn có cái mặc cảm lãnh đạo đặc biệt mọc rễ sâu trong giới trí thức. Năm 1968, trước khi xâm lược Tiệp khắc, Pavel Litvinov và Viktor Krasin cố thỏa thuận với nhau về vấn đề

<sup>1</sup> Everest: ngọn núi cao nhất ở Hy Mã Lạp sơn (Himalaya).

ai sẽ là lãnh tụ của những người ly khai, nhưng đã không thành công. Trong một lần cải nhau, Krasin nói với Litvinov: "Sao ông dám nói với tôi như thế? Tôi là lý thuyết gia của phong trào dân chủ Nga mà!" Nhưng lời này không làm lung lạc được Litvinov vốn tự cho mình là người quan trọng hơn Krasin.

Không khí ý thức hệ của xã hội Xô-viết được phản ánh qua quan hệ giữa dân chúng với nhau, cùng có ưu tư về chánh trị. Trong số những người như thế - gồm phần lớn những giới trí thức không thuộc chánh quyền - tình thân hữu hẫu như luôn luôn có ý nghĩa tình đồng chí với yêu cầu về sự lý tưởng hóa không có sự chỉ trích. Sự gia tăng tình thân hữu này được nhận thấy rõ ràng trong số những người ly khai chống đối, kết thành như một gia đình rộng lớn vì lý do chánh trị, gần như sống cùng nhau lân nhau, cùng xem ảnh của nhau và cùng nhau có những lo nghĩ nhiều các vấn đề cá nhân của nhau. Không cần phải nói là thứ tình thân hữu này trở thành khó chịu nếu có một sự đổi thay dù thật nhỏ nào về quan điểm chánh trị của các đảng. Trong các hoàn cảnh này, một ý kiến bất đồng giữa bạn bè với nhau được hiểu như một sự phản bội, và tình bạn thân thiết có thể trở thành một mối thù hằn không thể tha thứ, với những người thình lình tinh ngô và thiết tha xin chuộc lại những cá tính xấu xa, ghê tởm đáng khinh mà từ nhiều năm qua họ không nhận thấy, khi mà đối tượng của sự thù hằn và công kích này lại là một người bạn thân và đáng quý trọng.

Trong tình thế này, tính quan trọng trong việc kiểm soát thông tin đại chúng không thể được đánh giá quá cao. Với mỗi biến chuyển thời cuộc có ý nghĩa trên thế giới, truyền thông Xô-Viết đã trở thành một tiếng dội bao la, loan truyền một lối diễn dịch kỳ quái nhưng hoàn toàn phù hợp với thực tế hiện tại. Thực tế giả tạo do ngành truyền thông đặt ra giữa người dân bình thường và thực tế kinh nghiệm thực hành, làm cho nhận xét cá nhân trở thành vô hiệu. Đối với người dân Xô-Viết bị "gói" gọn trong một cái bao nguyên vẹn thông tin giả dối, chỉ có cái thực tế được chế độ hiểu biết, chứ không phải chính thực tế, đã uốn nắn các nhận thức chánh trị cẩn bản của họ.

Chánh sách *glasnost* bắt đầu mở toang hệ thống "tu viện". Kết quả, như hậu quả của nó đã chứng minh, có tính tàn phá không thể kiểm soát nổi. Sự khủng hoảng về ý thức lập tức dẫn đến áp lực giới hạn chánh sách *glasnost* như là một yếu tố gây bất ổn. Tuy nhiên, các xu hướng tự do của đảng giờ đây đã có lợi thế cùng với chánh sách *glasnost*. Đồng thời, các nhà làm báo cũng đã bắt đầu xác định tư thế độc lập của họ. Nhiều người từng trải qua cuộc đời nghề nghiệp viết báo tuyên truyền nay được ban cho cơ hội đòi hỏi sự liêm chính của bản thân mình, không còn có thể để bị bit miệng được nữa. Họ chấp nhận nguy hiểm, bảo vệ quyền tự do ngôn luận của mình và còn giữ vai tuồng quan trọng trong việc tự do hóa tinh thần, trí tuệ cho cả nhân dân Xô-Việt.

**MỘT NGÀY CỦA MÙA THU** năm 1989, Vladimir Vigiliansky, một ký giả của tạp chí *Ogonyek*, bước xuống xe buýt tại một vùng hẻo lánh của thị xã Yessentuki trong vùng Krasnodar, và đi bộ qua một dãy nhà cây xiêu vẹo đến một ngõ hẻm yên tĩnh. Một luồng gió nhẹ làm một bãi lá cây rụng bay xào xạt.

Vigiliansky đi đến một ngôi nhà nhỏ và gõ cửa. Sau vài phút, cửa mở và anh nhận ngay người con gái của một người bạn ở Moscow, cô này mời anh vào một cái phòng nhỏ. Than đang cháy đỏ trong lò sưởi sắt, trên tường chất đầy sách và treo tranh, phần lớn là tranh phong cảnh vẽ bằng bút chì màu, than chì và màu nước. Cô này cởi giùm áo ngoài của anh và đưa anh đến gặp Yerofiniya Kersnovskaya đang nằm trên một giường sắt hẹp vì bị liệt nửa thân người.

Vài tháng trước đây, Vigiliansky đã đọc được hồi ký của Kersnovskaya trong những năm bà bị cầm tù tại các trại lao động dưới thời Stalin, hồi ký còn có hàng trăm bức họa đời sống ở trại, và do đó mà anh quyết định tìm đến bà. Anh đã đọc hết tập hồi ký trước, và anh bị xúc động vì sự khẳng định của Kersnovskaya là kinh nghiệm ở các trại này thực sự là làm cho tù nhân tiến lại gần với Thượng Đế. Tập hồi ký gồm 1500 trang đánh máy chữ, quá dài để có thể đăng tải trên tạp chí *Ogonyek*, nhưng

Vigiliansky muốn ít nhất có thể đăng các tranh. Vì không thể chụp ảnh hay quay phim được tại các trại lao động thời Stalin nên các bức họa này là một tài liệu lịch sử vô giá.

Kersnovskaya, nay đã tám mươi ba tuổi, nhìn Vigiliansky với một ánh mắt như muốn tìm hiểu. Lần chót bà được chính thức thăm viếng là lúc bà bị bắt. Giờ đây, sau gần hai mươi năm bị giam cầm tại các trại lao động và làm việc như một thợ mỏ, bà hoàn toàn trở thành một người liệt giường. Bà không thể đi lấy nước từ máy bơm ở ngoài đường.

Vigiliansky bắt đầu nói với bà về tạp chí *Ogonyek*. Anh nói với bà rằng *Ogonyek* không thể nào nghỉ ngơi chừng nào mà những tội ác của thời đại Stalin chưa được phanh phui. "Giờ đây không còn gì phải sợ sệt nữa," anh nói, "nhờ Gorbachev mà có thể nói và làm được mọi việc. Ai mà có thể tiên đoán được việc này?"

Trước sự ngạc nhiên của Vigiliansky, Kersnovskaya hình như không tỏ ra có nhiều cảm kích. "Tôi không tin tưởng ở Gorbachev," bà nói, "ông ta là kẻ nói dối, và nếu ông ta nói dối được một điều, ông ta sẽ nói dối tất cả các điều khác."

"Những bức họa của bà là một sự tuyên truyền mạnh mẽ chống Stalin," Vigiliansky nói, "chúng cần được đăng tải."

"Tôi muốn đăng tải toàn tập hồi ký, chỉ đăng tải các bức họa không thôi sẽ làm cho người ta có cảm tưởng là sai lạc."

"Nhưng nếu các bức họa được phổ biến trên tạp chí *Ogonyek*, bà sẽ nổi danh. Có thể dễ dàng tìm được một nhà xuất bản cho quyển sách của bà."

"Kersnovskaya im lặng. Vigiliansky được các bạn của bà tại Moscow cho biết là việc phổ biến tác phẩm của Kersnovskaya là mục đích của cả cuộc đời bà. Trong vài giờ sau, Vigiliansky lấy lý do là bà có bốn phận chia sẻ các bức họa của bà cho dân chúng được thưởng thức. Cuối cùng khi trời gần tối, và đèn bật sáng trong các nhà xung quanh, Kersnovskaya mới chấp thuận cho đăng tải các họa phẩm của bà trong tạp chí *Ogonyek*.

RAISA BOBKHOVA, giáo sư dạy môn lịch sử của đảng cộng sản tại Viện Thương Mại Moscow có phản ứng sững sốt với tin mới đăng trên báo. Đó là những bài nói về việc dẹp bỏ khoa di truyền học tại Liên-Xô. Thay vào là nhiều tài liệu liên quan đến các nhà cách mạng *Bôn-sơ-vích* được đăng tải, nhiều người trong số họ cho thấy tính tàn nhẫn và khao khát quyền bính của mình. Trong nhiều năm, Raisa dạy sinh viên về các kế hoạch ngũ niên thứ nhất và thứ hai được thực hiện vượt chỉ tiêu của Liên-Xô; nhưng giờ đây, bà được biết là nó không được thực hiện đầy đủ và sự thật thì cũng không gần đến cả đầy đủ. Bà đã dạy trong nhiều năm, trọng tâm của Đại Hội Thứ Mười Bốn Đảng Cộng Sản là công nghiệp hóa, nhưng tin mới nhất cho biết là mục tiêu thực sự của đại hội là tiêu diệt Lev Kamenev và Grigory Zinoviev,<sup>1</sup> và rằng Stalin thay đổi bài diễn văn của ông ta đọc tại đại hội được báo chí đăng tải thành những bài viết hoan nghênh tán thưởng.

Raisa lấy làm xấu hổ đến độ bà muốn trốn đi, mặc dù các vấn đề này được nêu lên mặt báo đã xảy ra trước khi bà được biết. Hằng tuần, viện thương mại đều chú ý đến từng chữ của các cột báo *Ogonyek*, trong đó, nhiều người sống sót sau thời đại Stalin đã kể lại kinh nghiệm mà họ đã trải qua. Một ngày nọ, sau khi tạp chí này đăng tải một số thư mô tả số phận của những nông dân ở Ukraine trong thời kỳ tập thể hóa, chết đói tập thể và ăn thịt lẫn nhau, một đồng nghiệp đến gần Raisa đã khóc.

"Bà có đọc *Ogonyek* sáng hôm nay không?" bà hỏi

"Có," Raisa trả lời.

"Vậy thì," bà đồng nghiệp này nói, "hình như tất cả những năm chúng ta dạy học, chúng ta chỉ có thể xóa bỏ đi hết mà thôi."

Đầu tiên Raisa tiếp tục bênh vực đảng. Trong một trao đổi với Yelena Sukhorukikh, một người bạn, bà nói: "Chúng ta bắt đầu bằng con số không và đảng có trách nhiệm an sinh đối với chúng ta." Bà cũng tiếp tục viết bài nói về vai tuồng của công tác tuyên

---

<sup>1</sup> Lev Kamenev và Grigory Zinoviev là hai nhân vật lãnh đạo đầu tiên của đảng Bôn sơ vich và đã bị khai trừ khỏi Đảng và cuối cùng bị Stalin cho thủ tiêu.

truyền, với lý lẽ nó gây cảm hứng hoạt động chánh trị cho thanh niên.

Nhưng rồi nhiều tháng trôi qua, và dòng thác tiết lộ đã trở thành lụt lội, Raisa bắt đầu đánh giá lại cái nhìn thực tế của mình. Bà nghĩ về bản chất con người và nguồn gốc của tội lỗi. Và bà tự hỏi cái gì đã cho phép một vài người vận dụng được những người khác và làm cho những người này trở thành nguyên liệu khêu khích tham vọng của họ.

**MỘT BUỔI SÁNG THÁNG TÁM**, 1990, Vigiliantsky ngạc nhiên khi nhìn thấy một thiếu nữ đi vào văn phòng anh tại tòa soạn *Ogonyek*, lôi theo một bao to lớn đầy thư từ và điện tín. Với tư cách một lãnh tụ nhân dân tranh đấu cho tự do của *Ogonyek* khỏi sự kiểm duyệt của đảng, Vigiliantsky đã kêu gọi đọc giả của tạp chí gởi thư ủng hộ, nhưng anh không ngờ đến đáp ứng to lớn này. Anh nhấc bao tải này để lên bàn giấy, mở ra và bắt đầu đọc thư.

"Chúng tôi đòi hỏi tự do cho *Ogonyek!*", một lá thư viết.

"Nói cho các viên chức đảng biết là họ không được đặt bàn tay dơ bẩn của họ lên tạp chí *Ogonyek*", một thư khác viết.

"Chúng tôi ở bên các ông! Nếu những kẻ bất lương thăng, tôi hủy bỏ thư mua báo dài hạn", một thư thứ ba viết...

Vigiliantsky gọi các nhân viên khác của bộ biên tập đến văn phòng anh. Gần một ngàn lá thư đã gửi đến trong một ngày, tất cả đều ủng hộ cuộc tranh đấu độc lập cho *Ogonyek*. "Lấy hết tất cả thư này," Vigiliantsky nói với viên thư ký của anh, "và bỏ nó lại rồi gởi hết cho Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản".

Sau đó, Vigiliantsky nộp đơn đưa đảng ra tòa, đòi hỏi quyền sở hữu tài sản mà đảng đã xác nhận là thuộc "quyền sở hữu" của đảng. Đây lại thêm một cuộc tranh luận nữa mà đảng muốn có. Với quyền lực đang sụp đổ, các viên chức đảng không muốn có một sự đối đầu công khai về cách mà họ đã chiếm hữu hàng trăm tờ báo, tạp chí và các nhà in ấn trong thập niên 1960. Họ từ bỏ yêu sách của họ đối với *Ogonyek* và ủy ban nhà nước đã cho

đăng ký tạp chí này thuộc quyền kiểm soát của bộ biên tập của nó.

**MỘT ĐÊM CỦA THÁNG CHÍN** 1989, Vladislav Starkov, chủ bút tờ *Lập luận và Sự kiện*, tờ báo lớn nhất tại Liên-Xô, đến trước cửa phòng chật người của bộ biên tập và nói: "Gorbachev không bằng lòng về công việc của chúng ta, ông nói rằng chúng ta đang tổ chức quần chúng nhân dân chống lại đảng và đề nghị tôi từ chức." Starkov nói với vẻ mặt xanh xao và lo lắng. "Anh em chúng ta không làm gì được," ông nói, "họ có quá nhiều quyền lực". Một không khí phẫn nộ bao trùm phòng họp. Các phóng viên biết rằng nếu Starkov bị đuổi, một chủ bút mới cũng sẽ cho họ nghỉ việc và đây là báo hiệu cái chết của *Lập luận và Sự kiện* như là một tờ báo độc lập.

Sau khi Starkov chấm dứt phát biểu, Nicolai Vzyakov, phó chủ bút, đề nghị bộ biên tập nên bầu Starkov giữ chức chủ biên của tờ báo. Ông phân phát phiếu bầu và bộ biên tập đồng lòng bầu cho Starkov. Như vậy, Starkov không những là lãnh tụ đã được chỉ định mà đồng thời cũng là người được bầu ra. Và Starkov nói với cuộc mết-tinh là ông ta sẽ từ chối rời bỏ nhiệm sở.

Từ nhiều năm qua, *Lập luận và Sự kiện* là một tập san cho các giảng viên đảng cộng sản. Nhiệm vụ của nó là "phản tuyên truyền" và nó có nhiều bài vở đề cập đến vấn đề thất nghiệp, nạn nghiện ma túy và tội ác ở các nước Tây Phương gồm có nhiều con số thống kê, phần lớn không chính xác. Tuy nhiên, đến năm 1987, để phù hợp với chính sách mới glasnost, một quyết định của Ủy Ban Trung Ương cung cấp thêm nhiều tin tức, dữ kiện cho các giảng viên của đảng mà tờ *Lập luận và Sự kiện* đã trở thành cơ quan thông tin chính yếu.

Tờ báo bắt đầu cho đăng tải các bức thư trả lời của độc giả. Nó còn đăng giá cả hàng hóa thị trường các nông trường tập thể, chứng tỏ lần đầu tiên, tình trạng lạm phát trầm trọng tại Liên-Xô. Nó cũng cung cấp tin tức về tai nạn xe cộ, nạn rượu chè và ăn

cấp. Năm 1988, nó bắt đầu phổ biến các tỷ lệ sinh đẻ và tử suất, những con số luôn luôn trước đây được xếp hoàn toàn mờ.

Gần như tức khắc, tờ báo đã nổi danh là một diễn đàn mà các câu hỏi của dân chúng có thể được trả lời trung thực. Số báo phát hành tăng vọt và báo bị tràn ngập vô số thư từ mới. Trong một bài so sánh mức tiêu thụ thịt tại Hoa Kỳ và Liên-Xô, tờ *Lập luận và Sự kiện* cho biết mức tiêu thụ đầu người tại Liên-Xô là 62 kg một năm (sự thật chỉ có 40 kg). Nhưng nó cũng công bố là con số tiêu thụ hàng năm của Hoa Kỳ là 120kg. Tháng Mười Một năm 1988, tờ *Lập luận và Sự kiện* còn làm sững sờ độc giả vì cho biết tiêu chuẩn nhà cửa ở Hoa Kỳ là 57,3 thước vuông cho mỗi người, so với chỉ có 9 thước vuông cho mỗi người dân tại Liên-Xô.

Tuy nhiên tờ báo cũng không thể tiếp tục đăng mãi mãi tin tức đầy sự thật dưới sự giám hộ của đảng.

Tháng Năm 1989, dân chúng Xô-Viết đã sững sờ với phiên họp đầu tiên của Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân, và để phù hợp với tinh thần dân chủ mới, tờ *Lập luận và Sự kiện* đã yêu cầu độc giả đánh giá các đại biểu mà họ cho rằng sáng giá nhất tại Đại Hội. Cả tòa soạn đều ngạc nhiên vì Sakharov đã được đánh giá cao nhất, kế đó là Yeltsin và Gavril Popov, một nhà kinh tế. Gorbachev được xếp hạng thứ mười bảy.

Starkov đang nghỉ hè, khi kết quả cuộc nghiên cứu được đăng tải. Khi ông trở lại làm việc, ông được gọi trình diện trước Ủy Ban Trung Ương và được lệnh "để lên bàn thề đảng viên của ông". Vài ngày sau đó, Gorbachev triệu tập một cuộc họp chủ bút các tờ báo ở trung ương. Đề cập đến cuộc nghiên cứu của tờ *Lập luận và Sự kiện*, ông tố cáo báo chí là "vô trách nhiệm và thiên tả". Và ông nói, ám chỉ đến cuộc nghiên cứu: "Việc như vậy làm mất phương hướng của dân chúng", và nói với Starkov, nếu ông ta ở địa vị của Starkov, ông ta sẽ từ chức.

**GENNADY MARCHENKO**, một giảng viên về ngành báo chí của Đại Học Quốc Gia ở Moscow, bắt đầu thuyết trình về cuộc đấu tranh ý thức hệ đầu thập niên 1980. Các đề tài được chuẩn bị thật

chu đáo. Có nhiều thế giới, thế giới tư bản chủ nghĩa và thế giới xã hội chủ nghĩa và một thế giới thứ ba không được định nghĩa đang có chiến tranh liên tục. Chủ nghĩa tư bản được tổ chức để tiêu diệt chủ nghĩa xã hội và buộc các nước xã hội chủ nghĩa phải nhận lấy ý thức hệ của họ.

Tin tức được cung cấp cho Marchenko qua đảng bộ Moscow và tờ báo *Lập luận và các Sự kiện*. Nếu có một cuộc họp thượng đỉnh, ông mô tả Tổng Thống Hoa kỳ hình dáng ra sao, hai nhà lãnh đạo họp bao nhiêu lần, đã đồng ý với nhau những gì và chỗ nào họ không đồng ý với nhau. Ông nói với cử tọa là Tổng Thống Hoa kỳ thỉnh thoảng có hỏi về những người chống đối và hai nhà lãnh đạo thường thảo luận về việc quan hệ trao đổi.

Gennedy cố gắng củng cố quyết tâm lý tưởng của thính giả. Ông ta giải thích rằng các nhà tư bản cố dùng những phương pháp tâm lý chống Liên-Xô, gồm cả việc phổ biến âm nhạc, áo thun lót chữ T và phim video như *Rocky* và *Rambo*, mà ông không bao giờ xem, nhưng lại mô tả nó như là thù nghịch đối với thế giới xã hội chủ nghĩa và có mục đích hủy diệt tinh thần tuổi trẻ. Ông ta cũng thường nói đến Vsevolod Novgorodtsev, một nghệ sĩ âm nhạc bình dân Nga của đài phát thanh và truyền hình thuộc hệ thống BBC tiếng Nga, người mà ông không bao giờ gặp. Ông mô tả y phục của Novgorodtsev, cách thức anh này kể chuyện với dân chúng, pha trò với họ và cố làm cho họ được thoải mái. Nhưng ông lại cho rằng mục tiêu của chương trình Novgorodtsev là lăng nhục Liên-Xô.

Khi chính sách *glasnost* bắt đầu, Gennady cho đó có thể chỉ là tạm thời. Ông ta nhắc lại "Phong trào trầm hoa đua nở" ở Hoa lục Trung Quốc khi mà các nhà trí thức được khuyến khích tỏ bày ý kiến riêng của họ, nhưng sau đó bị đàn áp, và ông kết luận tình trạng y như thế có thể xảy ra ở Liên-Xô.

Dù sao, nếu lúc nào càng nhiều tin tức xác thật được cung cấp dễ dàng, nhất là qua tờ báo giáo điều trước đây, tờ *Lập luận và Sự kiện*, ông ta bắt đầu ngờ vực. Rồi thì không khí chánh trị bắt đầu thay đổi. Các thành viên cử tọa bắt đầu đặt câu hỏi. Họ hỏi về cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo và cả về bà vợ Raisa của

Gorbachev đã công du theo chòng ra hải ngoại và hỏi: "Ai đã bầu bà ta?".

NĂM 1987, nhà cầm quyền Xô-Viết bắt đầu ngưng phá rối các đài phát thanh Tây Phương và báo chí cũng bắt đầu chỉ trích tiêu chuẩn đời sống thấp của người Xô-Viết. Tất cả sự kiện này gây ngạc nhiên cho Gennady. Một buổi sáng nọ, ông lại bị một bất ngờ khác to lớn hơn gấp bội. Báo chí Xô-Viết đăng tải một bài tường thuật ngắn về diễn văn của Ronald Reagan, chứa trùm đế quốc. Reagan nói về sự cần thiết lập các mối quan hệ văn hóa và ngũ ý tiết lộ vài đoạn về tình hình nhân quyền tại Liên-Xô mà đã bị kiểm duyệt.

Từ lâu Marchenko đã có những ngờ vực về vài lập luận mà ông viện ra trong các bài giảng của ông. Thí dụ, ông nghi ngờ về quyền sở hữu của nhà nước làm tiêu tan mối kích thích sáng kiến kinh tế, mà ông không bao giờ đề cập đến. Tuy nhiên khi chính sách *perestroika* đã tạo được sức mạnh, ông mới bắt đầu bạo dạn hơn. Ông ta đã chuyển từ việc phơi bày ý thức hệ kẻ thù sang vạch trần bản thân. Thí dụ như ông nói, không có ảnh hưởng ý thức hệ quan trọng trong âm nhạc Hoa Kỳ, và sự kiện người Nga mặc quần bò (*jeans*) của Mỹ không có nghĩa là người Nga là nạn nhân của sự xâm lược ý thức hệ.

Thực tế, Gennady đã nhận thấy chính các giảng viên đã bị tẩy não. Một buổi chiều tối mùa thu 1987, ông nói về cuộc đấu tranh ý thức hệ với các huấn luyện viên tại viện đường sắt, và lần đầu tiên, ông đã phát biểu những quan điểm đã từng nuôi dưỡng trong đầu ông suốt hai năm qua. Ông cho rằng cán cân lực lượng trên thế giới đang thay đổi, và hiện nay cần các sự tiếp xúc với nhau hơn thay vì đối đầu bằng vũ lực. Cuộc tranh đấu ý thức hệ sẽ không tan biến nhưng thay vào đó, sẽ trở thành một cuộc tranh luận văn minh giữa những người cùng có chung nhiều vấn đề.

Bài thuyết trình của Marchenko gây nhiều phẫn nộ, nhưng đây là một hành động tự giải thoát. Cũng trong một bài giảng cho một nhóm sinh viên, ông hỏi về khái niệm chính yếu của chủ nghĩa

Mác-xít có phải chính xã hội đã tạo ra cá tính con người. Ông nói quan niệm Mác-xít quá chật hẹp và đã làm cho cá tính con người trở thành con tin của xã hội. Cũng trong một bài giảng về tôn giáo, ông nói cần phải cứu xét các phương diện tích cực của tôn giáo, gồm có việc làm sạch linh hồn trong quan hệ với Thượng Đế. Đã có một sự thúc đẩy mãnh liệt của tôn giáo trong suốt quá trình lịch sử.

Trong lúc tình hình tự do được phát triển tại Liên-Xô và các quan hệ với Tây Phương được cải thiện vững chắc, các bài thuyết trình hay giảng dạy về cuộc đấu tranh tư tưởng trước đây luôn luôn được đong đảo cử tọa theo dõi vì tính cách công kích của nó, nay bắt đầu mất dần tính cách hấp dẫn. Đồng thời, Marchenko cũng nhận thấy các giảng viên khác đã phát biểu một cách tự do. Tại một cuộc mết-tinh ở các hội trường nhà máy và giảng đường Hiệp Hội Kiến Thức gần quảng trường Dzerzhinsky, các thuyết trình viên đã trải qua nhiều thập niên đối đáp với "tuyên truyền Tây Phương", mà cử tọa của họ không bao giờ có được cơ hội đến nghe, nay đang lập luận lại là đã đến lúc hòa giải với Tây Phương, xác nhận một số lớn những gì đã được viết ra ở Tây Phương về thái độ xâm lược của Liên-Xô đã tỏ ra chính xác.

Cuối năm 1988, trong lúc báo chí Xô-Viết đăng đầy bài vở có tính cách thân Tây Phương, những bài giảng về cuộc đấu tranh không thể hòa giải được giữa hai lối sống bắt đầu càng ngày càng hiếm hoi. Cuối cùng, Hiệp Hội Kiến Thức cung cấp giảng viên và thuyết trình viên do các tổ chức đảng đòi hỏi, hủy bỏ tất cả bài vở đề cập đến cuộc đấu tranh ý thức hệ. Các giảng viên nay không sẵn sàng nói về đề tài này nữa và các thính giả về đề tài này cũng biến mất.

**SAU BUỔI HỌP** ở tòa soạn báo *Lập luận và Sự kiện*, Starkov bị một cơn động kinh nhẹ và ngưng đến làm việc. Tuy nhiên, nó chứng tỏ một sự ngẫu nhiên. Vì khi Ủy Ban Trung Ương Đảng hỏi tòa soạn báo chừng nào Starkov mới đưa đơn từ chức, thì

được trả lời ông ta đang bệnh và vấn đề này xin được để lại thảo luận sau khi ông ta bình phục.

Trong lúc đó, nhân viên bộ biên tập tổ chức một phong trào bên vực Starkov. Bước đầu là vận động với báo chí ngoại quốc nay bắt đầu viết về cuộc đói đói. Các phóng viên của tờ *Lập luận và Sự kiện* sau đó, vận động với giới truyền thông Xô-Viết. Đầu tiên, báo chí Xô-Viết còn sợ dính líu với Starkov, nhưng sau đó Vladimir Molchanov, giám đốc chương trình truyền hình bình dân "Trước và Sau Nửa Đêm", đã mời Starkov trình bày trong chương trình này và tường thuật về cuộc xung đột của ông với nhà cầm quyền. Như vậy là báo chí bắt đầu liên kết để bênh vực cho Starkov.

Những người lãnh đạo đảng, vì biết rõ tờ báo *Lập luận và Sự kiện* rất được lòng dân, hy vọng âm thầm cách chức Starkov và cả việc đề nghị cho ông nhiều địa vị ở các tờ báo hoặc tạp chí khác. Nhưng những cuộc xuống đường ủng hộ Starkov đã diễn ra bên ngoài tòa soạn trên đường Malaya Bronnaya, và còn xảy ra tại nhiều nhà máy lớn. Các công nhân xe điện ngầm cũng đe dọa đình công, nếu có hành động nào chống lại báo *Lập luận và Sự kiện*.

Bộ biên tập tờ báo vận động với các viên chức cao cấp và nhất là với ban giám đốc của Hiệp Hội Kiến Thức, là tổ chức chánh thức bỏ phiếu quyết định cách chức Starkov. Cuối cùng, vào đêm bỏ phiếu, nhiều xe buýt chở đầy thợ thuyền, công nhân đã đến trước cửa trụ sở hội mang các khẩu hiệu, KHÔNG ĐƯỢC ĐỘNG ĐẾN BÁO LẬP LUẬN VÀ SỰ KIỆN!, các phụ tá biên tập viên của Starkov đi tới lui trong hành lang lo lắng bên ngoài hội trường nơi cuộc bỏ phiếu được tổ chức.

Không bao lâu trước 6 giờ chiều, cửa hội trường mở ra và Starkov bước ra mỉm cười báo tin những người ủng hộ ông là cuộc tranh đấu đã thắng lợi. Sau ông là các thành viên hội đồng Hiệp Hội Kiến Thức đi ra và cũng mỉm cười. Hội đồng đã bỏ phiếu không đòi Starkov từ nhiệm, mặc dù trước đây cơ chế này vẫn hoàn toàn tùy thuộc đảng, nay chọn việc chiều theo dư luận quần chúng nhân dân.

**MỘT BUỔI CHIỀU YÊN TỈNH** của Tháng 5, 1989, Natasha Serova, một nhà báo truyền hình ở Leningrad và một người quay phim, đậu xe tại làng Levashevo và bắt đầu đi theo con đường mòn hướng đến một rừng thông gần đó. Họ đi qua các nhà cửa có hàng rào cây và từng đống gỗ bỗ sắn chất trong sân nhà. Cuối cùng, đám rừng khép lại quanh họ. Sau mười lăm phút, họ đến một khoảng rừng thưa. Theo một sĩ quan KGB đã cho Serova biết trước đó mười ngày, chính tại đây đã được chôn cất xác hàng ngàn người chết, nạn nhân của cuộc thanh trừng thời đại Stalin.

Nhiếp ảnh viên bắt đầu quay phim, và Natasha đã đứng trong đám cỏ cao có nhiều bông hoa rừng. Ánh sáng rọi qua các nhánh cây thông cao làm cho khoảng rừng thưa có không khí của một nhà thờ. Natasha cố tưởng tượng cảnh đã xảy ra - khí thoát của các xe vận tải, tiếng dội liên hồi của súng nổ vang trong rừng, thây người còn nóng, mỗi người bị một viên đạn bắn vào sau ót.

Sau cùng, nhiếp ảnh viên cho biết đã quay phim đầy đủ và hai người đã quay về Leningrad; nơi đây, khúc phim được phổ biến truyền hình trong chương trình "*Bánh xe thứ năm*" về thời đại Stalin.

Sáng ngày hôm sau, điện thoại reo vang trong văn phòng Serova và bà nghe tiếng người gọi để nói những gì mà bà sắp nói với họ: "Có phải bà đang muốn nói với tôi là đời sống của chúng ta là vô ích hay không?", người gọi nói. Sau mỗi lần có phát đi truyền hình về thời đại Stalin, có nhiều đợt gọi điện thoại như thế, phần lớn là những người ở bờ vực tuyệt vọng.

"Nếu lý tưởng của chính phủ sai," Natasha nói, "vấn đề không có nghĩa là cuộc sống vô ích. Lý tưởng không đúng, nhưng cuộc sống không phải là vô bổ."

**NĂM 1988**, Bella Kurkova, một nhà báo thuộc ban thanh niên đài truyền hình Leningrad và bốn đồng nghiệp khác, Vyacheslav Kanavalov, Viktor Pravdyuk, Clara Fatova, và Serova, họp nhau tại nhà hàng Kavkaz để thảo luận việc có thể tổ chức một chương trình mới phối hợp phóng sự và điểm tin nghệ thuật. Từ nhiều

năm qua, các nhà báo đã chịu đựng một chế độ kiểm duyệt vô cùng khắc khe về ý thức hệ. Tuy nhiên, khi các tù nhân chính trị được trả tự do, các nhà báo này hy vọng bắt đầu chứng kiến một kỷ nguyên mới. Họ đồng ý thử xây dựng một chương trình mới và đặt tên nó là "*Bánh xe thứ năm*".

Serova và Fatova bắt đầu quay phim, sử dụng những trang thiết bị rời rạc có sẵn. Tháng Ba năm 1988, hai chương trình đã được thu hình. Chương trình thứ nhất là chân dung của họa sĩ Pavel Filonov, một thành viên tiên phong Nga đã từ chối không chịu thích nghi với các đòi hỏi của chủ nghĩa hiện thực xã hội. Chương trình thứ nhì là ba giờ phác họa châm biếm của nhà soạn kịch Arkady Raikin. Ngược lại với bối cảnh hoàn toàn chính thống về chương trình truyền hình, hai chương trình này đã gây náo động dư luận. Đài đã bị tràn ngập bởi thư từ, điện tín chúc mừng, khen ngợi và hoạt động của "*Bánh xe thứ năm*" đã lăn bánh.

"*Bánh xe thứ năm*" bắt đầu tranh luận về nhiều nghệ sĩ tiền phong khác, gồm có Malevich và Kandinsky, các nhà thơ bị cấm như Mandelstam, Pasternak, Akmatova, và Brodsky, những nhà thơ cổ như Alexander Galich, Yuli Kim, và Alexander Gorodintsky. Rồi thì gần như cả Leningrad và nhiều nơi ở Moscow đang phải thúc khuya để xem chương trình "*Bánh xe thứ năm*".

Tháng Năm, 1988, với phong trào chống Stalin vừa phát khởi, bộ tham mưu của "*Bánh xe thứ năm*" liền mời những nạn nhân và thân nhân của họ bị đàn áp dưới thời đại Stalin đến tại trụ sở của đài truyền hình Leningrad trên đường Chapigina để tường thuật những câu chuyện của họ. Cuộc mết-tinh này được tổ chức vào Ngày Chủ Nhật, 14 Tháng Năm. Vào lúc 10 giờ sáng, con đường đã đông nghẹt đến hàng ngàn người mang theo tài liệu và hình ảnh. Bên trong tòa nhà, Serova nhận thấy tất cả các tầng lầu đều có đông người đang cố tìm hiểu số phận của cha mẹ, ông bà hoặc ít nhất thời gian và địa điểm mà họ đã chết. Cuộc mết-tinh tiếp tục cho đến rất khuya trong đêm. Mọi người đều khóc. Trong lúc Serova và một nhiếp ảnh viên đi giữa đám đông, hỏi thăm người

này đến người khác, nghe họ kể những hoàn cảnh người thân bị bắt, điều đau khổ nhất là nhận thấy nhiều người trong số họ, năm mươi năm sau khi người thân yêu bị dẫn đi trong đêm tối, giờ đây vẫn còn nuôi hy vọng là tại một nơi nào đó, trên đất Liên-Xô bao la này, ông hay bà ấy vẫn còn sống.

NĂM 1987, Marina Filatova, một giáo sư dạy chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã được Viện Dầu Hỏa và Khí Đốt cho nghỉ phép vì đang dự một lớp cao học tại Đại Học Quốc Gia Moscow, trong lúc báo chí bắt đầu đăng tải thư từ độc giả và lần đầu tiên, kết quả thăm dò dư luận cho thấy nổi bất bình của công nhân. Filatova đã luôn luôn dạy sinh viên rằng Liên-Xô là xứ sở của công nhân, nhưng với kết quả phổ biến thăm dò dư luận này, bà bắt đầu tự hỏi thật sự mình biết được bao nhiêu về người công nhân. Không bao lâu sau khi các bài báo được đăng lên, bà được mời tham gia một dự án thăm dò dư luận do ban xã hội học của trường đại học tổ chức, và do tính hiếu kỳ, bà chấp nhận lời mời.

Một buổi chiều mùa hè năm 1987, Filatova đối diện với một nhóm công nhân ở Ivanovo trên một xe tải, nơi họ thường ăn trưa, để đặt một số câu hỏi. Các công nhân mồ hôi nhuốm nhại vì sức nóng mặt trời chiếu qua các cửa sổ xe đầy bụi bậm, mặt mày do bẩn vì bụi và trầy trật, nhìn Filatova với vẻ vừa bức悯 vừa tò mò tìm hiểu. Bà giải thích với họ là Bộ Xây Dựng muốn biết những gì đã thay đổi trong thời gian hai năm đầu của chính sách *perestroika*. "Các anh cần bao nhiêu thời giờ cũng được," bà nói, "và nếu các anh muốn nói thêm điều gì thì để sau khi chấm dứt cuộc trao đổi." Bên ngoài, nhiều công nhân khác đang trở lại hiện trường làm việc sau bốn mươi lăm phút nghỉ ăn trưa, các xe cần cẩu bắt đầu hoạt động lại tại một nhà máy luyện kim trước kia mà nay chỉ còn tro bụi như bộ xương. Tuy vậy, bên trong xe thiếu không khí này, những người còn lại vẫn ngồi yên, bất động.

"Tôi không viết gì cả", một người nói.

"Tại sao?" Filatova hỏi.

"Bà có thật sự nghĩ rằng các câu hỏi của bà sẽ làm thay đổi được gì hay không?"

Filatova nói thay đổi đang sắp đến. Sự kiện mà bộ xây dựng gởi bà đến để nghiên cứu chứng tỏ một thái độ mới đối với những cảm nghĩ của công nhân. Tuy nhiên, các công nhân không có phản ứng nào cả và không một ai có ý định trả lời các câu hỏi của Filatova đưa ra.

Cuối cùng, viên kỹ sư chánh phải can thiệp. Ông ta trách cứ các công nhân đang muốn dọa dẫm Filatova và nói với họ là không ai được rời khỏi xe cho đến khi nào họ chịu viết trả lời các câu hỏi. Công nhân nhận viết trả lời và trở lại làm việc.

Cảnh này được diễn ra cùng khắp. Ở Orel, Filatova nói với công nhân tại hiện trường của một nhà máy đường tương lai là việc trả lời các câu hỏi giúp cho bộ cải tiến được các điều kiện làm việc cho họ, và họ cũng từ chối trả lời cho đến khi bị các cấp chỉ huy bắt ép. Ở Kursk, tại hiện trường của một nhà máy khác đang xây cất, các công nhân đầu tiên cũng không chịu trả lời các câu hỏi.

Trong nhiều năm qua, Filatova đã giảng cho sinh viên rằng, ở Liên-Xô, phương tiện sản xuất đều là của chung. Nhưng công nhân được bà phỏng vấn rõ ràng không nghĩ là các phương tiện sản xuất là của họ. Những nghi ngờ của chính bà càng sâu đậm hơn khi những người sống sót sau các hành động tàn ác, dã man của thời đại Stalin, được chứng minh trong chương trình truyền hình "*Bánh xe thứ năm*". Filatova bị xúc động vì những câu chuyện của những người có thể đang sống gần đâu đó.

Trong thời gian 1987-1988, đời sống của Filatova lại mang một trạng thái lạ lùng. Được giao phó tiếp tục viết luận án về một đề tài chính thống, ban đêm bà bắt đầu đến Viện Khảo Cứu Tin Tức Khoa Học để tìm các bộ sưu tập sách đã bị cấm tại Liên-Xô, nhưng được phổ biến tự do tại các nước Tây Phương. Việc khảo cứu những loại sách đặc biệt này chỉ dành riêng cho những giảng viên về các đề tài chủ nghĩa, là những người được tín nhiệm về

phương diện chánh trị, và Filatova bắt đầu đọc các sách nói về xã hội dân chủ và các tác phẩm của Weber<sup>1</sup> và Machiavelli.<sup>2</sup>

Filatova được giáo dục theo quan niệm, về chính trị, cứu cánh biện minh cho phương tiện, nhưng bà đang bắt đầu nghĩ rằng vấn đề không thể giản dị như vậy. Nếu mục tiêu cuối cùng của một chế độ là phúc lợi của con người, thì phương tiện do chế độ sử dụng không thể trái với luân lý và đạo đức. Tuy nhiên, nếu mục tiêu của một chế độ là phụng sự quyền lợi cho một giai cấp đặc biệt nào đó, thì phương tiện của chế độ gần như tự động trở thành vô luân, vô đạo, bởi vì chế độ hiểu được những khó khăn phải đàn áp các giai cấp khác. Vấn đề này, đến lượt nó, lại tạo ra một vấn đề khác. Nếu chủ nghĩa cộng sản không phải là một khoa học, thì nó là cái gì? Hay nó là chủ nghĩa cộng sản Phi khoa học?

Tại trường Đại Học Quốc Gia Moscow, nơi bà cũng đã từng thuyết trình về đề tài chủ nghĩa cộng sản khoa học trong lúc vẫn viết luận án của bà, các sinh viên bắt đầu giật chân khi cuộc thuyết trình bắt đầu. Vài sinh viên ngồi và đọc báo. Nhiều sinh viên đã viết thư cho khoa trưởng yêu cầu hủy bỏ đề tài này vì nó không phù hợp với thực tế.

Tháng Mười Hai, Filatova hoàn tất luận án về quan hệ kinh tế giữa Liên-Xô và các nước trong khối Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế.<sup>3</sup> [COMECON]. Tháng Giêng 1989, bà trở lại Viện Dầu Hỏa và Khí Đốt; nơi đây sinh viên ít chống đối hơn ở trường đại học. Bà đến dự một cuộc mết-tinh ở một đại học và trước mười lăm giảng viên, tuyên bố kể từ nay sẽ không giảng về chủ nghĩa cộng sản khoa học nữa, mà chỉ có thể giảng về khoa chánh trị học mà thôi. Chủ nhiệm trường đại học, vì không muốn có cuộc đối đầu với bà trước nhóm giáo sư mà sự tin tưởng chủ nghĩa của nhiều người đã bị thử thách một cách vô cùng chua chát vì những biến chuyển thời cuộc trong những năm vừa qua, đã miễn cưỡng chấp thuận.

<sup>1</sup> Max Weber: nhà kinh tế và xã hội Đức, sáng lập Nhà hát quốc gia Đức.

<sup>2</sup> Machiavelli: nhà chánh trị, nhà văn, triết gia, ngoại giao người Ý.

<sup>3</sup> COMECON, tổ chức do Liên xô thành lập năm 1949 để phát huy hội nhập kinh tế trong khối.

SỰ TỰ GIẢI PHÓNG của chương trình truyền hình "*Bánh xe thứ năm*" đã gây tình trạng gần như hốt hoảng trong tổ chức đảng ở Leningrad, và nhận thấy không thể áp đặt một hạn chế dù nhỏ nào đối với chương trình vì sợ phản ứng của quần chúng. Tháng Chín, 1988, chương trình "*Bánh xe thứ năm*" phát đi một cuộn phim cảnh sát đàm áp một cuộc xuống đường ở nghĩa trang Kurapaty tại Belorussia, nơi có hàng ngàn hài cốt nạn nhân của thời đại khủng bố Stalin được khai quật. Một khúc phim bị chánh quyền địa phương kiểm duyệt, và để đối phó lại, bộ tham mưu chương trình "*Bánh xe thứ năm*" từ chối không phát hình. Ngày hôm sau, ba ngàn người biểu tình phản kháng bên ngoài trung tâm truyền hình Leningrad; và cuối cùng cuốn phim lại được trình chiếu.

Tháng Mười Hai 1988, trong lúc có trận động đất ở Armenia, Kurkova chuẩn bị một bài bình luận tố cáo cái chết của năm mươi ngàn người bị quy trách bất cẩn trong việc xây cất tại một vùng được biết là dễ xảy ra địa chấn. Giám đốc đài truyền hình Leningrad ra lệnh cho Kurkova hủy bỏ bài bình luận. Bà trả lời bằng cách tố cáo sự kiểm duyệt trên đài phát thanh. Đây là lần đầu tiên mà một đài phát thanh công khai thách đố sự kiểm duyệt trực tiếp truyền hình, nhưng rồi cũng không có biện pháp nào được thi hành đối với bà cả.

Khi mà báo chí được tự do hơn, thái độ của dân chúng cũng bắt đầu thay đổi. Các nhà báo, thông tin viên của chương trình "*Bánh xe thứ năm*" được nổi danh, được dân chúng nhận biết trên đường phố, và những người qua đường trước kia tránh né các nhiếp ảnh viên truyền hình, giờ đây lại muốn chuyện vãn với họ, với sự tin tưởng là ý kiến của họ được để ý và do đó, có thể có sự đổi thay.

Cuối năm 1988, trong một cố gắng ảnh hưởng các nhà báo qua việc thuyết phục họ, Galina Barinova, người cầm đầu ban tuyên huấn chủ nghĩa của Đảng Bộ Leningrad, đến họp với bộ tham mưu của đài truyền hình Leningrad. "Chúng tôi biết dân chúng," bà nói, "và những gì mấy ông đang làm sẽ dẫn đến một tình trạng không lành mạnh; chúng tôi lo sợ sự nổ bùng và đổ máu; đừng

quên rằng đảng đã bắt đầu thực thi chính sách perestroika". Tuy nhiên, lời kêu gọi của Galina không đủ sức mạnh nếu không có sự đe dọa nổ súng, vì vậy trên thực tế bị lờ đi.

Đầu năm 1989, khi Liên-Xô chuẩn bị cho cuộc bầu cử bán tự do lần thứ nhất, Leningrad là một thành phố hoàn toàn khác hẳn với trước đây chỉ một năm thôi, khác rất nhiều do chương trình truyền hình "*Bánh xe thứ năm*".

Công tác truyền thông có hiệu quả chánh trị quan trọng bậc nhất là ba chương trình liên quan đến các đặc quyền đặc lợi dành cho giới ưu tú của đảng. Chương trình thứ nhất nhắm vào các nhà mát của các lãnh tụ ở Hòn Đảo Đá gần Leningrad. Zoya Belyayeva, một phóng viên của chương trình "*Bánh xe thứ năm*", phải trèo vách tường với nghiệp ảnh viên để quay phim các nhà cửa vô cùng sang trọng, hoang phí này, vài nhà còn có hầm tá người hầu hạ. Phần lớn khúc phim đã được truyền đi Ngày 17 Tháng Ba. Chín ngày sau, tất cả các lãnh tụ quan trọng của đảng ở vùng Leningrad đã bị thất cử trong cuộc bầu cử Xô-Viết Tối Cao Toàn Liên Bang, gồm cả các bí thư thứ nhất *oblast* và thành phố của đảng.

**KẾT QUẢ BẦU CỬ** làm cho đảng ở địa phương bị rúng động, và phản ứng đầu tiên là gởi một phái đoàn điều tra đến đài truyền hình Leningrad. Trong một cuộc họp khoáng đại của thành phố và các ủy ban của *oblast* đảng, chương trình truyền hình "*Bánh xe thứ năm*" bị tố cáo. Các phát ngôn của ủy ban điều tra cho rằng không có gì làm ngạc nhiên khi mà dân chúng bỏ phiếu chống các ứng cử viên của đảng sau nhiều tháng bị chương trình này tẩy não.

Với Kurkova, áp lực này có nghĩa là chương trình "*Bánh xe thứ năm*" bị đe dọa, và tạo cho bà cảm hứng tham gia vòng nhì của cuộc bầu cử. Trong cuộc vận động, bà tham gia vào cuộc tranh luận được truyền hình, tố cáo Yuri Soloviev, người cầm đầu tổ chức đảng nhiều thế lực ở Leningrad, là đã giữ độc quyền thời giờ và phương tiện truyền hình ở địa phương.

Hai ngày sau cuộc bầu cử Kurkova đạt được kết quả tốt nhưng không chiếm được một ghế tại Xô-Viết Tối Cao, bà nhận được giấy mời của đảng bộ Leningrad để giải thích những nhận xét của bà trong cuộc tranh luận ứng cử. Tuy nhiên, vì phiên họp của Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân đã khai mạc, và đảng bộ Leningrad không còn có thể ra lệnh cho một trong số các nhân vật quan trọng của một đài truyền hình rất được dân chúng ủng hộ nữa. Kurkova từ chối tuân lệnh mời của đảng. Trái lại, vài tuần lễ sau đó, chính Soloviev lại bị cách chức và Kurkova đặt kế hoạch cho những chương trình truyền hình mới.

Truyền hình Leningrad vẫn là một phần của truyền hình trung ương Xô-Viết, nhưng quan hệ với nhau không được dễ dàng, suông s elő. Tháng Giêng 1991, những cuộc giết chóc ở Lithuania đã được nối tiếp bởi sự áp đặt khắc khe của chế độ kiểm duyệt ở đài truyền hình trung ương. Để đối phó, chương trình "*Bánh xe thứ năm*" phát đi cuốn phim của cuộc tàn sát những người biểu tình không vũ trang tại Vilnius và trước khi trình chiếu, Kurkova đã lên tiếng báo trước là chương trình có thể bị gián đoạn bất cứ lúc nào.

Cuối cùng, cuốn phim được phát đi, nhưng áp lực đối với sự độc lập của bộ tham mưu chương trình "*Bánh xe thứ năm*" không chấm dứt. Ngày 9 Tháng 4, 1991, Leonid Kravchenko, người cầm đầu Ủy Ban Quốc Gia Phát Thanh và Truyền Hình, đọc một chồng thư trong một buổi phát hình có trao đổi với dân chúng qua điện thoại, trong đó đòi cho là khán giả đã than phiền chương trình "*Bánh xe thứ năm*" chống Xô-Viết và kêu gọi phải có biện pháp đối với Kurkova. Tuy nhiên, đến Tháng 6 Gorbachev chấp thuận cho thành lập đài truyền hình Nga độc lập. Kurkova và "*Bánh xe thứ năm*" tuyên bố các xung đột với Kravchenko chấm dứt vì chương trình truyền hình "*Bánh xe thứ năm*", một trong số chương trình truyền hình Liên-Xô được ưa chuộng và có uy tín nhất, đã đổi sang băng tầng mới.

## GIỐNG NGƯỜI XÔ-VIẾT

*Tôi lấy làm lạ tự hỏi, có thể nào tôi lại là kẻ hèn nhát duy nhất trên trái đất? Ý nghĩ thật là kinh khủng. Lạc lõng giữa hai triệu người điên loạn, tất cả, nói chung, đều là các đấng anh hùng, và được vỗ trang đến tận răng!*

- Louis Ferdinand Céline, Hành Trình Đi Đến Hết Đêm.

TRÊN CHUYẾN XE LỬA từ Urals đến nhà ga Yaroslavl vào lúc 6 giờ một buổi sáng giá lạnh của Tháng 12, 1988, Mikhail Kukobaka gom hết đồ đạc của khám đường bỏ vào một cái bao, và bước xuống sân ga đang chật ních người. Mười năm trôi qua, giờ đây anh mới thấy lại Moscow, anh liếc mắt nhìn quanh đám đông dân chúng trước khi đi vào nhà ga và từ đó, đi ra đường cái.

Vùng ba nhà ga này đang tấp nập. Nhiều hàng dài dân chúng đang đợi tắc-xi, xe buýt chạy đến kéo theo làn khói thoát, chữ M đỏ của trạm xe điện ngầm chói lọi trong buổi sáng giá lạnh này. Kukobaka có địa chỉ của Vyacheslav Bakhmin, một cựu tù nhân và một người chống đối, mà anh quyết định đi tìm để xin giúp đỡ có được một nơi tạm trú.

Những người qua đường đưa mắt nhìn Kukobaka còn đang mặc bộ đồng phục màu xám của nhà tù, với những sọc chỉ đen và bảng tên hiện thấy rõ, nhưng anh không tỏ ra chú ý đến họ.

Kukobaka bước đến gần một cảnh sát và hỏi thăm lối đi đến đường Novosibirsk. Viên cảnh sát chỉ đường cho anh và hỏi xem giấy tờ anh. Kukobaka xuất trình giấy chứng nhận được

phóng thích của trại Lao công Perm 35. Xem xong, viên cảnh sát nói, anh chỉ có được 72 giờ để rời khỏi Moscow.

"Tôi sẽ ở cho đến khi nào còn thấy cần," Kukobaka trả lời.

Anh bắt đầu ra đi và vừa quay lại nói với viên cảnh sát: "Anh có biết anh đang nói chuyện với ai không? Tôi là người tù nhân chính trị cuối cùng rời khỏi các trại tù đấy".

Trong lúc đó, một người đội mũ *bê-rê* đang đứng gần đó, đi đến Kukobaka và đưa tay bắt tay anh siết rất chặt, nồng nhiệt.

Kukobaka đã trải qua mười sáu năm bị giam giữ vì tội cố tìm cách thảo luận chính trị với dân chúng Xô-Viết. Nhưng giờ đây, những người qua đường đang chúc tụng anh và anh nhận thấy tình thế đang thay đổi và dân chúng cũng đang thay đổi.

**KUKOBAKA ĐÃ CÓ CẢM GIÁC** một không khí thay đổi từ lúc anh còn là một tù nhân. Mùa thu năm 1986, sự hành hạ và tra tấn các tù nhân tại các trại tù chính trị đã đến mức độ chưa từng thấy, đồng thời các tù nhân lại hết sức ngạc nhiên khi đọc được những bài vở đầu tiên phê bình chỉ trích của báo chí Xô-Viết. Phần lớn tù nhân nghĩ, chính sách *glasnost* chỉ là một thủ đoạn nhằm đánh lừa người Tây Phương, mà thôi, nhưng Kukobaka thì không chắc như vậy.

Đầu năm 1987, nhà cầm quyền bắt đầu trả tự do cho chính trị phạm. Điều kiện duy nhất là tù nhân phải xin được tha thứ. Phần lớn chấp nhận điều kiện này, nhưng Kukobaka thì từ chối vì lẽ anh không hề phạm một tội hình nào cả. Sự từ chối này làm anh bị giam giữ thêm hai năm nữa. Kukobaka cuối cùng được phóng thích vào lúc Gorbachev công du Liên Hiệp Quốc hồi Tháng Mười Hai, 1988. Một ngày nọ, nhà cầm quyền trại gọi anh đến bộ chỉ huy và cho anh hay anh sẽ được chuyển trại. Nhưng thay vì chuyển trại, anh lại được trả tự do và giấy chứng nhận lại được ghi là anh được tha thứ.

Trong những ngày đầu ở Moscow, Kukobaka không làm việc, mà chỉ sống bằng số tiền anh được lãnh tại các trại trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, sau cùng, anh bắt đầu đi bán báo,

những tờ báo độc lập, và cũng như anh đã nói chuyện cùng dân chúng ở Quảng Trường Pushkin, trên đại lộ Gogolevsky và ở Arbat, anh đã nhận thấy dấu hiệu của cả một "biển" thay đổi thái độ của người Xô-Viết.

Đầu năm 1989 là thời cao điểm của phong trào chống Stalin; tài liệu về các cuộc tàn sát tập thể cùng sự hủy diệt nông dân dưới thời Stalin được báo chí phanh phui hàng ngày, các cuộc tranh cãi bùng nổ khắp nơi về vấn đề có phải chủ nghĩa Stalinít là kết quả tự nhiên của những ý tưởng xã hội hay nó chỉ là một sự lầm lạc. Tuy nhiên, không ai còn nghi ngờ gì nữa về tính xác thực của sự phơi bày chính bản thân Stalin.

Một ngày của Tháng Ba, sau một cuộc biểu tình trên đường Gorky, Kukobaka có một cuộc cải vã với một người già có chiếc mũ *karakul*<sup>1</sup> đang chửi rủa những người dân chủ. Cụ già này nói rằng đáng lý Stalin đã phải bắn bỏ những người đó.

Nhận xét này làm Kukobaka nổi giận. "Ông không phải là người tiêu biểu cho giới hồi hưu. Một người tiêu biểu cho hồi hưu không đội mũ *karakul*. Ông phải là kẻ làm việc đặc biệt nào đó cho nhà nước."

Trước sự ngạc nhiên của Kukobaka, anh được đám đông dân chúng lập tức ủng hộ. Dân chúng bao quanh anh bắt đầu sĩ nhục bọn Stalinít. "Những tên *Beriaít*<sup>2</sup> sống sót", họ la hét, "chính ông là tên treo cổ người, vì vậy mà ông bênh vực cho những kẻ giết người, ông là cựu nhân viên NKVD<sup>3</sup>, ông dự phần trong các tội ác." Cụ già cãi lộn với đám đông. "Dưới thời Stalin, giá cả thấp, có trật tự và có đủ mọi thứ," ông ta nói.

SỰ THAY ĐỔI thái độ lan tràn khắp Liên-Xô, được nhận thấy rõ ràng trong các cuộc tiếp xúc với các giới chức.

<sup>1</sup> Mũ *Karakul* là mũ người Uzbekistan thường đội. (*Karakul* là tên một làng ở Uzbekistan).

<sup>2</sup> *Beriait*: các nhân viên mật vụ dưới quyền của Beria, người cầm đầu cơ quan mật vụ NKVD, tiền thân của KGB.

<sup>3</sup> NKVD, tên cũ của cơ quan mật vụ xô viết.

Kukobaka nguyên quán ở Bobrusk thuộc Bielorussia và từ khi anh được trại Lao Động Perm 35 trả tự do, nhà cầm quyền liệt kê Bobrusk như là nơi định cư tương lai của anh, mặc dù anh nói anh muốn sống ở Moscow. Trong vài tuần lễ đầu ở Moscow, Kukobaka đã đến sở cảnh sát địa phương để cố xin một sổ thông hành, nhưng khi cảnh sát nhìn thấy giấy chứng nhận phỏng thích anh, liền bảo anh nên đi Bobrusk. Đối lại, anh đã ngưng cố gắng xin sổ thông hành trong chín tháng kế tiếp.

Vào mùa xuân năm 1990, tuy nhiên, Kukobaka đã quyết định thử xin một lần nữa. Anh đi đến Alexandrov thuộc *oblast* Vladimir, nơi anh đã bị bắt lần đầu tiên vào năm 1970, và xin cấp sổ thông hành tại sở cảnh sát duy nhất của *oblast*. Khi một viên chức xét thấy Kukobaka đã không có giấy tờ tùy thân từ chín tháng qua, ông ta đã bảo anh trở lại sau đó, và đã trình với cấp chỉ huy dân quân.

Kukobaka đã quay lại Moscow và trở lại Alexandrov vài ngày sau đó. Tuy nhiên, lần này, anh đến với một xấp bài cắt từ báo chí đề cập đến trường hợp của anh. Kukobaka đến văn phòng chỉ huy dân quân, một người khoảng ba mươi tuổi; ông ta nghiên cứu giấy chứng nhận của anh và nói cần phải bắt đầu cuộc điều tra vì Kukobaka đã sống chín tháng không có thông hành.

Đến tình thế này, Kukobaka bắt đầu tường thuật cho viên chức này nghe về đời sống của anh. Anh tả những năm tù chánh trị, làm thế nào anh đã đến lãnh sự quán Tiệp khắc ở Kiev để bày tỏ cảm tình với người Tiệp sau cuộc xâm lăng nước họ năm 1968, anh bị bắt thế nào và bị bỏ vào trại lao công và nhà thương điên ra sao và bị đánh đập thế nào. Anh nói về những người anh đã được tiếp xúc trong khoảng thời gian này. Anh trình cho viên chỉ huy dân quân các bài báo cắt ra từ các báo *Chicago Tribune*, *Baltimore Sun*, *New York Times*, và tại Nga, tờ *Russkaya Mysl*. Anh cũng cho vị chỉ huy này đọc các thư từ anh viết về điều kiện sống tại các trại tù mà các báo ngoại quốc đều có đăng tải.

Trước sự ngạc nhiên của Kukobaka, ông ta bắt đầu tỏ ra chú ý. Ông ta hỏi về đời sống trong các trại và ý nghĩ của anh về tình hình trong nước. Nhiều giờ trôi qua, nhiều sĩ quan khác cũng tham gia nói chuyện và hỏi Kukobaka về tương lai của anh.

Cuối cùng, sau ba giờ trao đổi, viên chỉ huy nói: 'Cấp cho anh ấy một sổ thông hành, có thể một ngày nào đó, anh sẽ có lời nói tốt cho chúng ta.'

Kukobaka nở một nụ cười tươi và viên chỉ huy thì nói: "Phải, thời thế đã thay đổi."

**NGÀY 23 THÁNG HAI, 1991**, Kukobaka và hai mươi người biểu tình khác của đảng Liên Hiệp Dân Chủ<sup>1</sup> quyết định biểu tình ngõi tại Quảng Trường Manezh để kỷ niệm Ngày Quân Lực Xô-Viết.

Họ cầm biểu ngữ và cờ Nga và Lithuanian, nhưng chỉ có các biểu ngữ của Kukobaka là có tính cách khiêu khích nhất: QUÂN ĐỘI XÔ-VIỆT - TRƯỜNG CỦA BỌN SÁT NHÂN VÀ CÁC TƯỚNG LÃNH, NHỮNG KẺ PHẢN BỘI NHÂN DÂN NGA.

Đám đông dân chúng tại quảng trường thân quân đội, phản đối cuộc biểu tình. Một người hô to: "Quân đội Xô-Viết là trường học giết người, còn quân đội Hoa kỳ là cái gì, không phải là sát nhân à? Vậy quân đội để làm gì, để xây nhà à? Một quân đội phải giết và phá hủy chớ!"

Không một ai tìm cách tranh luận với Kukobaka. Dân chúng bắt đầu ném đồ vật vào đám biểu tình. Để tránh một cuộc xung đột, cảnh sát lập thành một hàng rào giữa đám đông và người biểu tình.

Bị kích động bởi các biểu ngữ, đám đông cố vượt qua hàng rào cảnh sát để đánh những người biểu tình. Kukobaka bị một phát đánh vào mặt. Còn có nhiều tiếng hô hào chống Do thái và Á rập, như những tiếng hô to "Kikes!" và "Zionists!" Mặc dù có

<sup>1</sup> Đảng chính trị đầu tiên ở Liên xô tuyên bố độc lập, do các tù nhân chính trị thành lập năm 1988.

nhiều cuộc xô xát, cảnh sát vẫn duy trì được sự chia cắt chắc chắn giữa hai nhóm. Sự kiện làm cho Kukobaka ngạc nhiên nhất là cảnh sát hình như có cảm tình với những người biểu tình. Một bà trong đám đông la to với cảnh sát: "Tại sao mấy người không chấm dứt sự nhục nhã này?"

Một cảnh sát viên trả lời: "Bà có ý kiến của bà, họ phát biểu ý kiến của họ. Đó là dân chủ."

"**TRONG NHỮNG NĂM TRÌ TRÈ**, tôi không có ý niệm gì về thế giới cả," Sergei Osintsev, một sinh viên kịch nghệ tại Tyumen nói với tôi (Satter) một đêm kia trong lúc chúng tôi cùng nhau chuyện trò tại rạp hát Tyumen. "Ngoài Liên-Xô ra, không có gì khác cả".

"Chừng nào Hoa kỳ vẫn còn là mối lo ngại, thì điều bí mật to lớn vẫn là tại sao họ không muốn sống trong hòa bình. Reagan thật là người khát máu bởi vì hình như ông ta chỉ muốn có chiến tranh. Chúng tôi chờ Hoa kỳ tấn công chúng tôi. Chúng tôi cho rằng một kẻ nào đó tại Hoa kỳ có thể nhấn nút và có thể là tất cả, kể cả chúng tôi, đều phải nhấn nút chống lại họ.

"Ở trường, người ta dạy chúng tôi làm sao tự phòng vệ chống lại một cuộc tấn công bằng hơi độc. Họ cho chúng tôi mang thử mặt nạ chống hơi độc. Họ dạy chúng tôi cách tháo lắp súng Kalashnikov và đếm số phút.

"Mọi người đều cho rằng các biện pháp này dùng để tự vệ, và chúng tôi không có sự lựa chọn nào khác vì chúng tôi có một láng giềng là Hoa kỳ lúc nào cũng nghĩ đến việc tích trữ vũ khí.

"Khó mà tưởng tượng dân chúng sống tại Hoa kỳ. Nó giống như phía bóng tối của mặt trăng, và lại chứa đầy kẻ sát nhân, kẻ nghiện ma túy và đỉ điếm, nói chung, một nơi mà con người có thể bị giết bất cứ lúc nào. Họ cho thấy dân chúng thất nghiệp chết ngoài đường, mặc dù hiện nay họ nói rằng người thất nghiệp sống không đến đổi quá tệ, nếu ông tin báo chí ngày nay của chúng tôi.

"Khi chánh sách *glasnost* bắt đầu, người ta cũng bắt đầu cho chiếu các phim ảnh về Hoa kỳ. Chương trình 'Vzglyad' chiếu một loạt với tựa đề 'Những lá thư từ Hoa kỳ'. Trong một phim của chương trình này, họ cho nhìn thấy cảnh sát Hoa kỳ và tại đây, cảnh sát có nhiệm vụ bảo vệ cá nhân người dân và nếu ông xin sự giúp đỡ của một cảnh sát viên, họ sẽ thi hành bất cứ lúc nào.

"Chúng tôi cũng bắt đầu thấy được hình ảnh của các cửa hiệu tạp hóa Hoa kỳ, và tôi bắt đầu tự hỏi tại sao chúng ta không có các cửa hiệu như thế ở đây, tại sao chúng ta phải xếp hàng hàng giờ để có bánh mì. Người Hoa kỳ không thể chịu được cái nhục xếp hàng. Tại Hoa kỳ, ông có thể gọi điện thoại và họ giao hàng đến ngay.

"Tại Hoa kỳ, dân chúng được sống. Tại đây dân chúng là những con vật để thí nghiệm, trước hết là thí nghiệm chủ nghĩa xã hội và hiện nay họ đang được thí nghiệm với *perestroika*.

"Trước đây dân chúng nghĩ rằng chúng tôi có thể tiến tới chủ nghĩa cộng sản và tất cả sẽ được cung cấp không phải trả tiền và chúng tôi sẽ bắt đầu sống sung sướng. Nay thì chúng tôi đi đến kết luận, sẽ không có gì cả và tất cả những gì xảy ra ở đây chỉ là cuộc tranh đấu giành quyền lực. Đã có kế hoạch năm trăm ngày, mà không rõ là chúng tôi có chấp nhận hay không. Hôm nay là ngày thứ ba của việc chuyển qua nền kinh tế thị trường, nhưng tôi không thấy có chút gì thay đổi cả.

"Hiện nay chúng tôi có thái độ tích cực, xác thực và rõ ràng đối với Hoa kỳ. Tôi ủng hộ chế độ tư hữu. Tôi nghĩ, nếu có chế độ này, người ta có thể xem xét, nghiên cứu và định được loại kịch bản nào dân chúng muốn xem. Như hiện nay, khi có một vở kịch mới, đêm đầu tiên có đầy người xem và sau đó, càng ngày càng ít khán giả. Rạp hát có 670 chỗ ngồi, nhưng chỉ có từ 30 đến 50 khán giả. Có thể sau cùng chỉ còn có 2 người.

"Dân chúng không đi xem hát vì họ không còn kiếm đâu ra tiền để sống. Các cửa hiệu hầu như trống rỗng, ông chỉ có thể mua được món duy nhất là rau cải biển.

"Tôi chỉ có thể sống thêm hai mươi năm và rồi tôi không còn tin tưởng vào cái gì nữa cả. Khi tôi còn là một chiến sĩ tiền phong, tôi tin tưởng một tương lai xán lạn. Nay thì tôi nghĩ, chúng tôi đang đứng trước một cái hang tối mờ."

"Chúng tôi không có khả năng tự do suy nghĩ. Người ta dạy chúng tôi suy nghĩ trong một khuôn khổ nào đó."

"Tôi không muốn di cư sang Hoa Kỳ. Tôi chỉ muốn đến đây để xem xét. Sóng ở đây có lẽ kinh khiếp lắm. Tôi không nghĩ rằng tôi có khả năng sống tự do, và ở đây thì tất cả đều tùy thuộc ở mình. Có thể nếu đến đó, tôi có thể sẽ quen dần với cuộc sống. Ông phải thích nghi với cách suy nghĩ mới và phải tự thay đổi hoàn toàn."

"Tôi cảm thấy có một sự gắn bó với đất nước này, nơi tôi đã chào đời, tiếng Nga là tiếng mẹ đẻ của tôi. Tại Hoa Kỳ, tôi sợ tôi sẽ không còn cần thiết cho ai cả."

**"GLASNOST ĐÃ MỞ MẮT CHO CHÚNG TÔI,** vì chúng tôi tuyệt đối không biết gì cả," Marina Baranova, một nhân viên thư viện nhà máy ở Tyumen, nói trong lúc chúng tôi cùng đi đến văn phòng của trường Đại học Tyumen, chuyên khoa xã hội.

"Tôi tin chủ nghĩa xã hội khi còn là một thiếu nữ, nhưng nay thì tôi không còn tin nó nữa nếu đâu đâu như truyền thanh, truyền hình và báo chí tôi cũng nghe thấy nói nước này là một nước có hạnh phúc nhất, giàu nhất trên thế giới."

"Tôi sống trong vùng nông thôn, địa phận của một nông trường quốc doanh và tôi thấy việc thu hoạch không bao giờ được thi hành đầy đủ và hạt thóc vẫn còn để rơi rụng ngoài đồng, nhưng tôi cho rằng nông trường quốc doanh của chúng tôi là một ngoại lệ và các nơi khác việc thu hoạch đang được thực hiện đầy đủ."

"Khi Gorbachev lên cầm quyền, tôi bắt đầu theo dõi những gì đang xảy ra trong nước. Năm 1986, tôi đi thi môn lịch sử của đảng Cộng Sản, có một câu hỏi liên quan đến việc lật mặt nạ nhóm Trotsky - Zinoviev. Trên cẩn bản của các sách vở, tôi

tranh luận là Trotsky và Zinoviev đều là kẻ thù và cần phải lén án họ. Một năm sau, họ lại được phục hồi, thành ra họ không còn là kẻ thù nữa.

"Các giảng viên hoàn toàn bị rối loạn và họ không còn biết phải giảng dạy cái gì. Cũng như chúng tôi, chúng tôi mất hứng thú đối với lịch sử đảng, nói chung là lịch sử của cả nước."

"Cùng thời gian này, lại có một sự thay đổi đột ngột thái độ của học viên. Lenin đối với tôi là một thứ thần tượng. Tôi nghĩ cuộc cách mạng là tốt, nhưng sau này lại có kết luận là nó do một băng đảng sát nhân làm tan nát. Và giờ đây tôi xem chính cuộc cách mạng là một lỗi lầm."

"Cuộc Cách Mạng Tháng Mười là một thảm kịch đối với nước Nga. Với thời gian, nó sẽ càng ngày càng rõ rệt hơn."

"**MỚI CÁCH ĐÂY NỮA NĂM**, tôi còn tin Lenin, nói chung, là một nhân vật vĩ đại, nhưng giờ đây, tôi không còn nghĩ như thế nữa", Vadim Pracht, một sinh viên của trường Đại Học Quốc Gia Moscow nói, trong lúc chúng tôi nói chuyện với nhau trong một đêm của Tháng Mười Một năm 1990, trong phòng ngủ chung của anh với hai bạn cùng trường.

"Tôi thường không thích nghe nói đùa về Lenin. Tôi tin ông ta là một vị thánh. Có thể một năm sau tôi sẽ nghĩ, cần phải phá hết các lâu đài, lăng mộ và di chuyển ông ấy ra khỏi lăng."

"Cách đây vài năm, tôi vô cùng ngạc nhiên khi nghe nói đến các cộng hòa khác nhau. Nó như là các bang của Hoa Kỳ. Tất cả chúng tôi tin chủ nghĩa xã hội. Tín điều của chúng tôi là tình thân hữu giữa các dân tộc."

"Tôi cho rằng Hoa Kỳ là một nước có nhiều tương phản to lớn và chỉ có một nhóm nhỏ sống sung sướng, trong lúc chúng tôi tin rằng phần đông thường dân sống còn tệ hơn chúng tôi. Tôi nghĩ rằng, nhờ Thượng Đế tôi được sinh trưởng ở Liên-Xô, nơi mà mọi người được bảo đảm một nếp sống tươm tất, tuy không lộng lẫy, xa hoa, nhưng đầy đủ, tươm tất. Tại Hoa Kỳ, tôi cho rằng mọi người sống trong sợ hãi, cả cho ngày hôm sau."

"Khi tôi nghe nói về cuộc tranh đấu cho nhân quyền tại Liên Xô, tôi nghĩ kẻ nói chuyện này là một tên lưu manh, vô lại. Và khi Hoa kỳ cho rằng chúng tôi vi phạm nhân quyền, tôi nghĩ rằng chính Hoa kỳ mới là nước vi phạm nhân quyền, vì dân da màu ở đó không những là công dân bậc nhì mà còn là thuộc giai cấp bên lề xã hội. Đó là cảm tưởng mà chúng tôi có khi xem truyền hình trong nước.

"Tôi nghĩ rằng có một nhóm nhỏ ngồi trên cao sồng sung túc và chỉ nghĩ đến việc nắm giữ quyền hành trong tay giai cấp trưởng giả, dân chúng sống quanh tôi tại Khmelnitsky, tất cả đều nghĩ như vậy.

"Tôi vào quân đội và bị cô lập không biết gì về *glasnost* và những gì đang xảy ra trong nước cả, nhưng khi tôi giải ngũ năm 1989, tôi bắt đầu đọc báo và bị xúc động mạnh về những gì được biết. Tôi đọc *The Gulag Archipelago* trong *Novy Mir* và ngạc nhiên vì tính cách toàn diện của sự đàn áp. Tôi không thể hiểu được là chỉ vì một lời nói ngớ ngẩn mà có thể bị đưa đi trại lao động và tôi cũng không hiểu nổi là hệ thống trại này đã phát triển đến độ mà người bị đưa đến đấy, đến phút chót vẫn còn tin tưởng Stalin.

"Hồi mùa xuân, có một phim về Hòa lan trong chương trình truyền hình '*Cho đến và Sau Nửa Đêm*'. Phim trình diễn ngày hội với bông hoa, đường phố không có hàng dài người mua thì giờ chờ đợi, một nước mà người ta không cần luôn luôn lo nghĩ đến nơi nào có thể mua được miếng thịt hoặc nơi nào có thể đi nghỉ hè cùng gia đình. Ở đấy có một không khí thân thiện giữa người với nhau, họ mỉm cười với nhau. Ở đây, nếu ông mỉm cười với một người, ông sẽ được đáp lại bằng một câu lăng nhục".

**TRONG MỘT BUỔI CHIỀU NẮNG** cuối mùa xuân năm 1990, Dolores Akhmetova, một sinh viên đại học làm công tác hướng dẫn tại Viện bảo tàng Lenin ở Ufa, nhận thấy một hướng dẫn viên dẫn đầu một nhóm chỉ có mười lăm du khách đi vào viện.

Akhmetova băn khoăn khó hiểu vì nhóm người quá ít. Cô thường quen với những nhóm du khách đông đảo hơn. Trước đây, không có nhóm nào ít hơn bốn mươi người.

Cô kéo người hướng dẫn riêng ra và hỏi tại sao cô ta đưa đến số người quá ít. "Tôi đã nói với họ là chúng ta đến viếng Viện bảo tàng Lênin," cô này trả lời, "và phân nữa số du khách không chịu xuống xe buýt".

Từ nhiều năm qua, thái độ dân chúng Ufa đối với Lênin gần như một tín ngưỡng tôn giáo, và không khí Viện bảo tàng Lênin, một tòa nhà gỗ nơi Lênin đã sống trong ba tuần lễ năm 1900 khi ông ta đang viếng thăm Krupskaya vợ ông, giống như một nhà thờ. Du khách im lặng lắng nghe Akhmetova và các hướng dẫn viên giảng giải về các di tích diễn tả đời sống Lênin, và các trẻ em được đưa đi xem khắp nơi trong viện như một phần của những bài học lịch sử. Khi Akhmetova đưa du khách đến căn phòng riêng đơn sơ của Lênin và vợ ông ở tầng hai, du khách tỏ vẻ tôn kính như đang chứng kiến việc tẩn liêm một người quá cố.

Thái độ của Akhmetova không khác gì với những du khách viếng viện bảo tàng này. Cô xem Lênin như một lãnh tụ chánh trị vô địch, một nhà tư tưởng lớn, và cô nghĩ việc làm của mình là một cách thích hợp nhất để làm cho dân chúng hiểu rõ tính cách vĩ đại của Lênin.

Vì lý do này mà những lời bình luận của các hướng dẫn viên du khách đã tạo được một ấn tượng mạnh mẽ. Akhmetova hiểu rằng nếu dân chúng không còn chú ý đến Viện bảo tàng Lênin, cũng như không muốn đi vào tòa nhà này, thì có cái gì cơ bản đã đổi thay ở Ufa nói riêng và ở Liên-Xô nói chung.

Akhmetova đến làm việc tại Viện bảo tàng Lênin hồi Tháng Tư năm 1988 khi Gorbachev đang sắp bước vào năm thứ tư cầm quyền. Báo chí đã được tự do nhiều hơn và Gorbachev cũng đã công bố một loạt cải cách mà mục tiêu là trở lại với chủ nghĩa Lênin.

Thế rồi, trong thời gian cô bắt đầu làm việc tại Viện bảo tàng, chính sách *glasnost*, chỉ đang giới hạn trong việc phơi bày

nạn tham nhũng dưới thời Brezhnev, đã khai triển và bắt đầu công bố các tội ác của thời đại Stalin.

Những tiết lộ này đã làm thay đổi không khí trong nước. Cũng như phần lớn giới trẻ tại Ufa, Akhmetova đã có rất ít ý niệm về mức độ đàn áp của thời Stalin, nhưng khi có sự minh chứng của những người sống sót được đăng tải trên báo chí và hình ảnh truyền hình về các địa điểm chôn người hàng loạt được phơi bày, cô vô cùng xúc động vì tầm mức của các tội ác. Cô vẫn luôn nghĩ, việc tập thể hóa là cần thiết. Nhưng giờ đây, sau khi đọc được những bài tường thuật và phóng sự của báo chí, cô mới nhận thức được rằng tập thể hóa được thực hiện bằng họng súng, và những người lớn đã nói dối với cô về lịch sử Xô-Viết trong nhiều năm qua trong lúc cô đang lớn lên.

Tuy nhiên, vài tháng sau khi mới bắt đầu, phong trào chống Stalin đã đi qua. Đầu tiên, các sinh viên đại học cắt các bài báo nói về tội ác của thời đại Stalin và mang vào lớp học, nhưng với thời gian, sự chú ý mờ dần và rồi họ chấm dứt đề cập đến vấn đề này.

Sự phơi bày thời đại Stalin được tất cả báo chí đăng tải và là đề tài liên miên của các chương trình truyền hình. Hình như tất cả các viên chức chính quyền Xô-Viết, gồm cả các sĩ quan KGB, đều xem như là một bỗn phận góp sức vào việc lột mặt nạ Stalin. Đồng thời, tất cả các lỗi lầm xã hội, từ tình trạng thiếu thốn hàng hóa cho đến thiếu luật pháp, đều gán cho Stalin.

Nhưng khi phong trào chống Stalin đạt đến cao độ, các giáo sư tâm lý của Akhmetova nói với lớp học là "kẻ sáng lập Khủng Bố Đỏ" trong nước chúng ta là Lenin". Akhmetova kinh ngạc vì nhận định này, nhưng nhận thấy không thể quên nó được.

Những tiết lộ về Stalin đầu tiên không làm phần đông dân chúng quay ra chống Lenin ngay. Dân chúng vẫn tiếp tục viếng Viện bảo tàng Lenin đông đảo, nhưng với một sự tôn kính truyền thống dần dần giảm sút. Những người thăm viếng, đặc biệt là những người từ các thành phố như Moscow và Leningrad đến, hỏi về đời tư của Lenin, điều mà trước đây không bao giờ được ai nghĩ đến. Có phải sự thật là Lenin và Krupskaya không

bao giờ cưới hỏi nhau, hay là Lênin đã cưới Krupskaya chỉ giản dị là vì ông ta nhận thấy thuận tiện làm việc với bà ta?

Akhmetova đã trả lời là viện bảo tàng có tài liệu chứng tỏ Lênin và Krupskaya đã có cưới hỏi nhau và có làm lễ thành hôn tại một nhà thờ, và cũng có nhiều thư tình của Lênin gửi cho Krupskaya. Nhiều câu hỏi khác như có phải Krupskaya là vợ hai của Lênin và ông ta đã có một tình nhân hay không.

Phong trào chống Stalin giảm dần cường độ, nhưng nó không đánh dấu sự chấm dứt việc tìm kiếm manh mối của sự giải thích lịch sử chính thức của chánh quyền. Thay vì thế, lại bắt đầu có nhiều bài báo ám chỉ đến Lênin. Ông không bị nêu tên, nhưng người dân lại đề cập đến nạn đói năm 1921, thời kỳ ông cầm quyền. Có những bài nói về cuộc nổi dậy ở Kronstadt, mà người *Bônsovich* đã đàn áp. Cuộc nổi dậy luôn luôn được mô tả như là một cuộc nổi loạn phản cách mạng. Nhưng giờ đây nó lại được móc nối với tình trạng đói kém vì thiếu cung cấp thực phẩm cho công nhân tại Petrograd.

Sự xuất hiện các bài báo này gieo nghi ngờ về Lênin trong đầu óc nhiều người, và hậu quả càng tỏ ra lớn lao khi mà lăng kỷ niệm ông ở trung tâm Ufa được tháo gỡ một phần để sửa chữa và được nhận thấy là nền móng của nó được xây bằng đá mố bia của một nghĩa địa của địa phương, gồm cả mố bia của trẻ em. Để che đậy việc này, các mố bia có khắc tên được cho quay mặt này vào phía trong.

Dù sao, Akhmetova vẫn giữ niềm tin đối với Lênin. Cô tự nhủ với mình rằng dù cho Lênin có nhún tay bằng cách nào đó vào những hành động tàn bạo, thì việc ấy chỉ xảy ra ở cuối đời ông, khi ông bị đau nặng không thể giữ vai chính trong các hành động này.

Nhiều người lại có kết luận khác nữa. Một ngày của Tháng 10, đúng vào lúc trước giờ đóng cửa, một bà hinh như đang trong tình trạng tuyệt vọng đi vào Viện bảo tàng. Bà nói bà dạy lịch sử tại một viện đại học địa phương và nay thì bà tin rằng việc làm của đời bà đã bị vứt đi hết.

**PHẦN LỚN NĂM 1989**, báo chí đã ám chỉ Lê-nin có dính dáng đến các hành động tàn ác. Tháng Hai, 1990, điều 6 của hiến pháp được bãi bỏ và đường ranh giới được vượt qua trong việc đối xử với Lê-nin. Lần đầu tiên, báo chí đã nhìn nhận Lê-nin có biết đến các hành động khủng bố trong những ngày đầu của chánh quyền *Bônsorvich*.

Một đêm của Tháng Ba, một sinh viên thuộc Viện Dầu Hỏa Ufa đến gặp Akhmetova tại Viện bảo tàng và hỏi cô còn tin tưởng Lê-nin nữa hay không.

Akhmetova không biết trả lời thế nào.

Sinh viên này đề cập đến hành động bắn chết các con tin trong những năm ngay sau khi cuộc cách mạng kết thúc, như báo chí đã tường thuật trong nhiều câu chuyện. "Cô có nghĩ rằng ông ta (Lê-nin) có xứng đáng với sự kính trọng của chúng ta hay không?" anh hỏi.

"Ông ta còn đáng được kính trọng," Akhmetova trả lời, "nhưng chúng ta kính trọng ông dưới một hình thức không đứng đắn; thay vì đọc các tác phẩm của ông ta, chúng ta lại viết những bài thơ về ông và xây dựng lăng tẩm cho ông. Chúng ta không làm những gì cần thiết."

"Tại sao cô không thay đổi ý kiến?", anh hỏi, "đã có xác nhận ông ta thật sự là một người độc ác mà!"

"Tôi nghĩ, còn quá sớm để chúng ta đi đến bất cứ một kết luận nào," cô nói, "chúng ta phải biết được tất cả các tin tức trước khi cứu xét."

Rồi nhiều tháng trôi qua, báo chí đăng tải nhiều chi tiết về các hành động tàn ác của Lê-nin. Trong một buổi truyền hình làm sững sốt các hướng dẫn viên của Viện bảo tàng, chương trình "*Vzglyad*" ngũ ý cho Lê-nin đã âm mưu ám sát một nhà tu hành Cơ Đốc Chính Thống vì nhà tu này đã đứng ra xin cung cấp thực phẩm cho những nạn nhân bị đói nếu những người *Bônsorvich* chấm dứt việc tịch thu các vật liệu sùng bái của nhà thờ. Các hướng dẫn viên vì quá sững sốt nên từ chối không hướng dẫn du khách nào đã xem buổi truyền hình này để tránh khỏi trả lời các câu hỏi có liên quan.

Vào Tháng Tư, hậu quả của những tiết lộ này bắt đầu được nhận thấy tại Viện bảo tàng. Số người thăm viếng đã giảm từ bảy đến tám trăm người mỗi ngày xuống còn khoảng hai trăm. Có ngày chỉ có độ một trăm người đến viếng viện và chính ngày này mà một nhóm công nhân từ Chelyabinsk đến đã không chịu xuống xe buýt.

Rồi thì phản ứng của các công nhân Chelyabinsk đã nhanh chóng trở thành phổ biến.

Akhmetova nghĩ, đối với các cá nhân không cần phải cảnh cáo thái độ hung hăng của họ, nhưng cô nhận thấy thái độ thù địch của những người đi vào viện. Họ đứng im lặng với vẻ căm hờn. Họ không chú ý đến những lời giải thích của cô. Sau khi các du khách rời khỏi viện, cô nhận thấy bút tích của họ trong sổ viết như sau: "Công trình xây dựng này dành cho cái gì?"

KUKOBAKA, các sinh viên và Akhmetova chỉ là số nhỏ của hàng triệu người bị xúc động bởi chính sách mới về thông tin trong những năm của *perestroika*.

Nhờ sự kiểm duyệt ý thức hệ, chế độ đã trình bày cho công chúng Xô-Viết một thế giới méo mó mà gần như tất cả mọi khía cạnh được xem như là sự thật, từ các thành công của chương trình không gian Xô-Viết đến nạn thất nghiệp tại Hoa Kỳ, được trực tiếp hay gián tiếp nói đến để xác nhận ưu thế của hệ thống chế độ Xô-Viết.

Khi dân chúng Xô-Viết bắt đầu vứt bỏ những ảo ảnh đã áp đặt cho họ, chế độ Xô-Viết đã bị kết án bởi vì dân chúng Xô-Viết không thể bị vận dụng mãi mãi, mặc dù đó là hy vọng của những người cộng sản có xu hướng tự do. Một khi chế độ mất sự ủy nhiệm của niềm hạnh phúc thần tiên do kết quả của *glasnost*, cái quả lắc công luận không thể ngừng ở giữa quỷ đạo của nó được; nó còn bị bắt buộc phải tiếp tục di chuyển về phía đối cực.

Tuy nhiên, sự sụp đổ của thế giới giả tưởng không làm thay đổi những nét tâm lý căn bản của một dân tộc bị lệ thuộc trong

suốt bảy mươi năm vào một ý niệm sai lầm, và trong quá trình này, đã mất hết khả năng đánh giá hay thưởng thức được tính siêu nghiêm. Những nét tâm lý này gồm có cố gắng sống trong thế giới ảo tưởng, một xu hướng xem con người như một đồ vật có thể hoán đổi lẫn nhau và một khuynh hướng làm cho mọi người sống trong một mức độ bình đẳng với nhau.

Mặc dù đã càn quét Liên-Xô, những đổi thay này vẫn còn giữ được tánh cách toàn bộ cá tính dân tộc và đã được nhận thấy rõ trong nhiều thập niên, qua lăng kính nhiều màu sắc thay đổi của các biến chuyển chính trị cũng như phi chính trị.

**NÉT QUAN TRỌNG NHẤT** của người công dân Xô-Viết là sự cố gắng thoát ra khỏi thế giới hiện thực để sống trong một thế giới ảo tưởng.

Tháng Sáu năm 1980, sáu tháng sau cuộc xâm lăng Afghanistan, tôi [Satter] quyết định đi đến Shadrinsk, một thị trấn tám chục ngàn người, cách dãy núi Ural một trăm dặm về hướng Đông.

Dân chúng ở Moscow mà tôi được biết không tin lời tuyên bố của chánh quyền là sự can thiệp vào Afghanistan nhằm đáp lại "sự kêu gọi giúp đỡ", nhưng tôi nghĩ rằng thái độ dân chúng ở những "vùng điếc" có thể khác, những vùng rải rác khắp dãy đất mênh mông Âu-Á, nơi phần đông dân chúng Xô-Viết đang sống.

Tôi nghiên cứu mãi bản đồ tại văn phòng tôi để tìm một địa điểm đi đến; cuối cùng tôi chọn Shadrinsk, vì về mặt địa dư, nó ở gần trung tâm của đất Liên-Xô. Bill Schmidt của tuần báo *Newsweek* thuận cùng đi với tôi và chúng tôi mua hai vé hạng nhì của toa xe lửa tốc hành xuyên Siberia.

Tia nắng cuối chiều của mặt trời rơi qua cửa sổ của toa xe chúng tôi trong lúc xe lửa chạy qua các khu rừng và các bụi cây quanh Moscow, qua các nhà gỗ cũ kỹ của làng mạc và các đầm đong dân chúng miền quê đang đứng chờ xe trên sân các nhà ga ngoại ô.

Một hành khách, giáo viên hồi hưu cùng xe với chúng tôi cho biết ông ta đã chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa binh sĩ Nga và Hoa kỳ tại sông *Elbe* năm 1945. Ông ta nhắc lại các mối quan hệ thân thiện giữa hai quốc gia trong thời gian này.

"Chúng ta có thể vẫn thân thiện đến ngày hôm nay," ông ta nói, "nếu không có ông Churchill; năm 1946, trong lúc tôi đang chờ được giải ngũ, Churchill đã đọc một bài diễn văn tại Fulton về "Bức Màn Sắt". Họ hủy bỏ lệnh giải ngũ của tôi và tôi phải phục vụ thêm cả một năm nữa."

"Và ông thấy không," ông nói thêm, "chính là do lỗi của Churchill."

Rồi chúng tôi bắt đầu nói chuyện về đại hội thể thao *Olympics*, vấn đề gần như được sự chú ý của mọi người trong thời gian này, và tôi hỏi ông ta nghĩ sao về quyết định tẩy chay của Hoa kỳ, đã được Tổng Thống Carter tuyên bố.

"Thật là một điều xấu hổ khi phái đoàn của Hoa kỳ không tham dự," ông ta nói, "tôi hiểu rằng nó có liên quan đến vụ Afghanistan; nhưng đó là vấn đề chánh trị, và chánh trị không nên cho xen vào thể thao; đó là hai vấn đề riêng biệt."

"Như vậy là ông không tán thành quyết định tẩy chay?", tôi hỏi lại.

"Tôi rất tiếc cho các nhà thể thao, đã phí mất công phu tập luyện."

Chúng tôi bước ra hành lang toa xe và tiếp tục nói chuyện trong lúc xe chạy qua các cây bulô và các cánh đồng trống trải của oblast Moscow. Tôi ngần ngại đề cập đến vấn đề Afghanistan, nhưng khi thầy giáo hồi hưu này nói đến nó, tôi hỏi ông ta nghĩ sao về cuộc chiến tranh đang diễn ra ở đây.

"Chúng tôi chỉ giúp Afghanistan," ông ta nói, có vẻ như bối rối vì tính cách mâu thuẫn của luận cứ này, "đúng như người Hoa kỳ đã giúp chúng tôi trong Đệ Nhị Thế Chiến."

"Như vậy là ông không xem chiến tranh ở Afghanistan như là một cuộc xâm lăng?"

"Hoàn toàn không, đó chỉ là sự trợ giúp của Xô-Viết; nó rất chính thức, lời kêu gọi trợ giúp đã được đăng tải trên báo chí."

Ông giáo hồi hưu này trở lại căn phòng toa xe của chúng tôi, nhưng Schmidt và tôi vẫn còn ở ngoài hành lang trong vài giờ sau nhìn cảnh rừng và các cánh đồng. Chúng tôi cũng nói chuyện với nhiều người khác trong thời gian ba mươi chín tiếng đồng hồ trải qua trên xe lửa cho đến Shadrinsk, và hình như những cảm tưởng của ông giáo này cũng được gần như mọi người chia sẻ. Không một ai nghi ngờ - hoặc có vẻ nghi ngờ - cuộc xâm lăng của Xô-Viết là một sự "giúp đỡ anh em" đáp lại lời "kêu gọi trợ giúp" của chính phủ Karmal, mặc dù chính phủ này không hiện diện trong thời gian có lời kêu gọi giúp đỡ, một sự kiện rất rõ ràng mà mọi người đều biết.

Khi trời tối, một sự im lặng bao trùm toa xe. Nhân viên phục vụ đem các ly nước trà cho hành khách và tiếng nhạc do hệ thống phát thanh của xe cũng chấm dứt. Tiếng động duy nhất còn lại là tiếng lách cách của bánh xe trên đường rầy.

Có tin loan truyền có hai người Hoa kỳ trên xe và nhiều hành khách muốn trò chuyện cùng chúng tôi và đã đến căn phòng chúng tôi với các chai rượu vodka. Trong số này có một công nhân từ Arkhangelsk, một binh sĩ trẻ, một công nhân từ Leningrad và một viên chức từ Minsk. Các cuộc hội kiến này tạo cơ hội để thảo luận về vấn đề tẩy chay đại hội thể thao Olympics và cuộc xâm lăng Afghanistan.

Công nhân Leningrad nói, theo anh, "Tổng Thống Carter đang thử dọa dẫm Liên Xô, nhưng dù cho Carter có làm gì đi nữa thì nhân dân Xô-Viết cũng hoàn toàn ủng hộ quyết định trợ giúp chính phủ Karmal tại Afghanistan."

"Không phải tất cả công dân Xô-Viết đều đồng ý như vậy," tôi nói, "như ông Sakharov đã nói gì?, ông ta lên án cuộc xâm lăng và đã bị lưu đày."

Không khí trong căn phòng là không khí thân thiện và các hành khách rót rượu *vodka* cho chúng tôi uống, nhưng việc đề cập đến Sakharov đã gây một xúc động mạnh.

"Sakharov đã bị trừng phạt vì những lời nói của ông ta," ông giáo hồi hưu nói: "Liên-Xô là một nước dân chủ; ở đây người dân chỉ bị trừng phạt vì những hành động cụ thể; Sakharov

muốn thành lập một chánh phủ gồm những khoa học gia để ông ta cầm đầu."

"Đúng thế," một công nhân Leningrad nói, "Sakharov sống ở đây, nhưng làm việc chống lại quyền lợi của nhà nước; ông ta đã phải bị giam giữ cách đây rất lâu."

"Anh nghĩ có đúng không, khi giam giữ một người chỉ vì bất đồng ý kiến với mình?" Schmidt hỏi.

"Tại nước ông cũng có việc giống như thế," viên chức ở Minsk nói, "ông chỉ trích chúng tôi về vụ Sakharov nhưng nhìn lại xem việc gì xảy ra đối với Mohammad Ali, khi ông ta đứng dậy phản đối chiến tranh ở Việt Nam; người ta đã sẵn sàng bỏ tù ông ta."

"Tờ báo *Literaturnaya Gazeta*," ông giáo nói, "viết rằng Sakharov đã có nhận tiền của ngoại quốc để viết bài tuyên truyền chống Xô-Viết, chuyện này được viết ngay trên tờ *Literaturnaya Gazeta*."

Tôi hỏi ông giáo này có khi nào ông nghĩ, những gì viết trong báo chí Xô-Viết có thể là không đúng sự thật hay không.

"Làm sao mà nó không đúng sự thật?", ông nói, "họ không bóp méo các tin tức đâu; các tin tức có được tức khắc, người ta cho thấy các thông tin viên tại New York, Washington, London; tất cả là sự thật; ông không thể làm méo mó sự thật được."

"Có khi nào ông nghe được các đài phát thanh ngoại quốc không?", tôi hỏi.

"Cách đây năm hay sáu năm," ông ta nói, "dân chúng có nghe các đài Tiếng Nói Hoa kỳ và đài BBC (Anh Quốc) vì các đài này phát tin nhanh trong lúc các đài của chúng tôi chỉ phát tin tức sau hai hoặc ba ngày. Nhưng ngày nay thì các đài phát thanh của chúng tôi đã phát tin tức nhanh hơn đài VOA, do đó mà chúng tôi không còn chú trọng đến các đài ngoại quốc nữa."

Đến đây, công nhân Arkhangelsk, từ lâu không lên tiếng trong lúc những người khác đang tranh luận với nhau, liền nói:

"Họ viết những gì mà họ muốn ông đọc, họ cho biết ý kiến của họ, nhưng ông không thấy rằng họ cũng cho Sakharov cơ hội để tỏ bày ý kiến riêng của ông ta hay sao?"

Tôi sững sờ vì lối bình luận này, nó chứng tỏ một số lương tri vẫn còn tồn tại ở thôn quê Xô-Viết, nhưng không một ai phản ứng đối với nhận xét của công nhân này và anh ta tiếp tục im lặng.

"Nhưng các đài ngoại quốc nói gì?" tôi nói, "họ nói không có sự kêu gọi trợ giúp nào cả."

"Đầu tiên," ông giáo già nói sau khi có vẻ ngập ngừng, "có vài tiếng nói về cuộc chiến tại Afghanistan cho đó là một cuộc nội chiến. Ý niệm này có thể do các đài phát thanh ngoại quốc đưa ra; nhưng khi mà dân chúng không thấy có nạn nhân thiệt mạng hay bị thương tích và khi mà không ai biết có đám tang nào cả thì chúng tôi quả quyết đây không thể là một cuộc nội chiến; một cuộc nội chiến phải có nhiều nạn nhân."

Cuộc trao đổi tiếp tục, nhưng rõ ràng câu chuyện tại căn phòng của chúng tôi là một cuộc họp giữa hai thế giới khác nhau. Chúng tôi chuyển sang các đề tài khác, nhưng trong mỗi trường hợp, cố gắng truyền thông với nhau đã thất bại vì những người đối thoại với chúng tôi luôn luôn sẵn sàng xem "sự thật" của các lời tuyên bố của nhà cầm quyền là không thể cải lại được. Cũng có vài sự thông cảm nhau khi chúng tôi thảo luận các vấn đề thực tế - thí dụ, như về vấn đề giá cả hàng hóa và tiền lương của Tây Phương - nhưng hoàn toàn không có được sự đồng ý với nhau về một vấn đề nào có tính cách nhạy cảm hơn, thí dụ như các vấn đề lịch sử, chẳng hạn.

"Tại sao dân chúng Tây Phương lại ghét Stalin đến thế?", anh ở Leningrad hỏi.

"Vì ông ta đã giết hại hàng triệu người", tôi nói.

"Ông nói dân chúng bị giết," anh này nói, "nhưng có thể là cần phải làm như thế."

"Stalin sợ giai cấp tư sản, trưởng giả trong nước", ông giáo già nói.

Việc đề cập đến Stalin gây hứng cho anh binh sĩ trẻ tuổi, người đang đi đến Khabarovsk, đặt ra câu hỏi khác: "Tại sao Tây Phương lại gán cho chúng tôi sự giết hại tại khu rừng Katyn trong cuộc chiến tranh vừa qua?"

"Nhân xét của các chuyên viên Tây Phương," tôi trả lời, "là cuộc bắn giết này do cơ quan NKVD thi hành trong một vùng dưới quyền kiểm soát của Xô-Viết".

"Nhưng theo nhận xét của các chuyên viên Xô-Viết thì Katyn là vùng trách nhiệm của người Đức", ông giáo già nói.

"Tôi nghĩ, nó tùy thuộc vào người mà các ông muốn tin," tôi nói, "Stalin có mọi lý lẽ để tiêu diệt thành phần sĩ quan Ba-lan, và không ai ở Tây Phương còn nghi ngờ gì về việc làm này của ông ta cả".

Các hành khách viếng thăm chúng tôi trở về toa xe của họ và Schmidt, ông giáo hồi hưu và tôi thay đồ để đi ngủ trên giường riêng của mỗi người, trong lúc xe lửa đang chạy về hướng Đông dưới một bầu trời đầy sao sáng của mùa hè. Đến sáng hôm sau, chúng tôi đã bỏ xa Moscow và tiến sâu vào vùng trung châu đất Nga.

Đến buổi chiều ngày thứ hai chuyến đi của chúng tôi, tôi đang đứng trong hành lang toa xe với một binh sĩ trẻ mặc quân phục, cùng tôi ngắm nhìn cảnh vật địa phương đang bị lướt qua. Sau một lúc, chúng tôi trò chuyện với nhau và anh cho biết là đã phục vụ gần Alma-Ata, nhưng đã giải ngũ và đang trên đường trở về nhà ở Krasnoyarsk.

Tôi hỏi anh có biết ai đã chiến đấu ở Afghanistan. Anh trả lời là không một ai thuộc đơn vị anh đã được phái đến đó.

Chúng tôi nhìn nhau cửa xiêu vẹo của các làng mạc và không gian mênh mông bao la, những cánh đồng đang được cày bừa, trải rộng hằng dặm dưới bầu trời xanh lơ, và sau cùng tôi hỏi anh nghĩ gì về cuộc chiến tranh ở Afghanistan.

"Tôi tán thành sự hiện diện của quân đội chúng tôi tại Afghanistan," anh nói, "chúng tôi muốn nước này đi theo con đường đúng với một chính phủ xã hội và một nền công nghiệp tân tiến để nó có thể trở nên độc lập với các nước láng giềng như Trung Quốc và Pakistan".

Anh binh sĩ này vào khoảng hai mươi tuổi và có xương gò má cao rộng và cặp mắt hói lé.

"Nhưng nếu họ không muốn đi theo con đường đúng đó thì sao," tôi nói, "hoặc họ có thể có ý kiến khác về con đường đúng này?"

"Trong trường hợp này, chúng tôi cố gắng thuyết phục họ với nhiều gương mẫu", anh nói.

"Nhưng nếu không thể thuyết phục được họ thì làm sao?"

Binh sĩ này lắc đầu và mỉm cười một cách hoài nghi: "Tôi nghĩ rằng họ cũng muốn tiến bộ," anh nói, "họ mời chúng tôi đến."

#### XE LỬA VƯỢT QUA RẠNG NÚI URAL và ranh giới Âu - Á suốt trong đêm.

Khi chúng tôi thức dậy, chúng tôi đang chạy qua một vùng đồng bằng cỏ xanh nơi mà thị trấn chỉ là những dãy nhà cây xây cất cách khoảng đều nhau dọc theo chân trời. Phong cảnh gần như không thay đổi, cho đến sau vài giờ, chúng tôi đến gần các vùng ngoại ô Shadrinsk.

Shadrinsk là một thị trấn buôn bán có từ thế kỷ thứ mười chín, đã trở thành một trung tâm công nông nghiệp nhỏ. Trong lúc xe chạy gần đến thị trấn, chúng tôi đi qua các lều cây có trồng cây bông hình chuông lá dài trong sân, cùng nhiều nhà xây kiên cố với các bao lợn sắt rỉ sét. Đường rầy không được sử dụng dọc theo cạnh đáy mọc lên những nhóm cây bông cúc, và nhiều dây chuyền thóc lúa cao đã rỉ sét dưới ánh nắng mặt trời.

Trong lúc tàu chạy vào thị trấn, qua vài nhà máy, và dừng lại trước nhà ga một tầng lầu.

SCHMIDT VÀ TÔI được một bà, người của hội đồng thị xã đón ở sân ga và đưa chúng tôi đến khách sạn Ural, chúng tôi ghi danh lấy phòng.

Chúng tôi mở hành lý, sắp xếp nhanh chóng và rời khách sạn. Chúng tôi đi tìm xem có ai quen ở Shadrinsk hay không; trong lúc dừng chân để hỏi chuyện dân chúng trên đường phố,

chúng tôi được biết là việc chúng tôi sắp đến đây đã được thông báo cho tất cả nhà máy và trường học của thị trấn. Chúng tôi quyết định lợi dụng cơ hội này để làm quen với càng nhiều người càng tốt.

Đây là một ngày trời không mây và buổi chiều mặt trời chiếu sáng nóng bức trên quảng trường trung tâm không một bóng cây. Nhiều cô gái không công việc ngồi trên các ghế dài quanh dài kỷ niệm chiến tranh. Tại rạp Chiếu Bóng Tỏ Quốc ngay bên kia con đường chính, một phim mới được trình quảng cáo với tựa *From Your Love One, Don't Be Parted* (Với Người Yêu, không nên chia cách). Bên các con đường cạnh, nhiều bà già đang tò mò nhìn qua cửa sổ của những căn nhà gỗ siêu vẹo dưới hằng thế kỷ mưa và tuyết phủ.

Chúng tôi đi vào các con đường cạnh và cuối cùng đến bên bờ một con sông. Cỏ mọc dọc theo bờ sông có một màu xanh mướt dưới ánh nắng chiều. Dưới bầu trời xanh gọn mây, nhiều bà già da mặt nhăn nheo ngồi trên bậc thềm trước cửa các nhà gỗ. Hai cảnh sát viên đang cảnh cáo một trẻ em không nên bẻ các cành cây các bụi cây rậm. Xa xa, một phụ nữ mặc áo bông đang giặt quần áo trong một cái thùng; tiếng chim ríu rít pha lẫn tiếng tung toé nước của các cô gái đang nô đùa và lội từ một bãi sinh bờ sông đến một hòn đất đầy cỏ mọc.

Điều gây ấn tượng mạnh nhất cho tôi ở Shadrinsk là tính cách khác thường của địa phương với một thế gian hiện hữu, và cũng không có chút ý nghĩ gì đến chiến sự ở Afghanistan cả. Từ bờ sông, chúng tôi đi trở lại hướng khách sạn. Dân chúng quanh đây chào hỏi cúi đầu và vẫy tay một cách thân thiện với chúng tôi, nhưng hình như họ không có một ý nghĩ gì về lý do hiện diện của chúng tôi tại đây. Chúng tôi đến một cửa hiệu bán vật lưu niệm; hai cô bán hàng đỏ mặt vì thẹn khi nhìn thấy chúng tôi, một cô đứng núp sau lưng cô kia. Đối với dân chúng ở Shadrinsk, hình như sự hiện diện của chúng tôi có liên quan nhiều đến đời sống hằng ngày của họ như một cuộc viếng thăm của người từ một hành tinh khác vậy.

Trong lúc chúng tôi trở lại quảng trường trung tâm thị trấn, trời trở lạnh thêm. Các ghế dài quanh đài kỷ niệm chiến tranh gần như không có ai ngồi cả. Tại khách sạn, chúng tôi vào nhà hàng ăn và ngồi vào bàn. Ban nhạc đang chuẩn bị và bắt đầu nổi lên. Khách cũng bắt đầu ra sân nhảy và trước mặt chúng tôi là một dãy người dân địa phương.

Một sĩ quan Hồng Quân béo lùn có bộ chân mày rậm và mắt tròn đen nhảy với cô gái to béo trong bộ áo đen trắng với các chấm bông tròn. Một sĩ quan khác, tóc thưa, cằm bẹt, nhảy với một bà tóc đen mướt có bộ móng to, cao hơn 1,8m. Một người Georgia bộ tóc mai để dài, gầy guộc nhảy với một bà tóc nhuộm vàng lổ chỗ, trong bộ quần áo jeans, và một người đàn ông mặt đỏ hồng hào, với bộ tóc vàng chải sáp, mặc áo sơ mi thể thao xanh đưa bụng to, nhảy với một cô gái to béo, tóc đỏ, môi son đỏ chói và răng vàng.

Trong lúc ban nhạc gia tăng cường độ, những người nhảy đều tùy hứng mà ứng biến. Người nhảy nhấp nhô, người lắc lư thân thể, người như chạy tai chổ, người đặt tay vào mông của bạn nhảy, người cố ôm sát, nhưng bị bạn nhảy đẩy ra. Hai bạn trai trẻ nhảy với nhau. Nhiều bà mập béo lắc mông.

Những người say nhảy lâu, nhảy điên cuồng theo tiếng nhạc điện tử điếc tai, làm không nói chuyện được vì tiếng vọng lại của các tường nhà.

Hầu như hết cả đêm nay, Bill và tôi bị cô lập. Các cô gái hầu bàn, vì biết chúng tôi là ai, đã xua đuổi những ai muốn đến ngồi gần chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi lại được một vài công nhân của nhà máy sản xuất bộ phận rời xe hơi ở Shadrinsk mời đến bàn họ, và chúng tôi bắt đầu nói chuyện chánh trị với họ.

Một trong số công nhân này có anh tên Volodya hỏi chúng tôi tại sao người Hoa kỳ không đến dự Đại Hội Thể Vận Moscow. Tôi nêu vấn đề xâm lăng Afghanistan.

"Ông nói về xâm lăng Afghanistan," anh này nói, "nhưng đây không phải là xâm lăng; chúng tôi chỉ muốn giúp đỡ mà thôi; sự thật thì chúng tôi, người Nga sẵn sàng giúp bất cứ nước nào; chúng tôi giúp Cambodia, nơi mà những người theo chủ nghĩa

Mao đã can tội diệt chủng. Bao nhiêu người đã chết ở đây? ba triệu? nghe nói đến là tóc ông dựng đứng; chúng tôi đã giúp Việt Nam và chúng tôi sẵn sàng giúp bất cứ ai."

"Tôi nghĩ, thể thao và chính trị phải được tách rời ra," một công nhân thứ hai cùng tên Volodya nói, "chúng tôi biết tất cả về Afghanistan; nước này là láng giềng phía nam của chúng tôi; họ kêu gọi chúng tôi giúp đỡ chó không kêu gọi Hoa Kỳ; nhưng đây là vấn đề khác, vấn đề chính trị; tôi đặt một vòng rào cho vấn đề này; thể thao là một vấn đề, chính trị là một việc khác; chúng ta phải nói như thế này: 'được rồi, chúng ta có những bất đồng, nhưng ít nhất, chúng ta có thể tranh tài với nhau...'"

"Nếu tôi có ổ bánh mì cuối cùng mà ông cần đến," Volodya thứ nhất nói, "tôi sẽ cắt cho ông phân nửa; tôi không cần biết ông là người Anh, Hoa Kỳ, Việt Nam, Do Thái; tôi không cần biết ông là ai; chúng ta đều là người dân với nhau; tôi tin chắc là chúng tôi đến Afghanistan chỉ thuần túy vì lý do nhân đạo, nhằm giúp đỡ kẻ khác".

Cuộc hội kiến này tạo sắc thái cho chuyến đi viếng Shadrinsk của chúng tôi. Trong thời gian ở tại thị xã này, Schmidt và tôi gần như không tìm được một người không tán thành cuộc xâm lăng Afghanistan. Tờ báo địa phương, *Shadrinsk Rabochy* và tờ báo vùng, *Zauralskaya Pravda*, trang tin tức, phần lớn dành để tường thuật việc thu hoạch mùa màng hoặc tình trạng biếng nhác hay bỏ việc tại các nhà máy, các báo chí toàn quốc và truyền hình thì mô tả cuộc xâm lăng như một sự "giúp đỡ anh em". Kết quả là tại thị trấn cô lập Shadrinsk, tuyên truyền trở thành sự thật.

Sáng ngày thứ nhì, chúng tôi gặp Leonid Dmitriev, người cầm đầu *Komsomol* và trong nhiều giờ, anh đã cung cấp cho chúng tôi nhiều tin tức xác thực. Anh cho biết Shadrinsk có tất cả sáu nhà thương, bảy mươi lăm hiệu tạp hóa bán lẻ, bốn mươi lăm tiệm cà-phê, bốn ngàn xe hơi riêng, tám trăm đám cưới...

Khi chúng tôi hỏi dân chúng Shadrinsk phản ứng thế nào đối với cuộc xâm lăng Afghanistan, anh nói anh không thể luận bàn gì về các lãnh vực ngoài trách nhiệm của anh.

"Nhưng chắc anh cũng có nghe được cái gì đó", tôi nói.

"Phải," cuối cùng anh đáp, "thái độ của dân chúng không có gì bí mật cả; chúng tôi ủng hộ các chính sách của Ủy Ban Trung Ương".

Đến giờ ăn trưa tại nhà hàng khách sạn, chúng tôi được một người đến ăn cùng bàn, một công nhân xây cất lực lưỡng và cắt tóc ngắn. "Các ông, người Hoa kỳ rất thông minh, tài giỏi," anh nói "trời ơi, mấy ông rất tài giỏi; mấy ông đến đây để hỏi về vấn đề Afghanistan; và đã có bao nhiêu nước có mặt của quân đội các ông? Bao nhiêu căn cứ bao quanh toàn thể Liên-Xô? Afghanistan là nước láng giềng phía Nam của chúng tôi; các ông nên nhớ như thế; chúng tôi giúp Afghanistan cũng như các ông giúp Tây Ban Nha trong cuộc nội chiến tại nước này, để giữ cho chiến tranh không lan rộng mà thôi; trường hợp các ông muốn chú trọng đến vấn đề, tất cả mọi người ở đây đều ủng hộ chính phủ."

Sự thật là cảm tưởng đồng thuận ở Shadrinsk có thể là gần như của đa số áp đảo, không có một tiếng nói hoặc sự kiện bất đồng nào đã xảy ra cả.

Buổi chiều hôm ấy, Bill và tôi đi bộ và đến một nhà thờ bỏ hoang bao quanh là các dàn xây cất gãy đổ vì thời tiết, chỉ trừ cái tháp chuông màu đỏ và cái vòm màu vàng với cây thánh giá. Nhiều con quạ đã làm ổ trên các ô kính cửa sổ và một nhóm trẻ em đang chạy giỡn, nô đùa dưới các dàn xây dựng trong và ngoài nhà thờ thì trống rỗng. Trong sân nhà thờ, một người già đổ cát vào những thùng xô. Tôi đến gần ông ta và tìm cách nói chuyện, tôi hỏi ông chắc công việc trùng tu nhà thờ đang được thực hiện. Ông cười và nói: "Nhà nước còn nhiều mục tiêu quan trọng hơn là việc sửa sang lại các nhà thờ".

"Đầu tiên họ phá hủy các nhà thờ, giờ đây họ đang trùng tu lại," ông nói, "tôi nhớ cách họ phá hủy nhà thờ này; họ làm nổ các vách tường và đốt cháy các tượng thánh; sau đó lấy bạc và vàng mà họ cho rằng họ đang cần các kim loại này cho công nghiệp".

Tôi cố tiếp tục câu chuyện, nhưng ông ta bỏ cái xéng xuống và xách xô đi qua một đám cỏ cao đến một bãi đất gần đó, không cần biết sự hiện diện của chúng tôi.

Câu chuyện với ông già này là câu chuyện duy nhất mà tôi được nghe chính một cư dân Shadrinsk tỏ bày quan điểm xác thực một cách tự do. Khắp nơi khác, là một ao tù nước đọng đầy lừa dối, ảo tưởng yên lặng, nơi mà tất cả tin tức chỉ đến được tai dân chúng sau khi phải được gạn lọc qua một màn luối dối trá.

Trong đêm ấy tại phòng ngủ, chúng tôi mở đài phát thanh BBC nói tiếng Nga với máy thu thanh sóng ngắn của tôi và nhận được tiếng nói rõ ràng. Nghe các bài tường thuật, tôi tự hỏi tại sao các đài phát thanh ngoại quốc hình như không có mấy hiệu quả. Tôi đi đến kết luận là tin tức xác thực không có tính cách thuyết phục, một phần là vì dân chúng ít có cơ hội hành động với kết quả của các tin tức này. Như với vấn đề Afghanistan, những gì do đài BBC phát đi đã trực tiếp mâu thuẫn với sự giải thích tình hình của các nguồn tin Xô-Viết. Do đó có thể nó đã thực sự cung cấp đường lối của chánh quyền bằng cách cưỡng ép dân chúng như ở thị trấn Shadrinsk chẳng hạn, xác định sự tin tưởng của họ đối với chế độ, giản dị là để tự bảo đảm là thế giới trong đó họ đang sống không phải là một thế giới vô lý hay lố bịch.

Sáng hôm sau, tôi ra đi tản bộ rất sớm. Một lớp sương mù mỏng bao phủ đường phố, nhà cửa và các ghế dài ướt đẫm vì sương. Tôi nghĩ tôi đã nhận thấy trái tim đang đập của Liên-Xô, đó là một nơi cách xa các xã hội Moscow hay Leningrad, một nơi hoàn toàn cô lập mà một hệ thống kiểm soát tin tức vô cùng chặt chẽ đã mang lại kết quả mong muốn.

Sau cùng, tôi vào một cửa hàng sách duy nhất ở Shadrinsk tại quảng trường trung tâm thị trấn. Chủ cửa hiệu là một phụ nữ nhỏ người, vẻ yếu đuối, bắt đầu hỏi tôi về đời sống ở Hoa Kỳ, và trước sự ngạc nhiên của tôi, bà này càng tỏ ra mê li với những câu trả lời thường lệ của tôi và có vẻ như bị xúc động bởi ý nghĩ có thể có tình hữu nghị giữa Hoa Kỳ và Liên-Xô với sự xuất hiện của một nhà báo Hoa Kỳ tại Shadrinsk.

Buổi chiều, tôi đi loanh quanh vô định, và đến đêm, Bill cùng tôi đến một sàn nhảy ngoài trời ở rìa thị trấn và nói chuyện cùng với những thanh thiếu niên đang tụ họp tại đây.

Địa điểm được các đèn pha chiếu sáng dưới tàn các cây liễu rũ. Không xa đấy là một cái ao nước. Ban nhạc chơi thật to tiếng nhưng không hòa âm gì cả. Chúng tôi được mời nhảy và Bill đã hỏi bạn nhảy của tôi, một cô gái bán hàng mười chín tuổi, có phải cô ta thích y phục jeans và nhạc của Tây Phương có nghĩa là cô không thích Liên-Xô phải không.

"Không," cô ta nhấn mạnh, "tôi yêu mến Liên-Xô".

Bầu trời mènh mong Âu-Á đầy sao và tôi có cảm tưởng có một vị *thần lừa gạt* đã ngự trị tại cái thành phố bị bỏ quên này, nơi bất chấp mọi *lôgic* [hợp lý] và dân chúng bị tràn ngập bởi cái cảm giác đang tham gia vào quá trình tiến bộ lịch sử làm cho họ có cảm tưởng đang lặng lẽ cùng nhau đi đều bước.

Ngày cuối cùng, Schmidt và tôi đi đến công viên thành phố. Tình cờ chúng tôi được nói chuyện với vài người trước khi trao đổi thân mật với Oleg, một công nhân làm việc tại một nhà máy địa phương sản xuất thiết bị điện thoại.

Hôm ấy là một ngày nắng, ẩm ướt, chúng tôi cùng Oleg ngồi trên một vọng lâu cũ kỹ không sơn phết gì cả. Oleg cho biết là anh đến Shadrinsk năm 1968, và điều này làm tôi hỏi ngay anh dân chúng Shadrinsk phản ứng thế nào về cuộc xâm lăng Tiệp khắc.

"Mọi người đều tán thành việc này," anh nói, "chúng tôi vẫn là bạn của những người Tiệp và đã có lời kêu gọi giúp đỡ của chính phủ Tiệp."

Bill hỏi Oleg có biết gì về thái độ của dân chúng đối với cuộc xâm lăng Hungary năm 1956.

"Tôi nghĩ, có sự lẩn lộn về nhận định tại sao nó là một cuộc cách mạng, nhưng dân chúng tin đây là một tranh đấu giành quyền hành do những người thiên hữu chủ trương mà chúng tôi phải tiêu diệt."

Chúng tôi từ giả Oleg sau khi đã hẹn gặp lại nhau vào buổi tối tại khách sạn và chúng tôi tiếp tục đi đến công viên thành phố.

Tầng cây dày đặc dường như thu hút được sức nóng và không khí công viên có đầy ruồi. Cha mẹ đang đẩy xe cho con, các phụ nữ nắm tay nhau đi. Ánh nắng chói chang đưa bóng cây rậm rạp lên các hè đường phố, cành và lá cây tạo thành các vòm che kín các con đường mòn quanh co bụi bặm. Có nhiều người mặc quân phục, và người ta dễ tưởng tượng được tiềm năng của một quân đội gồm dân chúng như ở Shadrinsk, đang tham gia chiến đấu, tin tưởng vào lý do cao đẹp của mình, nhưng không có một ý niệm thực tế nào về sự chiến đấu cho cái gì.

Đêm nay, tại nhà hàng khách sạn, chúng tôi gặp lại Oleg tại bàn anh cùng với vài người bạn của anh.

Sau khi nâng ly chúc mừng "hòa bình" và "hữu nghị", Oleg tỏ vẻ cảm động.

"Xin hãy nói với Carter," anh nói, "là người Nga không muốn chiến tranh; nói với ông ấy rằng chúng tôi biết chiến đấu như thế nào, nhưng chúng tôi không muốn chiến đấu."

Anh uống cạn một ly vodka và đọc lên bài thơ của Yevtushenko "Có phải người Nga muốn chiến tranh không?". Khi gần hết bài thơ, Oleg la lớn câu thơ chót: "**NGƯỜI NGA KHÔNG MUỐN CHIẾN TRANH, NGƯỜI NGA KHÔNG MUỐN CHIẾN TRANH, NGƯỜI NGA KHÔNG MUỐN CHIẾN TRANH.**"

Vitya bạn của Oleg ngưng câu chuyện và nói, tình hình Afghanistan chứng minh rằng Liên-Xô không bao giờ bỏ rơi một người bạn.

Tôi hỏi Vitya anh có băn khoăn, lo lắng gì về sự kiện Liên-Xô tuyên bố đang giúp đỡ chính phủ Afghanistan trong lúc Tổng Thống nước này là Hafizullah Amin đã bị các lực lượng Xô-Viết giết chết ngay sau khi họ đến đấy. Vitya không trả lời và tôi có cảm tưởng là vấn đề này mới bắt chợt được nêu lên cho anh.

"Có thể là ở đấy đã có hai chính phủ," anh ngầm nghĩ rồi nói, "một chính phủ được lòng dân và một chính phủ thì không;

chúng tôi ủng hộ chánh phủ được dân chúng ủng hộ là chánh phủ của Babrak Karmal; chúng tôi không có tất cả tin tức, cũng như không thấy được những cao điểm của chánh sách; chúng tôi chỉ thấy được những gì chúng tôi được biết, nhưng chúng tôi biết đủ để có một nhận định."

**CỐ GẮNG CỦA NGƯỜI DÂN** sống trong một thế giới ảo ảnh đã được các bạn Xô-Viết của tôi chứng kiến. Một người bạn như thế là Adolph Muhlberg, người đã chịu đựng sự huyền hoặc này kéo dài đến ba mươi năm rồi.

Muhlberg ra đời tại Latvia năm 1931, đến năm 1939 anh và mẹ anh di cư sang Đức, đi theo đoàn di cư Volksdeutsch người Latvia gốc Đức để trở lại nước Đức, lúc ấy gọi là *Reich*. Sau chiến tranh, anh sống ở hạt Ruhr, nhưng thường bỏ nhà ra đi để cố tìm việc làm trên một chiếc tàu. Cuối cùng, anh bị bỏ vào trường cải huấn, nhưng anh lại bỏ đi lần nữa và bắt đầu đi khắp Âu châu. Trong một chiều trời nắng năm 1948, Muhlberg đến một sân ga xe lửa tại Khu Rừng Đen, nơi đây anh gặp một người dân Xô-Viết cũng đang đợi xe.

Ba mươi năm sau, Muhlberg không còn nhớ gì về người lạ này nữa, tên họ và hình ảnh, chỉ nhớ là người ấy là người Nga hay người Belorussia vào khoảng bốn mươi tuổi. Tuy nhiên, cuộc gặp gỡ này đã thay đổi tiến trình đời sống của Muhlberg. Muhlberg nói với người lạ này là anh muốn trở thành một thủy thủ và người này đề nghị anh nên đi Liên-Xô. Ông ta nói Liên-Xô là một thiên đường và anh có thể làm việc trên bất cứ một chiếc tàu nào anh muốn. Sau ba mươi năm kinh nghiệm Xô-Viết, Muhlberg nhận thấy là người lạ mặt này lúc ấy không nói dối. Ông này chỉ đơn thuần lý tưởng hóa các điều kiện đời sống Xô-Viết đến độ mà ông ta tin rằng những lời nói của mình là sự thật. Ông ta hướng dẫn Muhlberg đến phái bộ quân sự Xô-Viết ở Baden Baden và bảy tuần lễ sau, trong lúc không biết gì về nước và nơi mình sắp đến là nơi nào, Muhlberg được đưa lên xe lửa cùng với nhiều người hồi hương Xô-Viết khác.

Muhlberg chờ đợi từ lâu để trốn khỏi tình trạng thê thảm thời hậu chiến của nước Đức, nhưng mặc dù có ý đồ mãnh liệt như thế, anh đã vẫn không chuẩn bị tư tưởng để đến một nơi mà dân chúng đã sống trong một thế giới thần thoại.

Anh được đưa đến một trại hồi hương gần Grodno và từ đó được đưa lên xe lửa đi Riga; nơi đây anh nhận thấy lần đầu tiên được tiếp cận với một thế giới tâm thần xa lạ.

Trong lúc xe đang chạy qua các địa phương, Muhlberg nghe lóm được câu chuyện của hai nông dân nông trường tập thể. Một người nói: "Tại nông trường chúng tôi, mọi việc đều thuộc về chủ tịch; nếu được một người tốt, thì có giày ống da mà dân chúng được mua sắm." Muhlberg lấy làm khó hiểu với lời nói này. Tại nước Đức, dân chúng cũng nghèo, nhưng họ xem tình trạng nghèo khó này là tạm thời, một kết quả tàn phá của chiến tranh. Ý nghĩ dân chúng mơ ước một nông trường tập thể được quản lý tốt đù để nông dân có tiền mua giày ống, làm anh nhận thấy rất lạ lùng. Nông dân nông trường tập thể kia nói: "Tại nông trường tôi, tình hình tốt, năm nay tôi muối được một thùng dưa chuột và cải bắp". Tiết lộ này càng làm Muhlberg ngạc nhiên hơn nữa. Nếu có khả năng muối một thùng cải bắp và dưa chuột là "tốt", thì đâu là tiêu chuẩn?

Anh đến Riga và lập tức đi ngay đến Liepa'ja, nơi anh đã trải qua thời niên thiếu trước chiến tranh. Anh có nhiều kỷ niệm vui ở Liepa'ja và vì vậy, anh sảng sốt trước sự thay đổi của thành phố. Bến tàu thì bị niêm phong cô lập sau những bức tường xi-măng trên có giăng giây kẽm gai và có lính biên phòng canh gác. Báo chí Latvia cảnh giác chống "kẻ phá hoại" và các cây cầu thì đều được bảo vệ. Tại Đức, cầu không có canh gác, ngay cả khi đang có chiến tranh.

Tại Liepa'ja, các viên chức địa phương gởi Muhlberg trở lại Riga; nơi đây lại được thấy một thí dụ khác về tâm tính người Xô-Viết. Anh được cho biết là anh không thể nhập tịch Xô-Viết vì anh chưa từ bỏ quốc tịch Latvia của anh năm 1939. Khi anh nói anh không cần đến vấn đề quốc tịch, mà chỉ cần làm một thủy thủ, các viên chức nói rằng anh không thể làm thủy thủ

nếu anh là một người vô tổ quốc. Họ cũng cho anh biết là anh không thể rời bỏ nước này và đề nghị anh nên đến cư trú tại Daugavpils, cách bờ biển 150 dặm.

Muhlberg lúc ấy chỉ có mươi bảy tuổi, nhưng anh bắt đầu hiểu được là đi đến Liên-Xô là một sự sai lầm. Đầu tiên anh đến Daugavpils và đến Kurtspils; nơi đây, anh nhận việc coi một máy xay gió. Tuy nhiên, tiền lương không đủ sống, thất vọng, anh rời Kurtspils đi Moscow, hy vọng đi bằng xe lửa.

Năm 1949, tại Moscow không có tòa đại sứ Đức và Muhlberg phải nhờ sự can thiệp của tòa đại sứ nước Áo. Vì anh nói tiếng Nga rất kém, anh được gởi đến tòa đại sứ Úc. Anh nhận chuông và một viên cảnh sát bước đến giữa anh và cánh cửa. Anh bị bắt và bị đưa đến Lubyanka<sup>1</sup>; nơi đây, anh bị tra hỏi trước khi bị gởi trả lại Latvia. Sáu tuần lễ sau, anh lại bị bắt lần nữa và bị kết án mười tám tháng tù vì tội vị phạm luật không có sổ thông hành. Trong khoảng không đầy hai năm, sau khi đến Liên-Xô, anh đã bị tù.

Muhlberg được trả tự do đầu thập niên 1950. Một khi ra khỏi tù, anh đi đến oblast Odessa; nơi đây, anh đến làm việc tại một nông trường tập thể và được xem dân chúng sống thế nào trong một thế giới ảo ảnh.

Trong thập niên 1950, một nông dân nông trường tập thể không được phép rời bỏ nông trường trừ phi được tất cả hội viên bỏ phiếu đồng thuận. Khi Muhlberg nói với nông dân, như vậy có nghĩa họ là những người nô lệ, họ trả lời đây là một "kolkhoz<sup>2</sup> dân chủ" và họ là "dân tự do nhất trên thế giới".

VÀO THỜI GIAN tôi được gặp Adolph Muhlberg vào đầu thập niên 1980, anh đang sống với một người vợ Nga và ba con tại làng Berendeevo ở oblast Yaroslavl. Một thời gian ngắn sau đó,

<sup>1</sup> Lubyanka: Trụ sở cơ quan mật vụ Xô-Viết.

<sup>2</sup> Kolkhoz: Hợp tác xã nông nghiệp (khác với Sovkhoz là nông trường tập thể do nhà nước quản lý và trả lương cho nông dân canh tác.)

anh bị một cơn đau tim và cùng gia đình di chuyển đến Moscow, dự tính ở lâu tại một căn phòng ở đại lộ Zubovsky.

Thời gian này cũng là lúc Muhlberg trở về Đức để bắt đầu xem tình trạng thực tế ra sao. Toà đại sứ Tây Đức đồng ý bênh vực cho quốc tịch Tây Đức của anh, và với tinh thần này, anh bắt đầu tìm những người ly khai và những người ngoại quốc tại Moscow. Đồng thời, anh tiếp tục có nhiều cuộc gặp gỡ với người dân thường, và tôi nhờ anh ghi lại những kinh nghiệm mà anh có được với tính cách là một người đã ở nước ngoài.

Các kinh nghiệm của Muhlberg trong thời gian này rất tiêu biểu cho đời sống của anh tại Liên-Xô.

**NGÀY CHIẾN THẮNG** [9 Tháng 5], 1981, Adolph Muhlberg bị một cơn đau tim thứ nhì và phải nằm bệnh viện số 51. Cùng với anh tại phòng bệnh chung có tám bệnh nhân khác nhận thấy anh có tên "Adolph" nên rất chú ý đến quá trình của anh.

Một bệnh nhân, nhân dịp ngày lễ, quyết định tìm cách nói chuyện với Muhlberg.

"Anh có yêu mến Hitler không?" bệnh nhân này hỏi.

Muhlberg cảm thấy vô cùng chán nản. Câu hỏi này vượt quá sự chịu đựng của anh để trả lời. Nhưng vì nhận thấy có sự chú ý đến vấn đề, anh buộc lòng phải trả lời.

"Hitler là một người độc tài," Muhlberg nói, "độc tài chuyên chế, và lẽ dĩ nhiên, tôi không thể có cảm tưởng gì khác hơn là căm ghét ông ta."

"Và đối với Stalin thì sao?" một người Georgia nằm kế bên giường anh hỏi, "anh có yêu mến Stalin không?"

"Tại buổi họp khoáng đại Tháng Ba 1956," Muhlberg nói, "và tôi cần xác định thêm, là Đại Hội Đảng Thứ Hai Mươi Mốt và Thứ Hai Mươi Hai, tất cả những gì cần nói về Stalin đã được nói rồi. Anh là một đảng viên. Tôi chỉ là một người thường. Anh chắc có thể tự biết những gì đã nói về Stalin rồi."

Lời nói này gây kích động trong phòng bệnh và các bệnh nhân nổi giận vì bị một người với cái tên "Adolph" lén lút.

"Anh biết gì về đại hội? Anh đã có ở đấy không?"

Rồi vài người bắt đầu chửi bới "tên điên khùng Khrushchev".

"Cái rắc rối là," Muhlberg nói để cố giải thích quan điểm của mình, "tìm sự tiến bộ thật sự cho nước này mà các anh phải lùi trở lại hai mươi năm."

"Chuyện bậy bạ," một người Nga nói, "Stalin không làm gì sai cả; sự thật ông ta chỉ có mỗi một lỗi là ông ta đã không cho phép Zhukov tiến xa hơn nữa. Zhukov có thể sẽ tiến đến bờ Đại tây dương và cả Âu châu cũng đã trở thành Xô-Viết hết cả rồi."

"Đúng vậy," một người khác nói, "chính đó là lỗi của Stalin; Tây Đức sẽ không thể đe dọa chúng ta được."

Muhlberg, nằm trên giường giữa những người khác, nhận thấy không thể dễ dàng tách mình ra khỏi câu chuyện với họ.

"Các anh có biết rằng," anh vừa nói vừa ngóc dậy dựa trên hai khuỷu tay, "bơ không đến với các anh từ Cộng Hòa Dân Chủ Đông Đức mà chỉ từ Tây Đức; nếu các anh chiếm Tây Đức, bơ sẽ không bao giờ đến đây được; tôi cũng thấy gà của Tây Đức tại các cửa hàng thực phẩm; các anh cũng sẽ không có nó; sự thật thì các anh không thắng trận; Tây Đức mới là nước thắng trận."

Muhlberg ngạc nhiên vì không thấy ai phản đối những lời lẽ của anh cả. Các bệnh nhân khác đều im lặng trong lúc có vẻ rất chú ý nghe.

"Sau chiến tranh," anh nói tiếp, "Tây Đức hầu như hoàn toàn tan nát; ngày nay đang có gần bảy chục triệu người và hai mươi lăm triệu xe hơi; như vậy có nghĩa là cứ mỗi ba người có một chiếc xe hơi; bảy mươi lăm phần trăm dân chúng đi nghỉ hè ở ngoại quốc; sáu chục phần trăm cân nặng hơn bình thường; và nếu họ thành lập các nông trường tập thể, thì chắc không thể có hoàn cảnh này."

Anh tiếp tục kể các tin tức khác về tiêu chuẩn sống ở Tây Đức, và khi một bệnh nhân có điện thoại gọi, Muhlberg nghe anh nói: "Anh chúc mừng tôi nhân Ngày chiến thắng, nhưng anh nên chúc mừng cho người Tây Đức."

Tuy nhiên, một thời gian sau, có một trong số người viếng thăm anh được bác sĩ săn sóc anh cho biết, có vài bệnh nhân than phiền Muhlberg đang tuyên truyền chống Xô-Viết. Bác sĩ này nói có thể cần phải xem Muhlberg có mắc bệnh tâm thần hay không. Đây là tất cả những gì mà Muhlberg cần nghe. Và mặc dù còn đang mặc áo bệnh viện và đang trong thời kỳ hồi phục vì cơn đau tim, anh đã bỏ trốn khỏi nhà thương bằng xe tắc-xi, chỉ trở lại vài ngày sau để lấy lại quần áo và đồ đạc riêng.

**VÀO MỘT BUỔI SÁNG** chủ nhật êm á, Adolph Muhlberg và đứa con trai anh đi mua bánh mì tại một cửa hàng trên đại lộ Zubovsky. Trong lúc xếp hàng chờ trả tiền mua bánh mì, Muhlberg để ý đến một người sói đầu khoảng sáu mươi tuổi hình như đang quan sát anh.

Họ rời khỏi cửa hàng và đi ra đường dưới trời nắng chói chang. Trong lúc đang đứng đợi đèn xanh để đi qua đường, trước nhà thờ Nicolai v Khamovnikakh, Muhlberg thấy người trong cửa hàng trước đây đang đứng gần anh.

"Thật tôi không hiểu," người này nói, "tất cả cái gì cũng được dành cho người trẻ tuổi; tất cả mọi người cũng muốn được còn trẻ, nhưng anh lại để râu quai hàm và cố làm cho mình thêm già".

"Hãy nhìn cái vòm tròn phết vàng của nhà thờ này," Muhlberg day qua nói với người này, "đây là một nước Nga xưa đang trở nên trẻ lại; người trẻ đang bắt đầu được biết những gì xảy ra trước đây ở nơi này."

"Anh có đức tin không?" người già này hỏi.

"Tôi không phải là một tín đồ," Muhlberg nói, "nhưng tôi căm ghét việc người ta khùng bối, ngược đãi những người có đạo."

"Từ đâu mà anh có ý nghĩ những người có đạo bị khùng bối?" ông này hỏi; "ở đây tất cả đều công khai."

"Tôi có ý nghĩ tôn giáo bị khùng bối vì nó đã xảy ra."

"Đã có cuộc chiến tranh ghê gớm như thế, nhiều người bị giết," người già nói, "ở đây chúng tôi chủ trương hòa bình, hạnh phúc, mà anh lại nói là chúng tôi khủng bố, ngược đãi."

"Sự thật đã có một cuộc chiến tranh khủng khiếp và đó là chủ nghĩa phát xít; tôi hiểu đó có thể là một cái gì vô cùng xấu xa; nhưng xét lại sự thật, ông cho là phát xít giết hại hàng triệu người, nhưng người *bôn-sơ-vích* đã giết hại sáu chục triệu người."

Hai người và con của Muhlberg đi qua đường giữa hai vạch trăng dành cho người đi bộ trên đường Komsomolsky Prospekt.

"Tôi là một giáo sư già ở học viện quân sự cao cấp," người già nói, "anh có những con số anh vừa kể từ đâu vậy?"

"Nếu ông là một giáo sư già, chắc ông cũng để ý đến vấn đề nhân số học; nếu ông có nghiên cứu vấn đề nhân số và với nhiều nguồn tin khác, ông sẽ thấy con số ấy là đúng."

"Nhưng dân chúng bị giết hại đã xảy ra vào lúc nào? Không lẽ dân chúng chỉ bị mất tích hay sao?", người già này nói.

"Họ bị tiêu diệt trong thời gian ông còn sống. Họ bắn chết các Bạch Quân<sup>1</sup>, những người tư sản trưởng giả, những trí thức; họ bỏ đói nông dân trong và sau cuộc tập thể hóa; đó là năm 1937, thời khủng bố Stalinít."

Người già này bắt đầu nổi giận. "Hãy nhìn họ đã làm gì ở Hoa kỳ," ông ta nói, "họ giết hại, ám sát lẫn nhau."

"Hoa kỳ là nước tự do nhất trên thế giới," Muhlberg nói, "và mọi nước phải lấy nó làm gương cho mình".

"Anh là một phần tử trưởng giả," ông già nói, nhanh chóng mất bình tĩnh, "những người như anh, chúng tôi đã tiêu diệt năm chục triệu."

"Cám ơn ông," Muhlberg nói, "cám ơn ông đã xác nhận con số của tôi; tôi nói sáu chục triệu và ông nói năm chục; nhưng dù sao cũng cám ơn ông đã nói sự thật."

---

<sup>1</sup> Các đơn vị quân đội ủng hộ Nga hoàng chống cuộc cách mạng *bonsovich*.

Muhlberg quay lại và tiếp tục đi, ông già thì tiếp tục quát tháo gì đó, nhưng Muhlberg không còn phân biệt được tiếng của ông nữa.

**MỘT ĐÊM KIA,** Muhlberg, Mikhail Berdnikov, một người bạn của Serebrov và tôi cùng đi bộ trong sân yên tĩnh của nhà thờ Nicolai v Khamovnikakh, nơi chúng tôi bắt đầu nói chuyện cùng người gác đêm nhà thờ, một người nhỏ bé, thân thiện trong bộ đồng phục màu be. Nghe giọng nói của tôi, anh hỏi chúng tôi người nước nào. Tôi nói tôi là người Hoa kỳ và Muhlberg là người Đức.

Trong lúc chúng tôi sắp rời khỏi nơi đây, người gác đêm nói với Muhlberg: "Giữ hòa bình, hòa bình như không khí chúng ta thở," rồi anh nói thêm, "nay ông Tổng Thống Hoa kỳ này lại đang đe dọa chúng tôi."

Muhlberg đặt tay lên vai người gác và nói: "Chúng ta không phải là các chuyên viên quân sự, phải không? Sự thật thì chúng ta không thể chắc chắn được ai đã đe dọa ai cả."

Người gác đêm này đưa tay gãi mặt và nhìn Muhlberg vẻ chăm chú.

"Nhìn xem biên giới giữa đông tây," Muhlberg nói tiếp, "biên giới chạy dài giữa Cộng Hòa Liên Bang Đức và Cộng Hòa Dân Chủ Đức, phải vậy không?"

Người gác gật đầu.

"Hiện nay, tại biên giới này có binh lính của Xô-Viết, xe tăng và hỏa tiễn, phải vậy không?"

Người gác, một lần nữa đồng ý.

"Nhưng ở đây, xe tăng Xô-Viết chỉ cách Paris 300 dặm và Bonn 120 dặm. Binh lính NATO<sup>1</sup> thì cách Moscow 1200 dặm..."

---

<sup>1</sup> NATO: Minh Ước Bắc Đại Tây Dương.

"Tôi biết ông đang muốn nói gì," người gác ngắt lời một cách nóng nảy, "nhưng ông phải cho tôi biết điều này: có khi nào Nga đã từng tấn công ai chưa? Và lúc nào?"

"Vậy thì chiến dịch chống Chechen-Ingushi hồi thế kỷ mươi chín hay cuộc tấn công Phần Lan trước thế chiến sau cùng là gì?" Muhlberg hỏi "cuộc tấn công Phần Lan là một cuộc chiến tranh không tuyên bố, Phần Lan lúc ấy vẫn sống hòa bình với Liên-Xô."

"Phải, người gác nói, "vậy Hitler có khai chiến không? Chiến tranh này có được tuyên bố không?"

Muhlberg do dự ít lâu để tập trung ý nghĩ.

"Có một hiệp ước và chúng tôi đã thi hành hiệp ước," người gác nói, "chúng tôi không có tấn công nước Đức."

"Đúng," Muhlberg nói, "Hitler đã tấn công Liên-Xô, "nhưng sau khi hiệp ước với Hitler được ký kết, Liên-Xô đã tấn công Ba Lan và Liên-Xô cùng với Đức cắt nước này ra làm đôi; đó có phải là một cuộc tấn công hay không?"

Người gác đếm mỉm cười: "Ô, tôi nhận thấy ông biết lịch sử", anh nói có chút vẻ khâm phục. Rồi hơi do dự một ít lâu, một ánh sáng lóe lên trong mắt anh.

"Vâng, vậy thì cái gì đã xảy ra với Israel?" anh hỏi.

"Với Israel à?"

"Họ có thể lấy trái bom và ném xuống Israel", anh nói.

"Sao anh có thể nói như thế?" Muhlberg hỏi, "như một nước xưa, sau hai ngàn năm được tái lập."

Người gác đếm bắt đầu run sợ và nắm lấy tay Muhlberg. "Tôi vô ý," anh nói, "họ là người Do thái và sẽ chết như người Do thái". Anh kéo Muhlberg đến một ghế dài gần đó và bắt anh ngồi xuống. "Hãy nói cho tôi biết ai đã phản bội Giê su? Judas, phải không? Với ba mươi đồng bạc; một tên Do thái phản bội chính dân tộc mình."

"Phải," Muhlberg nói, "nhưng đây là chuyện nội bộ của dân tộc Do thái; Giê su là một người Do thái; tất cả tông đồ đều là người Do thái."

Tiếng nói lớn hình như không thích hợp với bầu không khí yên tĩnh của sân nhà thờ. Berdnikov và tôi có nhiều chuyện khác để bàn luận; vì vậy, chúng tôi đi ra xa, nhưng vẫn có thể nghe câu chuyện giữa hai người nay đã chuyển qua đề cập đến những người *Báp tít*<sup>1</sup> mà người gác đêm mô tả như những kẻ ly giáo, trong lúc Muhlberg ca tụng sự lương thiện và thành tâm của họ. Người gác đêm nói tại Nga chỉ có hai đức tin thật sự, đức tin Chính Thống Nga và các Tín Đồ Xưa.

Nhiều cuộc tranh luận tiếp theo đề cập đến vấn đề Marx và Engels là ai. Muhlberg cho rằng một người là Hòa lan gốc Do thái, một người là Anh gốc Đức. Với nhiều điểm khác nhau, người gác đêm bày tỏ sự ngạc nhiên của mình trước kiến thức rộng rãi của Muhlberg, nhưng lại Mulhberg đã không thuyết phục anh ta được một điều nào cả.

Cuối cùng, chúng tôi ra đi. Người gác đêm chúc sức khỏe chúng tôi và nói: "Nhớ nhé, điều vô cùng quan trọng là hòa bình."

MUHLBERG có thể sẵn sàng ở lại Moscow vô thời hạn, nhưng những cuộc tiếp xúc của anh với những người ly khai và những người ngoại quốc đã bị KGB để ý, và dân quân bắt đầu viếng nhà anh trên đại lộ Zubovsky, hỏi anh đã có đăng ký ở đây không.

Trong lúc đó, mặc dù có sự giúp đỡ tích cực của tòa đại sứ Tây Đức, anh cũng không thành công sau nhiều cố gắng để có được giấy thị thực xuất cảnh, và anh sợ sự hiện diện của mình tại Moscow có thể khiến nhà cầm quyền bắt anh hoặc vì lý do vi phạm luật về sở thông hành hoặc vì lý do lang thang. Sau cùng anh quyết định không thể nhận những hiểm nguy này. Anh rời bỏ thủ đô cùng gia đình và trở về Berendeevo.

Tại Berendeevo, Muhlberg viết nhiều thỉnh nguyện thư cho các cơ chế Xô-Viết, cùng với những người thường trú tranh cãi,

<sup>1</sup> Báp Tít: Đạo Tin Lành chỉ rửa tội cho người lớn.

và viết hồi ký. Anh ít được thấy mặt tại Berendeevo hơn là ở Moscow, nhưng anh vẫn có thể bị làm khó dễ. Trong tình cảnh mỏng manh này, anh mời Andrew Nagorski và tôi đến viếng anh, để cho thấy rằng anh được người ngoại quốc biết đến và không phải hoàn toàn vô phương tự vệ.

Andy và tôi rời thủ đô trong một buổi sáng Chủ Nhật giá lạnh và chạy xe về hướng bắc trên những con đường đầy ổ gà, qua những làng nhỏ trước khi đến thành phố Pereslavl-Zalessky với nhiều nhà thờ bỏ hoang, mặt tiền bị loang lổ, cho người ta có cảm tưởng đây là một thành phố ma.

Từ Pereslavl-Zalessky, chúng tôi rẽ sang một con đường làng đang bị một đống đá sỏi và cát cao hơn một thước ngăn cản. Sau vài cố gắng, chúng tôi lái xe vòng quanh chướng ngại này, vượt qua một bãi sinh lầy và tiếp tục chạy xe.

Cũng như đã xảy ra, quyết định của chúng tôi đi đến Berendeevo đã có ảnh hưởng to lớn đến số phận của Muhlberg. Chúng tôi báo cho bộ ngoại giao trước bốn mươi tám giờ, và trong thời gian này, nhà cầm quyền hình như đã quyết định không muốn mất nhiều công sức thêm nữa để giữ Muhlberg ở lại Liên-Xô. Muhlberg được báo cho biết là, sau ba mươi ba năm, anh được phép rời khỏi nước này.

Tôi và Nagorski đi khỏi Moscow trong lúc chưa biết được tin này, và vì vậy chúng tôi không chuẩn bị được chào mừng đón tiếp khi đến Berendeevo.

Chúng tôi đến đây vào lúc 11 giờ sáng. Gió thổi làm tuyết bay đầy trong không khí. Các nhà cửa gỗ trong làng nằm trơ trọi dưới một bầu trời xám xịt, ngọt ngạt. Nhà của Muhlberg ở gần cuối đường một số nhà gỗ và cây cổ thụ lá. Nó hơi nghiêng sang một bên và các cửa sổ bị đưa xuống thấp.

Chúng tôi gõ cửa và khi vào nhà, ngạc nhiên nhìn thấy một người thản nhiên khoảng bốn mươi tuổi, mặt đỏ hòn nhiên, ngồi trước lò sưởi cùng với một người lớn tuổi hơn, để râu với cặp kính gọng sừng.

Người có râu lấy ra một số giấy tờ và nói: "Tôi là một nhà báo và đây là người đại diện chính quyền Xô-Viết, thị trưởng Berendeevo."

Muhlberg với vẻ rõ ràng đang lo lắng, chỉ chúng tôi và nói với người mặt đỏ thị trưởng: "Đây là những người bạn của tôi."

Người nhà báo hình như có vẻ khó chịu vì sự hiện diện của chúng tôi trong những điều kiện này, ông cho biết làm việc cho tờ báo *Rabochy Sever*, tờ báo của *oblast*, và đến đây vì có "người này", vừa nói vừa đi đến gần Muhlberg, vừa được giấy phép di cư.

Nhà báo và ông thị trưởng cho chúng tôi thấy danh tánh của họ. "Chúng tôi muốn chứng tỏ với các ông là chúng tôi không phải nhân viên KGB", nhà báo nói. Nhưng những tài liệu này không làm chúng tôi an tâm. Chúng tôi ra dấu họ tránh ra để chúng tôi đến ngồi trên giường gần lò sưởi, trong lúc Muhlberg mang ghế đến mời họ ngồi. Đồ giặt giũ treo trên đầu và có một ấm nấu nước để trên bệ của sổ xiêu veo. Nina, vợ Muhlberg, đang bận việc trong bếp kế bên.

"Như các ông thấy người Xô-Viết sống thế nào", nhà báo nói như muốn cho chúng tôi biết ông ta biết chúng tôi đã tìm được những gì chúng tôi muốn tìm.

"Xin mấy ông cho biết," nhà báo nói với vẻ nghiêm trọng, "vì nó rất thú vị đối với nghề nghiệp của chúng tôi, tại sao các ông đến đây để nhìn thấy thứ nhà lụp sụp như thế này?"

Tôi nói với ông ta Muhlberg là bạn của chúng tôi.

Nhà báo mỉm cười một cách chua chát. Ông ta đưa mắt nhìn Muhlberg và day qua nói với chúng tôi: "Các ông thấy gì ở bạn các ông? Có rất nhiều người thú vị tôi có thể giới thiệu với các ông và họ sẽ cho các ông biết nhiều chuyện làm các ông phải há mồm."

"Thế thì còn gì bằng," tôi nói, "tại sao chúng ta không gặp họ?"

"Tôi biết một người," nhà báo nói, "đang làm việc trùng tu các nhà thờ hay các công trình kiến trúc; họ có thể cho các ông

biết nhiều chuyện về vùng này mà các ông luôn luôn muốn biết."

"Chúng tôi sẵn sàng gặp người ấy bất cứ lúc nào."

"Nhưng xin các ông cho tôi biết, vì việc này làm tôi khó hiểu, tại sao các ông đến thăm người này và tại sao anh được sự chú ý của các ông?"

"Vâng, nếu ông cần biết," tôi nói, "đó là một chuyện riêng tư; đó là chuyện quan hệ riêng giữa chúng tôi; chúng tôi biết nhau tại Moscow và thật tình, tôi không nghĩ rằng lý do viếng thăm của chúng tôi có liên hệ gì đến việc của ông; ai mời ông đến đây? có phải Adolph mời ông không?"

"Họ đến để cho tôi biết tin tức về việc cấp chiếu khán cho tôi", Muhlberg trả lời thay.

Thực tế của tình hình bắt đầu chìm lắng.

"Chiếu khán?", tôi nói, "nó có nghĩa là anh có thể rời khỏi nước này?"

Ông nhà báo và viên thị trưởng gật đầu một cách buồn bã.

"Sau ba mươi ba năm," tôi nói, "cuối cùng họ phải cho anh ra đi; tôi nói tiếp sau khi do dự một lúc vì tự thấy ngạc nhiên vì tin này."

Sau cùng, tôi day qua viên thị trưởng và ông nhà báo và nói: "Thôi chúng ta hãy cung ly để chúc mừng."

Muhlberg rót rượu vodka cho năm người trong lúc tôi nâng ly rượu lên và đề nghị mọi người cùng uống mừng cho "cuộc sống mới của Adolph".

Hai người Xô-Viết ngồi yên lặng tay cầm ly rượu.

"Các ông không thể khinh rẻ chúng tôi mà không chịu uống?" tôi hỏi trong lúc lấy làm thích thú nhận thấy sự bực bội của họ. Thật là khổ sở và đau đớn khi nhớ lại nhiều lần tôi bị ép phải cung ly để chúc mừng "hòa bình", "hữu nghị" và nhiều quan niệm lờ mờ khác mà người Xô-Viết thường nói đến.

Họ tự thấy như lạc lõng và nói sẽ uống; cuối cùng mỗi người cũng uống cạn ly rượu của mình.

Tôi trả lại vấn đề tại sao chúng tôi chú ý đến Muhlberg. "Kể từ khi các ông đem đến tin mừng này," tôi nói, "tôi nghĩ cần

phải giải thích tại sao chúng tôi đến đây. Đối với chúng tôi, Adolph là một người rất đáng được chú ý đến. Anh sanh trưởng và lớn lên ở Tây Phương. Anh có tâm tính người Tây Phương, nhưng anh đã sống ở Liên-Xô ba mươi năm trời. Thủ cựu tướng tượng tình hình này. Nó cũng giống như một người Xô-Viết bị bắt buộc phải sống ba mươi năm tại lục địa Trung Quốc. Như thế thì làm sao mà kinh nghiệm của anh ấy không làm cho các ông không chú ý đến cho được?"

"Chúng tôi có những điều tốt ở đây cũng như những điều xấu," người nhà báo nói, "tôi nhìn nhận như thế; nhưng tại sao các ông chỉ nghe người nào đó chỉ nói với các ông những điều xấu mà thôi?"

"Anh này là một người tàn phế," viên thị trưởng muốn nói đến Muhlberg, "ai sẽ lo cho anh ấy ở Tây Phương?"

"Ông tướng tượng Tây Phương như thế nào?, "người nhà báo hỏi Muhlberg, "anh nghĩ ở đó có toàn là sưa và mật à?"

Muhlberg nói Tây Đức là một quốc gia có an sinh xã hội, người bệnh hoạn và tàn tật đều được săn sóc và anh biết anh chờ được những gì.

Viên thị trưởng lại thay đổi đề tài câu chuyện, nói với Muhlberg: "Cái gì làm cho anh không thích nước chúng tôi?"

"Vì không có dân chủ", Muhlberg trả lời.

"Anh hiểu thế nào là 'dân chủ'?", người nhà báo hỏi.

"Quyền được di cư," Muhlberg nói, "Ở Tây Phương người ta không dùng vũ lực để giữ dân chúng; còn có nhiều thứ khác; ông có thể mua bánh mì buổi sáng; ông có thể đọc báo người ta chỉ trích chính các lãnh tụ của họ; có tranh vẽ châm biếm Reagan; còn ở đây, nếu ông nói điều gì chống lại các nhà lãnh đạo, họ sẽ bắt nhốt ông ngay."

"Quan niệm dân chủ của anh thật là trẻ con," người nhà báo nói, "khi một người nào đó nói dân chủ với anh, anh nghĩ ngay đến bánh mì; tôi muốn anh biết rằng tôi nói theo ý nghĩ của tôi, tôi nói thành thật và trong năm mươi năm trời, không ai bắt tôi vào tù cả."

"Tôi thì bị ở tù hai lượt", Muhlberg nói.

"Đó phải có lý do", người nhà báo nói vẻ cương quyết và liếc nhìn tôi và Nagorski.

"Anh sẽ nói gì với họ về đời sống Xô-Viết?", ông ta hỏi Muhlberg.

"Về vấn đề uống rượu của dân chúng."

"Các ông thấy không? Anh chỉ nói với các ông loại việc như thế; nói một cách trung thực, tôi không phải là người chống Do thái, cũng không chống người Đức, mặc dù tôi chống phát-xít; nhưng chúng tôi đã bị tàn phá vì chiến tranh."

"Cũng như cả Âu châu," Muhlberg nói.

"Tại sao chúng ta không nói sang một vấn đề có tính cách trung lập hơn?", tôi đề nghị.

"Xin cho tôi biết," tôi nói với viên thị trưởng, "có bao nhiêu người sống tại thành phố này?"

Tôi ngạc nhiên trước cái nhìn ranh mảnh của ánh mắt ông ta.

"Tại sao ông hỏi như thế?", ông ta hỏi lại.

Người nhà báo cắt lời viên thị trưởng và nói hơi lúng túng: "Tôi có thể cho ông ấy biết vấn đề này; nó không phải là một bí mật quân sự; thành phố này có khoảng ba ngàn dân."

Trong lúc ấy, cửa nhà được mở ra và một cảnh sát sắc phục đi vào.

"Có phải xe của ông đậu trên đường không?", cảnh sát hỏi, đề cập đến xe của Nagorski, chắc chắn chỉ có mỗi một xe hiệu Volvo tại Berendeevo mà thôi.

Nagorski trả lời đúng là xe của mình.

"Tôi thấy một lốp xe bị xẹp, các ông có thể cho tôi xem giấy tờ không?"

Andy đưa giấy tờ ra và viên cảnh sát xem xét. Riêng tôi không có mang theo hộ chiếu và thường khi như vậy, kể từ khi tôi không muốn trình nó cho cảnh sát nào thích xem nó; tôi đưa cho anh ta tấm thẻ *American Express*, cẩn cước duy nhất tôi mang theo trong ví.

Viên cảnh sát xem xét cẩn thận tấm thẻ và hỏi nó là cái gì và người nhà báo nói cho biết đó là tài liệu bảo đảm thanh toán các hóa đơn mua hàng.

"Với tư cách một đồng nghiệp, tôi có thể bảo đảm cho họ", nhà báo nói và nháy mắt với chúng tôi.

Viên cảnh sát hỏi chúng tôi có bị trói ngai gì trên đường từ Pereslavl-Zalessky đến đây không. Câu hỏi này của anh ta xác nhận nhà cầm quyền đã chịu trách nhiệm về việc đổ đống đá trên con đường duy nhất nối liền Pereslavl-Zalesski với Berendeevo.

Anh ta liền đề nghị chúng tôi nên ra về trước khi trời tối, vì có thể bị rắc rối trói ngai, và thêm rằng ở Berendeevo không có gì để chúng tôi xem, không có đèn đài lịch sử nào cả.

Chúng tôi đi ra xe xem xét lốp xe, và sau đó chúng tôi được biết là nó bị đâm thủng bằng dao. Viên cảnh sát này muốn làm cho chúng tôi càng khó chịu càng tốt, hối thúc trong lúc chúng tôi đang thay bánh xe. Rồi anh ta lại có những lời bàn cuối cùng về Muhlberg: "Các ông có thể chọn một người bạn tốt hơn; tôi biết anh ta; anh ta không phải là một người tốt, uống rượu quá nhiều."

Nhận xét kỳ quặc của viên cảnh sát cho thấy tình trạng mong manh của Muhlberg. Trong lúc chúng tôi vào ngồi trong xe, tôi lấy làm kinh ngạc vì tính cách kỳ bí lạ lùng của một nước có thể nuốt trửng được một người trong ba mươi năm và rồi thình lình buông tha ra mà không có chút tình cảm nào cả.

## 12

# NGUỒN CỘI CỦA CHỦ NGHĨA CUỒNG TÍN

*Cô đơn trên thế giới, chúng tôi không cho thế giới gì hết và cũng không nhận được gì hết, chúng tôi không có cách nào để góp phần vào sự tiến bộ của lý trí con người vì tất cả những gì đến với chúng tôi như kết quả của sự tiến bộ ấy đều bị chúng tôi làm méo mó.*

- Pyotr Chaadaev, Bức Thư Triết Lý Thứ I

MỘT ĐÊM NỌ, trong lúc đang làm việc khuya tại tòa soạn báo *Financial Times*, tôi nhận điện thoại của Mikhail Berdnikov yêu cầu tôi đến gặp ông tại nhà một người đàn bà mà ông đang chữa bệnh ở trung tâm thành phố Moscow. Tôi rời khỏi văn phòng và vào khoảng hơn 11 giờ, đến một tòa nhà cũ, nơi có một ngọn đèn treo trong bóng tối của hành lang lót đá. Một dãy dài hộp thơ bằng sắt sơn xanh đặt dưới cầu thang đá hoa cho thấy tòa nhà này đã được sửa chữa để trở thành một chung cư nhà trệt, nhiều ngõ ngách.

Tại ngả vào cửa căn nhà số 16, một người trẻ tuổi mặc chiếc áo lót, đang ngồi hút thuốc trên chiếc ghế bành xo xác. Cách đấy không xa, một người đàn bà trong chiếc áo choàng tắm đang đứng nói điện thoại.

Tôi được Misha và Pyotr Reznichenko tiếp và đưa xuống một hành lang dài đến mở cửa một căn phòng nhỏ hẹp. Trong phòng, trên một chiếc giường kê sát tường và giữa một bàn ngủ nhỏ và một tủ đồ ăn, là một đầu người tóc bạc trắng trên một chiếc gối

dơ bẩn. Một bà già đang cố gượng ngồi dậy, miệng há hốc với vài chiếc răng vàng lòm đóm má láng và cặp mắt hơi đen dịu dàng.

Tôi đến chiếc bàn cạnh giường và Anna Izraelovna, bạn của Berdnikov, đưa ngay tay phải ra để bắt tay tôi. Bà nhờ Berdnikov đỡ bà ngồi và Reznichenko luồng cánh tay trái của bà vào một băng choàng qua cổ.

"Xin lỗi," bà nói, "đây không phải là một sự sốt sắng mà là vì bị kích động bởi sự hiện diện của một người mới." Anna Izraelovna ngồi dậy với sự giúp đỡ của Misha, và tôi nhận thấy bà đã tiêu tiền trên giường.

Tôi quay sang chỗ khác và nhìn quanh căn phòng nhỏ bé nhưng có vẻ ấm cúng và tiện nghi này. Cái tủ chứa đầy đủ thứ đồ riêng tư của Anna Izraelovna và trên đầu tủ có nhiều ch่อง sách. Có nhiều chai thuốc để trên vài cái bàn và một ấm nước trà đang sôi trên một vỉ nóng đỏ. Tôi ngồi xuống một cái ghế gần bên giường Anna Izraelovna.

"Tôi rất kính trọng Anh quốc," bà nói, ... "do phong cách lịch sự tự nhiên của người dân Anh."

Tôi cắt lời bà và giải thích cho bà biết tôi là người Mỹ.

Bà do dự và nói thêm rằng bà cũng kính trọng nước Hoa Kỳ.

"Nhưng," bà nhấn mạnh, "ông không thể hiểu được những gì chúng tôi hiểu tại nước Nga. Ông không thể biết được có từ 5 đến 10 triệu người chết trong công cuộc tập thể hóa, và 20 triệu người khác chết vì chiến tranh và 20 triệu khác chết vì tự sát, nhưng xin hãy hiểu tôi một cách đúng đắn, ông chỉ có thể nhìn thấy với sự bàng hoàng mà thôi, ông không thể hiểu nó có ý nghĩa gì, bởi lẽ người Tây Phương không có cái tinh thần, giá trị giáo lý để hiểu được những gì xảy ra ở đây."

Bà bắt đầu rung rẩy tự nhiên và chiếc cầm của bà bị lay động.

"Các ông ở Phương Tây xã thân hoàn toàn cho sự giàu có vật chất; nó chỉ bảo đảm cho các ông sự tiêu mòn về mặt tinh thần; dân chúng ở đây đau khổ và chúng tôi có rất ít, nhưng với sự đau khổ chúng tôi hiểu được, và đấy chính là cái mà các ông người

Tây Phương sẽ không bao giờ hiểu nổi vì các ông không sống như chúng tôi đã sống."

"Misha," bà gọi nhỏ nhẹ, và Berdnikov bước đến. "Xin hãy thứ lỗi cho tôi," bà nói, "tôi cảm thấy rất mệt". Berdnikov đỡ bà nằm xuống giường trở lại.

Bà thở dài và tôi có thể nhận thấy tình trạng quá yếu của bà đang sớm đưa câu chuyện đến hồi chấm dứt. Trong lúc tôi đứng dậy từ giã, bà nói: "Tôi hy vọng không làm ông phật lòng với những gì tôi đã nói..., xin ông vui lòng cho tôi được hân hạnh hôn ông." Tôi cúi xuống và bà hôn tôi trên má. "Xin Trời phù hộ ông," bà nói, "và mong ông trở lại."

**SỰ KHAO KHÁT SỐNG** cho một lý tưởng không hẳn là một vấn đề của những cá nhân lẽ loi tại Liên-Xô. Thèm muốn một ý nghĩa cao cả là đặc điểm của dân chúng thuộc mọi lãnh vực hoạt động. Chính nó đã làm cho người dân Xô-Viết thành nhẹ dạ, cả tin và hy sinh quên mình cũng như về phương diện tâm lý, bị tách ra khỏi quan niệm thực dụng thương mại của Tây Phương.

Trong những năm đầu ở Liên-Xô, tôi thường tự hỏi tại sao chủ nghĩa vô thần cộng sản đã thắng thế tại nước Nga, một nước trước kia đã được xem có thể là nước sùng đạo nhất Âu Châu. Nhưng với thời gian dài sống ở đây, tôi càng tin rằng đây không phải là một sự mỉa mai, mà là một sự chắc chắn phải xảy ra của lịch sử trong đó, một dân tộc đã mất hết óc phán đoán giá trị tinh thần cá nhân, một ngày nào đó, sẽ vứt bỏ sự ràng buộc tinh thần với một tôn giáo cứu thế để theo một lý tưởng cứu thế.

Đời sống ở Nga, với cường độ ưa và ghét, không ý niêm trách nhiệm cá nhân, nhưng cũng không chịu bị ràng buộc và hy sinh, đạt được một cảm xúc cao độ hơn đời sống của Tây Phương, nơi mà sự đánh giá truyền thống siêu nghiệm đạo đức, có khả năng tạo ảnh hưởng ôn hoà cho các cuộc xung đột trên thế giới.

Người dân Xô-Viết không ngừng dấn thân đi tìm những cái gì thuộc về tâm linh để kéo dài sự sống thường là ngắn ngủi và quá cùng cực của họ. Nhưng sự tìm kiếm này không liên hệ gì đến

những gì siêu việt cả. Thay vào đó, họ chỉ tìm một nguồn duy nhất của chân lý tuyệt đối và trông chờ cho nó được sáng tỏ, không thể tranh cãi, xuất hiện cho họ được trên quả đất này.

### Những Người Trần Tục Đi Tìm Thượng Đế

Những người dân có nhân sinh quan thế tục đi tìm kiếm một hệ thống trí thức.

Một đêm nọ, tôi đến gặp Gennady Shimanov, một người quốc gia Nga chống Do thái và chống dân chủ. Với sự yêu cầu của tôi, anh thuật cho tôi nghe diễn biến liên đến anh.

Shimanov nói tất cả đều bắt đầu vào khoảng đầu thập niên 1960. Đại Hội Đảng Thứ 20 đã trình bày các tội ác của Stalin và sau nhiều năm bị chế độ duy vật chủ nghĩa đàn áp, dân chúng đang dò dẫm để tìm một lý tưởng khả dĩ hướng dẫn họ đến một đời sống tốt đẹp hơn. Một biểu hiện của tình hình này là các cuộc ngâm thơ tại quảng trường Mayakovsky; nơi đây, có nhiều người ly khai về sau trở thành nổi danh đã tham dự.

Trong lúc đó, tại Thư Viện Sử Học ở trên con đường nhỏ Starosadsky, người ta có thể đọc được sách của các triết gia di cư người Nga, sách vở mà nhà cầm quyền không nghĩ đến việc tịch thu vì cho rằng nó chỉ có thể được một số nhỏ những nhà chuyên môn để ý đến mà thôi.

Trong bầu không khí này, Shimanov đã quyết định đi tìm chân lý, và một khi tìm được, anh sẽ tổ chức trọng đời sống của anh theo hướng đó. Anh đã lớn lên như một người vô thần và duy vật, nhưng, cũng như nhiều người khác, anh tìm được Thư Viện Sử Học; nơi đây, anh bắt đầu đọc Kropotkin, Berdyaev, Berishkovsky, Dostoevsky, Shakespeare và Bulgakov. Anh đọc cả khi gần như không cần ăn, và dần dần, dưới ảnh hưởng của Dostoevsky và các triết gia tôn giáo Nga, anh đi đến ý kiến là nếu có nghĩa lý gì trong cuộc sống thì nhất quyết nó không phát xuất từ chủ thuyết Mác-xít-Lê-ninít.

Shimanov sống trong một nhà kho nhỏ trong một cái sân trên đường Potapovsky do ông nội của anh xây cất, và anh bắt đầu mời vài độc giả khác của Thư Viện Sử Học về nhà cùng anh. Thời gian này, nhà chứa đầy đủ thứ người: các triết gia có, buôn chợ đen có, đầu cơ, phiêu lưu có, những kẻ đồng tính luyến ái có và trộm cướp cũng có.

Những người lưu ngụ với Shimanov họp thành một cộng đồng trôi nổi. Như một thông lệ, ngày của họ bắt đầu tại các cửa hiệu cà phê ở Moscow; nơi đây, bánh mì được cho không với một bữa ăn. Điển hình, một người gọi một bữa ăn và sáu người chia nhau ăn. Nhóm người này sau đó đi đến thư viện, đọc sách cả ngày và trở về nhà Shimanov; nơi đây, họ thức nói chuyện đến 3 giờ sáng. Họ ngủ bất cứ ở đâu có thể nằm được, trên giường, giường xếp hay trên ghế nệm dài.

Một trong số tìm đến nhà Shimanov là Yuri Samoilov cho biết anh đã bị tù ở Kolyma mười năm vì tội tham gia một tổ chức chống Xô-Viết. Samoilov là một người hiểu biết rộng, không có tiền và tỏ ra rất dễ thương. Anh nói với mọi người rằng sau mười năm ở Kolyma, anh không còn tin tưởng gì nữa và cho rằng điều quan trọng hơn hết trên đời là làm ra tiền.

Samoilov đã cố đưa các nguyên lý của anh vào thực hành. Anh thuyết phục được một nhóm nhà văn và triết gia Moscow rằng anh có thể mua được ma túy từ Tashkent, và chuyển về miền Bắc Kolyma, nơi có nhiều người nghiên, để bán cho họ có lời to. Anh chỉ cần tiền để mua ma túy. Các nhà văn hám lợi và tin lời Samoilov, đã cho anh mượn tiền. Họ gom góp được ba mươi ngàn rúp cho Samoilov và anh này đã đi mất dạng, không ai còn nghe đến nữa.

Với tình hình bốt đòn áp, một số chung cư nổi lên tại Moscow, nơi dân chúng tập họp không đồng tình với lý tưởng của chính quyền. Một căn nhà như thế của Yuri Mamleyev, giáo viên toán, một căn khác của Yelena Stoyeva, một bà tiếp nhiều người ngoại quốc, trong lúc người ngoại quốc hầu hết không bao giờ tiếp xúc với các thường dân Xô-Viết. Người ta có thể nhận thấy có nhiều người Thiên chúa giáo, phát xít, đồng tính luyến ái, thi sĩ, nghệ sĩ

và họa sĩ siêu hiện thực tại những nơi này. Alexander Yesenin-Volpin là một người có lúc đã chủ trương vô chính phủ, đã viếng nơi đây, cũng như nhiều nhà thơ đã từng đọc những câu thơ của họ tại Quảng Trường Mayakovsky.

Shimanov được quen biết với Mamleyev tại Thư Viện Sử Học trong thời gian anh chưa đưa ra các quan điểm của anh. Mamleyev nói với anh, mình là một người có lý tưởng và là môn đệ của Kant<sup>1</sup>. Khi Shaminov nói mình là người theo chủ nghĩa duy vật nhưng không phải *Mácxit*, hình như Mamleyev nhìn anh với niềm căm ghét kín đáo.

Mamleyev viết các chuyện về sự tranh đấu giữa cái xấu và cái tốt, trong đó cái tốt luôn luôn thắng, nhưng một sự thay đổi đã đến với anh do kết quả của việc anh quen biết Saminov, người đã nhận một số tiền lớn của Mamleyev. Mamleyev bắt đầu viết nhiều truyện bêu riếu điều thiện trên thế giới. Anh nói, Thượng Đế là kẻ thù của bản thân anh và anh cố xây dựng một tôn giáo riêng mà anh gọi là *Yainost*, do từ tiếng Nga *ya* có nghĩa là tôi. Giáo điều chánh yếu của đức tin này cho anh là thực thể duy nhất trên thế giới và tất cả những người khác thì đều là ấn tượng của anh. Shaminov hỏi, như vậy có phải khi Mamleyev nói chuyện với anh, thực sự anh đang nói chuyện với chính mình hay không, nhưng Mamleyev né tránh không trả lời.

Shimanov cố học hỏi từ mọi người mà anh được gặp. Một trong những người quen thuộc của Thư Viện Sử Học là Lev Barashkov, một môn đệ của Nietzsche<sup>2</sup> và Chaadaev, những người đã bênh vực cho chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối và từ bỏ tất cả các vấn đề đạo đức, luân lý. Một thành viên khác của nhóm này là Ily Barashkov, người đi đến các nhà hội trong bộ đồng phục *Nazi*<sup>3</sup>. Anh nói trôi chảy tiếng Đức và thuộc lòng các bài diễn văn của Hitler. Sau này, anh trở thành một Tín Đò Xưa, và để râu cầm. Cũng có một nhóm người thần bí chỉ chú ý đến các triết lý

<sup>1</sup> Kant, triết gia Đức (1724-1824).

<sup>2</sup> Nietzsche, triết gia Đức (1844-1910) chống Kant với thuyết siêu nhân [surhomme ]

<sup>3</sup> Đồng phục đảng Quốc xã thời Hitler.

Đông Phương cố thuyết phục một nghệ sĩ trẻ chia sẻ với họ niềm tin này.

Ở một nước đang từ từ cố phục hồi từ tất cả những năm của chế độ Stalinít và từ chủ nghĩa duy vật, những tín đồ thần bí có khả năng thuyết phục người nghệ sĩ, cho rằng Chandra, con cọp trong vườn bách thú Moscow, là một trong nhiều hiện thân của Đức Phật, và có thể tiếp thu được sự hiểu biết cao siêu của nó nếu anh cố nhìn vào mắt nó thật lâu. Khai thác sự thật thà và tính nhạy cảm, các tín đồ thần bí đưa nghệ sĩ này đến vườn bách thú, và ở đây anh đã trải qua nhiều giờ lạnh còng đứng nhìn cọp Chandra, trong lúc các tín đồ thần bí đang giao hợp sinh lý với vợ của anh.

**SHIMANOV ĐÃ LÀM QUEN** với Konstantin Puchkov. Puchkov là một sinh viên ngôn ngữ có một giấc mơ nhận thấy sự thật (*istina*), nhưng khi anh thức giấc, anh không còn nhớ là cái gì. Giấc mơ ấy lại trở lại với anh, nhưng anh cũng không thể nhớ gì cả. Vào đêm thứ ba, một lần nữa, anh lại có cảm giác chỉ có một mình với *istina*. Với một hành động có ý chí, anh tự đánh thức mình dậy và dùng một diêm quẹt đang cháy sáng, anh viết ngay một cái gì đó vào sau lưng bao thuốc lá và nầm xuống tiếp tục ngủ lại. Sáng dậy anh đọc lại những gì anh đã viết sau lưng bao thuốc lá: "mùi dầu hôi". Đó là cái được gọi là *istina*.

Puchkov có cặp mắt màu nâu to với vẻ tư lự, một biểu hiện trầm ngâm tư tưởng và một khuôn mặt gầy gò. Anh có những cử chỉ lịch thiệp và nói tiếng Anh tốt. Sau khi biết được nội dung của giấc mơ, anh nghĩ chỉ có cách duy nhất để khám phá sự thật là cống hiến hoàn toàn thân mình cho nó và từ bỏ đời sống bình thường. Anh rời bỏ học viện, bỏ nhà và trở thành người lang thang, ngủ ở các cầu thang khi nào không thể đến với các bạn bè. Anh ngưng ăn nhưng vẫn duy trì được những cử chỉ lịch thiệp, làm nổi bật tính cách tương phản giữa cách sống và thân hình tạ xác chết của mình. Thỉnh thoảng anh cũng làm việc và tiếp tục các việc không thường xuyên là làm thông dịch, nhưng anh bị

kìm kẹp với những gì không hiện có trên thế gian. Cuối thập niên 1960, anh nhận một việc làm canh gác để sống tại *oblast* Vladimir. Một buổi sáng nọ, anh không có mặt tại nhà canh, và vài ngày sau, xác anh được vớt lên từ dưới sông, lý do chết không ai được biết.

MOSCOW TRONG NHỮNG THẬP NIÊN 1970 và 1980 là một thành phố bị tràn ngập bởi những người chữa trị bệnh, những người theo phương pháp yoga, phương pháp Ấn Giáo (Krishnaite), những người trị bệnh bằng ngoại khoa tâm lý, những tín đồ của các đạo sĩ (*guru*) Ấn giáo và những người thờ phượng thiên nhiên.

Trong số các đạo sĩ Ấn giáo, một người nổi danh nhất là Porfiry Ivanov, được biết như là "Người Thầy." Ivanov người cao hai thước, vai rộng to lớn và để râu bạc dài đã không được cắt trong nhiều năm. Khi còn trẻ, Ivanov có sức mạnh ở hai bàn tay và đã học được cách sử dụng sức mạnh này để trị bệnh cho người. Chính trong thời gian này, ông cũng bắt đầu cởi bỏ quần áo. Ông đã có một ảo ảnh trong khi ngồi trên đỉnh một ngọn đồi. Ông đã trông thấy một con rắn to lớn và dài bắt đầu cuộn tròn, và ông hiểu rằng con rắn là tội lỗi trên thế giới, và rằng tất cả tội lỗi trên thế giới đều bắt nguồn từ việc con người xúc phạm đến thiên nhiên.

Ông đi khắp nước Nga trong thập niên 1930, chỉ mặc quần ngắn dù trời lạnh như cắt. Một môn phái Phúc Âm, khổ hạnh đã trông thấy ông tại một làng ở Bắc Caucasus. Những người này đi lang thang nhiều năm để tìm một "Thượng Đế tràn truồng". Những tín đồ khổ hạnh đã đưa ông trở lại làng Bogi của họ ở *oblast* Rostov, sau chiến tranh đã được đặt tên lại là Novo-Kondruchy.

Không ai chắc chắn có người ngoài thế giới tìm thấy Ivanov đầu tiên. Nhưng ông bắt đầu được viếng thăm đều đặn và thỉnh thoảng ông áp dụng một hệ thống giảng dạy. Ông thuyết giảng về sự hợp nhất giữa con người với thiên nhiên và tình nồng ấm giữa con người. Ông khuyên bảo các đệ tử, gồm cả học sinh, sinh viên

từ Rostov và nhiều người trí thức đến từ Moscow và Leningrad, nên đi chân không trên đất ít nhất hai mươi phút mỗi ngày, mỗi ngày tắm rửa hại làn với nước lạnh, nhịn ăn bốn giờ vào những ngày thứ tư và bảy mươi hai giờ từ thứ sáu đến chủ nhật. Ông không bao giờ dùng từ *Thượng Đế*. Ông luôn luôn nói, mình chỉ tham khảo thiên nhiên và luôn luôn nói về nhiều thứ phép màu xảy đến cho những người bị thiên nhiên tác hại.

Trong nhiều năm, dân chúng quanh các làng đến xin ông chữa bệnh, và khả năng chữa lành bệnh của ông làm tiếng tăm ông được loan truyền rộng rãi. Năm 1970, ông bị đưa vào bệnh viện tâm thần và chỉ được trả tự do năm 1974, sau khi các đệ tử của ông gom góp đủ tiền để mua một máy truyền hình màu cho viên bác sĩ giám đốc bệnh viện.

Hằng năm, trong Ngày Xô-Viết của Thầy, hằng trăm người từ các làng xung quanh và học trò của ông từ khắp nơi trong nước tập hợp tại một đồi gần làng để nghe Ivanov kể chuyện và để được ông khuyên bảo.

Năm 1978, Ivanov đến Moscow nói chuyện cùng viên giám đốc trung tâm nghiên cứu ung thư Moscow ở trên xa lộ Kashirskoe. Ông mang theo thư từ của ba mươi người chứng nhận ông đã chữa lành bệnh ung thư cho họ. Nhiệt độ lúc ấy là 30 độ âm bách phân mà ông đi chân không qua những con đường phủ đầy tuyết, chỉ mặc quần cự. Các bác sĩ của trung tâm từ chối nói chuyện với ông, nhưng cuối cùng, viên giám đốc trung tâm đã bảo ông: "Hãy mặc quần áo vào và tôi sẽ nói chuyện với ông."

"Tôi có thể mặc quần áo như thế nào?" Ivanov hỏi, vẻ bất bình vì thái độ của vị bác sĩ, "tôi là một sự thật trần truồng mà."

Năm 1979, khi vài trăm người tập hợp tại Novo-Kondruchy để tỏ lòng kính trọng và nhớ ơn Ivanov trong ngày gọi là Ngày của Thầy, nhà cầm quyền Rostov, đã dung dưỡng Ivanov một thời gian với phỏng đoán ông chỉ là một người quê mùa lập dị vô hại, nay quyết định cho rằng tình hình đã đi quá xa và một môn phái mới đang được hình thành. Cả làng bị binh lính bao vây và đám đông đã bị giải tán.

TRONG NHỮNG NĂM CUỐI CÙNG, nhiều cựu *bônsovich* đã đến ở Nhà An Dưỡng Lênin gần nhà ga Kratova và ở Bệnh viện 60 trên đại lộ Những Người Nhiệt Tâm. Một trong những người già này mà kinh nghiệm đã trở thành quen thuộc đối với tôi là bà mẹ của A.I., một phụ nữ nhút nhát, ăn nói dịu dàng nhỏ nhẹ và hoàn toàn hiến thân cho chủ nghĩa Mácxít-Lêninít.

A.I. tin mẹ của anh có thể là một người bản chất cuồng tín. Khi anh của bà chết vì bệnh lao phổi ở Belorussia, bà đau khổ đến độ bà ăn cùng dĩa của anh bà để được cùng mắc phải bệnh với ông ta. (Bà đã bị nhiễm bệnh lao và chỉ được cứu khỏi bởi lẽ là một thành viên của tổ chức *Komsomol*, bà có thể được điều trị tại một bệnh viện đặc biệt ở Crimea.<sup>1</sup>) Khi còn trẻ, bà đã tham gia cuộc "đấu tranh giai cấp ở vùng quê".

Vào thập niên 1930, mẹ của A.I. trở thành một giáo sư khoa học xã hội tại một học viện Moscow. Bà sùng bái chủ nghĩa Mác-Lê và bỏ qua hết tất cả những gì xảy ra quanh bà, đến độ có lúc bà không màng đến cả phúc lợi của riêng mình; bà có thể được khá hơn nếu bà ít chú trọng đến vấn đề học thuyết hơn. Trong một dịp, khi một đề tài về các đóng góp lý luận của Stalin được mang ra bàn thảo tại một buổi họp *sobraniye* của đảng, bà đứng dậy phát biểu rằng những gì Stalin nói không có gì mới mẻ cả; đó chẳng qua là sự phát biểu lại cho có hệ thống một quan điểm đã được biết rồi. Bà không sẵn sàng để bất cứ ai, kể cả Stalin, diễn dịch sai lạc tư tưởng của Mác cả. Chỉ nhờ các đồng nghiệp của bà không muốn tố cáo bà mà bà đã tránh khỏi bị bắt.

Mẹ của A.I. đã không bài bác Stalin trong thời đại của ông ta, nhưng những phát giác về các tội ác của ông ta tại Đại Hội Đảng Thứ 20 đã làm cho bà cảm thấy có ý nghĩ nghi ngờ cho đến bấy giờ bà đã cố xoay sở để đè nén. Sau cùng, bà đã hoàn toàn tán thành sự phát giác của Khruschev về cái gọi là "tôn sùng cá nhân". Tuy nhiên, điều này cũng không làm giảm niềm tin của bà đối với học thuyết Cộng sản.

---

<sup>1</sup> Crimea: một bán đảo của Hắc hải.

Theo định kỳ, một viên chức trẻ của đảng thuộc ủy ban *raion*, người rõ ràng không biết tí gì ngoài chủ nghĩa Mác, đã đến học viện của bà với một bảng kê để đánh giá sự giảng dạy của bà về một đề tài mà cả đời bà đã hiến dâng cho nó. Bà đã chứng minh trước những người khác sự dốt nát hoàn toàn của anh ta.

Bà còn có xu hướng tưởng tượng quái lạ. Thí dụ, không có một kinh nghiệm nào có thể làm thay đổi niềm tin của bà vào các phẩm chất thiêng liêng của công nhân Xô-Viết. Khi A.I. nói rằng Solzhenitsyn gọi Liên-Xô là "một sự láo khoét đã dựng lên cho một cách sống", bà nói: "Ông ta nói như thế là vì ông ta không tin tưởng giai cấp công nhân." Khi một công nhân bảo trì say sưa đến trước cửa, để hối mại về công việc y được đòi hỏi phải làm thì bà không xem anh ta như một con người như thế mà chỉ xem anh như một gương sáng chói của giai cấp vô sản quốc tế.

GRIGORY SERGEIEVICH N----- một cựu *bônsovich* khác là một đảng viên cộng sản từ Tháng Tư 1917 và là người đã tham gia các biến cố cách mạng vùng Urals. Anh đọc báo *Pravda* hàng ngày và cũng nhận được báo ở Sverdlovsk. Để được biết đầy đủ tin tức, anh nghe các đài phát thanh ngoại quốc như VOA, BBC và nhiều đài khác; hàng đêm anh cũng mở đài truyền hình Xô-Viết để xem tin tức của chương trình "Vremya". Tất cả những tin tức này giúp anh nhận định được tình hình thế giới, và anh luôn luôn viết thư cho Ủy Ban Trung Ương Đảng với đề nghị liên quan đến chính sách đối ngoại Xô-Viết.

Năm 1985, anh đưa ra những ý kiến sau đây:

Chính phủ Ba Lan không nên trả tiền lãi nào cho các khoản vay mượn của Tây Phương cả. Thật khó mà từ chối hoàn trả số vốn đã vay, nhưng Ba Lan nên dứt khoát không trả tiền lãi. Giải pháp cho vấn đề Afghanistan là tổ chức một lữ đoàn *Komsomol* để chiến đấu chống sự xâm lăng của Pakistan - các "chí nguyện quân", như họ đã từng được gọi trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha.

Ở Tây bán cầu, Liên-Xô phải đặt hỏa tiễn của mình tại Cuba và Trung Mỹ Châu. Liên-Xô cũng phải cố tìm cách thỏa hiệp với Canada. Sau hết, Hoa kỳ cũng đã thân thiện với Thổ nhỉ kỳ và đã đặt hỏa tiễn của họ không mấy cách xa biên giới Xô-Viết.

Grigory Sergeievich rất hân diện về mọi dấu hiệu của qui chế của mình và đã cho một khách viếng thăm xem một thư cảm tạ ngắn nh nhận được của Ủy Ban Trung Ương Đảng về lá thư đầu trong hai lá thư mà ông đã gửi cho họ, nhưng ông quan ngại bởi vì họ không bao giờ trả lời lá thư thứ hai của ông.

SOPHIA MAGARIC sanh tại Riga và học y khoa ở Petrograd. Trong những năm 1917-18, cô hoạt động bí mật cho đảng *bōnsovich* tại Latvia và sau đó, trở lại Nga năm 1918; ở đây, cô làm việc tình nguyện về y khoa trong thời gian nội chiến. Năm 1934, cô bị trục xuất khỏi đảng vì hoạt động bí mật cho đảng cộng sản Latvia và có thể việc này đã cứu đời cô. Khi các cuộc thanh trừng bắt đầu, nó nhầm vào những người đang là đảng viên của đảng Cộng Sản.

Sau khi Stalin chết, Magaric trở lại với đảng. Con của bà, Vladimir hỏi bà về các cuộc thanh trừng, nhưng bà không trả lời. Vladimir hỏi bà sao bà lại gia nhập một đảng đã gây ra không biết bao nhiêu đau khổ, nhưng bà cũng không chịu trả lời. Mặc dù với sự dè dặt như thế, Magaric vẫn thi hành đảng vụ một cách nghiêm chỉnh. Bà tham dự các *sobraniyes* rất đều đặn, và sau hai năm hoạt động kiệt sức, bà được cấp cho thâm niên liên tục trong đảng. Bà tiếp tục đọc Mác và Lênin và hồi ký của các cựu *bōnsovich* và tỏ lòng tôn kính Lênin.

Một sự kiện đặc biệt hình như đã khơi dậy trong con người của bà một cảm nghĩ về đảng. Đó là một ngày kỷ niệm lần thứ năm mươi cuộc cách mạng năm 1967, khi ai cũng biết là sẽ có những phần ân thưởng dành cho những người đã góp công sức thành lập nhà nước Xô-Viết.

Magaric ít khi nói về những gì liên quan đến đảng, nhưng bất thường đối với bà, nay bà đã nói nhiều lần với Vladimir là việc

tưởng thưởng sẽ sớm xảy ra. Bà có cảm giác là trên cơ sở hoạt động bí mật của bà trước ngày cách mạng với tư cách một thầy thuốc tình nguyện trong cuộc nội chiến và năm mươi năm phục vụ tận tụy không hề bị chê trách, một bác sĩ đã cứu sống được hàng trăm trẻ em, bà đáng được tưởng thưởng huân chương Lê nin, một huân chương cao nhất nước.

Bà được *raion* ủy ban đảng mời đến không bao lâu trước ngày lễ kỷ niệm và được ban cho "bằng tưởng lục", một tưởng thưởng thấp nhất. Bằng tưởng lục thường được cấp theo thông lệ cho tất cả các Cựu *Bônsovich*, ngay cả những người mới gia nhập đảng sau này, và một thủ tục thường lệ được áp dụng, theo đó, bằng tưởng lục có khuynh hướng được cấp cho các Cựu *Bônsovich* người Do thái, còn các huân chương cao hơn thì được ban cho người Nga.

Khi Magaric về nhà, bà không nói gì cả, nhưng con trai của bà thấy rõ qua nét mặt là bà vô cùng đau buồn. Một người bạn của bà gọi điện thoại và hỏi bà: "Bà đã nhận được gì vậy? Một huân chương Do thái phải không?"

Magaric nản lòng, thất vọng rất lâu. Bà không nói năng gì cả, nhưng sự đau khổ được biểu lộ qua giọng nói và nét mặt của bà. Bà biết rằng mình xứng đáng được Huân Chương Lê nin. Bà vẫn luôn luôn trung thành và kiên định với đảng trong suốt những năm dài hoạt động vô cùng cực nhọc. Bà trấn áp các mối ngờ vực của chính mình và tiếp tục tham dự các buổi sinh hoạt đảng, và giờ đây với cái tuổi bảy mươi mốt, bà muốn có vài dấu hiệu thừa nhận công lao, nhưng không bao giờ có.

**TÌNH TRẠNG CỦA** các Cựu *Bônsovich* rất quen thuộc đối với một người đàn ông tóc bạc ở Moscow, một người trong thập niên 1930 đã từng là một viên chức cao cấp trong chánh quyền Xô viết. Như qua một cuộc rút số may mắn trong "cuộc xổ số", ông nói, ông không bị bắn trong thời kỳ có các cuộc thanh trừng. Ông bị bắt năm 1939 và trải qua nhiều năm tại các trại lao động, được phỏng thích từ một *Gulag* sau cái chết của Stalin. Cựu viên chức

này đôi khi cũng nhắc đến sự gắn bó của các Cựu *Bônsovich* với chủ nghĩa Mácxít-Lêninít.

"Nếu một người đã mất hết tin tưởng vào quá khứ mình," ông nói, "người ấy có lúc phải tìm một lối thoát; đối với nhiều Cựu *Bônsovich*, lối thoát ấy là đảng; họ khao khát, "trở về với Lenin;" họ cố phân tích tình hình đang diễn biến trên căn bản những gì Lenin đã làm, và họ thường đi đến kết luận, bất chấp mọi việc, là họ phải phục vụ cho chánh quyền được Lenin dựng lên.

Cựu viên chức này còn nói có nhiều Cựu *Bônsovich* cố xét lại các niềm tin của mình, nhưng hầu như tất cả đều khụng lại không hề chỉ trích Lenin và cuộc cách mạng tháng mười. "Một người loại bỏ không nhìn nhận Stalin," ông nói, "một người khác cũng bài bác Stalin và vài hành động của Lenin; thí dụ thứ nhất là họ chê trách Stalin đã diệt trừ các Cựu *Bônsovich*."

Đã từng hiến dâng hoàn toàn đời mình cho nhu cầu của phong trào, các Cựu *Bônsovich* không thể loại bỏ chủ nghĩa Mác-Lê mà không nhìn nhận cả cuộc đời trước đây của họ là một sai lầm, một cái thế lưỡng nan mà phần nào, họ đã áp đặt cho cả nước. Trong số Cựu *Bônsovich* này có rất ít người có can đảm tinh thần nhìn nhận sai lầm như thế.

"Không thể nói gì được với họ," cựu viên chức này nói: "Họ giống cái máy hát đang chạy, nhắc đi nhắc lại những nhận xét điên khùng không liên quan gì đến thực tế; hiện nay vài người lại nghĩ đến các đồng nghiệp, các người thân trong gia đình, bạn bè đã bị bắt và bị giết; họ nhớ lại gương mặt các người này, những cuộc tranh cãi với nhau, họ cố tự chứng minh, trong lúc cuộc thanh trùng đang diễn tiến, là họ chỉ làm mỗi một việc mà họ có thể làm được; họ nói rằng cuộc cách mạng chưa xong, trong lúc những người khác cận tuổi già yếu, thì hay nói huyên thiên về những "sai lầm pháp luật".

### Các Tín Đồ

Các tín đồ đi tìm phép lạ . . .

Một buổi sáng mùa thu lạnh lẽo Tháng Mười Một năm 1981 vào lúc 5 giờ, tôi xuống xe lửa từ Moscow đến Velikiye Luki, đi qua cái phòng chờ đợi vắng vẻ của nhà ga, và đến một quảng trường rộng lớn. Tôi đến đây để cố tìm một phép lạ được biết hình như đã xảy ra tại đây trên hai mươi năm trước.

Trong lúc khu rừng bao quanh đây trở thành một cái bóng dưới ánh sáng xanh của buổi bình minh, tôi đi bộ qua thành phố còn đang ngủ và băng qua chiếc cầu cây trên con sông Lovat, sau cùng đến một khu nhà cây ghép có con đường đất bụi bậm chia đôi dẫn đến chân một đồi nhỏ. Ở phân nửa con đường lên đồi này, có một nhà thờ Cơ đốc chánh thống.

Ở Moscow, Cha Sergei Zheludkov thuật cho tôi nghe câu chuyện sau đây: Năm 1959, trong chiến dịch của Khrushchev chống tôn giáo, một cô gái còn trẻ ở Velikiye Luki được biết bị tàn tật suốt đời, bắt đầu đi được sau khi cầu nguyện tại Đền Thờ Ban Phuộc Xenia trong một nghĩa địa Smolensk ở Leningrad. Cô gái này tên Nina Novikova. Vào khoảng mươi tám tuổi, cô đã bị liệt, trong nhiều năm trời, không đi đứng được, nếu không có nạng.

Novikova thường đau ốm luôn và đôi khi phải nằm liệt không cử động được trong nhiều ngày. Cô có thể không còn hy vọng đi đứng một mình được nữa nếu không có một nhóm tín đồ thúc hối cô đi Leningrad để cầu nguyện được cứu khỏi bệnh tật tại đền kể trên.

Nina đi Leningrad vào mùa thu năm ấy, cầu nguyện tại đền và một phép lạ đã xảy ra. Sau gần nửa cuộc đời bị tê liệt, thình lình cô đi đứng lại được. Khi trở về Velikiye Luki, cô đi không cần có sự giúp đỡ và sự hồi phục của cô làm cho nhiều tín đồ rất vui mừng.

Tuy nhiên, tình trạng Novikova đi đứng không cần nạng giữa chiến dịch chống tôn giáo của Khrushchev, đã gây hoảng hốt trong số cán bộ đảng địa phương. Cô đã bị cơ quan KGB gọi đến trình diện và được yêu cầu phải tuyên bố là được các bác sĩ cứu chữa. Cô bị các nhân viên KGB chất vấn và bảo cô phải gỡ bỏ thập tự cô đang đeo. Khi cô từ chối, nhân viên KGB tát vào mặt cô. Một nhà tu ở Velikiye Luki viết thư cho Khrushchev phàn nàn

việc Novikova bị khủng bố, và nhà tu này lại bị tố cáo là vu khống.

Không khí ẩm ướt và lạnh thấu xương quanh nhà thờ gần bên một nghĩa địa cổ mọc xanh tươi và cây cối. Cái im lặng ẩm đạm chỉ có tiếng gáy của chim bồ câu đậu trên cái lầu chuông và trên nóc nghiêng của nhà thờ.

Những tia sáng đầu tiên cho thấy một ngày không mấy sáng sủa, và quanh nhà thờ chưa thấy dấu hiệu nào có sự sống. Tuy nhiên, đúng vào lúc 8 giờ sáng, nhiều phụ nữ với áo dài và khăn choàng đen, vài người lưng gù và vài người chống gậy, bắt đầu từ nhiều hướng đi đến, dừng lại quỳ xuống và làm dấu thập tự, xong đứng dậy đi khập khiễng trên con đường lát gạch quá mòn đến nhà thờ.

Đến 8 giờ sáng, sân nhà thờ vẫn còn vắng và tôi đi vào nhà thờ. Dưới ánh sáng lờ mờ rọi qua các khe cửa, các tín đồ bắt đầu mua đèn cầy và rồi ánh sáng của hàng trăm cây đèn đang cháy phản chiếu các hộp kính che đầy mười hình tượng. Nhiều bà già dịu dàng hôn các hộp kiến hình tượng, quỳ xuống thật thấp, hôn cả nền nhà thờ trước khi tập hợp trước một khoảng rộng trước bàn thờ chờ bắt đầu hành lễ.

Cuộc lễ kéo dài hai giờ và khi chấm dứt, nhiều tín đồ quỳ xuống, cúi sát trán xuống sàn nhà trước khi xếp hàng đi ra sân nhà thờ.

Mặc dầu trời bắt đầu mưa, một số tín đồ còn nán lại, tôi đến gần vài người và hỏi họ có biết gì về cô gái bị tê liệt và được chữa lành sau khi cầu nguyện ở đèn Xenia tại Leningrad hay không.

Một bà nói là không biết gì về bất cứ một phép lạ nào chữa lành bệnh cả. Thầy tu ở nhà thờ cũng nói là không bao giờ nghe nói đến việc này. Một trong số vài người đàn ông có dự lễ thì nói rằng không có một thứ phép lạ nào như thế đã xảy ra. Đám đông bắt đầu giải tán.

Tôi để ý đến một bà nhỏ người, lưng gù với mặt đầy nếp nhăn và cặp mắt hơi lé. Tôi hỏi bà này có biết gì về cô gái tê liệt ở Velikiye Luki đã được cứu khỏi và đã bắt đầu đi lại được.

"Ông muốn nói đến Nina," bà hỏi lại, tay nắm lấy hai đầu của khăn choàng màu xám dưới cầm bà, "cô gái đi bằng nạng phải không?"

"Phải," tôi nói, "đó là cô gái tôi đang nghĩ đến."

"Ồ, phải," bà nói, "đó là Nina Novikova; tôi không còn trông thấy cô từ nhiều năm nay rồi."

Bà già ngập ngừng một lúc như để cố nhớ lại một điều gì. "Nina là một cô gái xinh đẹp," bà nói, "nhưng họ không muốn để cô sống yên; cô đã đi bộ đến nhà thờ này."

"Đấy là lúc nào?" tôi hỏi, "sau khi cô đã được chữa lành à?"

"Phải sau đó, trước đó cô không bao giờ đi được, và từ lâu không ai còn thấy cô nữa."

Tôi mời bà nhỏ người cùng ngồi với tôi trên một băng gỗ dài, và khi chúng tôi vừa ngồi xuống, thì một bà với má tròn đỏ hồng và để râu mép màu xám cũng đến ngồi cạnh tôi. Tôi cố tiếp tục câu chuyện với bà nhỏ người nhưng bà mới đến kéo mạnh tay tôi để làm tôi chú ý, và bắt đầu nói với tôi về một sự trị bệnh mà nhiệm đã được một bà phù thủy thực hiện ở Odessa.

Không tin vì sao bà ta lại nhắc đến việc này, tôi hỏi bà có biết gì về một cô gái tên Nina Novikova không.

"Không," bà trả lời, "tôi không bao giờ nghe gì về cô có tên ấy cả", và bà nhìn tôi rất lâu.

"Tại sao ông lại chú ý đến trường hợp này?" bà hỏi.

"Chỉ vì tò mò thôi", tôi nói.

"Ồ, không," bà nói vừa nhăn mặt, vừa vét tóc phủ xuống cầm, "những câu hỏi như thế này không phải chỉ vì sự tò mò."

Có nhiều mật báo viên tại các nhà thờ Xô-Viết, và có một cái gì không thể lầm lẫn được với cái nhìn có tính toán của cặp mắt bà. Tôi quay lưng lại với bà và bắt đầu trở lại nói chuyện cùng bà già nhỏ người yếu đuối lúc nãy.

"Bà nghĩ sao," tôi hỏi, "khi nhận thấy Nina đi được?"

"Chúng tôi hết sức vui mừng," bà nói nhỏ nhẹ với nét mặt dịu dàng và cặp mắt hơi ướt, "chúng tôi cho đấy là dấu ấn từ Thượng Đế."

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, có nhiều phụ nữ khác bu đến. Họ nói chuyện tự do và tôi nhận thấy trước đây họ im lặng là vì lo sợ. Câu chuyện họ kể tại sân nhà thờ phần nào khác với những gì tôi được Cha Sergei ở Moscow cho biết. Họ nói Novikova bị gãy xương sống đang chơi trượt tuyết, khi vào bệnh viện, những rung chuyển thật nhỏ cũng làm cho cô đau đớn đến độ phải la hét như đang hấp hối. Các bác sĩ cố trị liệu đủ cách, nhưng vô hiệu. Cuối cùng, cô được đưa về nhà và các bác sĩ thu xếp để cô được hưởng trợ cấp tàn phế, một giải pháp nhìn nhận rằng không thể làm gì được cho cô nữa.

Một bà tự giới thiệu mình là một cựu nữ y tá đã săn sóc cho Nina. Bà nói bà thấy ảnh chụp quang tuyến X xương sống của cô và xương sống này lệch hẳn và biến dạng làm cho cô không thể đi đứng được trong những điều kiện như vậy.

Khi trở về từ Leningrad, Nina vẫn đi lại được bình thường. Tin cô được lành bệnh loan truyền ra rộng rãi và nhà cầm quyền tố cáo cô tuyên truyền cho tôn giáo. Khi cô từ chối tuyên bố mình được các bác sĩ chữa trị, một bài báo được đăng trên tờ báo địa phương, tố cáo cô tự cho là được Thượng Đế cứu cho lành bệnh.

Đầu tiên, Novikova trốn tại nhà mẹ cô và ít khi đi ra ngoài. Sau đó, cô đến sống với một tín đồ và cuối cùng cô rời khỏi Velikiye Luki đến sống tại một nữ tu viện.

Sân nhà thờ trở lại rất yên lặng. Sau câu chuyện về những gì đã xảy ra cho Nina được thuật lại, tôi nhận thấy ngoài những bà già cả với y phục bao trùm mình bao quanh tôi, chỉ có mỗi một người đàn ông còn trẻ mặc áo vét đen đang đứng gần cuối đường lát gạch đi đến nhà thờ.

Khi nhóm người chúng tôi ra đi tú tán, bà có râu mép vẫn đứng sát vào tôi yêu cầu tôi đi với bà ta đến gặp một thầy phù thủy, nhưng tôi phớt lờ và đi theo bà cựu y tá trên con đường lát gạch nhà thờ đến con đường đất bụi bậm dẫn vào thành phố. Người mặc áo đen đi theo sau chúng tôi, núp sau các bụi cây trong cố gắng không muốn cho ai nhận thấy.

Vài tháng sau khi trở về Moscow, tôi đã gặp lại Cha Sergei và thuật cho ông nghe về chuyến đi của tôi đến Velikiye Luki. Ông

nhìn nhận chính ông là người đã khiếu nại với Khruschev về việc cô Novikova bị khủng bố. Và khi tôi thuật cho ông nghe những gì tôi được biết ở Velikiye Luki, ông nói nó phù hợp, nói chung, với những gì đã xảy ra ở đó.

"Tôi không nghe nói đó là một tai nạn trượt tuyết," ông nói, "nhưng việc đó có thể xảy ra. Về kết quả của quang tuyến X, tôi không tin. Lúc ấy, người ta cho rằng Nina đã bị tê liệt, chớ không phải lưng của cô bị gãy. Chứng tê liệt không được biết lý do."

Cha Sergei nói ông chỉ được cứu khỏi tội vu khống khi một tín đồ trình bày với viên biện lý là có một sự gì bất thường xảy ra cho Novikova, và nhờ vậy mà hồ sơ về vụ này được xếp lại vì thiếu bằng chứng.

Ông cho biết sự thật, Novikova đã rời khỏi Velikiye Luki, nhưng ông không nói có phải cô đã đến sống tại một tu viện hay không. Ông không bao giờ tìm hiểu được những gì xảy ra cho cô, và sau khi ông có vấn đề vì phép lạ này, ông cũng rời bỏ thành phố Velikiye Luki.

**NGÀY 26 THÁNG TU, 1987**, vào lúc 8 giờ sáng, tại làng nhỏ Grushevo miền tây Ukraine, Maria Kizyn chín tuổi, ra khỏi nhà sau khi đóng cửa cây và bắt đầu đi về hướng nhà thờ trên con đường đất bụi bặm. Hôm nay trời có mây u ám, mặt đất vẫn còn vài đống tuyết trắng đó đây. Thinh linh, Maria nhận thấy những luồng hơi ấm từ phía nhà thờ đưa lại. Em nhìn lên và nhận thấy một bà mặc toàn đen đứng lơ lửng khỏi mặt đất khoảng một thước trước cửa nhà thờ.

Maria chạy trở về nhà.

"Mẹ ơi," em kêu lên, "Đức Mẹ Đồng Trinh xuất hiện".

Mẹ Maria, Yaroslava Fyodorovna lập tức cùng Maria chạy đến nhà thờ, và bà cũng nhận thấy hình bóng như thế.

Maria và mẹ em thuật lại cho hàng xóm và trong vòng mười lăm phút sau, tin này được loan ra khắp làng.

Nhiều ngày sau đó, hình bóng này không biến mất. Người ta vẫn còn thấy như một tượng vô hình và tin được loan đi khắp

*raion* Drohobicz. Trong hai tuần lễ, toàn thể *oblast* Lvov bàn tán chuyện này và chính tại Lvov cũng có lời đồn Đức Mẹ Đồng Trinh mặc áo màu xanh vàng, màu cờ của Ukraine.

Dân chúng bắt đầu kéo đến Grushevo càng ngày càng đông, các đài phát thanh ngoại quốc tường thuật sự xuất hiện này của Đức Mẹ Maria. Tháng Sáu, hàng ngàn người hành hương kéo nhau đến đây. Không ngày nào mà làng này không có từ 40.000 đến 100.000 người. Không thể nào đi xe lửa đến Dorozhev là nhà ga gần nhất được. Tại trung tâm làng Grushevo, quanh nhà thờ, luôn luôn có hàng ngàn người cầu nguyện cả đêm, nhiều người cầm đèn nến trắng.

Nhà cầm quyền địa phương ngạc nhiên và sững sốt. Họ không cho xe buýt chạy, cấm xe hơi chạy từ Lvov đến Drohobicz, và ra lệnh cách ly Drohobicz vì gia súc mắc bệnh. Khi xe hơi bị cấm chạy, dân chúng bỏ xe đi bộ và con đường bụi bậm dẫn đến Grushevo bắt đầu bị nghẹt vì đầy xe hơi bỏ rác. Dòng người không còn có thể đẩy lùi được nữa.

Ivan Gell, một sử gia và là một tù nhân chánh trị vừa được phóng thích, đang sống với bà mẹ tại làng Klitzko gần Lvov; nơi đây, anh chăn cừu cho nông trường tập thể *Bônsovich* và giúp việc chăm sóc cho 183 con bò sữa. Anh nghe nói đến việc Đức Mẹ Đồng Trinh xuất hiện gần như ngay lúc ấy, nhưng anh không thể bỏ bầy bò được. Và lúc anh đi đến được Grushevo là vào cuối Tháng Năm. Khi Gell đến gần làng, các nóc vòm tròn của nhà thờ Ukraine được một vầng hào quang chiếu sáng. Anh chen lấn để đến trước đám đông và nhận thấy hình bóng một người đàn bà và một hài nhi đang lơ lửng trên không cách xa vách nhà thờ khoảng một thước rưỡi. Hình ảnh hiện ra rất rõ ràng và dân chúng đang say mê cầu nguyện.

Trong lúc đang nhìn hình ảnh này, Gell bị tràn ngập bởi cảm tưởng thời gian anh bị tù không phải là vô ích. Anh cảm thấy sự đoàn kết của hàng ngàn người muốn có tôn giáo và một quốc gia Ukraine.

Tháng Năm, Gennady Sitenko, một nhân viên gác đêm Nhà hát múa rối ở Moscow, nghe một người bạn thuật chuyện Đức Mẹ

Maria xuất hiện ở Grushevo. Trong nhiều tháng trời, Sitenko đã nghĩ rằng Đức Mẹ Đồng Trinh sẽ sớm xuất hiện; vì vậy, khi nghe tin sự kiện xảy ra tại Grushevo, anh không ngạc nhiên và quyết định đi viếng một tu viện ở Kiev, sau đó là tu viện của làng Alexandrovka, cách Belgorod 120 dặm, nơi Đức Mẹ Maria đã xuất hiện trong thập niên 1920. Đến những nơi này, anh có cảm tưởng như đang ở trên một thánh địa. Anh cũng đến tu viện ở Mukachevo và cuối cùng là tu viện Uspensky Pochaev ở Pochaev. Tại đây, anh được chỉ cho cách đi đến Grushevo.

Ngày 14 Tháng Sáu, Sitenko đi Grushevo bằng xe buýt; xe buýt dừng lại cách làng 5 dặm, và từ đó anh xin qua giang một người địa phương để đi xe đến nhà thờ Grushevo; nơi đây, anh thấy đã có hàng ngàn người, nhiều người đang quỳ gối.

Hôm ấy là một ngày mưa, và mới đầu, Sitenko không thấy gì cả. Nhưng sau đó một phút, anh thấy Đức Mẹ đang lơ lửng gần bao lớn, cúi chào các tín đồ.

Gennady mô tả những gì anh thấy sau đây:

"Ánh sáng phát xuất từ bao lớn và làm cho cây cỏ có màu xanh sắc sỡ và sáng chói. Trời mưa, nhưng dòng ánh sáng bắt đầu làm thay đổi môi trường phụ cận bắt đầu có màu vàng rực sáng. Với sắc vàng, quanh vùng trở nên có vẽ giàu có và rực rỡ hơn."

"Một ánh sáng phát ra từ hình ảnh Đức Mẹ, toàn thể vùng này bắt đầu giống như một ảnh tượng sinh động bằng vàng. Vùng trời bao la trở thành màu vàng, mưa tan biến và ánh sáng từ hình ảnh Đức Mẹ phát ra xung động."

"Tôi có cảm giác một luồng ánh sáng trên người tôi soi vào tim tôi và gia tăng tình thương mẹ hơn mười lần, như một ngọn gió nhẹ bao trùm lấy tôi. Bản nhạc hòa âm vĩ đại trên thế giới vang lên trong tai tôi. Khi người dân quan nhìn tôi với vẻ nghi ngờ, tôi nhận thấy tôi yêu mến anh ta."

Đến đêm, đã có hàng ngàn người tay cầm nến. Một vài người than khóc vì không thấy Đức Mẹ, họ thở hổn hển khi nhận thấy cử động của bàn tay bà.

Nhân viên KGB và cảnh sát thường phục cõi lôi kéo người ra khỏi đám đông. Khi họ nghe tiếng cầu nguyện có tổ chức, họ

dùng loa phóng thanh la lên: "Ngưng lại đi! Không được làm mất trật tự!".

Một tu sĩ nói: "Chúng tôi cầu nguyện cho dân chúng Ukraine chúng tôi, cho con cái chúng tôi, và cho những tội phạm và những người vô thần đã khủng bố chúng tôi."

Trong lúc trời bắt đầu tối, hai ngọn đèn pha to lớn, loại đèn rời tìm phi cơ, được đưa đến và cho chiếu vào nhà thờ, nhưng hình ảnh vẫn còn được trông thấy. Ngày hôm sau, các báo địa phương đăng tin cho rằng các đèn pha chiếu sáng đã chứng tỏ hình bóng là một ảo ảnh của thị giác, nhưng những người hành hương thì vẫn tiếp tục đi đến Grushevo để được thấy Đức Mẹ Maria, nhiều tuần lễ sau đó.

# 13

## UKRAINE

"Ukraine chưa chết"

- Quốc ca người Ukraine

KIEV, 24 THÁNG 8, NĂM 1991

ÁNH SÁNG MỜ NHẠT xuyên qua làn kính mờ của trần nhà sảnh đường Tối Cao Xô-Viết dân Ukraine, trong lúc Leonid Kravchuk đến ngồi tại bàn đặt trên bục cao dành cho phát ngôn viên, các đại biểu, những người đang còn bị chấn động vì những biến cố đã xảy ra cách đây sáu ngày, ngồi trên các dãy băng xếp hàng ngang nhau. Trước đây ba ngày, cuộc đảo chính để duy trì Liên Bang Xô-Viết đã chấm dứt, và giờ đây vấn đề độc lập cho Ukraine đang được đặt ra. Không ai tin rằng những người Cộng Sản, đang nắm đa số tại nghị viện, lại có thể bỏ phiếu cho Ukraine độc lập. Nhưng công nhân các nhà máy lớn ở Kiev thì đang vận động tổ chức chiếm lấy nghị viện nếu họ, những người cộng sản, từ chối.

Đúng 10 giờ sáng, Kravchuk tuyên bố khai mạc phiên họp, hai đại biểu thuộc phe đối lập, Ihor Yukhnovsky và Dmitro Pavlichko, liền yêu cầu ông giải thích về sự thất bại kêu gọi dân chúng xuống đường trong thời gian xảy ra cuộc đảo chánh.

Với vẻ bình tĩnh và tự tin, Kravchuk nói mục tiêu của ông là ngăn không cho áp đặt tình trạng khẩn trương ở Ukraine; ông đã cân nhắc không kêu gọi biểu tình để tránh nhà cầm quyền có cớ để phỏng tay đòn áp. "Tôi không có binh lực dưới quyền và cũng không có KGB của Ukraine," ông nói, "chủ quyền phải được

cứng cối và bảo vệ. Nhưng nếu những người âm mưu đảo chính đưa xe tăng đến các đường phố Kiev, thì phản ứng của tôi có thể khác."

Khi Kravchuk dứt lời, các đại biểu dân chủ liền nói ông đã chứng tỏ tư cách hèn nhát trong cuộc đảo chính thì ông phải từ bỏ quyền lãnh đạo. Tuy nhiên, Kravchuk không bị bãi chức và nói: "Tôi bị bắt buộc phải vận động để "duy trì hoà bình".

Người phát biểu kế tiếp là Stanislaw Gurenko, đệ nhất bí thư của Đảng Cộng Sản Ukraine. Những lãnh tụ đối lập ở Lvov đã lục soát trụ sở đảng này và tìm được các bản sao chỉ thị của Gurenko ban cho các tổ chức đảng kêu gọi họ phải tuân lệnh ủy ban đảo chánh. Nhưng Gurenko là người thực sự kiêu căng, ông nói rằng đảng không tham gia cuộc đảo chánh và vẫn tiếp tục là quyền lực cai trị xã hội.

Lời phát biểu của Gurenko gây xúc phạm và nổi giận toàn hội trường. Nhiều đại biểu la lớn "Nhục nhã!" và cả chục người khác chạy lên bức diên đàn la to: "Ông phải bị bắt." Gurenko cố tiếp tục nói, nhưng tiếng la hét lấn át cả tiếng nói của ông, và tình trạng rối loạn gia tăng, người Cộng Sản và những người đối lập to tiếng với nhau và hình như gần đến việc sử dụng tay chân không biết lúc nào.

Cuối cùng, Larysa Skoryk, một bà đại biểu từ Kiev, được người Ukraine gốc Mỹ và Canada xem như "con bò chơi của phe đối lập" chen lấn thúc cùi chỏ vào các đại biểu đang bao quanh bức diên đàn, xô đẩy Gurenko ra khỏi bức và la lên: "Ông này không có quyền nói, ông phải bị bắt giữ". Nhận thấy không có cách nào tiếp tục phát biểu, Gurenko bước xuống bức diên đàn và bỏ ra khỏi phòng họp. Kravchuk liền kêu gọi nghỉ giải lao và sảnh đường trở lại vắng vẻ.

Lúc này đang có gần mươi ngàn người biểu tình tại quảng trường bên ngoài tòa nhà nghị viện, họ cầm hàng trăm lá cờ màu xanh vàng Ukraine và biểu ngữ "CHÚNG TÔI KHÔNG PHẢI LÀ BẦY TRÙU - và - XIN TỪ GIÃ, TỪ GIÃ LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI XÔ VIẾT". Vyacheslav Chornovil, một đại biểu và là cựu tù nhân chánh trị, rời khỏi nghị viện để ra nói chuyện cùng dân

chúng: "Chúng ta sẽ giữ vững đất nước chúng ta ở đây," ông nói, "đất nước này là của đồng bào, và đồng bào giữ vững ở đây."

Sau khi nghỉ giải lao, các đại biểu dân chủ bắt đầu phát biểu. Họ kêu gọi thành lập quân đội Ukraine và tố cáo đảng phải chịu trách nhiệm về nạn đói chết người thập niên 1930 và tai nạn nổ nhà máy điện nguyên tử Chernobyl. Volodymyr Yavorivsky, một đại biểu Kiev nói, lịch sử của Ukraine là một chuỗi dài tranh đấu cho độc lập. "Con cháu chúng ta sẽ không tha thứ cho chúng ta" ông nói, "nếu chúng ta làm mất cơ hội may mắn này." Nhiều người Cộng Sản ngồi ôm đầu và nhìn xuống sàn nhà. Cuối cùng, Yukhnovsky kêu gọi bỏ phiếu về vấn đề độc lập và một lần nữa Kravchuk kêu gọi nghỉ giải lao.

Những người Cộng Sản rời khỏi sảnh đường để cùng nhau họp tại phòng chiếu bóng dưới hầm tòa nhà. Họ hoàn toàn bị mất hướng. Một ngày trước đây, nghị viện Nga đã đình chỉ hoạt động của Đảng Cộng Sản Nga và phần lớn những người cộng sản nhận thấy họ không còn sự chọn lựa nào khác hơn là tránh không tham gia vào cuộc đảo chính, mà còn phải tránh xa các biến chuyển tình hình ở Nga. Tuy nhiên, ý đồ của người Cộng Sản có sáng kiến giải tán Liên-Xô, đối với nhiều người, hình như không thể tin được. Một đại biểu nói: "Tôi không thấy tại sao chúng ta phải độc lập, chúng ta không làm điều gì sai quấy cả."

Tuy nhiên, cuộc tranh luận bắt đầu ngay nhằm vào vấn đề quyết định xem người Cộng Sản có thể còn tiếp tục cầm quyền trong một nước Ukraine độc lập hay không. Vài đại biểu Cộng Sản bắt đầu lý luận rằng với Yeltsin cầm quyền ở Moscow, độc lập là một cách để cứu vãn sự thống trị của Cộng Sản ở Ukraine, có thể dưới một danh xưng khác. Trong lúc đó, mọi người đều nhận thấy là người Cộng Sản có thể mất hết nếu họ chống lại và nghị viện sẽ bị giải tán bằng vũ lực. Gurenko tóm tắt tình hình như sau: "Nếu chúng ta không bỏ phiếu cho độc lập, tai họa sẽ đến với chúng ta".

Đến 4 giờ chiều, các đại biểu Cộng Sản bắt đầu thương lượng. Lãnh tụ Olexander Moroz tiếp xúc kín đáo với ủy ban đối lập và cho họ biết ông nhận thấy khó mà bỏ phiếu tán thành độc lập nếu

không có một cuộc trưng cầu dân ý. Một lúc sau, Pavlicko, Yukhnovsky và Yavorivsky đưa cho Moroz bản văn tuyên bố với điều khoản phải có trưng cầu ý dân.

5 giờ chiều, cuộc tranh luận về bản tuyên bố bắt đầu trong ủy ban bầu cử. Nhiều đại biểu Cộng Sản không ngồi ghế của họ mà lại đứng lên, cố tự trấn an và đi tới đi lui. Cuối cùng, cuộc bỏ phiếu về bản tuyên bố được thực hiện bằng cách giơ tay; những người Cộng Sản quyết định ủng hộ. Sau đó, họ xuống phòng họp dưới tầng hầm trong tâm trạng vẫn còn bị bàng hoàng, xúc động vì những gì họ đã làm, nhưng tranh cãi với nhau chỉ còn có cách duy nhất đó để họ còn giữ được quyền lực ở Ukraine.

Đến 6 giờ kém 5 phút chiều, một sự im lặng căng thẳng bao trùm sảnh đường Tối Cao Xô-Viết trong lúc các đại biểu trở lại chỗ ngồi của họ để chuẩn bị bỏ phiếu về bản tuyên bố độc lập. Kravchuk tuyên bố trao lời cho Levko Lukyanenko, một cựu tù nhân chính trị khác đã trải qua hai mươi ba năm trong các trại lao động Xô Viết.

Lukyanenko thay Kravchuk trên bàn chủ tọa, kêu gọi cuộc bỏ phiếu về việc Ukraine có phải tuyên bố là một "quốc gia độc lập, dân chủ" hay không.

Trong lúc các đại biểu bỏ thẻ của mình vào máy bỏ phiếu trên bàn họ, tất cả các cặp mắt đều nhìn lên màn hình điện tử gắn trên tường. Có tiếng vèo vèo trong lúc máy hình đang đếm phiếu và mọi người đang chờ quyết định của lịch sử. Thình lình kết quả hiện ra: 392 phiếu thuận độc lập, 4 chống. Cả sảnh đường vô tay như sấm.

Những người quốc gia tin họ đã đạt được mục tiêu giành độc lập cho Ukraine rồi, còn những người Cộng Sản thì tin họ đã tránh được một thảm họa và có thể cứu vãn được vị thế của họ trong một nước Ukraine mới.

Đến 9 giờ đêm, theo lời yêu cầu của Chornovil, Kravchuk cho phép dân chúng vào sảnh đường nghị viện. Các cửa được mở rộng và dân chúng tràn vào, tay cầm một lá cờ hai màu xanh vàng to lớn, màu cờ Ukraine. Lá cờ được trải lên bàn dài của chủ tọa đoàn và những người quốc gia bắt đầu hợp ca "Hey u Luzi

"Chervona Kalyna", quốc ca không chính thức của Ukraine, và bản quốc thiều "Ukraine chưa chết". Lukyanenko cố sức kêu gọi trật tự nhưng vô hiệu. Cuối cùng, sau độ mười phút, sảnh đường im lặng trở lại và Lukyanenko nói: "Chánh nghĩa mà nhiều thế hệ chúng ta đã đấu tranh gian khổ nay đã thành tựu; những gì các quốc gia khác tất nhiên đã có được từ lâu - một nhà nước riêng - cuối cùng chúng ta cũng đã có được."

Cảnh tượng ở nghị viện Ukraine đánh dấu sự kết liễu của một quá trình đã xảy ra hơn năm năm qua. Khi Gorbachev và các đồng nghiệp của ông đưa ra chánh sách *glasnost*, họ chỉ có một khái niệm nhỏ nhoi là cuối cùng nó sẽ đưa dẫn đến sự tách rời của Ukraine. Tuy nhiên, với diễn tiến của *glasnost*, chiều hướng lịch sử của Ukraine đã thay đổi. Chánh sách *glasnost* phá vỡ sức hút của chủ nghĩa "quốc tế" mác xít và với sự hiểu biết của người Ukraine về chi tiết đồng hóa của người Nga cùng nạn đói giả tạo ở Ukraine trong thập niên 1930, đã làm cho các mối liên hệ Nga-Ukraine có một trạng thái khác. Lần thứ nhất, nhiều người dân Ukraine bắt đầu nhận thấy đất nước họ không phải là một "cộng hoà anh em" mà là một nước bị áp bức và tinh thần quốc gia bắt đầu tái xuất hiện.

Xu thế hướng về độc lập của Ukraine là sản phẩm của sự tái nhận định này. Tại miền tây Ukraine, phần đất do Liên-Xô thôn tính sau Đệ Nhị Thế Chiến và lập tức bị khủng bố hằng loạt, quyết tâm lật đổ sự thống trị của Xô-Viết vẫn luôn luôn nhúm. Tuy nhiên, tại phần còn lại của Ukraine, quyết tâm này từ từ phát triển, trong khi ngày càng nhiều người dân - bị mất định hướng do sự sụp đổ của Liên-Xô, dưới tác động của thông tin được tự do hơn và lý thuyết phổ thông đã từng định nghĩa cuộc sống của họ - đã trải qua một cơn khủng hoảng ý thức và bắt đầu thay đổi quan điểm của họ về một thế giới đã có lúc quen thuộc với họ.

**SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ĐẦU TIÊN** của nỗ lực tranh đấu giành độc lập của Ukraine là cuộc khai mạc Đại Hội Phong Trào Bình Dân

Tái Cấu Trúc Ukraine gọi tắt là *Rukh*, một tổ chức chính trị đối lập đầu tiên tại Kiev hồi Tháng Chín, 1989.

Năm 1987, nhiều câu lạc bộ độc lập bắt đầu được tổ chức tại Ukraine, gồm nhiều nhóm môi sinh như nhóm "Màu xanh" [Greens] và Hội Shevchenko của Ngôn Ngữ Ukraine, mà mục tiêu là bênh vực ngôn ngữ của người Ukraine. Nhưng vào lúc ấy, không khí tại Ukraine vẫn còn bị áp bức, đặc biệt so với các quốc gia vùng *Baltic*. Những người ly khai hay bất đồng chánh kiến đều bị bắt bớ và sa thải, các báo chí bí mật (*samizdat*) bị tịch thu. Tháng 9 năm 1988, cảnh sát Lvov đã tấn công một đám đông biểu tình bằng chó.

Tháng Ba, 1989, một nhóm nhà văn ở Kiev, dưới ảnh hưởng của phong trào quốc gia ngày càng gia tăng trong vùng *Baltic*, đã thành lập đảng *Rukh*. Đầu tiên, nhóm này đành phải cay đắng tuyên bố trung thành với chủ nghĩa cộng sản. Cương lĩnh của họ, được đăng tải trên tờ báo *Literaturnaya Ukraina*, kêu gọi dân chủ hóa và một nền văn hóa độc lập, nhưng cũng nói đến "vai tuồng lãnh đạo" của đảng cộng sản và "tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội". Tuy nhiên, các thành viên của hội ngôn ngữ Shevchenko đã bắt đầu cho luân lưu nhiều kiến nghị tại các nhà máy, đòi hỏi tổ chức *Rukh* phải được cho phép thành lập và hoạt động. Chỉ trong khoảng vài tuần lễ, họ thu được hàng trăm chữ ký ủng hộ đảng *Rukh*, nhất là ở Miền tây Ukraine.

Chủ trương của đảng *Rukh* cũng được sự ủng hộ ở Kiev, và sự cần thiết của một tổ chức như vậy được mang ra thảo luận trên đài truyền hình Ukraine. Trong lúc đó việc thành lập đại hội được khai mạc vào Ngày 8 Tháng Chín, 1989, tổ chức mới này được sự chú ý khắp Ukraine.

Đại Hội *Rukh* với sự tham dự của 1.500 người và được phát hình khắp nước cộng hòa, các phát ngôn viên tường thuật nạn đói giả tạo năm 1933, sự Nga hóa, các bất công của hệ thống xã hội và tai nạn Chernobyl đối với môi trường sống của Ukraine với một sự thảng thắn mà từ trước đến nay chưa bao giờ được diễn đàn dân chúng chánh thức lên án. Mặc dù nhiều phát ngôn viên cố gây cảm tưởng họ là những người đề xuất cải cách và do đó,

họ vẫn muốn duy trì hệ thống chánh quyền Cộng Sản, thực sự đây là lượn sóng ngầm cách mạng. Cuối ngày đầu tiên, một đại diện mặt trận bình dân Latvia đứng lên nói: "Tất cả chúng ta đang đi về một hướng, đó là thanh toán nền độc tài Cộng Sản và thiết lập một hệ thống chính trị đa đảng".

Cả hội trường vỗ tay hoan nghênh như sấm nổ.

**TRONG LÚC ĐANG NHÌN** đám đông dân chúng tập hợp tham dự Đại hội đảng *Rukh* tại Viện Bách Khoa Kiev, Miroslav Popovitch, chủ tịch đảng bộ Kiev, có cảm giác đang chứng kiến một cuộc họp quốc gia của toàn Ukraine. Trước đây không bao giờ ông được dự kiến một cuộc mết-tinh có nhiều sắc dân và nghề nghiệp khác nhau - Cô-zắc, các Giáo Sĩ Chính Thống, thợ mỏ than, người Tắc-ta Crimê, viên chức đảng - đang tự do tỏ bày ý kiến.

Sau một ngày bàn cãi về sinh thái ở Ukraine, bầu cử Xô-Viết Tối Cao Ukraine, ngôn ngữ Ukraine, biểu tượng quốc gia và các vấn đề sắc tộc gồm phong trào chống người Do Thái và Á rập (đã bị lén án), các bài diễn văn xoay qua vấn đề kiểm soát chánh trị trong cộng hòa Ukraine. Lukyanenko nói: "Lịch sử của chúng ta là một lịch sử bị chiếm đóng, chúng ta khốn khổ nhất dưới sự thống trị của Nga; vì vậy mục tiêu của chúng ta là phải rời bỏ Liên-Xô". Sergei Konyev, một đại biểu khác, kêu gọi "chấm dứt thời đại con khủng long chánh trị". Ông nói, Vladimir Shcherbitsky, lãnh tụ đảng, phải bị đưa ra xét xử về việc giải quyết tai họa nhà máy điện nguyên tử Chernobyl. "Không thể nói chuyện cải cách ở Ukraine khi mà các tội phạm trách nhiệm vụ Chernobyl vẫn còn nắm giữ quyền lực."

Trong lúc nhìn từ chỗ của mình trên bức ảnh dành cho các thành viên lãnh đạo đảng *Rukh*, Popovich tin chắc rằng một sự phục hưng quốc gia đang diễn tiến.,

Từ nhiều năm qua, Popovich làm việc tại Viện Triết Học Kiev, viết nhiều tác phẩm về khoa học triết lý và toán học *logic*. Một trong số sáng tác của ông là *Lôgic và Hiểu Biết Khoa Học*, một sáng tác lý luận khoa học dành cho độc giả phổ thông. Bản thảo

không có bất cứ một trích dẫn nào của Mác hay Lenin cả; khi bản in đầu tiên đã sẵn sàng, Popovich bị đe dọa đuổi việc vì lý do "thiển cận chánh trị" và bị bắt buộc phải thêm những trích dẫn ấy. Một thời gian sau, ông tổ chức một hội nghị khoa học và bị một đại diện Ủy Ban Trung Ương đảng cho là có "những lỗi lầm thô thiển về phương pháp luận". Lý do hóa ra, là vì ông không mở đầu quyển sách mỏng tổng kết tài liệu cho hội nghị với một trích dẫn của Brezhnev. Cả sau khi Gorbachev bắt đầu nói về sự cần thiết phải thay đổi và dùng các từ *glasnost* và *perestroika*, đối với Popovich hình như Shcherbitsky chống lại việc cải cách ở Ukraine. Các tờ báo ở trung ương Xô-Viết đã được thêm tự do, nhưng tại Ukraine thì báo chí vẫn bị kiểm soát và cũng không có thay đổi gì cả ở cấp lãnh đạo cao nhất.

Tuy nhiên, tình hình đã bắt đầu thay đổi do hậu quả của tai nạn xảy ra tại nhà máy điện Chernobyl, Ngày 26 Tháng Tư, 1986.

Đêm 27 Tháng Tư, Popovich gặp một trợ giáo tại phòng ngoài của viện, vẻ kinh hoàng và nói như muốn đứt hơi thở. "Ông có nghe tin gì không?" bà hỏi, "đã có tai nạn tại nhà máy điện Chernobyl."

"Bà có biết việc gì đã xảy ra không?", Popovich hỏi lại.

"Tôi không biết," bà nói, "nhưng tôi nghe nói là nghiêm trọng lắm".

Popovich trả về nhà và nghe một trong các đài phát thanh ngoại quốc đang bị nhiễu sóng. Ông biết rằng nếu có một tai nạn, thì tin tức sẽ không được đài phát thanh Xô-Viết tường thuật. Nhưng cả đài *Deutsche Welle* (Đài phát thanh Đông Đức) cũng không nghe được gì cả.

Vài ngày sau, Kiev lại bị tràn ngập nhiều tin đồn, và Ngày 29 Tháng Tư, đài BBC phát đi tường thuật đầu tiên chi tiết về vụ nổ và hơi phóng xạ bị thoát ra và kêu gọi dân chúng Kiev đóng hết các cửa sổ, rửa sàn nhà và ở trong nhà.

Tình hình rối loạn bắt đầu. Không có một chỉ dẫn nào từ nguồn tin Xô-Viết kêu gọi dân chúng đừng lo sợ, nhưng lại có nhiều tin đồn có cuộc di tản to lớn tại địa điểm của nhà máy. Các

đài phát thanh ngoại quốc, được nghe mặc dù bị phá sóng, báo rằng sức nổ đã làm thoát hơi phóng xạ lớn lao nhất trong lịch sử năng lượng nguyên tử. Ngày 1 Tháng Năm, một ngày tươi đẹp có ánh sáng mặt trời, các nhà lãnh đạo Cộng Sản Ukraine đã tổ chức lễ truyền thống Tháng Năm, diễn hành và con đường Kreshchatik, con đường chính của Kiev, đông đảo công nhân với cờ xí, biểu ngữ màu đỏ, vũ nữ dân tộc Ukraine nhảy múa, quay lượn và trẻ em cầm bông giấy; tất cả những người này đều không hay biết là mình đang bị phơi trần dưới những độ phóng xạ trong không khí gần hai ngàn lần cao hơn bình thường.

Ngày 2 Tháng Năm, Kiev bị hốt hoảng. Lý do là vì các đài phát thanh ngoại quốc cho biết, con cái của những người lãnh đạo cộng sản đang được cho di tản. Rồi vào lúc cuối ngày, hầu hết mọi người đều cố tìm cách đưa trẻ con, đàn bà còn trong thời kỳ sinh đẻ, ra khỏi thành phố. Ngày 3 Tháng Năm, truyền thông chính thức nhà nước vẫn im lặng về tai nạn, Popovich đưa ra một cuộc thảo luận trên đài truyền hình địa phương về vấn đề kinh tế. Ông biết rằng đây là một đại họa, nhưng ông không dám đề cập đến nó trên đài truyền hình. Sau khi chấm dứt chương trình, Popovich đưa một viên chức Moscow, một trong những khách của ông, ra ga xe lửa; nơi đây hàng trăm người bao vây mỗi chuyến xe, cố đưa người nhà lên các toa xe hành khách chật nứa người. Viên chức này hoảng hốt và cùng Popovich đi từ sân ga này đến sân ga khác để tìm cách lên bất cứ chuyến xe nào rời khỏi Kiev. Với sự giúp đỡ của Popovich, viên chức này cuối cùng cũng chen lên được một chuyến xe đi Moscow vào khuya đêm ấy.

Ngày 4 Tháng Năm, Popovich đưa con gái và cháu gái ông đến nhà ga đang trong tình trạng hoàn toàn hỗn loạn. Vé đi xe trở thành vô nghĩa. Xung đột diễn ra trên sân ga trong khi đàn ông chen lấn đàn bà và trẻ em trong các toa xe hành khách. Các toa xe chật cứng người đến nỗi không thể đóng cửa xe, và mỗi chuyến xe rời khỏi ga như các toa xe điện ngầm trong những giờ cao điểm. Cuối cùng Popovich đưa được con ông lên được

chuyến xe đi Leningrad với đứa cháu trao cho cô này bồng qua cửa sổ của toa xe.

NHIỀU THÁNG sau tai nạn, chánh sách *glasnost* dần dần phát triển, nhưng Popovich không cho là nó đem lại được nhiều thay đổi. Và chỉ đến năm 1989, ông mới tham dự vào một diễn biến thay đổi tận gốc ý thức nhân dân Ukraine với việc thành lập đảng Rukh.

Một buổi chiều Tháng Hai, Popovich được Vyacheslaw Brukhovetsky, một nhà phê bình văn học và Boris Oleinik, bí thư đảng của liên hiệp nhà văn, mời đến trụ sở Hội liên hiệp các nhà văn, yêu cầu ông giúp tổ chức một mặt trận bình dân Ukraine, tương tự như những tổ chức đã được thực hiện tại các nước Baltic (Latvia, Lithuania, Estonia). Một người bạn của Popovich đã soạn thảo một kế hoạch kinh tế cho tổ chức và đồng ý cộng tác.

Ngày 20 Tháng Ba, đảng Rukh tổ chức một cuộc mết-tinh tại một nhà hát nhỏ trên đường Tchkalova gồm sáu mươi người, phần lớn là đảng viên và được biết là những nhà văn chánh thức. Các tham dự viên không xin phép tổ chức mết-tinh, nên đã bị xem như bất hợp pháp chiếu theo luật lệ hiện hành.

Không khí buổi mết-tinh có màu sắc quốc gia, xu hướng rất mạnh trong số những nhà văn ở Kiev. Tiếng Ukraine được sử dụng trong cuộc thảo luận và một trong số các yêu cầu của họ là một sắc luật cấm phụ huynh được quyền chọn lựa một ngôn ngữ cho con em mình học. Trong những bài diễn văn của mình, các đại biểu cũng tố cáo các viên chức chánh quyền của đảng ngăn trở thực thi chánh sách *perestroika* và nói: "Ukraine là một Vendée<sup>1</sup> của *perestroika*". Sau cuộc mết-tinh, Ivan Drach, một nhà thơ được đề cử nắm quyền chủ tịch tạm thời, quay sang Popovich và bất ngờ đề nghị ông nắm giữ chức này. Đảng Rukh, ít nhất cũng đã chánh thức ủng hộ Gorbachev, và thái độ của Popovich

<sup>1</sup> Vendée: tên một tỉnh lỵ miền tây nước Pháp, nơi xảy ra cuộc nổi loạn ủng hộ chế độ quân chủ (1793-1796) phản cách mạng 1789. Ý nói Ukraine ủng hộ *perestroika*.

đối với Gorbachev cũng đã thay đổi sau ba năm kể từ khi xảy ra vụ Chernobyl. Nếu trước đây ông còn ngờ vực đối với Gorbachev cũng như với bất cứ lãnh tụ cộng sản nào, giờ đây ông tin rằng Gorbachev là người tượng trưng cho tiến bộ, và nếu dân chúng không bênh vực ông, ông có thể bị cách chức. Và Popovich quyết định nhậm chức.

Ba ngày sau cuộc mết-tinh đầu tiên này, cương lĩnh của đảng Rukh được đăng tải trên tờ báo *Literaturnaya Ukraina* và nhiều nhóm ủng hộ được nhanh chóng tổ chức tại các nhà máy và các viện khoa học; nhiều công dân thường bắt đầu tiếp xúc với các người lãnh đạo Rukh và yêu cầu được giúp đỡ giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến nạn thư lai Xô-Viết. Chỉ trong vòng vài tuần lễ, Popovich nhận thấy sự tăng trưởng của một thế đối lập đang phôi thai.

Tháng Tư, các thành viên của tổ chức Kiev nêu lên vấn đề tổ chức một đại hội đảng Rukh. Ngày 2 Tháng Tư, Kravchuk, lý thuyết gia của đảng cộng sản đi đến trụ sở của Liên hiệp các nhà văn và hội kiến với Popovich cùng nhiều lãnh tụ khác của Rukh, nhưng không đạt được một thỏa thuận nào cả. Kravchuk nói, chính đảng Rukh cần tham gia vào việc giúp đảng cộng sản cải thiện đời sống đại đa số dân chúng, trong lúc các đại diện đảng Rukh thì tố cáo các lãnh tụ cộng sản chỉ lo bảo vệ đặc quyền đặc lợi của họ.

Sau cuộc họp đầu tiên này, Popovich bắt đầu họp riêng với Kravchuk. Ông cố thuyết phục Kravchuk cho phép đại hội đảng Rukh tổ chức ở Kiev vì, với sự lãnh đạo hiện tại của *Rukh*, có thể có cuộc đối thoại. Nhưng nếu Rukh bị khủng bố hay đàn áp, sự lãnh đạo hiện nay có thể bị thay thế bởi những nhân vật khác có thể còn khó khăn hơn.

Cuối cùng, Kravchuk đề nghị có một cuộc tranh luận trên đài truyền hình về vấn đề đảng Rukh có thật sự cần thiết hay không, trong lúc đã có đảng cộng sản đang thực thi chính sách *perestroika* rồi. Popovich đồng ý cuộc tranh luận và tin này được loan đi. Ngay sau đó, Popovich bị tràn ngập bởi nhiều giao thoại tố bày tánh cách vô lý của đảng cộng sản vẫn cố bám lấy độc

quyền nắm giữ chánh quyền. Popovich đã sử dụng một số tài liệu này và Kravchuk không biết cách nào đối đáp cả.

Trong cuộc tranh luận lần thứ nhì, Kravchuk chỉ gio hai tay lên và nói ông ta không hiểu nổi tại sao Rukh lại cần thiết.

Sau khi đã thất bại không thuyết phục được dân chúng đảng Rukh là thừa, không cần thiết, đảng cộng sản cố tìm cách ngầm phá việc tổ chức đại hội Rukh bằng cách trì hoãn liên tục. Các lãnh tụ Rukh muốn được phép sử dụng sảnh đường lớn ở Kiev để tổ chức đại hội, nhưng các viên chức đảng cộng sản cho rằng cương lĩnh của tổ chức này được viết quá kém và họ không biết sẽ phải đối thoại với một thứ tổ chức nào. Nhiều bài báo do cộng sản kiểm soát cho rằng đảng Rukh muốn xúi giục sự căm ghét kỳ thị người Do thái và người Nga, và ép buộc con cái họ chỉ đến trường Ukraine mà thôi.

Trong lúc diễn biến này tiếp tục, các chi nhánh Rukh đang thành lập nhanh chóng khắp nơi trong cộng hòa, và rõ ràng là nếu tiếp tục chống lại nó, có thể gây ra một cuộc đối đầu mà đảng cộng sản, dưới áp lực của chánh sách *perestroika*, khó có thể chịu đựng được. Thay vì chấp nhận kết nạp đảng Rukh, các lãnh tụ cộng sản bèn quyết định cho phép Rukh tổ chức đại hội tại Kiev Ngày 8 Tháng Chín.

**TRONG LÚC ĐẠI HỘI** tiếp diễn, Popovich cảm thấy bức bối vì giọng nói và ngôn từ chiến đấu cách mạng của vài diễn giả. Rukh đã bị chia làm hai phe, một phe ủng hộ chánh sách *perestroika* và một phe muốn độc lập. Tuy nhiên, đối với Popovich, mặc dù chưa trở thành một tổ chức chính trị thực sự, Rukh dường như đã có cảm tình với xu hướng độc lập hơn. Cờ màu xanh-vàng được tung ra khắp sảnh đường và gần một trăm nghị quyết đã được thông qua, phần lớn nhắc đến các diễn biến lịch sử bắt đầu với thế kỷ mười bảy. Các cựu tù nhân chính trị tập hợp trong Liên Hiệp Ukraine Helsinki, nhắc lại dĩ vãng bị áp bức, cộng thêm hoàn cảnh xu hướng cấp tiến bị đàn áp và tiêu diệt. Ngoài ra, các

đại biểu đều nhận biết họ đang bị đài truyền hình Ukraine theo dõi, khuyến khích họ bộc lộ thêm xúc cảm trong các diễn văn.

Sau cùng, Ivan Saly, chủ tịch đảng bộ *raion* ở Kiev, đã làm cử tọa ngạc nhiên khi ông lên tiếng kêu gọi một chế độ tự trị rộng rãi hơn cho Ukraine và đòi Shcherbitsky, lãnh tụ đảng Cộng sản Ukraine, từ chức. Sự xuất hiện của Ivan Saly cho thấy đảng Rukh có tiềm năng ủng hộ của một số lãnh tụ cộng sản. Và được hỏi liệu đảng Cộng sản có thể hợp tác với Rukh hay không, Saly trả lời: "Chúng tôi phải hợp tác".

Sự thành lập đảng Rukh tập trung được các hoạt động chánh trị ở Ukraine. Trong những tháng sau đại hội Rukh, những cuộc biểu tình của dân chúng thường xảy ra, và đạt đến cao điểm, Ngày 21 Tháng Giêng, 1990, với diễn biến quan trọng kế tiếp trong nỗ lực giành độc lập cho Ukraine: gọi là "Làn sóng Ukraine". Phong trào phô trương ủng hộ này có hơn 300.000 người lập thành một chuỗi người nối liền Lvov và Kiev.

**LVOV ĐÃ NHANH CHÓNG** trở thành trung tâm hoạt động chánh trị của giới bình dân. Phần lớn Miền Tây Ukraine đã không bao giờ là một phần đất của đế chế Nga, và sau khi bị Liên-Xô thôn tính, 10 phần trăm dân chúng đã bị bắt đi đày ở Siberia. Kết quả là tinh thần quốc gia ở đây cũng mạnh mẽ như ở các nước Baltic, và dân chúng bắt đầu tổ chức chống chế độ Cộng Sản vào thời điểm cảnh sát giảm bớt khủng bố.

Ngày 17 Tháng 9, 1989, Lvov đã chứng kiến một cuộc xuống đường vĩ đại nhất trong lịch sử của nó để đánh dấu lần thứ năm mươi ngày quân Xô-Viết tiến vào thành phố chiếu theo Hiệp Ước Molotov-Ribbentrop. Mười lăm giáo sĩ Cơ Đốc Giáo Hy Lạp (Uniate) bị cấm, đã làm lễ ngoài trời, giữa trưa cho gần 250.000 người tại quảng trường trước Tháp Porokhov. Những người tham dự lễ đọc kinh cầu nguyện và diễnh hành trong thành phố, tay cầm đèn cầy và tượng, với một dòng thác người to lớn, đến cửa Nhà Thờ St.Yuri, một nhà thờ bị đóng cửa đối với các tín đồ Uniate, và tiếp tục hành lễ tại đây. Đến 7 giờ tối, những người

diễn hành tập trung lại tại trung tâm thành phố, tổ chức cầu kinh yên lặng để tưởng nhớ những nạn nhân của sự chiếm đóng Xô-Viết. Đến 9 giờ, họ trở về nhà và tắt hết đèn trừ những đèn cầy được đặt trên bệ cửa sổ, làm cho cả thành phố trở thành như một đài kỷ niệm lập lòe ánh sáng.

Khi các cuộc xuống đường đầu tiên bắt đầu, các bậc cha mẹ ở Miền Tây Ukraine bảo con cái họ không nên tham gia, nói rằng: "Các con sẽ bị bắn như các anh chị các con trước đây." Nhưng khi nhận thấy tinh thần quốc gia Ukraine đã được đồng đảo nhân dân ủng hộ, dân chúng mới hết lo sợ.

Ngày 1 Tháng Mười, 1989, hàng ngàn người biểu tình đánh dấu "Ngày Lvov"; họ đi qua trung tâm thành phố theo sau một cô gái trẻ trong bộ y phục cổ truyền quốc gia bó sát người chỉ chừa hai chân. Có tin đồn vài học sinh bị bắt. Một phần người biểu tình rời hàng ngũ diễn hành đi đến trụ sở cảnh sát trung ương; tại đây, họ được lệnh phải giải tán. Nhưng có nhiều người bị kẹt vào ngõ cụt, không bỏ đi được. Cảnh sát tấn công đầm biếu tình, đánh đập vài người một cách dã man. Gần bốn mươi người bị mang đi bệnh viện. Để đối phó với vụ này, các lãnh tụ Rukh địa phương kêu gọi một cuộc đình công toàn diện, và Ngày 3 Tháng Mười, toàn thành phố đã ngưng hoạt động, ngoại trừ các dịch vụ khẩn cấp. Đây là sự phô trương sức mạnh chính trị đầu tiên của đảng Rukh, và cảnh sát không bao giờ còn tấn công một nhóm biểu tình nào ở Lvov nữa.

Cuối Tháng Mười, các đảng viên tích cực của Rukh, tin tưởng vào sự ủng hộ tinh thần quốc gia Ukraine ở Miền Tây Ukraine, đã chuyển kế hoạch hoạt động của miền này cho phần còn lại của cộng hoà Ukraine bằng cách tổ chức chuỗi người đứng nối liền Lvov và Kiev.

**TRẬN MÙA DAI DẮNG** đã gội rửa các ngọn tháp và mặt tiền của trung tâm thành phố Lvov Ngày 21 Tháng Giêng, 1990, trong lúc Mikhailo Boichyshyn, một công nhân dây chuyền nhà máy, người trở thành lãnh tụ đảng Rukh, đang mở máy xe của mình và bắt

đầu lái chậm chậm qua những con đường lót đá đông người. Nhìn khắp nơi, anh nhận thấy nhiều đám đông dân chúng cầm cờ Ukraine.

Trong lúc rời khỏi thành phố cũ, Boichyshyn chạy vào một quận mới, qua nhiều hàng dài người đi biểu tình, một vài hàng có các giáo sĩ Uniate dẫn đầu. Cuối cùng, Boichyshyn ra đến xa lộ Kiev; nơi đây, anh nhận thấy cảnh tượng làm cho anh tin chắc có găng tranh đấu giành độc lập của Ukraine không gì ngăn cản nổi nữa. Xa lộ chạy xuyên qua những cánh đồng rrom vàng nhạt trải dài đến tận chân trời trong không khí ẩm đạm và ẩm ướt, hai bên đường xa tít, những người biểu tình đang đứng như những cây cột của một hàng rào, tay nắm tay và phát cờ ủng hộ một nước Ukraine tự do.

Boichyshyn xuất thân từ một gia đình, cũng như nhiều gia đình khác ở Miền Tây Ukraine, đã từng là nạn nhân của sự đàn áp. Mẹ anh bị đi đày ở Siberia và một người cậu đã chết ở các mỏ than Vorkuta. Dưới thời Brezhnev, Boichyshyn không tích cực hoạt động chánh trị, nhưng khi có sự cởi mở cho tự do ở Liên-Xô anh liền tổ chức một chi nhánh của Hội Ngôn Ngữ Shevchenko tại nhà máy anh đang làm việc. Hành động chánh thức đầu tiên của nhóm là đưa ra cho ban quản trị nhà máy những bản tuyên bố viết bằng tiếng Ukraine. Tháng Ba, 1989, sau khi tuyên bố thành lập đảng Rukh, Boichyshyn bắt đầu tổ chức một chi bộ của đảng tại nhà máy.

Ý kiến của Rukh thu hút được sự chú ý mạnh mẽ của giới công nhân vì, khác với hội Shevchenko chỉ nhằm phổ biến ngôn ngữ, Rukh còn là một đối lập có tiềm năng chánh trị. Từ trước đến nay không có bất cứ một tổ chức chánh trị đối lập hợp pháp nào cả tại Miền Tây Ukraine kể từ khi vùng này bị Liên-Xô thôn tính năm 1944, và khi cuộc khủng bố, đàn áp dã man và chánh sách đồng hóa của người Nga bắt đầu diễn ra sau khi chiến tranh chấm dứt, cả vùng đã nung nấu căm hờn vì sự tiêu diệt tinh thần quốc gia Ukraine. Trong lúc chi bộ Rukh được tổ chức tại nhà máy sản xuất dây chuyền, nhiều chi bộ khác cũng được tự động

tổ chức tại các nhà máy khác. Trong vòng vài tháng, đảng Rukh trở thành một tổ chức quần chúng rộng lớn ở Miền Tây Ukraine.

Đời sống Boichyshyn bắt đầu thay đổi. Hàng đêm anh vắng nhà vì phải hội họp với nhiều người hoạt động khác tại nhà hoặc tại các sảnh đường của nhà máy, bàn thảo phương cách phát triển mạng lưới dày đặc các tổ chức địa phương cho đảng Rukh..

Anh cũng tham gia các cuộc biểu tình. Ngày 1 Tháng Năm, Boichyshin tham gia dẫn đầu cuộc biểu tình gồm từ năm ngàn đến sáu ngàn người, cách sảnh đường thành phố khoảng trăm thước, nơi mà các lãnh tụ đảng Cộng Sản địa phương chuẩn bị tổ chức diễn hành ngày lễ Tháng Năm. Thình lình, đám đông dân chúng xuất hiện, phá vòng rào cảnh sát. Boichyshyn bị té và bị cảnh sát đá vào người, nhưng nhiều người biểu tình khác tràn ngập khoảng đất diễn hành và vượt qua khán đài chánh thức, tay họ cầm các biểu ngữ với khẩu hiệu quốc gia và cờ Ukraine.

Tháng Chín, khi đại hội Rukh được tổ chức, cờ Ukraine được trưng bày khắp nơi trên đường phố Miền Tây Ukraine, và nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra để kỷ niệm những biến chuyển quan trọng của đời sống độc lập ngắn ngủi của nền cộng hoà Ukraine hay để tưởng nhớ đến các cuộc đi đày tập thể lớn lao trước đây. Các cuộc biểu tình này càng ngày càng to lớn thu hút đến cả 100.000 người.

Mặc dù tinh thần quốc gia cao độ ở Miền Tây Ukraine , Boichyshin và các đồng chí Rukh tích cực khác trong vùng vẫn lo âu vì tình trạng không có sự nhiệt tình quốc gia dân tộc tại Miền Đông Ukraine bị người Nga đồng hóa nặng nề. Boichyshin đều đặn viếng thăm các thành phố miền này với hy vọng giúp tổ chức được quần chúng tranh đấu đạt được thắng lợi giống như đảng Rukh đã thành công ở Lvov. Anh cũng muốn cố gắng kêu gọi sự hòa hợp dân tộc, làm dịu bớt hình ảnh quốc gia cực đoan Ukraine như kỳ thị đối với các quốc tịch khác. Nhưng khắp nơi. anh đều chạm phải thái độ bối rối, nghi ngờ hoặc chống đối.

Tại Ternopol, Boichyshin tham dự một tang lễ cải táng hài cốt các nạn nhân bị hành quyết dưới thời Stalin; sau buổi lễ, anh nói về lịch sử các cuộc khủng bố chánh trị ở Ukraine. Cuộc nói

chuyện của anh được thính giả chú ý nghe một cách kính cẩn, nhưng khi anh đề cập đến câu chuyện chính Lenin là người đầu tiên ra lệnh bắn giết các giáo sĩ, thầy tu, thì có tiếng hò la phản đối và đám đông dân chúng cho rằng đây toàn là những lời nói dối.

Tại Poltava, xe buýt anh đi bị cảnh sát chặn lại và buộc phải đậu vào lề đường. những cảm tình viên đảng Rukh gặp các xe buýt này và cho biết là các hoạt động viên đều bị bắt buộc xuống xe lửa và cảnh sát chặn giữ các xe hơi mang bảng số Lvov. Họ cũng tường thuật lại là dân chúng Poltava được cảnh cáo trước nhiều ngày là những người cực đoan Miền Tây Ukraine đang tính thi hành kế hoạch khủng bố. Nhận thấy không có cơ may nào tổ chức được một cuộc tập hợp dân chúng tại trung tâm thành phố, Boichyshin dẫn đầu những người biểu tình đến một công viên gần đấy và anh lý luận rằng Ukraine chỉ có thể tự mình quyết định số phận của chính mình khi nào có độc lập. Tuy nhiên, có nhiều thính giả lại đồng hóa người biểu tình với các môn đồ của Stepan Bandera.<sup>1</sup>

"Các người là bọn *Banderites*"<sup>2</sup>, họ nói.

"Phải rồi," nhiều người biểu tình trả lời, "chúng tôi là *Banderites*; nhưng Bandera là người đã hoạt động tích cực cho Ukraine để nước này trở thành một nước Âu Châu."

"Nhưng ông ta đã có nhiều hành động hung bạo, tàn ác."

"Đó là vì trong thời kỳ có chiến tranh và với chiến tranh thì không có bàn tay nào còn sạch sẽ cả."

Cuối cùng có một bà trong đám đông la lớn: "Tôi đồng ý là Ukraine phải độc lập, nhưng ông không thể có nhận xét chống Lenin như thế, chống lá cờ đỏ và những cuộc chiến đấu của chúng tôi trong Đệ Nhị Thế Chiến."

Tại Donetsk, các vận động viên Rukh, gồm cả Boichyshin, đi từ mỏ than này đến mỏ than khác phân phát truyền đơn và tài liệu. Gần như không nơi nào họ được tiếp đón tốt đẹp cả. Có khi vừa

<sup>1</sup> Stepan Bandera: một lãnh tụ kháng chiến Ukraine tranh đấu chống nhà cầm quyền Xô viết trong và sau đệ nhị thế chiến.

<sup>2</sup> *Banderites*: các đồng chí của Stepan Bandera.

đến cửa sổ mỏ, họ bị từ chối không cho vào. Nhưng dù cho họ có được phép nói chuyện cùng thợ mỏ hay không, họ cũng không đạt được nhiều tiến bộ để thay đổi quan điểm của dân chúng. "Đối với chúng tôi, tiếng nói nào cũng thế," một thợ mỏ nói với Boichyshin, "cho đến chừng nào vẫn còn thịt dồi xúc xích là được."

Boichyshin hay gọi dân chúng ở đây có quan điểm "người thịt dồi xúc xích".

"Tình thế lịch sử ở đây là," theo ý của một người thợ mỏ khác, "chúng tôi luôn luôn sống với nước Nga."

"Sự thật thì," Boichyshin nói với anh này, "chúng ta đã bị buộc phải sống với nước Nga."

"Nhưng nước Nga có nghĩa là cây gỗ, là hơi đốt, là dầu lửa."

"Sự thật thì những thứ này đều đã lấy từ Ukraine," Boichyshin nói.

Trong lúc các vận động viên Rukh gồm cả Boichyshin, liên tiếp gặp phải thái độ thù địch và nghi ngờ ở Miền Đông Ukraine, họ tin cần phải có hành động nối liền hai miền của nền cộng hòa. Tin tưởng này đưa đến việc thực hiện kế hoạch Làn Sóng Ukraine.

Lái xe chạy trên xa lộ, Boichyshin nhận thấy số người tổ chức Làn sóng Ukraine vượt ra ngoài sự lạc quan mong đợi nhất của anh. Kế hoạch đầu tiên ấn định mỗi người biểu tình đứng cách xa nhau mười thước và nắm một dây băng dài với nhau, nhưng có nhiều khoảng đường, thay vì cách nhau mười thước như đã ấn định, những người biểu tình lại nắm tay nhau lập thành ba đên bốn hàng theo chiều sâu.

Boichyshin chạy đi chạy lại trên xa lô, trả lời những câu hỏi của những người biểu tình. Tại Novgorod-Volinsk gần Zhitomir, một khoảng trống cắt đứt hàng người. Nhà cầm quyền địa phương nói với dân chúng rằng có những kẻ cuồng nhiệt quá khích đang đến đây để gây lo sợ cho họ nếu họ đứng ngoài. Boichyshin và nhiều vận động viên khác tìm được xe buýt thay cho xe buýt của Miền Tây Ukraine. Khi vài nhà máy từ chối cho họ mượn xe buýt nói vì không có xăng dầu, Boichyshin cùng các đồng nghiệp tỏ ý

muốn thuê và trả tiền cho họ. Anh đã có nhiều nghi ngờ liệu cuộc biểu tình có được sự ủng hộ của phía tây trên con đường của anh hay không, nhưng nó đã gây được một đáp ứng nồng nhiệt trên toàn nền cộng hoà. Chuỗi người không những đã hoàn toàn đầy đủ, mà nó còn mở rộng tạo thành một vòng từ Lvov đến Ivanov-Frankovsk.

Tại Kiev, một cuộc tập hợp to lớn gồm ước lượng sáu mươi ngàn người. Cũng có nhiều cuộc mết-tinh tại Kharkov, Zaporozhe, Odessa và Donetsk. Cuối ngày, Boichyshin đã làm việc không mệt mỏi để tổ chức Làn sóng Ukraine, nhận thấy tin tưởng là sự rạn nứt trong nước đang bắt đầu được nối lại.

**SAU CHIẾN DỊCH LÀN SÓNG UKRAINE**, phong trào quốc gia quay sang chú ý đến nạn đói giả tạo thập niên 1930, và diễn biến kế tiếp quan trọng cố gắng giành độc lập cho Ukraine là kỷ niệm nạn diệt chủng Tháng Chín 1990, ở Targan, một làng gần Kiev.

Đầu năm 1990, tác động tâm lý mạnh mẽ của chính sách glasnost đã được cảm thấy. Các hầm mỏ chứa đầy xác chết của nạn nhân Stalin đang được đào bới lên trong khắp cả nước. Hình như hàng ngày, nhiều nạn nhân được lấp cốt và đèn cầy được đốt lên. Tuy nhiên, điều gây náo động nhất đối với người Ukraine là những lời chứng nhân đăng tải trên các báo về nạn đói giả tạo của thập niên 1930, nhất là của năm 1933.

Nhiều năm qua, người ta không xem biên giới giữa các nước cộng hòa Xô-Viết là quan trọng, nhưng người Ukraine giờ đây đã biết được trong thập niên 1930, biên giới giữa Nga và Ukraine là ranh giới giữa sự sống và sự chết vì các nhà cầm quyền Xô-Viết đã không gây ra nạn đói giả tạo cho nước Nga.

Dân chúng trên khắp cộng hòa bắt buộc phải nghĩ đến sự khác biệt giữa đặc tính Xô-Viết và Ukraine. Tiếng Ukraine từ lâu chỉ giới hạn tại Miền Tây Ukraine và thôn quê, nay bắt đầu được dùng rộng rãi hơn và các học giả, từ nhiều thập niên qua không được thành thật viết lịch sử của nước mình bằng tiếng mẹ đẻ, đã

bắt đầu mô tả lịch sử Ukraine như một kinh cầu nguyện đối với các tội ác của người Xô-Viết và người Nga.

Ukraine vẫn bị chia đôi. Tháng Ba, 1990, cuộc bầu cử bán tự do thứ nhất trong lịch sử Xô-Viết Ukraine đã mang lại kết quả lớn lao cho đảng Rukh tại Miền Tây Ukraine, nhưng người Cộng Sản, vì có lợi thế kiểm soát chặt chẽ các cơ quan và xí nghiệp, đã chiếm ưu thế phần còn lại của cả nước. Kết quả là Kravchuk đã được bầu giữ chức chủ tịch nghị viện mới và chỉ có khoảng một phần tư đại biểu là dân chủ. Tuy nhiên, trong thời gian này, người Cộng Sản cũng đã thay đổi thái độ. Ngày 16 Tháng Bảy, nghị viện Ukraine, dưới ảnh hưởng của bản tuyên bố chủ quyền nước Nga, đã xác nhận quyền kiểm soát tài nguyên của Ukraine cùng quyền có quân đội riêng và thiết lập tư cách công dân Ukraine.

VỚI Ý THỨC QUỐC GIA sôi nổi, sự mong muốn biết được dĩ vãng, đối với đa số dân chúng, đã trở thành một ám ảnh, và hàng ngàn người Ukraine đã kéo đến Targan.

Ngày 7 Tháng Chín, 1990, dưới ánh nắng của mặt trời sắp lặn tại nghĩa địa Tarpan, Olexandra Ovdijuk vừa khóc sướt mướt vừa nắm tay Olisa Maslo, người bạn của bà. Bà khó có thể tin được rằng, sau bao nhiêu năm, thế giới vẫn còn nhớ đến những gì đã xảy ra tại một nơi khỉ ho cò gáy như nơi này.

Volodymyr Manyak, một sử gia Ukraine bước lên các bậc thang của bức cây được dựng lên trên ba gò đất mà bên dưới là hài cốt của 360 người chết vì đói trong năm 1933. Cạnh đấy là bức tượng một cô gái cầm thánh giá. Trên bức tượng có khắc câu sau đây; "Vì đói và làm việc quá sức mà họ đã bị thiệt mạng".

Ovdijuk chờ Manyak bắt đầu. Bà tự hỏi làm sao mà những chữ thông thường như thế có thể diễn tả được những gì đã xảy ra ở đây?

Một buổi sáng u ám Tháng Mười Một, 1987, Ovdijuk đi lấy báo *Selsky Visti* trong thùng thư của bà, một tờ báo nông nghiệp Ukraine. Bà mang tờ báo về nhà, một nhà cây nhỏ, ngồi gần lò

sưởi than, mở ra xem và đã hết sức kinh ngạc với bài trang nhất mô tả chi tiết nạn đói năm 1933.

Từ khi bắt đầu có chánh sách mới *glasnost*, tất cả báo chí đã được tự do phổ biến tin tức hơn xưa, nhưng Ovdijuk chưa bao giờ nghe có thể có tin tức như thế này. Bà chạy ngay đến nhà Olisa Maslo, một người bạn đã sống sót sau nạn đói.

"Bà có xem báo chưa?", Ovdijuk hỏi.

"Tôi xem rồi".

Trong suốt năm mươi năm trời, hai bà đã nói chuyện riêng với nhau về nạn đói. Ovdijuk đã dạy môn sử tại trường làng, ca tụng những "thành tựu" của chủ nghĩa xã hội. Bà không bao giờ hé môi đề cập đến nạn này với học sinh. Nhưng bà cùng Maslo, từ lâu đã thè nguyễn, một ngày nào đó hai bà sẽ thu nhặt tên tuổi của tất cả những cư dân Targan đã chết vì nạn đói.

"Vậy bây giờ, bà đã sẵn sàng chưa?" Ovdijuk hỏi.

"Tôi đã sẵn sàng."

"Nếu họ bắt chúng ta thì sao?"

"Tôi không sợ."

Cả một thế hệ đã đi qua, nhưng đối với Ovdijuk, hình như chỉ mới là ngày hôm qua.

Đầu tiên, nhà cầm quyền Xô-Viết bắt đi các nông dân tốt và giỏi nhất, gồm có cha của Ovdijuk. Sau đó, họ tập hợp những người còn lại và đưa vào các nông trường tập thể. Khi sản lượng sút kém, họ đổ lỗi cho việc bị "phá hoại". Nhiều đội gọi là "hành động" được phái đến các làng trong mùa thu 1932 để tịch thu hạt thóc cho là đã bị "cắt giấu". Các đội hành động này vào nhà phá vỡ sàn nhà, chọc sắt xuống đất để thăm dò. Họ lấy bất cứ thứ gì và tịch thu hết vụ mùa, hết những dự trữ và tất cả kho hạt giống.

Nông dân van xin các kẻ cướp này để lại một ít hạt thóc, nhưng đều bị từ chối.

Tháng Mười Hai, 1932, với nạn đói kém đã lan rộng ở vùng quê Ukraine, bà mẹ Ovdijuk đưa bà bằng xe ngựa từ vùng Poltava đến Targan, sanh quán của bà và gởi bà cho người bác là Grigory Ovdijuk. Bà đến làm việc tại *oblast* Sumi, nơi được biết có điều kiện sống tốt hơn.

Cuối năm 1932, kho hạt giống đã cạn kiệt. Nông dân chỉ sống bằng vỏ khoai và chờ tiếp tế cứu vãn từ các thành thị. Nhưng tiếp tế không có. Nhiều con ngựa chỉ còn da bọc xương và chết, dân chúng xé chút thịt còn lại của nó để ăn.

Đầu tiên, dân làng nghĩ, chắc có một lối làm nào ghê gớm, nhưng ngày qua ngày, họ bắt đầu nhận thấy họ chính là đối tượng của một âm mưu quỷ quyết, độc ác. Lần đầu tiên, không cơ quan y tế nào đến và các đại diện chánh phủ cũng ngưng đến đây, và các rào cản được dựng lên dọc xa lộ để không cho dân làng bỏ đi. Binh lính bao vây các nhà ga xe lửa, cả những trạm xe lửa không có chút quan trọng nào cả. Dân làng mới kinh hoàng nhận thấy nhà cầm quyền đã quyết định quản thúc họ tại miền quê này không chút lương thực nào cả.

Rồi thì bắt đầu một cuộc tranh đấu tuyệt vọng để tìm thức ăn. Dân chúng đào quả đắng của cây sồi, ăn thịt chuột, chim sê, kiến và cả giun đất. Họ ăn vỏ cây, ăn các thứ lá cây của mùa thu và cả cỏ nữa. Các trẻ em chết trước, rồi đến các người già.

Trong lúc nạn đói ngày càng trầm trọng, học sinh của trường Ovdijuk dần dần đứa này đến đứa khác bỏ học. Một ngày kia, trước khi nhà trường đóng cửa, giáo viên hỏi Ovdijuk và hai học sinh khác tại sao Timosh Babenko không đi học. Khi các em đến nhà Babenko để hỏi thăm thì mới hay là bà mẹ Babenko, vì quá đói, đã nổi con điên, chặt em ra từng đoạn bằng một cái búa rìu.

Cuối Tháng Hai, đời sống bình thường trong làng đã lảng đọng một cách khó hiểu. Hy vọng duy nhất của dân làng là lúa mì mùa đông, nhưng lúa mì mùa đông lại bị chôn vùi dưới nhiều lớp tuyết. Trong một cố gắng tuyệt vọng điên rồ để đánh lừa cái chết, dân làng đã nghiên xương để ăn, ăn cả da giày, cây me đất chua, rỗng và cây tầm ma.

Một ngày gió mạnh, một người với đầu tóc bù xù và đôi mắt đỏ ngầu đi vào nhà Ovdijuk đang sống với hai anh em họ, một trai lén năm và một chị gái chín tuổi. Người này cầm một con dao và nắm lấy em gái Alina, kéo tay em ra và định xéo một miếng thịt tay em. Tuy nhiên em này gầy đến đổi không còn thịt để cắt. "Mày chỉ còn da", anh ta la lèn, và định giết chết em gái,

nhưng khi nhìn thấy một số củ cải đường bỏ ngay trước cửa nhà, anh ta liền chạy ra khỏi nhà và nhặt lấy. Các em nhỏ hoảng sợ, nhanh tay đóng ngay cửa nhà lại.

Bóng thần chết hiện ra khắp nơi. Cánh tay dân làng trở thành như khúc cây, bụng họ phình ra một cách ghê tởm. Họ không ngừng đi tiểu tiện. Trong lúc tiếng gió rít trên các cánh đồng phủ tuyết, xác người chất thành đống ngoài sân, trong nhà chòi, trên nền đất. Một người ngồi xe ngựa đi chậm rãi trong làng và thu nhặt xác người mang đến nghĩa địa, kéo ra từng người một, vứt xuống một hố được đào sẵn.

Ovdijuk tránh được cái chết vì người bác của cô có việc làm tại một nông trường tập thể gần đó và thường xuyên nhận được phần bột của mình. Tuy nhiên, đến cuối Tháng Ba, chân của cô và các anh em họ cô bắt đầu sưng phù lên. Bác Ovdijuk của cô viết thư cho mẹ cô: "Bà hãy đến nhận lại con bà vì chúng tôi đang sắp chết". Cuối Tháng Tư, bà mẹ Olexandra đến Targan với một bao bột bắp. Khi cậu bé năm tuổi Ovdijuk nhận thấy bà dì, cậu nói: "Chúng ta đã được cứu sống."

Sau khi cho gia đình thức ăn, bà mẹ Olexandra đưa cô đi qua làng vắng lặng. Cây cối bắt đầu mọc lá, nhưng không dấu hiệu có sự sống tại nhà cửa ở đây. Hai mẹ con đến nhà một người anh em họ khác là Adam Kaplun. Khi họ xô cửa bước vào, liền nhận thấy ba đứa con của bà này nằm chết kề nhau trên bàn nhà bếp. Trên một ghế dài gần đấy, hai đứa nữa cũng đã chết. Kaplun thì đã chết trước lâu. Bà mẹ đã sắp xếp mấy xác con chết xong và ngồi trên ghế. Khi bà thấy mẹ Olexandra với bao bột bắp, bà nói: "Mẹ cũng sắp chết". Bà gượng dậy và ngả xuống, tắt thở trước mắt hai mẹ con Olexandra.

Đến năm 1987, Targan đã có nhiều thay đổi.

Nhà cửa lụp xụp bằng đất với mái nhà lợp tranh, dọc theo con đường sinh lầy trong thời gian của nạn đói đã được thay bằng các nhà gạch. Nhiều cột ăng-ten truyền hình và dây điện báo mọc lên. Đất đai trở nên phong phú phì nhiêu và nông dân tập thể trồng thóc lúa, khoai, củ cải đường, các thứ rau xanh, bắp, và lúa mạch trên các cánh đồng phì nhiêu mầu mỡ.

Nơi này trước đây im lặng như bãi tha ma, nay ồn ào với tiếng ngổng kêu, gà gáy, pha lẫn tiếng nổ của máy kéo và xe mô-tô. Tám tháng của nạn đói năm 1933, 360 dân làng trong số 900 người bị bỏ cho chết đói, được ghi sâu vào ký ức của những người sống sót. Chánh thức thì không hề có nạn đói, cũng không thể có được tin tức nào về việc này cả. Nếu có được một cuốn truyện nói đến, thì cuốn truyện ấy đã bị kiểm duyệt rồi. Nếu có một nông dân nào dám lên tiếng kêu gọi lưu ý đến nạn đói này, người nông dân đó sẽ có nguy cơ bị bắt. Do đó, các dân làng già cả chỉ bàn đến nạn đói này trong chốn riêng tư kín đáo mà thôi.

Ovdijuk và Maslo đã lãnh hưu bổng, nhưng với những bài tường thuật đầu tiên được đăng tải trên báo chí về nạn đói, họ đã đi viếng từng nhà ở Targan, nơi có những người lớn tuổi còn đủ trí nhớ về những việc đã xảy ra. Đầu tiên, ai cũng sợ nhắc đến chuyện này. Một tiếng động rất nhỏ ngoài cửa cũng làm cho họ lạnh người vì sợ mật vụ KGB. Vài người còn sống sót bắt đầu khóc và không thể tiếp tục kể chuyện khi nhớ đến bạn bè, thân quyến gia đình đã mất đi trong cái chết mòn mỏi khủng khiếp vì đói. Tuy nhiên, cũng còn có những người khác tường thuật rõ ràng với nhiều chi tiết. Ovdijuk xin họ viết tên tuổi và tất cả những người mà họ biết đã chết vì nạn đói này, bao gồm cả trẻ nhỏ.

Trong lúc đi thu thập tên, Ovdijuk trở thành một người nũng nót lui được nhiều người biết đến. Bà thấy được các nạn nhân trước khi cái chết đến với họ, và hình như mỗi người đang nói với bà: "Bà nói cái gì về tôi?... và tôi... nhớ đừng quên tên tôi."

Rồi thì nhiều người khác ở Targan bắt đầu sưu tầm và lập danh sách riêng của họ, Ovdijuk so sánh các danh sách này với danh sách của bà để xác nhận tên họ của các nạn nhân xấu số nà tại từng nhà bằng đất của họ.

Trong khi Ovdijuk và Maslo đang biên soạn các danh sách của mình, thì tờ báo *Literaturnaya Ukraina* bắt đầu bàn luận đến nạn đói. Tờ báo đăng tải những đoạn trích từ quyển sách của Volodymyr Manyak và Lidia Kovalenko, trong đó, tác giả nói nạn đói ấy là một hành động diệt chủng chống nhân dân Ukraine.

Tờ báo cũng đăng lời kêu gọi những ai còn nhớ đến nó, nên viết thư cho Manyak và Kovalenko. Ovdijuk viết cho Manyak và ông này đi đến Targan để ghi chép những chứng cứ của bà và đăng tải danh sách các nạn nhân chết đói ở Targan.

Cuộc gặp gỡ giữa Ovdijuk và Manyak có hậu quả quan trọng. Manyak mời Ovdijuk đến Kiev để xác nhận trong một buổi họp chuyên đề bàn về nạn đói, và nếu cần, sẽ chọn một nơi nào đó để tổ chức tưởng niệm các nạn nhân chết đói. Ông đã chọn Targan.

"Việc gì đã xảy ra năm 1933?" Manyak hỏi, "việc xảy ra đã vượt qua tất cả các giấc mơ tối tăm của những tên đao phủ trên thế giới. Những kẻ gây ra nó có địa vị cao trong hệ thống chánh quyền Cộng Sản và quay lưỡi gươm trừng phạt của họ nhằm chính nhân dân họ. Trên trái đất này có 9 triệu dân của chúng ta. Một hành động theo thứ tính như thế đã không hề có trong lịch sử."

Trong lúc ông nói, hàng ngàn ánh sáng vàng của đèn cầy tỏa ra như hào quang trên mặt đám đông dân chúng. "Chưa bao giờ có một tội ác nào của một chánh phủ đối với chính nhân dân của mình như thế. Nạn đói này nhằm chống Ukraine và đặc biệt là làng này, vì làng này là làng bảo vệ tinh thần, ngôn ngữ và phong tục tập quán quốc gia dân tộc."

Đám đông bắt đầu hát bài "Ukraine chưa bao giờ chết". Johann, vị giám mục của giáo khu Zhitomir, kêu gọi bảo tồn "kỷ niệm bất diệt của những nạn nhân vô tội đã chết vì nạn đói." Dân chúng làm dấu thánh giá và đọc kinh cầu nguyện. Một nhóm nông dân già giúp vui đám đông với bài hát "Kalina Đỏ", sau bài quốc ca Ukraine.

Sau cùng là buổi ăn tối nửa đêm kỷ niệm và giải tán.

Trên đường đi trở về làng trong một đêm có trăng sáng, Ovdijuk và Maslo đi qua vài nhà tranh lụp xụp còn sót lại và một hàng cây liễu rũ; trước kia xe ngựa chở xác người đã đi qua đây để đến hố chôn chung tại nghĩa địa.

Ovdijuk nhớ đến đứa bé gái không chịu rời bỏ người mẹ xấu số của mình, người mẹ đã cố ý bỏ rơi con mình gần ngả tư đường xe lửa với hy vọng con mình được cảnh sát thu nhặt và nhận làm

con nuôi. "Ôi, bé gái ơi," bà nghĩ đến làm tim bà đau nhói, "bé còn sống trên đất Ukraine này hay không, nơi mẹ bé đã chết?"

Nhiều tuần lễ sau ngày lễ tưởng niệm nạn nhân chết đói ở Targan, Ovdijuk nhớ lại những năm im lặng chung quanh nạn đói và nhận thấy một cái gì cơ bản trong nước đã thay đổi. Năm này qua năm khác, bà đã dạy lịch sử Xô-Viết như một câu chuyện về "những thành tựu vĩ đại" gồm cả chuyện tập thể hóa. Giờ đây nạn đói đã được công khai bàn luận. Tại một nhà thờ gần Parkhomovko, các buổi lễ cầu nguyện cho nạn nhân chết đói được thực hiện đều đặn.

Tuy nhiên, đổi thay to lớn nhất là về chính trị. Với sự hiểu biết quá đau xót về cảnh khủng khiếp của nạn đói, dân chúng nhìn điện Kremlin như là kẻ chủ mưu. Trong nhiều năm, làng mạc Ukraine bảo tồn được phong tục tập quán và tiếng nói của mình, nhưng chưa hề tỏ ra thái độ ly khai bao giờ cả. Giờ đây, thái độ được nuôi dưỡng từ lâu ngấm ngầm trong tim dân làng bắt đầu được cả nước cộng hòa chia sẻ.

Cả thành phố đã đồng tâm với họ.

**SAU CUỘC LỄ Ở TARGAN**, tinh thần quốc gia tràn ngập xã hội Ukraine, ảnh hưởng đến cả quân đội. Nỗ lực tột đỉnh để đi đến độc lập của Ukraine là một cuộc mết-tinh Ngày 27 Tháng Bảy, 1991, của các sĩ quan Ukraine ở Kiev, chuẩn bị thành lập một quân đội độc lập.

**MÙA THU NĂM 1990**, chính quyền Cộng Sản Ukraine đang bị lung lay sụp đổ dưới hai ngọn gió mạnh của chính sách glasnost và cuộc khủng hoảng kinh tế tệ hại. Ngày 4 Tháng Chín, Lvov trở thành thành phố thứ mười sáu của Miền Tây Ukraine và đài kỷ niệm Lenin bị tháo gỡ; trong khắp nước, lương thực biến mất tại các hiệu buôn và các đường ống dẫn hơi đốt chỉ còn dài độ nửa dặm.

Ngày 30 Tháng Chín, hơn 100.000 người tập họp trước trụ sở Hội Đồng Bộ Trưởng đòi hỏi phải thực thi bản tuyên bố chủ quyền và kéo nhau đi diễm hành đến Khreshchatik; nơi đây họ được tăng cường thêm, đạt đến con số 200.000, trở thành một cuộc xuống đường chống Xô-Viết to lớn nhất trong lịch sử thành phố Kiev. Sinh viên, học sinh dựng lều tại Quảng Trường Cách Mạng với cùng những đòi hỏi này và tuyên bố sẽ tuyệt thực. Số người biểu tình tuyệt thực tại quảng trường ngày càng gia tăng, và cuộc khủng hoảng chỉ được giải quyết bằng sự từ chức của Thủ tướng Vitaly Masol.

Ngày 17 Tháng Ba, trong một cuộc trưng cầu dân ý toàn Liên Bang Xô-Viết, 70 phần trăm người Ukraine bỏ phiếu tán thành duy trì Liên-Xô, nhưng 83 phần trăm bỏ phiếu thuận cho vấn đề Ukraine phải là một phần của Liên-Xô trên căn bản của bản tuyên bố chủ quyền. Có những khác biệt rõ ràng tùy theo vùng. Tại Miền Tây Ukraine, chỉ có 15 phần trăm bỏ phiếu tán thành duy trì Liên-Xô. Tại Miền Đông Ukraine, nơi nói tiếng Nga, thì lại có trên 80 phần trăm dân chúng ủng hộ duy trì Liên-Xô.

Đầu năm 1991, một rạn nứt nổ ra trong cơ chế Xô-Viết Tối Cao của người Cộng Sản. Những người Cộng Sản "đế quốc" ủng hộ Hiệp Ước Liên Bang được Moscow đề nghị kêu gọi có nền tài chánh tập trung, một chánh sách thuế quan, một cơ quan KGB, một quân đội và một liên hiệp tất cả các nhà máy. Đồng thời, những người cộng sản "quốc gia" hay "có chủ quyền" muốn Kiev kiểm soát lấy nền công nghiệp của Ukraine. Dưới ảnh hưởng của tình cảm quốc gia càng ngày càng gia tăng trong cộng hòa này, những người cộng sản "chủ quyền" bắt đầu chiếm đa số rõ rệt.

Trong lúc đó, nạn trốn quân dịch tại Miền Tây Ukraine trở thành gần như phổ biến, và báo chí đăng tải nhiều tin tức về những cái chết hoặc vì tai nạn, hoặc vì bất cẩn của nhiều tân binh trong quân đội Xô-Viết; có nhiều thư từ khắp Ukraine đòi hỏi binh lính Ukraine chỉ phục vụ trong phạm vi lãnh thổ của cộng hoà này mà thôi.

Ngày 2 Tháng Hai, mặc dù có lời cảnh giác của các sĩ quan cao cấp quân đội Xô-Viết và cái bóng KGB đang đeo đuổi, một

nhóm hai trăm sĩ quan Ukraine đã họp nhau tại Kiev và đưa ra một nghị quyết đòi thành lập các lực lượng vũ trang Ukraine riêng biệt, mà họ cho là kết quả logíc của bản tuyên bố chủ quyền.

Tháng Tư và Tháng Năm, 1991, tình hình xáo trộn vẫn tiếp diễn ra trong giới sĩ quan Ukraine. Mặc dù có sự gây rối và đe dọa trường trị, trả thù của bộ chỉ huy cao cấp quân đội, các sĩ quan hội họp ở Kiev hồi Tháng Hai vẫn chuẩn bị việc tổ chức một đại hội của Hội Liên Hiệp Sĩ Quan Ukraine độc lập tại thủ đô vào Tháng Bảy.

Đại tá Vilen Martirosyan chú ý nhìn bốn trăm sĩ quan đồng đảo đầy hội trường của Nhà Các Thầy Giáo Kiev ngày 27 Tháng Bảy này và chuẩn bị để lên tiếng. Không khí của sảnh đường hội trường rất căng thẳng đến độ nhiều sĩ quan không dám mặc quân phục. Tuy nhiên, Martirosyan vẫn mặc quân phục. "Nói một cách ngắn gọn là không thể chấp nhận được", ông nói, "việc một người mẹ đang sợ đứa con mình sẽ bị ám sát trong quân đội. Trong một quân đội Ukraine, việc này sẽ không thể xảy ra."

Tòa nhà bị các toán tuần tiễu quân đội bao vây và được lệnh bắt các sĩ quan mặc quân phục, trong lúc Sharikov, viên chánh ủy cơ quan quân sự thành phố Kiev, đã hăm dọa đâm các đại biểu hội họp xuống sông Dnieper cho chết đuối. Cảnh sát Miền Tây Ukraine, với băng màu xanh-vàng có in chữ "an ninh" trên cánh tay, đi lại tuần tiễu các sảnh đường và kiểm tra danh tính các nhà báo. Cũng có tin xì xào bàn tán về các tòa án quân sự sẽ được thành lập và cuộc họp sẽ bị giải tán bằng vũ lực.

Martirosyan giới thiệu các bà trong Hội Mẹ Chiến Sĩ Ukraine. Cảm hình ảnh các binh sĩ mặc sắc phục, và với băng đen trên cánh tay trái, cũng có ảnh một binh sĩ nằm trong quan tài, các bà mẹ này cố cầm nước mắt, trong lúc họ tường thuật số phận các con cái họ trong quân đội Xô-Viết. Một bà thuật chuyện một người con bị các binh lính miền Trung Á đánh đập đến chết khi anh từ chối không lau chùi sàn nhà với một bàn chải đánh răng, trong một cuộc tập dượt bị bắt nạt, hiếp đáp. Một bà khác nói con bà đã chết vì trúng nắng sau một cuộc tập dượt sáu giờ đồng hồ

dưới sức nóng 104 độ F (40 độ C) mà không cho thời gian chuẩn bị thích nghi. Một bà mẹ khác nữa thuật chuyện con bà và một số hằng chục binh sĩ khác đã bị quét ngả "vô tình" bằng súng máy trong một cuộc tập trận với đạn thật chết người.

Sau khi nhóm các bà mẹ đã chấm dứt phát biểu, Martirosyan đang ngồi sau một bàn dài, sau lưng là một lá cờ Ukraine lớn, nói: "Các con cái chúng ta đã bị giết khi đang phục vụ cho một quân đội đế quốc. Những lời tuyên bố chủ quyền trống rỗng không đủ. Ukraine đang tiến đến không phải chỉ với một nền 'độc lập trên giấy', mà là một nền độc lập như tất cả các nước khác; chúng ta cần có một quân đội Ukraine độc lập."

Từ Siberia, Martirosyan đã đến Rovno năm 1985, nhận chỉ huy Trung đoàn 1 Ukraine. Điều kiện ở Rovno là điển hình của quân đội Xô-Viết trong thời gian ấy. Các chỉ huy đơn vị có nhà ở hư hỏng và tự tìm kiếm lấy hàng hóa tiêu thụ hiếm hoi ở các kho hàng trong thành phố. Binh lính bị hành hạ, chuỗi bối thô tục và tình trạng say sưa lan tràn.

Martirosyan đã triển khai các ý niệm về dân chủ hóa các lực lượng vũ trang trong thời gian phục vụ ở Siberia, và năm 1986 chính sách *perestroika* đang được bàn thảo, ông đã quyết định thử thực hiện các ý niệm này một lần nữa.

Mục tiêu đầu tiên của ông là ngưng ngay *dedovshchina*, tức việc cho phép các binh sĩ có một hay hai năm phục vụ đánh đập các binh sĩ trẻ mới được tuyển mộ. Ông kêu gọi cha mẹ các binh sĩ thi hành phương pháp này và yêu cầu họ dùng ảnh hưởng mình để khuyên con cái họ chấm dứt việc đánh đập này. Ông đòi hỏi các binh sĩ phải triệt để kính trọng sĩ quan chỉ huy và sử dụng ý kiến của chỉ huy như căn bản của sự đềbat hay thăng thưởng. Ông ngăn cấm các sự lạm dụng quyền hành trong hàng ngũ đơn vị, và thay vì án định các hình phạt đối với các vi phạm kỷ luật, ông chỉ tìm cách làm cho kẻ vi phạm phải xấu hổ, như chụp ảnh những binh sĩ đang ngủ trong phiến gác và cho dán ảnh này lên trong hành lang trại.

Binh sĩ đáp ứng phương pháp Martirosyan, và Trung đoàn 1 trở thành đơn vị kỷ luật kiểu mẫu và sẵn sàng chiến đấu của Lộ

quân 13. Tuy nhiên, thành công của Martirosyan đã gây ghen ghét đối với cấp trên của ông. Nhiều cấp sĩ quan được ủy nhiệm bắt đầu đến đơn vị của ông gần như hàng tuần gọi là để điều tra về tình trạng thất thoát xăng dầu, thực phẩm và sử dụng không đúng cách các trang thiết bị, nhưng thật sự là để tìm ra lý do để thuyên chuyển ông đi một đơn vị khác. Mùa thu 1988, nhân dịp các tổ chức Xô-Viết, gồm cả các đơn vị quân đội đề cử ứng viên tranh cử vào Xô-Viết Tối Cao toàn quốc, Martirosyan vì nhận thấy bắt đầu bị áp lực và cũng để tự vệ trước nhiều quấy nhiễu thêm nữa, đã nảy ra ý định mới là ra tranh cử vào chức vụ này.

Mặc dù gốc người Armenia, Martirosyan đã sớm trở thành công dân quốc gia yêu nước Ukraine. Sự thật, năm 1988, người quốc gia ở Rovno là lực lượng độc lập thật sự duy nhất, và Martirosyan biết rằng ông không thể thắng cử nếu không có sự ủng hộ của họ. Mặc dù nói tiếng Nga, Martirosyan hứa ủng hộ tiếng Ukraine là tiếng chánh thức của nước này và đích thân ông đã học nó. Điều này thu phục được lòng dân chúng địa phương và ông được sự ủng hộ của họ. Khi kết quả đếm phiếu được đưa ra, Martirosyan đã thắng với 87 phần trăm số phiếu, trước năm ứng viên khác.

Trong những tháng kế tiếp, Martirosyan trở thành một lãnh tụ dân chủ hoạt động tích cực và do đó, các binh sĩ của Trung đoàn 1 có được ý thức chánh trị.

Đầu tiên, có sự chống đối tinh thần quốc gia Ukraine trong trung đoàn, kể cả những người trung thành với Martirosyan. Các binh sĩ Nga lo sợ có thể bị trục xuất khỏi quân đội Ukraine hay bị bắt buộc phải rời khỏi Ukraine. Hầu hết những người này nghi ngại người quốc gia Ukraine vì nhận thấy màu xanh vàng cờ Ukraine, lá cờ mà những người ủng hộ nó trước đây đã có nhiều hành động tàn bạo trong thời chiến tranh.

Tuy nhiên, những đồng minh quốc gia của Martirosyan, bắt đầu tiếp xúc với các binh sĩ này và thuật cho nghe nạn đói năm 1933 và nạn tham nhũng của Đảng Cộng Sản và thuyết phục họ tương lai duy nhất của Ukraine là một nước độc lập.

Dần dần, cả trung đoàn đều tin tưởng. Nhiều người xúc động vì những hành động có tánh cách diệt chủng của thời đại Stalin, đặc biệt là nạn đói, nhưng quan trọng hơn cả là ý thức cho rằng chỉ có sự chia cắt quân đội Xô-Viết ra thành nhiều lực lượng đa quốc thì mới có thể xóa bỏ tình trạng thoái hóa của phần lớn binh sĩ bình thường Xô-Viết.

Ngày 29 Tháng Sáu, tại diễn đàn Xô-Viết Tối Cao Ukraine, Martirosyan đưa ra vấn đề chủ quyền. Ông tuyên bố có mối nguy hiểm bạo động phát xuất từ cánh hữu và cảnh cáo là có nhiều lực lượng trong quân đội có khả năng lật đổ nghị viện này và bất cứ cơ chế nào như thế.

Ngày 16 Tháng Bảy, nghị viện Ukraine chấp thuận bản tuyên bố chủ quyền và, với sự ủng hộ của toàn thể cộng hòa đòi binh sĩ Ukraine chỉ phục vụ trong lãnh thổ Ukraine mà thôi, tinh thần binh sĩ Trung đoàn 1 càng có nhiều khuynh hướng ủng hộ một quân đội Ukraine riêng biệt. Ngay khi các sĩ quan Trung đoàn 1 ủng hộ một quân đội Ukraine riêng, các đơn vị khác cũng hưởng ứng noi theo gương của đơn vị này.

Ngày 26 Tháng Mười Một, Tướng Mikhail Moiseyev, Tổng tham mưu trưởng quân đội Xô-Viết nói trước Xô-Viết Tối Cao rằng ông không thể cứu xét trường hợp các binh sĩ Ukraine chỉ phục vụ riêng trong lãnh thổ Ukraine mà thôi; điều này có nghĩa là chia cắt quân đội, vì có đến 17 phần trăm tân binh được tuyển mộ từ Ukraine.

Mặc dù có lời cảnh cáo này, tại Zaporozhe, nguyên một trung đoàn phòng không đã từ chối thi hành lệnh di chuyển căn cứ của họ đến Semipalatinsk, nơi các thử nghiệm nguyên tử được thực hiện. Các bà vợ sĩ quan tổ chức tuyệt thực tại quảng trường trung tâm thành phố và yêu cầu Kravchuk cho được tỵ nạn chính trị.

Cuối cùng, với tình hình căng thẳng lên cao trong hàng ngũ các đơn vị Xô-Viết đồn trú tại Ukraine, sĩ quan trên toàn cộng hòa Ukraine, gồm cả Trung đoàn 1, họp nhau Ngày 3 Tháng Hai tại Kiev để thảo luận thành lập Liên Hiệp Sĩ Quan Ukraine, một báo hiệu rõ ràng sự ly khai trong quân lực. Martirosyan không dự phiên họp đầu tiên, nhưng sau nhiều cuộc tranh luận sôi nổi tại

các hành lang, ban tổ chức quyết định yêu cầu ông giữ chức Chủ tịch hội, mặc dù ông không phải là người Ukraine. Các đại biểu có ấn tượng mạnh đối với các bài phát biểu của ông tại đại hội và, kể từ khi ông là một đại biểu nhân dân, họ biết rằng ông không thể bị bắt bớ, bởi ông có quyền đặc miễn dân cử. Sau cuộc mết-tinh, nhiều sĩ quan tham dự lập tức bị đuổi ra khỏi quân đội vì "làm mất uy tín sĩ quan Xô-Viết", nhưng kế hoạch tổ chức đại hội vẫn được tiếp tục triển khai trong các đơn vị quân đội trong toàn quốc, cho đến ngày khai mạc đại hội được ấn định.

Sau khi Martirosyan kết thúc những nhận xét của mình, có một số phát biểu từ cử tọa. Một đại tá của đơn vị trú đóng gần Uzhgorod nói: "Tôi nghĩ, tất cả chúng ta có thể đồng ý là Ukraine cần có quân đội, nhưng quân đội này phải được thành lập bằng một đạo luật của Xô-Viết Tối Cao. Nếu dân chúng bắt đầu tự vũ trang, một cuộc đòn áp sẽ không thể tránh được." Một đại biểu khác kêu gọi chấm dứt hoạt động chính trị của đảng Cộng Sản trong quân đội và nói nếu đảng này có những sĩ quan chính trị trong quân đội, đảng Rukh cũng phải có.

Có những cuộc tranh luận về những "điểm nóng" vùng, như Baku, nơi quân đội Xô-Viết đã can thiệp hồi Tháng Giêng, 1990. Các đại biểu cho đó là các cuộc chiến tranh ở nước ngoài và người Ukraine không có vai tuồng nào trong đó cả. Một đại biểu than phiền có một tỷ lệ quá cao binh sĩ Ukraine đã được đưa đến các điểm nóng so với số binh sĩ các quốc tịch khác.

"Chúng ta đã chứng kiến ở Tbilisi, Baku và Vilnius". Martirosyan nói, "đó là cách sử dụng mà một quân đội để quốc có thể được thi hành. Quân đội Ukraine phải khác. Nó chỉ được sử dụng để bảo vệ dân chúng, chứ không phải để tấn công họ."

Các đại biểu, phần đông là những sĩ quan về hưu và trừ bị, vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt.

**THÁNG TÁM 1991**, năm năm chính sách *glasnost* đã hoàn toàn gây bất ổn hệ thống chuyên chế tại Ukraine, làm cho cộng hòa này có một ý niệm sâu sắc về cá tính riêng biệt của mình. Nhưng

chỉ có dân cư Miền Tây Ukraine đa số tuyệt đối ủng hộ ý niệm độc lập quốc gia. Biến cố thúc đẩy dân chúng khắp nơi trong cộng hòa này ủng hộ một nền độc lập hoàn toàn là cuộc đảo chánh những ngày 19-21 Tháng Tám.

Cuộc đảo chính nhắc cho tất cả dân chúng Ukraine nhận chân được tình trạng mất quyền của họ trong hệ thống chánh quyền Xô-Viết. Trong ba ngày trời, số phận Ukraine hoàn toàn tùy thuộc các biến cố xảy ra ở Moscow. Ukraine đang sắp sửa ký một Hiệp Ước Liên Minh mới được một nền tự trị rộng rãi hơn trước đây, nhưng cuộc đảo chính làm nảy sinh sự kiện có thể, nếu phe đảo chính thắng thế, thì cộng hòa Ukraine thay vì được tự trị, thì lại sẽ có cuộc bắt bớ hàng loạt. Khi cuộc đảo chánh thất bại, mối đe dọa nền tự quyết của Ukraine đã được giải tỏa, mặc dù không do một hành động nào được phát xuất từ Ukraine cả.

Trước thực tế này, Ukraine bị một phản ứng tinh thần quốc gia tràn ngập. Các phóng viên dài phát thanh và truyền hình Kiev gạt bỏ sự kiểm soát của đảng Cộng sản và bắt đầu kêu gọi một sự cấm đoán hay tẩy chay Đảng Cộng Sản. Các đại biểu nhân dân quốc gia bèn soạn thảo một kế hoạch đưa vấn đề độc lập Ukraine ra trước nghị viện để bỏ phiếu biểu quyết, đồng thời chiếm lấy tòa nhà nghị viện với sự giúp sức của công nhân cách mạng Kiev, nếu cuộc biểu quyết cho nền độc lập không được đa số tán thành.

Ngày thứ hai mươi bốn, đề nghị tuyên bố độc lập được đưa ra bỏ phiếu biểu quyết và với đa số áp đảo, bao gồm phiếu bầu của hầu hết người Cộng Sản mất tinh thần, kiến nghị được thông qua và nền độc lập được chánh thức công bố.

LVOV, 5 THÁNG MUỒI HAI, 1991

Trong bầu trời màu xám xịt và khí hậu lạnh lẽo, chuông nhà thờ St.Yuri đổ vang liên hồi với sự thắng lợi cho độc lập sau cuộc trưng cầu dân ý Ngày 1 Tháng Mười Hai. Dân chúng Ukraine khắp nơi bỏ phiếu tán thành độc lập cho quốc gia, chánh thức xác

nhận quyết định của nghị viện. Tại Lvov, tỷ lệ số phiếu thuận lên đến 92 phần trăm. Tại vài *oblast* Lvov, tỷ lệ này đạt đến 99,5 phần trăm.

Hàng ngàn người chen chật bên trong nhà thờ, tay cầm nến, quỳ gối trên nền đá. Tại bên trong sân nhà thờ, có thêm cả ngàn người mặc áo lông thú và áo khoác ngoài thật dày đứng dưới tuyết rơi.

Trong đám đông có những người tranh đấu cho nhân quyền trước kia cũng như những người chống đối thuộc thế hệ trước, những kháng chiến quân sau Đệ Nhị Thế Chiến và sau nhiều năm bị đày tại các trại lao công cưỡng bách Xô-Viết, giờ đây được công khai nói lên vai tuồng của họ trước đây.

Cuộc bỏ phiếu tại Xô-Viết Tối Cao cho nền độc lập Ukraine hồi Tháng Tám vừa qua đã làm nghiêng cán cân dư luận Ukraine về cho việc đòi hỏi độc lập. Trong những tháng của mùa thu, căm thù của dân chúng Miền Đông Ukraine bị Nga-Xô đồng hóa nặng nề cũng bắt đầu thay đổi. Sự thất bại của cuộc đảo chính Tháng Tám và việc các đại biểu Cộng Sản tự nguyện bỏ phiếu cho độc lập cũng như sự thất bại của họ trong việc bảo vệ hệ thống chính quyền Xô-Viết, đã thuyết phục được những người cầm đầu nghị viện Nga nhận chân được bánh xe lịch sử đã quay và nền độc lập của Ukraine không còn có thể tránh được nữa. Do đó, họ đã bị thuyết phục là có thể có một sự phồn thịnh hơn trong một nước Ukraine độc lập mà họ bỏ phiếu tán thành.

**MIROSLAV-IVAN LUBACHIVSKY**, Hồng Y Giáo chủ của Giáo Hội Cơ Đốc Hy Lạp trước đây bị cấm đoán, bước tới bàn thờ có nhiều hình tượng đặt trong các khung kính bằng bạc chạm trổ công phu bao quanh.

"Nên độc lập mà chúng ta có hiện nay," ông nói, "không phải chỉ là chiến thắng riêng của chúng ta mà là chiến thắng của nhiều thế hệ trước."

"Trước đây rất lâu, nhiều người đã đấu tranh cho độc lập và đã hy sinh, nhưng chúng ta là những người đã hoàn tất mục tiêu một

cách hòa bình. Giờ đây chúng ta phải làm mọi cách để giữ thành quả này.

"Con đường đi hãy còn dài trước mặt." \*

---

\*Vào khoảng 9 giờ 45 đêm 15 tháng 1 năm 1994, Mikhailo Boichyshyn, lúc đó là Chủ tịch Ban Bí thư của *Rukh*, đã rời tổng hành dinh của tổ chức để di về nhà. Vào khoảng 11 giờ tối, hai người vô trang đã xông vào cao ốc vượt qua các lính gác và nói họ có "một gói đồ cho Boichyshyn." Boichyshyn đã không bao giờ về đến nhà và không có đâu mối nào được khám phá ra về số phận của ông ta nữa.

Boichyshyn chỉ có trách nhiệm duy nhất trong các sự vụ tài chánh của *Rukh*. Việc ông biến mất đã khiến các ứng cử viên của *Rukh* bị mất tất cả tài liệu và sự yểm trợ có tính sống còn của tổ chức hai tháng trước khi có bầu cử nghị viện ngày 27 tháng 3 năm 1994 tại nước Ukraine độc lập. Các nhà lãnh đạo *Rukh* tin việc này sẽ dẫn đến việc *Rukh* mất từ 5 đến 10 ghế trong các cuộc bầu cử, trong đó, đảng cộng sản đã nhận được nhiều phiếu bầu nhất.

## 14

# TÔN GIÁO

*Khi dân chúng bị tước đoạt hết những gì họ có... thì họ tìm sự tiếp cứu từ một sức mạnh siêu phàm nào đó.*

- Mikhail Bulgakov, Chủ nhân và Margarita

THÁNG MUỜI HAI 1991, LÚC 9 GIỜ TỐI

**TUYẾT RƠI** tạo thành một tấm màn phủ lên thành phố, làm cho các nhà chọc trời ở Moscow trở thành những bóng màu xám lờ mờ và các mái cao ốc thành nhiều tầng lớp ngang bằng tráng toát. Một chiếc xe buýt dừng lại trên đường Verkhny Novospassky và một người đàn ông còn trẻ đội mũ công nhân bước xuống, đi về hướng tu viện Novospassky.

Sergei Osipov, một công nhân xây cất và cũng là một cựu tù nhân, đã được đào tạo thành một người vô thần, nhưng gần đây lại bắt đầu đến dự thánh lễ nhà thờ.

Osipov đi qua dưới vòm cung ngõ vào sân tu viện lót đá bị phủ tuyết. Anh dừng lại nhìn quang cảnh thành phố với những ngọn đèn đường và đèn nhà dân chúng, và bước lên các bậc thềm nhà thờ tu viện nhập đoàn với hàng trăm người khác để rước lễ buổi chiều.

Buổi lễ kéo dài ba giờ đồng hồ. Vài tín đồ, nhất là phụ nữ với trẻ em, ngồi trên băng dọc theo tường đá, nhưng phần lớn thì đứng. Sau khi buổi lễ chấm dứt, bên trong nhà thờ trống rỗng trong lúc có khoảng một trăm người, gồm có Sergei, nán lại chờ xưng tội.

Ba thầy tu dời bức giảng đến trước bức tường có trưng bày nhiều hình tượng cổ đặt các khung vàng chạm trổ công phu, các tín đồ xếp hàng dài, Sergei đứng vào hàng thứ hai trong số ba hàng người. Bên trong nhà thờ im lặng ngoại trừ tiếng lách tách rất nhỏ của các cây nến đang cháy trong các khung vàng hình tượng.

Hàng người di chuyển từ từ tới trước và Sergei quan sát dân chúng Xô-Viết, cùng chia sẻ các mối lo âu về đời sống khó khăn và không may của họ. Không lâu trước 2 giờ sáng, đến lượt Sergei xưng tội. Anh nói với thầy tu gần hai mươi phút. Thầy lắng nghe kỹ, thỉnh thoảng đưa tay vuốt râu cằm. Cuối cùng, Sergei cuối đầu và thầy lấy áo choàng lê trùm lên người anh vừa đọc kinh. Sergei cúi hôn quyển Thánh kinh và đứng dậy đi ra ngoài trời lạnh, băng ngang qua vòm cung ngõ vào tu viện để ra đường; nơi đây, anh vẩy tay gọi tắc-xi để về nhà.

**CẢNH TƯỢNG** diễn ra ở tu viện Novospassky làm cho người ta phải nghĩ đến sự kiện là từ năm 1991, tôn giáo đã được hồi sinh tại Liên-Xô.

Từ nhiều thập niên qua, tôn giáo đã bị khủng bố nghiêm ngặt. Khi mà chế độ cộng sản đảo ngược tôn ti giữa người và Thượng Đế, việc triệt hạ tôn giáo trở thành ưu tiên quan trọng, triết lý bậc nhất của chế độ. Chế độ không cấm đoán tôn giáo, nhưng tạo ra những điều kiện để làm cho tôn giáo phải tự hủy diệt. Các trẻ em được dạy về chủ nghĩa vô thần tại trường và tôn giáo chánh thức bị cấm truyền đạo. Trong lúc đó thì người trưởng thành có tôn giáo không bao giờ có thể tiếp tục theo đuổi một nghề nghiệp nào được cả.

"Không, không có sự hồi sinh tôn giáo nào cả, như thỉnh thoảng có người nói," Cha Sergei Zheludkov nhận định một đêm nọ ở Moscow vào năm 1982. "Tại Pskov, chỉ có vài người đi nhà thờ. Không có nhà báo hay thầy giáo nào đi cả, vì họ e sợ bị mất việc. Trẻ em không được đeo thánh giá và chúng không muốn bị

quấy rầy ở nhà trường. Nhưng dù cho không có khủng bố đi nữa, cũng khó mà nói đã có bao nhiêu người đến đây.

"Phần lớn người dự các buổi thánh lễ đều là những phụ nữ già. Hình như có cái gì đó có tính tình cảm xúc động tự nhiên của người đàn bà làm cho họ dễ tiếp thu tôn giáo hơn đàn ông. Các bà tổ chức thành một thứ hội hay câu lạc bộ. Họ có thể kể chuyện tassel phào mà người ta thường gọi là ngòi lê đôi mách với nhau trong buổi lễ, nhưng sự hiện diện của họ phản ảnh sự thất bại của chánh quyền Xô-Viết trong việc triệt để tiêu diệt tôn giáo. Những người tôn sùng, kính bái nhà thờ là những cựu thành viên Đoàn Thanh Niên Cộng Sản (*Komsomol*). Họ là những người sanh năm 1910 hay không bao lâu trước đó. Họ là những người con của cách mạng đã vứt bỏ sự nhòi sọ của chủ nghĩa vô thần vào sự đau khổ của tuổi già cô độc."

NĂM 1988, bắt đầu có sự thay đổi trong chính sách đối với tôn giáo.

Tháng Tư, Gorbachev gặp Giáo Chủ Pimen tại điện Kremlin. Đây là lần đầu tiên một lãnh tụ tôn giáo được tiếp tại đây kể từ khi Stalin đã tiếp các lãnh tụ tôn giáo trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Báo chí nhà nước, đã cùng luôn luôn mô tả các tín đồ tôn giáo như là những người xấu xa gây tai họa và mê tín dị đoan, nay bắt đầu nói đến họ một cách có cảm tình hơn. Đơn từ, kiến nghị xin cho mở cửa lại các nhà thờ đã bị vứt bỏ từ mươi đến hai mươi năm nay đã được thỏa mãn và các viên chức địa phương không còn gây rắc rối cho các thầy tu nữa.

Chiến lược cải cách của Gorbachev đã mang đến một không khí đổi mới trong xã hội.

Một khi không còn bị khủng bố, lòng tin đảm nhận sự sống tinh thần trên thế gian, và những sợi dây leo đầu tiên sống dậy của tôn giáo ở Liên-Xô bắt đầu xuất hiện.

Sự thay đổi được phản ánh qua số phận của từng cá nhân.

## RECHNOI, MIỀN TÂY SIBERIA

THÁNG BÁY, 1987

Ánh nắng mặt trời nóng bức, Alexander Gorbunov, bí thư Đảng Cộng Sản địa phương, đứng ở cuối một dãy nhà cây và đang nhìn một máy đào đất đang đào một đường hầm dài để đặt ống nước cho nông trường quốc doanh Rechnoi.

Đằng xa, một chiếc xe ngựa đang kéo nhiều bành rơm và một chiếc xe hơi đang chạy làm đầy lên những đám mây bụi mù mịt.

Nhưng thình lình có tiếng răng rắc và Gurbanov nhận thấy tay anh bắt đầu rung rẩy. Chiếc máy đào đất đào lên đất đen đã xúc lên nhiều xương người. Và trong lúc nó đang tiếp tục đào, bộ phận xúc của nó tiếp tục chứa đầy xương và sọ người đổ đống qua một bên đường.

Gorbunov bắt đầu lớn tiếng gọi người lái xe ngưng lại và sau cùng, anh này tắt máy, nhưng lại phản đối vì anh cần phải đạt chỉ tiêu lao động. Gorbunov với tư cách đại diện đảng, không thể cho anh biết lý do tại sao công tác phải ngưng.

Anh biết là trước đây trong thời đại Stalin đã có trại lao công gần đây. Sự thật là, tại các nông trường ở Siberia, khi mặt trời lặn thường cho thấy nhiều mô đất lật lùng có cỏ xanh tươi tốt bao phủ và nhiều nấm đất mọc lên. Những người già cả từ lâu đã từng cho biết là các mô đất này có chôn xác người. Nhưng cho đến khi anh được chứng kiến việc vừa xảy ra, Gorbunov thật sự chưa bao giờ thấy xương người. Run sợ và bối rối, anh rời khỏi nơi làm việc và trở về nhà.

Gorbunov, một đảng viên từ năm 1974, làm việc tại làng Achair với tư cách một thợ máy sửa chữa máy kéo tại cơ xưởng nông trường quốc doanh Pervomaisky. Đầu năm 1987, anh đã mất niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản, nhưng anh được bầu làm bí thư đảng của nông trường và đã tích cực tham gia hoạt động.

Anh hy vọng, với tư cách bí thư đảng, anh có thể giúp đỡ nhiều người, nhưng vì kinh nghiệm lãnh đạo hệ thống cộng sản đã làm cho anh tin anh là phần tử của một cơ cấu không thể cải

cách được. Anh đã thấy giám đốc nông trường, Vladimir Nozdrichev đã làm cách nào để cấp nhà cửa cho bạn bè thân thích mình và tình trạng say sưa đã đến độ mà các thủ trưởng nông trường phải đích thân đi vắt sữa bò vì tất cả các người khác đều say mèm.

Năm 1987, nhà cầm quyền bắt đầu khuyến khích thành lập "các tổ chức không chính thức" để giúp thi hành chính sách perestroika, và viên giám đốc nhà văn hóa tại Achair, một hậu duệ của người Cô-dắc Siberia, tổ chức một ban hợp xướng Cô-dắc. Gorbunov, vì cũng là người gốc Cô-dắc nên đã tham gia. Trong lúc đó, các nhà thờ tại Omsk và các làng chung quanh đều mở cửa và Feodosy, tổng giám mục giáo khu Omsk-Tarsk, phát hiện trên đài phát thanh và truyền hình địa phương.

Ánh hưởng bởi bề ngoài của sự thay đổi thái độ của nhà cầm quyền đối với tôn giáo, một thành viên của ban hợp xướng đề nghị toàn ban đi Omsk để được tổng giám mục Feodosy ban phép lành. Gorbunov chưa từng đi đến một nhà thờ, nhưng vì bị xúc động bởi vụ đào hầm ở Rechnoi, anh đồng ý cùng đi. Khi Feodosy được tin ban hợp xướng Cô-dắc đến, ông công hiến cuộc lễ cho sự phục hồi người Cô-dắc Siberian là những người mà ông cho rằng đã tổ chức đời sống mình trên căn bản tôn giáo, kỷ luật, và kính trọng người lớn tuổi.

Thánh lễ ở nhà thờ Omsk Cathedral kéo dài hơn hai giờ và Gorbunov bị xúc động. Sau đó, khi Feodosy đi khắp trong nhà thờ với tay cầm thánh giá bằng bạc, Gorbunov cùng ban hợp xướng đi theo và hôn thánh giá.

Sau này, Feodosy nói chuyện với ban hợp xướng Cô-dắc và thúc giục họ mở cửa một nhà thờ ở Achair để tôn vinh tổ tiên họ.

Khi Gorbunov trở lại Achair, anh quyết định, mặc dù vẫn còn là bí thư đảng, tìm cách tổ chức khánh thành một nhà thờ. Đây là một ngôi nhà trống trong làng trước đây đã được sử dụng làm trạm y tế, và Gorbunov đi thu thập chữ ký của người làng đồng ý để làng trở thành một giáo khu và nhà này được dùng làm nhà thờ. Anh nhanh chóng thu được ba trăm chữ ký, và trên căn bản này, ban hội làng bỏ phiếu thỏa mãn đòi hỏi của anh.

Vật dụng được tặng cho cuộc khánh thành nhà thờ do sự tình nguyện cố gắng của tập thể chưa từng nghe thấy ở Achair. Sáng kiến có một nhà thờ là một sáng kiến mới mẻ, vì thế nó gây được nhiệt tình của dân làng. Công nhân khắp làng bắt đầu thu thập vật liệu nhà nước để xây dựng lại nhà tương lai này. Cây gỗ được lấy ở các kho nông trường tập thể, nhựa lát bàn vách, sơn, lấy từ các cơ xưởng sửa chữa, kim loại và dây điện từ các cửa hiệu buôn. Nhiều người tình nguyện quét vôi nhà, sửa chữa sàn nhà và sơn phết.

Đến Ngày Chủ Nhật lễ Phục Sinh, 7 Tháng 4, 1991, nhà thờ đã sẵn sàng và thánh lễ đầu tiên được tiến hành. Tổng giám mục Feodosy chủ trì lễ và sau đó nói chuyện cùng dân làng tập hợp bên ngoài nhà thờ.

"Ai đã tổ chức tất cả mọi việc này?" ông hỏi.

"Alexander Gorbunov, lãnh tụ đảng," dân chúng trong đám đông trả lời.

"Vinh quang thay, Thượng Đế," Feodosy day qua Gorbunov nói, "Alexander Vladimirovich, làm sao anh lại thành một tu sĩ?"

"Tôi là bí thư đảng," Gorbunov nói, "nếu tôi trở thành tu sĩ, dân chúng có thể không hiểu tôi; hơn nữa, tôi còn phải có sự hiểu biết học hỏi nữa."

"Anh sẽ đi học ở học viện tôn giáo của chúng tôi ở Omsk," Feodosy nói. "Chúng tôi không cần thuyết giảng gì lớn lao cả. Chúng tôi chỉ cần thầy tu để thi hành nghi thức hành lễ."

Gorbunov hoàn toàn ngạc nhiên với đề nghị này, và anh xin được có thì giờ để suy nghĩ. Không bao lâu sau, anh rời bỏ Đảng Cộng Sản, từ bỏ việc làm tại xưởng sửa chữa đầu máy, và đi đến Omsk để học làm thầy tu. Trong lúc đang học, anh làm tài xế cho Feodosy và trở về Achair hồi Tháng Tám mặc áo thầy tu và đeo thánh giá.

Cha Alexander bắt đầu thi hành nhiệm vụ tại nhà thờ mới đã được trùng tu lại. Những ngày chủ nhật, có từ mười đến mười lăm người đến dự lễ, nhưng đến những ngày lễ thường thì có đến hai trăm.

Đầu tiên, Cha Alexander là mối nghi ngờ; nhiều người làng cho rằng họ không thể tin tưởng được một thầy tu trước đây là một bí thư đảng. Tuy nhiên, với thời gian, anh đã lôi cuốn được lòng tin của nhiều người hoài nghi này.

**SỰ HỒI SINH CỦA TÔN GIÁO** ở Achair gây được một phản ứng dây chuyền. Từ lâu, dân làng nhớ họ đã có một tu viện ở đây, mà hồi năm 1924 đã bị giải tán khi ba tăng sĩ thiết lập nó bị bắt và bị bắn. Trong lúc đó, Vitaly Meshcherikov, giám đốc nông trường quốc doanh Rechnoi, cảm kích trước sự thành công của nhà thờ Achair, đã đóng góp 100.000 rúp cho việc xây cất trên đất của nông trường. Cha Alexander đề nghị thay vì đánh dấu mồ chôn tập thể ở nông trường Rechnoi này thì nên thay vào đó bằng một tu viện. Feodosy đồng ý và Mescherikov cũng chấp thuận.

Tuy nhiên, Cha Alexander còn vẫn bị dày vò vì không biết hết những nơi có giết người. Cuối năm 1991, ông đi đến Omsk gặp Ferenz Nadh, một người sống sót sau những ngày Leningrad bị phong tỏa và là một điều tra viên tội phạm hình sự ở Omsk, đã làm một cuộc nghiên cứu về các địa điểm có trại lao công cưỡng bách.

Nadh nói trại gần Achair là một khám đường của nông trường nơi các tù nhân trồng thực phẩm cho mười tám trại khác ở vùng Omsk đã xây cất các nhà máy, nhà máy lọc dầu, nhà ở và các nhà máy thủy điện. Phần lớn tù nhân là những nhà trí thức - luật sư, bác sĩ và giáo sư. Họ trồng rau cải bằng tay, không có giày ống và quần áo ấm dưới trời mưa lạnh đến dưới không độ. Không có được săn sóc y tế, nhiều tù nhân đã chết vì sưng phổi, biến dạng vì thiếu ăn, kiết ly, hằng ngày khoảng mười người. Tuy vậy, tình trạng này không khiến cho các người chỉ huy trại lo ngại, vì mỗi tuần đều có những chuyến xe lửa chở tù nhân đến Omsk, vì vậy mà dân số trại vẫn luôn luôn được bổ sung đầy đủ.

Trại hoạt động hơn hai mươi năm trước khi bị giải tán và sau khi Stalin chết, và Nadh ước lượng xác người có thể lên đến con

số sáu mươi ngàn bị chôn vùi trong nhiều hầm hố trong vùng Rechnoi.

Khi các nông trường quốc doanh được tổ chức, các nông dân tập thể thường gặp phải xương người khi họ đào đất làm móng nhà hay đào giếng, và không ai ngạc nhiên khi nhận thấy nhiều trẻ em chơi đùa với xương và cả sọ người. Đôi khi, các bà đã gom góp xương lại mang đi chôn trong nghĩa địa làng, nhưng các nông dân đã không có chút cố gắng nào để tìm ra các hầm hố chôn người hoặc làm gì để tưởng niệm những người xấu số này cả.

Sau khi từ Omsk trở về, Cha Alexander thường điều đặc đi viếng địa điểm mộ tập thể mà trước đây bốn năm ông đã từng thấy xe đào đất đào xới lên. Có một lần, ông thấy một bà rào lại mảnh đất này dự tính làm một miếng vườn. "Bà không thể trồng trọt ở đây," Cha Alexander nói. "Có người chết đã bị chôn ở đây."

"Họ không cho tôi chôn nǎo khác cả," bà nói. "Nếu tôi không trồng trọt gì được ở đây, tôi sẽ tự treo cổ."

Tin rằng tu viện là một sự cần thiết cấp bách, Cha Alexander cố quyên góp tiền bạc để thực hiện kế hoạch này. Ông yêu cầu dân chúng trong giáo khu quyên góp và trình bày kế hoạch một tu viện tương lai trên đài phát thanh Omsk. "Một người chỉ có thể có đạo đức, luân lý khi còn nghĩ đến những người sống trước họ, nghĩa là tổ tiên họ," ông còn nói, "Trong tu viện, các thầy sẽ luôn luôn đọc thánh ca và cầu nguyện cho những người bị chôn vùi nơi đây cũng như cho tất cả những người Cơ Đốc Chính Thống đã chết tại các trại lao động Siberia. Tu viện còn gom góp tin tức về các vùng có trại lao công cưỡng bách dưới thời Stalin để cung cấp cho thân quyến của họ."

Lời kêu gọi của Cha Alexander được đáp ứng ngay. Dân chúng mang bao thư tiền đến giáo khu. Một bà viết: "Tôi dâng cúng tiền này của bà tôi chết để lại cho tôi. Bà đã chết và tôi mang tiền này đến cho nhà thờ." Nhiều bà khác nói họ dâng cúng tiền để tôn vinh một thân nhân hay để kỷ niệm ngày hôn nhơn hoặc sinh nhật.

Một buổi sáng có một bà đến nhà Cha Alexander ở Achair, tay dắt một con bò cái.

"Tại sao bà dắt bò đến đây?", ông hỏi.

"Cha tôi chết tại trại này", bà vùt khóc và nói: "Xác ông được vùi lấp ở đây. Chúng tôi được phép của nông trường tập thể và tập hợp được các bà, các cô vắt sữa, chọn một con bò tốt nhất."

Ngày 30 Tháng Mười, 1991, một nhóm độ bốn mươi người, gồm có cả Cha Alexander và Đức Tổng Giám Mục Feodosy họp lại với nhau tại địa điểm của nấm mồ tập thể. Trên trời mây bao phủ và gió lạnh thổi qua các cánh đồng.

Trong lúc đám đông đang nhìn, Cha Alexander và bốn thầy khác dựng thánh giá bằng cây thật cao lên trên nấm mồ nghĩa trang. Đức Tổng Giám Mục Feodosy đọc kinh và cầu xin Chúa ban yên lành cho những linh hồn các nạn nhân xấu số được chôn cất tại đây. "Chúng tôi cầu nguyện cho những người thuộc thế giới bên kia, và xin họ cầu nguyện cho chúng tôi đang trên thế gian này", ông nói.

Thình lình, mây đen tan dần và dân chúng la lên, "Nhìn xem, đã có ánh sáng trên trời."

Cha Alexander quay nhìn mọi người chung quanh mình. "Đó là dấu hiệu của Thượng Đế," ông nói. "Tại nơi đây sẽ có một tu viện."

INYAKINO, MIỀN TRUNG NƯỚC NGA,  
NGÀY 7 THÁNG BÁY, 1989

Trong lúc tiếng dội sấm sét vang lên bên trong nhà thờ trống rỗng Uspensky, bà già Maria Apalina gầy ốm với da mặt nhăn nheo làm dấu thánh giá và một thầy tu trẻ để râu cầm đọc kinh buổi chiều. Ánh sáng nến màu vàng đang cháy trên chân đèn cắm nến bằng bạc, bà Apalina nhìn quanh và các bà khác đang theo dõi cuộc lễ, vài bà nước mắt lưng tròng. Cho đến trước đây một

tháng, nhà thờ đã bị đóng cửa, và đây là buổi lễ đầu tiên trong hai mươi mốt năm trời. Rồi thình lình, ánh sáng sấm sét lóe lên khắp các cánh đồng và trời mưa xối xả xuyên qua nóc nhà thờ lộ thiên. Một ngọn gió mạnh làm tắt nhiều cây nến. Dù sao, đối với Apalina, đây cũng là một trong những ngày hạnh phúc của đời bà.

Bà nghĩ lại một cảnh tượng năm mươi hai năm về trước. Đó là hồi Tháng Sáu năm 1937, một ngày mùa hè nóng nực, Apalina lúc ấy, là một cô gái mười lăm tuổi đang làm việc ở những cánh đồng của nông trường tập thể Dobrovolets cùng nhiều trẻ khác trong làng. Thình lình, cô nghe tiếng chuông nhà thờ reo lên. Cô bắt đầu chạy và cũng nhận thấy các trẻ em khác đang bỏ việc và cùng chạy đến nhà thờ. Khi họ đến nơi, đã có một đám đông và trước nhà thờ có một nhóm xe quân sự.

Nhiều người mặc quân phục ở trên lầu chuông đang dùng búa tạ đập phá giàn treo chuông bằng cây và quăng chuông xuống đất. Phần lớn dân làng còn đang làm việc ngoài đồng, nhưng các bà trong đám đông la lên, "Các ông đang làm gì với các chuông này?" Các trẻ em la khóc.

Một binh sĩ trong đám đông nói các chuông này sẽ dùng làm súng đạn. Thình lình, Andrei Semyonov, chủ tịch nông trường tập thể, xuất hiện và leo lên tháp chuông. Trong một cơn giận điên lên, ông giật một cây búa tạ và cũng bắt đầu đập phá giàn cây treo chuông. Tuy nhiên, vì cơn giận, ông vung búa loạn xạ, trong lúc đám đông đứng nhìn; ông bị trượt chân, mất thăng bằng và té xuống từ độ cao hơn mươi tám thước và chết tức khắc.

Vài giờ sau, cửa nhà thờ bị khóa lại bằng dây xích.

Việc đóng cửa nhà thờ mở màn cho một thời kỳ đàn áp tôn giáo tiếp tục diễn ra ở Inyokino trong suốt trên năm mươi năm. Vì không có nhà thờ nào hoạt động trong làng, Apalina và cha mẹ cô phải đi lễ ở nhà thờ Baravoye, bảy dặm cách xa, một trong hai nhà thờ còn mở cửa tại quận Shilovo có một dân số là 52.000 người.

Những người chỉ huy nông trường tập thể, nơi gia đình Apalina làm việc bắt buộc các nông dân phải "tình nguyện" làm

việc một ngày không công trong những Ngày Chủ Nhật. Thầy giáo trường làng, trước những ngày có lễ tôn giáo, đã ra chỉ thị cho học sinh không được đi nhà thờ, và tại Baravoye, giáo viên và thanh niên Cộng Sản ngăn cấm và gây khó dễ cho học sinh nào cố ý muốn đến nhà thờ.

Trong lúc đó nhà thờ Uspensky từ từ đổ nát với thời gian. Các hình tượng trước hết bị lấy đi mất, sau đó là dây khóa cửa bị bẻ gãy và bên trong bị dọn sạch. Cuối cùng, nóc nhà thờ bị giờ và sàn nhà bị sụp lún. Vòm gỗ bị mục và gần như muốn rã ra khi có giông gió mạnh và sau đó đổ xuống bên trong nhà thờ.

Thập niên 1980, làng Inyakino gần như mất hết tín ngưỡng. Nếu một đứa trẻ nào bị nhận thấy trong nhà thờ ở Baravoye, cậu ta bị chế nhạo trước lớp học là ngu dốt và bị đuổi ra khỏi hàng ngũ đội Thiếu Niên Tiền Phong.

Sáu đứa con của Apalina từ lâu đã từ chối không chịu đến nhà thờ Baravoye hay nhà thờ nào khác, và chỉ có Apalina và vài bà già còn giữ được truyền thống tôn giáo Chính Thống, gặp nhau tại nhà của nhau để đọc kinh không thầy chủ lễ trong những Ngày lễ Phục sinh, những ngày lễ Ba Ngôi Một Thể và ngày lễ Thăng Thiên của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Tuy nhiên, năm 1988 Apalina giật mình khi xem tuyên hình, thấy xuất hiện hình ảnh các nhà tu hành, gồm cả Giáo Chủ Pi-men. Bà đến bàn bạc với các tín đồ khác trong làng, và được những người có đọc báo cho biết các nhà thờ đã được mở cửa lại. Được khuyến khích bởi sự thay đổi hiển nhiên này, Apalina và nhiều bà tín đồ khác đến gặp Viktor Romanov, chủ tịch nông trường, yêu cầu ông này giúp đỡ cho phép mở lại nhà thờ Uspensky. Trước sự ngạc nhiên của Apalina, Romanov đồng ý.

MỘT NĂM SAU, cuối cùng các nhà thờ được phép mở cửa lại và một sự thay đổi đã diễn ra khắp làng. Nhà thờ Uspensky được xây cất từ năm 1793, đã đổ nát. Còn nhiều kèo, rui gỗ treo lủng lẳng trên trần nhà, sàn nhà lún nhiều chỗ và cầu thang thì mục nát. Bên trong đồ đạc bằng gỗ cũng mục nát, rơm rải đầy nhà,

từng đóng hạt giống và đùi thứ rác rưởi. Nhưng Romanov cấp cho tài chánh để trùng tu và hằng chục người tình nguyện góp công của. Công việc tốn ra quá lớn lao. Các tín đồ phải mất cả tháng trời dọn dẹp, cây cối mục nát được giở xuống hết. Sàn nhà và cầu thang được sửa chữa lại.

Tháng bảy 1989, nhà thờ đã có đủ chỗ dọn sạch để có thể cử hành lễ, vài bà sòn sòn mang đến các hình tượng thánh mà họ đã cất giấu trên rui trần nhà trong nhiều chục năm qua. Một thầy tu, Cha Ivan Marten được cử đến giáo đoàn và, trong lúc một cơn bão đang lướt mạnh qua địa phương, buổi lễ đầu tiên được cử hành.

Nhiều tháng trôi qua, nông dân tập thể quen với sự hiện diện của nhà thờ, và Cha Ivan bắt đầu thi hành các lễ cưới và tang lễ, trong lúc Apalina tham gia đội hợp xướng. Đầu tiên, vài nông dân tỏ vẽ giận vì sử dụng tiền của nông trường để trùng tu lại nhà thờ, nhưng Romanov, mà bà mẹ là người sùng đạo, bác bỏ các lời phàn nàn phản đối. "Mục đích của tôi là xây dựng, chứ không phải đập phá," ông nói.

Cả những giáo viên cũng bắt đầu dự thánh lễ, và đến Tháng Chín, trước ngày tựu trường, hầu hết năm mươi trẻ em nhận thánh lễ. "Dân chúng trở nên thân mật với nhau," Apalina nói. "Họ bắt đầu sợ Chúa và sợ tội lỗi. Trước đây, dân chúng như những con chó. Họ không có lòng thương, trắc ẩn và thán ái. Cả những cán bộ cao cấp đảng cũng đổi khác. Họ lễ phép hơn. Trước đây họ không bao giờ lễ phép như thế."

## THÁNG MƯỜI 1992

Lửa đang cháy trong lò sưởi sắt bên trong nhà thờ mới được phục hồi. Sàn nhà vừa mới được sơn phết và các hình tượng được treo trên vách đá phết vôi trắng.

Trong lúc ánh sáng lọt ra ngoài cửa sổ vòng cung cao của một ngày âm u mây phủ, Apalina và ban hợp xướng của bà hát kinh cầu nguyện cho người chết, và dân làng đứng quanh chiếc quan tài mở nắp của một bà mẹ ba mươi chín tuổi chết vì bệnh ung thư, Cha Ivan đi tới lui rải hương trầm đựng trong một đĩa vàng, Các người than khóc cầm nến tượng trưng ánh sáng soi đường cho người chết về với Chúa.

Cha người chết bật khóc. Sau cùng, một nhóm thanh niên với băng trắng trên tay nâng quan tài lên vai và đi ra ngõ vòm của lầu chuông, theo sau là đám người đưa tang đi vòng quanh nhà thờ.

Người đưa đám tập hợp trên đường. Trong số này có bà già đi khập khiểng như Apalina và trẻ em. Một ban nhạc kèn đồng đánh lên bản nhạc tang và Apalina cùng nhiều người khác đưa xác bà xấu số đi hết cuộc hành trình cuối cùng đến nghĩa trang của làng, cách đấy khoảng một dặm rưỡi.

Sau này, Apalina nhớ lại là nhiều năm qua, bà không có cả quyển Thánh Kinh riêng. "Hiện nay, chúng tôi dạy cho các con điều luật của Chúa," bà nói, "và nó sẽ khác. Ai đã đọc Kinh Thánh biết những gì sẽ xảy ra. Tôi đọc Kinh Thánh và nhờ vậy mà tôi không lấy làm ngạc nhiên hay kinh hãi, khiếp sợ gì cả."

Bà trầm ngâm nghĩ đến những biến chuyển của vài năm vừa qua.

"Ai là người có thể chờ đón một sự đổi thay như thế?" bà nói. "Nhưng vẫn lại, cả vị thiên thần cũng không thể nhìn thấy Chúa, vậy tại sao chúng ta mong chờ việc này?"

### TRẠI CẢI TẠO LAO ĐỘNG SỐ 5, NGOAI Ô LENINGRAD

Vào một ngày lạnh cắt da Tháng Ba, 1990, Vladimir Khotko, một tội phạm sát nhân, đi vào giữa sân đá bóng và lên tiếng nói cùng

các tội nhân cùng khám đường. Chung quanh anh có 1.500 người bị kêu án tối đa tại trại lao động này. "Chúng ta vừa được cho phép xây dựng một nhà thờ trên đất của trại này," Khotko nói. "Không ai giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta có thể kiếm tiền và chúng ta có thể thực hiện việc này."

Đám đông im lặng. Khotko nhìn mặt các phạm nhân - sát nhân có, hiếp dâm có, du đảng có, và trộm cắp có. Phần lớn chưa bao giờ nghe nói đến mười điều răn của Chúa, phần lớn cũng không tôn trọng nó trong chính đời sống của họ. Cuối cùng, một nhóm tù nhân bắt đầu chuyền nhau cái ba-lô trong đám đông và một việc bất ngờ đã xảy ra. Đầu tiên có vài người và sau thì gần như mọi người đều móc trong túi áo tù của mình ra những tờ giấy bạc nhau nát. Vài người bỏ vào ba-lô đến năm rúp, vài người hai mươi lăm rúp.

Trong độ nửa giờ, Khotko đã gom được mười tám ngàn rúp, một số tiền thừa thãi để bắt đầu tiến hành công việc.

Kế hoạch xây cất nhà thờ là một phần của ý định chuộc lại tội lỗi của mình qua lòng tin tôn giáo. Sau ngày mãn khóa học ở Leningrad, Khotko đến làm việc tại Nhà máy kéo Kirov ở Tikhvin và trở thành lãnh tụ Komsomol, đồng thời chủ tịch công đoàn, lúc ấy anh mới có hai mươi lăm tuổi. Anh hình như có số mạng dành cho nhiều thăng tiến, nhưng năm 1985 anh ly dị vợ. Đầu tiên, việc này không có hậu quả nào, nhưng cặp vợ chồng dần dần đi đến gây gỗ nhau dữ dội vì giành nhau một căn nhà một phòng. Họ cố gắng thương lượng nhiều lần nhưng không có kết quả. Cuối cùng họ gặp nhau tại nhà một người bạn, nơi đây, theo hồ sơ tòa án, họ bắt đầu cãi nhau. Cuộc cãi vã dữ dội đến đổi Khotko bắt đầu đấm đá vợ cũ anh một cách dã man. Khi anh ngừng tay thì bà ta đã chết.

Điều bất hạnh trong việc đánh chết người vợ cũ đã làm tan nát đời của Khotko. Anh bị bắt và bị đưa đến khám đường điều tra Leningrad và sau vài ngày anh cổ treo cổ tự vận nhưng được cứu kịp. Khi tỉnh dậy, anh được biết là hai ngàn công nhân của nhà máy nơi anh đã làm việc trước đây đã ký vào thỉnh nguyện thư

yêu cầu xử tử hình anh. Toà án Tháng Mười Hai, 1986 đã xét xử và lên án anh mười ba năm khổ sai.

Đối với một cán bộ Komsomol, bị đày đi Trại Lao Động số 5 là đi vào một thế giới khác. Khotko trước đây không bao giờ vi phạm luật pháp và cũng không có hổ sơ về hành động bạo lực nào cả. Hơn nữa, anh có khả năng và kinh nghiệm kỹ thuật, kết quả của những năm làm việc tại nhà máy Kirov, và điều này có nghĩa anh có thể có một đóng góp về kinh tế. Anh được chỉ định làm quản đốc phân xưởng xây dựng. Anh làm việc bảy ngày một tuần, mỗi ngày mười hai tiếng sửa chữa kho xưởng và nhà cửa trong trại.

Trong những năm đầu của chính sách perestroika, chế độ của trại chỉ có một ít thay đổi. Các tù nhân không được gọi những nhân viên quản lý trại bằng danh từ nào khác hơn là "thủ trưởng", và những câu chuyện được nói thì nội quy trại đã ấn định rõ ràng. Tù nhân nào có đeo thánh giá đều bị tịch thu vứt bỏ. Tuy nhiên, mùa xuân 1988 đã cho thấy có dấu hiệu tự do hơn. Lần đầu tiên, tù nhân đã được phép gọi nhân viên canh gác bằng tên và có người ngoại quốc đến viếng trại. Đồng thời các thầy tu được cho phép thong thả vào trại.

Trước đây, tù nhân nào có chuyện trò với thầy tu đều bị chế nhạo, bêu xấu. Với thời gian sau này, thái độ ấy đã chấm dứt. Tù nhân nhận thấy các thầy tu trong số những người đi thăm trại, sẵn sàng gặp họ và thảo luận các vấn đề của họ. Nhiều người cảm kích và tin tưởng các thầy là không lập lại những gì họ đã nói.

Nhiều tháng trôi qua, Khotko bắt đầu cảm thấy ăn năn, hối hận vì đã giết vợ. Anh lo lắng cho đứa con gái còn nhỏ và hy vọng có được một vị thần nào đó phù hộ, che chở cho con anh.

Các thầy đem vào trại cho anh những bản sao Thánh kinh và Khotko bắt đầu đọc. Anh nhận thấy Thánh kinh dạy những điều tốt lành. Trong lúc luật lệ hình sự không cho anh ý thức gì về những điều phải quấy mà Thánh kinh đã viết, đồng thời Thánh kinh cũng viết rằng lỗi lầm và tội phạm có thể được tha thứ.

Cha Vladimir Sorokin đến trại từ viện thần học Leningrad và bắt đầu hành lễ tại câu lạc bộ của trại. Từ từ, một nhóm tù nhân

khoảng bốn mươi người, gồm có Khotko, bao quanh Cha Vladimir thi hành lễ đều đặn.

Kinh nghiệm đi lễ làm Khotko thay đổi. Anh đã nhận thấy mình không còn là một người vô thần trong tâm hồn nữa. Anh nhớ lại một cách chua chát là làm sao anh đã tin tưởng được chủ nghĩa Mác-xít-Lê-nin-nít và đã giảng dạy nó cho người khác. Nhiều tù nhân khác cũng mất lòng tin vào chủ nghĩa, kể cả những viên chức cũ đã bị bắt giam, một cách bất công theo quan điểm của họ, vì tội tham nhũng.

Khotko thảo luận cùng họ cảm tưởng của mình và, cuối cùng anh cùng năm tù nhân khác xin Sergei Matyukin, trại trưởng, được phép xây cất một nhà thờ.

Matyukin ngạc nhiên vì yêu cầu này và đầu tiên ông ta từ chối. Tuy nhiên, sáu tù nhân này viết thỉnh nguyện thư cho Bộ Nội Vụ Leningrad. Và đến Tháng Hai 1990, Matyukin đổi ý và cho phép họ thử khởi công. Tuy nhiên, ông ta nhấn mạnh là nhà thờ không được có thánh giá, lầu chuông và chuông.

Dù cho phép có giới hạn, Matyukin vẫn phải nhận chịu một rủi ro. Đất nước vẫn còn bị đặt dưới quyền của người Cộng Sản và trại vẫn còn dưới sự kiểm soát an ninh của "ban hành động" trực thuộc cơ quan KGB. Ban hành động này là mối đe dọa không những đối với tù nhân mà còn đối với cả những nhân viên điều hành trại có xu hướng tự do nữa. Tuy nhiên, phép chánh thức đủ cho những gì Khotko đang cần. Anh không nghĩ rằng KGB có thể để cho anh có thời gian bắt đầu việc xây cất một nhà thờ trên đất của trại, vì vậy, anh lập tức bắt đầu chạy đua với thời gian.

Tháng Ba 1990, anh và năm tù nhân khác với phép của Matyukin, họp với tất cả tù nhân đã đóng góp mười tám ngàn rúp, chọn Timur Khuriev, tù nhân kiến trúc sư để giao công tác vẽ họa đồ nhà thờ đồng thời thu xếp với Matyukin để tuyển lựa thợ xây cất và dùng dụng cụ trang bị của trại, gồm có máy kéo, máy đào đất và cần cẩu ngoài giờ làm việc.

Sau cùng, vào Tháng Sáu 1990, trong lúc tù nhân chuẩn bị công tác, Tổng Giám Mục Alexei II từ Leningrad đến trại để làm

lễ đặt viên đá đầu tiên. Và đối với các tù nhân, đây là lần đầu tiên họ được dự một thánh lễ mà họ chưa từng biết bao giờ.

Trong đêm cầu nguyện hiến dâng, Khotko không muốn mất thời giờ, nên đã tập hợp các tù nhân công nhân, dùng máy đóng cọc làm móng để đổ cột bê-tông cho sườn nhà thờ và làm việc gần đến sáng. Bạn tù giúp đỡ mang gạch chất lên xe tải và trong suốt các tháng của mùa hè, toàn xây dựng đã làm việc cả đêm cho đến sáng. Từ từ, nền nhà đã được dựng lên.

Tiến trình công tác của tù nhân xây dựng nhà thờ đã khiến ban hành động KGB nổi giận. Khotko bị gọi đến ban này và được lệnh, với tư cách quản đốc ban xây dựng của trại, không được sử dụng tù nhân và vật liệu cho công tác xây dựng nhà thờ. Khi anh từ chối tuân lệnh này, anh và các tù nhân cộng tác bị đe dọa có thể bị chuyển đi các trại miền Siberia và Urals.

Khotko biết rằng một sự thay đổi dù nhỏ đến mấy của tình hình chính trị đều có thể khiến cho ban hành động KGB thực hiện sự đe dọa này. Nhưng dù sao công tác xây cất nhà thờ vẫn tiếp tục.

Nhiều lần ban hành động KGB từ chối không cho xe tải chuyên chở gạch vào trại, bắt buộc Khotko phải khiếu nại với Matyukin. Cuối cùng, nhân viên ban hành động đi đến lò gạch địa phương và tịch thu mười ba ngàn viên gạch dành để xây cất nhà thờ mà đã được các tù nhân trả tiền mua xong. Chỉ đến khi đài truyền hình Leningrad, được Cha Vladimir can thiệp, lên tiếng tường thuật vụ này số gạch mới được giao cho tù nhân.

Các rắc rối xảy ra cuối cùng được chấm dứt sau cái chết của Giáo Chủ Pimen và được Alexei II thay thế giữ chức Giáo Chủ; ông bắt đầu thảo luận về việc xây cất nhà thờ trong các cuộc phỏng vấn của báo chí địa phương và toàn quốc. Cuộc tuyên truyền, quảng bá rầm rộ lan rộng và thuận lợi cho công trình chận được bàn tay của ban hành động. Thoát khỏi được sự đe dọa, tù nhân gia tăng tốc độ công tác và đặt kế hoạch dựng thánh giá, xây lầu chuông và đúc chuông.

Tháng Tư 1991, tù nhân đã hoàn tất cơ sở nhà và các thợ sơn từ viện thần học Leningrad đến cùng với một chuyên viên sắp xếp hình tượng, sơn phết và chưng dọn bệ thờ.

Công việc sắp đến là lợp nóc nhà thờ, nhưng vì giá cả tại Liên xô tăng lên gấp ba do lệnh của Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Pavlov, các tù nhân hết ngân quỹ. Công trình được cứu vãn khi có hai cựu tù nhân có kinh doanh quyên góp thêm một người 100.000 và một người 500.000 rúp. Không bao lâu sau đó, Alexei II thu xếp có được bốn chuông cho nhà thờ và hai tấn đồng để bọc sườn kim loại của vòm nhà thờ.

Tháng Tư 1992, hai thánh giá bọc vàng do viện thần học tặng được gắn lên chót vòm và Ngày 11 Tháng Chín, nhà thờ mở cửa.

Nhà thờ với các vòm, lầu chuông và thánh giá được dựng lên cao hơn nóc các nhà cửa, trại tù và các cơ xưởng của trại. Thánh lễ được tổ chức ba lượt mỗi ngày và có độ hai trăm tù nhân tham gia hành lễ.

Tháng Mười 1992, Alexei II kêu gọi Yeltsin ân xá cho Khotko. "Những người đã tạo được phép màu xây dựng một nhà thờ như thế," ông nói trong một bức thư gửi cho Yeltsin, "xứng đáng được trả tự do."

## DOẠN KẾT

Có một cái gì trong máu chúng tôi đã bác bỏ mọi tiến bộ thật sự.

- Pyotr Chaadaev, Bức Thư Triết Lý Đầu Tiên.

THÁNG MUỜI MỘT, 1993

TRÊN DIỄN TRƯỜNG của sảnh đường tại một nhà máy Moscow, một người mập mạp thấp, tóc hớt ngắn, mồ hôi nhễ nhại và với chiếc cà-vạt nối lỏng trên cổ áo, la hét với hai trong những người ủng hộ mình, bảo họ giơ cao bảng biểu ngữ, càng cao khỏi đầu càng tốt, có dòng chữ sau đây "Chúng ta cần một nước Nga vĩ đại".

Những người cầm biểu ngữ cố giơ cao lên, nhưng các cây chống quá yếu, bắt đầu cong lại, khiến biểu ngữ rơi xuống sàn nhà. "Các bạn có thấy tình trạng của người Nga không," Vladimir Zhirinovsky, lãnh tụ Đảng Tự Do Dân Chủ nói với đám đông khoảng ba trăm người trong sảnh đường, "Chúng ta không giơ cao nổi ngay cả khẩu hiệu của sự vĩ đại của chính chúng ta."

Zhirinovsky đã vận động không mệt mỏi kể từ khi bắt đầu cuộc vận động bầu cử một Duma<sup>1</sup> mới. Ông nói "Chỉ có biên giới đáng tin cậy của đất nước mới có thể cứu giúp chúng ta. Tối thiểu, chúng ta phải trở lại biên giới của Liên Bang Xô-Viết,

<sup>1</sup> Duma: danh xưng Viện lập pháp Nga dưới thời Nga hoàng.

nhưng tốt hơn, ta nên trở lại biên giới 1913 của chúng ta khi đế quốc Nga gồm có cả Phần Lan và Ba Lan.

"Chúng ta có thể làm người ngoại quốc run sợ và tôi thành thật nói với các bạn là tôi sẽ đe dọa bắt chết họ. Tôi sẽ nói với họ là nếu họ can thiệp vào các sự việc của nước Nga, chúng tôi sẽ có những biện pháp thích ứng. Chúng tôi sẽ làm điều này bởi vì chúng tôi đói, suy thoái và bị sỉ nhục, và tất cả đều do họ gây ra. Người Hoa kỳ sẽ không chiến đấu. Họ không biết làm thế nào cả. Trong không gian, có nhiều vũ khí được nhắm vào Hoa kỳ. Nếu Yeltsin nói rằng một phần hỏa tiễn của chúng ta sẽ không nhắm vào Hoa kỳ, thì tôi nói tất cả hỏa tiễn sẽ nhắm vào Hoa kỳ. Các tiềm thuy đỉnh của chúng ta sẽ tuần tra ngoài khơi bờ biển Hoa kỳ. Vai tuồng lịch sử cuối cùng của nước Nga là cứu thế giới thoát khỏi chủ nghĩa bành trướng của Hoa kỳ."

Kết thúc lời phát biểu, Zhirinovsky đã được đám đông dân chúng bao vây. Ông ta có chịu chấp nhận nói chuyện với một nhóm sinh viên hay không? "Sinh viên à, xin lỗi, hẳn nhiên không còn nghi ngờ gì nữa..." Ông ta có chịu nhận một lá thư của bà chị một phụ nữ đã bị bắn một cách bất công tại Podostok hay không? Zhirinovsky đã nhận lá thư và bỏ vào túi áo trên ngực.

Trong lúc cùng với đảng ông xuất hiện trong một đêm lạnh, Zhirinovsky đã có một ý tưởng sai lầm rằng ông ta đang nhận được sức mạnh hậu thuẫn của các cử tri đã bị bối rối và bức bối vì nước Nga.

#### UY TÍN CỦA ZHIRINOVSKY NỔI LÊN LÀ nhờ nước Nga thất bại trong việc xây dựng một nhà nước pháp trị.

Những tháng cuối cùng của năm 1991 đã chứng kiến cái chết rầm rộ của Liên Bang Xô-Viết. Gorbachev và những người ủng hộ ông tranh đấu để cố duy trì một loại cơ cấu liên minh nào đó, nhưng các áp lực ly tâm đang trở thành áp đảo.

Đến cuối Tháng Mười Một, mặc dù Liên-Xô vẫn tiếp tục tồn tại, nhưng hầu hết các quyết định đều đã được chuyển cho các cộng hòa thực hiện. Tuy nhiên, chỉ có cộng hòa Nga là có khả

năng đòn phương phá hủy liên minh, và Yeltsin đã tỏ ra do dự. Ông ta muốn bảo tồn liên minh nhưng lại muốn loại trừ tư cách chủ tịch nhà nước của Gorbachev; ông ta không thể làm việc này một cách hợp pháp chừng nào mà Liên-Xô còn tồn tại. Cuối cùng, ông quyết định tách mình ra khỏi cơ cấu Xô-Viết. Ông đã ra lệnh cho chánh phủ Nga ngưng giao nộp tiền thuế cho ngân sách liên bang, và việc làm này của ông đã nêu gương cho các cộng hòa khác noi theo.

Tháng Mười Một 1991, Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân tức Quốc Hội Nga họp lần thứ năm và một đại đa số đã chấp thuận giao nhiều quyền hành đặc biệt cho Yeltsin, bao gồm quyền cai trị bằng sắc lệnh. Đại Hội cũng cho ông ta quyền chỉ định các viên chức đứng đầu các chánh quyền *oblast* và thông qua các nghị quyết chấp nhận các đề cương tổng quát của chánh sách cải cách kinh tế, gồm việc giải tỏa giá cả.

Ngày 1 Tháng Mười Hai, Ukraine, trong một cuộc trưng cầu dân ý, đã bỏ phiếu với đa số áp đảo đòi độc lập, và Ngày 8 Tháng Mười Hai sau đó, Yeltsin, Kravchuk và Stanislav Shushkevich, lãnh tụ Belarus, đã bí mật gặp nhau tại khu rừng Belovezhsky, gần Brest, đồng ý thay thế Liên Bang Xô-Viết bằng Khối Thịnh Vượng Chung Các Quốc Gia Độc Lập. Yeltsin báo tin này cho Tổng Thống George Bush và sau đó, mới yêu cầu Shushkevich chuyển tin cho Gorbachev.

Đầu tiên, Gorbachev tìm cách chống lại thỏa hiệp Belovezhsky bằng cách triệu tập một phiên họp bất thường Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân, nhưng sau đó đã từ bỏ ý kiến này khi các lãnh tụ miền Trung Á gia nhập liên minh và liên minh đã được quốc hội Nga phê chuẩn. Trong khi đó, Yeltsin bắt đầu thanh toán các định chế của Liên-Xô, đóng cửa Bộ Ngoại Giao Xô-Viết và nắm giữ luôn Bộ Nội Vụ và An Ninh.

Cuối cùng, Gorbachev nhượng bộ và Ngày 25 Tháng Mười Hai, tuyên bố từ chức qua một bài diễn văn được truyền hình. Cờ Liên-Xô được hạ xuống trên điện Kremlin, sau gần sáu mươi chín năm từ khi được thành lập Ngày 30 Tháng Mười Hai, 1922, và như vậy là Liên Bang Xô-Viết không còn nữa.

TRONG LÚC ẤY, phần lớn quyền lực của Liên-Xô đã được chuyển sang nước Nga và trong nước Nga, sang tay Yeltsin.

Lần đầu tiên, qua nhiều thế kỷ, nước Nga không còn là một đế quốc và giờ lại có một tổng thống được dân bầu. Nhưng ngay sau đó, Yeltsin lại tỏ ra không tôn trọng nguyên tắc phân quyền. Tối Cao Xô-Viết bắt đầu nhóm họp nhưng Yeltsin đã tỏ ra lơ là. Chiếu theo luật đã ban cho ông các đặc quyền, ông có quyền ban hành các sắc lệnh có hiệu lực trong vòng hai tuần lễ nếu Xô-Viết Tối Cao không chống lại. Tuy nhiên, Yeltsin thường ký một lúc mươi lăm sắc lệnh, không để cho Xô-Viết Tối Cao có thời gian thảo luận và đánh giá.

Yeltsin đã chỉ định Yegor Gaidar, một cựu chánh sở tờ báo *Pravda* (Sự thật), làm phó thủ tướng kiêm bộ trưởng kinh tế. Kế hoạch kinh tế của Gaidar gồm có việc giải tỏa giá cǎ và giới hạn giá tăng phát hành tiền tệ nhằm buộc phải có các sự phá sản hay vỡ nợ và bắt đầu cải tổ cơ cấu kinh tế. Các diễn văn của ông chứa đầy danh từ kinh tế mà nhiều đại biểu quốc hội đã không hiểu được gì cả. Cuối cùng, rõ ràng là ông muốn, bằng một gạch bút, loại bỏ gần như toàn bộ nền kinh tế kế hoạch hóa.

Ruslan Khasbulatov, đầu tiên, là một đồng minh của Yeltsin. Ông đã giúp tổ chức cuộc bỏ phiếu dành cho Yeltsin nhiều quyền hành đặc biệt cũng như việc phê chuẩn Thỏa Hiệp Belovezhsky. Với sự giúp đỡ này, ông hy vọng có được một vai tuồng quan trọng trong chính phủ. Nhưng, cũng như Rutskoi, ông đã bị bỏ quên.

Ngày 2 Tháng Giêng, Gaidar cho thi hành chương trình kinh tế của ông. Trong việc giải tỏa giá cǎ, ông dự trù giá cǎ có thể sẽ tăng từ ba đến năm lần và sau đó sẽ hạ xuống. Nhưng thực tế, giá cǎ đã vọt lên từ năm đến bảy lần nội trong tháng đầu tiên, làm tiêu tan tiết kiệm của toàn thể dân chúng. Những người già cả dành dụm được chút tiền, nay thành lịnh không còn xu ten nào hết. Tình hình tiêu thụ thực phẩm xuống thấp rõ rệt (sau này mới được ổn định lại), và đàn ông, đàn bà của thế hệ Đệ Nhị Thế Chiến xuất hiện trên đường phố, mang bán tư trang của họ.

Lạm phát phi mã đã dẫn đến tình trạng khan hiếm vốn luân lưu, bắt buộc ngưng trệ sản xuất và, trong một nền kinh tế độc quyền quá nặng nề, khi một xí nghiệp ngừng sản xuất, thì tất cả các nhà máy lệ thuộc cũng bắt buộc phải ngưng theo. Để tồn tại, các nhà máy bị nợ nần chồng chất lấn nhau, chỉ còn trông chờ sự giúp đỡ của nhà nước.

Những phản kháng đầu tiên đã phát xuất từ Mặt Trận Cứu Quốc, được thành lập từ Tháng Mười 1992, bao gồm những nhân vật chống đối sự tan rã của Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Xô-Viết. Tuy nhiên, ngay sau đó, Khasbulatov, vì tức giận bị Yeltsin bỏ rơi, cũng đứng vào phe đối lập. Đồng thời, ông siết chặt sự kiểm soát Xô-Viết Tối Cao bằng cách khen thưởng những người trung thành với ông như cho xuất ngoại, cấp nhà tốt nhất và công xa.

Tháng Tư, trước tình hình bất mãn gia tăng của dân chúng, Aman Tuleev, chủ tịch *oblast* Xô-Viết tại Kemerovo, lên tiếng cho rằng các cải cách đã gây nghèo khó cho dân chúng và kêu gọi phải có một thủ tướng có kinh nghiệm thật sự về công nghiệp. Khasbulatov còn thêm rằng, theo ông, những người cải cách là "những thiếu niên vô kinh nghiệm."

Trong khi ấy, rõ ràng là Ngân Hàng Trung Ương đã áp dụng chánh sách thả lỏng tín dụng để thanh toán nợ nần giữa các doanh nghiệp với nhau; nợ nần này đã đạt đến con số 3 ngàn tỷ rúp, hay là một nửa trị giá tổng sản lượng công nghiệp. Giữa năm 1992 tín dụng được tung ra và lạm phát gia tăng từ 10 phần trăm lên 25 rồi 30 phần trăm mỗi tháng. Sản lượng của nửa đầu năm 1992 tụt xuống đến 20 phần trăm so với cùng thời kỳ năm 1991.

Trước tình hình này, cả Khasbulatov và Rutskoi đều gia tăng công kích chính phủ. Họ được các giám đốc xí nghiệp, nhà máy quân đội hợp lực và thành lập một nhóm gọi là Liên Hiệp Công Dân, dưới quyền lãnh đạo của Arkady Volsky, một cựu thành viên của Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản. Cuối Tháng Sáu, Yeltsin, với sự ủng hộ của hai phần ba nghị viện hồi Tháng Mười Một, giờ đây phải đổi đầu với hai phần ba cơ chế này.

Chánh phủ quay qua chú trọng đến vấn đề tư doanh hóa, nhưng cũng không làm giảm được sự căng thẳng giữa hai cơ chế hành pháp và lập pháp.

Những gì được chờ đợi là sự chuyển giao rộng lớn và êm ái tài sản trong lịch sử. Với quan niệm sáng suốt này, vấn đề không phải là nên hay không nên thi hành tư hữu hóa, mà là ai sẽ thi hành và ai sẽ có cơ hội để phân phát nhà cửa, dinh thự, nhà máy và đất đai. Đầu tiên, cả chánh phủ và nghị viện có vẻ như đều muốn dẫn thân tiến hành việc này. Nhưng rồi nhiều tháng trôi qua, rõ ràng việc tư hữu hóa sẽ được tiến hành bằng sắc lệnh và quá trình sẽ do chánh phủ kiểm soát.

Yeltsin không khó nhọc để bắt đầu một cuộc đối thoại chỉ trích nghị viện. Vào Tháng Chín, chánh phủ, với một phần chương trình tư hữu hóa, đã phát hành các chứng chỉ với mệnh giá mười ngàn rúp một chứng chỉ, cho mỗi công dân Nga. Chứng chỉ này dùng để mua cổ phần của các cơ sở kinh doanh công nghiệp được giải tư. Người ta hy vọng với phương thức này, có thể tạo được một giai cấp chủ nhân. Tuy nhiên, thực tế, dân chúng không biết làm gì với các chứng chỉ này; nhiều người mang nó bán lấy tiền mặt hoặc mua các chai rượu *vodka*.

Trong lúc đó, mọi cố gắng nhằm phát triển tư doanh hóa lại đang tạo ra nguồn gốc của nạn tham nhũng. Nhiều công ty thương mại được thành lập để bán dầu và hơi đốt, mà việc xuất khẩu trước đây đã do chánh phủ nắm giữ độc quyền; giờ đây các công ty này nhận được giấy phép xuất khẩu do các viên chức chánh phủ cấp qua việc hối lộ. Những người tham gia cuộc buôn bán này bằng sắc lệnh, đã trở thành triệu phú; họ và nhiều kẻ khác chiếm đoạt được tài sản quốc gia, đã chuyển nhiều số tiền to tát ra ngoại quốc và nổi tiếng tiêu xài trong nước, nơi mà nhiều kiểu xe xa hoa lộng lẫy như hiệu Mercedes đã bắt đầu được bán nhiều hơn cả các nước Tây Âu gộp lại.

Nhận thấy tình hình này, các thành viên nghị viện nổi giận vì không được chia phần.

KHI MÙA LẠNH ĐÃ GẦN KÈ, có khoảng phân nửa dân số sống dưới mức nghèo khó. Tuy nhiên, thay vì tìm một giải pháp thỏa hiệp dung hòa, cả hai bên (quốc hội và chánh phủ) đều chọn thái độ "có tất cả hay không có gì hết". Khasbulatov, trong chỗ riêng tư, đã mô tả Yeltsin như một "kẻ nghiện rượu" và "tinh thần bệnh hoạn", và trong chánh phủ thì có nhiều đề nghị được cho lưu hành đòi giải tán quốc hội. Yeltsin cố tập trung mọi quyết định vào ngành hành pháp và, đến cuối tháng mười một, chánh phủ Nga đã có nhiều bộ máy quan liêu và thợ lai, công chức, như hồi còn mồ ma Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Xô-Viết.

Mặc dù mức sống sa sút thảm, đại đa số dân chúng vẫn có cảm tình với Yeltsin. Khasbulatov là gốc người Chechen và thành kiến chủng tộc là điều bất lợi cho ông. Có thể quan trọng hơn hết là phần đông người Nga tiếp tục tin rằng, với sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, cải cách cấp tiến vẫn còn là hy vọng duy nhất cho một tương lai xán lạn hơn.

Ngày 1 Tháng Mười Hai, Quốc Hội họp kỳ 7, đồng thời hạn kỳ đặc quyền của Yeltsin cũng đã mãn. Hành động đầu tiên của các dân biểu là đưa ra một tu chính hiến pháp cho Quốc hội có quyền thường trực chấp nhận việc đề cử thủ tướng và nhiều bộ trưởng then chốt khác. Đề nghị này bất thành vì không đạt được tuc số đa số tuyệt đối hai phần ba, nhưng riêng Gaidar thì ít hy vọng được giữ ghế, vì chỉ cần một đa số tương đối là đã có thể bất tín nhiệm chức vụ này. Để đáp lại hành động của Quốc Hội, Yeltsin chấp nhận cho cơ chế này có quyền phủ quyết đối với các bộ quốc phòng, ngoại giao, an ninh, và nội vụ. Tuy nhiên, Quốc Hội chấp nhận những nhượng bộ này, nhưng lại bác bỏ Gaidar. Viktor Chernomyrdin, một giám đốc điều hành công nghiệp, được sự ủng hộ của tổ chức Liên Hiệp Công Dân, trở thành thủ tướng thường trực đầu tiên.

Cuối cùng, Quốc Hội chấp nhận tổ chức trưng cầu dân ý Ngày 11 Tháng Tư, về các nguyên tắc của một hiến pháp mới. Nhưng đến ngày 20 tháng 3, qua đài truyền hình, Yeltsin tuyên bố đã ký một sắc lệnh cấm chỉ mọi hoạt động của Quốc Hội giới hạn quyền hành của tổng thống. Việc này đưa đến một kiến nghị tố

cáo Yeltsin, với sắc lệnh của mình, đã vi phạm hiến pháp hiện hữu.

Một cuộc biểu quyết buộc tội đã được tổ chức tại đại sảnh điện Kremlin và, mặc dù biện pháp được đa số ủng hộ, nhưng vẫn không đạt được đa số tuyệt đối hai phần ba cần thiết. Và không bao lâu sau đó, một cuộc trưng cầu dân ý mới được dự định tổ chức vào Ngày 25 Tháng Tư về vấn đề tín nhiệm tổng thống và các chính sách kinh tế của ông.

Kết quả trưng cầu ý dân này là một thắng lợi vang cho Yeltsin. Sự ủng hộ của dân chúng làm choáng váng các dân biểu, vì họ vốn đã tin chắc các chính sách kinh tế của Yeltsin đã không được lòng dân.

Phấn chấn với kết quả của cuộc trưng cầu dân ý, Yeltsin tiếp tục cai trị bằng sắc lệnh, mặc dù đặc quyền được cấp cho ông hồi tháng mười một 1991 đã hết hạn. Để đối phó lại, Quốc Hội bắt đầu đưa các sắc lệnh của Yeltsin ra trước Tòa Án Lập Hiến, để ngưng việc thi hành các sắc lệnh này. Và kết quả là sự xung đột giữa luật và sắc lệnh đã xảy ra trên toàn quốc và người Nga không biết ai là người nắm giữ quyền lực chân chính.

Trong lúc đó, cuộc khủng hoảng xã hội trong nước ngày càng tỏ ra trầm trọng.

BỆNH KHU NHI ĐỒNG, VIỆN BAKULEV,  
NGÀY 6 THÁNG NĂM, 1993

Trong lúc nhiều trẻ em được quấn kín nằm trong xe đẩy hoặc trên các cáng nhỏ và các bà mẹ đang cố tìm cách gây sự chú ý của các nhân viên y tế, Bác sĩ Valentina Shvedunova nói chuyện khẩn cấp trong một phòng lặng yên bên ngoài hành lang, với Yuri và Irina Zhuravlev, cha mẹ của em Sergei mười hai tuổi. "Con ông bà đang sắp chết," bà nói. "Sự nhiễm trùng đang lan rộng và chúng tôi lại không có thuốc trụ sinh để chống lại. Hy

vọng duy nhất đối với chúng tôi là một cuộc giải phẫu chữa trị tận gốc."

Yuri và Irina cả hai bắt đầu khóc.

Trong một phòng bệnh cách đấy hai cửa, em Sergei đang nôn mửa và thở hổn hển. Yuri nói "Nếu đó là hy vọng duy nhất để cứu con chúng tôi, thì không còn gì để bàn luận nữa và xin bà thực hiện cuộc giải phẫu càng sớm càng tốt."

Sergei đã nhập Viện Bakulev hồi Tháng Ba 1993 để chữa bệnh sưng mạch máu tim bằng một cuộc giải phẫu sửa chữa động mạch *van* tim bị nghẹt.

Thủ tục giải phẫu là phải lòn một ống cao su vào một mạch máu của chân hoặc tay vô tận tim rồi bơm một bóng trong tim lên sửa chữa mạch máu bị teo nhỏ hay *van* tim. Sergei cần thủ tục này vì những "chiếc lá" của mạch máu *van* tim em bị dính liền nhau, chỉ chừa một lỗ nhỏ để máu có thể lưu thông và làm gia tăng áp suất trong tâm thất trái Sergei đến con số 260. Một cuộc giải phẫu tim cần được thực hiện nếu áp suất trong tâm thất lên quá con số 150.

Sergei sống tại Tver, một thành phố nhỏ cách Moscow sáu mươi dặm. Cha em là một nhà báo địa phương và mẹ em dạy trường mẫu giáo. Em đi học và học rất siêng năng. Tim tàn phế của em đã được tự phục hồi và có lúc mất nghị lực, em không một lời than phiền. Tuy nhiên, tâm thất của em không thể tự phục hồi mãi mãi được. Và nếu để lâu, chắc chắn có ngày nó bắt đầu suy yếu và sự hư hại tim sẽ trở thành vĩnh viễn.

Sergei được đưa vào bệnh viện Ngày 9 Tháng Ba và thủ tục giải phẫu được thực hiện ngay hôm sau; kết quả có vẽ thành công. Áp huyết trong tâm thất trái của em hạ xuống với con số 140, vẫn còn quá cao nhưng còn tốt hơn trước đây nhiều. Trong những ngày ngay sau khi được giải phẫu, Sergei, một học sinh siêng năng, trầm lặng, dùng phần lớn thời giờ để đọc sách.

Bác sĩ Keto Mchedlishvili, chuyên viên bệnh tim trẻ em, chăm sóc cho Sergei cho rằng em có thể sớm được xuất viện trở về nhà. Tuy nhiên, đến ngày thứ ba, em bị sốt. Cơn sốt này đã làm cho bác sĩ lo lắng. Dưới chế độ Xô-Viết, Viện Bakulev có từ mười hai

đến mươi lăm lọ thuốc trụ sinh dùng để chữa trị, gồm có nhiều loại hiện đại nhất thế giới như *monospur*, *longastef*, và *fortum*.

Nhưng đến mùa xuân 1993, các loại thuốc trụ sinh còn lại chỉ có năm loại - *chloforan*, *brulamicin*, *gentamicin*, *ampicillin* và *oxacillin* - trong số đó, lại có vài loại không được tiếp liệu đầy đủ.

Bác sĩ Mchedvishvili biết rằng nhiệt độ trẻ em tăng sau khi được giải phẫu bôm bóng cho tim là một trường hợp bình thường, nhưng cơn sốt của Sergei lại xảy ra ba ngày sau đó là bất bình thường. Như thế có nghĩa là có thể em đã bị nhiễm trùng.

Mchedvishvili cố xua đuổi ý nghĩ báo hiệu điềm đáng ngại này trong óc bà, vì bà biết rằng nếu sự nhiễm trùng này nghiêm trọng, bệnh viện có thể không có thuốc trụ sinh để chống lại.

Tình trạng thiếu thốn thuốc men nguy kịch là một vấn đề tối nghiêm trọng trong số nhiều vấn đề của bệnh viện và vì vậy mà các bác sĩ thường có thói quen sử dụng trước hết là những loại trụ sinh thông thường nhất, dù cho đó là những loại trụ sinh hoàn toàn có thể không có hiệu lực gì đối với vi trùng đã quen thuốc. Đây là trường hợp điều trị cho Sergei. Em được tiêm cho *ampicillin* và nhiệt độ người em hạ giảm. Tuy nhiên, số hồng huyết cầu của em trước đây trên mười, nay lại xuống dưới con số chín.

Rồi Sergei được đưa sang trung tâm phục hồi, một nhà nghỉ dưỡng sức cũ của Đảng Cộng Sản trong khu rừng ngoại ô Moscow. Em giết thời giờ bằng cách chơi bóng bàn và đánh cờ với nhiều bệnh nhân khác, đọc sách và đi dạo với mẹ quanh các khu rừng.

Năm ngày sau, nhiệt độ người em lại bắt đầu tăng trở lại, và em được lập tức đưa trở lại bệnh viện. Lần này, em được truyền máu và tiêm thuốc chống vi trùng, *metradzhil*. Trụ sinh tiêm cho em được thay thế bằng *chloforan*. Các bác sĩ - bác sĩ Shvedunova, Lyudmilla Plotnikova, phó giám đốc ban phẫu thuật trẻ em; Bagrat Alekian, bác sĩ giải phẫu cho Sergei; và bác sĩ Mchedlishvili - giờ đây đều hết sức lo lắng.

Sự kiện nhiệt độ người của Sergei lên xuống trong chín ngày liền có nghĩa là gần như chắc chắn là em bị nhiễm trùng. Trong lúc đó, áp huyết mạch của em giảm hạ, chứng tỏ van tim mạch của em bị liên hệ. Tuy nhiên, thiết bị đo tim mạch bằng tiếng dội [echocardiograph] không cho thấy gì cả và kết quả thử máu em cũng đều trở lại vô trùng.

Dưới chế độ Xô-Viết, các thử nghiệm, cấy trùng nhạy cảm nhất, đều được thực hiện tại các phòng thí nghiệm quân sự, nhưng các công việc này của bệnh viện đều do ngành công nghiệp dược khoa dân sự Nga đảm nhận. Do đó, hiển nhiên là nó không được chính xác, bén nhạy và chậm có kết quả.

Trụ sinh *chlorofan* có vài công hiệu, và một lần nữa trong vài ngày, nhiệt độ của Sergei trở lại bình thường, nhưng rồi nó lại tăng lên đến 101,3 độ F (gần 40 độ C). Các bác sĩ tiêm cho Sergei *gentamicin* và *oxacillin*. Một lần nữa, nhiệt độ lại xuống trong vài ngày và rồi lại tăng trở lại.

Ngày 21 Tháng Tư, một cuộc cấy trùng cuối cùng cho thấy Sergei bị nhiễm vi khuẩn cầu chùm (*staphylococcus*) nhưng không cho biết thuộc loại nào. Trong lúc đó, các bác sĩ vẫn tiếp tục đo tim mạch cho Sergei; và Ngày 23 Tháng Tư, hơn một tháng sau cuộc giải phẫu bơm bóng vào động mạch, máy siêu âm cho thấy những dấu hiệu đầu tiên *van* tim của Sergei có mọc mầm nấm bệnh.

Nay thì rõ ràng đối với các bác sĩ, có một sự sai trái ghê gớm đã xảy ra và một cuộc giải phẫu thứ nhì sẽ không thể tránh được, nếu họ muốn cứu sống Sergei. Trong lúc theo dõi tình trạng này, bác sĩ Shvedunova nhớ lại một bệnh nhân khác vào một thời đại khác.

Năm 1986, một bé gái sáu tuổi bị viêm màng trong tim (*bacterial endocarditis*) sau một cuộc giải phẫu để chữa mạch tim thất bị nghẹt. Để chống lại sự nhiễm trùng này, các bác sĩ bệnh viện đã dùng cả một loạt thuốc trụ sinh, nhưng hiện nay thì họ chỉ có sẵn hai loại - *chlorofan* và *gentamicin* mà thôi.

Bác sĩ Vladimir Podzolkov, chuyên viên ngành đau tim bẩm sinh, dàn xếp qua Ủy Ban Dược Liệu Nhà Nước, để mua

*monospor* với ngoại tệ nặng đặc biệt để kéo dài đời sống của mỗi một em bé gái ấy.

Bốn mươi hai ngày sau cuộc giải phẫu đầu tiên, em bé lại được giải phẫu lần nữa. Các bác sĩ ước lượng chỉ có một phần trăm may mắn cứu sống được em bé, nhưng thực sự, em đã được cứu sống. Các loại trụ sinh đã ngăn cản được sự nhiễm trùng đủ lâu để có thể thực hiện được cuộc giải phẫu đã cứu sống được em.

Các bác sĩ đã cho Sergei *brulamicin*, nhưng nó không mấy hiệu nghiệm để làm giảm nhiệt độ cho em vì nó chỉ giảm trong một thời gian ngắn. Sự nhiễm trùng đang tiến triển và loại trụ sinh lõi thời cách đây mười năm chỉ hiệu nghiệm rất ít.

Sergei và mẹ em nay đã thành đối tượng lo lắng cho cả khu bệnh viện. Ngày 23 Tháng Tư, Bác sĩ Mchedvishvili gặp bà Irina và nói: "Tình trạng của Sergei đang trầm trọng, *van* tim của em bị nhiễm trùng sau khi được giải phẫu và không còn có thể trị liệu bằng phương pháp hiện nay nữa. Chúng tôi đang nghĩ đến một cuộc giải phẫu thứ hai."

Bàng hoàng lo sợ vì tin này, Irina gọi cha của Sergei đang ở Tver. Trong lúc đó, bác sĩ Mchedvishvili đã đến gặp Vladimir Kovalenko, giám đốc y tế bệnh viện. Bà giải thích bệnh trạng của Sergei và Kovalenko trao cho bà một lô các lọ thuốc trụ sinh *Thụy Sĩ, teopen*, mà bệnh viện nhận được làm mẫu.

"Bà có thể dùng nó," ông nói một cách chắc chắn, "nhưng chỉ đủ cho bốn ngày mà thôi."

Ngày 25 Tháng Tư, bệnh tình Sergei có triệu chứng trầm trọng. Em ngồi im lặng trong phòng, đọc truyện *Robinson Crusoe*, nhưng em bắt đầu bị khó thở và bị nôn mửa.

Thuốc *teopen* chỉ hiệu nghiệm nhất thời, và tất cả các cố gắng để tìm thêm thuốc này tại các cửa hiệu y dược hay qua Ủy Ban Y Dược Nhà Nước đều thất bại.

Cha của Sergei đến bệnh viện, nhiều bác sĩ và y tá liên tục đến phòng của em. Lần đầu tiên, Sergei tỏ ra lo sợ.

Ngày 29 Tháng Tư, kế hoạch giải phẫu đã sẵn sàng. Bác sĩ Skopin, chuyên viên phẫu thuật đã có nhiều thành tích lớn lao về ghép động mạch chủ yếu và *van* tim cho người lớn, đã sử dụng

kỹ thuật mà ông, với sự giúp đỡ của Bác sĩ Anatoly Malashenkov, đã phát minh, đã xem xét cho Sergei và quyết định em có thể được giải phẫu.

Tuy nhiên, Sergei giờ đây, lại có dấu hiệu suy tim. Em thở hổn hển, miệng há hốc, bụng em đầy nước và em nôn mửa liên tục. Máy siêu âm phát hiện nhiều áp-xe to trong mạch van tim và trên động mạch chủ yếu của tim em.

Đường kính động mạch Sergei quá nhỏ để có thể dùng van tim nhân tạo. Bác sĩ Skopin quyết định thay vì dùng van tim nhân tạo, ông sẽ thay thế van mạch và động mạch chủ yếu tim của Sergei bằng các bộ phận này lấy ra từ một người chết vì tai nạn.

Tuy nhiên, dự đoán tiến triển của bệnh không được khả quan. Bệnh viện lại không có trang bị dụng cụ "*hemosorption*," một dụng cụ, với các lược chống vi trùng và độc tố, có thể lược được máu và giảm được hậu quả của sự nhiễm trùng. Kết quả là, cuộc giải phẫu trong khi tình trạng nhiễm trùng đang hoành hành, và các bắp thịt của tim không thể chịu đựng được "kích xúc" của sự xâm nhập mới này.

Và sau khi Yuri và Irina đồng ý việc giải phẫu, các thủ tục chuẩn bị bắt đầu thật chu đáo. Irina cố ép Sergei ăn uống, nhưng bà cho biết là Sergei không muốn ăn và chỉ đọc sách. Em nhìn cha mẹ đang khóc trước mặt em với sự lo lắng càng lúc càng gia tăng, nhưng em vẫn bình tĩnh và không một lời than thở, đọc truyện *Robinson Crusoe*, cho đến khi người đẩy xe giường em ra khỏi phòng để đến phòng giải phẫu ở cuối hành lang.

Cuộc giải phẫu kéo dài bốn giờ, và về phương diện kỹ thuật, đã được thực hiện rất tốt. Mạch tim chủ yếu và van tim em được thay thế và các áp-xe [*abscess*] đã bao trùm toàn thể tim em được rút hết mủ. Tuy nhiên, khi dụng cụ giúp tim-phổi Sergei tiếp tục hoạt động trong thời gian giải phẫu được lấy ra, các bác sĩ không thể làm cho tim của Sergei hoạt động lại được. Sau hai mươi phút, bác sĩ Skopin rời khỏi phòng mổ và nói với Yuri và Irina là con ông bà đã chết.

CÁI CHẾT CỦA SERGEI làm choáng váng cả bộ tham mưu của Viện Bakulev. Nhiều người rất yêu mến một em nhỏ hiền lành ít nói, siêng năng, đã chịu đựng một cách kiên cường sự đau đớn cho đến những phút cuối cùng, không một lời than thở. Họ cũng quên Sergei là một đứa trẻ bè ngoài khỏe mạnh khi em đi vào bệnh viện trước đây sáu tuần lễ, và có thể hy vọng được sống khỏe mạnh cho đến tuổi hai mươi nếu cuộc giải phẫu động mạch van tim được thành công.

Bác sĩ Shvedunova nói. "Cảm giác lo sợ vì chỉ có rất ít thuốc trụ sinh và không có gì để điều trị cho bệnh nhân, vẫn luôn luôn đeo đuổi chúng tôi,"

TRONG LÚC ĐÓ, BÊN NGOÀI vách tường bệnh viện, cuộc tranh đấu giành quyền lực giữa Yeltsin và Quốc Hội vẫn tiếp tục.

Tháng Năm, cuộc khủng hoảng quyền lực bắt đầu gây khó khăn cho việc biên soạn dự thảo hiến pháp mới. Yeltsin, vì không vừa ý với dự thảo của ủy ban Xô-Viết Tối Cao, đã triệu tập một hội đồng gồm phần lớn các nhân vật thuộc hành pháp để biên soạn một dự thảo thay thế. Kết quả, có hai trung tâm biên soạn hiến pháp, và dự thảo này không nhận sự hiện có của dự thảo kia.

Đồng thời, lại còn có những xung đột gay gắt về vấn đề tư nhân hóa. Chúng chỉ đã được phân phát cho dân chúng, nhưng nó được xem như có tính lạm phát và không hiệu quả. Các đại biểu nhân dân sợ bọn *mafia* có thể dùng tiền mua nó để tóm thu nền công nghiệp của cả nước. Họ tán thành một hình thức tư nhân hóa, trong đó, công nhân được giữ các cổ phần của chính nhà máy họ đang làm việc, người ngoài không được mua, và thực tiễn, các nhà máy, vẫn tiếp tục được các giám đốc cũ điều hành.

Giữa tháng năm, chương trình tư hữu hóa của chánh phủ được đưa ra trình cho Xô-Viết Tối Cao phê chuẩn, và bị cự chế này bác bỏ.

Sự bác bỏ này gây phẫn nộ cho chánh phủ, và chánh phủ quyết định không đưa ra một bản mới cho Xô-Viết Tối Cao nữa; chánh

phủ tiếp tục cho thi hành chương trình tư hữu hóa của mình bằng sắc lệnh.

Giờ đây thì rõ ràng là hành pháp và quốc hội không còn quan tâm gì đến việc giải quyết các xung đột với nhau nữa.

Cuối cùng là đến giai đoạn chuẩn y ngân sách 1993. Ngành hành pháp dự trù tỷ lệ lạm phát 8 phần trăm mỗi tháng, nhưng đến mùa hè, tỷ lệ này vọt lên đến từ 20 đến 25 phần trăm. Để đối phó với tình trạng này, Xô-Viết Tối Cao tính toán lại toàn bộ ngân sách, gia tăng hưu bổng, lương giáo giới, bác sĩ và nhiều giới khác do nhà nước đài thọ. Kết quả là một sự thâm thủng 28 ngàn tỷ rúp, chiếm 25 phần trăm tổng sản lượng quốc gia.

Chánh phủ thì nói rằng ngân sách được quốc hội sửa chữa lại sẽ làm tiêu tan cố gắng chặn đứng lạm phát và phá hỏng quá trình cải cách. Yeltsin thèm quyết không biết đến nó.

Và tình trạng căng thẳng gay gắt càng leo thang.

Đến tháng tám, Yeltsin báo trước một "mùa hè nóng bỏng", đã bắt đầu đi viếng các căn cứ có nhiều đơn vị quân đội mạnh mẽ của *oblast* Moscow để tìm sự ủng hộ. Ông cũng tăng lương cho sĩ quan lên từ hai đến ba lần. Yeltsin và Khasbulatov cùng mời nhau từ chức. Cuối cùng, Ngày 18 Tháng Chín, Khasbulatov, phát biểu trước một cuộc mết-tinh các đại biểu nhân dân, đã công kích đích danh Yeltsin, nêu lên vấn đề nghiện rượu của ông ta.

"Thật là không thể chấp nhận được," ông nói, "khi các viên chức nhà nước có cảm tưởng là không có gì sai trái đối với rượu chè (uống rượu)... Dù sao, nếu ông uống rượu, có nghĩa ông là một người trong chúng ta. Nhưng nếu ông là "một trong chúng ta" - như vậy, Khasbulatov vừa nói vừa chỉ về hướng điện Kremlin và đánh tách ngón tay vào cổ họng - "thì nên để cho ông ta tự lo lấy với công việc của nông dân chứ không phải công việc của một chánh phủ."

Cử chỉ và những lời nhận xét của Khasbulatov được nhanh chóng chuyển đến tai Yeltsin, và ông ta quyết định đã đến lúc phải dứt khoát với quốc hội.

Ngày 21 Tháng Chín, Yeltsin ký Sắc lệnh Số 1400 giải tán Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân và Xô-Viết Tối Cao. Ông tuyên bố tổ

chức các cuộc bầu cử một cơ chế mới, nhỏ hơn, Duma (Hội Đồng Đại Biểu Nga - Viện lập pháp dưới thời Nga Hoàng), sẽ bắt đầu vào những ngày 11-12 Tháng Mười Hai.

Các đại biểu nhân dân phản ứng bằng cách không chịu rời khỏi Nhà Trắng, và chính phủ đã ra lệnh cắt hơi đốt sưởi ấm, nước, điện và cho bao vây tòa nhà bằng dây thép gai với cảnh sát và lực lượng thuộc bộ nội vụ.

Đến Tháng Chín 1993, dân chúng tỏ ra lanh đạm đối với hai bên xung đột, nhưng các nhóm quốc gia và phát xít hoạt động ngoài quốc hội lại kéo đến Nhà Trắng để bênh vực cho quốc hội. Họ được các đại biểu phát cho súng đạn vì sợ tòa nhà sẽ bị tấn công; bên ngoài, trên đường phố, những người biểu tình, phần lớn là đảng viên Cộng Sản, tập hợp phản đối lệnh giải tán quốc hội và bị cảnh sát đánh đập.

Với quân đội ngả theo Yeltsin trong lúc các xô-viết địa phương khắp nước lại ủng hộ quốc hội, cuộc đối thoại đã bắt đầu tại Tu Viện Danilovsky, tìm cách giải quyết cuộc khủng hoảng, nhưng cả hai bên đều tỏ ra cứng rắn, không bên nào nhượng bộ.

Ngày 2 Tháng Mười, trong một không khí căng thẳng đang dâng cao, đã xảy ra cuộc xô xát giữa cảnh sát và các người biểu tình tại Quảng Trường Smolensk. Ngày 3 kế tiếp, hàng ngàn người biểu tình cộng sản tập hợp trước các hàng rào cảnh sát tại cây cầu Krimsky. Những người biểu tình chỉ cách hàng rào cảnh sát OMON (đặc nhiệm), võ trang dùi cui và mộc, ở giữa cầu.

Gần cả tuần, những người biểu tình bị cảnh sát đánh đập, có nhiều nạn nhân, nay thì họ dùng gạch đá và gậy gộc ở hàng đầu đối diện với cảnh sát.

"Được rồi," Vitaly Uraztsev, một đại biểu nhân nói, "chúng ta đi đi." Thình lình, một trận mưa đá bùng ra và những người biểu tình nhào đến tấn công cảnh sát. Trong lúc càng nhiều người biểu tình phía sau đẩy tới, hàng ngũ cảnh sát tan vỡ và bị tước dùi cui, khiêng, mộc và bị đánh đập bằng chính dùi cui của họ. Trước sự ngạc nhiên của đám đông biểu tình, cảnh sát bỏ chạy tán loạn.

Người biểu tình bắt đầu tiến đến Nhà Trắng. Tại Quảng Trường Smolenskaya, họ tấn công các xe cứu hỏa và xe tải và

một lần nữa, cảnh sát và lực lượng bộ nội vụ đã rút lui. Đám đông biểu tình đoạt được gần hai mươi xe tải, phần lớn còn chìa khóa mở máy trong xe.

Và cuộc tiến đến Nhà Trắng lại tiếp tục. Xe tải đoạt được tại Quảng Trường Smolenskaya, tiến lên đè bẹp hàng rào dây thép gai với những người biểu tình đi theo sau. Đám đông tiến vào Quảng Trường Nga Tự Do, hướng bắc của tòa nhà. Và một lần nữa, cảnh sát đã không chống trả lại.

Nicolai Troitsky nói trước người biểu tình trong lúc họ tiến vào quảng trường.

"Chuyện xảy ra như thế nào vậy?" ông hỏi.

"Tôi không biết," một người biểu tình trả lời. "Đầu tiên, họ không cho chúng tôi đi qua cầu, và sau đó họ lại cho chúng tôi đi."

Một người biểu tình khác nói, "Yeltsin không còn đứng vào phía dân chúng. Cảnh sát về phe với chúng tôi!"

Rutskoi, Khasbulatov, và những nhân vật lãnh đạo quốc hội còn lại ra trước bao lợn Nhà Trắng đối diện với quảng trường. Đây là một biển cờ đỏ với tiếng la hét điếc tai liên tục "Hoan hô!" và "Cách mạng!"

Trước cảnh tượng này, nhiều đại biểu mất ý thức thực tại. Sau mười ba ngày bị cắt đứt liên lạc với thế giới bên ngoài, không điện nước, hình như đối với nhiều người, không còn nhận thấy đây là một đám đông cộng sản, mà là một cuộc nổi dậy tự động và thành công của đại đa số quần chúng nhân dân.

Được che chở bởi hai cảnh vệ có cầm khiêng, mộc, đứng trước mình, Rutskoi nói, "Chúng ta thắng. Giờ đây, chúng ta phải sắp hàng và tiến chiếm tòa thị chánh và sau đó, Ostankino."

Ông kêu gọi mọi người thuộc tuổi quân dịch thành lập đội ngũ và ông đi xuống lâu để duyệt qua họ. Tuy nhiên, trong lúc đó, một nhóm đông đảo người phát xít Thống Nhất Quốc Gia Nga của Alexander Barkashov cũng đang hướng đến tòa thị chánh.

Đám đông tấn công tòa thị chánh từ hai hướng. Đám đông nhất tập hợp trước cửa chánh. Tại đây, hai xe tải do người biểu tình đoạt ủi sập các cửa sổ. Đám ít người hơn do những người của

Barkashov dẫn đầu, tấn công từ phía sau tòa nhà, đập bể kính các cửa sổ và nhảy vào trong, qua các mớ rối tung của mành mành. Trong lúc đó, cảnh sát đã bỏ chạy hết, để lại xe buýt và xe tải còn chìa khóa mở máy. Những người chiến đấu lên xe chạy đến Ostankino.

Trong khoảng hai giờ, Moscow đã thay đổi. Cảnh sát không còn thấy đâu nữa, xe buýt và xe vận tải với súng tự động và cờ đỏ Xô-Viết cắm ngoài các cửa sổ được mang đến trung tâm truyền hình Ostankino, không gặp trở ngại chống đối nào cả. Trong lúc đó, hàng ngàn dân chúng không vũ trang kéo đến Ostankino vừa đi vừa la hét, "Đả đảo tên phản quốc Yeltsin!" và "Hãy đánh bọn Do Thái!"

Các xe vận tải đầu tiên với người biểu tình đã đến Ostankino vào lúc 5,30 giờ chiều. Người biểu tình nhận thấy, mặc dù tòa thị chánh đã bị chiếm, nhưng trung tâm truyền hình gần như không được canh gác gì cả. Không có vật cản đường và xe cộ vẫn di chuyển hai chiều trên đường Korolyeva, giữa hai tòa nhà trung tâm truyền hình, như không có việc gì đang xảy ra cả.

Người biểu tình đi bộ đến Ostankino bắt đầu lần lượt đến và đến 7 giờ tối, đã có gần bốn nghìn người tại quảng trường, gồm khoảng năm mươi người vũ trang súng tự động. Vài người dựng lên rào cản với cây ván và vật liệu xây cất, đồng thời đám đông tổ chức lại hàng ngũ. Các thanh niên đòi có chai không và chai xăng Molotov.

Người biểu tình tin họ đang lập lại thành tích tấn công tòa thị chánh.

Thình lình có tiếng bể vỡ dữ dội khi các xe vận tải quân sự ủi bể các kính cửa sổ của tầng dưới tòa nhà trung tâm truyền hình. Một thanh niên tiến vào với súng phóng lựu đạn trên vai, có vẻ như lần đầu tiên anh đang mang vũ khí này.

Năm phút sau, súng phóng lựu nổ, và một lựu đạn nổ làm văng cánh cửa trung tâm.

Người biểu tình giờ đây chuẩn bị tiến chiếm trung tâm truyền hình và bắt đầu phát thanh tin tức cho cả nước.

Tuy nhiên, ngay lúc ấy, hằng chục súng máy nổ lên từ bên trong tòa nhà nhầm vào các người biểu tình. Quảng Trường vang lên tiếng la thét thất thanh và tiếng súng tiếp tục nổ với cường độ dữ dội cho đến khi các lần đạn chói sáng màu cam vàng tan biến trong một tiếng rít to lớn của con gió mạnh. Phần lớn người biểu tình vỡ trang, gồm có vài người của phe phát xít Barkashov, được che chở dưới mái hiên cửa ra vào, nhưng gần hết những người khác đều ở ngoài trời, bị trúng đạn chết và bị thương nằm la liệt.

Những người bị thương nằm trên vũng máu, la thét "Đừng bắn," "Xin cứu giúp chúng tôi," thân xác của họ bị đạn cào nát nhiều lượt. Binh lính, nấp sau các vách tường bê tông và dưới bóng đêm của tòa nhà, bắn vào tất cả các người ngốc đầu lên. Họ bắn cả vào một người đi xe đạp vô tình chạy qua vùng đang bắn nhau, một xe rửa đường cũng bị trúng đạn lõi chổ, làm lủng bồn chứa, nước phun ra lênh láng.

Cùng khắp, xác người nằm tan tác và tay chân rời khỏi thân thể.

Xe vận tải chạy vào vùng chiến để di tản những người bị thương. Andrei Babitsky, một thông tín viên Đài Phát Thanh Tự Do, rời khỏi nơi ẩn nấp trong một đường hầm, mang trên vai một người độ năm mươi tuổi bị thương không đi được.

"Anh bị thương ở đâu vậy?"

"Gần nơi nào ở vai và ở mông."

Thình lình, Andrei cảm thấy có hai tiếng như ai đầm nhẹ vào lưng người này và không nghe anh ta nói nữa. Lúc sau, khi Andrei đỡ anh ta vào ca-bin xe vận tải, Babitsky thấy áo sơ-mi trên lưng anh ta ướt đầm máu và khi ấy, anh mới nhận ra anh này đã bị bắn chết.

Igor Muraviev, một đại biểu nhân dân, bò đến gần xe vận tải cách ông ta độ mươi lăm thước. Vừa lúc ông ta ngẩng người lên, đạn bắn tới chạm vào nhựa đường xẹt lửa đỏ vào ngực ông.

Đám đông tan rã khắp nơi trên đường Korolyeva, chạy tìm chỗ ẩn nấp trong công viên. Xe bọc sắt chở binh sĩ chạy tới lui trên đường xả súng bắn lung tung, ngày càng hạ tầm bắn xuống, để giải tán lần chót những người biểu tình. Nhưng một phần đông

không bỏ chạy, chỉ ẩn núp sau các thân cây và tảng đá, hy vọng được các đơn vị quân đội đến cứu, vì tin rằng quân đội ủng hộ họ.

Có nhiều lời kêu gọi người biểu tình trở lại Nhà Trắng để lấy thêm súng đạn, nhưng đến 9 giờ tối, đạn lửa đang bay sáng rực trên bầu trời và tiếng la hét vẫn còn nghe trong đêm tối và rõ ràng là cuộc chiến đấu để chiếm Ostankino đã thất bại.

Trong lúc đó, bối cảnh truyền hình đã bị gỡ ra. Chỉ có đài truyền hình Nga, phát đi từ một phòng dự bị trước, còn đang hoạt động. Đài này loan tin Ostankino đã bị đám đông có vũ trang chiếm giữ. Vào lúc 8.45 giờ, Gaidar xuất hiện trên màn ảnh đài truyền hình Nga và kêu gọi dân chúng Moscow xuống đường để bày tỏ sự ủng hộ Yeltsin. Trong khoảng một vài giờ sau, hơn mươi ngàn người tập hợp trước tòa nhà, trụ sở của Hội Đồng Thành Phố.

Yeltsin tuyên bố các cuộc chiến đấu trên đường phố là một "hành động có tính toán, được các cựu lãnh tụ quốc hội hoạch định." Ông tuyên bố tình trạng khẩn cấp và, tại một cuộc hội họp Bộ Quốc Phòng, các vị chỉ huy *okrug*<sup>1</sup> quân đội đồng tuyên bố ủng hộ Yeltsin.

Trong lúc đó, vào 9 giờ tối, sự vui mừng của Nhà Trắng chấm dứt đột ngột vì các đại biểu nhân dân đang từ Ostankino trở về. Ilya Konstantinov nói với các đại biểu khác, "Đây là một kasha<sup>2</sup> đẫm máu." Oleg Plotnikov, một đại biểu từ cánh ôn hoà Smena<sup>3</sup>, nói, "Tôi chưa từng thấy xác người nhiều như thế trong đời tôi."

Tại quầy giải khát ở tầng lầu ba, một không khí im lặng nặng nề, trong lúc các đại biểu bắt đầu nhận thấy lối lầm đưa đám đông dân chúng tấn công tòa thị chính và chiếm Ostankino. Vài đại biểu cũng bắt đầu suy đoán không biết quân đội có thể ngả về

<sup>1</sup> *Okrug*: đơn vị quân đội trấn giữ một quận.

<sup>2</sup> *Kasha*: nghĩa đen là một loại cháo nấu bằng lúa mạch. Ở đây, tác giả muốn nói đến một tình trạng đẫm máu, vô cùng rối loạn.

<sup>3</sup> *Smena*: một phe phái trong Xô Viết Tối Cao, chủ trương triệt để tôn trọng pháp luật; đã bị một số người ủng hộ Yeltsin cho là theo thuyết ngu dân.

bên nào; phần lớn lại đồng ý là quân đội có thể ngả theo phe nào mạnh hơn hết.

Đến nửa đêm, giữa lúc sự lo sợ đang gia tăng vì một cuộc tấn công của quân đội ủng hộ Yeltsin vào tòa nhà quốc hội sắp xảy ra, tất cả hoạt động trong Nhà Trắng đều bị cấm chỉ. Đến 3 giờ sáng, có tin đồn xe tăng và xe bọc sắt chở binh lính đang trên đường tiến đến phong tỏa Nhà Trắng. Tin này không đúng, nhưng một thời gian ngắn sau đó, các thông tín viên nhà nước được lệnh phải rời khỏi nơi này.

Trong lúc đó, vào khoảng 4 giờ sáng, Yeltsin đến Bộ Quốc Phòng và nhắc đến cuộc đổ máu ở Ostankino, thuyết phục bộ trưởng Pavel Grachev ra lệnh tấn công tòa nhà quốc hội.

6 giờ 55, các phóng viên nhà báo đang ăn uống tại quầy ở tầng lầu 6 choáng váng vì tiếng súng máy vang rền và nhận thấy ngay là Nhà Trắng đã bị tấn công.

Mười một giờ đồng hồ sau đó, các đơn vị quân đội tấn công Nhà Trắng với xe tăng và súng tự động, cuối cùng giải quyết cuộc chiến đấu với sự thắng lợi của Yeltsin và khoảng 150 người đã bị thiệt mạng.

**TIẾP THEO SAU CÁC BIẾN CỐ** Tháng Mười, một sự thay đổi tâm trạng sâu xa đã xảy ra trên khắp nước Nga. Mặc dù trước đây không bao lâu, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy có sự ủng hộ cuộc tấn công tòa nhà quốc hội Nga, khúc phim diễn biến cuộc tấn công được liên tục trình chiếu trên màn hình của đài truyền hình Nga; nhiều người bắt đầu tự hỏi tại sao bảy năm cải cách dân chủ lại đi đến đỉnh cao là cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các đồng minh cũ với nhau và một cuộc tàn sát tại trung tâm thủ đô Moscow như vậy.

Vài tuần lễ sau cuộc tấn công, binh sĩ tham gia được lệnh thuyên chuyển khỏi các đơn vị của họ thuộc các sư đoàn Taman và Kantamirov, đi khỏi Moscow cho là để bảo vệ cho họ. Đồng thời, có dư luận ủng hộ một số nhân vật chính trị ngoài lề trước đây. Cuối Tháng Mười, Gennady Zuganov, người đứng đầu Đảng

Cộng Sản Nga, xuất hiện trên chương trình truyền hình "Công Luận", cùng với nhiều nhân vật chính trị khác, gồm cả Gaidar. Sau cuộc tranh luận, các khán giả được yêu cầu cho biết ý kiến và đánh giá các nhân vật tham dự. Dịp này, Zukanov, nhân vật trước đây không bao giờ được hơn từ 4 hay 5 phần trăm khán giả ưa chuộng, nay lại đạt được một uy tín 36 phần trăm, chỉ đứng sau Gaidar mà thôi.

Chính phủ không chịu đưa ra các con số những người chết trong cuộc tấn công, làm cho có nhiều báo cáo nói đến con số gần 1.500 người chết. Ngày 4 Tháng Mười Một, tờ báo *Komsomolskaya Pravda* cho biết, "Một tháng sau thảm kịch Moscow, chúng tôi không biết con số người chết và tên tuổi họ. Không có sự thật này, người ta... có thể sống được, nhưng khó mà cảm thấy mình là một con người."

Trong lúc đó, nhiều báo khác bắt đầu triển khai lý luận cho rằng đây là một sự khiêu khích có cản nhắc, suy nghĩ kỹ lưỡng. Họ hỏi, làm sao mà những người biểu tình cộng sản có thể phá vỡ được các hàng rào cảnh sát để chiếm giữ tòa thị chính và sau đó, đã đi qua thành phố trong hai giờ để đến trung tâm truyền hình Ostankino, mà không gặp một trở ngại nào và cũng không bị cảnh sát hay quân đội chặn lại? Và nếu cảnh sát hốt hoảng rời bỏ vị trí của mình vì theo kế hoạch, thì tại sao Viktor Yerin, bộ trưởng nội vụ, lại nhận được huy chương Anh Hùng Nga sau biến cố với công lao tham gia việc dẹp loạn?

Hí họa, biểu ngữ, khẩu hiệu bắt đầu được vẽ, viết trên tường khắp Moscow, tố cáo Yeltsin là "sát nhân" giữa những dấu hiệu cho thấy, do chống cộng sản bằng những phương pháp Cộng Sản, ông đã làm mất hết uy tín thần của ông.

NGÀY 12 THÁNG 12, 1993

Tại số 44 đường Herzen, bản doanh chiến dịch Lựa Chọn Của Nước Nga, tổ chức chính trị ủng hộ Yeltsin do Gaidar cầm đầu,

nhiều thanh niên đang nhìn các máy điện toán và góp nhặt hàng ram giấy từ các máy in tốc độ cao đưa ra. Dưới hầm nhà, bàn ghế đã được sắp xếp cho một tiệc liên hoan ăn mừng.

Vladimir Boxer, giám đốc chiến dịch tại Moscow, đã biết qua nhiều báo cáo, là Zhirinovsky đang được ủng hộ mạnh mẽ tại nhiều vùng. Nhưng khi bắt đầu nhận được lời kêu gọi của các công nhân chiến dịch và các quan sát viên thăm dò dư luận, ông vẫn tin rằng chiến dịch Lựa Chọn Của Nước Nga sẽ chắc chắn nắm phần thắng lợi.

Những lời gọi điện thoại đầu tiên là từ các quan sát viên thăm dò dư luận. Như được trông chờ, có rất ít khiếu nại về gian lận bầu cử. Đến 6 giờ chiều, Boxer nhận được kết quả đầu tiên của những địa điểm kiểm phiếu xong - các bệnh viện, tàu buôn, các đoàn nghiên cứu địa chất, và các đơn vị quân đội. Có những cử tri bỏ phiếu rất sớm và tất cả đều cùng một lượt, vì vậy kết quả được biết trước hơn các nơi khác.

Trong lúc ghi chép kết quả, Boxer đã nhận thấy một hình ảnh lộn xộn. Tại nhiều địa điểm, đặc biệt là tại các đơn vị quân đội, Zhirinovsky nhận được nhiều phiếu hơn người ta tưởng. Tuy nhiên, ông ta an tâm nhận thấy khỏi ủng hộ Yeltsin đạt được phần thắng chắc chắn trong cuộc bầu cử tại các bệnh viện Moscow. Theo thường lệ, kết quả bầu cử ở bệnh viện gần giống như kết quả của toàn thành phố.

Đến 8 giờ tối, bản doanh chiến dịch đã có mặt đầy đủ các nhà báo Nga và ngoại quốc cùng nhiều nhân vật chính trị và nghệ thuật nổi danh. Rượu chát đỏ được mang ra chiêu đãi và vài khách có tiếng tăm được các ê-kíp quay phim phỏng vấn.

Cùng lúc ấy, một nhóm người tập hợp quanh máy truyền hình, Tamara Maksimova, phát ngôn viên truyền hình trong bộ y phục trắng, khai mạc buổi dạ hội liên hoan tại Cung Đại Hội điện Kremlin, và đã được mô tả trước như một "hội liên hoan cho dân chủ", tiếp theo sau tuyên bố kết quả bầu cử đa đảng đầu tiên sau sáu mươi năm trời.

Đến 8.30 giờ tối, chiến dịch Lựa Chọn Của Nước Nga nhận được kết quả đầu tiên rất có ý nghĩa từ miền Viễn Đông. Kết quả

bầu cử ở Kamchatka và đảo Sakhalin làm cho họ mất tinh thần, vì cho thấy một loạt thắng thế có tính cách quyết định của Zhirinovsky. Một giờ sau, tin từ Viễn Đông tiếp tục đưa về và sự thắng lợi dư thừa của Zhirinovsky càng gia tăng cho đến khi rõ ràng là đảng Tự Do Dân Chủ của ông vượt qua phe Lựa Chọn Của Nước Nga với tỷ số gần hai đối một.

Nhiều khách khứa giờ đây rời khỏi tầng hầm đang có tiệc, nhưng Boxer vẫn ở lại bên điện thoại với hy vọng người Siberia có thể có tin tốt đẹp hơn. Nhưng đến 11 giờ tối, thì rõ ràng đảng của Zhirinovsky cũng đang dẫn đầu tại Siberia.

Đến nửa đêm, các nhân viên của chiến dịch Lựa Chọn Của Nước Nga nhận được một kết quả từ Alexandrov ở *oblast* Vladimir, nơi bầu cử thứ nhất từ vùng gần Moscow. Kết quả là 40 phần trăm cho đảng của Zhirinovsky và chỉ có 16 phần trăm cho Lựa Chọn Của Nước Nga. Các tin này gây ra một làn sóng hốt hoảng. Như vậy giờ đây cho thấy rõ những tin tức sớm nhận được trước đây không phải là một sự may rủi. Zhirinovsky đã vận động mạnh mẽ khắp nước.

Nhân viên làm việc còn đang chờ kết quả từ vùng sông Volga và vùng Urals với hy vọng kết quả ở các nơi này có thể vô hiệu hóa sức mạnh của Zhirinovsky ở Siberia.

Các nhân viên của chiến dịch quan sát đảng tại điện Kremlin, nhận thấy Zhirinovsky và các cộng sự viên của ông ta giờ đây tỏ ra rất lạc quan và vui vẻ, đi khắp trong sảnh đường, thân mật vỗ vai nhiều người. Boxer cũng ngạc nhiên nhận thấy nhiều nhà trí thức tự do cũng bắt tay ông ta. Maximova, người đang gặp nhiều khó khăn nhưng tiếp tục mỉm cười nói với thính giả, "Chúng ta đừng chỉ nghĩ đến chính trị nữa. Chúng ta hãy vui lên đi." Tuy nhiên, lúc ấy, Yuri Karyakin, một nhà phê bình văn học và ủng hộ Yeltsin, được một nhiếp ảnh viên phỏng vấn, la lên, "Có phải nước Nga đã không còn trong đầu óc các ông nữa phải không?"

Cuối cùng, Boxer rời bỏ chỗ ngồi và máy điện thoại, nhập cùng đám đông trong căn hầm đang uống nhiều rượu. Không lâu sau 1 giờ chiều, Gaidar đến và Boxer nhận thấy mặt ông ta thất

sắc và rõ ràng có vẻ chán nản. "Thôi được, Volodya," ông nói, "ông có nghĩ rằng chúng ta đã thất bại hoàn toàn không?"

"Tôi không biết," Boxer trả lời, "Tại Moscow, chúng ta chắc chắn đã thắng. Nếu chúng ta có thể nhận được đủ phiếu của các nơi còn lại trong nước, thì chúng ta có thể tránh được thất bại."

Nhân viên chiến dịch đứng sát nhau nói chuyện thì thầm về vấn đề có thể chắc chắn là Zhirinovsky sẽ thắng. Không ai chắc chắn được gì cả, nhưng nhiều người bắt đầu so sánh sự thắng lợi của Hitler năm 1932 trong cuộc bầu cử nghị viện Reichstag<sup>1</sup>.

Trong lúc không khí buồn rầu càng nặng nề, số người dự tiệc dần dần rút đi cho đến lúc 3 giờ sáng, chỉ còn lại khoảng hai mươi lăm người trong phòng. Một nhóm nhỏ, gồm có Golovkov hát lên các bài hát cách mạng, mà chỉ có những người trong nhóm biết được mà thôi.

Họ hát bài hát Nội chiến được chấm dứt bằng điệp khúc, "Tôi chết một cách lương thiện cho công nhân." Họ hát bài của phim Chapayev, trong đó Chapayev, một chỉ huy Hồng Quân, nhìn mấy con quạ và nói:

*Quạ đen oii, quạ đen  
Đừng bay quây quần trên đầu ta  
Bạn bây không có chiến lợi phẩm đâu  
Quạ đen oii, ta đã được tự do rồi.*

Cuối cùng, những người bị choáng váng với chủ trương cải cách hát lên những câu hát khác của thời nội chiến:

*Bạch quân, hắc nam tước  
Hãy chuẩn bị cho chúng ta một ngai Nga Hoàng  
Nhưng từ vùng taiga đến biển Anh quốc  
Hồng Quân hùng mạnh nhất.*

<sup>1</sup> Reichstag: Nghị viện Đức ở Berlin (1867-1945) bị đốt cháy do âm mưu của Hitler để cấm đảng cộng sản Đức hoạt động.

## LỜI BẠT

THÁNG HAI, 1993

TRONG CƠN TUYẾT RƠI NHE, Moscow có vẻ như lạc lõng trong màu trắng, màu trắng của một nền trời trống rỗng, vô tận, sương mù che mờ các cao ốc. Tuyết bay phủ trên nóc và chất thành đống trên đường phố. Trong cơn bão tuyết cuồng loạn, dân chúng cố phấn đấu với các bao và các bó dây, bước đi nặng nề dọc theo các đường mòn tuyết không được xúc. Các cành cây nặng trĩu tuyết và bên ngoài vách kính các quán cà phê bị sương mù đong đặc che phủ. Xe buýt chạy lắc lư, rung chuyển trên đường phố và hàng chục cửa sổ các ngôi nhà chọc trời kiểu gô-tích phản chiếu màu vàng cam của mặt trời miền bắc.

Tôi không có việc gì khẩn cấp tại trung tâm thủ đô Moscow trong buổi sáng đặc biệt hôm nay, nhưng với sổ thông hành sắp hết hạn, tôi đã quyết định đi đến tòa Đại sứ Hoa Kỳ để xin gia hạn. Tôi lên xe điện ngầm đi từ Kolomenskaya đến trạm Mayakovskaya và xuống xe đi lên mặt đường, đi bách bộ dọc theo đường vành đai Sadovoye đến một tòa nhà cũ kỹ nằm trên đường Tchaikovsky.

Lẽ dĩ nhiên, thời gian đã thay đổi. Không còn những người Nga hấp tấp đi ngang qua tòa Đại sứ Hoa Kỳ, mắt nhìn thẳng tới trước vì sợ các lính canh để ý nữa. Bây giờ thì một hàng dọc dài những người đang đứng chờ ngoài cửa để xin chiếu khán. Tôi lấy sổ thông hành ra và đưa trình cho một lính gác mặc chiếc áo choàng màu xám.

Có một lúc ngập ngừng do dự. Có một cái gì như quen thuộc đối với người lính gác này, một người to lớn có bộ râu mép. Có thể tôi đã gặp anh ở một nơi nào đó chăng?

"Ông Satter," anh lính gác nói, không buồn nhìn vào sổ thông hành của tôi, "bao nhiêu mùa hè, bao nhiêu mùa đông? Ông biết, tất cả chúng tôi đều vui sướng thưởng thức các bài tường thuật của ông."

Thình lình tôi sực nhớ noi đã gặp anh trước đây. Lúc ấy là đầu thập niên 1980. Một đám đông người nước ngoài nhìn trong khi người đối thoại với tôi và nhiều lính gác khác lôi kéo trên đường một người dân Xô-Viết đi đến một ngôi nhà sưởi ấm ở góc phố. Người đàn ông bị lôi kéo này đã cố chạy vào tòa đại sứ. Anh la hét, "Tôi muốn tự do," nhưng không phải là tự do anh mong được ban cấp, mà lại là sự đánh đập và sau đó, được đưa đi "chữa bệnh" ở một bệnh viện tâm thần.

"Anh đã vui thích với những tường thuật của tôi à?" tôi hỏi.

"Lẽ dĩ nhiên," anh trả lời và vẫn mỉm cười, làm như kinh nghiệm của những người ly khai đã tạo ra được một tình cảm gắn bó giữa chúng tôi. "Tôi nhớ ông là người đầu tiên đã tường thuật về biến cố chiến tranh vi trùng ở Sverdlovsk.<sup>1</sup> Ông ở đâu vậy?"

Tôi giải thích, tôi đã ở tại Hoa Kỳ và Pháp, nhưng giờ đây tôi đang ở tại Moscow trong một thời gian vô hạn.

"Nay đã có nhiều người Hoa Kỳ ở đây," anh nói.

"Phải, nay là một kỷ nguyên mới."

"Vâng," anh nói và cười vui vẻ, "được thấy ông trở lại là tốt rồi."

**TRÍ ÓC CON NGƯỜI** là một sự kỳ diệu. Khó mà nô dịch hóa nó hoàn toàn và hơn nữa, làm sao chúng ta được sẵn sàng để tự làm tê liệt chính mình một khi xã hội đòi hỏi. Người lính gác là công

<sup>1</sup> Tháng Tư 1979, một tiếng nổ tại một nhà máy bí mật sản xuất vi trùng cho chiến tranh ở Sverdlovsk làm thoát hơi độc *anthrax* giết người bằng vi khuẩn trong không khí, làm chết nhiều người. Tháng Ba 1980, tôi có viết một bài tường thuật cho tờ báo *Financial Times* về vụ này căn cứ vào những nguồn tin tức không chính thức mà sau này được xác nhận là đúng.

Liên Xô-Viết cũ duy nhất đã sống trong nhiều năm trên hai giai tầng, chia sẻ trong trạng thái tâm lý của chế độ bằng một phần của ý thức mình, trong khi nhận thức thực tế một cách bình thường với phần còn lại. Chỉ dưới tác động của tự do thông tin do chính sách “glasnost” đề ra mà anh và nhiều công dân khác bắt đầu vứt bỏ các vai trò ý thức hệ của mình, và chính quá trình này hơn bất cứ gì khác, đã đưa dân Liên-Xô đi đến sụp đổ.

Trong những năm Liên-Xô đe dọa toàn thế giới, người ta thường lầm tưởng, sức mạnh của nó không tùy thuộc vào truyền thống, vào sự đồng tâm nhất trí, hoặc vào một hệ thống luật pháp hữu hiệu, mà do vẻ đáng tin cậy của một ý niệm có khả năng chia cách ý thức của người dân Xô-Viết, và làm cho sự trung thành chính trị thành một vấn đề gần như là một đức tin bán tôn giáo.

Trong khung cảnh chế độ Xô-Viết, người ta không mấy quan tâm đến việc nhiều người dân đã ngờ vực về ý thức hệ hoặc chỉ chấp nhận nó phần nào mà thôi. Điều quan trọng là ý thức hệ định nghĩa rõ các phạm trù trí thức căn bản cho đại đa số dân chúng và, theo hướng này, đã dẫn dắt một quốc gia vĩ đại đi tìm những tuyệt đối tinh thần theo nhu cầu của nhà nước.

Ý thức hệ vững mạnh vì nó cung ứng một giải pháp cho chủ thuyết không thể biết<sup>1</sup> hiện đại của thế kỷ hai mươi.

Trong tình hình khoa học đã ngầm phá đức tin của tôn giáo được khai sáng, chủ nghĩa Mác-Lê đã đề ra một hình ảnh thực tế đơn giản hơn và thích hợp hơn cả chính thực tế nữa. Và một khi người dân đã học được các nguyên lý cơ bản của nó, thì họ không bao giờ còn nghi ngờ gì khác nữa. Đồng thời, việc bác bỏ ý thức hệ đã là vô cùng khó khăn rồi. Các sự kiện thực tế không ích lợi gì cả, bởi lẽ, với sự trợ giúp của lý luận biện chứng, mọi hiện tượng có vẻ mâu thuẫn với nó thì đều có thể bị giải thích như một quá trình biến thành đối nghịch với nó.

---

<sup>1</sup> Thuyết không thể biết (*agnosticism*), một chủ thuyết có triết lý cho rằng cái tuyệt đối không thể được trí óc con người biết được và chủ trương hoàn toàn không biết đến những gì liên quan đến bản chất thâm kín, nguồn gốc, và số phận của mọi vật.

Có lẽ còn quan trọng hơn nữa là ý thức hệ đã tạo được một ý nghĩa có dụng đích. Người dân Xô-Viết được hiểu là đang góp phần vào một công trình lịch sử vĩ đại, vào sự xây dựng chủ nghĩa cộng sản rồi. Tác dụng của sự đánh lừa này là tạo ý nghĩa cho những cuộc sống thường thì ảm đạm và không định hướng.

**SỰ ỔN ĐỊNH CHÁNH TRỊ** của Liên-Xô tùy thuộc ba yếu tố: sự thiếu vắng một cuộc xung đột quốc gia nghiêm trọng, một giai cấp công nhân bị động, và sự đoàn kết cấp lãnh đạo ưu tú. Tất cả các điều kiện này đã được ý thức hệ bảo đảm, và tất cả đều đã bị chánh sách glasnost ngầm phá hoại.

Từ nhiều năm rồi, nội dung chính của ý thức hệ là chủ nghĩa xã hội, đó là cao điểm hợp lý của lịch sử quốc gia và của các truyền thống của mỗi dân tộc đã sống trên lãnh thổ Liên-Xô. Với chánh sách glasnost bắt đầu, tuy nhiên, điều này đã trở thành không thể chịu đựng được nữa. Khái niệm cho rằng các cộng hòa vùng baltic tự nguyện gia nhập Liên-Xô không thể phù hợp với các chi tiết của các nghị định thư bí mật của Thỏa hiệp Molotov-Ribbentrop, và ý niệm một Liên-Xô như là một khối thịnh vượng chung các quốc gia bình đẳng với nhau không còn có nghĩa lý gì trước bối cảnh các nạn đói giả tạo ở Ukraine làm thiệt mạng hàng triệu người.

Tin tức mới gây cảm hứng cho tổ chức các phong trào quốc gia. Các nhà cầm quyền địa phương đã phản ứng bằng cách thành lập các mặt trận bình dân để yểm trợ chánh sách perestroika, nhưng, sự nổ tung từ trong ý thức hệ đã để lại một khoảng không tâm lý mà chỉ có chủ nghĩa quốc gia mới có thể trám vào, và các nhà tổ chức nguyên thủy được thay thế bởi những người bảo vệ các quyền lợi quốc gia chứ không phải quyền lợi Xô-Viết.

Ý thức hệ Xô-viết cũng được khắc sâu vào tâm trí công nhân, cho rằng họ được an toàn hơn và nói chung, họ được sống tốt lành hơn các đối tác của họ ở Tây Phương. Tuy nhiên, sự trái ngược thường kỳ quái giữa niềm tin của công nhân vào công bằng xã hội và điều kiện sống thực tế của họ, không còn có thể tồn tại

khi chánh sách glasnost bắt đầu được áp dụng. Công nhân xem phim thấy được các hình ảnh các siêu thị tại Hoa Kỳ và nhận ra rõ đây là tình trạng dư thừa mà đáng lý chủ nghĩa cộng sản đã cung ứng tại Liên-Xô.

Sau cuộc đình công mỏ ngày 10 Tháng bảy 1989, tại Mezhdurechensk Miền Tây Siberia, hành động đã lan tràn ra khắp các vùng mỏ than trong nước; tính tự phát và nhất trí của cuộc đình công đã chứng minh thực tế ý thức hệ đã mất hết sức mạnh của nó.

Sức mạnh của ý thức hệ trước năm 1985 cũng bảo đảm được tính thống nhất của đảng. Tuy nhiên, các nỗ lực của Gorbachev dùng chánh sách glasnost để huy động dân chúng chống lại những người đối lập bảo thủ, đã làm cho các đảng viên có xu hướng cải cách trước đây không thể bênh vực cho một thế đứng độc lập, có thể tìm được sự trợ giúp trong các hàng ngũ cao cấp hơn. Kết quả là sự phân hóa giữa phe bảo thủ và phe cải cách ở mọi cấp, bắt đầu gia tăng trầm trọng. Kết quả, ý thức hệ nguyên nhằm hướng dẫn mọi khía cạnh của đời sống nay đã không còn có thể hướng dẫn ai được nữa, ngay cả đảng Cộng sản.

**KHI BẮT TAY** vào việc cải cách ở Liên-Xô, ông Gorbachev đã hành động trong bối cảnh của nhiều năm kinh nghiệm của bộ máy đảng đã tạo cho ông quan niệm cho rằng ý thức hệ là một kỹ thuật vận dụng con người. Do đó, ông không nhìn thấy đối với phần lớn dân chúng Xô-Viết, ý thức hệ là một đối tượng của đức tin. Đây chính là điều đưa ông đến hành động can thiệp gây xáo trộn đức tin chính thống của các công dân Xô-Viết.

Tuy nhiên, một hệ thống chánh trị thần quyền không dễ gì mà thích nghi với một tái cấu trúc dựa trên một học thuyết chánh trị. Cố gắng duy trì cơ cấu một nhà nước lý tưởng không có một hệ tư tưởng, Gorbachev bắt đầu một quá trình chỉ có thể chấm dứt hoặc với sự chấm dứt cải cách hoặc với sự sụp đổ của Liên-Xô mà thôi, vì lẽ một khi dân chúng không còn tin tưởng ý thức hệ

độc tài, chắc chắn họ cũng không còn muốn sống dưới các cơ chế ấy nữa.

Mác tin rằng sự sống quyết định ý thức, nhưng không nơi nào được nhận thấy rõ hơn ở Liên-Xô, nước Mác-xít đầu tiên trên thế giới, là ý thức đã quyết định sự sống. Tại Liên-Xô, tâm trí con người được khắc sâu bằng một ý thức sai lầm và bị nô dịch hóa bởi ý thức ấy.

Trong khung cảnh đó, chánh sách *glasnost* chỉ có thể hủy diệt bộ máy chánh quyền Xô-Viết. Không phải bất cứ một sự phát hiện nào cũng tỏ ra nguy hiểm đối với chế độ; chỉ có chính ý tưởng thông tin nhiều sự thật mới có thể làm tan vỡ hệ thống lừa bịp tập thể, xem chế độ như một trọng tài cuối cùng của chân lý và hệ thống chánh quyền Xô-Viết như một hiện thực lịch sử của số mệnh nhân loại, trong đó, mỗi công dân đều có đặc quyền tham dự.

Thành lập Liên Bang Xô-Viết, các đảng viên Bôn-sô-vích chấp nhận tất cả ba sự cám dỗ mà Chúa đã bắc bỏ, cho là hoang dã. Nhưng họ nhận được sự trung thành của dân chúng Xô-Viết bằng cách che giấu sự thật là họ làm như thế để bảo vệ cho quý Sa-tang. Liên-Xô sụp đổ, vì khi mà dân chúng bị lừa dối quá lâu, nhận thấy, qua kết quả của chánh sách *glasnost*, ai là người đang được họ phục vụ thật sự, và dân chúng đã vứt bỏ sự cău thúc tinh thần và trí tuệ của họ cho một hệ thống chánh quyền tội ác để bắt đầu đi tìm những thần tượng khác.

**MỘT VÀI TUẦN SAU** việc xảy ra bên ngoài Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, tôi nhìn một đám đông nhỏ tập hợp quanh linh mục Dmitri Dudko trong sân nhà thờ Thánh Nicolai ở Cherkizova, cách Moscow sáu mươi dặm.

Năm 1980, linh mục Dudko bị bắt vì tội xách động chống Xô-Viết với những lần trần thuyết thảng thắn của ông, và một thời gian ngắn sau đó, ông đã gây kinh ngạc cho giới trí thức Moscow khi xuất hiện trên đài truyền hình tuyên bố từ bỏ các "hoạt động chống Xô-Viết". Sau khi được trả tự do từ khám

đường Lefortovo, ông đi ẩn dật và tránh tiếp xúc với các "đứa con tinh thần" của ông. Cuối cùng, ông được chỉ định đến một nhà thờ hẻo lánh và hiện nay, cũng như nhiều con chiên trong giáo khu của ông, đang cố đi tìm một con đường mới.

"Nè Batushka, xin cho tôi biết," một bà lão còng lưng nói, "làm sao chúng ta có thể đối phó với các con mẹ phù thủy xấu xa và những người chữa lành đức tin?"

"Ma thuật và thờ quỷ Sa-tăng," Linh mục Dudko trả lời, "cũng xấu xa như chủ nghĩa Bônsôvich. Họ có thể giúp đỡ cho thể xác, nhưng kết quả là cái chết của linh hồn." Một bà khác hỏi tại sao có quá nhiều chứng nghiện rượu.

"Say rượu là một dấu hiệu mất niềm tin ở Chúa. Uống rượu làm cho chúng ta quên đi thực tế tàn nhẫn, nhưng cách duy nhất để giải quyết tình trạng bi thảm này là phải do Chúa. Vì cái mà chúng ta không đạt được ở cõi đời này, đó là sự sống bất diệt."

Với câu hỏi sự chết là gì, ông nói, "Chết không phải là sự chấm dứt của sự sống con người; nó chỉ là một cuộc từng trải của chúng ta trên thế gian này, một cuộc đi đầy đau khổ, để sang một thế giới khác, một thế giới sẽ không còn đau khổ, thử thách gay go và lo lắng."

Linh mục Dudko có vẻ mệt nhọc. Đã có một thời gian dài kể từ khi dân chúng đến xin ông dùu dắt.

Một tín đồ nói bà ta chữa bệnh bằng những câu thần chú.

"Bà làm thế nào được như thế?" Linh mục Dudko hỏi.

"Trước hết, tôi đọc những câu kinh cầu nguyện của Chính Thống Giáo; sau đó, tôi thêm vào các câu thần chú của chính tôi."

"Bà hãy từ bỏ những câu thần chú ấy đi."

"Nhưng như thế là hủy diệt cái phép của nó sao."

"Nếu không," Linh mục Dudko nói, "thì bà phải ngưng ngay sự chữa bệnh của bà."

"Chúng ta phải có thái độ nào đối với người Cộng Sản chấp nhận tôn giáo?", một tín đồ khác hỏi.

"Trong số những người Cộng sản, có nhiều người tốt," Linh mục Dudko nói. "Chủ nghĩa Cộng Sản không thể đi sâu vào tâm

hòn. Dân chúng nói họ tin chủ nghĩa Mác-Lê, nhưng chủ trương duy vật không làm họ thỏa mãn."

Nhóm người theo linh mục Dudko vào phòng của linh mục trong một nhà nhỏ cạnh nhà thờ. Buổi trao đổi hỏi và trả lời tiếp tục đến khuya. Bên ngoài, vành trăng chiếu sáng lớp tuyết. Các ngọn lửa trong lò sưởi đốt gỗ đang cháy liếm qua các khúc gỗ và nhóm người sống sót này của Liên-Xô nghi ngò nhìn về tương lai với vẻ vừa bối rối vừa hy vọng.

## TRI ÂN

Nước Nga không muốn ngồi cho người họa chân dung của mình, điều này chưa bao giờ được phô bày rõ hơn suốt trong những năm mà tôi thực hiện quyển sách này.

Tôi bắt đầu thu nhặt tin tức kể từ năm 1979, trong lúc làm việc tại Moscow cho tờ Financial Times của London trong những điều kiện của một nước cảnh sát trị. Tôi cố khai triển quyển sách trong lúc Liên Xô đang chịu đựng sự đổi thay cách mạng và tôi chỉ hoàn thành nó sau khi Liên Xô không còn nữa. Trong một loạt tình huống ấy, quyển sách này không thể được ra đời mà không có sự giúp đỡ của nhiều cá nhân cũng như nhiều tổ chức.

Người thứ nhất tôi nhớ ơn là J.D.F. Jones, nguyên giám đốc và chủ bút tờ Financial Times, người đã giúp cho tôi việc làm thay cho việc cảnh sát tuần đêm ở Chicago, nhờ đó, tôi đã trở thành thông tín viên cho báo Financial Times ở Moscow. Tôi nợ ông không những với việc làm này mà còn được ông nuôi dưỡng trong bầu không khí thông thái và lịch sự của tờ báo, và cho việc ông đã cùng với Bộ Ngoại Giao Anh quốc bênh vực cho tôi khi nhà cầm quyền Xô-viết tìm cách trục xuất tôi năm 1979. Trong cuộc chạm trán này, tôi cũng đã được Bộ Ngoại Giao Hoa kỳ tận tình bênh vực.

Ở Moscow, trong khoảng thời gian từ 1979 đến 1982, tôi đã được sự giúp đỡ, của một nhóm phụ tá mà nhiều người hiện nay đã thành đồng nghiệp, trong việc gop nhặt tin tức và bảo vệ các cộng sự viên Xô-viết của tôi. Marie Broxup, một chuyên gia về các vấn đề Xô-Viết người Anh và phụ tá của tôi năm 1978-79, đã khuyến khích tôi viết sách mô tả tính cách siêu thực của đời sống ở Liên Xô. Deborah Seward, hiện làm việc cho Associated Press, phụ tá của tôi trong những năm 1980-82, đã cung ứng cho

tôi sự trợ giúp đắc lực qua việc ghi chép các lời nhân chứng, sắp xếp tài liệu, điều hợp các cuộc di chuyển của tôi, luôn luôn để mắt làm tối thiểu hóa sự hiện diện của chúng tôi đối với cảnh sát chìm. Debbie đã được Marie Iovanovitch, Lucia Perez-Moreno, và Jane Tempest giúp đỡ.

Tôi cũng được sự giúp đỡ của một nhóm bạn bè trung kiên trong việc bảo vệ tài liệu cho dự án này, đó là Sigridur Snaevarr và Petrina Bachmann nhân viên của Tòa Đại sứ Iceland, Geneviève Meillasoux thuộc Tòa Đại sứ Pháp, Morris "Bud" Jacobs, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, và Strobe Talbott ở Hoa Kỳ.

Tôi cũng nhận được sự giúp đỡ từ nhiều bạn bè Xô-Viết. Felix Serebrov, Vyacheslav Luchkov, Irina McClellan, và Arkady Shapiro, tất cả đã nỗ lực tìm những người có kinh nghiệm lý thú cho tôi. Trong những tháng trước ngày bị bắt hồi tháng Giêng 1981, Serebrov, một thành viên của Ủy Ban Thường Vụ về Lạm Dụng Bệnh Tâm Thần, đã giới thiệu tôi cho Alexei Nikitin, Anatoly Koryagin, Alexander Shatrevka và Adolph Muhlberg, tất cả đều là những nhân vật nổi bật trong các trang sách này.

Tôi cũng muốn tỏ lời cảm ơn Roy Medvedev, sử gia Mác-xít, mặc dù có những bất đồng với nhau, đã tận tâm bỏ nhiều giờ giải thích hệ thống chính quyền Xô-viết cho tôi và đã vị tha cung cấp cho tôi những kết quả công trình nghiên cứu của ông, bao gồm những tin tức quan trọng và nguyên thủy.

**SAU KHI RỜI KHỎI MOSCOW**, tôi đã nhận được một số trợ khoản thiết yếu giúp cho sự chi dùng của tôi. Năm 1984, tôi đã nhận được học bổng nghiên cứu sinh của tổ chức John Simon Guggenheim Memorial Foundation và sau đó là trợ cấp của tổ chức Lynde and Harry Bradley Foundation, Smith Richardson Foundation, Earhart Foundation và the U.S. Institute of Peace. Quyển sách này có thể đã không được hoàn tất nếu không có những trợ giúp hào phóng và đúng lúc này.

Tháng Mười Một năm 1986, tôi cũng đã giảng dạy tại Kennan Institute of Advanced Russian Studies tại Washington, D.C., trong một tháng như là một học giả đoản thời.

Trong lúc nghiên cứu ngoài lãnh thổ Liên Xô, tôi đã được lợi ích trong việc sử dụng các tài liệu của Radio Liberty ở Munich, nhất là văn khố samizdat, một nguồn tin tức dồi dào về những mô tả đầu tay tình trạng ở Liên Xô. Tôi cũng ghi ơn Peter Dornan, Mario Corti và Suzanne Frank, những người thuộc bộ samizdat đã giúp đỡ tôi, Ivanka Rebet, người quản thủ thư viện của đài Phát Thanh Tự Do (Radio Liberty).

Trong những năm biên soạn sách này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ quý báu của nguyệt san Reader's Digest và Foreign Policy Research Institute ở Philadelphia.

Bắt đầu từ năm 1986, các chủ bút tờ Digest đã kêu nài Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cấm các nhà báo Xô-viết nhập cảnh Hoa Kỳ để trả đũa Liên Xô lúc ấy đã thi hành lệnh cấm không cho tôi được nhập cảnh Liên Xô. Kết quả trực tiếp của biện pháp trả đũa này là nhà cầm quyền Liên Xô đã cấp chiếu khán nhập cảnh cho tôi, và tôi đã đến được Liên Xô vào những năm 1986 và 1988 mặc dù tôi vẫn còn là persona non grata (người không được chấp nhận). Năm 1990, tờ Digest đã đe dọa hủy bỏ bản in tiếng Nga của tạp chí trừ khi tôi được phép nhập cảnh Liên Xô, và trước tối hậu thư này, cộng thêm áp lực của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, tôi đã được cấp một chiếu khán nhập cảnh cho nhiều lần.

Ngoài việc bênh vực cho tôi, báo Digest đã thu dùng tôi. Tôi được giao cho viết đều đặn một số đề tài thời sự Xô Viết trong những năm 1990, 1991 và 1992, và chính với nhiệm vụ này đã giúp tôi có thể phát triển quyển sách đề cập đến chính sách perestroika và hậu perestroika. Tôi đặc biệt biết ơn cựu chủ bút Ken Gilmore, chủ bút Ken Tomlinson, chánh văn phòng Bill Schulz ở Washington, chủ bút điều hành Chris Willcox, và nguyên chủ bút quốc tế J.D. "Dimi" Panizza, đã giúp đỡ và khuyến khích tôi.

Năm 1990-91, tôi là nhân viên Thornton D. Hooper tại Viện Nghiên Cứu Chánh Sách Ngoại Giao; vào năm ấy và những

năm kế tiếp, tôi đã sống ở Washington, nhưng làm việc một phần trong tuần ở Philadelphia. Với sự hợp tác và ủng hộ của Viện NCCSNG, tôi nhớ ơn Daniel Pipes, nguyên giám đốc viện và Alan Luxenburg, một giám đốc cộng tác. Tôi cũng nhận được sự giúp đỡ và tình bạn của Ross Munro, Adam Garfinkle và Judith Shapiro, tất cả đều là đồng nghiệp của viện NCCSNG, và được sự giúp đỡ to lớn của Kristen Cooper, phụ tá nghiên cứu của tôi tại viện này, đã bỏ nhiều giờ đánh máy và hệ thống hóa các ghi chép của tôi.

Năm 1992, tôi rời khỏi viện và đến ở Moscow một năm. Chính tại đây, tôi nhận được sự giúp đỡ vô hạn của Olga Printseva, một nhà khoa học Nga mà tôi đã gặp một năm trước đây. Olga cùng tôi trở lại Hoa kỳ tháng bảy 1993, và chúng tôi đã thành hôn với nhau một năm sau đó.

Tháng Giêng 1993, tôi trở lại Hoa kỳ trong một thời gian ngắn và đã được tái ngộ cùng David Edwards, một người bạn từ những ngày còn là sinh viên cao học tại Oxford University. Lúc ấy, những nguồn tài chính của tôi hầu như kiệt quệ, và David đã tìm cho tôi những công việc trả lương hậu, nhờ đó mà tôi đã hoàn thành được quyển sách. Món nợ của tôi đối với anh không thể tính nổi.

Ở những giai đoạn cuối cùng của quyển sách, tôi đã tiếp nhận được nhiều lời bình phẩm và đề nghị của nhiều bạn bè và đồng nghiệp đã đọc hết hoặc một phần bản thảo. Tôi xin tỏ lời cảm ơn Vladimir Voinovich, John Lloyd, Nancy Lippincott, Mikhailo Mikhailov, Marshall Brement và Charlotte Ballard.

Hơn tất cả, tôi đã được ơn ích từ sự kiên nhẫn, hợp nhất và hướng dẫn của Ashbel Green, chủ bút của tôi tại nhà xuất bản Alfred A. Knopf, Inc.

Tôi muốn cảm ơn Akexander Shatrvka đã cho phép tôi sử dụng tài liệu của bản thảo không xuất bản của ông có tựa đề "Những ghi chú từ bụng của bọn ăn thịt người," đã được viết lại dưới một tựa đề khác "Trên đường đến Hoa kỳ."

Tôi cũng muốn tri ân Marie-Helene Gugenheim về sự giúp đỡ của bà trong những năm đầu tiên của việc viết sách này,

và cảm ơn hai đứa con lớn của tôi, Raphael và Claire, đã vui vẻ chấp nhận những ràng buộc mà việc biên soạn quyển sách này đã tạo nên đối với cuộc sống của chúng tôi. Tôi mang một món nợ ơn nghĩa đối với Gershon Braun, Michael Seidman, Andrew và Christina Nagorski và Carol Brickey cho tình thân hữu và sự hợp nhất, cũng như đối với tất cả những người bạn khác, có hay không có tên trong những trang sách này, những người đã đặt tin tưởng nơi tôi suốt trong nhiều năm mong đợi tôi hoàn thành quyển sách này.